

MA VĂN KHÀNG

100 truyện ngắn 1

Truyện ngắn



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN



MA VĂN KHÁNG

Họ và tên khai sinh: Đinh Trọng Đoàn

Bút danh: Ma Văn Kháng

Sinh ngày: 1/12/1936

Quê quán: Phố Kim Hoa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Giải thưởng Văn học:

- Giải thưởng Văn học Đông Nam Á (ASEAN) 1998
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 năm 2001
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt 4 năm 2012

Các tác phẩm đã xuất bản:

- **Tiểu thuyết** (18 cuốn): *Đồng bạc trắng hoa xòe*, *Mùa lá rụng trong vườn*, *Đám cưới không có giấy giá thú*, *Một mình một ngựa*, *Chim én liệng trời cao...*
- **Truyện ngắn:** *Tuyển tập 100 truyện ngắn...*
- **Hồi ký:** *Năm tháng nhọc nhằn*, *năm tháng nhớ thương*
- **Tiểu luận văn học:** *Phút giây huyền diệu*; *Nhà văn, anh là ai?*

MA VẮN KHÀNG

100 truyện ngắn ❶

100 TRUYỆN NGẮN MA VĂN KHÁNG 1

Bản quyền tác phẩm © Ma Văn Kháng và Công ty TNHH TM & DV Văn hóa Đình Tị, 2016

Trong thời hạn hợp đồng xuất bản độc quyền giữa tác giả cuốn sách với Công ty TNHH TM & DV Văn hóa Đình Tị, mọi hoạt động công bố, xuất bản, trích đăng... tác phẩm dưới mọi hình thức mà chưa được Đình Tị đồng ý đều bị coi là xâm phạm bản quyền.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Ma Văn Kháng

100 truyện ngắn Ma Văn Kháng : Truyện ngắn / Ma Văn Kháng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn ; Công ty Văn hoá Đình Tị. - 24cm

T.1. - 2017. - 528tr.

1. Văn học hiện đại 2. Truyện ngắn 3. Việt Nam

895.922334 - dc23

HVK0032p-CIP

MA VĂN KHANG

100 truyện ngắn ①

*(Tập truyện được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh
về Văn học Nghệ thuật đợt 4 năm 2012)*

Truyện ngắn



ĐINH TÍ



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Mấy lời thưa cùng bạn đọc

Truyện ngắn đầu tay của tôi là truyện *Phố cũt* in trên báo *Văn học*, tiền thân của báo *Văn nghệ* ngày nay, tháng 3 năm 1961. Từ bấy đến nay đã là trên năm mươi năm. Trên năm mươi năm tôi vẫn chung thủy một cuộc tình với một thể loại tự sự khó viết hay nhất trong cái gọi là văn xuôi nghệ thuật.

Có được một truyện ngắn hay với tôi bao giờ cũng là một thử thách, một ước ao, một run sợ, run sợ trước cái nghiệt ngã của hoàn cảnh; muốn làm một cái gì đó thật thỏa sức trong một khuôn khổ eo hẹp. Run sợ vì năng khiếu nữa! Viết truyện ngắn hơn một lần đòi hỏi phải có khiếu năng riêng. Bởi vì đã có những lúc tưởng như có nó trong tay rồi mà hóa ra mình tự lừa mình. Vì đã đầy đủ tất cả, nào cốt truyện, nào tình tiết, nào nhân vật, nào ngôn ngữ... mà vẫn thấy thiếu thiếu một cái gì đó như là thiếu một linh hồn quanh quất ám ảnh, cái tạo ra duyên, tạo ra trường hấp dẫn, tạo ra hương vị, phẩm chất văn học đích thực.

Khó lắm! Cái đẹp của truyện ngắn muôn màu là cái đẹp của chính cuộc sống luôn hiện ra như một thực thể không đáy và mình luôn là kẻ phải mò mẫm dò tìm. Dò tìm trong say mê thì may ra mới thấy được. Vâng, tôi đã thật sự là say mê với thể loại rất đáng trút tất cả say mê đời mình vào nó. Dầu vẫn biết rằng chế ngự mình luôn là một cảm giác bất lực.

Nhưng mà thôi, đã gọi là tình yêu thì tại sao lại không dốc lòng mà thi thố tỏ bày! Tôi đã thi thố và tỏ bày một cách chân thành. Và thú thực tôi đã rất trân trọng, nâng niu những gì tôi đã làm ra. Chẳng hạn, đó là những *Vệ sĩ của quan châu; San Cha Chải, Hoa gạo đỏ; Seo Ly, kẻ khuấy động tình trường; Bò nông ở biển; Một chiều đông gió; Heo may, gió lộng; Chim di trú vừa bay vừa ngủ; Trái chín cây; Chuyến dò ngang cuối ngày...* Bởi vì dấu thế nào thì chúng cũng đã có mặt trên trang sách, đọc chúng thấy không khí ảnh hình màu sắc một thời đã qua. Bởi vì chúng có mang dấu ấn riêng của tôi, những dấu ấn cả hay lẫn chưa hay và kể cả dở nữa.

Cuối cùng, tôi không thể không xin được bày tỏ ở đây lời cảm ơn với Nhà xuất bản Hội Nhà văn và Công ty TNHH TM & DV Văn hóa Đình Tị, một địa chỉ văn học tin cậy và yêu mến, đã giúp tôi thực hiện tuyển lựa, in ấn và phát hành bộ sách 100 truyện ngắn chọn lọc trong số những truyện ngắn tôi đã viết trong nửa thế kỷ vừa qua, ước ao lớn nhất của một đời văn của tôi.

Ma Văn Kháng

Khi nhà văn đào sâu vào bản thể tâm hồn (Về truyện ngắn Ma Văn Kháng)

Truyện ngắn Ma Văn Kháng có hình hài, diện mạo rất riêng. Không nên nghĩ thể loại chỉ là câu chuyện hình thức mà trước hết là vấn đề nội dung. Nó thể hiện một thái độ, một cách cắt nghĩa, một kiểu quan hệ của nhà văn với con người và đời sống.

Có người viết văn cứ y như là để phán truyền, để tiên tri, để nói lời đầu tiên và cũng là lời cuối cùng về thế giới. Họ xuất hiện trước độc giả với rất nhiều tư cách, nhưng người đọc thật khó nhận ra tư cách nhà văn, tư cách nghệ sĩ trên những trang viết của họ. Tôi gọi những nhà văn như thế là những cây bút nghiệp dư. Mà đã là cây bút nghiệp dư thì dẫu có năng khiếu bẩm sinh, dù viết nhiều, viết khỏe bao nhiêu, nhà văn vẫn thường phải mô phỏng, bắt chước những khuôn mẫu, hình thức thể loại có sẵn.

Truyện ngắn Ma Văn Kháng có diện mạo, hình hài riêng, vì ngay từ những sáng tác đầu tay, người cầm bút đã đến với người đọc trong tư cách một nhà văn có ý thức về chỗ đứng trong vương quốc văn chương, nghệ thuật.

Các nhà nghiên cứu thường nhận xét, rằng cho đến nay, tiểu thuyết và truyện ngắn của Ma Văn Kháng vẫn tập trung vào hai đề tài chính là cuộc sống của đồng bào vùng núi cao phía Bắc Tổ quốc và đời sống thành thị đầy phức tạp trong cuộc chuyển mình mạnh mẽ của đất nước sau chiến thắng 1975. Đó không phải là những đề tài mới. Chắc chắn, Ma Văn

Kháng thừa biết, ngay từ những năm 50, Tô Hoài đã viết rất hay về miền núi Tây Bắc. Cho nên Ma Văn Kháng không có ý định nói lời đầu tiên về thể giới, mà cũng không lặp lại lời nói của những người đi trước. Trong truyện *Trăng soi sân nhỏ*, Ma Văn Kháng đã để cho một nhân vật nghĩ như thế này: “*Văn chương là chuyện đời thông qua việc đào xới bản thể mình ở chiều sâu tâm hồn chứ đâu phải là đi hót lấy cái vầng bọt nổi trên mặt của ngoại vật.*”

“Đào xới bản thể ở chiều sâu tâm hồn”, Ma Văn Kháng đã cất lên tiếng nói riêng. Nhiều sáng tác được Ma Văn Kháng viết ra cứ y như là để nối lời, tiếp lời, đúng hơn là để đối thoại, tranh biện với các ý thức xã hội, ý thức nghệ thuật của thời đại. Có vô khối những cuộc đối thoại, tranh biện trong tiểu thuyết, truyện ngắn Ma Văn Kháng: tranh biện về con người, về cuộc đời, về văn chương nghệ thuật. Giọng tranh biện cất lên từ mạch trần thuật, ngôn ngữ nhân vật, từ những hình tượng được xây dựng cứ y như là để chọi lại với hình tượng trong sáng tác của ai đó. Đọc Ma Văn Kháng ta liên tiếp bắt gặp những câu trần thuật biểu hiện sự phủ định một ý thức cũ, bộc lộ một nhận thức mới bằng những cụm từ tinh quái, ví như “nào phải”, “đâu phải”, “hay là”, “thì ra”, “hóa ra”. Dĩ nhiên, muốn đối thoại, tranh biện, nhà văn phải có tư tưởng nghệ thuật riêng. Tôi hiểu tư tưởng nghệ thuật là toàn bộ quan niệm của nhà văn về con người và cuộc đời đã hóa thành cảm hứng thẩm mỹ. Bởi vì khi đã đi qua cửa ngõ tâm hồn nhà văn, cuộc đời và con người chỉ còn là cái bi hay cái hài, cái thấp hèn, phàm tục, hay cái đẹp, cái hào hùng cao cả. Cảm hứng thẩm mỹ vừa là phạm trù lịch sử vừa gắn bó máu thịt với cá tính sáng tạo của nhà văn. Trước năm 1975, văn chương rừng rừng một cảm hứng trước cái cao cả hào hùng. Sau năm 1975, như để trả lại sự cân bằng, cái méo mó nghịch dị, cái phàm tục dơ dáy từng làm dậy hứng cho không biết bao nhiêu sáng tác văn chương. *Tạng nghệ sĩ của Ma Văn Kháng hình như chỉ thích ứng với cái đẹp.* Dĩ nhiên dựa vào khuynh hướng cảm

hứng trước cái đẹp cũng có thể nhận ra những trường phái, những phong cách nghệ thuật và những cá tính sáng tạo khác nhau. Ví như cảm hứng lãng mạn thường hướng tới cái đẹp trình nguyên, cái đẹp e ấp kín đáo, thướt tha yếu điệu, hoặc cái đẹp của phương xa xứ lạ, cái đẹp phi thường, phong trần, dạn dĩ. Ta hiểu vì sao văn thơ lãng mạn thường gửi gắm cảm hứng vào những bức tranh quê, vào thiên nhiên hoang sơ, vào hình ảnh những tiểu thư khuê các, hoặc những tráng sĩ, chinh phu. *Ma Văn Kháng là nhà văn của cái đẹp trong dòng đời sinh hóa, bình dị, hồn nhiên, cái đẹp trong niềm hạnh phúc được làm người với ý nghĩa đích thực của nó chứ không phải là cái gì khác.* Còn nhớ, vào quãng đầu năm 1984, tôi đọc truyện ngắn *Ngày đẹp trời* của Ma Văn Kháng in trên báo. Đó là năm tháng nền văn học của chúng ta vừa trải trở đổi mới, vừa vận động theo quán tính của văn học thời chiến. Ba mươi năm chiến tranh là thời đại “ra ngõ gặp anh hùng”. Văn học viết về chiến tranh của chúng ta là nền văn học của những người anh hùng. Đặt vào bối cảnh ấy sẽ thấy *Ngày đẹp trời* của Ma Văn Kháng đã mang đến cho người đọc một thông điệp mới mẻ. Người anh hùng ngàn đời được con người ngưỡng mộ. Nhưng người anh hùng chỉ có thể tìm thấy sự bằng an, tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong “*cuộc sống đích thực như một con người giữa nhân tình gần gũi*” (Tôi nhấn mạnh - L.N.). Đó là lẽ “nhân thiên hợp nhất”, là tư tưởng, là cảm hứng chủ đạo của thiên truyện. Hóa ra nhan đề của tác phẩm có ý nghĩa biểu tượng. *Ngày đẹp trời* là ngày một con người cao thượng muốn âm thầm hy sinh, “dìm mình vào khắc khổ để quên lãng”, đã quay trở về với cuộc sống bình dị của những con người thuần hậu, “một cuộc sống do họ chủ động đứng ra xếp sắp theo bản chất thuần hậu” của mình. Có lẽ vì cái ý nghĩa biểu tượng ấy đã thể hiện được tư tưởng nghệ thuật của nhà văn nên hai năm sau, năm 1986, Ma Văn Kháng cho in cả một tập truyện ngắn mang chung tựa đề *Ngày đẹp trời*.

Đọc Ma Văn Kháng, thấy xuyên suốt những trang văn một

triết luận đời sống hết sức nhất quán. Triết luận ấy lấy “tình người”, “tính người” và “sự hồn nhiên” làm mẫu số để nhà văn trò chuyện về con người và cuộc đời. Các nhà văn thường miêu tả ngoại hình để nói chuyện tính cách. Ma Văn Kháng thường miêu tả tướng hình để thể hiện tính người, tình người. Bởi vì cái tính thường lộ ra ở cái tướng, nhất là ở những kẻ ác tính, ác tâm. Những truyện hay nhất của Ma Văn Kháng là những truyện nói về “dòng đời”, “mạch sống”. Đời có dòng chìm và dòng nổi, chảy trôi theo mạch ngầm và mạch lộ thiên. Nổi trên mặt lộ thiên thường là cái phù vân, dang dở, luẩn quẩn trong những âm mưu toan tính, loanh quanh tụt tán theo lợi, theo danh. Chìm dưới mạch ngầm là cái căn cốt của tính người, tình người. Mạch nổi được gắn kết lỏng lẻo bằng sự cưỡng chế, thói đạo đức giả và căn bệnh lãnh cảm nên nhí nhố, ồn ào, mà gượng gạo, nhàm chán. Mạch ngầm là dòng chảy tự nhiên của niềm vui, nỗi đau và niềm đam mê vô lượng của con người, kiếp người nên thâm thảo mà cường tráng, hồn nhiên, dào dạt. Mạch nổi là cái méo mó, ngụy tạo. Cái mỹ, cái thiện, cái chân lạng lẽ chảy trôi dưới mạch ngầm. Mạch nổi là cái nhất thời, là sự phi lý, sự lầm lạc của con người, đời người. Mạch ngầm là sự đại giác ngộ của lương tri, là tâm hồn sâu thẳm trường cửu của con người. Dòng nổi và dòng chìm, mạch ngầm và mạch lộ thiên, sự sống và cái chết hòa trộn vào nhau, sinh sinh, hóa hóa tạo thành dòng đời chảy trôi miên viễn.

Chưa hẳn Ma Văn Kháng đã có ý muốn nói như thế. Nhưng câu chữ và thế giới hình tượng trong truyện ngắn của nhà văn đã nói lên cái ý ấy. Cho nên tôi thấy chất men khơi dậy cảm hứng sáng tạo của Ma Văn Kháng không phải là gì khác mà chính là niềm đam mê được thổ lộ trên trang giấy tình yêu da diết và niềm hứng khởi vô biên trước vẻ đẹp của dòng đời sinh hóa hồn nhiên, vẻ đẹp bình dị mà lớn lao trong niềm vui, niềm hạnh phúc được làm người với ý nghĩa đích thực của nó. Đó là *cảm hứng trước vẻ đẹp nhân bản, vừa mang tinh thần thuần khiết phương Đông vừa phồn thực, cường tráng thấm đẫm cảm quan hiện đại.*

Đời phồn tạp mà thành sinh động. Cảm hứng của Ma Văn Kháng vì thế cũng có nhiều sắc điệu. Cho nên sau hai chục năm (tính từ 1978, là năm khai sinh *Đồng bạc trắng hoa xòe*), đã gặt hái 8 tiểu thuyết, 6 tập truyện ngắn, câu chữ của Ma Văn Kháng giống như đất canh tác sẵn nguồn phù sa nên không xơ xác, bạc màu mà vẫn ánh lên nhưng tuyết, hồn cốt. Để tiện việc phân tích tư tưởng nghệ thuật của nhà văn, dựa vào sắc điệu cảm hứng thẩm mỹ, tôi tạm chia đội quân truyện ngắn rất đông đúc của Ma Văn Kháng thành ba nhóm:

- Nhóm thứ nhất là *những truyện ngắn thể hiện cái nhức nhối, xót xa, giận mà thương cho sự hoang dã mông muội của những kẻ chưa thành người và những người không được làm người*.

- Nhóm thứ hai là *những truyện ngắn cất lên tiếng nói cảm khái thâm trầm trước thế sự hôm nay*.

- Nhóm thứ ba là *những truyện ngắn thể hiện cảm hứng trào lộng trang nghiêm* (thuật ngữ của M. Bakhtin) *trước vẻ đẹp của cuộc đời sinh hóa hồn nhiên*.

Đây là cách phân chia có tính chất tương đối, vì nhiều truyện ngắn của Ma Văn Kháng có thể cùng một lúc xếp vào nhóm này hay nhóm kia, nhưng một số truyện xếp vào nhóm nào cũng thấy chưa ổn.

*

Hầu hết những truyện ngắn thuộc nhóm thứ nhất là những tác phẩm viết về đề tài miền núi. Khi Ma Văn Kháng đến với văn đàn thì cuộc sống miền núi phía Bắc Tổ quốc đã được miêu tả qua một cái nhìn ổn định trong những tác phẩm xuất sắc tạo nên thành tựu của văn xuôi thời kháng chiến chống Pháp. Canh tác trên một mảnh đất đã có người cày xới, Ma Văn Kháng không dừng lại ở cái nhìn quen thuộc gói gọn trong quan điểm giai cấp. Nhìn từ góc độ ấy, nhà văn khó mà giúp người đọc nhận ra sự khác biệt lớn lao giữa đời sống miền núi và đời sống miền xuôi. Miền xuôi có tri huyện, chánh tổng,

lý trưởng thì miền núi có quan châu, thống lý, thổ ty câu kết với thực dân áp bức, bóc lột quần chúng một cách dã man. Miền xuôi có những người nông dân phải bán con, bán chó, bỏ làng lên huyện, ra tỉnh thì miền núi cũng có những người nông dân bị biến thành con trâu, con ngựa, phải bỏ đất, bỏ ruộng. Rốt cuộc miền núi chỉ khác miền xuôi ở phong tục tập quán, thiên nhiên giàu chất thơ, ở cách cảm, cách nghĩ.

Thực ra Ma Văn Kháng không viết về miền núi phía Bắc nói chung. Mọi sự chú ý của nhà văn đều hướng về vùng biên ải. *Vùng biên ải* là nhan đề một cuốn tiểu thuyết của Ma Văn Kháng. Các truyện ngắn *Giàng Tả, kẻ lang thang*; *Vệ sĩ của quan châu*; *Ông lão gác vườn và chó Phúm*; *Người thợ bạc ở phố cũ*; *Mã Đại Câu, người quét chợ Mường Cang*; *Móng vuốt thời gian*; *Thím Hoóng...* đều là những truyện ngắn đặc sắc viết về vùng biên ải. Đây mới đúng là mảnh đất cung cấp nhiều chất liệu giúp Ma Văn Kháng đưa ra những khái quát nghệ thuật mới mẻ. “*Biên ải lúc nào cũng có hình sắc của thời mới khai thiên. Đất hoang hóa chỉ cho phép tồn tại dưới ánh mặt trời những thế lực hùng mạnh, những thủ lĩnh gian ác, những thủ lĩnh thông thạo chiến chinh và kéo theo nó bọn theo đóm ăn tàn, những bản năng bán khai kinh thiên động địa.*” Ma Văn Kháng đã viết như thế trong truyện *Vệ sĩ của quan châu*. Đời sống con người và xã hội vùng biên ải gắn chặt với một trình độ văn hóa, một giới hạn văn minh. Thế giới ở thời mới khai thiên là nơi ngự trị của cái hoang sơ rừng rú. Vô khối con người ở đây không ý thức được hành vi của mình. Cho nên không phải ai có dính líu với địch đều là kẻ thù của nhân dân. Có lẽ Ma Văn Kháng đã viết *Giàng Tả, kẻ lang thang* để nói lời minh oan cho những con người như thế. Lý lịch trích ngang của Giàng Tả rất phức tạp, lúc ở với địch, lúc lại theo giúp bộ đội ta. Ngày giải phóng, chính quyền ta gọi Giàng Tả “*đến tập trung cải tạo trong trại cải tạo những kẻ lầm đường theo giặc*”. Trong con mắt Chủ tịch xã Lao Chải, Giàng Tả “*không phải là đầu sỏ phỉ, chỉ là phỉ viên nhưng cục cung tận*

tuy với chủ nó lắm. (...) Lão này gớm lắm! (...) Gan, ngoan cố lắm!” Anh ta không cần biết Giàng Tả là người “bụng dạ thật thà, nhân hậu, ngay thẳng”. Bởi vì anh ta không thể biết, trước sau, Giàng Tả vẫn chỉ là “cái anh chàng khỏe như vâm, chuyên đi làm thuê”, “là một sức khỏe phi thường mà lại hồn nhiên”. Nhà văn đã để cho nhân vật người kể chuyện “thở một hơi dài nảo nược” sau khi nghe lời buộc tội Giàng Tả của viên Chủ tịch xã Lao Chải. Chao ôi! Với những cách nhìn như thế thì: “Cái đáng biết lại không biết. Cái không nên quên thì lại quên. Lịch sử thế là mất đi cái hồn nhiên của nó.”

Chốn hoang sơ rừng rú “của thời mới khai thiên” sản sinh ra cái hồn nhiên, thuần phác. Đó cũng là vương quốc tự do của bản năng tàn bạo. Ở đó, những “bản năng bán khai” được buông phóng không còn giới hạn. Khun trong truyện *Vệ sĩ của quan châu* là một “bản năng bán khai kinh thiên động địa”. Hắn ngủ được hơi lạ trong gió, nghe được bằng da thịt, nhìn xuyên đêm tối. Hắn thích giết người và không sợ bị người ta giết. Bản năng chi phối cả cái hình xác của Khun. Hắn là “một đống bù xù hỗn mang mông muội”. Người ta bắn khoả không hiểu là “quỷ sứ hiện hình vào Khun hay chính Khun là quỷ sứ siêu đẳng”. Khun tàn ác và bạo liệt, nhưng y không ý thức được hành động của mình. Khi miêu tả bản tính tàn bạo của đời sống rừng rú, bút lực Ma Văn Kháng cũng trở nên dữ dội, mạnh mẽ khác thường.

Trong thời đại thống trị giai cấp, mọi sự hồn nhiên, ngây thơ, vô ý thức, cả lòng tốt lẫn sự tàn bạo đều hoặc là bị đè bẹp, chà đạp hoặc là bị mua chuộc, lợi dụng. Giàng Tả là trường hợp như thế. Khun cũng là một trường hợp như thế. Quan châu Vàng A Ký đã biến Khun thành “nanh hổ, vuốt gấu, răng chó, dao, súng, đao phủ khát máu, chết chóc và mù lòa”, thành tay sai gian ác “góm guốc còn hơn chủ”.

Biên ải vốn là vùng đất dữ dội. Dữ dội vì đó là nơi diễn ra liên miên “những cuộc chinh chiến, sát phạt tàn hại giữa các bầy đoàn, phe cánh”. Bản tính tàn bạo, rừng rú, bản năng đao

phủ lại luôn luôn được dung dưỡng, buông phóng phục vụ cho những cuộc sát phạt, tàn hại lẫn nhau ấy. Cho nên đất biên ải càng trở nên dữ dội, bạo liệt. Ở đó, với những người lương thiện như thím Hoóng (*Thím Hoóng*), cái hạnh phúc được làm người, theo nghĩa giản đơn là yên bình sinh sống, bỗng trở nên quá lớn lao, không bao giờ có được. Ma Văn Kháng là nhà văn có những trang viết hay nhất về cái bạo liệt, dữ dội của miền biên ải. Nhà văn đã làm giàu thêm cảm xúc và kinh nghiệm thẩm mỹ của người đọc bằng những trang viết như vậy.

Nhiều tác phẩm viết về cuộc sống của các dân tộc miền núi đã gọi dậy ở chúng ta ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường lòng căm thù và niềm cảm thông: căm thù bọn thực dân cướp nước, bọn lang đạo, phỉa tạo xấu xa tàn ác, cảm thông với cuộc sống lầm than của quần chúng bị áp bức, bóc lột. Nhưng Giàng Tả nằm ở đâu trong miền cảm xúc của chúng ta? Làm sao có thể xem Giàng Tả là kẻ thù. Chẳng ai thêm chấp một Mã Đại Câu “ăn cháo đá bát”, ngu dại tới mức bị giết mà vẫn không biết mình bị lừa. Sáng tác của Ma Văn Kháng gọi dậy ở người đọc tình cảm xót xa, vừa giận vừa thương: xót xa những kiếp người không được làm người, thương cho sự hoang sơ, mông muội và giận thay cho sự bạo tàn, man rợ mang “hình sắc của thời mới khai thiên”. Nhiều tác phẩm được đọc hồi còn là học trò gây ra cho ta cảm giác, rằng mọi vấn đề của đời sống miền núi hình như đã được giải quyết xong xuôi: có áp bức, có đấu tranh, quần chúng đã vùng lên đánh đuổi được thực dân, xóa bỏ chế độ lang đạo, đời từ nay thế là có hướng đi. Tiểu thuyết và truyện ngắn của Ma Văn Kháng để lại trong tâm hồn người đọc nỗi nhức nhối khôn nguôi về sự “hồi tổ”, “lộn giống” cùng “bản tính của đời sống rừng rú” ở miền biên ải. Cái nhìn hiện đại được tựa chắc trên nền tảng quan niệm về tính “hồn nhiên” của lịch sử (diễn đạt theo ngôn ngữ khái niệm thì đó là quan niệm hiện thực khách quan, quan niệm biện chứng lịch sử) đã khiến cho nhãn quan giai cấp của nhà văn Ma Văn Kháng trở nên thấu triệt và thấm đẫm tinh thần nhân bản.

*

Già nửa số truyện ngắn của Ma Văn Kháng thuộc nhóm thứ hai. Đề tài chủ yếu của những truyện ngắn này là đời sống thành thị trong sự đổi thay mạnh mẽ của đất nước sau chiến thắng 1975. Đây là mảng truyện ngắn đã đặt Ma Văn Kháng vào đội ngũ những cây bút đang có nhiều đóng góp to lớn vào việc đổi mới nền văn xuôi nghệ thuật của dân tộc. *Đưa truyện ngắn xích lại gần tiểu thuyết là nét đổi mới quan trọng bậc nhất mà ta có thể tìm thấy trong sáng tác của Ma Văn Kháng và nhiều cây bút khác.* Khái niệm tiểu thuyết được sử dụng ở đây nhằm chỉ một nguyên tắc tư duy nghệ thuật, chứ không phải một hình thức, khuôn mẫu thể loại. Đặc trưng cơ bản của nguyên tắc tư duy nghệ thuật này là *sự xóa bỏ hoàn toàn khoảng cách giá trị giữa người kể chuyện và đối tượng trần thuật.* Suốt ba mươi năm chiến tranh, văn thơ ta đã cân đo đờn đỏi, chia thành hai nửa địch và ta đối đầu với nhau như nước với lửa, sống với chết. Trong thế giới ấy, “lịch sử chọn ta làm điểm tựa”. Ta hóa thành Danko, phơi phơi một niềm tin “làm người lính đi đầu”. Thời ấy, văn thơ đã nhìn cuộc sống hiện tại bằng con mắt của tương lai, con mắt của cháu con, hậu bối như thế. Trong con mắt của tương lai, hiện tại không còn là hiện tại như vốn dĩ mà đã hóa thành một quá khứ tuyệt đối, quá khứ lý tưởng. Ta không sống với thời hiện tại mà thuộc về thế giới của những khởi nguyên, của những người đi đầu hoàn hảo nhất, ưu tú nhất. Đối tượng trần thuật và người kể chuyện thành ra có một khoảng cách giá trị cao vời vợi. Cho nên người kể chuyện bao giờ cũng giữ tâm thế cung kính, ngưỡng mộ trước đối tượng trần thuật của mình.

Sau năm 1975, khi đất nước thanh bình, tư duy tiểu thuyết ngày càng chiếm ưu thế thắng trong ý thức nghệ thuật. Tư duy tiểu thuyết kéo đối tượng trần thuật xích lại gần với người

kể chuyện, đặt người kể chuyện và đối tượng trần thuật vào cùng một đẳng cấp giá trị. Cho nên người kể chuyện có thể trần thuật về đối tượng của mình bằng thái độ thân mật, thân tình, thậm chí bố bã, suồng sã. Nếu tư duy tiểu thuyết chưa chiếm ưu thế thắng trong ý thức nghệ thuật của xã hội và giới sáng tác thì chắc chắn Ma Văn Kháng không thể miêu tả chân dung một cán bộ đương chức, đại diện cho chính quyền lại đang trên đà thăng tiến, bắt đầu là chủ tịch xã, phó chủ tịch huyện, rồi có cơ trúng chủ tịch huyện như thế này: *“Chiến tuổi ngoại tứ tuần, người to, đầu nhỏ, mặt vênh, mắt ngưỡng thiên, mắt chỉ địa, mày rậm, môi thâm, sọc đầu sọc cổ, tóc lồm chồm, tiếng nói the thé. Con người diện mạo, hình trạng dị dạng nọ một thời đi làm ở mỏ than, ăn cắp bị đuổi về, thuộc nòi lục lâm, dâm bôn khét tiếng. Dân quê vốn ngu, hèn, sợ Chiến hơn sợ cọp”* (Người đánh trống trường).

Việc kéo đối tượng trần thuật xích lại gần người kể chuyện đã mở đường cho văn xuôi tự sự miêu tả đời sống hiện tại như nó đang tiếp diễn, đầy những dang dở, phù vân. Cánh cửa dân chủ của tư duy nghệ thuật được mở rộng, chất văn xuôi và những chuyện không đâu của cuộc sống hằng ngày, thường ngày ulla vào tiểu thuyết và truyện ngắn. *Trung du, chiều mưa buồn; Trái chín mùa thu; Mẹ già; Bò nông ở biển; Trăng soi sân nhỏ; Người đánh trống trường; Chọn chồng; Anh cả tôi, người sung sướng; Cô giáo chủ nhiệm; Heo may, gió lộng; Người giúp việc; Mảnh đạn; Một chốn nương thân; Mẹ và con; Quê nội; Đợi chờ; Nhà nhiều tầng; Mất điện...* Chỉ cần ngần ấy cái nhan đề, liệt kê một cách lộn xộn những tác phẩm thuộc nhóm truyện thứ hai của Ma Văn Kháng cũng đủ chứng tỏ, những câu chuyện về cái thường ngày, hằng ngày, về những con người bé nhỏ, vô danh tưởng như vô nghĩa đã chiếm một khoảng rộng như thế nào trong sáng tác của nhà văn. Sẽ chẳng có gì để nói nếu phải tóm tắt cốt truyện của từng tác phẩm. Loanh quanh chỉ thấy toàn là những chuyện vặt vãnh: chuyện một cô gái chọn chồng lấy phải thằng cha

chẳng ra gì, một anh nhà báo xuống cơ sở đánh quả, chuyện lục đục mẹ chồng - nàng dâu, chuyện chị em con cháu trong một buổi thanh minh, chuyện hai đứa trẻ cùng học, cùng lớn lên với nhau trong một ngôi nhà chung cư, chuyện mất điện... Nhưng chính những câu chuyện vặt vãnh ấy lại nói lên một sự thật: nguyên tắc tư duy tiểu thuyết đã mở rộng tối đa khu vực tiếp xúc giữa mảng truyện ngắn viết về đời sống thành thị của Ma Văn Kháng với cuộc đời phức tạp.

Đưa cái thường ngày vào văn xuôi chưa phải là nhân tố quan trọng bậc nhất khiến truyện ngắn xích lại gần tiểu thuyết. Trong tư duy tiểu thuyết, người kể chuyện và đối tượng trần thuật được đặt trên một mặt bằng giá trị ngang nhau. Nó cho phép nhà văn thoát ly kinh nghiệm cộng đồng, *dựa hẳn vào kinh nghiệm cá nhân*, không phải để ngợi ca hay thuật lại, kể lại, mà là *để phân tích, giải thích, luận bàn* về toàn bộ đời sống hiện thực. Cho nên nhiệt tình của tư duy tiểu thuyết thường hướng vào việc khám phá cái ngả nghiêng chao đảo, sự vênh lệch, trật khớp của con người và đời sống của con người. Nội dung xã hội của truyện ngắn Ma Văn Kháng không giới hạn ở mức độ “miêu tả đời sống thành thị hôm nay với những eo sèo, phức tạp, xen lẫn yếu tố tiêu cực và tích cực” như nhận xét của một số nhà nghiên cứu, phê bình. Mang chiều sâu của một triết luận nhân bản về đời sống, nội dung xã hội của truyện ngắn Ma Văn Kháng bao giờ cũng vượt ra ngoài ý nghĩa của đề tài và chất liệu. Cho nên kể những chuyện eo sèo thường ngày, nhà văn muốn làm nổi bật sự lạc điệu, trật khớp đang diễn ra ở mọi ngõ ngách, mỗi góc “sân nhỏ”, nhằm gợi dậy ở ta ấn tượng về sự phi lý, bất ổn trong quan hệ đời sống của con người hôm nay. Có lẽ đó mới đúng là nội dung mang ý nghĩa xã hội quan trọng toát lên từ những truyện ngắn viết về đời sống thành thị của Ma Văn Kháng.

Hòa chung vào bản hòa tấu của nền văn xuôi đậm chất tiểu thuyết sau năm 1975, nhóm truyện ngắn viết về đời sống thành thị của Ma Văn Kháng vẫn là tiếng nói riêng của một

tư tưởng nghệ thuật, một cảm hứng thẩm mỹ không thể trộn lẫn. Hồn vía của cảm hứng ấy, tư tưởng ấy vẫn là một quan niệm thấm đẫm tinh thần nhân bản về vẻ đẹp của tình người, tính người như là căn cốt của cuộc đời bình dị, hồn nhiên. Trong truyện ngắn của Ma Văn Kháng có nhiều cảnh đốn mạt, nhếch nhác đến thảm hại của con người. Gốc gác của sự nhếch nhác, đốn mạt ấy dường như chẳng có mấy liên quan tới hoàn cảnh xuất thân, hay lập trường, quan điểm. Ma Văn Kháng miêu tả mọi sự đốn mạt, ma quái, tà ngụy của cuộc đời từ góc độ nhân tính. Sự thiếu hụt nhân tính, thói vụ lợi tầm thường, thói đạo đức giả, thói đố kỵ, ghen ghét, tính ích kỷ thâm căn, khả năng không thể thương yêu người khác ngoài mình, ngoài huyết thống, căn bệnh lãnh cảm... là những nguyên nhân đang từng ngày, từng giờ giết chết sự hồn nhiên, giản dị trong mọi mối quan hệ của đời sống con người. Các truyện ngắn *Người đánh trống trường*, *Trăng soi sân nhỏ*, *Bồ nông ở biển*, *Chọn chồng*, *Cô giáo chủ nhiệm*, *Mảnh đạn*, *Quê nội*, *Đợi chờ*, *Xóm giềng*, *Mất điện*... đều ít hay nhiều toát lên tinh thần ấy. Về phương diện này, truyện *Mảnh đạn* là tác phẩm có nhiều hàm ý. Thiên truyện để lại trong lòng ta một niềm day dứt khôn nguôi: người ta hóa điên vì vết thương chiến tranh để lại hay vì xú khí của thói ích kỷ và căn bệnh lãnh cảm đang vây bọc quanh mình? Truyện *Tóc Huyền màu bạc trắng* cũng chứa đựng một triết lý sâu xa: hóa ra *logic* không phải là lịch sử được trừu tượng hóa. Có một thứ lịch sử lạnh lùng, tàn nhẫn với thân phận của con người tới mức *logic* của lý trí thông thường không thể giải thích được.

Mảng truyện ngắn viết về cuộc sống thành thị của Ma Văn Kháng không phải là những tiếng reo hân hoan trước sự thăng hoa của tình đời, tình người. Đằng sau câu chữ của những tác phẩm ấy, người đọc nhận ra tiếng nói ngậm ngùi, cảm khái chứa đựng tình thương và nỗi buồn mệnh mông trước một nhân thế đang phai nhạt nhân tình.

*

Ma Văn Kháng buồn đời, thương đời mà không chán đời. Nhà văn nhiều khi giận đời mà chưa bao giờ căm đời. Bởi vì quan niệm nhân bản về con người trong truyện ngắn Ma Văn Kháng thấm đẫm một tinh thần lạc quan. Tinh thần lạc quan ấy có cơ sở ở niềm tin của nhà văn vào ý thức, lý trí và tính năng động như là bản chất của sự sống con người. Mạch truyện *Tóc Huyền màu bạc trắng* ngấm chứa một triết lý rất lạc quan: “Người là con vật có lý trí và rất uyển chuyển. Nó biết cách sống cả trong những hoàn cảnh khủng khiếp nhất.” Truyện *Anh thợ chữa khóa* cũng toát lên một tinh thần lạc quan như thế về tính năng động đầy ý thức của cuộc sống con người: “Mưu sinh, tự lo toan hóa ra là cuộc sống khởi thủy, vĩnh hằng, là dòng sông tuôn chảy dồi dào, phù hợp với cái hăm hở vốn có của con người.” Tinh thần lạc quan của Ma Văn Kháng còn có cơ sở ở niềm tin vào bản năng vô thức, tiềm thức, vùng tâm tối sâu thẳm trong thế giới tâm linh, nơi lưu giữ vĩnh hằng phần nhân tính tạo nên mặt tươi sáng nhất, đáng yêu nhất của sự sống con người. Niềm tin và tinh thần lạc quan ấy thấm đượm từng tác phẩm của nhà văn và đặc biệt tỏa sáng ở những truyện ngắn mà tôi tạm xếp vào nhóm truyện thể hiện cảm hứng trào lộng trang nghiêm trước vẻ đẹp của dòng đời sinh hóa hỗn nhiên.

Anh thợ chữa khóa; Thanh minh, trời trong sáng; Seo Ly, kẻ khuấy động tình trường; Ngẫu sự; Những người đàn bà là những truyện ngắn tiêu biểu thuộc nhóm này. *Anh thợ chữa khóa* là truyện ngắn hấp dẫn, hàm súc, có nhiều lớp nghĩa. Có thể tìm thấy ở đây hình ảnh con người sống cuộc đời nhỏ nhoi, chết cái chết vô nghĩa, nhưng rất xứng danh là Con Người với hai chữ viết hoa. Cũng có thể tìm thấy ở đây triết lý về sức mạnh của nỗi đau: nỗi đau xóa tan hận thù, dập tắt lửa ghen, khiến cho những người đàn bà vốn ngàn đời “Chồng chung đâu để ai nhường cho ai” xích lại gần nhau. Cuộc sống vốn giàu

chất thơ, nhưng phải thiết tha yêu cuộc sống, ta mới phát hiện ra vẻ đẹp của nó. Ma Văn Kháng nhận ra vẻ đẹp trong dòng chảy tự nhiên của đời sống qua âm thanh những tiếng rao của đội ngũ những người làm dịch vụ, các thứ nghề lật vật, linh tinh. Nghe những tiếng rao đi qua cửa mà nhà văn “hình dung ra đó là dòng chảy sinh động, tươi vui, trong đó người giao tiếp với người thật bình đẳng, nồng nàn”. Tác phẩm gợi dậy ở người đọc niềm vui, nỗi buồn như chính cuộc đời đầy những buồn vui. Quan trọng hơn, thiên truyện mài sắc cái nhìn của ta, để ta thêm yêu cuộc sống ngay cả ở những nơi lấm láp nhất, nhiều lụy tục nhất.

Con người hăm hở trong hoạt động mưu sinh. Trong tình ái, hình như con người còn hăm hở hơn nhiều. Đó cũng là lẽ tự nhiên của âm dương hòa hợp tạo nên sự sống trường cửu, hồn nhiên và cường tráng. Ở ta, Ma Văn Kháng là nhà văn đầu tiên viết được những truyện ngắn khoái hoạt và hả hê nhất nói về lòng ái dục của con người. *Những người đàn bà* là một trong những thiên truyện khoái hoạt và hả hê như thế. Truyện kể về những người đàn bà sống trong một ngôi nhà chung cư. Họ có nghề riêng, số phận riêng, nhưng “*cùng thích nói tục, cùng một lòng ái dục, ham mê chuyện tình ái*”. Họ đều có những cuộc tình vụng trộm và ai cũng thích nghe kể chuyện tình vụng trộm của người khác. Qua những câu chuyện của họ, thấy hóa ra, còn có một “*dòng sông tình ngầm chảy dào dạt*”. Dòng sông ấy “*thâm thảo chảy ở bên dưới cuộc sống lộ thiên nhìn thấy*”. Nó “*thâm thảo chảy, nhưng dào dạt vô cùng*”. Cho nên cực nhọc và đáng thương biết bao là những người đàn bà muốn “*chèo con thuyền ngược bến*”, “*chống lại cả một dòng nước xuôi dòng xô đẩy*”. Mạch truyện còn toát lên nhiệt tình đối lập “*cái khoái lạc vô lượng của dục tình, cái sung sướng vô biên của trò ái ân vụng trộm*” với “*căn bệnh lãnh cảm cùng với thói đạo đức giả*” được dung dưỡng bởi cái gọi là “hôn nhân” do “*bọn đàn ông cực kỳ khôn ngoan (...) chế tạo ra*” để “*hạ người đàn bà xuống địa vị thứ hai trong cuộc sống*”.

Thấp thoáng trong truyện *Tóc Huyền màu bạc trắng* có nhân vật là anh họa sĩ trẻ. Cậu họa sĩ này bị bắt, bị tù “vì đi theo mấy bậc đàn anh vẽ tranh đàn bà khỏa thân”. Anh chàng quân giáo mắng cậu ta xa xả là “tên dâm ô đồi trụy”. Nhưng “Cậu họa sĩ chỉ im lặng cười. Tranh cái gì được ở đây nhỉ? Mà chẳng phải chỉ ở đây! Có ai đi tranh cãi với lịch sử không?” Đúng thế! Lịch sử chỉ cho phép vẽ tranh đàn bà trong một mô xiêm y và chỉ thừa nhận quan hệ tình ái trong hôn nhân. Lịch sử ấy đã được thể chế hóa trong cả ý thức xã hội lẫn ý thức nghệ thuật. Chẳng thế mà văn thơ trung đại thường đồng nhất chữ “tình” với hôn nhân và chữ “nghĩa”. Văn học đương đại của chúng ta từng một thời miêu tả tình yêu như là sự hòa hợp của những con người cùng chung lý tưởng. Văn học lãng mạn trước đó nói tới những rung động của tình yêu ngoài hôn nhân. Nhưng bản tình ca réo rắt nhất của thơ văn lãng mạn thường chỉ dừng lại ở khúc: “*Tình chỉ đẹp khi còn dang dở*”. Ma Văn Kháng không thừa nhận, cũng không “im lặng cười” trước cái “lịch sử cao hơn logic” ấy. Trong nhiều truyện ngắn (*Móng vượt thời gian; Anh cả tôi, người sung sướng chẳng hạn*), nhà văn lên tiếng chế giễu, lên án thói dâm bôn và lối sống hành lạc. Đồng thời trong nhiều truyện ngắn (ví như *Seo Ly, kẻ khuấy động tình trường; Ngẫu sự; Những người đàn bà...*), Ma Văn Kháng lại quyết đứng ra để minh oan, chiêu tuyết cho những “cuộc ái ân vụng trộm” và lòng đắm dục của con người. Vừa hiện đại vừa tiếp nối dòng sông dào dạt của nghệ thuật dân gian, Ma Văn Kháng đã cất lên khúc tấu *trào lộng trang nghiêm* trước vẻ đẹp phồn thực, cường tráng của dòng đời sinh hóa hồn nhiên.

*

Viết văn cũng là một nghề. Mà đã là một nghề thì văn chương cũng có phương diện tiểu xảo, phương diện kỹ thuật của nó. Chẳng thế mà tiếp xúc với văn học Trung Hoa, ta nhận ra

ngay bốn yếu tố: kỳ - quái - sử - ảo như là những yếu tố cấu thành tạo nên nguyên tắc tổ chức thể loại tiểu thuyết cổ điển của dân tộc này. Nhưng trong sáng tác của những nhà văn có tâm huyết với văn, với đời, kinh nghiệm nghề nghiệp bao giờ cũng chịu khuất phục trước tư tưởng nghệ thuật đã hóa thành cảm hứng thẩm mỹ của họ. Chính tư tưởng nghệ thuật hóa thành cảm hứng thẩm mỹ trong sáng tác của Ma Văn Kháng đã tạo ra một diện mạo, một hình hài truyện ngắn riêng của nhà văn này.

Tính công khai bộc lộ chủ đề và sự cố ý tô đậm chân dung tính cách nhân vật là đặc điểm nổi bật của truyện ngắn Ma Văn Kháng.

Như đã nói, thế giới hình tượng trong truyện ngắn Ma Văn Kháng được tạo dựng vững chắc trên cái nền của một tư tưởng nghệ thuật, một khuynh hướng cảm hứng thẩm mỹ. Nội dung tư tưởng của truyện ngắn Ma Văn Kháng thường vượt ra bên ngoài giới hạn của đề tài và chất liệu. Ma Văn Kháng không phải là cây bút viết văn theo hướng tả chân. Nhà văn này cũng không thuộc trường phái chủ nghĩa hiện thực phơi bày. Cho nên đề tài và chất liệu chỉ là xương thịt được Ma Văn Kháng sử dụng, tổ chức lại thành cơ thể tác phẩm mà hồn vía là một khía cạnh nào đấy trong quan niệm nhân sinh của nhà văn. Quan niệm nhân sinh của Ma Văn Kháng lại xuất phát từ niềm tin vào lý trí, vào ý thức như một nhân tố tạo nên sự năng động của đời sống con người. Cho nên Ma Văn Kháng rất quan tâm tới *nghĩa lý* của chuyện đời. Nhà văn kể lại chuyện Mã Đại Câu, vì những câu chuyện có nhiều bí ẩn, kỳ quái ở phố chợ Muồng Cang “*đều thua chuyện Mã Đại Câu hết; thua về độ dài, tình tiết hấp dẫn và về nghĩa lý nữa*” (Mã Đại Câu, người quét chợ Muồng Cang). Cũng chính vì thế mỗi truyện ngắn của Ma Văn Kháng thường có một ý nghĩa then chốt, diễn đạt theo ngôn ngữ lý luận thì đó là một chủ đề sáng tỏ, một tư tưởng chủ đạo.

Ma Văn Kháng viết văn không phải là để minh họa cho tư

tưởng của mình. Sáng tác của Ma Văn Kháng chứng tỏ nhà văn không có ý định nói lời đầu tiên về thế giới. Chân lý chỉ có thể nảy sinh trong quá trình va siết giữa các ý kiến khác nhau. Cho nên với Ma Văn Kháng, viết văn là cái cách để người cầm bút được nổi lời, tiếp lời, để tranh luận, đối thoại với các ý thức xã hội và ý thức nghệ thuật. Truyện Ma Văn Kháng có rất nhiều câu viết theo kiểu đá ngang, tạt móc để nêu vấn đề và cất lên giọng đối thoại, tranh biện. Lần theo sáng tác của Ma Văn Kháng, thấy hệ thống những vấn đề được nêu ra để tranh biện, đối thoại hết sức phong phú, đa dạng. Tất cả những vấn đề ấy đều có liên quan tới quan niệm về con người, về đời sống và bản thân văn chương nghệ thuật.

Yêu cầu đối thoại, tranh biện buộc người cầm bút phải công khai bộc lộ chủ đề, ý nghĩa then chốt của tác phẩm. Chủ đề mỗi truyện ngắn của Ma Văn Kháng được bộc lộ công khai qua những hình tượng nhân vật được miêu tả y như là để chơi lại với hình tượng nhân vật trong sáng tác của một nhà văn nào đó. Chủ đề truyện ngắn Ma Văn Kháng được bộc lộ công khai đầy đủ nhất qua ngôn ngữ người kể chuyện. Qua ngôn ngữ người kể chuyện, ta nhận ra chủ đề trong *Thanh minh*, *trời trong sáng* là quan hệ giữa sự sống và cái chết: “*Người chết không phải là người còn sống nhưng cũng không phải là người chết hẳn, vô tâm tích; người chết còn tạo lập với người sống một mối liên hệ vô hình nhưng bất tử và vô cùng linh thiêng.*” Trong *Trăng soi sân nhỏ*, người kể chuyện gửi tới bạn đọc thông điệp: “*Cả thói vụ lợi tâm thường kiểu xô thịt và căn bệnh ảo tưởng của kẻ thất học, yếu nhược, ốm o lúc này đang thiếu hẳn sự chia sẻ của một tấm lòng quảng đại và sự chỉ bảo thẳng thắn.*” Có thể kéo dài thêm rất nhiều những ví dụ như thế về sự công khai bộc lộ chủ đề của truyện ngắn Ma Văn Kháng.

Không phải truyện ngắn nào của Ma Văn Kháng cũng khắc họa được những tính cách sắc sảo, sinh động. Nhưng khi đã đưa nhân vật vào tác phẩm, bao giờ nhà văn cũng cố ý tô đậm chân dung tính cách của nó. Cho nên nhân vật của Ma

Văn Kháng dù phức tạp đến đâu, có những biểu hiện phong phú như thế nào, sau khi tiếp xúc, ta có thể nhận diện được ngay nhân vật ấy thuộc hạng người nào, cao thượng hay đê tiện, độc ác hay nhân từ, ích kỷ hay hảo tâm...

Mọi thể văn tự sự truyền thống đều ít hay nhiều mang tính ngụ ngôn. Cho nên chủ đề của tác phẩm tự sự truyền thống bộc lộ công khai tới mức có thể đồng nhất nó với một khái niệm. Truyện ngắn hiện đại ra đời cùng với báo chí. Gắn liền với đời sống báo chí, truyện ngắn là loại tác phẩm được viết ra để đọc liền một mạch. Truyện ngắn hiện đại vì thế cũng thường có một chủ đề sáng tỏ. Về phương diện này, truyện ngắn Ma Văn Kháng là sự kế thừa của tác phẩm tự sự truyền thống. Mặt khác, công khai thể hiện chủ đề, cố ý tô đậm tính cách nhân vật cũng là cái cách để Ma Văn Kháng đối thoại với những cách viết đang cố ý giấu kín chủ đề, xóa nhòa ranh giới tính cách để tạo nên sự mờ mờ trong tác phẩm.

Lồng giai thoại vào cốt truyện, sáng tạo giai thoại có hàm nghĩa sâu xa cũng là đặc điểm dễ nhận biết của truyện ngắn Ma Văn Kháng.

Như đã nói, truyện ngắn sau 1975 nói chung, truyện ngắn Ma Văn Kháng nói riêng có khuynh hướng xích lại gần tiểu thuyết. Tiểu thuyết là văn tự sự. Nhưng nguyên tắc tổ chức thể loại của tiểu thuyết không giống với nguyên tắc tổ chức thể loại của tác phẩm tự sự truyền thống. Tác phẩm tự sự truyền thống không cần tạo ra một hệ thống chi tiết hấp dẫn trên bề mặt mà chỉ cần tạo ra một cốt truyện chặt chẽ chứa đựng ý nghĩa sâu xa. Tạo ra bề mặt tác phẩm được đan dệt bởi một hệ thống chi tiết sinh động, đa dạng để thể hiện sự phức tạp của đời sống như nó vốn có là yêu cầu quan trọng bậc nhất của văn tiểu thuyết. Truyện ngắn vừa phải có bề mặt rậm rạp, sinh động của tiểu thuyết vừa phải có hàm nghĩa sâu xa của tác phẩm tự sự truyền thống. Đây là yêu cầu đặt ra trước các cây bút truyện ngắn, đòi hỏi mỗi nhà văn phải có cách xử lý nghệ thuật riêng.

Lồng giai thoại vào cốt truyện là cách xử lý nghệ thuật mà ta thường bắt gặp trong truyện ngắn Ma Văn Kháng. Truyện *Thanh minh, trời trong sáng* có cái giai thoại lý thú về một “thằng cha giám đốc” nói ngọng lú, ngọng lô, / nó nói thành n. Truyện *Người đánh trống trường* có đến bốn cái giai thoại buồn cười. Trong số các cây bút truyện ngắn hiện nay không thấy có ai sử dụng nhiều *mô típ* giai thoại dân gian như Ma Văn Kháng.

Ma Văn Kháng không dừng lại ở việc sử dụng giai thoại dân gian. “*Cuộc đời thì nghiêm túc mà viết như đùa bỡn.*” Ma Văn Kháng đã hư cấu theo kiểu giai thoại chuyện mấy ông tổng biên tập nào đó nhận xét như thế về truyện *Tóc Huyền màu bạc trắng*. Có thể tìm thấy rất nhiều truyện ngắn “viết như đùa bỡn” trong sáng tác của Ma Văn Kháng: đùa bỡn bằng cách tạo ra những câu chuyện lý thú, hấp dẫn; đùa bỡn ở giọng kể, giọng tả. Cho nên nếu hiểu giai thoại là những câu chuyện lý thú, hấp dẫn thì truyện ngắn của Ma Văn Kháng đầy ắp giai thoại. Giai thoại dân gian lý thú, hấp dẫn mà không có hàm ý sâu xa. Truyện ngắn Ma Văn Kháng có hàm ý sâu xa mà vẫn hấp dẫn, lý thú. Tôi gọi Ma Văn Kháng là cây bút truyện ngắn sáng tác giai thoại có nhiều hàm ý. Càng ngày Ma Văn Kháng càng có nhiều truyện ngắn chứa đựng hàm ý sâu xa như thế. Truyện ngắn có nhiều hàm ý mà vẫn công khai bộc lộ chủ đề là cách viết riêng của Ma Văn Kháng.

Truyện ngắn của Ma Văn Kháng còn có *khuyňh hướng mở rộng các thành phần mạch trần thuật, hòa văn nói vào văn viết*.

Đọc truyện ngắn Ma Văn Kháng tôi có cảm giác như thế này. Trong truyện ngắn Ma Văn Kháng giọng của nhân vật người kể chuyện thường xuyên lấn lướt giọng của các nhân vật hành động. Nhà văn đã sáng tạo ra hình tượng *người kể chuyện toàn năng*, biết hết, thấy tất, *mang nhiều nét xác thực tâm lý, gần gũi với hình tượng tác giả*. Những gì nhân vật người kể chuyện, suy ngẫm, trần trố hình như cũng chính là những điều đang suy ngẫm, trần trố của nhà văn. Hình thức

người kể chuyện toàn năng cho phép tác giả mở rộng thành phần lời văn trong mạch trần thuật. Dòng trần thuật của truyện ngắn Ma Văn Kháng là sự kết hợp hài hòa giữa mạch kể và mạch tả. Người kể chuyện thường xuyên bắt mạch tả, mạch kể phải dừng lại để bình luận, đánh giá, giải thích, hoặc cất lên tiếng nói trữ tình đầy thâm trầm, sâu lắng.

Giọng người kể chuyện lẩn lút giọng nhân vật hành động nhưng lời văn trong truyện ngắn Ma Văn Kháng không đơn điệu về phương diện phong cách. Nhà văn sử dụng rộng rãi khẩu ngữ, trước hết là tục ngữ, thành ngữ, đem văn nói hòa trộn vào văn viết, tạo ra mạch trần thuật đa tạp giọng điệu rất đậm chất tiểu thuyết.

*

Ma Văn Kháng là cây bút lực lưỡng, đang đà sung sức. Truyện ngắn Ma Văn Kháng đang vận động theo hướng hiện đại hóa. Cho nên bài viết này không có tham vọng bao quát toàn diện mà chỉ cố gắng nắm bắt cái lý, cái *logic* nội tại của mối quan hệ giữa nội dung tư tưởng và hình thức thể loại của truyện ngắn Ma Văn Kháng. Còn nhiều vấn đề cần đặt ra trước tư duy khoa học. Vận động theo hướng hiện đại hóa, truyện ngắn Ma Văn Kháng sẽ đi tới đâu? Mối quan hệ giữa truyện ngắn và tiểu thuyết Ma Văn Kháng? Về phương diện ngôn ngữ, đóng góp của nhà văn này cho nền văn xuôi nghệ thuật Việt Nam là ở đâu? Đó là những vấn đề mà tôi hy vọng sẽ được trình bày trong một dịp khác.

Đồng Bát, 1/5/1999
PGS. TS. Lã Nguyên

VỆ SĨ CỦA QUAN CHÂU

Tất cả gia nhân trong nhà quan châu, thổ ty Vàng A Kỳ, kể từ mụ Coổng người Hoa nấu ăn, tới bọn lính hầu, người xà ích đánh xe ngựa đều nói rằng: Khun, vệ sĩ tin cẩn số một của quan châu, đêm chỉ ngủ có một mắt, một tai. Mà con mắt ngủ lại là con mắt chốt. Cái tai ngủ lại là cái tai bị cắt vành. Cho nên về thực chất đêm Khun không ngủ!

Trong các sinh vật quen thuộc với con người, có lẽ chỉ có một loài đêm không ngủ, ấy là loài chó. Đúng thôi, phận sự của nó có gì khác là canh giữ nhà cửa. Tuy vậy chó lại lấy ngày làm đêm, chúng ngủ bù vào ban ngày trên cái sân gạch rộng thênh của tòa nhà quan châu. Khun thì cả ban ngày cũng không thấy hấn ngủ. Quan châu đi đâu, hấn là vệ sĩ phải theo đấy là một chuyện. Hấn còn là con mắt, lỗ tai theo dõi, nghe ngóng, là gây gộc trừng phạt bọn người ăn người ở trong nhà của quan châu.

Ban ngày Khun có mặt khắp chốn cùng nơi: kho lâm sản, thuốc phiện, nơi xay thóc giã gạo, buồng dệt thổ cẩm, chỗ gái xòe tập đánh tay, lắc môn. Đêm, Khun ít đi lại. Khun nằm trong túp lều nhỏ cạnh cái tàu ngựa dài. Nhưng bọn trộm cướp hãy cứ dè chừng!

Đây, Khun vừa phát dậy! Cái mũi pháp phòng trong làn gió nhẹ vừa lướt qua. Nhắc khẩu súng trường cao bằng đầu

mình, Khun nhẹ nhõm như một con mèo, bước ra ngoài lều. Đàn ngựa nhảy cảm xê chân, vệt âm thanh run rẩy chạy từ đầu tàu ngựa Khun đi qua tới đầu bên kia. Chúng cũng hoảng hốt vì thấy bóng Khun.

Khun không thêm để ý đến chúng. Khun đang định hướng một mục tiêu khác lạ.

Vòm trời đen thui, hạ xuống cái sân một màu thâm đen, buồn thảm. Dàn chó nằm rải ở bốn góc sân, thấy bóng Khun, im thin thít.

Khung cảnh im vắng, lẫm lỳ vì bóng dãy núi Hồng Ngài đen sì, tỏa cái hoang rậm mông muội ra chung quanh. Trong đêm, bốn tòa nhà vây quanh cái sân lừng lững như bốn khối đá đúc. Bốn tòa nhà, bốn cái lô cốt, bốn cái kho báu, bốn tòa lâu đài của bốn mệnh phụ, bốn phu nhân yêu kiều thuộc bốn dân tộc Kinh, Hoa, Giáy, Tày của quan châu. Về đường hưởng lạc, quan châu dễ chẳng kém đức hoàng đế của nước An Nam ta. Ngài có bốn vợ chính thức, ngoài ra là thê thiếp và đám gái xòe mơn mớn, nồn nường. Cao lương mỹ vị thì ngài toàn tuyển chọn từ đất Trung Hoa sang. Còn của cải của ngài thì bất cứ một địa chủ, tư sản nào cũng phát thêm: ngài cai quản cả một vùng rộng lớn bằng một tỉnh Hà Nam cũ, với nguyên tắc rừng là của quan, suối cũng là của quan. Bây giờ thì tòa nhà này của ngài là cái tổng kho quy tụ vàng bạc, châu báu, của cải ngài đã chiếm đoạt được từ đời ông đời cha ngài, hơn sáu chục năm nay. Khun biết rất rõ vị trí mỗi kho báu, Khun là người duy nhất được quan châu cho biết điều hệ trọng ấy. Đó là một ân sủng đặc biệt và Khun hết sức kiêu hãnh về điều đó với đồng bọn gia nhân. Lúc này, đi trong đêm, mắt như ở dưới chân, Khun không bao giờ vấp, Khun đã qua những nơi cất giữ để bạc trắng, đồ cổ, sa nhân, cánh kiến, Khun còn biết ở tầng trên những cái kho nhỏ này là căn buồng của bà tư, người đàn bà Tày được quan yêu chiều nhất! Khun còn biết là đêm nay quan ngủ với bà tư kia. Ôi chao! Bởi vì Khun không

chỉ là thủ túc tin cần, Khun còn là vệ sĩ, là thần hộ mệnh của quan. “Hầy, đêm qua quan cũng ở với bà tư đấy. Bà này cứ giữ rịt quan không cho sang với bà cả nhé. Có lần tôi nghe thấy bà ấy gí tay vào trán quan, hăm hứ: “Còn sang với nó thì tôi cấm cửa đấy, nhớ chưa bố già!”.” Khun cười khành khạch. Chuyện ấy dơ dáy quá, chả ai buồn nghe. Bây giờ thì chắc hai ông bà ấy đã ngủ tít thò lò rồi.

Khun ngẩng lên, nhìn những cánh cửa chớp đóng kín đen sì. Bỗng nhiên chân Khun như chạm phải một đám lò xo. Khun bật nhảy ba bước liền. Đứng lại, Khun nhận ra đây là khu chuồng gia súc.

Một hơi gió từ phía trái vừa lướt qua, Khun thấy tê tê làn da má. Mũi Khun khê khịt khịt đánh tiếng. Và tựa như nhận được tín hiệu quen thuộc, Khun liền khom người, rón rén bước. Dò dè từng bước chân, chéo qua một góc sân bếp, Khun ập đến cái chuồng ngựa quý. Linh cảm đã được xác nhận. Khun chỉ bực mỗi một điều là tại sao bây chớ lại bất động như bị bả mê cả. Mà rõ ràng là con tía trong chuồng vừa bị một bàn tay bí ẩn nào đó dắt ra. Trong chuồng không còn con ngựa tía, con tuần mã đẹp nhất, có nước đi hay nhất của quan.

Nhưng mà... con tía chưa ra khỏi nhà! Mũi Khun mách bảo như vậy. Khun nhún chân, vượt qua khu nhà ngang nơi gái xòe ở. Trong đêm mờ, Khun nhận ngay ra con tía cao lớn đang đứng cạnh cây xoan đào. Lạ, con tía bị thôi miên hay sao mà nó không hề phát ra một tiếng kêu khi Khun vỗ vào má nó. Tên trộm rõ ràng là dắt được con tía ra tới đây thì biết là bị theo dõi nên đã bỏ con ngựa lại và biến đi. Nó chưa chạy xa! Nó còn hy vọng sẽ trở lại lấy con ngựa. Nó chui rúc vào một bụi rậm nào gần đây thôi. Mũi Khun đánh hơi thấy mùi nó rồi.

Khun chấm những ngón chân trên đất, Khun đứng trước một bụi cây chó đẻ hôi sặc. Và Khun giương khẩu súng trường

đã nạp đạn, ngọn súng chọc vào bụi cây rung rung, tìm Khun lặng ngắt.

Phát súng nhân cường độ tiếng nổ lên gấp chục lần trong đêm thanh vắng đã đánh thức toàn bộ những người đang ngủ trong bốn tòa nhà. To tiếng khiếp đảm nhất là các phu nhân và các tiểu thư con quan châu. Những kẻ hầu hạ nhà quan thì chồm dậy là vớ ngay cây gậy, lưỡi dao, chạy ra sân tụ họp theo lệ định và thói quen thường trực.

Thỏ ty Vàng A Ký to, thẳng như cây pơ mu lão đại, đội mũ phớt, mặc áo bông dài, chống ba toong theo thói quen để lấy dáng hơn là để nương tựa, từ phòng đệ tứ phu nhân lập cập xuống thang gác, bước ra sân.

Cái sân đã bật hồng. Giữa sân, mấy con chó đang ngẩn ngẩn nhìn Khun, Khun từ phía sau khu chuồng gia súc đang quài tay về sau kéo vật gì sên sệt trên đất. Một con chó nhon nhón, quệt móng lạch tạch trên đất, chạy lại, chúi mũi hít hít. Khun quát “hầy” một tiếng to, xoay người, dùng sức ở thế vận thân, văng mạnh cánh tay.

Huych! Cái vật Khun kéo văng tới giữa sân, nghe thật nặng. Lập tức mấy con chó nhao ngay tới. Trời! Xác người chết! Chính xác hơn, xác một thằng bé bị bắn vỡ đầu. Mấy tên gia nhân vội xua đàn chó ra xa, giơ cao bó đuốc soi đường cho quan châu đi tới.

Quan châu cúi xuống cái đồng thịt đen sì cong queo, có chỗ bầy nhầy máu đỏ, lộn cợn những cục trắng trắng như bã đậu.

- Hừ!

- Bẩm quan, nó ăn trộm con ngựa tía của quan. Nó chui nhủi vào trong bụi cây chó để, định trốn.

- Mày làm thế nào bắn được nó?

Khun ngẩng lên, đưa tay quệt mồ hôi trán, tốn hai vành môi như môi ngựa:

- Bẩm con người thấy mùi nó từ ngoài xa. Con nhìn thấy nó

vì mắt con là mắt hổ, mắt thú. Da thịt con nghe được tiếng nó thở, nó rên rỉ sợ hãi.

- Giải! Giải!

Vàng A Ký gật gật, mắt chú mục vào Khun. Ánh sáng từ những ngọn đuốc lấp lóa. Bóng hình Khun lay động. Không rõ hình Khun là hình gì. Khun không ra hình người. Khun là một đồng bù xù hỗn mang, mông muội.

- Chúng bay đứng ì ra đấy à? Thương xót thằng kẻ cắp à? Trông gương anh Khun mà ăn mà làm! Mấy con chó ăn hại, sao không sửa một tiếng nào khi thằng trộm vào? Hôm nay phạt chúng bay một bữa! Quân ăn hại! - Ký vừa quát mắng đám gia nhân, đàn chó vừa rùng mình.

*

Khun ngủi được hơi lạ trong gió, nghe được bằng da thịt, nhìn xuyên thấu đêm tối. Những động vật cấp thấp, loài thú rừng thường cũng có những bản năng tài tình ấy. Hổ, báo biết trước động đất hàng giờ. Giun đất nghe, cảm bằng da... Khun là sự hồi tổ, là sự lộn giống, là cái bản tính bạo tàn của đời sống rừng rú, là cái hoang sơ của buổi khai thiên.

Biên ải lúc nào cũng có hình sắc của thời mới khai thiên. Đất hoang hóa chỉ cho phép tồn tại dưới ánh mặt trời những thế lực hùng mạnh, những thủ lĩnh gian ác, những tù trưởng thông thạo chiến chinh và kéo theo nó bọn theo đóm ăn tàn, những bản năng bán khai kinh thiên động địa.

Một sớm sương khói mờ mờ, nghe tiếng khóc của một đứa trẻ sơ sinh, một người lính khố xanh già đi tuần rẽ lên một cái lều nương, tìm thấy một đứa trẻ đỏ hỏn quẩn trong một cái chăn rách lột ở mình thằng bù nhìn rơm. Người lính già ôm đứa trẻ về trại. Ông là người Kinh, vợ cũng là người Kinh. Đồn trú nơi biên trấn, ông đưa vợ lên theo những mong sớm hôm gần gũi rồi sinh con, lập nghiệp để khi khấm khá, cũng là lúc mãn hạn lính, bỗng bế nhau trở về quê hương bản quán. Buồn

nỗi điều mong mỏi của họ càng lúc càng biến biệt; thuốc tây, thuốc ta, dâng hương đủ các đền, miếu thiêng liêng, họ vẫn chưa có được mụn con nào để vui vầy sớm hôm. Nay được đứa trẻ trai này, hai vợ chồng mừng lắm. Càng mừng hơn, tám, chín tuổi nó đã cao lớn bằng đứa khác mười lăm, tuy là đen đúa và xấu xí hơn những đứa trẻ khác.

Hai vợ chồng người lính không vì nó đen đúa và xấu xí mà ghét bỏ nó. Có ai ghét bỏ con cái mình vì lý do đó? Trái lại, họ càng thương nó. Nhưng điều đáng buồn là đứa trẻ có một thiên hướng hoàn toàn khác hẳn với người bình thường. Mười tuổi nó đã bỏ nhà đi lang thang. Nó thích ngủ ngoài sân, ngoài rừng hơn ở trong nhà, trên giường. Rồi nó tách hẳn ra khỏi hai vợ chồng người lính, tình nguyện trở thành người chăn ngựa cho thổ ty Vàng A Kỳ. Nó thích cưỡi ngựa, âu cũng là chuyện bình thường. Nhưng mười lăm tuổi nó đã sung vào đội quân chuyên đi đâm thuê chém mướn của quan châu để trả đũa các đồng sự của ngài thì là chuyện không bình thường. Khủng khiếp nhất là cái buổi chiều mẹ nó tìm nó về ăn cơm vì đã ba ngày nó không về. Nghe người ta mách, mẹ nó đi và tìm thấy nó đang ở bãi thả ngựa, ở đó có một xác người ăn mày chết đói. Nó dựng xác người nọ lên và nhảy quanh, cầm gậy đập cho đến lúc đầu của con người xấu số nọ chỉ còn bằng nắm tay. Mẹ nó kinh sợ quá, muồn ngắt. Nó cười hênh hếch: “Cái xác ấy mà! Sợ cái đêch gì!” Nó hẳn là con của một người đàn bà quái ác ngủ với một con đực mãnh thú nên bản năng mới tàn bạo vậy. Cuối cùng, khi nó ăn một bữa tiệc mười một món Kỳ đãi xong, cầm dao chặn đường, chặt một ngón tay của một người lái buôn Hoa kiều, theo sự chỉ dẫn của chính Kỳ, để trả nợ một tư thù nào đó thì hai vợ chồng người lính nọ lặng lẽ rời bỏ vùng đất dữ này, ngậm ngùi đứng trước Thần Phật, ăn năn và tạ lỗi, vì đã nuôi nấng một hồn máu rơi thành một hung thần tai ác.

Khôn là tên do vợ chồng người lính già đặt cho đứa bé. Trở thành vệ sĩ cho quan châu, nó được đổi là Khun - một cái tên

hay gặp ở một bộ tộc bị khinh rẻ.

Khun là con hoang, là sản phẩm của những cuộc chinh chiến, sát phạt tàn hại giữa các bầy đoàn, phe cánh. Cuối cùng, sau khi đã hoàn thiện toàn bộ tính cách hung bạo, Khun trở thành nanh hổ, vuốt gấu, răng chó, dao, súng, đao phủ khát máu, chết chóc và mù lòa của quan châu Vàng A Ký.

Bản năng được buông phóng thì không còn giới hạn. Cả đến hình xác cũng bị bản năng chi phối, vì vậy đã có lúc quan châu rừng mình sợ hãi khi nhìn kỹ tên tay sai của mình.

Bây giờ thì nhìn vóc dáng, tướng mạo Khun, người ta hẳn đoán không hiểu là quỷ sứ hiện hình vào Khun hay chính Khun là quỷ sứ cỡ siêu đẳng. Thấp, lùn, hai chân đã cái cao cái thấp lại khệnh khoạng, vòng kiềng. Một mắt lép, một tai không vành. Cả cái mặt cũng nham nhở như cái đầu lâu bị khoét, gặm dở dang, vì chỗ nào cũng thấy có vết sẹo, vết xây xước, vết dao chém. Cái sọ người góm guốc ấy cuối cùng lọt thỏm vào đám tóc, râu, lông lá rậm bù, hôi rình.

Chẳng phải thông thạo thuật tướng số mới nói được về con người Khun. Cái mặt ấy là trang lý lịch đời Khun, là cái bức dư đồ của hành trình đời Khun. Cái tai cụt là do đồng bọn cắt để trừng phạt tội phản thù. Con mắt lép là hậu quả của lần vỡ nòng súng. Vết sẹo này đem từ cuộc đâm chém nọ về, vết dao kia là chiến tích của một lần đi phục thù cho quan châu.

Khuôn mặt ấy còn tiết ra một hệ luận quan trọng hơn: Khun bạo liệt tàn nhẫn, nhưng Khun không ý thức được hành động của mình.

Sau hôm bắn chết thằng bé ăn trộm ngựa bằng tài thiện xạ và bản năng đánh hơi thú rừng, Khun cấp chai rượu Tây đi nghênh ngang trong khu trang trại.

Khun đến chỗ người xà ích đánh xe ngựa, rót một chén đưa cho ông, khật khưỡng:

- Rượu quan thưởng đấy, uống đi ông.
- Tôi cảm ơn ông.
- Sao lại không uống? Ông khinh tôi à?

- Không! Bây giờ tôi phải đánh xe đưa bà tư ra phố. Luật xà ích là không được có hơi men lúc này.

- Thôi được, lần sau còn chối, tôi gang hòng ông ra đấy.

Khun cấp chai rượu đến nhà gái xòe. Bọn gái xòe đang ưỡn ngực, rung vai theo nhịp kèn *pô le*, ngừng phất, chạy tóe, la hét như chợt thấy đuôi ươi đến nhà.

Khun đứng ở cửa, cười khằng khặc một chập, rồi bỏ đi.

Cuối cùng Khun xuống bếp.

Trong bếp, hai cái lò đỏ hồng. Mụ Coong người Hoa to xệ, ngực căng núc sau cái tạp dề xanh, đang đứng cạnh cái bàn thái, hai tay quài ra sau buộc cái khăn hoa ở sau gáy. Người đàn bà này đã ngoài bốn mươi, không chồng con. Quan châu chuộc từ một sông bạc ngoài tỉnh về, hồi đó ả làm hồ lý, còn là gái tơ. Vừa là kẻ nấu ăn vừa là đồ chơi của Ký đến nay đã hơn hai chục năm, người phụ nữ Hoa này đang mong mỗi có được tám chồng và một mái nhà riêng êm ấm.

Khun đặt chai rượu xuống trước mặt người đàn bà, khoằm khoằm:

- Hôm nay, quan châu ngài cho phép tôi...

- Cho phép gì?

- Cô uống một chén với tôi và ngủ với tôi.

Người đàn bà rút con dao to bản dùng để thái thịt, huơ lên. Nhưng Khun đã xông lại. Khun sợ gì dao. Mặt Khun, người Khun có thêm một vết sẹo nữa cũng chẳng có nghĩa lý gì. Với tất cả sức mạnh mãnh thú, hắn bế xốc người đàn bà lên và dằn ngửa bà xuống bệ bếp lò.

- Tao sẽ cắn lưỡi tao chết ngay bây giờ.

Người đàn bà giãy đạp, la hét, Khun thọc những ngón tay cứng như sắt vào miệng nạn nhân, cười khằng khặc.

- Tao sợ gì cái chết mà đem ra dọa tao, hả con đĩ già! Mày kêu tao sẽ móc lưỡi ra khỏi họng ngay bây giờ.

Nói đoạn hắn rút tay ra và cứ thế tát người đàn bà. Khi người đàn bà lủ lủ, hắn lại cù bà và bắt bà phải cười. Đó là thời kỳ cực điểm vinh thăng của Khun. Khun được quan châu cưng

chiều. Khun tha hồ tác oai tác quái.

Nhưng đời Khun đã đến lúc chuông đổ hồi báo tận?

Sự việc bắt đầu có lẽ là từ cái đêm quen thành lệ hẩn mò vào căn buồng ám khói với người đàn bà Hoa lỗ thời ấy. Hẩn vẫn mò vào đều đặn từ sau cái vự cưỡng bức nọ. Người đàn bà nấu ăn hóa ra đã đánh thức và nuôi dưỡng đời sống tình dục của Khun. Sức lực Khun lần đầu tiên không dùng để hủy hoại. Nó đem khoái lạc cho người phụ nữ nọ. Bà là một cơn dục luôn luôn bị kìm nén trong vòng kiềm tỏa. Cơ thể tràn ngập sức sống của bà bùng nổ liên miên cơn thèm muốn, dù chỉ là cơn thèm muốn sinh lý đơn thuần. Bà đã quen như vậy với Vàng A Ký. Lâu nay, lão bị bà vợ tư khổng chế, vả lại bà cũng không còn ở cái thời xuân sắc quyến rũ nữa. Nay, bà nhận ra Khun có thể thay thế được cái thằng đàn ông tên là Ký nọ. Khun như ác quỷ, như người rừng. Nhưng bà có cần nó yêu đương gì đâu mà kinh tởm, ghê sợ.

Người đàn bà trở nên dễ dãi. Nhưng điều xảy ra đã khiến bà bức bối khó chịu. Bà càng tỏ ra ngoan ngoãn, chiều chuộng hẩn thì hẩn càng tỏ ra hung tợn. Hẩn cắn cấu, đánh đấm, có lúc gào gầm như hổ báo động cồn ngay trong lúc làm tình với bà. Bà được thỏa mãn trong đau đớn, tủi nhục. Và sau đó, khi cơn dục đã xẹp, ngoài cái cảm giác trơ trẽn của sự hiến thân vô độ, người đàn bà ôm cái mối lo vô cùng trái tự nhiên: sợ phải mang thai.

Nhưng đã ba, bốn tháng nay rồi, bà thấy không còn mối lo ấy. Thế là thế nào? Hay Khun không phải giống người? Ở vùng này người ta bảo: Phụ nữ đi rừng có người mang thai với cả khi độc đấy. Vậy thì Khun cũng không phải là khỉ độc!

Đêm nay, khi Khun mò vào, bị ý nghĩ về dòng giống Khun ám ảnh, người phụ nữ Hoa lặng lẽ quan sát hẩn. Vẫn thói bạo liệt, ác thú, như con mèo vờn con chuột đến chết mới ăn thịt, hẩn hành hạ bà một thôi một hồi rồi mới hành lạc, nhưng tới lúc hẩn chồm lên người bà thì bà nhận ra hẩn không phải chỉ là người; hẩn vừa là người, vừa là khỉ độc, vừa là hùm beo, lợn

lòi, vừa là rắn rết.

Khun đâu có phải chỉ là người. Người đàn bà nhận ra điều đó vì lúc này cuộc ái ân của hấn và bà đang dâng lên cực điểm thì bỗng dưng Khun ngừng phát. Rồi tiếp đó hấn nhảy bịch xuống đất, mũi khìn khịt đánh hơi như chó săn thấy hơi lạ. Tình dục, cơn khoái lạc cực điểm cũng vẫn không che khuất được bản năng đạo phủ của Khun. Mặc vội quần áo, trùm khăn, đi ra cửa, người đàn bà thấy kẻ vừa làm tình với mình đã xách khẩu súng, nhảy vào bóng đêm, với cơn thèm khát của thú dữ thấy mồi.

Có một bọn lưu manh định ăn trộm ngựa của quan châu! Bọn ấy đã dắt được hai con ngựa quý ra khỏi chuồng! Chúng đã phóng đi!

Khun chạy ra cái chuồng nhốt ngựa quý. Quả nhiên, chỉ còn lại con bạch. Khun kéo con bạch ra, tót lên lưng nó. Con bạch định hí, Khun đưa tay bịt mõm nó, người nó rùng rùng một cơn sóng nhẹ sợ hãi. Nhanh lên, không bọn trộm chạy mất! Con bạch vụt qua sân như một ánh chớp. Con bạch xoắn những bước dài, êm nhẹ. Không còn chút hơi hướng đàn bà và cảm giác ái ân, người Khun hăm hập cơn bức bối truy đuổi đầy cảm xúc sói lang.

Nhưng lần này Khun không gặp may!

Đang trên mình ngựa, thân vắng những nhịp dài, Khun bỗng rơi vào trạng thái không trọng lượng. Hấn thấy mình lơ lửng rồi tối sầm mặt mày.

Tỉnh dậy, Khun thấy mình vừa ra khỏi màn đêm và bị trói nằm trên một cây gỗ. Bốn tên cướp mặc quần áo chèn, bịt cầm đứng quanh. Một đứa cầm cái cưa. Có lẽ cuộc hành hình sẽ có hình thức khủng khiếp ấy. Nhưng có lẽ vì thấy mặt Khun điềm nhiên nên cả bốn thằng lục lâm nọ chưa ra tay và ngồi xuống.

- Mày không sợ à?

Khun lắc đầu. Một thằng cười nhạt:

- Thế thì chúng tao phải cho mày sợ.

Khun lại lắc đầu:

- Chết là cái gì mà tao sợ!

Cả bốn tên đều nhăn trán. Khun là cái gì khó hiểu vậy? Cuối cùng, thằng già dặn nhất đám bảo lũ đàn em nối dây cho Khun. Nhưng dây vừa nối được mấy vòng nó lại bảo thít chặt lại. Và nó để cái cửa lên cổ chân Khun.

- Cửa hai chân nó trước. - Thằng trưởng nhóm nói, đứng dậy, nhìn Khun.

Mặt Khun vẫn tỉnh như không. Kể cả khi lưỡi cửa vừa xoẹt vào da thịt. Tất nhiên là thằng nọ hạ lệnh thôi cửa. Nó có vẻ căt:

- Khun, tao hỏi, mày nói thật đi!

- Tao không giấu!

- Mày đã giết bao nhiêu người?

- Mười. Mười lăm. Không nhớ.

- Vì sao mày thích giết người thế?

- Tao bảo vệ ông chủ.

- Trời!

Bốn đứa cùng kêu, rồi quay lại xì xầm tiếng Vân Nam với nhau. Thằng nọ tiếp:

- Mày là con lão Ký ư?

- Không.

- Mày là con chó nhà lão ư?

- Ừ.

Cả bọn bật cười. Chúng thấy Khun như một đứa dở người. Đợi cho tiếng cười lắng đi, tên trưởng nhóm mới hất hàm vào Khun:

- Tao hỏi một câu nữa thôi: Vì sao mày lại như chó liếm chân chủ với lão quan châu thế?

Câu hỏi khiến mặt Khun nhăn nhúm lại. Bốn tên cướp nhìn mặt Khun. Cái đầu lâu hoa cái kia nó đang vận động trí nhớ. Nó không có thói quen ghi nhớ, nghĩ ngợi. Trông nó khổ sở quá. Nhưng kìa nó nhớ rồi. Mặt nó dãn ra:

- Tao ơn ông ấy suốt đời. Một lần tao đói, ông gọi lên cho ăn một bữa tiệc mười một món, có món *xíu nhục*, còn ngon đến tận giờ.

Bốn tên cướp cùng ngăn người ra. Chúng không hiểu

Khun nói thật hay Khun đang trong cơn mê lẫn. Nhưng sau mấy giây ngơ ngẩn, bọn cướp cùng toác miệng cười khoái trá. Chúng vừa phát hiện ra một điều hệ trọng? Chúng nhâu nhâu quanh mặt Khun, gần như đồng thanh:

- Vậy mày là con lão Vàng A Ký?

- Không!

- Đúng thế rồi!

- Không phải!

- Lão Ký hiếp con đàn bà điên, con đàn bà điên ngủ thêm với lợn rừng, con chó sói, đẻ ra mày.

- Không! - Khun gào muốn vỡ họng.

Ở trang trại Vàng A Ký sáng ấy, trưa ấy nhao nhao như đàn gà thấy bóng điều hâu. Các gia nhân chạy vào chạy ra, hỏi nhau có thấy Khun đâu, rồi choáng choàng sục ra các bờ bụi quanh quất tìm kiếm. Ký thấy vậy bức quá, gọi tên quản lý lên truyền lệnh: "Ai vào việc nấy, thằng Khun nó chết thì mặc xác nó." Chiều sâm sẩm, Ký mới gọi mục Coổng lên buông.

- Lâu nay, cô vẫn đi lại với thằng Khun?

- Vâng.

- Cô yêu nó?

- Không.

Quan châu ngừng, nhần nhần môi, lia hai vệt mắt qua bộ ngực và đôi tay nắn nắn của người phụ nữ, rồi đột ngột:

- Vậy nó đâu?

- Tôi không biết!

- Đêm qua nó ngủ với cô. - Quan châu hạ giọng. - Nếu như có việc gì xảy ra, cô hãy cho tôi biết. Tôi biết, nó vừa là nhân ngãi vừa là kẻ cô căm tức cho nên có thể cô đã...

Người đàn bà chưa kịp bàng hoàng vì cái ý nghĩ tàn bạo của quan châu thì cánh cửa bị giật mạnh. Ở cửa, viên quản lý xốc vai Khun, Khun chỉ đứng được một chân, chân kia, ở gót dẫm máu đen.

- Ông chủ! - Khun kêu, bổ nhào vào Ký.

Nhưng Ký né người. Khun nằm dưới đất, thút thít:

- Ông chủ ơi, bọn cướp nó không giết con. Nó cắt gân một bên chân con, để con không đủ sức phò trợ ông chủ nữa. Thà nó giết con đi còn hơn, ông chủ ơi!

*

Năm 1950, trong Chiến dịch Biên giới, bộ đội ta đã phá tan cái trang trại có bốn tòa lầu đài nọ của Vàng A Ký.

Vàng A Ký trở thành trùm phỉ trong vùng này. Y là một phỉ thủ gian manh, quỷ quyệt, rắp tâm chống phá cách mạng đến cùng. Nhưng dân chúng còn cho biết thêm: Ký còn có một vệ sĩ chân què luôn cặp kè bên mình, trung thành với Ký còn hơn chó. Hạt ớt cay hơn vỏ ớt. Tên tay sai tàn tật này gian ác, gớm guốc còn hơn chủ.

Cuối năm 1954, các chiến sĩ công an tỉnh tôi mới bắt được Vàng A Ký. Trong cái hang sâu trên biên giới, y ẩn nấu gần một tháng trời và đang tìm đường trốn sang Lào. Được quần chúng cơ sở báo, các chiến sĩ công an đến vây cửa hang và gọi y ra hàng. Y đã trả lời bằng đạn.

Cuối cùng các chiến sĩ công an liều mình xông vào hang, dùng võ thuật bắt được y.

Trong hang còn một xác chết nằm ở tư thế bắn ra cửa hang. Đầu xác chết vỡ nát. Cái xác trông gớm khiếp, lật nó lên, trông nó không ra người. Cạnh cái xác là hai khẩu tiểu liên Sten đã hết đạn.

- Ai đấy?

- Khun.

- Nó làm gì?

- Vệ sĩ của tôi. Tôi bảo nó: “Thôi, ra hàng đi.” Nó không nghe, còn dọa bắn tôi, tôi đành phải hạ nó. - Ngừng một lát, Ký ngẩng lên, như buột miệng. - Nó không phải là con tôi. Còn nó là cái gì, chính tôi cũng không biết.

1978

MÓNG VUỐT THỜI GIAN

Sau cái đám cưới cực kỳ xa hoa và tốn kém cuối mùa thảo quả năm 1940, với sự có mặt đủ hết các quan đầu tỉnh, từ quan công sứ Excacalat đến quan chánh mật thám Delmat người Tây, cùng tất cả quan tri châu, châu úy, bạn đồng liêu và các sĩ quan chỉ huy đạo quân binh thuộc địa thứ tư, thổ ty Sê Sào Lín, tri châu xứ Giáy tự trị miền Tây tỉnh K đã có chín người vợ.

Chín người vợ, trừ bà cả, con gái quan châu bên miền Đông, kết thân theo kiểu hôn nhân môn đăng hộ đối, song phương ràng buộc cổ truyền, theo dư luận là để giải tỏa một mối thâm thù, nay đã năm mươi cái xuân xanh, hiện thân như một mụ quản gia nô cực kỳ nanh ác, còn tất cả đều là tám cái nồn nuồng mơn mớn đào tơ, trong đó phu nhân trẻ nhất mới có mười sáu tuổi, người Mán Đỏ, quan lấy sau buổi đi rừng thị sát vùng thảo quả. Chín người vợ, lấy trong chín hoàn cảnh khác nhau, nhưng kể cả trường hợp đệ nhất phu nhân thì cũng giống nhau ở chỗ: chúng là hệ quả một cơn đam mê thú rừng, một cuộc cưỡng bức thô lỗ, man rợ. Lín là một sinh lực căng tràn, đầy dương tính. Nhưng tuy thế y vẫn là viên thổ quan có học nhất, tính từ đời tổ tiên y vốn là dư đảng của lũ giặc Cờ Vàng hèn nhát, nhờ đầu hàng quân Pháp mà nên công danh, phú quý. Sắc dục tẩm chút hương hoa văn hóa cũng có dấu vết khác biệt thật. Chín người vợ của Lín là chín người đàn bà thuộc

chín sắc tộc khác nhau: Hoa, Mèo, Tày, Giáy, Thái, Pa Dí... Y có chủ ý thưởng thức đủ hết hương vị riêng từng chủng loại, chứ đâu có phải chỉ là một kẻ “thực bất tri kỳ vị”, ngu si hùng hục hưởng lạc. Chín người vợ thuộc chín sắc tộc trong vùng Lỉn cai quản, với hàng ngàn mẫu ruộng được chia theo danh nghĩa: ruộng chức dịch, ruộng phu, ruộng lính nhưng thực chất chỉ thuộc sở hữu một ông chủ là Lỉn. Hơn một vạn dân, hàng trăm năm nay đã quen lệ bầy đàn, bị bóc lột bằng địa tô lao dịch, dưới hình thức công không, bằng địa tô hiện vật, dưới hình thức cống nạp “thóc khách”, “gà khách” cho Lỉn mà vẫn không mấy may ý thức về trạng thái nô lệ của mình và sự cổ quái của hình thức cai trị của Lỉn. Khôn ngoan, Lỉn cũng đã biết biến đổi theo luồng gió văn minh quốc ngoại. Làm chủ những khu rừng pơ mu và thảo quả đặc sản, y đã biết liên doanh khai thác buôn bán với người Tàu. Y đã giao tiếp với người nước ngoài. Năm 1936, dự đấu xảo ở Hà Nội, y còn đem theo cả một đội xòe con gái đi mua vui - ganh đua với đội xòe nổi tiếng, có truyền thống của quan tri châu họ Đèo bên xứ Thái.

Lỉn chịu khó hưởng thụ. Y đâu có phải chỉ là một viên quan lại bản xứ cổ lỗ già nua, khuôn bó, không dám tung mình vào các cuộc ăn chơi cho phỉ sức. Chín người vợ. Thú vui chăn gối như vậy, đâu có phải hạng tầm thường. Và không nói thì ai cũng hiểu. Lỉn đâu có chịu đóng khung cuộc giao lưu tình dục ở con số chín. Đám nữ tì hầu hạ chốn khuê phòng các phu nhân, tham gia các công việc nơi trang ấp, lũ con gái bốn, năm chục cô vóc tốt, mã đẹp, hát hay, múa dẻo được trưng tập đến nhà quan hàng tháng theo lệ để tập tành trong đội xòe thực chất cũng còn là cái kho dự trữ lạc thú Lỉn có thể sử dụng bất cứ lúc nào.

Dự đám cưới đệ cửu phu nhân của Lỉn, các chính khách cỡ tỉnh và các ông quan nhà binh người Tây một lần nữa phát ghen về quyền lực và sức hưởng thụ khoái lạc trần gian của Lỉn. Bỗng thấy lưu luyến cái thời vua chúa mà ông cha họ

đã hò nhau lật đổ, họ ngăn người, ngấm ra cái thứ văn minh thành thị đã buông thả hết mức của họ, còn kém cỏi lắm, so với một tên chúa đất ở xứ mông muội này. Các ngài còn kinh ngạc hơn về sức bền bỉ, dẻo dai của Lỉn. Bảy mươi mà sinh lực y sao còn chan chứa thế! Chả lẽ y được cấu tạo bằng chất liệu khác với mọi người? Hay là ở với rừng nên y hấp thụ được sức sống của sư tử, gấu, lợn rừng và dê đực?

Trong bữa tiệc cưới thực đơn nửa Tây nửa Tàu, vừa liếc mắt tổng tình các cô gái Giáy hầu rượu, quan chánh mật thám Delmat nâng cốc rượu, nhìn gương mặt phương phi, khí lực tràn trề của quan thổ ty họ Sê, hạ một câu vui đùa và đầy hàm ý khinh miệt:

- Ngài có thể noi gương vua Minh Mạng được chăng, ngài Sê Sào Lỉn? “Nhất dạ ngũ giao, tam hữu dụng.” Một đêm ngủ với năm bà, ba bà có mang.

Lỉn xoay cốc rượu trong tay, lắc đầu:

- Thừa quan lớn, tôi không có chủ trương như vậy ạ.

Đó là một câu trả lời có vẻ tối nghĩa. Và chỉ có quan công sứ Excaclat vốn là chỗ giao du thân mật nhiều năm với dòng họ Sê mới có thể hiểu được. Ngài vỗ vai quan chánh mật thám, cố sức bằng ánh mắt và giọng nói để ông này giảm thiểu tối đa thói ganh ghét với đời sống đa dục của các quan lại bản xứ địa phương.

- Theo tôi, - quan công sứ nói, - nền văn hóa hôn nhân ở xứ này có những đặc điểm riêng. Trong đời một ông quan, họ không kết hôn một lần. Mà thường là... ít nhất ba lần chính thức.

- Ba lần... ít nhất?

- Đúng thế. Lần thứ nhất là thuở hàn vi. Lúc này họ cần một người đàn bà tần tảo, chịu thương chịu khó, ngõ hầu có thể giúp họ lập thân, lập nghiệp bằng con đường học hành, khoa cử. Khi công thành danh toại, họ kết thân lần thứ hai với một người đàn bà môn đăng hộ đối. Và lần thứ ba, khi đã về già, họ cần một người bạn tâm giao trẻ tuổi. Theo nguyên lý

sinh học, một cơ thể đã già lão có thể thanh xuân hóa khi gần gũi một thể chất non tơ.

- Nhưng... ở đây...

- Tôi hiểu... ở đây có sự quá đà. Nhưng ngài thông cảm cho... cánh đàn ông chúng ta một khi có quyền lực vô biên trong tay...

Hơ hơ hơ... Lỉn cười, vô cùng khâm phục sự hiểu biết sâu sắc của đức quan lớn đầu tỉnh. Nhưng y khước từ ngay khi vận vào mình.

- Riêng tôi... thì tôi không áp dụng lý thuyết trên. - Lỉn nói. - Ngay từ hồi còn trẻ, tôi thích cái gì tôi làm cái đó.

Quan chánh mặt thăm ngả hai cánh tay, vẫn chưa cởi bỏ vẻ mặt khinh bỉ:

- Nghĩa rằng là... lấy nhu cầu làm ông thầy dẫn lộ!

Quan công sứ gạt đầu, mặt dẫn nở, đầy vẻ bao dung:

- Nói dễ hiểu hơn là... con người về căn bản vẫn hành động theo cảm xúc, sở thích của mình.

- Tức thị nó chỉ là súc vật.

- Chưa hẳn. Nhưng thật tình, lý tính có chỉ đạo hành động của ta đâu. Ta ngủ với người đàn bà nào mà ta thích. Có đúng không, quý vị?

Lỉn cười hểnh hếch:

- Có điều kẻ ngu này muốn nói thêm là thế này. Các ngài quả là những người thuộc trình độ văn minh cao hơn hẳn xứ Giáy man đại này, nhưng thông thường các ngài thường dùng cái bên ngoài đưa vào để làm cho con người mình sung sướng. Ví dụ: các ngài ăn, các ngài nghe đàn, các ngài xem tranh. Còn quả nhân hèn mọn này kém cõi lắm, chỉ biết cái khoái thú ở ngay thân thể mình.

- Há!

Tất cả những vị tai to mặt lớn, các phu nhân đài các và tiểu thư quyền quý ngồi quanh bàn tiệc dõi theo cuộc nói chuyện có tính phiếm luận nọ cùng nhất loạt há hốc mồm kinh ngạc

kêu to. Thật là một ý tưởng lớn lao, một phát hiện vĩ đại! Thật là quá bất ngờ! Vì thật không thể tưởng tượng được ở xứ sở núi rừng bán khai này, ở một viên quan lại bản xứ thô phàm này lại có thể xuất hiện một mệnh đề triết lý nhân sinh hiển nhiên mà lý thú đến vậy!

Người nhận ra ngay giá trị triết học của câu nói tùy hứng của Sê Sào Lỉn tất nhiên là quan công sứ uyên bác. Đã chưa chưa cái thói huênh hoang, dị hợm của những kẻ võ ngực khen mình là kẻ khai hóa và chuyên đi áp đặt sự cai trị lên kẻ khác? Chưa biết kẻ nào khai sáng cho kẻ nào đâu nhé! Học vấn đâu đã hẳn là tiếp cận chân lý hơn trực giác! Nền văn minh chưa hẳn có tính chất tuyến tính, ở phía trước đâu. Không kiểm chế được những ý nghĩ ùn ùn như mối xông trong đầu, quan công sứ nghiêng mình, đưa cốc chúc mừng về phía Lỉn, rưng rưng cảm động và khâm phục, đoạn ngựa cổ đỏ cả cốc rượu nặng vào miệng.

Chà! Ran lên trong cõi sâu thẳm ngòi ngay lập tức một cơn sôi cuồng. Chao ôi! Ý tưởng gì mà trần trụi, mà thiêng liêng như nhuộm mùi vị tôn giáo vậy. Cái khoái thú tìm thấy ngay ở nơi ta! Mẹ kiếp! Thì ra là vậy. Thân xác ta, cái lục địa, cái tiểu vũ trụ tưởng là có kích tắc cụ thể, thâm tóm được mà hóa ra còn mênh mông, xa lắc. Đã tưởng là mảnh đất đã cày đi bừa lại nhẵn như chùi cả rồi mà hóa ra còn rất hoang vu. Đã tưởng là soi tỏ hết mọi góc ngách, ngọn nguồn mà hóa ra còn rất lơ mơ. Bản thể người, cái vùng rừng nguyên sinh mãi mãi còn huyền ảo trong trạng thái mù mờ. Và ta, tưởng là một gã sành sỏi lõi đời trong làng chơi hóa ra vẫn còn là một chú học trò nhóc cần luôn luôn nhận được bài học khai tâm.

Tuy nhiên trong khi lằng lằng vì bài học được tiếp nhận bất ngờ, quan công sứ thông tuệ vừa nhận ra cái sinh thể người thật là một hang ổ tối mò, lại cũng nhận ra trò chơi chữ nghĩa của Lỉn. Lỉn chơi trò lấu cá mà tự y không biết! Hưởng lạc bằng chính thân xác mình! Cứ làm như rằng y không cần một đối tượng nào khác để tác động. Y nhâm hay cố tình lơ đi,

khi chính y tìm cái khoái lạc không chỉ ở bản thân y mà ở cái mặt đối lập với y - người đàn bà?

- Ông khôn lắm, ông Lữ! Ông đánh lạc sự chú ý của chúng tôi.

Quan công sứ nháy nháy hai con mắt xanh lơ. Lữ cười đắc ý. Thật tình y không biết trò thò lò ngôn ngữ. Y không cao siêu. Y hướng về sự vui thú nơi trần gian. Đời y là một cuộc chơi phàm tục. Một cuộc chơi sinh thú, đầy ham mê. Quan công sứ đọc được ý nghĩ trong ánh mắt Lữ. Ngài lại nhó nháy hai con mắt đa tình. Ngài đã đứng trên đỉnh cao, đã nhìn thấy toàn cảnh xung quanh mình toàn là sự phàm tục. Ôi, phàm tục, cũng lại là một cách chơi chữ. Chữ nghĩa vốn là cái cách biện luận ma mãnh của con người. Làm gì có sự phàm tục và không phàm tục! Tất cả đều là hiện thực, là đời sống. Phân ngòi vị chỉ là trò bày đặt của con người.

*

Vào tuổi bảy mươi, sau khi đã “ăn muối nhiều hơn kẻ khác ăn cơm”, như câu thành ngữ Giáy quen thuộc, ngay cả khi quảng thân mình vào thú vui nhục dục, Lữ, kẻ có trực giác nguyên sơ bén nhạy hơn người, bỗng nhận ra tính chất độc đáo của đời mỗi con người: Con người ai cũng như ai, từ bậc đế vương đến tên đánh giặc, gã mã phu chỉ được sống có một lần và chỉ một lần mà thôi. Con người đi trên con đường của mình, đi thẳng, đã qua là thôi, không quay trở lại. Ấy thế, trên là trời, dưới là đất, xung quanh là sông núi, là hiện thực trường cửu, vô thủy vô chung, trong khi đó, trở trêu quá, cái sinh vật tinh khôn nhất, là vợ vật của tạo hóa là con người thì đời sống lại hữu hạn và vô cùng ngắn ngủi. Vì hữu hạn và ngắn ngủi như thế nên con người mới bày ra Thiên đường, Thiên giới, Thiên thai, Niết bàn, Cực lạc, toàn những cõi huyền hoặc, hư không để an ủi mình.

Oái oăm quá, con người chẳng có cách nào thoát khỏi được móng vuốt thời gian. Cái chết là bất khả kháng. Vàng bạc, châu báu, thậm chí cả tính mệnh kẻ khác nữa cũng chẳng có thể chống chọi lại hoặc thay đổi được cái chết. Cũng như phát hiện vĩ đại của Lỗ về cái khoái thú xác thịt, tinh thần ở ngay thân thể, viên thổ quan cũng nhận ra: cái chết nằm ngay ở bản thân mình. Kinh khủng, đó là một sự thực khốc liệt khiến bao giấc mơ vạn thọ vô cương của bao tiên liệt tan tành thành mây khói.

Liên tiếp một tháng trời, đêm nào Lỗ cũng mê thấy chuyện dữ. Mời thầy mo Dẫn Ráu đến, Lỗ hỏi:

- Đêm nào ta cũng mơ thấy một đám tang lớn. Lớn lắm. Vì rợp trời cờ phướn, cành phan. Lại có vông mục, lọng che, linh xa, kiệu rước. Có cả phường bát âm. Tất cả đều phải đi qua một đồng than hồng dài hơn chín thước. Bên cạnh có mười hai cái đầu trâu. Có một cầu vải dẫn linh hồn người chết lên trời, theo đúng phong tục người xứ ta. Xưa rày chưa thấy đám ma nào to thế. Ta bèn quát hỏi: “Đám ma ai to vậy?”, thì được các bà lão lần tràng hạt đồng thanh đáp: “Chúng tôi đưa ông thổ ty Sê Sào Lỗ về nơi yên nghỉ cuối cùng.” Bậy quá thể! Ta vẫn còn đây cơ mà!

Thầy mo Dẫn Ráu nổi tiếng trong xứ về tài đoán định vận số và giao tiếp được với thần thánh, ma quỷ chính là kẻ đứng làm chủ tế đám tang ông cụ thân sinh Lỗ cách đây ba mươi năm. Đám ấy có việc giết hai con trâu, có việc đám đi qua đồng than lửa. Riêng Dẫn Ráu còn đi qua hơn chục cái lưỡi cày nung đỏ để dẫn linh hồn người chết qua địa ngục.

Thầy mo Dẫn Ráu đáp:

- Bẩm, mê sáng là mê sáng nhưng cũng là điềm báo chẳng lành.

Lỗ toát mồ hôi:

- Sao lại tin thế được?

- Bẩm, cứ theo gia phả đẳng bên nội quan lớn thì thấy rất có thể là ứng nghiệm. Ông nội quan lớn, phụ thân quan lớn đều

không vượt khỏi tuổi bảy mươi ba. Còn quan lớn sao Thái Âm cư ở mệnh, tức thị tuổi trời cho, tức thiên tuế là bảy mươi ba.

- Trời!

- Trong lá số của bà cả, dạ, chỉ tính ngôi chính thất, sang năm nữa có sao Cô Thần chiếu mệnh, xấu lắm. Còn tử vi các công tử và quý nương...

Không để thầy mo Dẫn Ráu nói hết câu, Lữ đập bàn, quát: “Thôi”, rồi ôm mặt, ngửa lên trời:

- Có cách gì trường sinh bất tử không?

- Bẩm, có thể...

- Cách gì?

- Không chống lại hoàn toàn được, nhưng cải được.

- Nói tiếp đi.

- Bẩm. Một mặt giải hạn, yểm bùa trừ thần dịch. Một mặt tăng cường nội sinh nội lực. Xưa nay, các bậc vương quyền đều đã có làm và thu được hiệu nghiệm.

Ngay tuần đó, theo chỉ dẫn của thầy mo Dẫn Ráu, công việc giải hạn được lập tức xúc tiến. Hai đầu tòa biệt thự được hai hiệp thợ cùng lúc xây cất hai bể nước hình bán nguyệt, vì nghi địa thế có nguy cơ bị “con hỏa” tàn hại. Con suối ở mặt tiền trang ấp xẻ thêm một dòng chia nước về bên hữu, không cho xối hoàn toàn về bên tả như trước. Rừng núi, ruộng đồng xung quanh, hễ có chỗ nào nghi có huyết hiểm đều yểm bùa và hình nhân. Rồi lễ dâng sao, đội bát nhang, làm sớ, đốt hình nhân thể mạng ở các đền miếu trong châu. Sau hết, cùng với việc hạ lãi cho vay từ lệ *cha pủi*, một ăn một, xuống một nửa, Lữ sức cho dân khắp vùng gần xa ai có bài thuốc trường sinh bất lão đem dâng thì sẽ được trọng thưởng. Đâu có lợi, người kéo đến. Liên tiếp hết ngày này đến ngày khác, người đến xếp hàng trước cổng xin được dâng trình thần được, đông còn hơn cảnh phát chẩn dân nghèo.

Sau lời phi lộ như đúc một khuôn, các thần dân bày tỏ

nguyện vọng được thấy Sê đại quan tráng cường bất tử, để hoàn thành vĩ nghiệp đưa xứ Giáy tự trị đến tột đỉnh phồn vinh, lần lượt các bài thuốc và y lý được trình bày.

Lang y và lang vườn, bậc trí giả và kẻ chữ nghĩa không đầy vốc tay. Thuyết lý sâu xa và kinh nghiệm dân dã, thấy đều được bày tỏ. Dài dòng nhất phải kể đến việc thuyết trình đầy tính học thuật về thuyết trường sinh cửu thọ, về phép tính toan, chủ trương “chân không” điều hòa hô hấp để hòa khí và tụ vào đan điền, về thuật dưỡng sinh mà thực chất là dưỡng tâm, không để cho lòng vọng động, vì thân và tâm chỉ là một. Tiếp đó là cả một bộ sưu tập khổng lồ về các bài thuốc kỳ lạ, có tác dụng cường dương tráng khí, từ món thịt chuột sao tẩm các vị thuốc bắc, đến các lá lấu dê đực hay ăn mà kẻ sưu tầm đã bỏ công cả năm trời theo dõi, gạn lọc. Có bô lão dâng cả một chöße rượu ngâm chục con tắc kè, bảy loại rắn độc, cùng tinh hoàn chó, hươu và một ngàn ba trăm sáu mươi tám vị thuốc từ cây cỏ trên núi cao lại đã hạ thổ một trăm năm mươi ngày đêm.

Chưa hết, có thầy dựa trên sở cứ rằng bí quyết sống lâu là phải tinh luyện khí phách, thanh lọc khí huyết, bởi vậy thực đơn hằng ngày phải gạt bỏ ngũ cốc, vì nó làm vẩn đục tinh, khí, thần... Rượu, do đó sẽ là món ăn chính, nhưng chỉ nên say chênh choáng để gần với phiêu diêu, thoát tục. Có cả một tờ trình chủ trương tính toán quân bình âm dương kỹ lưỡng trong từng bữa ăn, sao cho không quá hàn, quá nhiệt và phải hấp thụ sao cho hết các kết thể âm dương, trong ánh sáng mặt trời, sương sớm, móc khuya.

Những bài thuốc này được thầy lang riêng của quan lớn họ Sê và chính quan lớn gạt bỏ, vì tính chất tầm thường, quá quen thuộc của nó.

Đã tưởng hết hy vọng thì họ nhận ra tri thức nhân loại quả là một đại dương vô tận mệnh mông, sâu thẳm. Một người đàn bà lưu lạc từ xứ Tây Trúc sang kính dâng bài thuốc cực kỳ đặc sắc của danh y Ấn Độ Sushruta, sống cách đây năm nghìn năm. Vị danh y này chủ trương cho ăn tinh hoàn hổ lớn và tủy

tươi của sư tử, đồng thời tiêm vào người chất lọc của tinh hoàn dê và mỗi sáng lúc đói phải nuốt một phôi gà mới áp được bảy, tám ngày.

Thật là quá ư cầu kỳ và tốn kém! Nhưng cả hai nhược điểm trên và thói sùng ngoại quá đáng đã tỏ ra là có lý. Sau nửa tháng sử dụng đơn thuốc bổ nọ, Lỉn thấy trong người phối như có gió xuân thổi vào. Nhưng lao vào cuộc truy hoan gấp gáp, tận lực với đám đàn bà thuộc quyền, chẳng bao lâu, y thấy đơn thuốc thiếu hẳn tác dụng gây trường lực. Y bắt đầu thấy mỏi gối, chồn chân, mắt hoa, đầu vầng và người cứ thủ dâm như cái cây rễ không hút được nước. Mỗi ngày y một hao kiệt, héo mòn.

May mắn, đến năm Lỉn bảy mươi hai tuổi, những tưởng mệnh đã tận, thấy đàn bà như mèo ốm thấy mỡ thì Lỉn gặp thầy gặp thuốc. Từ bên kia biên giới, có một phương sĩ tìm đến xin được diện kiến và phô bày linh dược của mình.

Phương sĩ nói:

- Trước hết xin đại nhân hãy tin rằng, có thể cải lão hoàn đồng được. Và từ thời viễn cổ đã có thứ thần dược, tiên đan đó rồi. Đời xưa, con vua Chu Linh Vương là Vương Tử Kiêu đã đạt được sự sống vĩnh viễn đó. Mà không phải là ở cõi Niết bàn nhà Phật đâu. Nghĩa là vẫn ở lại cõi trần, ngự phong nhi hành, chu du khắp hoàn vũ.

Lỉn mừng rỡ, nhưng sốt ruột, giục:

- Xin nói ngay kéo chậm trễ quá rồi. Kiếm được thần dược đó liệu có khó không?

Phương sĩ dập đầu:

- Dạ, đâu có khó kiếm như tinh hoàn hổ lớn, tửu tươi sư tử. Xin được nói ngay, tiên đan này được chế tạo trên nguyên lý: sinh lực bắt nguồn từ hỏa khí của mặt trời. Nhưng làm sao mà có thể ăn uống được chính hỏa khí của mặt trời? May mắn thay đã có một vật phẩm có khả năng hấp thụ được hỏa khí đó. Vật phẩm đó chính là vàng.

- Ôi! Vàng thì ta có vô số! Nhưng chẳng lẽ ông bảo ta ăn vàng, nuốt vàng ư?

- Bẩm, không. Không ai có thể tiêu hóa được vàng khối và cả khi làm vụn nó ra cả. Bẩm, hoàng hậu chính cung vua Tần Huệ Đế đã chết vì uống rượu ngâm vàng vụn đó. Vậy cho nên phải điều chế, tinh luyện và do đó phát sinh ra bí thuật luyện đan, luyện kim.

Lân sương rơn, giục phương sĩ nọ cho biết ngay bí thuật đó thì phương sĩ chấp tay:

- Bẩm, phải chính tay tôi điều khiển mọi việc từ đầu. Bởi liệu pháp này đã tồn tại hơn một ngàn năm trong Trung y, nhưng lâu nay ít được nhắc nhở, sợ thất truyền, sai lạc.

*

Sân lớn được dọn quang.

Chậu hoa, cây cảnh, bể nuôi cá vàng, hòn non bộ, cùng các đôn sứ, ghế đá, ngựa voi bằng sứ Tàu đều bưng bê đi nơi khác, sạch lầu.

Phương pháp luyện đan là hỏa chế, có từ thời Chiến Quốc, 480 - 221 trước Công nguyên, phải mất hơn tháng trời sau mới thực hiện được, vì phải có thời gian tuyển thợ chế tạo các công cụ.

Cuối cùng, giữa sân bắc một bếp lò cổ đại.

Trên lò đặt một đỉnh đồng đỏ hình cầu, lớn bằng chiếc vành bánh xe ngựa. Nối với đỉnh là bốn ống sắt nhỏ như cái xe điều một, uốn cong, để thông hơi và dẫn thuốc.

Chính tay phương sĩ nọ pha trộn các vật phẩm quý, gồm tám chục lượng vàng vụn, tám lượng thủy ngân, một chỉ hùng hoàng và một chỉ thư hoàng. Pha trộn xong, cũng chính tay phương sĩ đặt hỗn hợp đó ở giữa lòng đỉnh, rồi khoen một lỗ trứng đỏ thủy ngân vào. Tiếp đó, đập chặt, gắn mép đỉnh bằng hợp kim thiếc và bắt đầu nổi lửa. Lửa lò cháy thâu đêm suốt sáng!

Không một phút ngưng nghỉ, ngày này qua ngày khác, lò lúc nào cũng rùng rục đỏ khè. Toàn bộ số người trong ấp, từ bọn lính đồng đến đám gái xòe, lũ tôi tớ chăn dê, chăn ngựa, hầu hạ trong nhà, thấy đều được huy động phục dịch cho việc bào chế thần dược, dựng lều đặt sạp ăn ngủ la liệt trên sân.

Củ than dự trữ cho mấy mùa đông đốt sạch mà vẫn chưa đủ độ tinh luyện. Miệng lò như miệng con quái vật tham lam vô độ. Lại còn phải huy động than củi của dân quanh vùng. Chưa đủ! Dỡ cả hàng rào chống cướp vây quanh các làng Giáy cổ, cũng vẫn còn thiếu. Cực chẳng đã, phải ngả cây lớn trong rừng thờ thần Đoong Xía, tức vùng rừng cấm, xưa nay hễ ai động dao là bị thần quả phạt nặng nề. Cũng lại chưa đủ. Cả một vùng đồng thấp đã trở trụi, nay lại sức lên dân các bản Mán Đỏ, U Ní Đen trên rẻo núi cao, góp cây củi. Củi khô từng *chứa* dự phòng mùa đông giá hết, lại hạ cả cây tươi trên rừng cao kiệt nước để đốt được ngay, rồi chất lên lưng người lưng ngựa rờn rờn chảy về, kịp thời tiếp lửa.

Cả một vùng núi non trên cao dưới thấp giờ đây trụi trọc, hoang tàn, nhìn thấy cả bóng chim ở chân núi xa.

Khói từ lò nấu bốc lên ngày một đen đặc, u mờ cả trang ấp, hư ám cả nhật nguyệt. Không hiểu khói có chứa tà khí gì mà không sao cất mình lên được, cứ tụ lại thành từng đám phủ âm u cả một vùng sơn địa, u ám cả mặt người.

Mới được bốn mươi ngày. Còn bốn mốt ngày nữa mới hoàn thành chu kỳ nấu luyện!

Những ngày mong đợi là những phút cực lạc của Lỉn. Thật chẳng khác gì cái thống khoái khi y vờn người đàn bà mà y vừa tóm được trước khi khởi sự.

Nghêu ngao Lỉn hát:

Anh đây mười một tuổi đã phải lo

Mười hai tuổi rồi bản mường

Mười ba tuổi đi ở cho trưởng giáp

*Mười bốn tuổi đi ở cho nhà quan
 Anh phải chờ vịt kêu, gà gáy để ăn sáng
 Hứng giọt mưa sương để rửa mặt
 Lau mồ hôi đến bỏng mặt
 Leo núi đến rách chân.*

Bài dân ca quen thuộc vện vào đời Lữ chỉ có ý nghĩa bóng gió xa xôi.

Chiều ấy, Lữ mời phương sĩ lên lầu, ngồi đối ẩm. Sau cái vui bông bột, nhìn xuống cái đỉnh đồng đang đỏ rực như mắt quỷ trên sân, Lữ bỗng ngước lên phương sĩ như dò hỏi:

- Ông là người Tàu, hẳn biết nhiều kinh truyện cổ của nước Tàu. Ông có biết truyện Tử Sản tướng quốc nước Trịnh nghe tiếng người đàn bà khóc chồng chưa?

Phương sĩ nghiêng đầu:

- Bẩm, đọc sách kinh sử đã lâu, lại chuyên tâm theo dõi việc chế ngự thời gian nên cũng khuấy quên mất rồi.

Lữ nhướn hai con mắt:

- Việc chế ngự thời gian là việc gì vậy?

Phương sĩ cười:

- Là việc chấp cánh thêm cho hổ đó!

- Thế thì ta hiểu rồi. - Lữ gật gù. - Vậy ta kể ông nghe, vì thoáng qua là ta biết ông cùng ta ý hợp tâm đầu. Tử Sản là tướng quốc nước Trịnh. Một hôm nghe tiếng khóc chồng của một người đàn bà, liền hạ lệnh bắt ngay người đó giam lại. Khảo tra một hồi, người đó phải nhận đã tự tay thắt cổ chồng. Các quan thấy vậy, hỏi Tử Sản. Tử Sản đáp: "Ta nghe trong tiếng khóc thấy có điều gian."

- Chà!

- Nay, ta không bằng được Tử Sản nhưng ta cũng không đến nỗi có tai như điếc, có mắt như mù. Chỉ khác Tử Sản ở chỗ,

ta nghe trong tiếng cười chứ không phải tiếng khóc của đàn bà mà nhận ra điều gian.

Ngừng một lát nhìn thẳng vào mặt phương sĩ, Lỉn bỗng hạ giọng:

- Ông đã từng chung chăn gối với đàn bà nhiều rồi chứ?

Không đợi phương sĩ đáp, Lỉn tiếp luôn:

- Ngay trong cơn hoan lạc ngây ngất của ta và bọn họ, ta vẫn nhận ra sự dối trá của bọn họ. Ngay trong phút cuồng hứng của cuộc vân vũ, ta vẫn nhận ra sự phản trắc ngấm ngầm. Tưởng như họ tình nguyện đồng hành vào cuộc mộng du với ta, mà thực tình họ thầm mong ta chóng về nơi thiên cổ. Bụng dạ đàn bà thật khó hiểu. Nhưng cũng từ đó ta suy ra... Kìa, sao ông lại vái lạy ta?

Phương sĩ vừa sụp xuống đất, nghe Lỉn hỏi, liền chống tay vào đầu gối đứng dậy, thản nhiên:

- Bậc quân tử là người trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, giữa hiểu lòng người.

Lỉn đứng lên theo người nọ, ngập ngừng một vài giây, thần mặt, rồi hạ giọng:

- Ta muốn nói thật lòng một điều, không hiểu ông có tin ta không?

Nghe trong giọng nói của Lỉn thấy như có điều ăn năn, phương sĩ liền ngừng lên. Lỉn tiếp:

- Sự hưởng thụ xác thịt thật tình không phải là cái thú vui vô biên đâu. Ta muốn cải chính điều đó. Nếu trước nay, cái quá khứ đó là tà dâm thì ta sẽ xin cải đổi. Ta muốn trở lại đời sống chánh đạo. Xưa có câu nói: sau bốn mươi tuổi không nên có phong độ của dân Do Thái mà nên như người Tàu.

Phương sĩ vòng tay, cung kính:

- Xin được trả lời ngài lần lượt. Bậc quân tử và kẻ tiểu nhân thường đối mặt nhau. Nhưng cả hai đều đối mặt với thời gian. Cùng chạy đua với thời gian. Tôi ở phía với ngài. Có điều

xin được nói rõ: Thú đàn bà, thú làm quan cai trị cũng là thú thân xác, nhục dục, thú muốn chiếm đoạt ở ngay trong bản thân, như có lần ngài nói, không bỏ được. Xin nhắc lại: Không bỏ được, không cải đổi được!

Nói xong, phương sĩ cúi đầu xin cáo biệt rồi lững thững đi theo bậc thang xuống sân, điệu bộ thật ung dung, ngạo mạn. Lẫn giữa người lo sợ như ở giữa hoang mê.

*

Ngày thứ sáu mươi qua.

Ngày thứ bảy mươi, miệng lò đỏ ngòm.

Ngày thứ tám mốt, hạn cuối cùng của việc hỏa chế đã tới. Củi đốt đến *chữa* cuối cùng. Than vạc dần. Đỉnh đồng đỏ lừ, rồi ngả màu xám hồng, xám tro.

Đội đến sương xuống, đúng giờ Tý, lúc trời mở, phương sĩ nọ mới bắc thang leo lên nóc đỉnh, thận trọng mở nắp. Hắt hơi liên tục một tràng và xây xẩm mặt mày, y tụt xuống thang xuống đất, lăn ra bất tỉnh. Gần sáng, hồi tỉnh, y mới tiếp tục công việc thu hồi linh dược.

Kết quả thu được không phụ công sức bỏ ra.

Trong lòng đỉnh giờ đây, sau gần ba tháng trời liên tục nung nấu, trải tương phối, giao hòa, biến hóa, chọn tuyển, kết tinh, còn lại một vũng nhỏ chất lỏng vàng óng ánh, sánh lạnh.

Chất lỏng nọ được múc vào cốc bạc, trịnh trọng đưa lên phòng riêng của quan lớn họ Sê. Đựng trong cốc bạc, chất nọ càng có vẻ biến huyền kỳ lạ, như một phép màu tự hóa của vạn vật. Lẫn sung sướng, rên rã, nhắc cốc tiên dược, nhìn chín phu nhân vây quanh, ánh mắt không giấu nổi sự đắc thắng.

- Các nàng, ta trông thấy linh đan này giống như chất sinh khí vĩnh tồn của ta. Nào, đêm nay... sau đó là cuộc đổi đời của ta...

Nói xong, Lữ ghé môi, nâng đít cốc, uống một hơi, cạn cốc thuốc tiên.

*

Đám ma Lữ thật to! Mười hai con trâu bị giết thịt là mười hai cái mũ che nắng cho linh hồn Lữ đi dưới cõi âm. Thầy mo Dẫn Ráu đi trên mấy chục cái lưới cày nung đỏ, rồi dẫn chín người vợ của Lữ đi qua đồng than hồng dài chín mét, tiến đưa Lữ xuống suối vàng.

Lữ chết sau một đêm ối mưa, rên la quần quai, ỉa đái dầm dề, đau khắp mình mẩy, rồi bại xuội tứ chi, mặt đen tím dần. Y chết sớm hơn tuổi trời cho một năm. Mấy kẻ thuộc hạ trung thành sau đám tang Lữ, ngồi với nhau, cùng sùng sốt kêu trời: “Sao bậc vương quyền lại có lúc nhiều tâm, mê muội nông cuồng đến thế!” Sực nhớ, hỏi thì không còn thấy phương sĩ, kẻ chế ngự thời gian, gã chống trời nọ đâu nữa. Có người nói y là thuộc hạ của ông thổ ty bên miền Đông, kẻ thâm thù không đội trời chung của cha con họ Sê. Đôi bên đã có lần đào mồ cuốc mả tổ tiên nhau và bắt người trong họ của nhau đội đĩa đèn, tế sống.

Nhưng nhiều người nói: Làm gì có phương sĩ nào, chưa ai thấy, gặp bao giờ cả. Chưa một ai thấy y, gặp y bao giờ cả. Lại có người nói: Việc chế hỏa linh được là do thầy mo Dẫn Ráu đảm nhiệm. Ông này vốn là nhân tình của bà tư quan lớn họ Sê!

15/11/1991

GIÀNG TẢ, KẼ LANG THANG

Y Tí là mảnh đất phía cực Tây của tỉnh Lào Cai, nó được mệnh danh là mái nhà của cả vùng đất núi non hiểm trở này. Điều ví von ấy nếu được các nhà địa lý khen là chính xác thì ta có thể nói thêm: Những mảnh ruộng ở miền rẻo cao chót vót này là những viên ngói lợp trên mái nhà nọ. Những mảnh ruộng ở vùng này có một đặc điểm chung: Dấu chủ của nó là người Mông, người Dao, người Xá hay bộ tộc gì đi chăng nữa thì thoát đâu, nó cũng là tác phẩm được thành tạo bằng sức lao động của người Hà Nhì.

Người Hà Nhì dân số ít ỏi, là cái bộ tộc bản địa đầu tiên ở đây, nhưng trở trêu, họ không có mấy ruộng nương, trâu ngựa sở hữu; đa phần họ chỉ là dân đi bán sức lao động. Khắp vùng, đâu đâu cũng thấy người Hà Nhì phá ruộng, khai nương, đập đá, xây cầu, thồ hàng... làm toàn những việc nặng nhọc. Người Hà Nhì là kẻ làm thuê cho người khác! Giàng Tả, hai mươi tuổi, người Hà Nhì, cũng như những trai tráng bộ tộc mình, quanh năm suốt tháng đi làm thuê làm mướn. Ấy thế, thua kém mọi người về đường của cải thông thường như nhà cửa, thóc lúa, gia súc, điền thổ nhưng Giàng Tả hơn hẳn mọi người ở thứ của cải vô giá: sức khỏe. Cũng là da là thịt mà da thịt Giàng Tả như sắt như đồng. Vai Giàng Tả rộng gấp rưỡi vai người. Ngực phồng như hai quả gò, bả vai nổi u xương. Cái cổ, cái đầu còn lạ hơn, thẳng đơ một đường, không biết gục xuống

chịu lụy ai, lúc nào cũng như quyết giữ thẳng, bành ra, to bằng mặt, trông như một khối đúc liền, với vài ba nét mắt, miệng, mũi ngắn nhỏ, đơn sơ. Tất cả sức mạnh như vậy là không biết phô ra, chúng chìm trong da thịt, xương cốt, trong dáng đứng bước đi ngay ngắn, tự nhiên.

Y Tí cao hơn hai nghìn mét, chỉ có hai mùa thu đông trong năm. Mùa đông, bầu trời Y Tí xanh ngắt ngất, rợn cả con mắt. Nước ruộng kết băng phẳng lì cứng bóng như kính. Nhà nào nhà nấy lấy lá chuối thút nút hết các lỗ cửa sổ. Bếp lửa trong nhà lúc nào cũng rùng rục cháy. Củi sưởi xếp từng *chũa* cao vượt mái nhà, dự trữ hàng năm.

Giàng Tả không có nhà để ngồi sưởi. Giàng Tả đêm ngủ trong cái hội quán ở đầu làng Lao Chải, ngày đi lang thang kiếm việc làm thuê lấy cái ăn. Mùa đông, rét quá, chẳng ai muốn ra khỏi nhà, động chân động tay nên ai cũng thích thuê Giàng Tả. Giàng Tả làm việc gì cũng đến nơi đến chốn, không biết ăn gian ăn bớt. *Chũa* củi thuê kiếm bao giờ cũng đầy đặn, khô nỏ. Mảnh ruộng thuê cày không bao giờ bị lỗi, hoặc chỗ sâu chỗ nông. Đã thế, việc nặng mấy cũng không nề hà, cũng chẳng bắt bí, vò thêm công xá.

Trông Giàng Tả thô củi, thô đá mới thấy cái sức lực vô cùng của anh. Hập! Anh ghé lưng, giật hai đầu dây da trâu. Cả *chũa* củi to kình càng bằng con trâu mòng ập vào cái áo móc bện áp lưng. Sợi dây nịt giữ *chũa* củi vòng qua đầu, chịt vào trán. Trời! Giàng Tả thô bằng trán! Người khác thô bằng vai. Tất cả sức nặng đè lên đôi vai. Giàng Tả cũng như nhiều người Hà Nhì khác, thô bằng trán. Tất cả sức nặng của vật thô tì chặt vào trán. Cái đầu không khỏe là ật ra sau, cái cổ không cứng là gãy liền. Cái đầu, cái cổ Giàng Tả không bao giờ ật, gãy được, vì đó là cái đầu, cái cổ của ông bà tổ tiên để lại cho. Chuyện kể rằng: Người Hà Nhì xưa cũng như người các bộ tộc khác, thô bằng vai. Nhưng một lần gặp hổ, vướng dây thô vai, không tung hoành đánh trả hổ được, bị hổ ăn thịt. Từ đó con

cháu loay hoay tìm cách giải hận cha ông. Cuối cùng nghĩ ra cách quàng dây thồ lên trán. Như vậy, gặp kẻ thù, chỉ cần đưa tay hất dây thồ qua đầu là có thể thoát gánh nặng, rảnh tay đối phó. Giờ, thồ bằng trán, bằng đầu đã quen, đến mức dây thồ chẳng qua in một vết lõm trên trán. Hóa ra đầu, cổ con người có thể cứng như cái trụ đá, cái cột lim như thế!

Lý trưởng Ly Si Gơ mặt ngựa, râu dê thêm cái sức của Giàng Tả. Gặp Giàng Tả ngủ ở cái bãi chơi đầu bản Lao Chải, Ly Si Gơ vỗ vai anh, gạ gẫm:

- Sao cứ như con chim không tổ thế? Về làm cho tao đi, Giàng Tả!

- Trả bao nhiêu tiền?

- Ăn không kể. Một năm thêm tám chục đồng bạc trắng.

- Thế thì được!

Thật dễ dàng, Giàng Tả trở thành người ăn người ở trong nhà Ly Si Gơ. Lại vẫn cái trán gồ bướng bình hần lõm vết dây, cái lưng cánh phăn ấy, suốt ngày đưa củi từ rừng về nhà. Rồi cũng lại cái sợi dây da trâu ấy, cái áo móc bên lót lưng ấy, chuyển những phiến đá đục rộng nửa mét, dài hai mét, từ bờ suối lên đỉnh đồi, xây nhà cho lý trưởng. Chuyển thồ của Giàng Tả hơn cả ngựa, cả trâu, gấp bốn gấp năm người khác.

Dạo đó là năm 50, tất cả các chức dịch xã, tổng trong vùng bỗng nhôn nhao chuyện xây hầm, xây lô cốt nổi, lô cốt chìm. Nghe phong thanh sẽ có đánh nhau to lắm. Rồi chẳng còn phong thanh nữa. Ly Si Gơ họp gia nô trong nhà, nói:

- Việt Minh lên đây, chúng sẽ cướp hết, giết hết. Vậy mọi người phải đồng lòng cùng ăn, cùng làm, cùng chống Việt Minh!

Rồi Ly Si Gơ giới thiệu quan hai đồn trưởng De Nive. Quan hai Tây lừ lừ đi qua trước mặt các gia nô, thấy ai có thể đăng lính được là gọi ra thử sức. Thử sức là đá một bãi xem có trôi hết một đấu cát không. Giàng Tả bị gọi đi thử, nhất định không

chịu vạch quần. Tây sừng sộ cũng mặc. Đã tưởng Tây đánh thì Ly Si Gơ đến xì xồ với Tây và vỗ vỗ vai Giàng Tả, cười nịnh.

Từ đó, Giàng Tả không vào lính đồn nhưng ngày ngày thồ đá cục, đá tảng xây lô cốt. Khiếp quá! Cái lô cốt Tây xây cheo leo mồm núi, mà đá thì nặng, một hòn lên tới nặng bằng trăm hòn. Một bận, có bạn thợ cùng làm ngã treọ chân. Giàng Tả đỡ bạn, hất luôn cả tải đá của bạn lên lưng, lên đầu mình. Tây De Nive lắc đầu, lè lưỡi hỏi: “Mày có thồ được nặng nữa không?” Giàng Tả nói: “Mày mất gì cho tôi?” Tây De Nive trợn mắt: “Một chai *sâm banh*.” Giàng Tả hét: “Vắt cái phuy xăng kia ra đây!” Ôi trời! Cái phuy xăng to tổ bố, chứa hai trăm lít. Thế mà hập cái lên lưng, phất cái sợi dây da vít lên trán. Rồi tun tút đi xuống dốc, phăm phăm đi ngược trở lại. Tây De Nive tóe sao hai con mắt xanh, đưa chai *sâm banh* tay còn run run, như sợ ông Thiên Lô, ông Hộ Pháp tóm tay, bẻ cổ, tuốt xương. Từ đấy Tây đồn và Ly Si Gơ đều vì nể Giàng Tả.

Vậy mà một ngày tháng Tư nọ người Lao Chải lại thấy Giàng Tả trở về, ngủ trong cái hội quán ở bãi chơi đầu bản. Hội quán là cái lều bát giác, bốn bề trống toang nằm giữa một bãi đất, có dây đu, đu quay, xung quanh trồng cây cọ lùn làm cảnh. Đêm đêm trai gái trong bản vác chăn ra hội quán ngủ, trò chuyện, tìm hiểu nhau. Tháng Tư, có mấy ngày hội gọi là ngày hội phóng đăng, trai gái tự do ân ái. Người ta bảo đó là nỗi nhớ đời sống quần hôn ngày xưa. Giàng Tả ngoài hai mươi, sức dư thừa, chắc cũng muốn thỏa cái giới tính háo dục của mình đây. Ai cũng nghĩ vậy. Nhưng quái lạ, mọi người nghĩ sai cả. Giàng Tả ngủ lệt bệt suốt ngày. Tỉnh dậy, gái đẹp đến chèo kéo, non nỉ cũng lờ đi. Hóa ra Giàng Tả đang bức với Tây đồn và Ly Si Gơ. Bọn trai làng thấy vậy xúm đến hỏi han trò chuyện.

- Sao, họ không trả tiền mày à?

- Có trả.

- Thế sao không làm nữa? Sợ Việt Minh lên cướp, giết à?

Đứng dậy, Giàng Tả vỗ bèn bẹt vào bộ ngực nở như sừng sộ:

- Tao làm gì nên tội mà nó giết? Tao có cái gì mà nó cướp?

- Mày thồ cả phuy xăng cho Tây!

- Ai bảo nó thách tao!

- Thế sao bây giờ bỏ đi?

- Nó đều.

- Đều thế nào? Nó trả tiền mày đấy thôi.

- Nó giết người, chúng mày không thấy à? Một người bạn thợ nề xây đá trên lô cốt ngã xuống chết, nó còn chửi. Nó không cho tiền mua quan tài chôn.

Bọn trai làng lắc lắc đầu, có đứa trêu:

- Có chết mày đâu mà mày tức.

Giàng Tả chỉ mặt nó:

- Mày không bằng con chó. Con chó nó không bao giờ ăn thịt bạn nó nhé.

Rồi vắt cái áo móc lên vai, cầm sợi dây da trên tay, bỏ đi.

*

Giàng Tả rời Lao Chải ít lâu thì đồn Tây vỡ, Việt Minh từ vùng xuôi lên đuổi bạt De Nive và Ly Si Gơ sang Lào. Rồi từ đó hai tên chạy vào Sài Gòn hay sang Thái Lan gì đó sống cuộc đời của kẻ vong gia thất thổ.

Ấy là người ta đồn vậy. Cũng như người ta đồn rằng: Giàng Tả đã ra tỉnh, rồi lại xuống vùng thấp người Tày, người Thái, làm ăn giàu có, xênh xang lắm.

Thật tình, không phải thế. Như bao người Hà Nhì lang thang khốn khổ, trong những năm tháng chiến tranh ấy, Giàng Tả là hạt cỏ cứ bay đi, gặp đất tốt đậu lại, rồi gió thổi tới lại bay đi, vô định. Đời Giàng Tả vẫn là đời làm thuê làm

mướn. Vẫn là cái đời con người chất phác sống bằng đôi tay lao động, sức lực của chính bản thân mình.

Giàng Tả đến làng Mông Thèn Pả dẫn gỗ thuê, qua làng Dao Đồng Tuyển chặt nửa mướn. Rồi phát nương cho người Xá, phá ruộng cho người Thái, khai nương cho người Tày. Dấu vết sức lao động của Giàng Tả lưu giữ ở khắp nơi. Trên những khu đồng ruộng bậc thang, mảnh dài như dải khăn vắt, miếng the le như hình cái lược trai. Ở con nương quanh co từ đầu nguồn nước tỏa đều khắp cả khu đồng thấp, khu đồng cao.

Giàng Tả chẳng thể ở đâu lâu. Cứ kể có việc đều và chí thú làm ăn thì cũng có thể có được một cơ nghiệp nho nhỏ đấy. Nhưng việc thì chẳng đều mà Giàng Tả cũng chẳng có chí làm giàu, không thích dành dụm. Dành dụm làm gì? Miếng ăn ở bàn tay. Việc gì phải lo xa. Cũng có vài ba cô người Mông, người Dao, người Xá đem lòng yêu mến Giàng Tả đấy. Nhưng Giàng Tả tính lạ, hay cả thẹn và anh rất nhớ quê Lao Chải mình.

Cuối cùng Giàng Tả lại tìm đường về bản quê Lao Chải. Lao Chải bản quê, từ ngày anh bỏ đi đã có bao đổi thay. Việt Minh về. Tây đồn thua chạy. Giờ là chế độ dân làm chủ, không còn cảnh bắt lính, bắt làm gia nô nữa. Ấy là anh nghe người ta nói vậy, chứ chưa một lần trở về nên chưa được thấy.

Sẩm tối ấy, Giàng Tả mới về đến cái hội quán ở bãi chơi đầu bản. Anh ngủ ở đó qua đêm và rất lạ vì thấy trong cái lều bát giác lợp cỏ đêm ấy vắng tanh không một bóng người.

Giàng Tả không hay biết gì hết. Nhiều người già trong làng cũng không hay biết gì hết. Chỉ có đám trai gái bản là biết. Họ tập trung ở nhà xã đội trưởng để chuẩn bị chiến đấu. Có tin đêm đó Ly Si Gơ cùng mười tên biệt kích sẽ nhảy dù xuống để nổi phỉ. Nhưng cuối cùng đám thanh niên nam nữ cũng bị lừa. Ly Si Gơ và biệt kích nhảy dù xuống lại được xã đội trưởng đón tiếp như quan khách. Trong một đêm, trai gái Lao

Chải đang đóng vai du kích quân lập tức trở thành thổ phỉ. Họ cả nghe xã đội trưởng làm phản.

Giàng Tả tỉnh dậy đã thấy đèn đuốc sáng rực bãi chơi. Bị ai đổ đá vào sườn, anh ngồi bật lên thì thấy Ly Si Gơ đang đứng trước mặt.

- A, Giàng Tả, mày đi mãi đâu, giờ mới lại thấy mặt?

Giàng Tả dụi mắt, mãi vẫn thấy trước mặt mình loá loá bóng người:

- Mày là ai nhỉ? Trông hơi quen quen thôi!

Ly Si Gơ cười. Giàng Tả nhận ra cái mặt ngựa, cái chòm râu dê. Nhưng bộ quần áo văn vện trên người y cùng một cái sẹo trên thái dương y thì không nhận ra.

- Ly Si Gơ đây mà.

- Ly Si Gơ nào?

- Hà, vãn, cái thằng búống bình, bảo vạch chim ra đài không chịu đài!

Bọn phỉ đứng quanh cười à à.

Giàng Tả đứng dậy, xốc cổ áo:

- À, tao nhận ra ông rồi. Tưởng đi tận đâu rồi chứ! Lại quay về bắt tao vào lính hả?

Ly Si Gơ cười hặc hặc:

- Không bắt anh vào lính đâu. Sức anh làm lính phí đi. Thôi, ta cứ về đồn đã!

- Về làm gì?

- Về đã! - Ly Si Gơ ghé xuống Giàng Tả, thân thiết. - Anh ơi, anh không hiểu thời thế gì hết! Việt Minh nó gian ác lắm.

- Tôi có gặp nó rồi! Có thấy nó ác đâu?

- Trời! Bụng nó là lửa nhưng miệng nó là nước đó.

- Nó không bắt tội tôi. Tôi không có tội.

- Ấy, thế thì may cho anh rồi!

Ly Si Gơ phùng má. Giàng Tả ngơ ngơ. Ly Si Gơ vỗ vai Tả đánh bộp:

- Là bởi vì nó không biết anh là quân của tôi, nếu biết, nó coi anh là kẻ thù của nó. Thôi, về đồn, chuyện còn dài lắm.

Bọn phải kéo về đồn. Cả Giàng Tả cũng về đồn. Tất cả trai bản cũng về đồn. Ấy là những tháng ngày đời sống chuyển phắt sang một bước ngoặt bất thường. Tất cả đều đảo lộn và nhiều kẻ như bị gió độc, cứ như phát cuồng phát điên. Nhất là sau khi Ly Si Gơ mở rộng địa bàn chiếm đóng ra gần sát huyện lỵ, nghĩa là y đã chiếm cứ hết cả cái nóc nhà của tỉnh này. Cái đời sống của kẻ cày đất, phát nương, gieo trồng gặt hái thế là bỏ bằng, thay vào đó là đời sống của kẻ chiến binh xông pha nơi hòn tên mũi đạn.

Giàng Tả không phải xông pha nơi hòn tên mũi đạn nhưng cũng chẳng thoát khỏi cách sống như đã bị khuôn định vậy. Dẫu rằng chỉ làm công việc phục dịch ở trong đồn, như cắt cỏ ngựa, thồ nước ăn... thì cũng là một bộ phận của cái đám người chỉ nhằm nhằm việc đánh nhau, chứ không tự tay mình làm ra cái ăn, cái mặc. Cái ăn, cái mặc, tất cả mọi thứ đều ngóng trông lên trời cả. Trời đây không phải là Giàng, là Lùng như vẫn thường kêu dẫu. Trời đây là cái tàu bay của quan hai De Nive. Một hôm, Ly Si Gơ bảo lính vác ra ngoài sân một cái hộp vuông xanh. Rồi chỉ vào hai cái tay quay như cái guồng, bảo Giàng Tả: "Quay đi!" Giàng Tả quay, cái máy kêu ro ro. Lát sau thấy trên trời có tiếng ve ve và cái máy bay to như cái cây chuối rừng lượn vòng tròn. Bọn phải bảo: Đó là ông một Gơ nói chuyện với người Trời. Người Trời là ông Tây De Nive. Người Trời từ hôm đó tuần hai lần đến tụt ra từ phía đuôi những dù xanh, dù trắng, dù vàng. Xuống đến đất, những dù đó là súng, là đạn, là áo quần, giày tất, đèn pin, mũ sắt. Lại cả gạo đóng sẵn trong bao tải, xoong chảo, thịt hộp, rau hộp, thuốc lá, rượu và cái đùi bò còn tươi nguyên.

Trai tráng trong đồn được phân thành thứ bậc để nhận khẩu phần ăn uống, quần áo, súng đạn. Giàng Tả cũng được chia mọi thứ. Nhưng quần áo Tả không mặc vì chê dày, cứng. Giày da Tả cũng không đi vì trầy da chân; một lần đi nhầm chân nọ sang chân kia, bọn lính trông thấy lăn ra cười, Tả bực quá lẳng luôn đôi *săng đá* xuống suối. Tả không cần giày của Tây, chân Tả gai rừng còn phải sợ kia. Tả cũng không thích chờ cơm Tây. Hay gì miếng ăn phải châu chực mới có! Ý nghĩ của Tả khác hẳn ý nghĩ của Gơ. Gơ đeo lon quan một, cầu vai vàng chóa, Gơ cười, cái sẹo ở thái dương loang loáng:

- Sao mà mặt mày như trời mưa dầm thế, Giàng Tả?
- Tôi không thích sống thế này.
- Thế nào mà không thích?
- Ngày ngày chờ cái tàu bay nó ị xuống mới có cái ăn, cái mặc.

Gơ cười sặc sụa. Ý nghĩ của Giàng Tả ngộ nghĩnh và thực thà quá. Nguyên là lý trưởng Lao Chải, chạy theo Tây năm 1950, về đây gây phỉ sau khi đã qua trường biệt kích ở *Cap Xanh Giắc*¹ nên giờ Gơ khôn ngoan hơn xưa nhiều. Thế là Gơ đâm yêu vào vai Tả, về rất bạn bè:

- Mày nói hợp cái bụng tôi: Tôi không thích lệ thuộc vào ai hết!

Tả chưa hiểu mô tê, đã thấy Gơ hươ tay gọi bọn trai làng đến, rồi cao giọng:

- Anh em ơi, ngựa dù có hay mấy mà lâu không chạy cũng hư đi. Người tốt mấy không làm ăn, làm mặc cũng hỏng đi. Ta nhúc nhích chân tay nào. Thi xem ai khỏe nhé!

Cả đám trai cuốn Giàng Tả vào cuộc. Hóa ra là những du trắng thả súng đạn tập trung ở dưới chân đồn cả. Một đồng to những hòm đạn xanh, những khẩu cối 60, 81 còn nhoáng dầu mỡ. Giờ mọi người thi nhau vác lên đồn.

Giàng Tả đã làm là quên hết, kể cả mình. Ly Si Gơ và

1. Cap Saint Jacques: Vũng Tàu.

thằng xã đội trưởng làm phản đứng ở cạnh đồng súng đạn, chia đồ thổ cho mọi người. Mỗi người một bó súng trường, hai người một hòm đạn trung liên. Đến lượt, Tả đeo cái áo móc bện áp lưng tới, bọn đứng xung quanh Gơ nhìn Tả cười rũ ra, ý chê Tả cổ lỗ. Gơ tươi hơn hớn:

- Nào, xem ai ăn ai! Giàng Tả, một hòm đạn được không?

Tả ghé vai:

- Thử cái đã!

Gơ và xã đội trưởng phản bội, bốn tay nâng cái hòm đạn gần trăm cân “pập” lên lưng Tả. Sợi dây da Tả đã kéo lên đầu, nhưng vòng còn hở.

- Thêm được nữa không?

- Cho một bó súng nữa.

- Ừ, có thể chứ. Chưa bằng một phuy xăng ngày trước đâu!

- Thế đã!

Tả thoăn thoắt leo dốc. Lát sau đi xuống, mặt đỏ rau rầu như miếng trâu, mũi phập phà phập phồng, căng căng nở. Gơ hỏi: “Mệt chưa?”, Tả hất hàm, không trả lời vào câu Gơ hỏi:

- Một phuy xăng bằng bao nhiêu?

- Bằng hai hòm đạn. Thử nhé?

Tả không nói, chỉ hầm hừ, ghé lưng vào. Hai hòm đạn bị nhấc bổng lên lưng Tả. Tả đi, dáng nhẹ tênh tênh. Năm chuyển thổ như thế, sức Tả vẫn chưa cạn. Chuyển thứ sáu, đang leo dốc bỗng thấy cái bóng trước mình đang đi chầm chúm lao đầu về phía trước rồi chệch choạng, mãi mới bấu được tay vào tảng đá ven đường. Tả liền hạ hai hòm đạn, chạy lại đỡ người nọ. Thấy bó súng vẫn trên lưng anh ta, Tả liền đưa tay nhấc lên, đặt xuống đất. Thì vừa lúc có tiếng quát. Quay lại, Tả thấy một thằng biệt kích lạ mặt đang đứng, chân đặt lên hòm đạn Tả vừa để trên đất. Thằng này mặt choắt, mắt đỏ như ong đỏ mắt. Nó nhìn Tả chằng chằng:

- Việc của trâu trâu mang, việc của ngựa ngựa thổ, ai khiến mày, hả?

Tả đi lại, bắt đồ vươn tay tóm cổ tay thẳng nọ giật mạnh. Thẳng nọ văng tay lại không được, la to:

- Mày làm cái gì thế?

- Đây là hòm đạn của mày. - Tả chỉ một hòm đạn, tay bóp mạnh cổ tay tên biệt kích chuyên nghiệp. - Còn hòm này phần tao. Mày thấp vai xuống tao đặt lên hòm.

- Bỏ tao ra!

- Mày muốn gãy tay thì giã.

- Ôi giỏi! Mày có muốn ăn kẹo đồng của ông Gơ không?

- Dọa tao hở? Đ. mẹ, tao không phải nhờ chúng mày mới sống được nhé!

Gơ đã theo dõi câu chuyện, giờ mới bước ra khỏi bụi rậm, vẫy tên biệt kích lại, rồi chống tay hát hàm:

- Mày học thói quan cách khinh rẻ người anh em Hà Nhì tao bao giờ thế?

Tên biệt kích chưa kịp đáp, mặt đã tối sầm vì hai cái tát bạt má của Gơ. Tiếp đó, Gơ cho nó một cái đá kèm theo một lời dạy:

- Nhớ đến già hai chữ “bình đẳng”, con nhé!

Tên biệt kích lồm cồm bò dậy, đi tới ôm hòm đạn xốc lên vai. Còn một hòm Tả cúi xuống định vác nốt, Gơ đã giơ tay ngăn lại:

- Thôi, hôm nay làm thế là đủ tỏ rõ sức trai tráng nam nhi của ta rồi.

Tả gạt tay Gơ, cấp hòm đạn vào nách, đi. Gơ đuổi theo, lẳng nhẳng đi bên cạnh:

- Tả này, càng ngày tôi càng quý anh đấy.

- Hừ...

- Tôi muốn anh làm phó quan cho tôi.

Tả dừng bước, quay lại, mắt mở tròn như mắt hổ:

- Còn nhớ cái lúc Tây định bắt tôi vào lính không? Làm lính tôi còn không muốn thì làm quan tôi thích à?

Gơ vội cười dàn hòa:

- À, thế thì ta hiểu nhau rồi! Giàng Tả ơi, anh thích thế nào cứ sống như thế, chỉ cần anh đi cùng với tôi thôi.

Tả gật khập cái đầu, rồi phăm phăm bước.

Không phải là Giàng Tả không có chút động lòng nào trước sự sẵn sóc riêng biệt của Ly Si Gơ. Gơ tinh quái hiểu rõ Tả lắm đấy. Tả hiện là anh khổng lồ, xù xì, mộc mạc, nếu Gơ đẽo gọt khéo thì Tả có thể trở thành ông Hộ Pháp, ông thần ác cầm búa rìu hoặc thanh long đao trấn ngự nơi cửa đền, cửa miếu đấy. Tả rất thích hai chữ “bình đẳng” Gơ nói ra, phục cả cái việc Gơ tát tên biệt kích. Mấy hôm sau, nghe nói sở dĩ hồi đó Tả bỏ Gơ, vì Gơ đã bỏ chết người thợ xây ngã từ trên lô cốt xuống, Gơ lập tức hạ mình xin lỗi Tả, rồi còn định làm lễ kết nghĩa anh em với Tả. Tả chưa nghe, gạt đi. Tuy vậy, từ đó họ đi đâu cũng có nhau.

Một sớm trở dậy. Tả như thường lệ định đi vác nước thì Gơ ngồi ngay trên mình ngựa đứng ở ngoài sân, cất tiếng gọi. Chạy ra, thấy bọn lính đã như con rắn tuồn ra khỏi đồn, nghe Gơ giục, Tả vội cầm sợi dây da trâu đi theo liền.

Hóa ra quan và lính Gơ kéo nhau xuống vùng chân núi Tả Van. Đáng để mắt là cả dân chúng làng Lao Chải cũng đi theo. Ai cũng vác dao, cầm gậy và lưng thồ cái đu vừa to vừa dài, dây vắt qua trán. Đi đâu thế? Vừa chạy theo ngựa của Gơ, Tả vừa thắc mắc, nhưng thấy không tiện hỏi nên định mở miệng lại thôi. Cho tới khi nghe thấy tiếng tre nửa cháy nổ lộp bộp như pháo và khói đen phun mờ mịt trời, Tả mới châng hăng. Thì ra quân lính Gơ và người Lao Chải rủ nhau đi cướp làng người Giáy ở dưới vùng thấp.

Nhà người Giáy rộng thênh, lợp lá chít. Mười cái nhà cháy đã bằng cả khu rừng cháy rồi. Tả đứng ở giữa làng, bốn bề đỏ rực, người nóng như ở cạnh lò, bứt rứt quá. Chỗ này chỗ kia, nhìn phải nhìn trái đều là cảnh cướp giết, đuổi bắt. Nghe thấy tiếng kêu của một người phụ nữ ở căn nhà cạnh mình, Tả liền chạy vào. Gian giữa căn nhà gạo thóc ngô đổ tung tóe. Ba, bốn

con gà bị đập chết nằm sấp cánh trên nền nhà. Ở đằng sau bàn thờ là cái buồng. Từ đó phát ra tiếng người thở hổn hển như đang vật lộn. Tả chạy vào, vừa thò đầu lại rút ra khỏi căn buồng. Đều quá! Cái thằng biệt kích, chính cái thằng đã hoạnh hợ Tả hôm rồi, không những ăn cướp thóc gạo, gà quế của người ta, nó còn đang dè một người phụ nữ Giáy ở trên sạp. Chị này chống cự, tóc tai tung tóe, nhưng cái áo màu hoa sen, cổ đắp manh vải trắng tròn tròn đã bị xé toang ở phần ngực rồi. Khốn nạn! Tả không có gan mở mắt mà nhìn cảnh tượng bức hiếp bản thủ ấy nữa. Tả nhắm mắt chạy ập vào và vung cái dây da trâu quật túi bụi vào cái thằng đang làm nhục người đàn bà.

Tối lúc thấy cái bóng thằng đàn ông tuông ra cửa buồng, Tả mới vứt tạch cái dây da trâu, đâm ra sân. Tả va đánh bịch vào một vật gì đó. Vật đó cũng phát ra lẫn cả tiếng người và tiếng lợn. Lợn kêu éc và người giật lên: “Ồ kìa, Tả!”

Tả nhận ra ngay là xã đội trưởng làm phản, vì y đen trĩu và hai con mắt trắng dã. Hai con mắt này rất hay nhìn trộm, trông đã thấy ghét, vì có cảm giác nó luôn rình mò mình.

- Thồ con này về! - Xã đội trưởng làm phản chỉ con lợn hét.

Tả lừ mắt thành hai gạch chì đen rất đậm:

- Con nào?

- Con lợn này.

- Làm gì?

- Ồ, cái thằng này.

Tả cầm cái chân sau con lợn, giật. Tay thằng nọ như hai gọng kìm giữ rịt con vật nó vừa cướp được. Vùng vàng, nó lui ra, nhổ bọt vào Tả. Cáu tiết, Tả đập vào hạ bộ nó, nó kêu ối, chịu buông tay. Con lợn tụt xuống đất, kêu hồng hộc, chạy tháo thân.

- Mẹ mày, cả đời ta đói khổ, cực nhọc nhưng tay làm từng nào ăn từng ấy, chưa biết ăn bớt của ai một hào, một miếng thịt, một miếng cơm nhé!

Tả nghiêng răng, quay đi. Nhưng xã đội trưởng phản bội giương súng quát:

- Giàng Tả, chân mày không nhanh bằng viên đạn bay đâu!

Tả quay lại, phanh bộ ngực rần như đồng, như sắt, quát:

- Mày bắn đi! Viên đạn vào ngực tao bật trở lại, đập trúng hai con mắt mày, cho mày đui mù đấy!

Ly Si Gơ như thần, như thánh xuất hiện cứu nguy rất đúng lúc. Tưởng Gơ lại cho tên định giết Tả hai cái tát, một cú đá. Nhưng không phải, lần này Gơ cười hơ hớ:

- Nhị vị hảo hán đều đáng mặt anh hùng cái thế!

Lần này, Tả không dừng lại để Gơ đi cùng và tâm sự. Anh quay phắt đi, với cái áo phanh ngực, đầu lao về phía trước, ra khỏi đám cướp làng.

*

Giàng Tả có chân, chẳng ai cấm được Giàng Tả đi. Giàng Tả có đôi tay, có sức lực, có trí khôn, Giàng Tả không sợ đói.

Tháng Mười, những nương lúa lẫn trong rừng già như cái thảm vàng ai phơi để quên. Hương lúa gọi chim cu ở vùng thấp, vùng cao về. Vùng giữa, vùng người Dao cũng là lúc vào mùa thảo quả. Công việc quay như bánh xe cọn nước. Giàng Tả đi hái thảo quả thuê, đi cắt lúa thuê cho người Dao. Nương lúa người Dao nào cũng có cái lều canh nương dựng chênh vênh sườn dốc. Ngày đi làm, đêm Giàng Tả ngủ luôn ở đó. Ngủ ở đó mũi hít thở làn không khí thơm mùi thảo quả, thơm mùi lúa. Tỉnh không còn ngủi thấy mùi súng đạn, xăng dầu. Xa hẳn cảnh người với người chỉ muốn hạch sách, quát nạt, hạ nhục, giết hại, cướp bóc nhau.

Nhưng một sớm vừa mở mắt, Giàng Tả liền nhìn thấy ba, bốn cái mặt lạ vây quanh. Ngồi dậy, tụt lui vào góc lều, anh kêu thảng thốt:

- Thăng Gơ, mày cho người đi bắt tao à?

Một người cao tuổi nhất, mặt vuông, da màu gạch già, hỏi bằng tiếng Quan:

- Thăng Ly Si Gơ trùm phỉ có phải không?

- Tôi không biết! Chỉ thấy nó nói chuyện với người Trời trên tàu bay. Nó đeo lon. Nó chỉ huy tất cả.

Người nọ nói tiếp, như tự giới thiệu:

- Chúng tôi thuộc bộ phận an ninh của tỉnh, không phải là người của Ly Si Gơ.

Định nói nữa thì người trẻ nhất, mắt một mí, gò má cao, mũi khoằm, đặc người Mông, bấu vào tay, ra hiệu im, rồi ghé tai nói thì thầm gì đó. Người cao tuổi nhìn Tả, ánh mắt đang bình dị, tự nhiên bỗng ra chiều nghi ngại:

- Anh là quân của nó, bây giờ bỏ trốn, hả?

- Không phải là quân của nó!

- Đừng chối. - Người Mông trẻ xua tay. - Tôi biết hết rồi! Từ hồi anh được Tây De Nive thưởng chai *sâm banh* vì thô được cả phuy xăng. Rồi theo Ly Si Gơ, anh thô được cả hai hòm đạn, một bó súng kia.

- Ối trời!

Giàng Tả ngửa mặt kêu, hai tay ôm đầu vừa đau đớn vì oan uổng, vừa kinh hoàng vì người nọ biết kỹ quá. Người nọ lại lem lém như con ma xó nói tiếp. Càng nói càng tỉ mỉ. Càng tỏ ra là biết lại càng tỏ ra là không biết. Nghĩa rằng là biết không thấu đáo còn tệ hơn là không biết.

Giàng Tả chỉ còn cách là im. Miệng đâu mà cãi được họ. Làm sao mà cãi xuể họ.

Người cao tuổi nghe người Mông trẻ kể tội Giàng Tả xong, đứng dậy, đặt tay lên sườn, thở một hơi dài đầy vẻ áy náy:

- Anh bỏ Ly Si Gơ là được rồi. Chúng tôi không làm hại anh đâu. Có điều là mong anh giúp thành thật.

- Đừng có vờ vĩnh làm gián điệp cho nó! - Người Mông trẻ lừ mắt để thêm.

Giàng Tả lắc đầu, cố nén tức giận:

- Đã căm ghét nó, sao tôi làm gián điệp cho nó?
 - Biết đâu đấy! Dao hai lưỡi mà.
 - Đừng nói vậy! - Người cao tuổi kéo tay người Mông ra sau, nhìn Giàng Tả, vẫn chưa hết áy náy. - Anh như thế là có tội. Sau này thế nào cũng cần có thời gian học tập cải tạo. Còn bây giờ, anh có muốn lập công chuộc tội không?

Giàng Tả bật dậy kêu:

- Có! Có!

*

Sau ngày Y Tí giải phóng, Giàng Tả cũng như tên xã đội trưởng phản bội bị gọi đến tập trung cải tạo trong trại cải tạo những kẻ lầm đường theo giặc. Ở trại này họ được học đường lối chính sách của Đảng, được khai báo và tố cáo tội ác của đế quốc, thổ ty. Chẳng ai bị đánh đập, truy bức. Nhưng ai thành khẩn và nhanh chóng giác ngộ, tố cáo được nhiều tội của trùm phủ Ly Si Gơ thì được tuyên dương và được sớm về với gia đình, bản quê.

Cuối cùng, người được thả sau chót không phải là tên xã đội trưởng phản trắc mà lại là anh chàng khỏe như vâm chuyên đi làm thuê, bụng dạ thật thà, nhân hậu, ngay thẳng, tên gọi là Giàng Tả. Tả không biết nói. Cứ kể cả kể lẻ từng chi tiết câu chuyện; từ việc anh đi làm thuê, việc Ly Si Gơ tát tên biệt kích, tới việc một mình thô cả một khẩu cối 80, cả nòng lẫn bệ, vốn phải bốn người khiêng, cho bộ đội ta và dẫn đường cho các chiến sĩ công an của tỉnh mò vào tận đồn phủ Ly Si Gơ trình sát. Người thẩm vấn nghe những đoạn đó, chỉ ngáp. Rồi gõ gõ tay xuống bàn, gất:

- Anh lan man thế làm gì? Tôi hỏi anh: Đế quốc, thổ ty âm mưu gây phủ là do nó yếu hay nó mạnh? Tôi hỏi anh: Trước âm mưu độc ác của đế quốc, thổ ty, anh cần phải tỉnh táo thế nào cơ mà? Anh suy nghĩ và nói cho thành khẩn.

Bây giờ thì Giàng Tả đã về bản quê Lao Chải. Mấy chục năm đã qua, Giàng Tả đã là ông già gần bảy mươi tuổi rồi. Ông chẳng còn đi lang thang bán sức kiếm ăn nữa. Tuy vậy ai trong làng thuê ông bổ củi, đắp đường, đóng móng ngựa, phát nương, ông vẫn làm. Ông đã lấy vợ, nhưng không có con. Đời thấy rằng một sức vóc phi thường mà lại hồn nhiên như vậy thì dễ trở thành tai họa lắm hay sao nên không muốn có người nối tiếp? Ông cũng hay ra hội quán chơi nhưng chẳng nói một câu nào về quãng đời đã qua. Vì có lẽ cũng chẳng nghĩ ngợi gì về nó cả.

Tôi có gặp ông ở trại cải tạo nọ. Gần ba chục năm sau tôi mới lại gặp ông. Cũng là tình cờ. Ở bãi chơi đầu bản Lao Chải hôm ấy có cuộc chơi tập thể của học trò. Trẻ lớn thì chơi đu dây. Trẻ nhỏ thì ngồi bập bênh. Bập bênh ở đây không phải là một tấm ván nhỏ bằng mặt cái ghế băng. Bập bênh là cả cây gỗ sa mu dài, mỗi bên ngồi gần chục đứa trẻ. Hai bên đang rập rình thì cô giáo người Kinh bất thành linh kêu: “Dừng lại!” Cái trụ ở giữa bập bênh bị mối một từ lúc nào, có nguy cơ sắp đổ gãy, và nếu như vậy, gần hai chục trẻ em chí ít cũng sút đầu, mẻ trán, gãy chân, què tay. Đúng lúc nguy hiểm ấy, tôi thấy một ông già từ hàng cọ lùn viền quanh bãi chơi chạy vào. Ông cao lớn, tóc tiêu muối, đầu cổ thẳng liền một khối, chân tay đen sẫm, lưng hơi gù nhưng cử chỉ còn nhanh nhẹn lắm. Nhanh như cắt, ông chùn người xuống bằng cây cọc trụ và dùng vai đỡ cây bập bênh lên đúng cái lúc nghe thấy cây cọc trụ kêu “rắc” một tiếng và bắn ra một làn bụi một vầng khè. Thế là gần hai chục đứa trẻ ngồi trên vai ông, chúng không hay biết là vừa thoát khỏi một tai nạn, chúng tưởng ông biểu diễn sức lực và võ tay hoan hô ông.

Sự kiện gây chấn động âm thầm lòng tôi. Buổi tối, tôi khơi lại chuyện này và hỏi thêm về ông. Chủ tịch xã Lao Chải, một gã trai Hà Nhì vai xo ro, mặt đầy mụn trứng cá, chíp chíp đôi môi ướt nháng rượu, rồi lè nhè:

- Lão Giàng Tả đấy mà! Thấm lắm, thâm hiểm lắm! Không phải là đầu sỏ phỉ, chỉ là phỉ viên nhưng cục cung tận tụy với chủ nó lắm. Lão đã từng được Tây đồn thưởng mề đay vì có công thồ cả một phuy xăng và đạn, súng cho chúng đấy. Lão này góm lắm! Chẳng sợ một ai đâu. Ly Si Gơ coi cũng chẳng ra gì! Gan, ngoan cố lắm!

Tôi thở một hơi dài não nuột. Mới đây với đấy thôi mà rượu *sâm banh* cũng đã thành mề đay. Cái đáng biết lại không biết. Cái không nên quên lại quên. Lịch sử thế là mất đi cái hồn nhiên của nó.

May cho tôi, tôi đã không đến nỗi quá buồn vì gã trai chủ tịch trẻ nọ chẹp miệng nói tiếp:

- Lão này được cái khỏe. Khỏe thì người Hà Nhì tôi không hiếm người khỏe. Nhưng khỏe mà hay làm việc thiện như lão thì không nhiều, lúc nào rồi tôi sẽ kể anh nghe, chính một mình lão chặt, vác đủ gỗ từ rừng về để dựng trường học và làm cái cửa hàng hợp tác xã mua bán đấy...

4/1986

NGƯỜI THỢ BẠC Ở PHỐ CŨ

Phố cũ thuộc trấn Pa Kha vùng cao biên giới tỉnh Lào Cai. Ở đó, từ mấy năm nay, các tay thợ kỳ tài thuộc các bộ tộc Mông - Dao trong huyện đã tụ họp lại với nhau lập ra một hợp tác xã thủ công nghiệp tên gọi: Rèn - Đúc. Nghề gì thì cần quảng cáo, chứ cái nghề này thì chẳng cần. Biển tên giới thiệu bằng sao được ngọn lửa vàng đỏ bốc lên phần phật tới gần cái mái lợp tôn lênh khênh như cái minh tinh? Tiếng ai quảng cáo to bằng lời búa tạ đập choang choang vang động?

Suốt ngày cái góc phố già nua cũ kỹ ấy thành thịnh, âm âm tiếng búa đe, tấp nập người ngựa vào ra. Người Mông đến mua lưỡi cày nương, mua đinh móng ngựa. Người Hà Nhì tới đổi dao, đánh cuộc. Ánh lửa nhấp nhোáng như cháy trên những múi thịt đỏ hồng của những bác thợ rèn người Dao vốn có nghề rèn dao súng cổ truyền. Những người thợ đúc thuộc bộ tộc Mông có vóc dáng chắc nịch, đẹp như những khuôn hình tượng đài dũng sĩ, nổi bật bên những lò nấu gang cháy đỏ màu da cam rực rỡ.

Nhưng cái giai điệu sôi động, hùng tráng, cuộn cuộn lôi kéo con người vào một cuộc sống mạnh mẽ này vẫn chưa phải là toàn bộ âm điệu nơi đây. Cuộc sống còn một hình thái khác, còn một dòng đời khác, chẳng cháy bỏng xô bồ như dòng gang đúc mà êm đềm, tĩnh tại, thậm chí âm thầm, đơn lẻ. Hợp tác xã này còn một nghề nữa là nghề thợ bạc. Nghề này bé nhỏ

quá và chỉ có mỗi một ông già, thành ra nó bị nghề rèn đúc nuốt chửng, ngay từ cái tên nó cũng không tồn tại trong danh hiệu đăng ký ở phòng thủ công nghiệp huyện.

Ông thợ bạc đã già, lại bé nhỏ. Cạnh những thân hình lực lưỡng bên ánh lửa đẹp như thiên thần, ông già thợ bạc bé nhỏ, còm cõi như một chú quạ già vào mùa đông giá.

Ông già ngồi ở một góc khuất nẻo, trong cái phân xưởng rộng lợp tôn, được che chắn bằng mấy tấm liếp mỏng lưng lửng vai người. Cái góc chỉ rộng mỗi chiều độ ba bước chân. Nhưng cái góc tí hon này cũng chứa đủ một giang san. Ông cũng có đồ nghề dụng cụ và bể lò. Khác chăng là lò của ông mỗi lần cháy chỉ cần có vài hòn than hoa thôi. Trong khi cạnh ông, người ta dùng kilô, tạ, tấn để đo lường thì ông dùng cái cân tiểu ly để tính từng ly từng lạt. Bên kia là búa tạ, là thanh sắt to như đường ray tàu hỏa thì bên này cái gì cũng tí xiu chỉ nằm gọn trong bàn tay. Cái âu nấu bạc là cái chén sứ. Bàn vuốt bạc nhỏ bằng cái lược. Hòm đồ nghề của ông lớn xác cũng chỉ là cái tráp. Trong đó, một cái hộp nhỏ chỉ bằng bao thuốc lá đựng có tới mấy chục cái những là đục, giũa, đột, dùi, khoan. Riêng đục thì đã có: đục tròn, đục bằng, đục mang cá, đục lòng máng, đục bán nguyệt. Cái đại bố thì cũng chỉ bằng đầu chiếc đũa, rồi sắp hàng theo chiều nhỏ dần, phải hơn chục cái nữa mới tới cái nhỏ nhất chỉ bằng cái mũi kim. Cái nào cái nấy cũng chỉ dài bằng ngón tay, mũi sáng bóng, chuôi cán lên nước nhanh nhánh và tòe tòe ở đầu chóp, vì đã trải qua một đời làm việc không ngừng nghỉ.

Trong cái tráp ấy còn có một cuốn hóa đơn và một cái khay đựng đồ bạc cũ của khách hàng. Chà, cái khay bạc, cả một sưu tập đồ trang sức, vật hộ thân của bao thế hệ con người! Vòng cổ, vòng tay, khuyên, hộp trầu cau, hoa tai, khay áo... Tất cả đều đã sứt sứt, xin xắn và đủ hình đủ kiểu. Hoa tai thì kiểu: phù dung, cánh bèo, cúc chỉ xe, tai chuột, lục lăng. Nhẫn thì nhẫn kiểu nơ, kiểu giác trứng, kiểu chạm nổi. Khuyên thì khuyên

trơn, khuyên mặt trăng, khuyên quả bầu. Đặc sắc nhất có lẽ là những chiếc khóa bảo mệnh, những cái lắc, những dây xích, cái hình bầu dục, cái hình chữ nhật, cái hình vuông chạm khắc chữ “Phúc” kiểu triện. Ôi! Hạnh phúc, cái ước ao muôn thuở của loài người!

Từ cái đồng cũ kỹ, han gỉ ấy, ông già phải nấu, phải chuốt, phải đánh lại những nhẫn, vòng, kiềng... mới. Công việc khiến ông chẳng lúc nào nghỉ ngơi, nhất là vào những tháng mùa thu này. Mùa thu trên vùng cao, trời xanh thăm thiết và bắp ngô phô hàng hạt vàng ửng đỏ trên nương. Mùa thu khơi gợi cảm hứng về cái đẹp. Mùa thu tĩnh lặng phản chiếu cái đời sống con người xem ra đã yên hàn, no ấm được phần nào.

Là bởi còn đói khổ, loạn lạc, nhiều nhường thì con người ta còn tâm sức đâu mà lo sắm sửa vàng bạc, điểm tô trau chuốt cho mình? Gần sáu chục năm hành nghề này, ông lão Chư người Xạ Phang thợ bạc đã nhận ra một điều chí thú: nghề ông, nghề của thời bình, của sự yên hàn, phong đăng hòa cốc, tình yêu đời và khát vọng sung sướng của con người. Còn như trái lại thì nghề của ông hết đất. Hoặc không hết đất thì cũng co hẹp lại; bởi vì tất nhiên là còn con người thì dầu có cay cực muôn phần thì con người cũng vẫn còn hy vọng, còn có lúc muốn làm đẹp mình và gắng gỏi để đạt được hạnh phúc. Ông lão Chư làm thợ bạc ở phố này từ thời hỗn loạn nhất của lịch sử hiện đại: năm 45. Trong vòng chưa đầy năm, phố xá thay liên mấy sắc cờ: Pháp, Nhật, Tàu Tưởng... Rồi Chí Thắng, rồi Quốc dân Đảng. Sắc cờ nào thì cũng được ít ngày. Cũng như lúc đầu thì tưởng là nén bạc thật, sau rốt lại hóa ra bạc giả. Sắc cờ nào thì ông cũng lo nơm nớp: Các đồ hàng quý giá khách đặt giữ trong nhà bao lần khóa cho vừa?

Vào tháng này thì hình như ông lão yên dạ với công việc của mình. Chiến tranh Biên giới đã qua, giờ chỉ còn ngấm ngầm và việc làm ăn đã trở lại nếp xưa. Hoa tai, nhẫn, vòng, lúc loạn ly phải tháo ra, cất đi, nay lại được trở lại vị trí làm đẹp, làm sang cho con người rồi. Làm sao có thể quan niệm được rằng một thiếu nữ lại không có chí ít là một cái nhẫn

bạc, một đôi hoa tai vàng? Làm sao một đứa trẻ trên cái mũ hoa của nó lại không có mấy quả lục lạc? Hạt bạc đính trên mũ của bà người Phù Lá. Vòng gió trên tay người con gái Tày. Còn trên cổ trắng nõn của phụ nữ Mông là cả một xấp kiềng bạc chuốt kỹ sáng choang. Bạc là giàu sang, phú quý, bạc biểu hiện giá trị của con người. Bạc còn là thần hộ mệnh con người nữa kia. Chẳng phải nó là thứ thuốc trường sinh bất tử các đạo sĩ Tàu luyện ra để dâng hiến các vị vua chúa ngày xưa đâu. Nó là cái khóa, cái xích đeo ở cổ con người để giữ hồn, trừ ma. Nó như cái vuốt hổ trấn yên ma quái, nó đuổi gió độc, nó xua ro rui. Nó là niềm vui, niềm tin, niềm ao ước của con người.

Mắt đeo cái kính tròn gọng đồng hồ, râu ria tóc bạc phên phếch như mạ một lớp bạc, bị mưa gió ăn mòn, ông lão Chư đã hơn nửa thế kỷ ngày qua ngày cúi gò lưng tằm, làm cái công việc tô điểm cho con người, đem lại niềm vui sống cho con người. Ông là tác giả của tất cả những đồ trang sức trong vùng. Đôi bàn tay ông giờ đã nhăn nheo và đóng thành chai vẩy rồi nhưng những sản phẩm từ đôi tay ông làm ra thì vẫn xinh xắn, bóng bẩy và xem ra còn tinh xảo, óng chuốt hơn xưa nhiều.

*

Chiều thu ấy mưa sụt sùi. Bên cái lò rèn, lò đúc huỳnh huych, ồn ào rừng rực hơi lửa, ông lão Chư ngồi lạch tạch gõ cái búa nhỏ, chạm những nét hoa văn trên mấy mảnh bạc. Ông gò lưng, ép ngực liên một hơi dài và tưởng là sẽ còn mãi mê thì bỗng dừng như chợt phát hiện ra điều vô lý gì đó, liên thẳng người, thần mặt. Lát sau, ông ấn cái gọng kính vào sát mắt, mở tráp lôi cuốn hóa đơn, loạt soạt gỡ, chăm chú nhìn, lẩm nhẩm đọc, rồi thở một hơi dài kín đáo. Buồn bã, ông lẳng cái mảnh bạc đang chạm dở vào đồng đồ cũ của khách hàng. Tên người đặt hàng ông nhớ rõ rành là Giàng Thao Ly, thế mà ông lại chạm thành Giàng Tráng Ly. Thế là lại phải mất công nấu, dát, cắt và chạm lại rồi! Ông cúi tìm mảnh bạc khác, phải

làm lại cái khác vậy chứ biết làm thế nào bây giờ. Cái chạm nhỏ tí bị cái búa nhỉnh hơn tí chút thúc đuôi, lại tạch tạch đều đều. Ông lại mải miết, nhưng quái, vào lúc ông như kẻ quên mình, ông bỗng ngừng phát công việc và ngẩn người. Người thợ kỳ tài bằng linh cảm tinh tế lại đã nhận ra một sơ suất li ti của mình. Cái khóa khách đặt yêu cầu ông chỉ khắc một nét viên, thế mà ông lại đi hai đường viên. Công cốc. Nhưng không phải chỉ là thế. Đáng ngại hơn là, chẳng lẽ ông đã trở nên lú lẫn, không có khả năng đeo đuổi cái nghề tài hoa và phúc đức này nữa rồi hay sao?

Ngẫm nghĩ một lúc ông mới nhận ra là không phải vậy. May quá chỉ là ông không chế ngự được cảm xúc của ông mà thôi. Quái lạ, thì ra ở tuổi già, con người cũng có thể phấn hứng mãnh liệt chẳng kém gì ở tuổi trẻ cả. Có khi lại còn hơn nữa. Nhất là trước những sự tri ân và kính trọng. Càng già người ta càng ưa thích người khác trọng nể và bày tỏ lòng biết ơn mình? Có phải thế không mà khi người đàn bà Mông ấy rưng rưng cảm tạ ông, ông lại thấy tâm trí sung sướng đến mê mẩn như vậy nhỉ?

Khách nhớ nhà hàng chứ nhà hàng nào nhớ xuể mặt khách. Người đàn bà Mông ấy ở xã Thái Giàng Phố đặt ông làm bộ khóa bảo mệnh cho con trai bà từ bao giờ, ông chẳng còn nhớ. Việc tuy tỉ mỉ, kỳ khu nhưng trăm lần giống nhau thì cũng trở nên bình thường. Vậy mà bà ấy lại đến, đặt xuống cạnh cái bếp lò nhỏ xíu của ông một bu gà hai con sống thiến, và giọng vừa cất lên đã ghen ứ:

- Ông cụ ơi! Ông cụ ban phúc lành cho con, cho cháu. Con không bao giờ dám quên ơn trời biển của ông cụ!

Thế là thế nào nhỉ? Ông lão Chư thoát đầu ngo ngác nhưng nhìn hai cái đầu gà trống mào sun lại thò ra mắt lông, hiểu chuyện ở mức thông thường, liền cười:

- Ôn huệ gì, bà người Mông? Tôi làm. Bà trả công. Tiền công, bà không còn nợ. Vậy là xong.

Nói xong, người thợ bạc lại cúi xuống với công việc hằng ngày của mình.

Nhưng người đàn bà Mông đã sụp xuống, nức lên rất lạ. Thì ra bà tới đây để tỏ lòng tri ân ông. Ông đã gia ân cứu mệnh cho đứa con trai duy nhất của bà. Câu chuyện thật đơn giản và nghe như vô lý. Đứa con trai bảy tuổi của bà, nó đeo cái khóa bạc bảo mệnh do ông làm. Tháng trước nó ốm, ốm nặng lắm. Đã tưởng là phải bỏ. Vậy mà nó lại khỏi, lại khỏe mạnh như thường, nay lại đi học rồi. Y tá xã, y sĩ huyện tiêm thuốc thì cũng có. Nhưng dứt khoát là tà ma đã phải buông đứa nhỏ vì nó đã được cái khóa bảo hộ tính mệnh. Cái khóa thần vạn năng. Cái khóa gìn giữ linh hồn. Không có nó, ma ác hại như ma trâu, ma lợn sề, ma rừng, ma suối đã bắt đứa trẻ đi rồi. “Không phải do cái khóa đâu.” Thoạt đầu, người thợ bạc giải thích như vậy. Nhưng cả một buổi chiều người đàn bà Mông phẫn khích quá, khẳng khăng điều bà đã nói. Đến nỗi cuối cùng người thợ bạc già cảm động quá, nghẹn ngào: “Cả đời tôi, tôi chỉ ao ước đem lại cái hạnh phúc cho người khác. Nếu đúng là như vậy thì tôi sung sướng quá, bà người Mông ạ.”

Chao ôi! Ấy là nỗi sung sướng cao cả thuần khiết, không mảy may vụ lợi. Nỗi sung sướng thần diệu ấy đã biến đổi tâm tính con người, đến mức ông lão thợ bạc từ hôm ấy bỗng trở nên một kẻ xa lạ với chính bản thân mình. Ông hay lạc ý, lạc thần. Lai láng trong ông, đến mức không kiểm chế được, một cảm xúc thiêng liêng về giá trị con người mình. Lâng lâng vui sướng, từ trong thâm tâm, ông đón đợi những khách hàng mới của mình.

*

Sáng nay, khách hàng mới của ông lão Chư thợ bạc đã tới. Đó là một cô gái Tày vừa bước vào tuổi thanh nữ với tất cả niềm vui, nổi bồn chồn, vẻ e thẹn, cùng những tiên cảm hư

huyền, trong sáng nhất. Vóc thon nhỏ trong bộ áo lam dài, mắt tròn mảnh dẻ như một bông hoa bướm mong manh, cô càng nổi bật vẻ tươi mới, rụt rè khi chào ông thợ già. Lát sau, cũng từ ngoài mưa bước vào hai khuôn hình phụ nữ tương tự, nhưng hơi đầy và không còn vẻ e lệ, ngỡ ngàng. Hai người này là chị cô gái nọ.

- Cháu chào bác ạ. - Cô gái hơi cúi xuống, khe khẽ.

- Ướt hết cả ba chị em rồi. - Ông lão nói.

- Cũng còn may, chúng cháu còn sợ bị mưa ở giữa đường cơ. Chúng cháu ở xa lắm.

Ông lão đoán các cô gái Tày này ở miền hạ huyện. Nhưng chưa kịp hỏi, cô gái nọ đã tách ra khỏi hai người chị, kéo cái túi hoa đeo bên sườn ra phía trước, thò tay vào đó, kéo ra một bọc vải nhỏ nặng nề.

- Bác ạ, ở đây bác có nhận làm vòng không ạ?

Rõ ràng là một cô gái mới lớn, lần đầu tiên đi đến cửa hàng bạc. Ông thợ bạc cười:

- Có chứ. Thiên hạ thích cái gì, lão làm cái đó.

- Cháu muốn đánh một chiếc vòng tay, một cái vòng cổ, một bộ xà tích kiểu người Tày.

- Biết... biết... Biết làm cả kiểu người Tày.

Ông thợ già gật gật. Cô gái mở cái bọc nhỏ trên bàn tay trắng muốt, mảnh như chiếc lá trầu. Hai mắt cô ánh lên nỗi hân hoan rất thơ trẻ, cái nỗi hân hoan thấm đượm vẻ kiêu hãnh. Lần đầu tiên cô được khoe sự giàu có của mình với mọi người. Cô có những năm đồng bạc hoa xòe. Và khi ông lão hỏi nửa thật nửa đùa rằng vẫn còn những đồng cổ quý như thế kia ư thì cô càng lộ rõ vẻ tự hào:

- Mẹ cháu mới mua cho cháu đấy, bác ạ.

Người thợ già nhón năm đồng bạc trắng xóc xóc trên đôi tay. Quen thuộc rồi! Loại đồng hào năm mươi xu xưa vẫn quen gọi là đồng *xanh cẳng* trên có hình người đâm và bông lúa uốn cong về cách điệu, phía dưới có con số 1922.

- Một lạng hai đồng cân. - Ông lão xuống.

Cô gái reo khâm phục:

- Trời! Sao bác biết rõ thế ạ?

- Tay bác nó có tinh rồi!

Cả ba chị em đều cười. Cô em út hồi hộp:

- Bác ơi, thế từng ấy đánh được những thứ gì?

- Như cháu nói khi nãy, thêm một đôi khuyên.

- *A lúi!* - Cô gái kêu to.

Hai con mắt mở to hết cỡ như hai cái hồ nước, sóng sánh vì điều may mắn bất ngờ. Lập bập, cô núu bàn tay có tinh của ông già, run rẩy vì cảm động:

- Bác ơi, thế bác lấy cháu bao nhiêu tiền công, hả bác?

Ông thợ bạc già lắc mái đầu bạc:

- Bác không lấy tiền. Bác chỉ muốn được cháu mời đến dự đám cưới.

Lần này thì cả ba chị em cô gái Tây miền hạ huyện cùng thốt kêu thật to cái tiếng cảm thán quen thuộc của dân tộc họ: "*A lúi*" và cùng quỳ cả xuống, dưới chân ông già thợ bạc. Người phụ nữ lớn tuổi nhất nói:

- Thưa bác, bác là Tiên, là Phật, bác biết trước mọi sự. Đây là ba chị em cháu. Mẹ cháu chỉ sinh hạ được ba chị em cháu. Cháu và cô em thứ hai đây đã có gia đình riêng. Bố cháu mất đã mười ba năm, từ hồi còn ở chiến trường đánh giặc. Mẹ cháu hiện thời ốm yếu, chắc không qua khỏi năm nay. Nguyên vọng cuối cùng của mẹ cháu là em út cháu được thành gia thất. Nếu không, bà nhắm mắt không yên. Bây giờ, cái gì chưa thành cũng lo không thành, bác ạ.

Ngừng nói, nuốt hơi, có lẽ xúc động vì chính câu nói của mình và sợ người thợ bạc hiểu sang ý khác, người phụ nữ vội nói tiếp trong hơi thở dồn:

- Thành ra cháu và em thứ hai phải thân dẫn em út đi.

Dọc đường, thế mà có lúc nó cứ sợ. Sợ rơi. Sợ kẻ cắp lấy. Sợ của hàng không nhận. Thật là cầm vàng còn sợ vàng rơi. Bây giờ được gặp bác, được nghe bác nói, mười phần mới chắc cả mười.

Không để chị gái nói tiếp, cô em út bỗng bột nắm cổ tay ông thợ bạc, lắc lắc:

- Bác ơi, cháu sẽ đem ngựa lên đón bác. Nhất định bác sẽ dự đám cưới của cháu nhé! Tuần sau... Vâng, tuần sau cháu tổ chức, bác ạ.

*

Thế là người thợ bạc hiểu rồi. Nhất định là sẽ có cái đám cưới của cô gái út người Tày miền hạ huyện ấy. Ôi, những đám cưới còn giữ nguyên phong tục cổ truyền. Có bánh chưng, bánh giầy. Có bài hát thách đố. Cô dâu đi hài thêu chỉ ngũ sắc, mặc áo vóc hồng, thắt lưng hoa lý, óng ánh vòng bạc cổ tay, khuyên bạc đuôi tai, xà tích bên sườn... Đời đã có nhiều chuyển đổi rồi nhưng trong cái ngày trọng đại ấy, chàng rể thế nào cũng biểu bà ngoại một đôi hoa tai, một vòng tay bạc. Bạc, cái ánh trắng lấp lánh ấy là cái phần ông lão góp thêm vào cuộc vui lớn của con người.

Ngày chiều hôm ấy, tiếp nối cái cảm hứng ân nhân từ hôm gặp người đàn bà Mông, cảm động vì tình nhân hậu chị em ruột thịt của ba người phụ nữ Tày, nhất là thông cảm với cái hào hức của cô gái sắp làm cô dâu, ông lão Chu bắt tay ngay vào việc làm đồ trang sức cô dâu cho cô gái họ.

Hết buổi, ông ôm tráp đồ nghề về nhà. Cơm nước xong, ông đốt lò, đặt cái âu sứ lên và thả vào đó mấy đồng bạc hoa xòe. Đoạn ông quay ra hút thuốc lào. Khói thuốc vùn vụt đưa ông vào những cảm xúc phiêu lãng, thú vị và tất cả những tiết đoạn trong câu chuyện hàng ngày diễu vòng trong óc ông cho tới lúc ước chừng đã đến thời điểm bạc nóng chảy, ông mới quay lại bếp lò.

Trở về với bếp lò, ông hơi sững người. Hay là ông lại đáng trí như khi chạm hồng hai lần hai mảnh bạc? Lạ nhỉ? Ông cúi sát xuống cửa lò. Không, than trong lò vẫn hồng, thổi hơi vào, than còn lép bép nổ. Vậy mà tại làm sao nhỉ, năm đồng bạc trắng vẫn không tan chảy, vẫn còn nguyên hình và chỉ xỉn sạm đi chút ít? Chẳng lẽ là cái lò chưa đủ sức nóng? Nếu vậy thì ông lão cho thêm than và cúi xuống dồn hơi thổi.

Nhưng cuối cùng thì ông lão hốt hoảng thật sự. Nhắc cái âu sứ ra, để cạnh mình, chờ cho cái âu sứ nguội đi, ông đổ mấy đồng bạc trắng ra lòng bàn tay, rồi ngồi lặng. Hồng rồi! Đồng *xanh căng* này không phải là bạc. Nó là đồng mạ bạc. Nó giả làm bạc. Chao ôi! Vậy mà cái hạnh phúc tưởng đã cầm chắc trong tay lại hóa ra tuột mất. Cô bé cầm mấy đồng bạc sợ rơi, sợ mất cắp, sợ người thợ bạc không nhận. Cô có biết đâu cái cơ sự này? Hóa ra bây giờ cái gì cũng mong manh cả. Và nếu đúng như cô chị cả nói: “Bây giờ cái gì chưa thành cũng lo không thành” cả thì đời đáng sợ quá! Hóa ra những điều kiện an toàn đã trở nên bấp bênh và con người phải sống trong lo âu, phòng ngừa, thấp thỏm liên miên ư? Con người không được cả tin, không được thơ ngây nữa, vì như vậy là sẽ bị lừa dối. Sẽ bị phản trắc như cô gái đã bị lừa, mẹ cô và hai chị cô đã bị lừa. Cả ông lão đã nửa thế kỷ hành nghề hóa ra cũng chỉ là đưa con nít ngây dại. Ôi, cái thói đời điên đảo, lọc lừa. Vậy là nó vẫn còn luẩn quẩn quanh ta, nó chỉ nấu mình trốn tránh đôi khi thôi mà ta lại ngỡ là nó đã bị diệt trừ tận gốc.

Ngồi lặng lẽ trong đêm, ông lão Chư buồn thấu gan ruột. Nhưng lát sau, như rũ ra khỏi nỗi buồn, ông lại cúi xuống đốt lò, đặt âu. Lấy mấy đồng bạc trắng dự trữ của mình ra, ông đặt vào âu, rồi vừa làm công việc của người thợ bạc, ông vừa lẩm bẩm: “Lỗi tại ta! Lỗi tại ta. Ta nhìn lá vối ra chè! Ta lầm lỗi, ta phải đền bù.”

Ông lão Chư quyết đóng trọn vai vị ân nhân của cô gái Tây vùng hạ huyện. Ông lão nhất quyết làm kẻ sửa chữa cái khiếm

khuyết của cuộc sống chưa hoàn hảo để đoạn đời tới của cô gái được suôn sẻ mọi bề. Nghĩa là vẫn sẽ có cái đám cưới từng bừng của cô gái, và cô dâu cũng vẫn sẽ lóng lánh vòng bạc cổ tay, xà tích bên sườn, khuyên sáng đuôi tai... như mọi cô dâu Tày vùng hạ huyện.

Bộ đồ trang sức cô dâu Tày bằng bạc thật đã hoàn chỉnh trước cả thời hạn ba ngày. Trong ba ngày đó, những lúc rỗi ông lão ngồi mơ màng thú vị vì cái cử chỉ nghĩa hiệp của mình. Ông tưởng tượng ra cảnh cô gái Tày tới, háo hức và sung sướng đến nức nở khi nhìn thấy những đồ nữ trang nọ. “Bác ơi, tay bác thật là có tinh! Sao bác làm đẹp thế, bác ơi!” Cô gái sẽ reo mừng và ông sẽ đưa từng thứ một để cô đeo thử. Đôi khuyên quả bầu. Cái vòng tay hình lòng máng úp chạm những đường sóng lượn, cùng những con chim lạc. Cái kiềng óng ánh rộng nhẹ uốn mềm một cung tròn... Tất cả đều hòa hợp. Tất cả đều hiển hiện chân thật, chứ không phải là ảo ảnh chớp chờn. Không phải là ảo ảnh chớp chờn nhưng cả ông lão và cô gái Tày đều sẽ như trong ảo mộng ngất ngây. Cả tiếng con ngựa hồng hí ngoài sân kia cũng nghe như vẳng từ xa lại, biến dạng đi, như một lời âu yếm mời chào.

Ba ngày chờ đợi qua.

Ngày hẹn tới. Ông lão Chư đến cửa hàng từ sớm. Cạnh ông, bếp lò rên thoi thóp thở. Cái lò đúc khừ khừ như tiếng rên người ốm. Đã là cuối thu, mưa bay lất phất rắc bụi đầy trời.

- Chào bác ạ!

Nghe thấy hai tiếng chào phụ nữ, ông lão khấp khởi nhưng quay lại thì biết ngay là mình nhầm. Hai cô gái Tày này cũng ăn mặc kiểu người Tày hạ huyện nhưng là những thiếu nữ ông chưa từng gặp. Và rõ ràng họ cũng là những cô gái lần đầu tiên đến cửa hàng ông.

- Sắp mở cưới hả?

- Úi! Sao bác biết ạ?

- Mắt bác có tinh đấy.

- Bác ơi, chúng cháu có bạc trắng mới mua được, chúng cháu muốn đánh hai bộ đồ trang sức cô dâu.

- Được... được...

Ông lão thợ bạc gật gật và chìa bàn tay khô như cái lá héo đón nhận những đồng bạc hoa xòe từ hai cái túi hoa của hai cô gái nọ dốc ra với vẻ phấn chấn khác thường. Đây ụ lòng bàn tay ông lão những đồng hào. Và tay ông bỗng run run như thấm nhiễm hơi giá lạnh của đồng tiền. Hơi lạnh từ tay ông tỏa ra khắp người ông, rồi như cái thuôn xuyên dọc sống lưng ông, chói lộng óc ông.

Bạc giả! Đúng là những đồng bạc giả!

Lần này thì ông không thể nhận nhầm được. Lần này thì ông không khinh suất, không ngu ngơ để bị lừa nữa. Lần này thì ông không để bị mê hoặc trong những cảm xúc đẹp đẽ về hạnh phúc, lần này ông tỉnh táo. Nhưng lần này, sau cơn giận dữ vì thói đời, ông ngồi chờ đợi, nhìn hai cô gái thất vọng, nước mắt lưng tròng, cúi mặt, quay lui và lui thủi ra về. Biết bao nhiêu bẽ bàng, tủi hổ mà con người ta đã phải nhận vì bọn bất lương, giờ đây ông mới nhận ra!

Ông lão Chư buồn xịu. Chiều đó ông không làm được việc gì. Động làm là hỏng, là nhầm. Bối rối trong xúc cảm buồn bực, ông lão càng bối rối trong chờ mong. Ông chờ mong cô gái út người Tày vùng hạ huyện đến lấy bộ đồ trang sức cô dâu. Nhưng cả chiều đó, tối đó ông lão đã mỏi mắt.

Ngày hôm sau, ông lão Chư lại chờ. Ngày hôm sau nữa, ông lão ngóng, ông lão mong. Nhưng một tuần qua cô gái vẫn chưa thấy tới. Cùng với sự chững hững là nỗi ái ngại. Đã lại xảy ra điều bất trắc gì với cô gái? Người thợ bạc già bồn chồn. Ông muốn được thấy cô gái vui vẻ trong sự gia ân kín đáo của ông. Ông muốn được hưởng cái hạnh phúc của sự cho đi, sự ban tặng. Ông sốt ruột. Ông càng sốt ruột hơn khi một tuần nữa đi qua. Ôn huệ cá nhân ông vậy là trở nên vô nghĩa ư? Nếu như một đời sống được tổ chức chu đáo đến mức lòng tốt

cá nhân trở nên thừa thãi thì lại đi một nhẽ. Đằng này, lòng tốt của riêng ông chẳng có ích gì, vì nó lọt thỏm vào muôn điều ràng buộc, chi phối khác. Ông thực sự kinh hoàng vì chiều đó ông lại lặp lại cuộc gặp gỡ với hai cô khách hàng lần trước đem bạc giả đến cửa hàng. Hai cô dẫn theo hai cô khác và họ nói họ ở vùng hạ huyện lên. Họ mang theo những đồng *xanh cẳng cổ* mới mua của một tốp phụ nữ lạ mặt hiện đang ở vùng đó. Ông lão Chư cầm những đồng hào nọ, những đồng hào giả bạc, nặng trĩu, giá buốt lòng tay ông. Hạnh phúc là thứ có thể dễ dàng đánh tráo thế này ư?

Cả mùa thu ấy ông lão Chư chờ cô gái Tày em út nọ trở lại lấy bộ đồ trang sức cô dâu. Rồi mùa thu qua. Mùa đông giá tới. Và mùa xuân lại đến như mặt người thiếu nữ xinh tươi. Cô gái Tày, cái tâm hồn tươi sáng trong ngần và thực thà nọ hẳn là đã đau buồn và do lòng tự trọng nên đã không tới, thậm chí muốn lánh mặt ông vì sợ ông nghĩ rằng cô đã lừa dối ông chẳng? Hẳn là như thế! Và thế thì cái đám cưới có ngựa hồng đón ông xuống dự cũng đã không có, không bao giờ có nữa rồi ư?

Khắc khoải, ông lão Chư có cảm giác mình mang nợ. Ông nợ những con người lương thiện món nợ hạnh phúc. Đầu mùa thu sau, để khỏi phải thấp thỏm ngóng đợi cô gái tới, ông lão liền nghĩ cách viết thư báo cho cô, nhưng vì quá lâu, ông đã để lẫn tờ hóa đơn biên nhận ghi tên địa chỉ của cô gái đâu mất, tìm mãi không thấy. Ông đành phải nhờ Đài Phát thanh huyện thông báo mấy lời sau:

Có một nữ khách hàng người hạ huyện đặt hàng cưới ở tôi từ năm ngoái chưa đến lấy. Nay tôi sắp nghỉ hưu vì ốm yếu, vậy quý khách hãy đến ngay cho kịp để tôi được an lòng.

Chư - thợ bạc ở phố cũ

1976

TRUNG DU, CHIỀU MƯA BUỒN

Cởi áo mưa, giũ đánh phạch một tiếng rõ to, rồi chẳng nói chẳng rằng, bà Nhân sầm sập bước về phía cái bàn trưởng phòng to kênh cửa bà đặt ở giữa buồng. Bà đang giận dữ ai vậy? Chưa thể biết. Vì tiếp đó, bà còn ném phịch cái túi xách giả da nặng trĩu xuống mặt bàn, rồi vừa đưa tay vuốt mái tóc ngắn mới uốn điện kiểu *oval* đã lâm râm sợi bạc, vừa lừ mắt nhìn quanh một hồi nữa, bà mới dấm dẳng và dài dẽ:

- Mưa bão chết cò thế này, có mời đi ăn cỗ đây cũng chẳng thêm!

Chuyện gì đang xảy ra vậy? Chuyện gì mà có cả mưa bão và cỗ bàn?

Người phụ nữ tuổi đã năm mươi còn thích làm đóm, có thói học đòi hơi lối, cậy thế chồng, hay lên mặt này thói thường vẫn hay thỉnh linh phát ra những câu nói dường như chẳng ăn nhập vào đâu khiến mọi người xung quanh thoát đầu chẳng hiểu mô tê ắt giáp gì. Đã thế, câu nói lại rất phũ phàng khi. Con người này tính khí vốn bất thường. Tính khí bất thường, tức là chẳng có *logic* gì cả nên có thể là thế này, mà cũng có thể là thế khác, nghĩa là có thể chỉ là chuyện vớ vẩn và cũng có thể là chuyện nghiêm trang. Bởi vậy nên thấy mọi chuyện của bà chúng tôi đều muốn làm ngơ, tuy không ngớt dò đoán.

Nhưng lần này thì chúng tôi không phải dò đoán lâu la gì. Theo sau bà, cánh cửa buồng rụt rè mở và lộ vào một người đàn ông, nhân vật của câu chuyện, nguyên có của câu nói dấm

dằng trên kia của bà. Người đàn ông có một khuôn mặt thoát ai nhìn thấy cũng đau đớn và kinh hoàng. Một khuôn mặt điển tả trung thành nổi nghèo cực, khổ ải dài lâu và cơn túng quẫn tột cùng ở thời hiện tại. Dưới cái vành mũ lá cọ đã buột, nước mưa còn ròng ròng rỏ giọt là một cái mặt hóp héo, tái xám, với hai con mắt lõ sâu như mắt người mù và một cái miệng lệch xéo lên phía tai phải, trông lúc nào cũng như mếu. Cái mặt tật nguyên ấy tuy vậy vẫn không làm ta kinh tởm, sợ hãi. Có lẽ vì thân hình cân đối của ông tỏa ra một cái gì đó mực thước, lương thiện và nhất là bộ quần áo bộ đội ông mặc đã cũ mủn vá vúi ở bả vai, khuỷu tay, đầu gối. Lâu lắm rồi mới lại nhìn thấy bộ quần áo vá nên căn phòng tràn ngập ngay một cảm giác thương tâm. Càng thương hơn khi nhìn thấy hai ống quần ướt rượt, nước mưa từ hai gấu quần ngấn lưng lũng còn đang rỉ rỉ chảy xuống hai cẳng chân gầy teo, đôi dép quai nhỏ rộng rênh, trệu trạo, thò đến một phần ba bàn chân ra ngoài.

Đeo một cái bị rách, dây vá bằng một mảnh vải thâm, miệng bị thò ra hai cái cổ chai nước mắm đục lờ, người đàn ông bước tập tễnh, ngập ngừng đứng lại ở khuôn cửa, rồi đưa đẩy hai con mắt nhỏ đầy vẻ e dè và lo lắng:

- Chị Nhàn ạ, chị đồng ý thì em xin phép được đèo chị ra ga mua vé lên với nhà em ngay.

Người đàn ông này rõ ràng là có quan hệ thân thiết với bà trưởng phòng của chúng tôi. Thấy bà không nói, như là đã tự tin hơn, ông liền bỏ chiếc mũ lá úp vào ngực, rồi dấn lên một bước, định nói tiếp câu gì đó nhưng vội bật tiếng. Bà trưởng phòng của chúng tôi vừa buông tay nắm búp tóc, quay phắt lại, cái môi dưới còn đậm màu son cánh sen thười dài, the thé:

- Tôi đi thì có xe đưa xe đón, chứ lại phải nhờ đến cái xe cời trường nhà chú!

Câu nói khinh ngạo dẫu sao cũng le lói một tia hy vọng, có lẽ người đàn ông cảm nhận được điều đó nên ông mạnh dạn bước hẳn vào buồng. Giọng ông lúc này trở nên thật hơn, nghĩa là ảo não hơn:

- Nhà em bị lần này không chắc qua khỏi. Thật tình để nhà em ở trên ấy với mấy đứa trẻ, em rất áy náy. Nhưng nhà em hể tỉnh là cứ một hai rằng em phải về đón bằng được chị lên. Bây giờ cô ấy chỉ có chị là ruột thịt. Là cô ấy bảo thế.

- Rõ lẫn thẩn! Cơ quan Trung ương người ta đóng ở Hà Nội chứ có phải cái chợ nhà quê đâu mà muốn vào muốn ra lúc nào cũng được. Phải có kỷ cương nền nếp chứ, đâu có bạ lúc nào cũng đi cũng đến như cái hợp tác xã nhà chú, hử!

- Nếu vậy chị cho em gặp ông thủ trưởng cơ quan chị. Thế nào nghe em trình bày, ông ấy cũng thông cảm và cho phép chị lên với nhà em.

Rõ ràng là người đàn ông quyết tâm thỏa mãn cái nguyện vọng tha thiết của người vợ ốm đau. Nhưng cũng rõ ràng là ông thật thà, chất phác, không hiểu bà chị vợ mình là người thế nào. Quả nhiên, bà chị vợ ông bật một tiếng cười nhỏ, rồi vênh vênh mặt:

- Gớm nhỉ! Chú gặp ông thủ trưởng tôi để nát ông ấy chắc? Gặp thủ trưởng, nghe em trình bày! Tôi cần thì tôi đi, chứ tôi phải nhờ chú!

- Em đâu có nát ai! Mà hạng chúng em thì có biết dọa dẫm ai bao giờ. - Người đàn ông cúi đầu, như chợt nhận ra thân phận của mình, giọng nhuốm vẻ tủi hổ, cay đắng. - Chỉ có điều là nhà em, cô ấy muốn chị em gặp nhau, có thể... đây là lần cuối cùng...

Nói không hết câu, người đàn ông quay đi, vắt nước mũi, ông khóc.

Ai mà có thể đứng vững trước tình cảm và những lời lẽ này! Ai mà có thể sắt đá, vô tình trước sự van nài năn nỉ nghĩa tình sâu nặng như thế! Ai mà có thể cứ sau những lời chân thực đầm nước mắt, lại đáp bằng cái giọng điệu kẻ cả, hợm hĩnh, lơ lửng liên tục như thế!

Chúng tôi ái ngại quá cho người đàn ông và sợ rằng ông sẽ không thể chịu đựng nổi thái độ rất vô sỉ của người chị vợ

mình. Ông sẽ phát khùng. Ông sẽ nổi trận lôi đình. Ông đã ở đỉnh điểm của sự cùng cực, thống khổ rồi. Trông khuôn mặt ông, nghe giọng ông nói thì biết.

May thay, bà trưởng phòng của chúng tôi hình như đã nghĩ lại, hoặc chút ít tình cảm chị em máu mủ trong bà, trước cái cảnh người đàn ông khóc vì tủi cực, chột thức tỉnh.

Thành ra, đứng tựa eo lưng vào cạnh bàn, hai tay chống phía sau, ngực nhô ra phía trước, nhìn người đàn ông đưa tay chùi nước mắt trên má, giọng bà bỗng mềm hẳn lại:

- Thế chú định thế nào bây giờ?

Hai con mắt nhỏ đang noãn nước chột như sáng dậy, người đàn ông ngược lên, nghèn nghẹn:

- Em định thế này, chị ạ. Em đi cắt cho nhà em mấy thang thuốc bổ. Sau đó em quay lại đây. Chị báo cáo cơ quan, rồi hai chị em mình ra ga, đi chuyến tàu bảy giờ tối. Ba giờ sáng mai hoặc năm giờ sáng là cùng, tàu sẽ tới ga...

- Đi cắt thuốc hả? Thế thì... được rồi!

Không để ông em rề nói hết, bà Nhân đã bước tới cạnh ông, giọng liến thoắng. Lại một bất ngờ xảy ra. Đang kên kiệu là thế, bỗng hạ giọng thân mật, rồi bây giờ là một cử chỉ suồng sã bạn bè của bà. Vừa đẩy người đàn ông giật lùi ra phía cửa, bà vừa cười khanh khách, giọng nói, cử chỉ vừa như xua đuổi, vừa như an ủi, vỗ về:

- Được rồi! Được rồi! Không phải quay về đây nữa. Cứ ra ga, lên tàu ngược đi. Có thế nào thì từ nay đến Chủ nhật, tôi và nhà tôi sẽ lên bằng ô tô con. Được chưa nào? Thỏa mãn chưa nào?

Đứng ở giữa giọt hiên đang rỏ nước xuống cái vành mũ lá cọ buột vành, người đàn ông đưa mu bàn tay chùi hàng rìa mép ướt đầm, vớt vát rất tội nghiệp:

- Chị Nhân, thế nào chị cũng lên nhá! Em sẽ bảo nhà em cố... chờ.

Vào tuổi năm mươi, bà Nhân vẫn còn giữ được nét duyên dáng thời thanh xuân. Tầm thước, mặt tròn trắng mịn, hai

con mắt lóng lánh tinh anh, chắc hẳn xưa kia có sức quyến rũ lắm! Đáng chú ý hơn là cái vóc dáng nhẹ nhõm, thanh tao, sản phẩm của một đời người nhàn nhã, không hề biết tới vất vả, cực nhọc. Chẳng hiểu xưa bà sống thế nào, chứ bây giờ thì bà sung sướng lắm. Hai đứa con đi học nước ngoài, ở nhà ông bà đã rảnh sẵn hai cô con dâu vừa xinh đẹp vừa môn đăng hộ đối, nghĩa là cũng vào hàng cán bộ cao cấp của nhà nước. Sáng sáng, trong khi các bà cùng lứa tuổi còn vất vả vì cơm nước, rồi còn gắt um lên với chồng con về cái xe đạp bị thủng xăm chưa vá thì bà ung dung ăn bữa điểm tâm do người cần vụ của ông chồng sửa soạn, rồi tắm nước xong, tót lên cái Lada đỏ ốt đi cùng chồng tới tận cửa cơ quan. Các khoản khác như nhà ở, chi tiêu, bổng lộc... thôi khỏi phải nói, vì chính miệng bà nói hộ rồi. Bà có tính hay khoe, nhiều khi rất là ruột ngựa. Ai lại khoe cả chuyện có ả đưa cả cái ti vi màu đến biếu ông để nhờ ông bệnh vực cho một vụ hối lộ bị phát hiện. Tất nhiên bà không quên vuốt hai mép như vuốt quét trâu: “Ông nhà tôi kiên quyết từ chối!”

Cái cử chỉ vuốt mép của bà không lọt ra khỏi sự quan sát, suy đoán tinh quái của các bà cùng lứa. Cùng với cử chỉ, ngôn ngữ trình độ bà thể hiện hằng ngày, họ cho rằng bà được như ngày nay chỉ là nhờ ả may thôi, chứ thật sự bà cũng như rất nhiều chị em vốn xuất thân lao động nơi đồng ruộng, thôn dã, ít được học hành và còn tối dạ nữa là khác.

Ở đời có ai chỉ rặt những thói xấu. Cũng chẳng có ai hoàn toàn chỉ có những đức tính tốt. Ai mà chẳng có dăm ba thói tật đáng phàn nàn. Nên chi cũng nên thể tất cho nhau. Chẳng hạn như cái trình độ hiểu biết, cái vốn văn hóa rất có hạn của bà. Cũng đã ngồi ghế lớp bảy bổ túc văn hóa rồi đấy nhưng con toán lớp bốn bà làm chẳng nổi. Tiếng Việt, những chữ có âm khó như “oeo”, “uyên” bà viết có khi nào đúng! Phát biểu ý kiến thì dài dòng mà chẳng hiểu bà định nói gì. Lại thêm cái thói xấu hay cạy thân cạy thế, đồng đánh, tuôn ra hàng tràng ngôn ngữ chợ búa lắm khi rất tục. Người ta bảo đó là do bà

ảnh hưởng của chồng, chồng bà, chức vị lớn, đã lớn là coi như có quyền nói năng văng mạng. Thôi thì thế tất cả! Thế tất cả cái việc này nữa: Đùng cái bà lên trưởng phòng, lương cao hơn chuyên viên một, nhận giấy khám bệnh ở Bệnh viện Việt - Xô, tức là lên một đẳng cấp khác, mà thật tình bà chỉ đáng làm nhân viên tạp vụ thôi, xét về tất cả các mặt. Ai cũng biết đó là do có sự mặc cả giữa chồng bà và ông thủ trưởng cơ quan. Nhưng rồi người ta cũng tặc lưỡi cho qua! Ăn nhằm gì cái chức tước cỏn con ấy. Cho qua cả cái thói hợm của, ai cũng biết của cái nhà bà phải tính bằng trăm cây vàng, là cái phần ngoại bổng của ông chồng bà. Nhưng mà thôi, đặc quyền đặc lợi đâu có phải chỉ có vợ chồng con cái bà hưởng. Và cũng không phải mới đây. Người ta chịu đựng cũng quen rồi. Cái không quen được, không bao giờ quen được là ở chỗ này: bà rất hay lên mặt khinh người. Ai cũng có quyền tự mãn, thậm chí kiêu ngạo tí chút về mình, nhưng điều đó khác xa với thói hợm mình, miệt thị, lẳng nhục người khác, khác hẳn với thái độ lạnh lùng, thờ ơ với nỗi khổ của người khác, càng không phải là cái quyền chửi rủa người thấp kém bên dưới mình, như thói tẻ tiết ra từ đời sống bọn người hãnh tiến trên con đường công danh, thu lợi lộc thời nào cũng có.

Nhưng bây giờ thì hóa ra bà Nhân vốn xưa xuất thân cũng là nghèo cực thôi. Chứng cứ là cô em bà đau ốm lang bạt tận đầu mút tỉnh Vĩnh Phú đó thôi. Sự việc đã vậy, bà Nhân cũng chẳng thể giấu được nữa. Đúng, bà có hai chị em, sau khi cha mẹ chết đói, năm ấy là năm Ất Dậu, đã dắt dúi nhau rời khỏi đất Thái Bình đi tha phương cầu thực. Họ đi vô định. May thay, vào lúc bước đường cùng, họ được một đơn vị bộ đội cứu mang. Cô chị tên là Nhân. Cô em tên là Bịu. Oái ăm quá, cô Nhân trắng trẻo, xinh tươi bao nhiêu thì cô Bịu đen đui, xấu xí bấy nhiêu. Số phận chia rẽ hai chị em. Cô chị vào văn công, cô em được làm hỏa đầu quân. Ít lâu sau cô chị lấy ông trung đoàn trưởng trẻ trai. Còn cô em lận đận mãi tới năm 1958 mới lấy chồng, là một anh thương binh hạng 4/6. Trời! Ông trời

sao mà bất công vậy! Bao nhiêu cái may mắn ông dồn cả cho bà Nhân. Còn cô em sao ông nỡ lòng giáng xuống toàn những thiệt thòi, rủi ro?

Tổng khứ được ông em về đi rồi, bà Nhân quay về buồng tông tặc kể cho chúng tôi nghe những điều trên. Rồi chốc chốc bà lại chép miệng, lại kết một câu như sau:

- Ủ, thì có may có rủi. Nhưng bây giờ chị em kiến giả nhất phận chứ. Bám vào quấy nhiễu mãi ai mà chịu được!

Một chủ đề mới lại khai mở: Sự quấy nhiễu của vợ chồng cô em. Năm nào cũng xuống ở nhà dăm bữa nửa tháng nói là để khám bệnh, mua thuốc nhưng xuống ở là cấm có mang theo cân gạo nào. Đã thế lại hay xin xỏ. Cái chậu đồng thủng, cái áo vét cũ, cái *fula*¹ rách, đôi dép đứt quai, cái túi lưới vá, chiếc độc bình sứ... cái gì cũng xin, cũng vợ vét. Đồ ăn thức uống thì từ chai nước mắm tới lạng mì chính, cái gì cũng kêu thiếu, cũng nhờ mua hộ. Được chai nước mắm loại một thì sướng lên bảo: “Về em phải nấu nước muối pha thành năm chai, không ăn tổn lắm! Khiếp quá!”

Còn lần này thì sao? Bà Nhân nói:

- Thằng ông mãnh tằm ngấm tằm ngấm ranh ma quỷ quyết đến ám suốt đêm qua. Xuống tàu là nhảy ngay vào: “Em đói quá, có cơm nguội cho em một bát!” Rồi lại oai oái kêu nghèo. Có biết đâu tôi đã lục túi lúc thằng ông mãnh tằm. Tôi mới vạch mặt. Thế là kêu rầm lên là đem tiền đi mua thuốc cho vợ. Nói vô phép, trông cứ như thằng ăn mày. Xấu hổ quá kia. Khách người ta toàn loại Trung ương, bộ trưởng, thứ trưởng mà cứ ngồi thượng cả hai chân lên *xa lông* và há hốc mồm ngủ. Thật, không hiểu nó là cái giống người gì nữa cơ chứ!

Ngôn ngữ có khả năng thô bạo đến thế là cùng, chúng tôi nghĩ. Nhưng chưa hết, bà Nhân tiếp:

- Muốn chơi trò này. Ra cái điều ta ở nhà quê nhưng có ông anh rể là cán bộ cao cấp, có ô tô riêng, ta ốm ông anh bà

1. Khăn quàng cổ.

chị đánh cả xe về thăm đây. Một lần tố với ông ấy đi ô tô về chơi, ôi giời, không nói ngoa, cả xóm cứ như có hội. Vợ chồng nhà nó mặt cứ nở như cái bánh đa nướng. Xét ra, anh nhà quê là tham, là sĩ nhất. Mà lười, mà dễ khỏe. Sáu con rồi, tim suy độ hai, một lần chữa ngoài dạ con rồi, bảo triệt sản đi, có chịu nghe đâu. Lần này cho chết!

Trời ôi! Chúng tôi cùng rên lên trong thâm tâm. Tham lam, sĩ diện, lười biếng, bần tiện, ăn mày, ăn nhạt... Cứ cho là vợ chồng người em có đủ các thói hư tật xấu ấy đi nhưng lúc này đâu có phải lúc bêu riếu nhau. Cô Bội đang ốm thập tử nhất sinh.

Bất nhẫn, tôi đánh bạo:

- Chị Nhân à, công việc văn phòng dạo này cũng đã vãn vãn rồi. Lân nó có thể cáng đáng được. Chị cứ yên tâm thu xếp lên thăm cô ấy đi, chị ạ.

Lân là phó phòng mới được đề bạt, nói thêm:

- Bây giờ chỉ còn việc đưa giấy mời họp sơ kết quý ba. Các khách hàng của công ty, em cũng đã quen biết cả, còn việc...

Không để Lân nói hết, bà Nhân chen luôn:

- Tưởng bỏ ăn đấy hả? Tôi mà không đích thân đi mời, họ không nể tôi thì họ có mà đi khối đấy. Còn nhớ cái đơn họp đón bằng khen không? Hàng ghế khách ngồi trống huếch trống hoác, ngượng cả mặt.

- Em sẽ đi đến nhà từng ông, từng bà. - Lân nhún nhường.

Tôi gần như kẻ nhập cuộc vào câu chuyện của người em bà, giọng khẩn nài:

- Cô ấy nhắn chị thế là sự bất đắc dĩ. Chắc là bệnh tình cũng đến lúc nguy cấp lắm rồi. Chị cố lên trên ấy vài hôm xem thế nào, nếu cô ấy có mệnh hệ nào thì cũng khỏi ân hận.

Bà Nhân nghe mặt ra khuôn cửa sổ đan dày những dòng mưa lóng lánh như bạc. Bà có nghe chúng tôi nói không? Chẳng hiểu nữa, chỉ biết sau đó bà quay lại, một lần nữa trách chúng tôi coi nhẹ tầm quan trọng của việc đưa giấy mời họp, rồi buông một tiếng cười nhạt:

- Chắc là có vàng bạc châu báu gì nên cô em tôi trước lúc chết muốn trao gửi tận tay cho tôi đây.

Chúng tôi nổi gai khắp người. Cái lối suy nghĩ lắt léo, tầm tối ở con người thật chẳng biết thế nào mà lần.

Tôi quay mặt đi, sợ nhìn thấy mặt bà. Nhưng bà đã đứng dậy thản nhiên:

- Các cậu chẳng hiểu cái khổ khô gì hết. Vợ chồng nó giả nghèo giả khổ, vờ ốm vờ đau đấy thôi. Với lại, làm gì thì cũng phải có kế hoạch trước chứ. Mấy hôm nữa, ông nhà tôi ở Bulgaria về, chúng tôi còn đi nghỉ mát. Tháng Chín rồi, ít nữa bãi biển trống huếch thì nghỉ với ma à!

*

Mưa.

Mưa ngâu, thấm đẫm không gian miền thượng trung du ướt át một nỗi buồn thê thiết. Hạt mưa lơ lửng, phủ trắng mờ những eo đồi vắng lặng lúp xúp các bụi cây hoang dại. Cây cỏ không diễn đạt nổi một khúc xạ ý tưởng thơ mộng nào. Dáng nó cằn, bóng nó trơ trọi giữa sa mù, đầy vẻ giá lạnh cô đơn. Vệt bánh xe bò quần quai, chồng chất hỗn độn ven đồi đất vàng ệch như trích đoạn của bức tranh cô liêu, buồn đến tận cùng xương tủy. Cỏ hỗn hung hãn xâm chiếm mặt đường, quệt ràn rạt vào bánh xe lăn chậm chạp. Xe càng đi càng như vào chốn không người.

Tôi nhớ mãi chiều thu rầu rĩ tóc tang ấy, mưa dai dẳng sụt sùi không lúc nào ngớt và rau diếp cá bị xéo nát bên bờ ruộng sục mùi tanh tươi đến buồn nôn, ám ảnh mãi trong tôi một cảm giác hoang tàn. Chiếc xe con của cơ quan chúng tôi vượt hơn trăm cây số tới vùng đất của rừng này đã bốn giờ chiều. Cái xóm nhỏ chỉ có độ chục nóc nhà. Tất cả mọi người đều đang ngơ ngác, mặt ai cũng vàng nhợt, như vô hồn. Từ xa lắm, tiếng còi tàu vắng vắng tới như một lời già biệt.

Mãi mãi tôi không thể quên cái cảnh bốn người đàn ông

ướt dầm dề khiêng cái quan tài đóng vội bằng ván cánh cửa hở huếch hoác, chân rờ rẫm, chốc chốc lại hẫng một cái vì một ai đó bị sa xuống hố bùn, thế là lại phải xô tới rồi rút chuyển đòn cho người khác. Gặp chỗ đường bằng, cỗ quan mới được đặt lên xe cải tiến. Khốn khổ, chỗ xóc, cỗ áo nẩy lộc cộc, gặp khi lên dốc, nó lại tụt ra đằng sau, mọi người lại phải xúm lại để đỡ, hì hục đẩy ngược lên.

Nước mưa động vàng ửng trong lòng huyết. Nhưng cỗ áo cứ được thả xuống. Kiệt sức cả rồi, không ai có thể làm thêm được gì để cải thiện tình hình. Bên bờ huyết đứng khoảng hơn chục người đàn ông, đàn bà với hai vòng hoa nhàu nát. Mưa ướt dầm mái tóc rậm bù của người đàn ông, trông ông lại sa sút, tiêu tụy hơn cái hôm ông đến cơ quan chúng tôi. Sáu đứa trẻ sút sít bằng nhau lóc nhóc một đám, đứng cạnh cha, ri ri khóc. Hương thấp rồi lại tắt! Lại phải quây nón đốt giấy thấp lại. Gió giũ phành phạch tàu lá cọ trên cao, bóng người xiêu dạt dạt dờ trong hoàng hôn tím sẫm.

Đứng cùng với những thân nhân của người quá cố khi mộ đã đắp xong, trời đã tối sập, chúng tôi có cảm giác mình cũng là những cô hồn đang sờ soạng, rờ rẫm trong hoang mê. Nghèo nàn, cơ cực, buồn thảm đến thế này đã là tội độ chưa? Người chồng gần như chẳng để ý gì đến chúng tôi khi chúng tôi đưa vòng hoa và tiền phúng tới, giờ thấy chúng tôi đứng mặc niệm vong linh vợ, ông mới chợt nhớ ra, liền ngửa mặt lên trời, bịt miệng hức hức lên một hồi:

- Bội ơi! Thế là chị Nhàn không về để nhìn mặt em lần cuối cùng rồi, Bội ơi.

Những đứa trẻ lập tức nức lên theo cha. Biết nói thế nào để khỏi tủi linh hồn người đã khuất và không xúc phạm tới người đang sống. Không dám nói là bà Nhàn đã đi nghỉ mát với chồng, khi ông ấy vừa đi công tác ở Bulgaria về, chúng tôi nói bà trưởng phòng của chúng tôi có việc đột xuất phải đi công tác xa, từ cuối tuần trước, thành ra kế hoạch lên thăm cô Bội bị phá vỡ, nay gặp chuyện không may, bất ngờ thế này, chúng

tôi đại diện cơ quan lên chia buồn cùng gia đình, mặt khác chúng tôi đã điện gấp cho bà Nhân, chắc chỉ nay mai là bà ấy sẽ có mặt ở đây thôi.

*

Trở về cơ quan, tâm ức chúng tôi vẫn bị khuấy động vì cái đám tang não lòng ấy. Bức tranh trung du chiều mưa buồn ấy sao mà thê lương, thảm thiết. Và tôi không khỏi lo sợ khi nghĩ tới khả năng diễn đạt của mình lúc phải thuật lại cảnh tượng ấy cho bà Nhân. Tôi chỉ lo tôi sẽ không cầm lòng được, bà Nhân sẽ phải sa lệ sám hối, khi tôi kể lại sự kiện đau buồn nọ thôi.

Nhưng tôi đã lo lắng thừa. Dòng đời trôi chảy tự nhiên ở ngoài tất cả những áp đặt của con người. Vừa nghe thấy tiếng bà Nhân chao chat ở ngoài hiên, ngược lên đã thấy bà hiện hình giữa căn buồng nhỏ, sau hơn chục ngày vắng bóng. Lại một bất ngờ nữa sau cái đập bàn bất thành linh, bộc lộ cơn hưng phấn tốt độ của bà:

- Cha tiên nhân nó, suýt nữa thì mình mắc lừa!

- Sao hả chị? - Chúng tôi vừa kêu, vừa kinh ngạc và lo ngại.

Bà trưởng phòng kéo cái ghế mây, xéch hai ống quần tây màu hạt dẻ, ngồi xuống, chống tay lên mặt bàn, người nhấp nhồm, vẻ mặt hồng hào đầy vẻ hỉ hả hòa hợp với một ngữ điệu tràn ngập nỗi đắc chí nhỏ mọn:

- Cứ tưởng cái thằng cha nhà nghỉ Thịnh Lương không ra gì. Nghe các ông con giới kê, đã định bỏ, hóa ra cực kỳ! Ăn tám chục một ngày mà bằng hai trăm nơi khác. Cá thu có sáu mươi đồng một ký có chết người không chứ! Rẻ thôi! Bãi biển thì hết ý! Ngồi trên gác ba ngắm bãi biển lồng lộng gió mát cũng cực kỳ! Ôi giới, áo xanh áo đỏ cứ là hoa cả mắt. Năm nay các mẹ toàn mặc áo tằm hai mảnh. Các ông tha hồ mà bổ túc mắt nhé. Phục vụ thì hơn hẳn nơi khác. Thật là hết sảy!

Một dòng thác những là: “cực kỳ”, “hết ý”, “hết sảy” tuôn

trào xối xả. Phía sau khu rừng ngôn ngữ và cách biểu đạt thô sơ là một gương mặt hãnh tiến, hả hê, mãn nguyện. Làm thế nào xuyên qua cánh rừng rậm loại hoa không hương sắc này để đi đến cái thung lũng đau buồn thật sự bây giờ?

Chúng tôi lại gặp may. Người bưu tá mang thư và báo đến, nhiệm vụ thông đạt truyền tin đã có nhà nước đảm nhiệm thay chúng tôi.

Bà Nhân nhận ngay ra nét chữ của người em rể ở ngoài bì thư. Bà xé rìa phong bì dày cộm còn nguyên những hạt cơm nguội khô. Rồi những ngón tay có móng sơn đỏ của bà mở rộng một tờ giấy khổ lớn gấp tám. Mắt bà chớp chớp. Nhưng mặt bà vẫn còn nguyên niềm vui ngoài bãi biển Thịnh Lương. Bà vẫy chúng tôi lại gần:

- Nay, tớ đọc các cậu cùng nghe nhé! Xem thằng ông mãnh định vùi vĩnh gì nữa nào!

*

Chị Nhân kính mến!

Em về tới nhà thì Bịu đã nôn khan. Các bác sĩ ở bệnh viện chẩn đoán là nhà em đã bị đứt tĩnh mạch tim. Em đành đưa nhà em về. Lúc ấy nhà em còn tỉnh lắm. Còn hỏi: “Đưa tôi đi đâu thế này?” Cáng về tới nhà, trông thấy cây hồng xiêm và cây táo, Bịu còn nhận ra và hỏi: “Chị Nhân tôi lên chưa?” Em đáp: “Nội nhật nay mai là chị lên thôi.” Nhà em ra ý gặt đầu, chờ đợi.

Nhưng ngày hôm sau trông sắc mặt nhà em đã kém sút lắm rồi. Hàng xóm tới hỏi: “Có nhận ra tôi không?” Nhà em đáp: “Có.” Họ lại hỏi: “Cô thấy trong người thế nào?” Nhà em thều thào: “Khác lắm.”

Chiều hôm ấy hàng xóm bảo cho nhà em uống nước gạo rang. Nhưng nhà em không chịu uống. Hàng xóm lại bảo, khi nào cô ấy ngáp thì đưa đồng bạc hoa xòe và chín hạt gạo vào miệng cô ấy. Em làm theo. Nhưng nhà em lại mở mắt nhớ đồng

bạc và chín hạt gạo ra. Rồi lại hỏi: “Chị Nhàn tôi đâu?” Cứ day đi day lại mãi câu hỏi ấy. Rồi bỗng nhiên tỉnh. Lại bắt đầu nói. Y như cái lúc bắt đầu ốm, kể lại từ cái đận hai chị em lưu lạc ở đất Thái Bình lên tới đất Phú Thọ trung du, ở làng này ngập lụt ra sao. Chị phải đi gánh thuê vất vả ở chợ Cầu Tây, ở Thanh Cù, Ấm Thượng thế nào...

Gần sáng thì giọng đã ngọng rồi. Nhưng lại mở mắt nhìn em hỏi: “Chị Nhàn tôi đâu?” Lần này giọng trách móc lắm. Em nói: “Tôi đi ra ga đón chị ấy đây.” Có tiếng còi tàu ở ga thật. Nhà em chắc là bị em lừa nhiều rồi nên lần này lắc đầu. Lắc đầu và khép mắt lại và đi.

Thưa chị, kể chi nữa những nỗi đau buồn. Sự thể đã thế rồi, em biết trách ai. Em chỉ biết cảm ơn tấm lòng quý hóa của bà con hàng xóm với em. Ban Thương binh và Xã hội huyện, Ủy ban, Đảng ủy xã đều đến giúp đỡ, chia buồn. Cả Sở Lâm nghiệp cũng gửi tới một cỗ áo vàng tâm vì họ nhớ cái hồi nhà em làm thợ rừng. Tỉnh đội nhận được tin chậm nên vào hôm ba ngày nhà em mới đánh ô tô xuống phúng viếng một nghìn đồng. Các anh ấy còn nhắc lại kỷ niệm hồi Bịu làm cấp dưỡng ở trung đoàn bộ đội tỉnh...

Trời! Tôi thấy mình như mê dại. Tôi nhầm hay thư viết sai? Cỗ áo vàng tâm hay cỗ áo ghép bằng ván cánh cửa hở huếch hở hoác chiều mưa buồn thương ấy? Bà Nhàn cũng đã ngừng đọc. Hình như thư cũng sắp hết. Bà nhìn chúng tôi. Mặt bà vẫn ánh ỏi nắng gió và niềm vui trên bờ biển nhà nghỉ họ. Không một gợn thương xót. Cũng chẳng tí chút ân hận, ngậm ngùi. Một lần nữa chúng tôi lại bị bất ngờ và lần này chúng tôi như chết lặng. Tay cầm thư, tay kia vỗ bộp xuống bàn, bà kêu to như vừa khám phá ra một sự thật:

- Tiên sư nó chứ, chết như nó cũng sướng! Thế mà cứ làm ra vẻ ta đây nghèo khổ! Mình dễ đã bằng nó à!

1987

TRÁI CHÍN MÙA THU

- **O**, con ghé nhà ai tể thế kia nhỉ?
Thụy dừng xe, đứng trên mặt đê. Dưới chân đê, trên lớp cỏ mùa thu xanh mượt, con trâu trắng nhà ai đang xoắn đều bốn vó. Con trâu non, sừng mới hơn gang nhưng trường mình, lực lưỡng, có những bước nhảy dài khoan thai, rập rờn, đẹp như ngựa phi nước đại. Cạnh nơi Thụy vô tình dừng chân, năm, sáu ông lão ngồi ở rệ đê dáng chừng ngóng đợi ai, cũng như Thụy đang hướng cái nhìn xuống chân đê, nơi con trâu non hí hỏn trong cơn ngẫu hứng lúc ngả chiều.

Nồm nam từ mặt sông phất lên như quạt, rười rượi mát. Tràn qua mặt đê, hơi gió chiều quấy lộng đang lay động những tàu sen và những búp sen tím hồng mọc kín cả dãy đầm ao dưới rệ đê bên này. Khói thuốc缭绕 mong manh in rõ từng sợi rất thanh và trời chiều lúc này như đang doãng rộng thêm ra, trong suốt, đến mức có thể nhìn thấy cả những ngọn cau ở những xóm làng tí xa. Cảnh chiều thu nơi đồng nội đơn sơ từ thiện và hiền hòa. Và trong khung cảnh này, con người bỗng chốc như trở nên nhân hậu hơn, cao cả hơn.

- Chào các cụ! - Bỗng dưng Thụy có cảm giác lúc này mình như một kẻ vô cùng rối rắm, thanh thời. - Con trâu nhà ai mà đẹp quá thế?

- Con ghé mới vực của nhà cháu đấy, các ông ạ. - Một ông lão đầu trọc, lông mày bạc như cước, ngoái cổ lại đáp.

Rồi như chợt nhận ra Thụy, ông lão liền xoay cả người lại:
 - Ô kia, không dám, chào ông. Tưởng ai, hóa ra ông huyện.
 Ngồi hút thuốc đã, ông Thụy.

Mấy ông già cùng ngược lên nhìn Thụy, vồn vã:

- Ông huyện về nhà chắc? Ngồi đây tỉnh người vì cái hương sen, ông ạ.

- Mát thật, các cụ nhỉ?

- Vừa thấy cô Luyến đạp xe về. Hồi trưa ông Hạp đi ô tô qua, chắc là ở tỉnh về? Chẳng hiểu các vị hồi này thế nào mà ô tô đi lại cứ như mắc cửi.

Thụy ngả chiếc xe nằm theo lườn đê, kéo hai ống quần ngồi xuống cạnh mấy ông lão. Mấy cụ biết Thụy là trưởng ban tổ chức huyện ủy, còn Thụy chỉ biết các cụ người trên Kim Bùi, cách xã anh hai cây số. Trò chuyện với các cụ là cái chuyện thường tình, nhưng lúc này mà ngồi lại đây thì cũng là hiếm với Thụy. Cái quỹ thời gian, lâu nay ở huyện này người ta hay nói kiểu cách vậy, của anh cán bộ huyện quả tình là eo hẹp lắm. Cái phần thời gian dư ra sau khi đã lấy tổng số trừ đi các khoản họp hành, học tập, công tác, ngủ nghỉ xem ra chẳng còn là bao. Mà cái phần việc riêng phải lo toan thì hình như lại càng ngày càng nhiều.

Mấy năm trước, Hạp bí thư còn gay gắt lên án những anh cấp ủy chăm chăm chúí chúí cả ngày Chủ nhật quanh cái chuồng lợn, cái ao cá. Rồi cơ quan lại còn đề ra cái nội quy hết sức nghiêm khắc là tất cả các buổi tối, trừ thứ Bảy, dẫu có nhà ở kề ngay huyện thì mọi cán bộ, không có loại trừ một ai, cũng phải ngủ tại cơ quan. Chẳng phải vì bão lụt, sâu keo đột xuất hay địch nhảy dù bất ngờ mà chỉ là để tăng cường tinh thần tập thể (!). Và kết quả là từ chú văn thư tới ông bí thư, anh nào cũng biết chơi tổ tôm và mê tổ tôm. Nay hội tổ tôm đã giải tán. Hết giờ là anh nào anh nấy cắm cúi học tốc guồng xe. Việc của gia đình, việc của riêng mỗi đời người, không ai ngoài mình có thể giải quyết giúp được, hình như lâu nay bị quên lãng, tưởng là nó sẽ tiêu tan đi. Nào ngờ, nó vẫn còn nguyên vẹn đấy. Đời người chẳng giản đơn đi, trái lại như phức tạp thêm. Thế

đó! Thế đó mà Thụy lại bỗng như rảnh rồi, như chiều nay, cái khoảng thời gian của riêng lại dôi ra rất nhiều để có thể ngắm con trâu non nhà ai phỏn chí cất vó tể nước đại và ngồi kể cà chuyện phiếm với mấy ông già này.

“Hút thuốc, ông huyện!” Ấy thế, lại còn đón cái điều cày, nạp mỗi thuốc xin của ông lão có con trâu non nọ, khum tay xoay người, khom lưng che gió, châm lửa. Rồi ngửa cổ, choài tay ra sau, chúm môi thổi một hơi trắng đặc lên trời. Hơn năm trời nay có hút thuốc lão nữa đâu mà hôm nay lại hút? May mà hít nhẹ thôi nên chỉ có cảm giác tê tê kiến bò ở đầu ngón tay, ngón chân, chứ không thì cả cái chiều mùa thu yên ả này sẽ là quay lông lốc và con sông sẽ dốc ngược lên đổ nước ào ào vào mặt đê không biết chừng! Cái chất ma túy này nó ám người ta dai lắm. Đã có câu: *Nhớ ai như nhớ thuốc Lào. Đã chôn điều xuống lại đào điều lên cơ mà!* Nhưng bên huyện ủy đầu tiên là Thụy, bên ủy ban hồi đó khởi xướng là Hạp. Ở đời có cái gì là bất di bất dịch, không thay đổi được? “Thằng nào mất cái gì, từ mai bỏ thuốc Lào đây?” Hạp vung tay vung chân, thách thức. Ai dám cuộc với Hạp? “Mất gì nào?” Thụy hất hàm. Hạp cười khi khi.

- Quái, sao bây giờ còn chưa thấy thuyền về nhảy?

Ông lão có con trâu non quay lại, cọ cái khăn vắt trên cổ. Mấy ông già cùng đứng cả lên, nhìn về phía đầu sông. Con sông uốn chữ S xa bờ đê, lênh lảng sáng như mặt gương trắng bạc.

- Khéo mất ngày mất buổi thôi!

- May mà trời chưa tối. Mấy giờ rồi, ông Thụy?

Thụy lắc đầu:

- Tôi không có đồng hồ. Mấy cụ chờ cái gì vậy?

- À, vật tư huyện họ bầu đến lấy thuốc sâu.

Ông lão nọ nói, quay lại nhìn Thụy:

- Ông Thụy nhỏ, chốc đã mấy chục năm rồi. Cái hồi năm 53, bên này sông là nó, bên kia sông là mình.

- Cụ còn nhớ lâu nhỉ?

- Thì chiều chiều cũng vào cái quãng này là tôi đội cái nón, khoác cái tơi, những khi giá rét, ra bờ sông, đón thuyền cả Phiếu nhà tôi. Ông còn nhớ thuyền Phiếu lác không?

- Quên sao được, cụ!

- Ủ... thế mà chả mấy chốc râu ria tóc tai đã lốm đốm cả rồi.

- A, thuyền vật tư kia chắc? - Một ông lão kêu khan khan.

Đám các cụ đã đứng cả dậy, phúi dất quần, mặt nghênh nghênh, hiêng hiêng. Mặt sông vẫn trắng lạng chọi chọi, nhưng nhìn về phía núi mờ xa, có một đoạn sông lấp lánh như khảm xà cừ, ở đó một chiếc thuyền đình đang lừng lững đi. Bóng mấy ông lão nổi bên bờ sông như một hàng tiêu binh. Con trâu non thôi té từ nãy, cúi đầu bút cỏ, rồi chột ngẩng lên, đứng im. Giây phút tĩnh lặng tưởng như cả chiều thu lơ lửng, phẳng phắc như tranh treo trong nhà lưu niệm.

Lát sau, con thuyền đình rẽ vào bến. Tiếng còi sào đình chọc xuống đáy sông và tiếng chân người chạy trên mui lịch bạch nghe vừa cô độc vừa âm vang. Thụy nhảy lên xe, đạp. Nhưng được một quãng, Thụy lại xuống dắt xe. Chiều thu như đứng nguyên tại chỗ, đáng suy tưởng sâu xa.

*

Ngày không chịu tận. Chiều không chịu đi. Trời cứ trong vắt vắt. Chỉ đến khi Thụy dắt cái xe xuống dốc đê, vào làng, chiều thu mới vương vương một hơi sương mờ. Qua cái cổng làng nứt nẻ vì rễ đa âm âm tối, Thụy đi vào con đường gạch nghiêng, anh lại ngỡ như trời đang ở cái thời điểm sắp sáng. Những mặt ao lặng như tờ vào giờ này vẫn như những con mắt mở hết cỡ. Dưới làn nước trong xanh veo veo, Thụy vẫn thấy cái nền trời thu mênh mông, ngập ngừng, lưu luyến. Và những khóm trúc rải rác trên con đường quanh co ngõ xóm càng chiều càng ánh lên cái sắc vàng bóng bẩy như một thứ

đồ mỹ nghệ được trau chuốt kỹ càng. Ngả tối nhanh hơn là các vườn cây ăn quả. Nhưng những bụi nhót rậm rờ vẫn chưa đủ sức tỏa ra cái bóng đen lẩn át; bởi mùa thu vẫn ánh lên những chấm vàng thắm thiết như những ngọn đèn phát sáng kỳ lạ; đó là bưởi! Bưởi buông những dấu tròn lạng lẽ, tưởng như chứa ở trong nó và tỏa ra xung quanh cái thanh tĩnh cổ kính ngàn năm của mùa thu nơi thôn làng.

Đứng ngẩn ở cái sân nhà mình một lúc, Thụy mới như sực nhớ, anh dựa xe vào tường hiên, tìm cái chiếu.

Nhưng ngồi xuống chiếu rồi, Thụy vẫn không ra khỏi cảm giác băng khuâng thế nào. Hai đứa con anh vẫn có mặt ở nhà. Góc sân có đồng rọ tôm, chắc hẳn là thằng Lưu mới dong thuyền đi nhấc về. Và bây giờ, nó đang rì rầm chuyện trò với cái Luyến chị nó trong gian bếp. Nhưng hai đứa con và câu chuyện riêng của chúng chẳng khiến cho khung cảnh chiều thu đỡ phảng lảng, quạnh hiu. Cả khi trăng lên, một mảnh vàng vọt vọt giữa hai thân cau gầy, trước mặt Thụy, Thụy cũng vẫn cảm thấy lòng dạ băng láng, trống trải lạ lùng.

- Thầy ăn bưởi ạ.

Giật mình, quay lại, Thụy đã thấy trước mặt anh là cái rổ con, trong đó có nửa quả bưởi đã tẽ múi và Luyến, con gái lớn của anh, sau khi mời anh, đã tọt lên hàng hiên cao; trên đó, thằng Lưu cao ngồng, tóc ướm đậm, đánh cái quần đùi đen, đang cầm cái khăn chà mạnh vào cổ, vào mặt.

- Bưởi ở đâu thế?

Thụy nhìn vào hàng hiên. Luyến co hai bờ vai mập mạp, nghiêng đầu cọ má vào một vai áo, lúng búng trong miệng. Thằng Lưu lí nhí, nói cái gì đó khiến Luyến bỗng quay lại, đâm bình bịch vào vai nó, miệng kêu the thé. Rồi kết cục của cuộc xô đẩy, co kéo, chống đỡ vui vẻ là cả hai đứa tọt cả vào cái bếp lợp ngói ở đầu căn nhà mái bằng.

Thụy bóc một múi bưởi, thờ người. Múi bưởi dài, mọng, man mát, nhàn nhạt. Thụy nhớ ra rồi. Giống bưởi dây quả

như quả phật thủ, lúc lử đến mức cành nào cũng phải có sào chống ở trong vườn nhà ông bà Lục. Ông bà Lục có Ngô, cậu con trai độc nhất, hiện đang ở bộ đội. Hai ông bà tuần trước đã sang chính thức xin Luyến về làm dâu bên nhà. Lại cũng đã hẹn cuối thu này, khi Ngô về phép, sẽ tổ chức đám cưới. Luyến đã hai mươi hai! Hai mươi hai! Trời, dạo ấy mẹ Luyến cũng mới hai mươi hai! Anh cả Phiếu thì đã có ông thân sinh đón ở bờ sông, còn Thụy thì có Thi. Mỗi anh du kích từ bên kia sông, vùng tự do, đêm đêm bơi sang bên này đều có một thân nhân đón đợi, rồi đưa vào xóm, đi quấy rối bớt Quyền, đi trừng trị tề ác và gần sáng thì trở về hầm bí mật. Là vợ rồi nhưng Thi còn bẽn lẽn lắm. Gặp anh em đồng đội, đang đi cùng với Thụy, Thi cũng lùi về phía sau. Cả cái hôm Tây ở bớt Quyền về càn, có mỗi cái hầm bí mật, Thụy gọi Thi xuống cùng, Thi cũng lắc đầu kêu: “Eo ơi!” Thi mất sau một buổi đi đào mương về, lội xuống sông tắm và bị cảm. Dạo đó, Luyến lên tám và thằng Lưu sáu tuổi. Chao ôi, không thể nghĩ rằng vậy là đã mười bốn năm trôi qua! Mười bốn năm trôi qua, con nhỏ đã vào tuổi thành niên, bố bước vào tuổi già, mỗi người như đã hoàn thành danh phận của mình!

Trong bếp có tiếng cười rúc rích của hai đứa con. Chúng cười gì thế không biết. Bỗng dưng muốn ngả mình, Thụy gạt lại mặt chiếu, nghiêng người, ghé xuống. Nhưng chưa kịp đặt lưng xuống anh đã vội nhồm dậy. Hơi nóng của cái sân vẫn còn bốc tỏa lên mặt chiếu. Cùng với phản ứng nọ, anh hơi ngạc nhiên vì thấy Luyến đã từ bếp đi ra, đứng thập thò ở sau lưng anh. Bóng Luyến đổ một vệt sẫm ở đầu manh chiếu nhỏ.

- Thầy ạ...

Vạn người, xoay lại, cũng là kéo dài ra vài giây để lấy lại chủ động, Thụy nghĩ, chắc là Luyến sẽ thưa với anh chuyện xây dựng gia đình của nó.

- Ngồi xuống đây, Luyến!

Đập tay khe khẽ lên mặt chiếu, Thụy nhìn con gái âu yếm.

Có lẽ anh phải tìm một câu chuyện dẫn dắt để cho Luyến có thể thật tự nhiên trình bày ý nguyện riêng của nó trong chuyện hạnh phúc trăm năm này. Nhưng vừa định cất tiếng, Thụy biết ngay là mình lằm. Luyến đáp rằng nó đúng cũng được. Và nó hơi ngẩng lên, trao đổi một cái nhìn chứa đựng nhiều ẩn ý về phía em trai đang đứng ở trong hàng hiên in một ngần trắng sáng.

- Thầy ạ. Chiều nay, chú Hạp chú ấy gặp con. Hôm rồi, chú ấy họp ở bên ban con suốt cả ngày, chú ấy cũng nói chuyện với con...

Hai con mắt Luyến hơi cất lên. Mặt trái xoan ngược sáng với ánh trắng, mờ mờ những đường nét thanh nhã, hiền từ, cái sống mũi cao trắng trắng mềm mại tỏa ra vẻ ngay thẳng, hồn nhiên, tươi sáng:

- Chú ấy... có nói với con về chuyện thầy với... cô Bùng. Con nghĩ...

Luyến chột ngừng. Giọng đang vô tư, hồn hậu bỗng nhuốm vẻ ái ngại, ngập ngừng. Thụy quay ngang, tránh cái nhìn của con. Trong sâu thẳm, anh khẽ rên một tiếng nhỏ. Và bỗng dừng mặt anh như có hơi men, nóng bừng khó chịu.

- À... chuyện ấy... Thầy biết. Ừ, có có, chú Hạp chú ấy cứ hay đùa ấy mà.

- Con nghĩ là...

- Các chú ấy hay trêu thầy lắm.

- Con nghĩ là...

Luyến khe khẽ, nhưng một lần nữa lại ngẩng lên, ý tứ đánh tia mắt vào hàng hiên. Và Lưu, con trai Thụy từ đó đã bước xuống sân, đi ra. Chao ôi, thế thì Thụy hiểu rồi! Linh cảm đã báo hiệu đúng từ cái nổi quạnh hiu chột đến khi anh nghe thấy tiếng hai đứa con lằm rằm trong căn bếp khi này.

- Con nghĩ là chú ấy... nói thật.

- Thật là thật thế nào? Sao lại thật?

Quay lại, Thụy thẳng thốt. Nao dậy trong anh một nỗi buồn cùng với cơn bối rối của kẻ bị đưa ra phán xử, nhất là

khi anh nhận ra Luyến đã thấp người xuống, tì hai đầu gối lên chiếu, sau một cái vận mình nhè nhẹ, né người ngồi lên hai bắp chân vừa khuyu nghiêng, ổn định ở cái tư thế ngồi lâu để trò chuyện, trong khi ấy thằng Lưu như đã được tập dượt, tiến đến sau lưng chị, thọc tay ra sau gáy gãi gãi, với vẻ thiếu tự nhiên rõ ràng. Nhói lên trong lòng Thụy một nỗi đau thăm thẳm bất thần.

Không hay biết gì về thái độ của Thụy, Luyến nhìn những cái móng tay trong bàn tay vừa nâng lên trong ánh trăng nhạt, giọng vẫn đều đều:

- Cô Bùng thoát đầu cũng bảo chú ấy đừng đùa. Ít lâu sau, cô ấy nói: “Ông ấy thêm gì lấy tôi.” Chú Hạp cười: “Anh chị giả vờ khéo lắm. Chẳng gì người ta cũng quen hơi bén tiếng nhau từ hồi đi học trường Đảng thành phố kia mà”...

Thụy tê lạng. Thế đấy, đời người là vậy. Và câu chuyện thật là như vậy chẳng? Đúng là đã cùng học một khóa trường Đảng với nhau. Đã hiểu biết hoàn cảnh gia đình của nhau. Đã hiểu đến đường ăn nết ở của nhau. Đã cảm mến nhau. Và cũng đã dự liệu, đo lường hết mọi sự sau trước. Tuổi tác, cương vị, hoàn cảnh, môi trường và dư luận. Chao ôi, có gì đảm bảo để câu chuyện hết sức nghiêm túc ấy khỏi trở thành bia miệng đàm tiếu của thiên hạ? Cái việc ghép nối hai mảnh đời còn lại để đắp đổi những thiệt thòi, bù lấp cái rủi ro, chống trả lại cái gọi là số mệnh, cái việc đẹp đẽ, cao thượng ấy, trong lúc này sao cho khỏi là nguyên cớ của những rắc rối trong các mối quan hệ? Phía Bùng vướng mắc không có gì đáng kể, vì Bùng không có con. Hơi ngại là chức vụ đương nhiệm, ấy thế. Phó chủ tịch huyện đi lấy chồng, trẻ nó sẽ reo ầm ĩ vậy, nhưng chỉ là câu chuyện trẻ nít, không ngại. Hai đứa con Thụy khôn lớn, hiểu biết nhưng đã biết thế nào? Thụy không muốn trách chúng, chúng là tình yêu không bao giờ phai mờ của anh với Thi. Thành ra tốt hơn thì vẫn là dừng lại mọi chuyện, buồn đấy, nhưng chắc chắn là sẽ quen đi và quên dần đi. Cuộc sống có bao giờ hoàn hảo đâu!

Lưu đã rướm chân bước lên một bước. Thụy khịt khịt mũi, cảm thấy như thiếu không khí. Nhưng Lưu hơi cúi xuống nhìn chị nó và giọng hết sức tự nhiên, đến nỗi Thụy ngẩng ngay dậy nhìn nó và nghi ngờ toàn bộ cảm giác của mình:

- Chị Luyến à, có phải cô Bường trước là cô giáo dạy trường cấp hai bên Kim Bù không?

Luyến quay lại:

- Cô đấy. Sau cô làm hiệu trưởng.

- Thế thì em biết rồi.

- Biết lúc nào?

- Hôm Đại hội Công đoàn giáo dục, em được đi chào mừng.

Cô là chủ tịch điều khiển, cô ra đáp từ.

- Chồng cô là chú Sĩ, tiểu đoàn trưởng tên lửa, hy sinh ở Campuchia. Hôm truy điệu, cô ngắt, phải đưa vào bệnh viện.

- Thế thì hôm ấy em cũng biết.

- Hồi ấy mày bé tí...

- Em đang thả trâu trên đê thì thấy có cái võng buộc ở xe đạp, đằng sau xe là một đám học sinh.

- Ủ... - Luyến buông lửng.

Trăng tái xuống sân một làn sáng nhợt nhạt. Câu chuyện như treo giữa ba người. Vừa như thấy được giải tỏa, Thụy lại có cảm giác bị vây ép, dồn đuổi.

Lát sau, trở lại trạng thái cân bằng, nhìn con, giọng chậm rãi, già cả, giấu chút bùi ngùi, Thụy khe khẽ:

- Thôi, chuyện chú Hạp nói cũng là để cho nó vui thôi! Còn bây giờ thầy hỏi Luyến! Việc của con thế nào?

- Việc gì của con ạ? - Luyến vén tóc mai, hơi có vẻ ngạc nhiên.

Lưu nhanh nhẩu:

- Anh Ngô anh ấy viết mấy thư liên cho chị ấy...

- Cái thằng chỉ điều!

- Anh ấy giục... lại còn...

- Xem trộm thư của người ta, hả?

Cặp mày đen rậm tỏa bóng âm u trên hai con mắt Thụy dẫn

ra, thanh thản. Không ngờ câu chuyện lại chuyển làn nhanh và tự nhiên như thế, Thụy cười nhẹ nhõm:

- Đấy, bây giờ thầy chỉ chờ ý kiến của con thôi, Luyện ạ. Còn bên nhà Ngô thì con biết rồi.

- Rồi con sẽ xin thưa với thầy.

- Ừ, thì con nói đi.

- Bây giờ con chưa nói được.

- Thế con định bao giờ?

Luyện đứng dậy, thân hình đầy giới tính óng ả, khẽ rung trong một chuyển động nhẹ như là để lấy đà, rồi bất ngờ, thật to, hồn nhiên và rành rọt:

- Bao giờ chúng con có “u mới” thì con sẽ nói!

Trời! Thụy đã giật bắn người lên, vì kinh ngạc. Con cái luôn luôn là cái ước mơ của cha mẹ thì đã đành, con cái còn là sự bất ngờ nữa. Bất ngờ quá khiến Thụy trở nên lúng túng vô cùng. Còn con gái anh, sau câu nói rất thật và đầy ý vị tươi vui nọ, quay lại nhìn em trai, rồi cả hai cùng mím chặt môi, giữ cái cười đắc ý sung sướng ở trong miệng. À, thì ra câu chuyện nghiêm túc là vậy mà cũng có thể còn là một câu chuyện vui vẻ nữa cơ đấy. Vậy thì Thụy phải thay đổi nét mặt, sửa đổi thái độ ngay.

Đứng ngay dậy, Thụy chỉ tay vào mặt hai đứa con, lấn lướt:

- A, cái Luyện đã có ý kiến thế, hả? Vậy ý thằng Lưu thế nào? Đồng ý hay phản đối? Cô Bùng đấy, “u mới” đấy. Có được không? Có chê gì không?

Thằng Lưu ngật ngưỡng:

- Con không biết. Thầy hỏi chị Luyện ấy.

- Luyện! - Thụy như quát.

Luyện cúi, mân mê những ngón tay:

- Con chẳng chê gì cả. Nhưng...

- Nhưng làm sao nào?

- Nhưng...

- Thì cứ nói đi nào...

Thụy nhắm nhắm nhìn con gái, đợi chờ, hồi hộp. Cũng như lại ngồn ngộn, lo lắng chẳng kém khi cảm thấy bị phán xét. Nhưng lần này thì Thụy còn bị bất ngờ hơn. Hất ánh mắt vào em trai, nhanh như cắt, Luyện nắm tay em, kéo nó chạy vụt lên hiên, với một tiếng cười như nắc nẻ gần như văng vào mặt Thụy:

- Nhưng... “u mới” xấu hơn “u cũ” thầy ạ.

Nằm vật xuống mặt chiếu còn nồng hơi đất nóng, đập chân đành đập, bốc tỏa hết cả phiền muộn và cô đơn, Thụy bật cười một mình: “Con với cái, đúng là bọn trẻ ranh!”

*

Chiều mùa thu vời vời. Chân dê, hoa sen bùng bùng những chấm đỏ nhòe, lay động trong gió nhẹ đưa hương lúa thơm rải khắp khu đồng. Lại như điệu vòng lại cảnh xưa, con trâu non xoắn vó theo nhịp điệu cũ, nhẹ bẫng, rập rờn trên màu xanh đậm đà của ngọn cỏ thu. Thu đã vào giữa mùa. Con trâu lớn hơn trước. Nó lại đang định ngược sườn dê, sang bên khu đồng lúa, đến một khung cảnh mới. Ông lão chủ nó đâu mà không thấy kêu “húi húi” và vỗ tay bồm bộp ngăn nó đứng lại.

Con trâu non đã phóng lên mép dê. Một bước nữa là nó lao ra giữa mặt dê và một nhịp nhảy chồm nữa là nó sang tới sườn bên kia. Nhưng con trâu đã dừng lại, gằm gằm cái đầu gồ gồ búng bỉnh, rồi huych huych chuyển chân, quay ngược lại và thịch thịch lao xuống bờ dê bên này. Nó vừa gặp một chiếc xe đạp đi trên mặt dê chắn đường. Trên yên xe là người đàn ông, sau xe là một phụ nữ.

Con trâu non đã quay lui. Người đàn ông hẩy tay dọa nó một lần nữa, rồi bóp phanh, chống chân xuống đất, làm chỗ tựa cho chiếc xe để người đàn bà tụt từ sau giá đeo xe xuống đất.

- Còn hơn cây số nữa tới nhà, ta đi bộ cho mát.

Người đàn ông nói, quay lại, nhìn người phụ nữ với ánh mắt

như có điều ngượng ngập, rồi lại đưa mắt trở lại phía trước. Người phụ nữ xách một cái túi vải hoa, miệng túi thò ra mấy bó hương. Xấp xỉ bốn mươi, vóc nhỏ nhắn, hai con mắt đậm thắm của người đa cảm nhưng giàu nghị lực. Chị đi ngang tay lái với người đàn ông. Tay lái xe ngoặc một cái làn nhựa xanh nặng trĩu. Mắt nhìn thẳng, dáng điệu tự nhiên của chị tương phản với điệu bộ hơi ngỗ ngang của người đàn ông. Mặc dầu vậy, cả hai vẫn có sự hài hòa với nhau trong khung cảnh chiều thu êm ả, mệnh mang này. Người đàn ông ở tuổi năm mươi, gương mặt chín chắn, từng trải, trầm tĩnh. Cặp mày thẳng, cái cằm vuông là vẻ đẹp ngoại hình biểu hiện sự cương nghị, thấu tình, tính cách đặc sắc nhất của anh, tương xứng với cái đặc điểm giới tính ở đôi mắt giàu sức biểu hiện của chị.

Đôi mắt của người phụ nữ càng lúc càng hay chớp. Trời trong quá. Tiếng người vang rất xa. Thành ra chị và anh đều nói như nói thầm:

- Các con, chúng nó có nói gì không?
- Chúng nó biết từ lâu rồi.
- Tại ông Hạp à?
- Cũng chẳng phải.
- Chứ còn gì?
- Tại mình.

Người phụ nữ nguýt nhẹ người đàn ông.

- Thế chúng không có ý kiến gì à?
- Chúng đồng ý.
- Thế thôi?
- Ủ...

Người đàn ông dừng lại, nhìn người phụ nữ.

- Các con lớn cả rồi, chúng đều biết nghĩ. Con chị sắp về nhà người ta. Còn thằng em cuối năm nay nhập ngũ.

Người phụ nữ định đi nhưng người đàn ông đã đưa tay kéo nhẹ tay chị, đứng lại.

- Này, tóc ở trán sao nó cứ lòa xòa...

- Nó cứ thế đấy, từ lúc còn nhỏ cơ.

- Má hình như nhỏ.

- Chết, nhỏ thật à?

Người phụ nữ vội lấy khăn tay trong túi vải hoa miết vào má.

- Anh cười gì thế?

- Không... Không... Có cười gì đâu!

- Anh này, thôn anh, người ta kêu ông chủ nhiệm lắm đấy.

Người ta bảo, còn quá cường hào trong *Tất đèn*.

- Ủ...

- Anh Hạp kể lần trước anh ấy về, đêm ngủ người ta còn đập cửa đưa đơn tố cáo.

- Ủ... ừ...

- Cái cậu chủ nhiệm này trước ở bên Kim Bùi. Hình như có hồi cậu ấy là học sinh của em.

- Ủ... ừ... Đây...

- Sao cơ?

- Mua đôi guốc cao mà đi có khi đẹp hơn đấy nhỉ?

- Thích thế à?

- Thanh niên bây giờ chúng nó thích thế...

- Để hôm nào lên tỉnh họp.

Sập tối hai người mới tới nhà. Dẫn chiếc xe vào sân, dựa xe vào tường hiên, đặt cái làn nhựa xuống đất, người đàn ông cất tiếng gọi. Không thấy ai trả lời. Bảo người phụ nữ ngồi ở hiên chờ, người đàn ông ngó vào bếp, bếp lạnh tanh. Anh vòng ra sau nhà, rẽ vào vườn.

- Quái, cửa ngõ toang toàng, bếp núc tanh bành thế này mà không có ai ở nhà! Lưu, Luyến ơi!

Tiếng người đàn ông mất hút trong quạnh vắng.

Người phụ nữ đặt cái túi vải lên hiên, xắn ống tay áo trắng, mau mắn, đi ra bể nước.

- Anh đưa cái làn ra đây hộ em. Có ít tôm với mấy con nheo làm rồi om mẻ, không nó ôi oai mất.

- Để tí nữa. Quái, hai đứa ranh này!

Người đàn ông cau mặt, lăm bằm, đẩy cửa bước vào gian giữa. Và anh bỗng giật bản mình, bật người đập vào cánh cửa. Hai cái bóng nấp cạnh tường đột ngột nhảy ra ù ập vào anh, rồi mặc anh thất thần, cả hai nhảy ra hiên, thỉnh thoảng bước xuống sân, đâm ra cái bể nước, nơi người phụ nữ vừa xách cái làn tới, đứng lại ngang hàng nhau, cùng cúi rạp mình xuống, đồng thanh:

- Chúng con chào “u mới” ạ!

Người phụ nữ quay lại ngơ ngác, rồi chợt hiểu, đưa mu bàn tay gạt những sợi tóc lòa xòa trên trán, lật bật:

- Chào... hai con.

- U để con làm cho!

- Có mấy con nheo với ít tôm...

- Ở đây ối, u mua làm gì!

- Đi qua chợ, ông cụ bán cá trước là phụ huynh học sinh...

Cái sân nhỏ lú lú tiếng ba người xa lạ đang trở nên thân thiết dần dần với nhau.

Trong nhà, người đàn ông đứng ngẩn.

Lát sau, anh xòe diêm, châm ngọn đèn ba dây treo ở giữa nhà và nhận ra mùi hương thơm từ buồng con gái đang tỏa ra thoang thoang cả gian ngoài. Ngoài sân, Luyến cũng cầm chiếc đèn dầu nhỏ ra, vàng sáng tỏa một khoảng rộng vừa đủ soi hình hai bóng người đang vừa cầm cúi làm vừa thăm thì trò chuyện.

Lòng dạ lửng lơ, Thụy ra cái tràng kỷ ngồi lau bộ ấm chén mới được rửa sạch bong. Nghe tiếng Luyến nói gì đó ở ngoài sân, anh mới quay ra. Luyến cầm đèn đi trước, nghiêng người ý tứ để ánh đèn không che khuất lối cho người phụ nữ đi sau. Người phụ nữ vẫy tay, nhặt cái túi vải hoa đựng mấy bó hương, bước lên hiên.

Dừng lại ở cửa buồng đầu hồi trái, Luyến quay hẳn lại, thân mật:

- Đây, bàn thờ u con ở trong buồng này.

*

Thụy ngồi trong làn hương thơm vương vít, tâm trí băng lảng gần xa, nhớ tới cái khung cảnh chiều thu ngẫu nhiên hôm nào bắt gặp, như nhớ tới một tiết đoạn của đời sống tâm linh. Nhớ tới cảnh thu êm ả ngõ xóm và trái bưởi vàng cùng nhịp nhẩy của con trâu non hồn nhiên, như chính những cái đó gắn bó hữu cơ với tâm tình riêng tư, thâm kín của mình.

Cho tới lúc nghe thấy trong buồng có tiếng Luyến như ngào ngạt, như bức bối, lại như nghịch ngợm: “Con không biết! Con không cho u ngủ ở đây! U ra ngoài kia đi!”, Thụy mới như tỉnh lại.

*

Sáng hôm sau, hình như cả nhà đều dậy muộn. Thụy tỉnh giấc, nhìn ra cánh cửa hé mở, thấy trời đã sáng trắng, linh cảm có điều gì khác lạ, liền chồm dậy.

Thằng Lưu thức giấc sau đó, vì nghe thấy tiếng Thụy đập cửa buồng Luyến.

Luyến nhắm nhắm mở mở hai con mắt sưng húp, đỏ mọng, phải một lúc sau mới đọc nổi mấy dòng chữ trên một trang sổ tay công tác xé ra mà Thụy mới đưa.

Anh Thụy và hai cháu quý mến! Nói thế nào để chúng ta hiểu nhau được kỹ càng và không oán trách nhau bấy giờ? Chúng ta đã đến với nhau vì những tình cảm hồn nhiên, cao thượng, đẹp đẽ. Nay, cũng vì những tình cảm ấy chúng ta lại chia tay nhau. Chào anh và hai cháu yêu quý.

Bừng

Đọc xong mấy dòng ngắn ngủi. Luyến ngẩng đầu lên, hai mắt trong veo, ngơ ngác.

- Tối qua con có nói gì để xúc phạm đến cô không?

Lắc lắc đầu, hai mắt Luyến phăng phắc:

- Không ạ. Cô vào thắp hương bàn thờ u, ngắm ảnh u, rồi cô khấn. Cô gọi u là “chị”, cô xưng là “em”.

- Con không nói gì nữa?

- Không. À, thầy ạ, hồi khuya, lúc con bảo cô ra với thầy, cô không ra. Lúc ấy, sao cứ nhìn ảnh u là con giàn giụa nước mắt. “Con nhớ u. Con thương u quá. Ư ơi, sao u bỏ chúng con sớm thế, u ơi!” Thấy con khóc, lúc đầu cô rơm rớm nước mắt, rồi sau cô cũng khóc.

- Cô khóc?

- Vâng. Cô khóc còn nhiều hơn con. Cô thương u. Cô thương chú ấy. Chú ấy hy sinh ở nơi xa, giờ hài cốt vẫn chưa đưa được về, thầy ạ.

Giọng và mắt Luyến đã ầng ậng nước. Thụy run rẩy, lặng lẽ đi ra cửa.

Ngoài hiên. Lưu đứng tựa cột, nhìn ra cái bể nước trên nóc có cái thớt và con dao làm cá nheo tối qua đã rửa sạch bong.

Kim Bảng, 15/2/1988

NGÃU SỰ

Mưa liên tục một tuần liền. Thoạt đầu là cơn mưa chót chét của mùa hè, xả cái oi nồng tích đọng thỏa thuê. Rồi chuyển thành cơn mưa nhỏ đầu thu, mỗi lúc hạt nước một thu nhỏ lại, sau cùng chỉ còn là những đám bụi lơ lửng trắng mờ không gian. Cơn mưa bắc cầu qua hai mùa nóng lạnh. Bên này cầu đã là cái heo heo của làn sương bụi. Mùa thu tài tình đã chế tạo ra hơi sương kỳ ảo và nhẩn tâm như bản chất thiên địa, ngắt đoạn sự sống bề ngoài của mỗi chiếc lá cây. Lá bàng bị thiêu đốt hết màu xanh, vàng ửng lên cái chết bất đắc kỳ tử. Cây gầy gù một cốt cách thanh nhã, tương hợp với ngọn gió thu vi vút giăng tơ tình.

Tôi nằm trên gác xếp, lắng nghe bản chất khởi thủy của nhân loại quanh mình là yêu cái đẹp, đưa mắt nhìn mùa thu buồn tuyệt phẩm ngoài cửa sổ giữa bốn bề trống toang. Bức tranh mùa thu tĩnh lặng chỉ gồm mấy đường ngõ xi măng vắng, có hơi gió thoảng cùng tiếng người rao bán chiếu cô độc thăm vào mỗi ngõ ngách phố xá và vang thấu trời cao sao mà gọi buồn ghê gớm! Cái buồn vô cớ, cái buồn thiên thu đang chế ngự hồn tôi và sẽ biến tôi thành một kẻ lười nhác, ngủ vùi trong lòng nó nếu như... phải, nếu như ngoài kia, quanh tôi không phải là một khung cảnh thiên nhiên đẹp tuyệt vời. Và nếu như bỗng nhiên không có một cú hích lịch sử, tượng trưng

bằng cái véo chân kiểu một ám hiệu giữa buổi chiều đang ngơ ngẩn này.

Tôi nghiêng đầu, nhận ra Phụng, vợ mình, một phần tử gắn bó với cái mùa thu buồn và rồi rãi này, vừa véo chân vừa hát mát, như dẫn lối cho tôi nhìn qua khe cửa hở của tấm *pa nen* ở phía trước căn gác xép. Cúi xuống cùng tôi, nàng thì thầm, giọng hăng lên một niềm vui thật bất ngờ:

- Lão ta đến đấy!

Nhìn sang cái sân nhỏ của căn nhà đối diện, kê gần, nom rõ vệt ghép của mỗi viên gạch hoa, tôi nhận ra một người đàn ông vừa đẩy cánh cổng khép hờ, dắt chiếc xe máy Piaggio 102 xinh xắn đỏ chót, đi vào. Ba giờ chiều khu tập thể vắng rợn người. Trẻ con còn ở trường. Người lớn còn ở công sở, nhà máy. Người nội trợ chưa đến giờ đi chợ. Nhà nào nhà nấy cửa đóng then cài, ắng lặng.

Người đàn ông không thể biết rằng y bị tôi và Phụng dõi nhìn, nhưng ý thức được mình là cái hình tượng sống động duy nhất trong khung cảnh hiu quạnh này nên có vẻ rất cẩn trọng. Y dựng xe, cố không phát ra tiếng động nhỏ. Và sau đó như một kẻ biết kiềm chế mình tối đa, y khoanh tay, đứng như một pho tượng, cạnh bức tường vi gần chiếc xe.

Năm mươi tuổi, y đang ở độ sung mãn tràn trề. Vóc dạc của kẻ đang phát tướng ấy rất hợp với bộ trang phục mũ phớt đen và chiếc áo *măng tô* khoác ngoài bộ *com lê* màu bạch dương đất tiền. Tuy nhiên trên gương mặt thẳng hoa nhiều phương diện nọ vẫn có thể nhận ra đôi ba nhược điểm. Nét ngây đần, cơn ngẫu hứng của thói đam mê âm thầm đang hiện hình và cái miệng méo lệch như miệng con trai đồng.

- Hôm qua lão ấy cũng đến!

Phụng lại thì thảo với nồng độ thích thú cao hơn khi nãy. Nàng kể:

- Em đang ngồi ở vòi nước công cộng thì lão ấy dừng xe lại.

“Chị ơi, chị làm ơn cho tôi hỏi thăm nhà cô Bường!” “Bường

nào?” Em hỏi lại. Lão đáp: “Bường trước ở công trường xây dựng đường sắt, giờ làm ở cửa hàng lương thực phường. Bường có chồng là Khoản thợ hàn ấy!”

Phụng khúc khích một tiếng cười tinh nghịch và ghé tai tôi, bí ẩn:

- Em nghi lão ta lắm. Theo dõi xem nhé!

- Chắc!

- Sao?

- Thì còn việc gì nữa mà chả “theo dõi”!

Chẳng còn việc gì nữa để tiêu pha cho hết số lượng thời gian ông giới chia rất đều cho mọi người ở tôi thật. Hai năm nay, tôi gần như xa rời việc bút mực. Công việc viết lách vốn đã chẳng nhẹ nhõm và hứa hẹn gì. Càng viết vốn liếng càng cạn kiệt. Chữ nghĩa dùng mãi như đất bạc màu, xơ xác, hết cả nhưng tuyết lẫn hồn cốt. Đầu óc lăm lăm như cái thùng rỗng, đến viết cái thư cho bạn bè cũng còn ngại. Đã vậy, xưa nay vốn quen với lối văn giáo huấn, hay lên mặt dạy đời, dùng văn từ như dùng xe bò tải đạo lý, hay quan trọng hóa công việc, thần thánh hóa vai trò mình, coi thiên hạ là rơm là rác cả, nay viết khác không được. Độc giả đã ngán mình rồi, biết vậy nhưng mỗi thứ chim chỉ có một tiếng hót, không đổi được. Không đổi được có nghĩa là bỏ nghề, là thất nghiệp nằm khoèo.

Phụng cũng chẳng hơn gì tôi. Nàng là diễn viên cải lương có hạng nhưng đã bước vào tuổi bốn mươi, tức là đã đến lúc lui vào sau cánh gà, nhường chỗ cho lớp trẻ nổi trội thanh sắc hơn mình. Mà dẫu nàng còn trẻ đẹp, tài năng đang độ như hồi hai mươi tuổi thì món hàng nàng sáng tạo ra chắc gì đã đắt khách hơn? Video và phim chuông Hồng Kông lên tiếng thách đấu mà cải lương đâu có dám nhận lời. Các nhân vật thạo nghề đám đá và làm tình sốt sột đã đuổi bật những Bà Trưng, Bà Triệu, vợ Ba Đề Thám, má Bảy, chị Sáu, các biểu tượng của cái anh hùng và cái cao cả ra khỏi sân diễn. Rạp vắng tanh. Có buổi, bảy trăm ghế chỉ bán được hai chục vé, đành phải

xin lỗi và hoàn lại tiền cho người đã trót mua. Đói thì đầu gối phải bò. Đoàn đành rời bỏ đô thị để đến các huyện lỵ heo hút xa xôi. Nhưng tình hình cũng chẳng sáng sủa hơn, nếu không muốn nói là thảm hại hơn. Nghèo nàn và thiếu thốn như lưới trời giăng bủa chẳng ai có thể thoát. Tám mớ rau muống giá có trăm bạc. Chả ai dỏ hơi bỏ ra hai ngàn đồng để mua cái vé vào rạp, nghe sáu câu vọng cổ lâm ly não nùng. Suýt tí nữa thì cả đoàn bơ vơ nơi chân trời xa lạ, vì thu nhập không đủ tiền mua xăng dầu cho ô tô nổ máy mãi hồi. Phụng đành thường trú tại gia và quên dần các vai diễn. Và đang là diễn viên trên sân khấu biểu diễn cho người khác xem, nàng lập tức trở thành khán giả của bao sự kiện, bao câu chuyện ngổ lê đôi mách, to tát hệ trọng có, vụn vặt đời thường có ở quanh mình.

Lần đầu tiên nàng nhận ra cuộc sống dưới dạng nguyên bản chẳng giống mấy tí với kịch bản sân khấu quen thuộc xưa kia của nàng. Tôi và nàng thế là không hẹn mà nên, đều trở thành những kẻ ăn không ngồi rồi, muốn thoát khỏi trạng thái u oải, lơ đãng do ngoại cảnh gây nên, chỉ còn cách là biến thành những kẻ tò mò, hiếu sự nhất trần đời.

Còn thiếu gì chuyện. Ông B con rể ông A, ông A quen ông Y uy quyền lớn nên đáng lẽ ông B phải tù chung thân mà hóa ra được đi tham quan nước Pháp! Bà L vốn chỉ là một o du kích chữ nghĩa không đầy cái lá mít, nhưng vì được các ông lớn để ý nên đã lên hàm bà lớn. Tướng K bị kết tội tham nhũng vừa “hạ cánh an toàn”, xây một tòa lầu ba tầng gần gia huy có chữ “Mộng đẹp” và cưới một ca sĩ bằng tuổi con gái út mình. Chuyện ngang trái bất công. Chuyện di tản. Chuyện bồ bịch lòng thông. Và hôm nay, người đàn ông ngẫu hứng chấp cheng này.

Ngẫu hứng lại gặp ngẫu sự. Hoặc y như là ngẫu sự. Vì người đàn ông nọ đưa tay che cái miệng lệch, đứng trong tư thế đợi chờ kiên nhẫn, chưa đầy hai phút thì cánh cửa ra vào căn nhà nọ bị giật mạnh và giống như một luồng gió đen, một người đàn bà tóc xỏ từ trong nhà nhảy bổ ra. Cứ như là bất

thần kỳ ngộ, chị chàng mừng đến líu lưỡi, đến cuống cuống:

- Ôi giỏi... Anh! Em cứ tưởng là anh không tìm được nhà cơ đấy. Đang định đi chợ. May quá! Chị đâu, anh?

Người đàn bà lớn tiếng hẳn lên ở câu hỏi cuối cùng. Rồi nhìn người đàn ông toét miệng cười không thành tiếng. Khôn ngoan thật! Bốn mươi tuổi, nhưng người đàn bà sỗ sê, to ngang, thoạt trông thấy buồn tẻ và quê mùa. Tất cả sức hấp dẫn của chị chàng là ở cái miệng cười hoa nở và cái mũi lai chủng tộc Âu Tây, cao nhọn, tỏa ra cái thần thái cao sang, át đi tất cả các nhược điểm khác ở vóc dáng, nhất là cái bụng xệ mỡ. Thành ra trông một lúc cũng thấy hấp dẫn.

- Để em dắt xe vào cho. - Búi lại mớ tóc dày sụ sau gáy, người phụ nữ láu táu, mừng rỡ. - Em đang buồn nấu riệu. Nghỉ phép, nghỉ bù hai chục ngày chẳng biết đi đâu. Vào nhà đi, anh!

Cả hai người cùng chiếc xe máy lọt êm vào nhà. Cửa khép lại, với tiếng then cài ý tứ và gian trá. Tôi và Phụng lạnh người, ngẩn ngơ. *Kịch chung. Fin.* Xin mời khán giả ra về. Màn đã buông cùng với sự đồng lõa của màn mưa thu xế chiều nặng hạt.

*

Mưa thu sụt sùi.

Mãi hiên treo những hạt mưa no ứ, đều tăm tắp, trong vát như giọt lệ. Mưa sương phủ màn đêm, tắm chút hương liệu vào cảnh vật trần trụi và các sự kiện trần tục trên cuộc đời. Nhưng đã mấy ai nhận ra vẻ đặc sắc ấy của tiết thu chiều ấy?

Chiều ấy, một góc khu tập thể ồn ào vì cái hòm hàng của con ông Q gửi từ Đức về. Một chiếc cần cẩu năm tấn được huy động đến để nhấc cái hòm vĩ đại từ trên thùng xe xuống! Cần cẩu đã ráng sức mà không nổi. Cái hòm chứa sức nặng kỳ bí gì vậy? Bà H. A vừa phát điên vì hiệu kim hoàn của bà bị cạy cửa,

bao nhiêu vàng bạc ngọc ngà bị mất sạch. Lãi suất tiết kiệm ba tháng từ bốn phần trăm xuống ba phẩy năm phần trăm. Quầy tiết kiệm nào cũng đông ken, náo loạn, một ông già bị chen ngã sái tay. Giá vàng và *đô la* tăng đột biến, mụ S đang tung tiền vơ vét. Tạo hóa xoay vần. Mỗi người đang còng lưng gánh gánh nặng của mình.

Chỉ còn tôi và Phụng ngồi gần căn hạt hướng dương, giải chất men buồn thiên thu bằng sự quan tâm tới thân phận người đàn bà vắng chồng cùng người đàn ông xa lạ và chờ hồi kịch thứ hai mở màn.

Mười giờ đêm, lần này là một cái bầu đau điếng, tôi choáng choàng mở mắt. Nhận ra thế giới xung quanh đã tàn lụi hoàn toàn. Chỉ còn lại trên sàn nhà nọ hai bóng người sống động vừa mở cửa bước ra. Họ chập vớ nhau làm một trong vài phút. Rồi người đàn ông chụp mũ lên đầu, dắt xe ra cổng. Tiếng máy nổ khê như tiếng rùa thở.

*

Mùa thu ấy là của người đàn ông miệng lệch và người đàn bà bụng xệ nọ.

Quả nhiên, cái đam mê căn bản nhất đã khiến hai nửa nhân loại ôm ghì lấy nhau lúc này đã chuyển cả vào họ. Thêm nữa họ còn làm cho mọi người hiểu ra một điều hệ trọng nữa: tình yêu nam nữ thực sự chỉ đạt tới sự viên mãn ở lứa tuổi của họ thôi.

Người đàn ông trẻ vừa qua, già chưa tới. Y muốn chứng tỏ sự dồi dào năng lực yêu đương, y muốn chống lại tâm lý thua cuộc trước khi nhìn thấy dấu chấm than cho sự suy tàn. Tuy nhiên diễn đạt đầy đủ hơn tình ái và biểu lộ ra bề ngoài sự mầu nhiệm của phép lạ này, lại là người đàn bà tuổi bốn mươi xa chồng đã tìm được thú vui ở cuộc tình mới lạ. Chị tách ra khỏi bối cảnh, nổi bật lên. Như cái cây bị hạn lâu ngày được

tươi tằm, chị tươi tốt rực rỡ như khóm hoa giấy. Cái mũi nhọn cùng bộ ngực trồi lên khỏi khối người béo chầy, tạo nên những hình khối quyết liệt và ngồn ngộn nhục cảm. Ôi chao! Khúc tình ca của họ vừa cất lên đã vào ngay cao trào khiến cả hai cùng mê hồn, quên cả ý tứ tối thiểu.

Chủ nhật nào cũng như Chủ nhật nào, năm giờ sáng là người đàn ông đi xe máy tới. Họ đóng chặt cửa, ăn ở với nhau kỹ lưỡng cho đến tận chín, mười giờ đêm mới mở cửa, ra khỏi nhà, rồi cùng biến đi mất hút. Ngày thường hề nghe thấy tiếng động cửa - còn có ai ngoài y - là chị chàng đã xống xềnh váy áo chạy ra, hớn hở trắng trợn như với người chồng mới cưới vậy. Lâu dần chị chàng tự nhiên tới mức tôi có cảm giác anh chàng Khoản thợ hàn răng gỗ, chồng chị làm việc ở Công trình Thủy điện Sông Đà đã chết từ lâu và chị đã đoạn tang chồng, đã tái giá và hiện ở với người chồng mới là người đàn ông năm mươi tuổi, lệch miệng này.

Hai người xoắn lấy nhau. Có cảm tưởng hề có một kẽ hở thời gian là họ tranh thủ tìm đến nhau. Và đã gặp nhau là chăm bập, vỗ về, dính kết với nhau như vốn là một cơ thể bấy lâu bị tách làm đôi, giờ mới lại tìm được nhau. Có bạn, Bường đi đâu đột xuất, người đàn ông đến đứng đàn mặt ra một lúc, rồi chẳng được, y móc túi xé sổ tay, hí húi viết mấy dòng nhắn nhe, đoạn gài vào móc cửa. Sau vài lần như thế, tôi đổ Phụng, Phụng bắt tôi cựa, liêu mình leo qua tường, đọc mảnh thư tình nọ, rồi trở về. Mảnh thư chỉ vắn vện mấy chữ sau đây: “19 giờ. Tượng đài L. Dung”. Dung thì hẳn tên gã nhân tình rồi. 19 giờ đích thị là giờ hẹn. Còn tượng đài L? L là Lê nin hay Lê Lợi, hay Lý Tự Trọng? Tôi và Phụng ngẩn ngơ suy đoán và đợi chờ. Quả nhiên, Bường tan tầm về, đọc mảnh giấy, mắt sáng lên, bỏ cơm, tắm gội, đánh bộ cánh mới mới nhất: áo vạt sau dài, ống tay rộng như áo hoàng hậu, cum cúp đi ngay. Và tới tận trưa hôm sau mới thấy chị chàng ló mặt trở về.

Thế là mọi chuyện đều đã rõ ràng!

Phải như thời trước, hẳn các nhà đạo đức, số này rất sẵn, ở quanh Buồng hay bất cứ ở đâu đã làm um lên rồi đấy. Tổ chức rình, bắt quả tang, kiểm điểm, tư giấy về cơ quan, đơn vị là cái chắc. Bây giờ thì khác rồi. Bây giờ là lúc giao thời, dưới ánh sáng khoa học nhân văn, câu chuyện tình yêu - tình dục - hôn nhân đã hiện ra nhiều khía cạnh mới mẻ, đòi hỏi cách ứng xử tế nhị hơn là cái chắc. Nhưng phải thế nào đây thật tình cũng còn phân vân lắm. Mặc kệ nó thì không ổn, làm âm ỉ thì vô duyên. Nhưng có thể chẳng tìm cách đánh động cho chồng Buồng biết, biết lơ mơ, bán tín bán nghi thôi cũng được, cốt để có sự phòng ngừa chẳng hạn.

Nhưng vừa nghĩ ý, tôi đã bị Phụng phản đối gay gắt:

- Thôi đi! Rõ dở hơi! Trâu buộc ghét trâu ăn, hở! Can gì tới ông!

Tôi lên gân:

- Thì nhiều khi cũng phải nhân danh một cái gì chứ!

Phụng bấu môi:

- Vẽ chuyện! Lộc trời, anh nào khéo thì anh ấy hưởng.

Vụng ngu thì đối. Nhân cách cái con khỉ!

- Thế còn giáo dục?

- Giáo dục! Giáo dục ai? Giáo dục cái gì? Dĩ thường chỉ mình ông biết và ông nổi máu trách nhiệm cao thượng!

Tôi ngắc ngứ. Ôi, cái quan hệ đàn ông - đàn bà, cái quan hệ vô thường, mê muội và huyền ảo! Nhưng chẳng lẽ chuyện Buồng ngoại tình, ngoài bọn tôi còn có kẻ khác biết?

Hôm sau, Phụng cho tôi biết, đúng vậy, còn một con bé nữa, biết tường tận câu chuyện nọ. Nó là con bé Kim, mười bảy tuổi, mới ở Phủ Lý lên bé con cho anh chị nó ở dãy nhà sau nhà Buồng. Con bé học dở lớp mười thì bỏ học, bỏ học vì học dốt, vì vướng vít vào chuyện tình ái học trò, bị phê bình và mắng mỏ. Còn độ tuổi thiếu nữ mà da thịt nảy nở như đàn bà. Vú nó to chôm chồm. Mông nó bè bè, eo sườn nó núng núng những thịt là thịt. Nó thô nhưng được cái mặt xinh như mặt chim và hai con mắt đa tình, ướt át, sắc như dao lá lúa. Thấy nó lườm

nguyt chiếc Piaggio 102 của kẻ gian phu nọ, Phụng hất hàm, nháy mắt, ra ý hỏi nó: “Mày có biết gì không?”, không ngờ nó nhếch mép huỷ đầu, ra điều ta đây biết tổng và hết sức bĩ bai việc đó.

Cái Kim biết hết. Nó biết cả lai lịch nhà chị Bường từ hồi chị chàng làm cấp dưỡng ở đội cầu bên đường sắt. Hồi ấy, ông Dụng đội trưởng đã có vợ và một đàn con ở nhà quê. Hai người đã tư tình với nhau, bị tự vệ bắt quả tang ba, bốn bận, vẫn không chừa, sau phải đổi mỗi người một nơi. Bường nhờ ông chú chuyển về thành phố, làm nhân viên của cửa hàng lương thực và lấy Khoản góa vợ, thợ hàn trên Công trình Thủy điện Sông Đà, người cùng làng với Kim. Dụng nay đã về hưu, là chủ ba chiếc xe lam và hai cái máy xay xát. Hai người vẫn liên hệ với nhau ngấm ngầm, lợi dụng thời cơ Khoản ở lại tham gia chiến dịch nước rút trên Công trình Thủy điện Sông Đà nên gặp nhau công khai và liên tiếp như thế. Anh chị đang độ say nhau, lắm hôm vô ý, nó leo lên nóc nhà nhìn sang, qua cửa sổ, thấy rõ mồn một cảnh họ môn trớn, áp ủ nhau ở trong buồng.

- Lão méo mồm và ả bụng to có bận rủng mỡ còn thuê phòng ở khách sạn ngủ với nhau nữa kia.

- Mày chỉ bốc! - Phụng kích.

Cái Kim mắc bẫy, trợn mắt:

- Cháu nói dối cô cháu chết! Họ còn rủ nhau đi Chùa Hương, Chùa Thầy, ăn chơi nhảy múa xả lảng. Lão méo mồm khoe giàu, bỏ tiền ra bao hết. Tuần rồi còn đi may đo mấy bộ quần áo liền đấy.

- Mày cứ làm như người trong cuộc!

- Chứ còn gì! Lão già thì máu dê. Còn ả “tọ bụng” thì Võ Tắc Thiên còn phải gọi là chị. Cháu kể chuyện này cô có tin không nhé! Mỗi lần ngủ với nhau xong, lão già lại lột cái quần lót của ả này để làm kỷ niệm. Một hôm...

Phụng kinh hoảng:

- Khiếp quá! Mày bịa gì mà quá đáng thế!

Cái Kim thản nhiên:

- Thì chính cháu trông thấy chứ còn gì. Một hôm vào quán, ăn bánh rán xong, lão rút túi lấy khăn lau tay, lau mồm rồi đưa ả, ả suýt tắc nghẹn, mặt đỏ dừ. Hóa ra cái khăn tay là...

Cái Kim buông lửng. Mặt nó đỏ căng và già căng. Và đây về cay cú mới lạ.

- Không hiểu ông Khoản trên sông Đà có biết không, cô nhi? - Lát sau, cái Kim lặng lẽ buông một câu hỏi.

Phụng đáp:

- Mày lo bò trắng răng à?

- Chả phải.

- Ai bảo mà biết.

- Chuyện gì chứ chuyện này trước sau thế nào chả lộ. Tai vách mạch rừng, cô ạ.

- Mày ranh con mà nói đến kinh. Này, tao nói thật nhé!

Phụng ghé tai cái Kim. Cái Kim ngẩn mặt, rồi quay lại nhìn Phụng:

- Cô bảo sao? Ông ăn chả bà ăn nem?

Phụng bật cười nghiêng ngả:

- Chứ còn gì! Đứa ở có thèm mua thịt mà ăn.

Cái Kim bật cười theo. Cuối cùng thì ra chẳng có ai phải bận tâm lo lắng thật sự cả. Bởi vì chính những kẻ trong cuộc, chính họ có lo, có sợ đâu. Mặc dầu dấu vết cuộc tình vụng trộm cứ mỗi ngày một lộ lộ. Nhất là ở người đàn bà. Được hơi trai lạ, chị chàng thoát ra khỏi cái lốt tầm tầm của đám nhân viên nhà nước ăn lương hạng bét nheo nhếch, nhan nhản khắp nơi, bưng dầy, như cây trở lộc tươi nhuận. Một nguồn sinh lực mới được khai mở, nhờ tác động ngược chiều của khoái lạc. Sắc đẹp, thứ bậc hạng nhất trong bảng giá trị của đàn bà, hóa ra cũng nhân tạo được!

Lửa tình râm ran trên mỗi miền cơ thể Bường, đượm đà trong mỗi cử chỉ và giọng nói của chị chàng. Nhất là giọng nói.

Một giọng nói tẩm hương tình, vang bóng trong trời thu càng về cuối mùa càng xanh trong.

*

- Ối anh Khoản! Cứ ngỡ là ai! Anh về lúc nào? Sao không báo cho em biết trước?

Tôi thức tỉnh vì tiếng nói tẩm hương tình vang bóng, hơi giật cục, thoáng chút bất ngờ của người đàn bà hàng xóm nọ. Nhìn qua khe hở của tấm *pa nen*, tôi nhận ra: thu đã tàn cuộc. Ngõ phố se sắt. Cây trơ trụi. Trên cái sân lát gạch men hoa đỏ, nơi người nhân tình miệng méo thường dựng xe chờ đợi, giờ là Khoản, chồng Bường. Khoảng bốn tám tuổi, trắng kiện, càng đen nhem vì bộ quần áo bảo hộ lấm lem dầu mỡ, vì sự tương phản của hàm răng mác hiên trắng toát lúc nào cũng phô một cái cười thật là phóng tâm, kệ đời.

Nhấc cái túi vải bạt nặng trĩu ở sau chiếc xe bê bết bùn, khoác lên vai, rồi anh chàng đứng đực, như bị thối miên trước cô vợ vừa hiện ra trong khung cửa sổ.

- Chà! Lại *phi dê* nữa cơ à?

Nghiêng mác tóc xoắn như bọt ốc, Bường có vẻ như ngượng ngịu:

- Có được không?

- Xinh quá!

Bường đỏ bừng hai má và chớp mũi cao sang:

- Cái Hiên, cái Nụ ở cửa hàng nó *phi dê* trước, rồi nó giục mác. Rồi dắt tay đến tận cửa hàng, ấn em ngồi xuống ghế. Em giãy nảy. “Anh Khoản tao không bằng lòng, chúng mày chết!” Hai đứa bảo: “Ừ, chúng tao chết thay mày.” Cả may đo nữa đây này. Kiểu áo này có được không?

- Như nàng tiên ấy!

Anh chàng thợ hàn tí mắt trước phép màu của tình yêu ngoại viện, ghé miệng vào má vợ, thì thầm một câu nói và định

tranh thủ thơm một cái, liền bị Bường đưa tay đẩy ra và huỷ người, nũng nịu:

- Chỉ được cái thế là tài! Tối!

- Tối có việc của tối chứ! Nào!

Tay chàng thợ hàn như gọng kìm thép vươn ra, quắp lại, bên Bường, bên xe, ào cái tất cả linh kính cùng lọt vào nhà. Phụng đâm lưng tôi: “Con mẹ này chết rồi!”

*

Tối chằm. Cơm nước xong, những kẻ dư thừa thời gian nhàn rỗi là chúng tôi đang còn phân tâm về màn kịch đang diễn tiếp, thì có tiếng gõ cửa.

Cửa mở.

Bường tươi hớn:

- Anh Khoản em mới ở Công trình Thủy điện Sông Đà về nghỉ phép. Mời hai bác sang chơi uống nước.

Phụng khước từ. Tôi khoác áo, sang nhà Bường. Đã có ba, bốn người hàng xóm đến, trên bàn có ấm trà, chai rượu trắng và rổ lạc luộc còn đang bốc hơi. Giữ nguyên phong cách thân tình và trọng thị với xóm giềng nơi thôn dã, Khoản xởi lởi nâng chén rượu, bốc từng nắm lạc lớn ấn vào tay khách, chân thành và khách sáo cảm ơn mọi người đã giúp đỡ vợ anh trong lúc anh đi vắng, rồi nhắc ống điều nẹp thuốc, châm lửa, hút sòng sọc, đoạn khoan khoái duỗi chân tay, ngửa cổ thở khói đầy nhà, thanh thoi mãn nguyện như anh lực điền vừa cày xong thửa ruộng, như võ sĩ vừa giành thắng lợi trong một trận đấu gian nan. Giọng quê mùa, chất phác, anh giải thích lý do vì sao suốt mùa thu vừa rồi ở miết công trường, không về thăm vợ được lấy một ngày.

- Bạn tối mất tối mũi, các bác ạ. - Khoản cười hề hề. - Phải nói rằng thì là dân xây dựng chúng tôi hãi nhất là mùa lũ. Các bác lên tham quan công trình rồi chứ? Cái đập khổng lồ như thế

mà lũ về, trông chỉ còn như sợi chỉ. Kinh lắm!

Chưa kịp để mọi người kinh sợ, anh đã trấn an:

- Tất nhiên là các nhà khoa học người ta đã tính cả rồi. Chứ mà võ đập thì có mà toi cả lũ. Thì cái tỉnh Hà Nội này ngập hết.

- Thì mình thành cá hết! - Lan chanh Bường nổi lời chồng. Khoản tiếp:

- Thành ra phải trực chiến hăm tư trên hăm tư giờ ngày. Không lui được một ngày. Ba tháng vị chi là chín mươi ngày, không ngủ nghê gì hết.

- Bịa thế không biết!

Nhìn vợ nguýt yêu, Khoản phùng mồm:

- Thế có ngọn đèn đây. Thế đã ăn thua gì. Có người thức sáu tháng liền cơ. Tất nhiên là lắm hôm, buồn ngủ rũ ra. Buồn ngủ đến mức ô tô lên công trường đón, không còn sức mà leo lên, đành phải đi bộ về.

- Thế có bịa không chứ!

- Ai bịa người ấy chết nhé! Về đến nhà mới buồn cười. Nhà đồng bào Thái, đồng bào Mường là nhà sàn. Lên nhà bao giờ cũng phải rửa chân. Thế mà mệt quá, cầm gáo nước ở cái ang, lế ra phải giội vào chân mình, lại đi giội vào chân người đứng cạnh. Thế là lên nhà mà chân vẫn còn bẩn nguyên.

Khoản cười hỏn hậu:

- Phải đâu vì đồng tiền lương, vì đồng thưởng mà hóa nên say mê thế. Cũng chẳng phải vì mình là chiến sĩ thi đua, là tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa. Khi làm, tự dưng nó say sưa, rồi quên ráo.

- Quên cả vợ con! - Bường đay.

Khoản gãi gáy, tặc tặc lưỡi:

- Thì cũng có lúc nó phải như thế chứ. Đàn ông lúc nào cũng lưỡng vưỡng vợ con trong óc có chết.

Bường trề môi:

- Trên ấy thiếu thì gái Thái, gái Mường.

Khoản lại nhắc điệu cày, vỗ phồm phộp miệng điệu, xĩa cả bộ răng chìa trắng hoét, cười khề khề:

- Vía bố cũng chẳng dám động vào. Vi phạm chính sách thì bỏ mẹ. Mà nói thật, sức người có hạn, còn lực đâu mà nghĩ đến cái khoản ấy.

Khoản liếc vợ. Bường lúng liếng hai con mắt tự hào, tin cậy. Họ là cặp vợ chồng yêu nhau nhất thế gian.

*

Đêm ấy, nghe tôi kể lại tình tiết cuộc trò chuyện, Phụng sửng sốt: “Quái, thế thằng chồng không hề hé lộ một ý tứ gì khác à?” Rồi tiếp: “Hồi trước, cạnh nhà em có một lão đi làm thợ xây ở mạn ngược về, biết vợ có chuyện trắng gió, cũng mời hàng xóm sang trò chuyện vui vẻ như thế, giữa chừng mới nhảy tới trối nguyền vợ lại, rồi kể tội vợ trước mặt mọi người. Lại có anh biết chắc mười mươi vợ không chung thủy, ngoài mặt thì tỉnh bơ, đóng cửa lại mới giở đòn ngăm với vợ, như tấn vợ, lẳng nhục vợ bằng cách bắt vợ viết kiểm điểm, đọc lên, rồi ghi vào băng cassette lưu trữ, lâu lâu lại quay băng nghe... Đàn ông lắm anh thâm hiểm ra phết!”

Nhưng cả tháng Khoản nghỉ bù, nghỉ phép ở nhà chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Cả tháng trời ông nhân tình lệch miệng mất hút con bồ đề. Vợ chồng Bường lú rú như hồi mới cưới. Bường càng phớn phở, phây phây. Ít lâu sau, bụng chị chàng ló dần, đội lớp mỡ chảy xệ, phồng lên. Giữa năm sau, Bường đẻ một con gái, đặt tên là Thu. Đứa con gái chẳng có nét nào giống Bường và Khoản. Năm sau Bường lại đẻ một đứa nữa. Lần này là con trai, nó giống Khoản như đúc. Bé tí mà đã dính nhọ nổi và vêu môi.

Công trình Thủy điện Sông Đà hoàn thành, điện phát sáng bừng một vùng trời Tây Bắc. Mọi chuyện như cái ao bèo có động, dãn ra rồi tự động khép kín. Chẳng còn ồn ào, âm ỉ.

Hoàn nguyên cả bầu không khí và hương sắc mùa thu tuyệt đẹp, y hệt như đã từng lưu giữ trong ký ức tôi. Tưởng như chẳng có chuyện gì quan trọng đã xảy ra cả. Và có thể mọi sự đã diễn ra đúng như tiến sĩ Hồ Ngọc Đại đã nói rất hay trong cuốn sách chuyên khảo của ông¹, ngoại tình, mặt trái của hôn nhân, thứ cỏ dại trong khu vườn hôn nhân chỉ chứng tỏ mặt năng động của tình yêu mà thôi. Tình yêu lọt vào hôn nhân đã không ở lì một chỗ. Trong mỗi khoảnh khắc tồn tại, nó chứa đựng cả khả năng tan rã. Nghĩa là con chim đại bàng của tình yêu hoàn toàn có thể phá lồng, tung cánh bay lên không gian bao la. Và có thể nó lại tìm cách đổ xuống khu vườn gia đình quen thuộc. Ngoại tình, khốn nỗi đó chính là con đẻ của cuộc sống nên nó được cuộc sống bảo vệ ngay trong mỗi cá nhân. Ấy thế, không có nhưng mà có mới ngoan!

Điều đó có thể là đúng với câu chuyện sau đây của Phụng kể cho tôi nghe, sau một tuần nàng đi diễn ở Công trình Thủy điện Sông Đà về.

“Này, có mồm thì cấp, có nắp thì đập, nghe xong đâu bỏ đấy, cấm bép xép nhé! Có hứa thì đây mới nói!” Phụng giao hẹn, rồi tiếp: “Em gặp lão Khoản ở trên đó. Anh có biết lão đang sống với ai không? Cái Kim! Hai đứa sống với nhau như vợ chồng, chả ma nào biết họ là bồ bịch. Thì ra con Kim đã bắt bồ với lão vầu từ hồi mù “tọ bung” lòng thông với lão trai lệch mồm cơ. Đồi lăm cái ngẫu sự oái oăm thật. Và chúng ta đúng là những kẻ hiếu sự, tò mò nhất thế gian, có phải không?”

10/10/1991

1. Cuốn *Chuyện ấy* (Nhà xuất bản Hà Nội - 1991).

HEO MAY, GIÓ LỘNG

Một hôm, đang giữa bữa, con bé Thúy mười hai tuổi của vợ chồng Doan bỗng đặt bát cơm xuống mâm, lơ lửng hai con mắt, thảo lảo:

- Bố mẹ ạ, hình như bác Thảo bác ấy sắp lên chơi nhà mình hay sao ấy! Đêm qua con ngủ mê, thấy bác ấy gọi cửa. Con chạy ra, mừng quá, reo ầm lên. Nhưng con mời thế nào bác ấy cũng không vào nhà. Cứ đứng ở cửa khóc mếu. Mà mặt thì sưng vù, tím bầm. Còn quần áo thì rách tả tơi, trông thương lắm cơ!

Vợ Doan, mặt đang vui vẻ, nghe con gái nói, bỗng như bị dị ứng, nặng bình bịch. Y gắt:

- Mê với mẩn! Nghe mà phát kinh!

Không nhận ra thái độ khác thường của mẹ, Thúy ngênh má, hồn nhiên tiếp:

- Tự dưng con mê thấy thế thật mà, mẹ.

- Ban ngày ban mặt mải đi xem các đám đánh chửi nhau ở phố nên đêm mới mê thế chứ gì. Thời buổi gì mà khiếp quá! Anh em ruột thịt có khi chỉ vì vài câu nói, mấy mét vuông nhà tranh chấp nhau là có thể vác dao ra chém nhau rồi.

- Con có ra phố chơi đâu nào!

- Lại còn cãi! Thôi ăn đi. Ở nhà quê bây giờ là sướng nhất. Có đâu bữa sớm lo bữa tối như cán bộ, công nhân thành phố,

như nhà mày. Tự dưng tự lành, ai đánh ai đập mà mặt mày sưng vù với lại tím bầm!

Đoan vốn ít lời, ngậm miệng nhai miếng cơm. Tâm tưởng do giấc mơ của con gái gọi bỗng vương vương một hoài cảm man mác. Cuối thu rồi. Nắng như dát vàng. Và heo may như một linh hồn xa vắng từ cõi nào trở về, xao xác mỗi vòm lá rậm, quấy động trong các khoảng trống vắng nơi cõi lòng. Mấy năm trước, cứ vào quãng này là chị Thảo, chị gái Đoan, lấy chồng ở nông thôn khăn gói lên chơi với gia đình Đoan. Không hẹn mà chẳng bao giờ sai. Không có lời ước định mà chính xác như thời tiết tuần hoàn, như việc đồng áng quay vòng. Lúc ấy, vụ mùa đã gặt hái xong. Thóc lúa đã đầy hòm, đầy bịch. Vụ xuân còn ở xa. Đang là lúc nông nhàn ở quê chị. Chị xõn xở, thanh nhã, lại như cố kiềm giữ niềm hứng khởi tràn đầy, ngậm ngập vào việc sửa soạn, rồi tay xách nách mang, vất vả vả vả, chen lấn lên tàu xuống xe, cuối cùng xuất hiện ở giữa nhà Đoan, hớn hở đứng giữa ngõ ngang là sản vật miền quê, xởi lởi chuyện trò, chằm bập hỏi han, tưởng chừng như đó là những khoảnh khắc không bao giờ gặp lại, để xả thoát tình thương, nỗi nhớ ruột rà đã tích tụ cả mấy chục năm trời.

Bức tranh đã đóng khung ổn định.

Nhớ tới chị Thảo là Đoan nhớ tới ngọn gió heo may lồng lộng và khoảng trời cuối thu tràn trề làn sáng phản quang niềm vui mùa màng. Là Đoan nhớ tới hình ảnh một người phụ nữ đẹp, duyên dáng, tâm hồn cực kỳ trong trẻo và giàu có tình thương yêu, vừa dung dị vừa cao quý, hòa quyện với cảnh sắc đồng quê lộng lẫy, tạo nên một bức tranh vừa hoành tráng vừa thân thiết dị thường.

Ấy là những ngày được nạm bằng vàng hiếm hoi. Người phụ nữ từ nông thôn lên còn giữ nguyên được sự tinh tế, thanh lịch trong ứng xử. Niềm vui vừa chân chất vừa huy hoàng chan chứa trong gia đình, tràn sang cả xóm giềng. Cây mía. Vài lạng đậu xanh. Nửa cân bột sắn. Lời thăm hỏi người già.

Bàn tay vỗ về trẻ nhỏ. Thật giản dị và chẳng bao lâu, chị đã tạo lập nên một mối quan hệ thân tình, đậm đà hương vị thôn dã, với cả những gia đình lân cận nhà vợ chồng em trai mình.

- Có đến hai năm nay bác ấy chưa lên chơi nhà mình, mẹ nhỉ? Hay là bác ấy quên?

Thúy vẫn ngây thơ, lay lay nhìn mẹ. Đoan nhận ra, nó là đứa trẻ rất hay mặc cảm. Nó toét miệng:

- Năm nay thế nào bác ấy cũng lên, mẹ nhỉ? Mà lên thì thế nào cũng cho nhà mình bánh đa thái. Con thích bánh đa thái ở quê bác ấy lắm cơ!

Vợ Đoan, đẩy nồi cơm đánh cạch, ngược hai hàng mi dày rậm lên, nhìn con gái, đột ngột:

- Sang năm, thi hết cấp xong, tao cho về quê bác ấy hẳn một tháng mà chơi. Mà ăn bánh đa thái với gạo mới cho nó sướng. Về đúng vụ gặt mà xem. Trong nhà, ngoài sân, trên trời, dưới đất, đâu cũng thóc. Cơ man là thóc. Ngao ngán là thóc. Ngồi trên thóc. Ngủ trên tiền. Thật là vô sư vô sách mà vô lo vô lự, sướng cả đời! Bác mày giàu, giàu lắm, chứ không xác vờ như bố mày đâu!

Đoan quay đi, cố giữ giọng đều hòa:

- Nông thôn đúng là nơi làm ra hạt thóc nên hơn thành phố về mặt thóc gạo là phải rồi! Nhưng còn những nhu cầu khác? Nói chung... thì vẫn là cái cảnh nghèo khó thâm canh của dân mình thôi.

Như được thể, Thúy nổi lời bố:

- Nhà bạn con có ông chú ở nhà quê lên ở nhờ chữa bệnh, nghèo ời là nghèo, bố ạ. Quần áo ông ấy còn rách bằng mấy quần áo nhà mình thải ra cơ. Có mỗi cái chăn chiên đắp cả mùa đông, bố ạ. Ra đây, ông ấy nhặt nhanh từ cái chậu thúng, đôi dép đứt quai, đến cái bô vỡ đem về dùng. Quê ông ấy, cả xóm chỉ có độc một nhà có ti vi thôi.

- Quê bác Thảo thì không đến nỗi thế.

- Bố ơi, hay con viết thư cho bác Thảo nhé?

Vợ Đoan từ nãy mặt vẫn nặng nặng, nghe con gái hỏi, liền đập mạnh đôi đũa cả vào rìa nồi, đứng phắt dậy quàu quàu:

- Thôi đi! Khách với khứa! Y như bò thấy nhà táng ấy, tôi sợ khách lắm rồi!

*

Chẳng cần thư từ, hẹn định, nhắc nhở. Mấy năm trước là vậy. Là cứ vào dịp này, lúc heo may dạt dào thổi, chị gái Đoan lại lên thăm gia đình Đoan, chẳng sai lạc, chẳng lỗi nhịp bao giờ.

Các cuộc viếng thăm định kỳ ấy thường bao giờ cũng có vài ba mục đích cụ thể. Hàng đầu là việc thăm nom, sang sửa phần mộ ông bà, cha mẹ. Sau nữa là mua bán, sắm sanh, chữa bệnh... Tuy nhiên dẫu những việc trên có quan trọng và cấp bách đến thế nào, cuộc thăm viếng còn có một ý nghĩa thiêng liêng sâu thẳm rất khó diễn đạt bằng lời nhưng ai cũng cảm nhận được. Đời sống tâm linh còn có bao nhiêu nẻo đường khuất khúc. Trẻ con vẫn cứ lưu giữ một xứ sở thần tiên trong ký ức. Thiên đường, Cực lạc còn sống trong tiềm thức nhân loại. Chị gái Đoan lên thăm gia đình, chị hành hương về quê tổ, về cõi nhớ xa xăm!

Người gốc gác đô thị nhưng đi trái chiều lịch sử, chị gái Đoan lấy chồng nông thôn. Ấy là vì tình yêu có một nấc cao hơn cả lịch sử. Anh là thợ cày, nhập ngũ trở thành chàng Vệ quốc quân từ năm 50. Chị là gái thành phố tản cư, thanh sắc hơn người, trở thành diễn viên văn công cùng những năm đó. Họ gặp nhau ở chiến dịch cuối cùng của cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Phải duyên, mê nhau là kéo nhau về làng anh, làm lễ cưới ngay sau khi hòa bình lập lại. Chị tình nguyện từ bỏ nếp sống nghệ sĩ và thành thị, quen dần với đời sống gái quê lam lũ nơi thôn ỏ. Vì tình yêu, cuộc hòa hợp nếu có khúc mắc cũng có thể vượt qua.

Nhưng mà thực tình chị Thảo của Đoan chuột sa chính

gạo. Đất đồng bằng cấy cấy trồng tủa đã dư ngàn năm, còn mấy nơi bờ xôi ruộng mật được như thế. Đây là vùng trọng điểm lúa. Thêm đặc sản lợn và lạc nên còn gọi tắt là vùng Ba Lờ. Trù phú, ấm no hiển hiện từ tên các xóm làng bao giờ cũng khởi đầu bằng “tiền tố” Gạo. Gạo Nam, Gạo Bắc, Gạo Đông, Gạo Đoài. Ruộng ăn tới chân bờ tre. Địa giới xã này xã kia phân ngay trên mặt ruộng. Ruộng liền ruộng. Đi cấy, dậy từ tờ mờ, phải sáng bùng mới ra tới mảnh ruộng của mình ở giữa đồng để cắm cây mạ. Mùa gặt, thôn xóm như mạ vàng mười. Cây rơm nhà nào nhà nấy cao lút mái ngói. Đập ngay vào mặt khách lạ khi vào nhà là cái hòm khóa chuông vẫn một kiểu thô sơ, cổ giả như đẽo gọt bằng rìu từ thời Hùng Vương, nằm chênh ềnh như khoe khoang và rất vô lý về mặt thẩm mỹ ở chính gian giữa.

Đời sống no đủ và tình yêu vừa sâu sắc vừa giản đơn, mang dấu ấn thời cuộc, thích hợp với một mô hình gia đình chồng đi công tác xa, vợ ở nhà làm lụng nuôi con, phụng dưỡng cha mẹ già, phân ly hai ngã mà vẫn hài hòa, lại kiêu hãnh và giàu chất thơ mộng. Đóng quân trên Tây Bắc, nức tiếng anh hùng tiểu phỉ, được ít lâu thì anh chuyển sang làm đội trưởng một lâm trường khai thác gỗ, cũng có thể coi như chuyển môi trường để anh thi thố tài sức cống hiến cho sự nghiệp miền núi tiến kịp và vượt miền xuôi. Ở quê chồng, chị như được phép lạ, hóa thân trở thành hết kiện tướng phân bắc, phân xanh, lại chiến sĩ thi đua làm thủy lợi. Thư viết cho nhau toàn kể chuyện thành tích sản xuất, chiến đấu và động viên nhau gắng sức để xứng đáng là đoàn viên, đảng viên. Một năm, mười hai ngày anh về phép là mười hai ngày hội hè lễ tết. Khách vào ra nập từ sớm chí tối. Đàn gà mấy chục con vỗ béo được dịp vãn dần. Bếp rơm suốt ngày um khói. Chè Thái Nguyên bã đổ đầy ụ mấy gốc nhài. Chị vào ra, má đỏ rạn, từng bừng từ trong sâu xa.

Bức toàn cảnh thật sự định hình trọn vẹn là từ ngày anh về hưu ngồi nghe ngẹn trên lưng một chiếc xe tải thô bốn khối

gỗ quý, tặng phẩm đặc biệt của lâm trường dành cho người có công khai phá. Thợ xẻ, thợ xây, thợ mộc dựng công trường liền một năm trời. Năm sau, tóc râu đã đốm bạc, lưng đã còng dáng ông lão, khoác cái áo đại cán sờn cổ nhưng ngồi trên cái sập gụ, tay thông nỏ điêu, mắt anh nheo nheo, vẻ vô cùng mãn ý ngấm vuốt cái giang sơn xinh xắn, toàn bích của mình. Nhà mái bằng rồi. Tủ ly, tủ lịch, tủ gương, tủ đứng, giường đôi, giường một toàn lát hoa, lát chun kiểu *mô dec* nhất rồi. Tường vôi ve sáng trưng cả dãy khung kính lồng huân chương các loại cùng ảnh kỷ niệm thời trai trẻ dọc ngang kiêu hãnh. Tối thứ Bảy, bạn bè cùng trà lúa quây quần đôi hồi chuyện cũ và theo dõi vở cải lương phát đi từ cái đài *Xiong Mao* mua cung cấp đã có vỏ giả da, lại lồng trong cái túi vải hoa chị may tay mà đẹp như máy.

Đậm đà dấu tích ở mọi nơi mọi lúc vẫn là một cốt cách phụ nữ đô thành, có nền nếp gia phong, thanh lịch mà không xa cách, đảm lược mà không lắm lũi, thô mộc. Chị là điểm giao thoa của hai nguồn ánh sáng, nhưng trong tâm thức vẫn hướng về phía thành thị. Chẳng khác được, từ lời ăn tiếng nói đến cách giáo dưỡng con cái. Hai con, một gái một trai, lạy trời xinh xắn, giỏi giang giống mẹ như đúc, chuyện trò với bè bạn thi thoảng lại buột miệng: “Quê mẹ tổ ở thành phố kia!”

Người phụ nữ ấy sau hai năm vắng biệt, trưa nay dường như là đột ngột xuất hiện ở nhà Đoan. Dường như là từ tâm khảm Đoan bước ra, từ bức tranh định hình theo mường tượng của Đoan bước ra. Gương mặt cân phân, đầy đặn, chan hòa ánh sáng, miệng tỏa nụ cười hoa, đẹp trang nhã và cổ điển, chị đứng trong làn nắng hanh vàng, tay cầm nón mức gió, trong niềm vui hồi tổ không sao kìm giữ được, cất tiếng vang bỗng gọi tên Đoan. Từ trong nhà chạy ra, Đoan thấy mình như đang ở trong mơ.

- Ôi bác Thảo! Cháu biết ngay là thế nào hôm nay bác cũng lên mà. Sáng nay ngồi trong lớp mà cháu cứ máy mắt liên tục, bác ạ. - Thúy reo, cầm tay bác Thảo quàng lên vai mình.

Chị gái Đoan xoa đầu con bé:

- Thúy lớn quá rồi. Bẵng đi đến hai năm rồi đấy.

- Cháu tưởng bác quên rồi.

- Quên thế nào được. Hai năm rồi, năm thì bà cụ bên nội hai năm mươi, năm thì sang áo cho ông bác. Năm nay gặt hái xong đã định thu xếp lên ngay, biết là cậu mợ và cháu mong thì lại bập vào việc người ta đến xin cái Lượng. Rồi tôi ốm. Trở lạnh, bỗng dưng thấy tức ngực quá. Ốm nằm liệt bệt mới thấy mình già rồi. Cậu cũng có tóc bạc rồi kia kìa!

Người phụ nữ cúi xuống cõng đồ đạc hành lý và sản vật làm quà mang theo, giấu một niềm trắc ẩn nào đó, chép miệng:

- Đi đúng ngày xấu, xui quá. Ô tô chết suốt đường. Đến bến, chẳng còn cái ô tô buýt nào. đành lên cái xe lam. Tưởng cũng giá nhà nước quy định. Nào ngờ đến giữa đường, ông lái xe mới dừng lại, bảo mỗi khách nộp hai chục nghìn. Năm cây số, hai chục nghìn, hơn yến gạo. Quá bóp hầu bóp cổ khách!

Thúy đang đưa tay bác, bỗng giẫy lên:

- Sao bọn họ ác thế? Bác nhất định không chịu chứ?

- Giời không chịu đất thì đất đành phải chịu giời, cháu ạ. Mình ở thế yếu mờ. Cực nữa là sờ đến cái túi xách tay lấy tiền thì... ôi thôi, kẻ cắp nó đã rạch ngang một nhát, móc mất cái ví rồi.

- Thế bác làm thế nào? Khổ thân bác quá!

- Bác vẫn còn tiền chứ, chỉ buồn là lăm cảnh người bức hiếp người, hãi quá! À mờ thôi... - Vừa hé mở, người phụ nữ lại vội vàng khép kín tâm tư. - Thúy giúp bác cất dọn các thứ này đi. Chẳng có gì đâu. Hai con gà này, thịt hay nuôi cho đẻ mỗ ăn trứng. Bánh đa thái, bác đổi thóc của nhà. Bột sắn dây bác trồng... Còn chỗ này là quà biếu các bà láng giềng. Ô, mẹ cháu

đi làm không về buổi trưa à?

Sâm sẩm vợ Đoan mới từ nhà máy về. Y đi lối sau, vào buồng đang thay quần áo thì cái Thúy nhảy lò cò vào. “Mẹ ơi...” Không để con kịp nói, y đã lừ mắt, khe khẽ rít: “Biết rồi! Lên từ trưa chứ gì. Khiếp! Nom cứ như bà lão nhà quê!” Rồi vừa cài cúc áo vừa bước ra phòng ngoài, đổi mặt vồn vã:

- Bác Thảo mới lên đấy à? Lâu nay bác vẫn được bình thường chứ? Thúy ơi, vo gạo nấu cơm bác ăn đi, con!

Trực giác đàn bà ít khi sai. Đoan ra khỏi ảo giác. Sau hai năm không gặp lại, giờ đây, ngồi đối diện với Đoan không còn là chị gái tươi đẹp, óng ả năm xưa. Trước mặt Đoan lúc này là một hình hài khác, một kiếp phận khác, một tâm trạng khác. Trước mặt Đoan là một bà lão quê mùa còm cõi, một mối và bất an. Trước mặt Đoan là thân xác và tinh thần của một đời sống lao lực quá sức và triền miên trong giày vò, cắn rứt, tuy cố nhẫn nhịn mà vẫn tiết ra xung quanh một nỗi buồn hiu hắt.

- Cám ơn mợ, tôi vẫn còn gánh gồng, cày cấy được. Còn mợ, hồi này hồng hào, khỏe mạnh hơn trước đây nhỉ!

Đáp lại giọng nói rầu rầu của người chị gái chồng, bà em dâu cười ré lên, rồi rồn rảng:

- Khỏe gì mà khỏe! Sắp chết đói đến nơi rồi đấy, chị ơi! Đạo này, nghe báo, đài nói, ở thôn quê làm ăn khấm khá lắm có phải không? Sao mấy năm rồi chị không lên chơi? Bố nó nhắc luôn. Còn cái Thúy thì mê thấy chị lên luôn ấy.

Cái vui, sự niềm nở thực sự chỉ là giữ lễ.

Đoan là nhà báo, từng trải, hiểu đời, hiểu người, nhận ra từ hôm đó, vợ Đoan ngoài mặt thì giữ sự vui vẻ, còn bên trong thật tình y bực bội, khó chịu hết sức.

Nhà có khách, khách lại là người ruột thịt mà chủ nhà lại bực bội, khó chịu thì thật là vô lý. Vô lý, nhưng lại rất dễ hiểu. Về mặt này, Đoan hiểu, vợ Đoan rất ngại phải chi tiêu tốn kém. Vợ Đoan là thợ dệt, lương bổng tầm tàm. Mức sống gia đình, nhờ có Đoan chống đỡ, cũng không đến nỗi. Nhưng

vợ Đoan cũng như bao nhiêu kẻ xuất thân từ nghèo khó, lại trải qua mấy chục năm trường với cuộc sống thiếu hẳn sự an toàn cần thiết, con người bó buộc phải phát sinh tập tính tự vệ nên cần kiệm, tính toán đến thành chất bóp, hà tiện đã trở thành thói quen nhiễm vào máu thịt, nếp sống. Đạo còn chế độ tem phiếu, lĩnh lương xong, mỗi khoản chi, to nhất như mua gạo, mua dầu, nhỏ như tiền cắt tóc, xà phòng, kim chỉ, y đều chia, cho vào từng phong bì, phân miêng, không khoản nào được lẹm sang khoản nào. Đậu kho cả nồi nhưng mỗi bữa mỗi người ba miếng là không có hơn. Hai lạng giò để ăn hai bữa, ngon miệng ăn liền một bữa, y ca cầm cả tuần. Gạo đông thiếu vài lạng, thịt mua thiếu vài hoa, y cũng đạp xe đi cả giờ, đòi bù bằng được. Khách chồng đến chơi, vui miệng hút liền ba, bốn điếu thuốc là y lườm y nguýt. “Thóc đâu mà cho chó ăn no, cho gà ăn đủ.” Y nói. Y xót từng trăm bạc, vì trăm bạc là hai mớ rau, vì trăm bạc là một phần mười năm tiền công một ngày của y. Beo thắt, bủn xỉn, không cho ăn mỳ đến cả tờ hai chục rách nhưng cũng chẳng bớt xén, ăn không ăn hồng của ai đến một đồng. Công bằng mà xét, ki bo như vợ Đoan cũng có căn nguyên hoàn cảnh và cũng không phải là một thói xấu tệ hại.

Nghe cái Thúy mỗi bữa lấy gạo nấu cơm, lại giống hỏi: “Mẹ ơi, bốn người, hai bơ mấy lẻ, hủ mẹ?” Bác Thảo thường cười: “Ở nhà quê các cháu của cậu mợ cứ vục vào thùng gạo, đầy phè nổi thì thôi.” Vợ Đoan lại lăm lăm nét mặt: “Ở thành phố, thế có chết!”

Quả thật, đời sống vốn đã chẳng dễ dàng gì. Tự kiếm sống đã là cả một công cuộc lớn lao, hưởng hồ lại còn đeo bông, cưu mang. Nhưng đã nói thì phải nói cho hết nhẽ. Tính toán ra thì đâu có phải đeo bông, cưu mang. Bác Thảo ý tứ lắm, bác đâu có phải là con người chỉ biết ái kỷ, để thiệt thòi cho người khác. Vốn người thành phố, chị đâu có lạ kiểu sống cán bộ ba cọc ba đồng. Ở một tháng thì chị đã đem biếu vợ chồng Đoan yến gạo nếp, ba cân bánh đa thái, rồi còn gà

qué, bột sắn dây, đậu xanh... Không nên nghĩ đến sự sòng phẳng ở đây nhưng nếu chi li nhảm tính thì vợ Đoan đâu có phải là người chịu thiệt!

Tất nhiên nhà có khách ngoài sự tốn kém vật chất dù được đền bù bằng cách nghĩ “xởi lởi thì trời cỗi cho, bo bo thì trời co lại” thì cũng còn một nỗi phiền hà không sao tránh được: ấy là sự thiếu hòa hợp, trạng thái tâm lý ép buộc phải giữ kẽ, mất tự nhiên. Giờ đây, khi mỗi gia đình trở thành một đơn vị kinh tế, xã hội khép kín, có tập quán văn hóa riêng, một cá thể bên ngoài nhập vào chẳng khác gì một chi tiết khác lạ này lắp ghép vào một cơ thể kia, miễn dịch học đã chứng tỏ, nó sẽ bị chối bỏ, đẩy xa. Cứ xem cái cách xây cất, rào giậu cổng ngõ của các hộ gia đình ở thành phố những năm gần đây thì biết, ngoài lý do an ninh ra, các gia đình còn muốn công khai bày tỏ khuynh hướng biệt lập, riêng rẽ của mình.

Nhưng mà, ừ thì cứ cho là đúng như vậy thì chả lẽ với một người là ruột thịt thân thiết và chỉ là làm khách vãng lai dăm bữa nửa tháng lại không thể nhăng đi chút ít cá tính mà thực hiện sự hòa đồng? Dễ người dễ ta, khó người khó ta, chẳng đã từng có lời chỉ bảo đó rồi sao!

May mắn, xóa mờ đi cái đối trá của sự ứng xử theo chữ lễ là nhờ ở sự hồn nhiên của cái Thúy. Thúy quán lấy bác nó, tự nhiên và gắn bó như cùng chung một mệnh hệ. Theo tử vi, nó chung lá số với bác nó. Lạ thể! Nó trở thành cái cầu nối kéo mọi người lại gần nhau, giảm bớt sự căng thẳng ngấm ngầm. Hai bác cháu chả mấy lúc mà trở thành hai người bạn vong niên. Hai người như hình với bóng, như chập làm một, chia sẻ hết mọi niềm vui, nỗi uẩn khúc cho nhau. Lắm khi Thúy nghiêm trang như một người lớn tuổi. Và bác nó lại giống như một cô học trò ngoan, rất lễ độ.

- Cứ gì phải biết làm ruộng mới thi vào đại học nông nghiệp, hả cháu? Mới lại, làm ruộng cũng chả khó đâu. - Một lần hai bác cháu tâm sự, bác Thảo nói. - Hồi mới về nông thôn,

cái gì bác cũng lạ. Trông thấy con trâu nghênh nghênh sừng cũng hãi.

- Thế tại sao đang ở thành phố, bác lại về nhà quê?

- À... Chuyện ấy thì dài lắm... Nhắc nha rồi bác kể. Dưng mờ... chẳng qua cũng là do cái duyên, cái số... Gì thế, cháu?

- Bác nói, giọng nói khang khác thế nào ấy. Trời bác nói là “giời”. Sợ bác nói là “hải”. Nhưng mà bác nói là “dưng mờ”. Bảo bác nói là “bầu”. Với lại bác nói là “mới lại”.

- Ăn nước ở đâu nói giọng ở đó mờ, cháu.

- Bác Thảo này, thế lần này lên đây, bác phải ở thật lâu cơ! Nhìn người phụ nữ ngẩng lên, ngõ ngang trước yêu cầu của mình, Thúy tiếp:

- Bác ở đây cháu thích lắm.

- Dưng mờ...

- Không! Bác cứ phải ở đây thật lâu cơ. Để cháu làm cho bác trẻ ra. Để bác không nói “dưng mờ” nữa. Bố cháu bảo, hồi trẻ, bác xinh nhất trường nữ học đấy. Có đúng không?

Nén một hơi thở ghì giữ bầu tâm sự đang ú tràn, bà chị gái Đoan cúi xuống, mắt chớp chớp, đầy vẻ nhẩn nhện.

Vợ Đoan lúc ấy ở trong buồng tắm, như thừa cơ, nói hắt ra:

- Bác Thảo đừng có nghe lời cái Thúy. Nó lười lắm. Có bác ở đây, có người trông nhà, nấu cơm để nó tha hồ chơi nhón đấy.

Thúy xịu mặt:

- Đâu mà!

Bác Thảo rầu rầu:

- Cháu nó vẫn nấu cơm đấy, mợ ạ. Tôi làm gì nó cũng không cho làm. Với lại, dạo này tôi mệt mỏi quá, có động tay động chân, nhúc nhắc được việc gì đâu.

*

Bác Thảo quả là không được khỏe. Một buổi đi làm về, Đoan thấy bà chị nằm co quắp, tay ôm đầu trên cái *đi văng* ở

buồng khách. Hỏi, chị nói: “Nhức đầu lắm, cậu mợ với cháu cứ ăn cơm đi, tôi không ăn.”

Đã là nửa tháng chị Thảo ở với gia đình Đoan. Cái vỏ lễ nghĩa trong giao tiếp bong lở dần. Cơm dọn dưới bếp. Ngồi vào mâm, Đoan hỏi, con gái thưa: Bác nó kêu mất ngủ, nó đã đi hái lá vông về nấu canh cho bác nó ăn.

Vợ Đoan lừ mắt:

- Vông vang gì, chỉ vế! Bà ấy uống ba viên thuốc ngủ Meprobatat đấy.

Đoan giật thột:

- Thuốc ngủ nào? Thuốc ở đâu mà uống?

- Ở ngăn bàn của ông em trai chứ ở đâu. Lục lọi từ buồng trong đến buồng ngoài. Tủ nào, ngăn kéo nào cũng tìm chìa khóa mở bằng được.

- Lạ thật!

- Chả vu oan đâu. Đây có đánh dấu hắc hoi. - Hếch ngược hai con mắt một mí vốn đã xéch chéo, vợ Đoan lên cơn tức tối dường như rất bất thần, vô lý. - Tham con diếc, tiếc con rô. Thấy dầu cao là xoa lấy xoa để. Thấy thuốc là nhét vào mồm luôn. Trưa nay về, đưa vỉ Meprobatat ra hỏi: “Mợ ơi, đây có phải là thuốc an thần?” Thật là có răng rặng nhai, chẳng rặng lợi gặm, không sai miếng nào!

- Trời ơi! Sao bây giờ mới bảo!

Vợ Đoan ném tách đôi đĩa vào mâm, nghiêng rằng:

- Ông câu gì với tôi!

Và đứng phắt dậy, quát con:

- Thúy! Mày có xót xa cho máu mủ ruột thịt nhà mày thì lấy bát đi mua cháo tim gan về cho bác mày ăn đi!

Đoan nín giận, bỏ dở bữa cơm, đỡ bà chị dậy, cho bà uống mấy cốc nước chanh giải độc.

Thời tiết chuyển hẳn sang đông giá cùng với bầu không khí u ám, nhiễm độc trong gia đình. Vợ Đoan về đến nhà, không đá thúng đựng nia, móc máy xa gần thì cũng lắm lì một khối

nặng trĩu. Xét cho cùng, lòng tham lam vì thường xuyên sống trong tình trạng thiếu thốn và sự sùng bái đồ hàng của người chị đã nông thôn hóa và thói xóc móc quá quắt của vợ Đoan đều vừa là đáng trách, vừa có thể và cần phải thể tất. Khó thay, Đoan phải nhập vai môn đệ của học thuyết nhị nguyên. Được lòng đất, mất lòng trời, anh lơ lửng như con cá vàng, loay hoay không biết xử lý các mối quan hệ sao cho phải. Vì trong thâm tâm chẳng nở trách cứ một ai nào. Nhất là lúc này đây, sau hơn một tuần đau đầu, mất ngủ, bà chị gái Đoan rơi vào cơn đau yếu liệt bệt. Túc ngực, khó thở. Nhức nhối xương cốt. Hâm hấp sốt. Chân run, tay ê mỏi. Bữa cơm, ép nài, bà chị Đoan cũng chỉ vài thìa cháo gọi là.

Ốm đau bao giờ chẳng gây phiền. Người thân cũng vậy thôi. Thuốc men. Đun nấu. Nâng giấc, săn sóc, hầu hạ, hỏi han. Một nhọc và tốn kém là không tránh được. Mà hai mặt này, trong đời sống chỉ số an toàn quá kém cõi hiện thời thì cũng quá dư thừa rồi. Tuy vậy sự sai lệch nhịp điệu sống và nỗi ám ảnh lo ngại mới thật sự là nguyên nhân gây ra tâm trạng day dứt, bất ổn cho mọi người, nhất là vợ Đoan. “Bà ấy ốm đau quái gì! Chẳng qua thấy ông em giàu có quá nên nằm ăn vạ chơi thế thôi! Ở nhà quê mấy khi được cơm bưng nước rót vậy!” Trời, một lần nghe từ miệng vợ câu nói hàm ý độc địa ấy Đoan đã phải nghiến răng để khỏi kêu trời!

Chao ôi! Người vợ thân yêu của Đoan. Đoan hiểu y. Ừ thì y cứ tần tiện, thu vén; y cứ bo bo, bom bôm; y cứ duy lợi triệt để đi. Ích kỷ hơn nữa đi cũng được! Chứ y không nên, không thể cặn tàu ráo máng, mất tình mất nghĩa, phũ phàng tàn tệ như thế. Sao y lại có thể quái ác đến thế? Hay đó là trạng thái bệnh lý và hậu quả của một cơn ám thị nặng nề y mới nhiễm phải gần đây? Một lần nữa, cái Thúy bé nhỏ lại giữ vai trò cân bằng, san phẳng. Không một lời phàn nàn, không một cử chỉ sơ suất, cần mẫn và tràn đầy tinh thần trách nhiệm, nó đóng trọn vẹn vai cô hộ lý, người cấp dưỡng, người cháu gái tận tụy

sắn sóc cho bác gái nó. Trong khi Đoan lo chữa chạy bằng Tây y cho bà chị thì nó hết ngày này qua ngày khác, hết lá vông, rồi lại xoa bóp, dẫn dỏ chân tay mình mẩy cho người bệnh ruột thịt. Đặc biệt, trước mọi điều chì chiết cay nghiệt bác gái của mẹ nó, nó chỉ đọc một câu bác bỏ rất ngây thơ, nhưng vững tin và không sao bắt bẻ được: “Đâu mà!”

- Mày thì biết cái gì mà động mỗ mỗ là “đâu mà”! Đêm ngủ say như chết, mày có biết bà ấy nói mê sảng những gì không?

- Bác ấy kể cho con nghe hết rồi!

- Hết rồi! Để đêm nay, tôi đánh thức cả nhà cho mà biết. Khiếp quá thôi! Chả hiểu vợ chồng bà ấy sống với nhau thế nào mà bà ấy trong mê ngủ cũng rên rĩ khóc lóc than vãn rồi trách oán, không có lửa làm sao có khói. Ăn ở có nhân có nhị thì đâu đến nỗi...

*

Trưa hôm sau, hệ quả của tất cả xung đột ngấm ngấm mới thực sự có dịp bộc lộ. Đi làm về, vợ Đoan đeo một bì gạo hơn chục cân sau xe đạp. Tay giữ chiếc xe đạp ở ngoài sân, hai gò má cao đỏ bừng, cặp mắt xéch nháng nước, y nhìn vào nhà, giống giả:

- Thúi đâu! Ra đem gạo vào. Trút vào thùng cho khéo không lại rơi vãi. Gạo lên hăm hai rồi đấy, không phải là cứ xúc đầy nôi, ăn cho sướng mồm, nói cho sướng miệng là được đâu!

Nhận ra ngay vẻ gây sự của câu nói, Đoan đi ra, nhẹ nhàng bảo vợ:

- Nói khế một tí, mẹ Thúi à.

Gạt cái chân chống xe đánh cạch, vợ Đoan trừng mắt:

- A, cấm đoán cả lời ăn tiếng nói à? Được đấy. Nhưng sao không biết bịt mồm kẻ khác?

Đoan chưa hiểu được ý nghĩa của câu nói sau nhưng vội hạ giọng, nín nhịn:

- Thông cảm một tí, mẹ Thúi. Bác ấy vật vã cả sáng nay,

mới chớp mắt được một lúc.

- Thế tôi mồ hôi mồ kê nhễ nhại, sắp ngửa cả ngày để kiếm được bát gạo thì muốn thế nào được thế ấy, hả?

- Người ta đang lúc ốm đau. Vì tình nghĩa nên...

- Tình nghĩa! Tình nghĩa gì cái kẻ bòn nơi khố bện, đãi nơi quần hồng, cái quân ngậm máu phun người.

Nhận ra một cái ý tứ cay nghiệt khác lạ, Đoan sùng sốt:

- Mẹ Thúy nói thế là thế nào?

- Có thế nào mà không hiểu à?

- Đừng nên suy luận không có căn cứ.

- Không căn cứ! Một giọt máu đào còn hơn ao nước lã kia. Có đúng không? Khác máu thì tanh lòng, người xưa bảo vậy đấy, có biết không?

Đoan choáng váng, mu mớ:

- Chuyện gì mà vòng vèo, quá đáng vậy?

Vợ Đoan nguẩy mặt, quyết liệt:

- Chả quá đáng gì sất. Tôi không thể chịu được nữa. Bà ấy ở đây thì tôi đi! Tôi đi để hai chị em ông sống với nhau!

Rõ ràng là câu chuyện đã vượt ra khỏi tất cả những đoán định của Đoan rồi. Đoan nhăn nhó:

- Mẹ Thúy đừng giận quá hóa mất khôn.

- Tôi không thích dính với ai cả!

- Sao?

- Tôi-không-thích-dính-với-ai-cả. Nghe rõ chưa?

- Sao lại thế?

- Thế là thế chứ sao nữa! Muốn vịn vịn hả?

Mắt vợ Đoan chéo hai vết sắc lẹm. Hàm răng đều đặn, trắng nõn của y nhe ra như định cắn xé. Chưa bao giờ khuôn mặt có đôi lông mày cao, hai con mắt một mí và cái chóp mũi cao sang vốn đẹp và đặc sắc, hiếm có của y có cái vẻ náo nùng, đảo để đến thế.

- Ông có biết bà chị ông đặt điều cho tôi thế nào không? - Bỏ chiếc xe đạp, vợ Đoan sấn thẳng đến trước mặt Đoan. Môi

bậm lại rồi mở ra, y nhả từng từ tưởng như đã được tuyển chọn hết sức kỹ càng vào mặt Đoan đang há hốc vì kinh sợ. - Bà ấy bảo: Mẹ cái Thúy, tức là tôi đây này, trông mặt không ra người Việt Nam ta. Mà họ Trương của tôi cũng không phải họ gốc Việt ta. Cung cách ăn ở càng giống người ngoại lai. Ông biết thừa là hồi ấy ta đang có chuyện rắc rối với bên ngoài chứ. Bà ấy muốn bảo tôi là kẻ địch. Bà ấy muốn giết tôi. Giết tôi mà không cần gươm giáo! Không tin ông cứ đi hỏi khắp các nhà hàng xóm xem! Bà ấy muốn giết tôi! Phải nhớ rằng người ta còn sống vì tiếng tăm, danh dự nữa nhé!

Trong buồng, bỗng có tiếng con Thúy vừa bê bì gạo vào la to thảng thốt:

- Ô kìa, bác Thảo! Bác ngủ đi chứ! Bác ngồi dậy làm gì!

*

Áp lực tâm lý thật nặng nề nhưng sức chịu đựng của con người cũng thật ghê gớm. Biết cả, nghe thấy cả đấy mà bà chị gái Đoan không hề biểu lộ một phản ứng chống trả nào đáng gọi là có, cứ như là không hề có cơn thịnh nộ công khai và cay cú của người em dâu của bà ở trong căn nhà này. Trong khi bà chưa suy kiệt cảm nhận. Chưa trở nên chai lì do đời sống cơ khổ đã đến mức hủy diệt hết xúc cảm. Nhưng bà đã nín lặng đến mức khó hiểu. Vậy dưới cái vẻ bề ngoài thản nhiên ấy là sự nhẫn nhịn của kẻ yếu nhược? Hay là bà giả đồ không biết, còn trong bụng thì hết sức khinh nhờn kẻ đắc thế giương vây, ngoác mồm? Ra câu chuyện là như vậy. Nhưng lẽ nào lại có thể như vậy? Trời ơi, chả lẽ mấy chục năm qua, cuộc sống đã khắc nghiệt đến mức cả những con người hiền lành, thân thuộc với nhau cũng không thoát khỏi thói quen thường trực là phải soi mói lẫn nhau, phải tìm ra sự khác biệt để đối lập nhau, trái ngược hẳn với đời sống hòa đồng vốn dĩ nên bây giờ há miệng mắc quai?

Sáng hôm sau, trời lạnh dưới mười độ. Bà chị gái Đoan dậy sớm hơn thường lệ. Như có phép lạ, bà bứt ra khỏi cơn ốm đau. Bà tự gấp chăn màn và sau khi rửa mặt, chải đầu tinh tươm, ngồi bên mép giường, tay ôm cái túi xách trước bụng, như có ý chờ đợi.

Thúy bụng mâm cơm lên, thấy bác gái vậy, liền thất thanh:

- Bác Thảo! Bác định đi đâu?

Người đàn bà giờ đây đã thành nửa tỉnh nửa quê nhìn cháu gái và vợ chồng Đoan mới từ dưới bếp đi lên, khe khẽ:

- Cháu Thúy, cậu mợ ăn cơm đi. Tôi hẳn còn no.

Đoan hiểu ngay rằng, sau đây sẽ là một cuộc chia lìa, một cuộc chia lìa hết sức lặng lẽ và đau đớn. Đoan kêu ấp úng:

- Gì thì chị cũng phải ăn bát cơm đã...

Vợ Đoan đang ngồi đánh nồi cơm, bỗng dừng đứng dậy, đi ra sân hỉ mũi. Quay vào, y băng quơ như là vô tâm:

- Thúy hôm nay đi học về sớm nấu cơm, mẹ có việc bận. Về muộn.

Y buông lửng câu nói vì ghen ắng. Trong y vừa xuất hiện một khoảng trống vắng quá lớn! Hay rút cuộc y nhận ra cái đối tượng mà y vẫn tập trung trút niềm căm giận chỉ là một bà già ốm o, xơ xác thảm hại và cái lý do để y găm giữ hận thù trong lòng bấy lâu nay chỉ là một thứ trò vè ngớ ngẩn do kẻ khác bày đặt và bà chị chồng y cũng chỉ là một nạn nhân khốn khổ?

Những sâu kín hoàn toàn không phát lộ ở phần nổi của gương mặt. Mặt bà chị gái Đoan hốc hác, vô cảm. Bà đưa mắt nhìn Thúy, giọng tự nhiên không ngờ:

- À, bác dặn cái Thúy: Hai con gà mái sắp nhảy ổ rồi. Kiểm cái rá cũ, lót ít rơm, đặt lên mặt chuồng cho nó, cháu nhé. Chóng thế, mới ngày nào lên chơi với cậu mợ, rồi ốm đau nhọc mệt, tính đến hôm nay đã là hai tháng mười ngày rồi.

Đoan ngẩng lên, thở dồn:

- Chị định đi đâu, chị Thảo? Còn ốm yếu thế, không đi được đâu!

Thúy sà đến, giật tay bác gái:

- Ư ừ, cháu không cho bác đi đâu đâu!

- Bác phải về quê. Về còn đi cấy vụ xuân chứ, Thúy!

- Đâu mà! Bác nói dối cháu.

Người bác đưa tay vuốt tóc cháu gái, miệng nhoẻn cười, mà mắt rưng rưng:

- Bác đi chơi thế là lâu quá rồi. Giờ phải đi làm chứ, cháu.

Vợ Đoan bỏ mâm cơm, đi ra hiên, với cái khăn lau mặt. Buông vai cháu gái, người đàn bà lần túi, tìm cái khăn chấm kẻ mắt, rồi cất tiếng khan re:

- Thôi, cậu mợ và cháu để tôi đi. Có ở lại cũng sốt ruột lắm. Lên chơi, thăm mộ ông bà, thấy cậu mợ, cháu Thúy mạnh khỏe, tiến bộ là mừng rồi. Ở nhà quê, mò ở đâu cũng vậy thôi, khổ cực là điều... Tôi không nói hơn nói kém... Thật tình sống với nhau có lúc không phải. Nó cũng vì... Ở kia, Thúy, để bác đi!

Đoan đứng dậy, nhìn theo Thúy vừa ôm cái túi xách của bác nó chạy vào buồng.

- Thúy, cho cái túi của bác vào tủ, khóa lại. Chị Thảo, chị chưa đi được! Em và nhà em chưa cho chị đi đâu!

Ngoài hiên, vợ Đoan áp cái khăn mặt ướt vào mặt, đứng im, không một lời.

*

Thắc thỏm, trưa đó, Đoan đạp xe về nhà trước giờ tan tầm. Bước vào nhà, anh nhận ra vợ anh cũng đã về. Cái Thúy cũng bỏ dở buổi học. Hai mẹ con đang ngồi lặng trên *đi vắng*.

Đoan hiểu ngay: bà chị gái anh đã bỏ đi rồi!

Lặng lẽ, anh ngồi xuống cạnh cái Thúy thì nó bỗng như bật lên, quay sang mẹ nó nức nở:

- Mẹ chẳng hiểu gì cả! Mẹ tưởng bác ấy sung sướng lắm à? Bác ấy chẳng thiết sống nữa đâu. Bác giai ở nhà cờ bạc, rượu chè, nợ nần bê tha, bán hết đồ đạc, cửa nhà rồi. Hai người bỏ nhau rồi. Con cái cũng mỗi người một nơi rồi. Bác ấy lên đây, định đi ở, trông con cho người ta đấy. Sao mẹ nỡ lòng nào mà như thế!

Vợ Đoan, như cái bóng, lấm lũi đi vào buồng.

Cả tháng sau đó, y như biến thành một người khác, ít nói hẳn đi. Nhiều lúc y ngơ ngác, bồn thần, mặt như có khói ám. Gia đình có ba người, ai cũng bị giày vò nên rời rạc, lẻ loi đến lạ. Cái Thúy thì gần như cách ly với mẹ nó. Còn Đoan, vẫn là cái sinh thể đứng giữa các sự chia cách. Biết nói thế nào với vợ và con? Chuyện còn đó để lại những ám ảnh thật nặng nề. Ruột thịt mà thích biệt lập, không muốn có quan hệ với nhau thì thật là trái tự nhiên quá thể. Đau đớn quá là cái hiện trạng này!

Từ năm đó, bà chị gái Đoan không bao giờ trở lại với gia đình Đoan nữa. Các cuộc hồi tổ định kỳ kết thúc. Nhưng cái Thúy thì thoảng vẫn gặp bác nó trong những cơn mê hãi hùng. Còn Đoan, Đoan không nguôi thương nhớ người chị gái của mình. Nhớ đến chị, may mắn ký ức Đoan vẫn in đậm khung cảnh khoảng trời cuối thu lồng lộng gió heo may, tràn trề làn sáng phản quang niềm vui mùa màng. Đoan vẫn nhớ đến hình ảnh người phụ nữ đẹp duyên dáng, hòa hợp bản ngã với cảnh sắc đồng quê như một thực thể mệnh mông và cảm nhận được niềm hạnh phúc lớn lao khôn lường. Những ngày đẹp như ngọc ngà sao mà hiếm hoi thế trong đời người!

BỒ NÔNG Ở BIỂN

Chiều tháng Ba như hoa đang nụ, oi bức lạ lùng. Vừa dắt xe vào cổng, Lương đã nhìn thấy mẹ già còm cõi đứng ở giữa sân, quần thâm ống thấp ống cao, tay chống nạnh, mắt đỏ đục, chân nhảy tâng tâng, giọng the thé:

- Vâng, chị tốt, chị đẹp! Tôi thì tôi chịu chị, tôi hàng chị! Để anh ấy về anh ấy đối đáp với chị. À, anh ấy kia rồi! Ôi, anh Lương ơi, anh về mà dạy vợ anh đi này!

Lương chưa hiểu đầu cuối, vừa kịp dừng lại đã thấy vắng ra từ trong bếp cái giọng xong xóc đối đáp quen thuộc của vợ:

- Này, già rồi, đừng có ăn không nói có, đừng để trẻ mỗ nó khinh cho nhé!

- Con nào ăn gian nói dối thì trời tru đất diệt nó.

- Chỉ được xoen xoét cái mồm là tài!

- Chị bảo ai xoen xoét cái mồm?

- Già rồi thì ăn nói từ tốn chứ sồn sồn thế à!

- Chị dám ăn nói với tôi thế à? Chỉ có chó nó mới sồn sồn thôi, chị hiểu chưa?

Khói nhóm than lò khét nồng từ bếp tuôn ra, quần mù mịt trong sân nhỏ. Lương đứng trong đám khói, ngạt thở, chỉ muốn kêu trời. Ai có thể giúp anh đứng ra ngăn chặn được cuộc đấu khẩu đang độ gay gắt giữa mẹ anh và vợ anh? Và ai

có thể phân giải câu chuyện xung đột trong gia đình anh, giữa mẹ anh và vợ anh, cho rõ ngọn ngành? Nó bắt đầu từ cái gì? Từ chuyện con chó, con mèo, cái bát, cái chổi, từ một câu nói vu vơ, một cử chỉ vô nghĩa, rồi hòn gạch ném đi hòn chì ném lại, biến hóa lộn lèo và cuối cùng um sùm hết cả lên. Nhưng hóa ra chuyện từ đó mà không phải do từ đó. Chúng chỉ là cái cớ, là mồi lửa. Còn hai người đàn bà vốn đã là hai kho thuốc nổ, hai bể chứa hòn căm đầy ứ rồi.

Nghĩa là mối bất hòa thoát đầu tưởng chỉ là vì những cái li ti nhỏ nhặt. Nghĩa là thoát đầu chỉ là những móc máy vặt vãnh, những tức tối con con từ thời nảo thời nao được bới ra, nhưng kết cục là lẫn xả vào nhau, mắng nhiếc nhau không tiếc lời và sau rốt là Lương phải ngửa ngực ra hứng nhận các ngọn giáo công kích từ hai phía. Lương, con trai bà cụ Ninh. Lương, chồng Thoa. Lương là trọng tài phán xử kiêm thủ phạm gây ra mọi sự khốn khổ cho họ. Lương, có mắt như mù, rước cái con thần nanh đỏ mỏ ấy về làm vợ, rồi đội nó lên đầu. Lương, chỉ tay đứt ruột xót nên chỉ biết nghe mẹ đẻ mà ruồng rẫy vợ! Ôi chao!

Đứng giữa những lời buộc tội túi bụi, Lương nhiều khi chỉ còn cách là giơ hai tay lên trời, kêu đau đớn: “Các người có còn cho tôi sống nữa không, hả trời!”

Nhiều lần như thế rồi nên nhàm. Như hôm nay, đôi bên chỉ hừ chiến khi thằng Thế, con trai Lương, mười hai tuổi, đi đá bóng về, ra cái điều người lớn, bảo bọn trẻ con hàng xóm đứng bu ở trước cổng: “Về đi, các em, có gì đâu mà xem!”

*

Mâm cơm dọn chỉ có Lương và thằng Thế ngồi hai bên nồi. Đánh tiếng mời, chẳng ai ra thêm. Lương vào buồng mẹ. Bà cụ rân rân nước mắt:

- Thôi, hai bố con anh ăn đi! Từ nay tôi không làm thì tôi không ăn, anh ạ.

Cấn rằng, Lương đi sang buồng vợ, nhẹ nhàng:

- Ra ăn cơm, Thoa. Nhịn nhường cụ một tí, em à.

- Tôi không ăn. Từ nay đừng có hòng bảo tôi ăn cùng mâm nhớ!

- Thế là thế nào?

- Anh cứ bênh mẹ anh đi!

Chưa kịp đáp, Lương đã nghe thấy tiếng mẹ từ buồng bên, vồng vót sang:

- Ủ, nhịn nhường con mẹ khom già này đi. Này, anh Lương ơi, mẹ chết thì hết chứ còn vợ chết thì...

Không để bà cụ nói hết câu, vợ Lương đã nằm lăn ra giường, giấy đành dạch:

- Ủ, tôi chết đây! Tôi chết ngay cho mẹ con bà sống nhớ...

Lương vội kéo tay vợ. Vợ Lương vốn sắc sảo, nóng tính, gần đây lại hay nổi chứng liều lĩnh. Có bận y đã định treo cổ lên xà nhà, cũng chỉ vì uất ức bà cụ rửa rối việc y cho thằng em trai nghiện quất xì lai mấy trăm bạc để nó tu thân lập nghiệp.

- Thôi thôi nào, Thoa. Đừng chấp cụ. Đừng chấp! - Lương rối rít vỗ về vợ.

Rồi như người đóng hai vai, lại vội vã chạy sang bên mẹ, nhảu nhó:

- Mẹ, sao mẹ nỡ ăn nói thế?

Đáp lại lời Lương, bà cụ trề môi, dài giọng:

- Trăm thằng đàn ông chết vì vợ cả trăm. Công kên nó lên đầu đi. Để nó lên bàn thờ ông vải nhà anh mà thờ, anh Lương ạ! Còn con kia, đừng có vì được chồng yêu mà xỏ chân lỗ mũi nhá!

*

Cuộc sống vốn đã chẳng vui gì. Ở cơ quan, gặp bao điều trái tai nghịch mắt, cứ nghĩ: Thôi, cộng đồng này vốn lỏng lẻo, cho nó qua đi, hết tám giờ về nhà, coi như là được an ủi. Nhưng gia đình, cộng đồng quy ước bền chặt, chốn nường nấu của sự cô đơn cần được chia sẻ hóa ra lại là bãi chiến trường, vùng sa mạc, nơi địa ngục, bãi tha ma!

Suốt mấy ngày liền sau đó, hai người đàn bà chung một mái nhà, ra đụng vào chạm nhau mà mặt mày nặng trĩu như hai chĩnh nước. Cả hai đều câm lặng. Khiếp quá, thà rằng họ cứ chửi mèo quèo chó, réo tên nhau mà chửi như vật thịt nhau có lẽ Lương còn thấy đỡ sợ hãi, ngại ngùng.

Sớm búng ngày thứ tư, kể từ hôm hai người to tiếng nặng lời với nhau, Lương vừa thức giấc đã thấy giường bên trống trải và ở buồng ngoài, Thoa đang giục thằng Thử mặc thêm áo khoác:

- Mặc vào, nhanh lên, rồi đi với tao đến xí nghiệp!
- Nhưng... chiều hôm nay con còn phải đi học thêm. Con ở nhà.
- Ở nhà với con mẹ khom già hả?

Lương vùng ngay dậy, ngó ra buồng ngoài, lập bập:

- Ô kìa, hai mẹ con, sao lại thế?

Vợ Lương đẩy lưng thằng Thử đang kéo ngược khóa ở chiếc áo *blouson* ra cửa, ngoái cổ lại:

- Ô kìa cái gì? Anh có mẹ anh thì anh nuôi, anh lo toan tất.

Lương đứng lặng, cố bình tĩnh, không nổi nóng để giữ sự cân bằng, thật sáng tỏ. Nấu ăn sáng, dọn mâm bát xong, anh mời mẹ dậy, thật ân cần:

- Mẹ ăn bát mì cho nóng, mẹ!

Bà cụ đã dậy, ngồi thu lu ở góc giường, lắc đầu, lạnh nhạt:

- Anh ăn đi. Tôi không ăn!

- Sao mẹ lại không ăn?

- Nhục lắm, anh ạ.

Lương đặt bát mì xuống mâm, khịt khịt hai lỗ mũi ngạt:

- Nhưng nó là vì cái gì, hả mẹ?

- Vì cái gì thì anh hỏi con vợ anh ý!

Trong Lương như có một cuộc bùng nổ thật dữ dội, thật âm thầm. Cái gì đã đẩy cuộc sống đến trạng thái thảm hại này? Vì sao mà hai người đàn bà, dẫu không quan hệ ruột thịt trực tiếp, nhưng đã sống chung với nhau dưới một mái nhà, gắn bó với nhau bằng bao quan hệ thân thiết máu mủ lại cứ mất mặn mất nhạt, mặt lưng mặt vục với nhau, thậm chí nhiều khi hằn học nhau, đối xử với nhau như quân thù, quân hằn vậy?

Cái khuynh hướng đổ tất cả tội lỗi cho sự nghèo khó đã tỏ ra là không thích đáng và quá đơn giản. Vả chăng ký ức họ còn đậm đà lắm những hình ảnh đầm ấm, tươi vui thuở còn sống trong nghèo khó? Nơi ăn chốn ở chỉ là một túp lều lá. Gia tài lớn nhất là chiếc đài *Xiong Mao* bán dẫn. Gạo mua theo sổ phân phối, đã eo hẹp lại toàn thứ gạo đã quá mùa, suất ăn phải tính từng lẻ gạo. Mâm cơm xanh lét rau. Bà cụ hì hụi nấu ăn trong bếp. Thoa ra ra vào vào, ngọt ngào mẹ mẹ con con. Cái đài đặt trên chạn thức ăn, hát véo von. Bà cụ khoe với bà con láng giềng: “Mẹ cháu cứ bắt tôi phải nghe! Mẹ cháu là người có tình nghĩa lắm, các bác ạ.” Ôi, cái nghĩa cái tình trong khốn khó! Một manh vải cũng sẻ chia. Một miếng ăn cũng nhường nhịn. Nhưng chả lẽ cái tình cái nghĩa gừng cay muối mặn chỉ được nuôi dưỡng bằng môi trường nghèo khó? Và mức sống lại tỉ lệ nghịch với tình thương yêu? Nghĩa là cứ trở nên giàu có là nhất thiết phải trở thành kẻ ích kỷ, đứa dê tiện? Không! Gia đình Lương không thuộc loại giàu có. Ngoài đồng lương, hai vợ chồng chỉ có thêm được tí chút tiền thưởng năng suất và phụ cấp làm thêm, so với trước, như vậy đã tạm gọi là dư dả. Một đời sống vật chất không đến nỗi phải tính toán chi li đến beo

thất, lẽ ra và hoàn toàn có thể trở thành cơ sở để tâm tính mỗi con người và quan hệ với nhau trở nên cởi mở, chan hòa chứ!

Về cá tính, hai người tuy thuộc hai thế hệ nhưng họ đều là những người được hàng xóm công nhận là đạo đức và biết điều. Trong đánh giá của Lương, mẹ anh, vợ anh không thể là người xấu! Mẹ anh, tuy ở quê lên nhưng bà cụ là người hiểu biết, có thời đã làm cán bộ phụ nữ xã, được mọi người kính nể vì nhân nghĩa, công bằng. Còn Thoa, khi lấy anh là thợ tiện giỏi. Lên đến bậc thợ tốt cùng, Thoa được điều động sang làm cán bộ chuyên trách Công đoàn. Công việc bây giờ là xách túi đi họp, bàn bạc việc sản xuất, phân phối đời sống với giám đốc, với đoàn viên, được tiếng là sắc sảo nhưng thấu tình đạt lý. Thoa ứng xử với mọi người như bát nước đầy. Năm kia, trời đổ rét, bà cụ bị thấp khớp hành, liệt tê một bên, phải nằm một chỗ. Nửa năm trời Thoa săn sóc, nâng giắc, thuốc thang, an ủi bà cụ, lúc nào cũng nhẹ nhàng, vui vẻ, không một lời phàn nàn. Thoa lại khéo đường nữ công gia chánh. Nấu ăn rất vừa miệng bà cụ. Lại còn biết khâu tay cả yếm và quần chân què cho bà cụ.

Hay là mối mâu thuẫn giữa mẹ và vợ Lương nảy sinh từ những ngày mẹ anh xuất hiện những cơn trở chứng, trái nết? Già sinh tật, đất sinh cỏ. Tuổi bảy mươi gắn liền với những cơn nóng lạnh bất thường. Có những hôm bỗng dưng bà cụ bỏ bữa. Bỏ bữa không phải vì lời cạnh khóe xa xôi của ai. Bỏ bữa chỉ vì bỗng dưng nghĩ ra điều vẩn vơ này nọ, rồi ám thị vào mình.

Khốn nạn, dựa cà thì có tốn kém gì? Thoa muối cả một vại đầy. Nhưng bà cụ lại muối riêng một lọ con con, giấu ở gầm tủ, đến bữa lọ mọ lấy ra ăn một mình, tội nghiệp như kẻ bị hắt hủi! Thuốc thang nhà Lương đâu có thiếu. Nhưng nhận mấy viên giảm thống người hàng xóm cho chỉ đáng giá trăm bạc lẻ, bằng tiền bao diêm, bà cụ ứa nước mắt than: “Xưa rày, vợ Lương có bao giờ nó cho tôi thứ thuốc quý này!” Ôi chao! Bà cụ đang chẻ rau ở hiên nhà thì có con bé thu mua sắt vụn đi qua.

Nhìn mặt bà cụ, nó bảo: “Bà sắp có cái hạn to lắm! Đưa tiền cháu đặt cho cái lễ giải hạn!” Bà cụ móc túi đưa nó ba chục nghìn. Đã mất tiền cho cái đứa con nít nó lừa, đêm nằm lại nước mắt ngấn dài, trách vợ Lương biết mẹ chồng sắp gặp hạn mà ích kỷ, lờ đi, để mặc mẹ chồng chết (!).

*

Không, suy đi ngẫm lại, Lương vẫn cảm thấy mình là một kẻ bất lực. Lương đang ở trong tình thế càng suy nghĩ càng rối bời. Lương chưa tìm ra lời giải đáp thỏa đáng. Lương đứng giữa mây khói mịt mù. Và Lương mới chỉ manh nha nhận ra, hình như ở đâu đó hiện đang tồn tại một trạng thái tâm thần, giống như một dòng chảy thâm thì, lẫn khuất quanh anh, có khi lộ diện, lại có lúc mất tăm và trong hoang mang sợ hãi chưa bao giờ anh nhìn thấy nó một cách rõ ràng, gọi được tên nó một cách chính xác. Ngay đêm hôm xảy ra chuyện Thoa ép thằng Thế đến xí nghiệp, Lương vừa chớp mắt được một lát, bỗng thấy ở giường bên, bà cụ lồm cồm bò dậy, anh liền dậy theo.

- Mẹ ngủ đi chứ. Mới có hơn một giờ thôi mà, mẹ. - Nén hồi hộp, Lương nói hết sức dịu dàng.

Đã gặp xong cái chần len, ngồi trong bóng tối, như không nghe thấy lời Lương, bà cụ uể oải ngáp, rồi khép vạt áo:

- Anh Lương này, anh cứ ngủ đi, mặc tôi. Mấy đêm nay tôi chẳng làm sao mà ngủ được.

Nghe được cái ý bất thường trong tâm sự mẹ, Lương rụt rè:

- Mẹ có thấy đau ở chỗ nào không?

- Cám ơn anh có lời hỏi thăm. Tôi không ngủ được không phải vì tôi đã già yếu sắp chết đâu!

- Mẹ! - Lương hơi thất thanh.

Bà cụ khẽ lắc đầu, tỉnh táo:

- Anh cứ để tôi nói. Tôi nói, rồi có chết tôi cũng thỏa, anh ạ. Là vì hôm rồi tôi vừa đặt mình, vắt tay lên trán thiu thiu ngủ thì bố anh về. Bố anh mặc rách rưới lắm. Bố anh khóc, bảo: “Nhà tôi đột nát lắm rồi, bà ơi!” Không hiểu anh có còn nhớ bố anh không?

- Con... con...

- Để tôi nói đã. Tôi nhớ hồi anh sắp cưới vợ. Đầu tiên là bố anh. Phải, bố anh can ngăn anh. Bố anh bảo: “Cua thâm càng, nàng thâm môi là không có nên.” Tôi cũng có ý vậy. Nhưng anh tiến bộ hơn bố mẹ. Anh bảo: “Con lấy vợ, chứ có phải bố mẹ lấy vợ đâu!” Thôi thì cái đó tùy. Nhưng anh có nhớ rằng anh đã hứa với tôi là anh sẽ đi tìm mộ bố anh không? Anh có nhớ không? Bây giờ thắm thoát đã hơn mười năm rồi. Ôi giờ, anh bảo anh bận, vậy anh muốn tôi nhờ cậy ai? Anh ơi, anh có nghe người ta hát không?! “Nàng dâu bắt chấy cho mẹ chồng bằng trông thấy bồ nông ở biển.” Anh có biết bồ nông ở biển là thế nào không? Cái con bồ nông ý...

Từ những lỗ chân lông nhỏ nhất lại như có một cuộc nổ ngầm tự bên trong thúc ra, mồ hôi ứa ra nhóp nhép và lạnh buốt khắp người Lương. Lương kinh hoàng, run rẩy. Mẹ anh vừa trải qua một cuộc phân thân, bà cụ đang tách làm đôi. Một nửa ngồi đây. Một nửa trôi dạt đi đâu đó, rồi hiện về qua tiếng nói xa lắc, thăm thẳm một ánh hồi quang tự kỷ.

Ký ức chẳng quên nhăng một điều gì. Ở lớp sâu thẳm của tâm thức, một dòng chảy vẫn lặng lẽ ghi nhận và truyền lưu tất cả những gì đã xảy ra, cả những điều như nảy sinh từ một kiếp khác và bây giờ đòi thực hiện việc tổng kê, thanh khoản.

Bà cụ còn ghi nhớ hết. Sau việc nhắc anh tìm ngôi mộ bố anh bị thất lạc và xa xôi trách anh ăn ở tàn tệ do nguyên nhân nào tự khắc anh biết, bà cụ kể lại chuyện cách đây hơn hai mươi năm, khi vợ anh bị sảy, bà cụ phải cho vợ anh một đôi hoa tai vì biết rằng: “Chị ấy vẫn hay day nghiêng anh là nhà

anh nghèo.” Bà cụ bảo, vợ anh vẫn thường hay phàn nàn với hàng xóm rằng mình khổ sở, nhưng: “Chị ấy có biết rằng ngày xưa tôi khổ thế nào không?” Bà cụ nói, hồi anh mới lấy vợ, vợ anh cho em anh một cái đồng hồ Liên Xô. Nay, em anh nó đã là liệt sĩ. Vậy coi như đó là món nợ bà cụ phải mang. Rồi bà cụ sẽ tìm cách trả, chứ bà cụ không ăn hồng của ai cái gì bao giờ...

Chao ôi, Lương đã hoàn toàn nhập vào cái dòng ký ức mịt mù, phản ánh tính chất đa tạp, quái đản của đời sống tâm linh. Ở đây lý trí phân minh đã bất lực. Và anh hiểu, trong bà cụ, mẹ anh cũng như trong con người nói chung, vẫn đang tồn tại một bản năng sống nữa, một bản năng âm thầm và mãnh liệt. Chúng truyền di từ thế hệ này sang thế hệ khác, không phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Cũng như sự hèn nhát, lòng hảo tâm, tình yêu mến, nỗi đau đời, niềm căm giận, thói đố kỵ, ghen ghét, tính ích kỷ thâm căn, khả năng không thể yêu thương kẻ khác ngoài mình, ngoài huyết thống mình... đều có cái mầm nguyên thủy, đều là nghiệp căn trong tâm tối, bền dai như sự sống, vì chính chúng đảm bảo cho sự sống an toàn của mỗi cá thể con người.

Cuộc sống chưa bao giờ là dễ dãi, xét cả tiến trình dài dặc. Ước muốn bao giờ cũng cao hơn trạng thái hiện thực. Và sự sinh tồn, tâm lý tự vệ thường trực của sinh vật là nhân tố quan trọng để duy trì những tập tính tối tăm. Đời sống do vậy là một kết cấu của cả cái tốt và cái xấu, cái thiện lẫn cái ác.

Chính Lương đã từng và vẫn còn là nạn nhân khốn khổ của những thói xấu thế tục. Anh đã bị chèn ép, phỉ báng, vùi dập. Và căn nguyên của hành vi ấy, ai cũng nhận ra, nhưng lại không dám nói ra. Quan hệ giữa người và người, giữa dì ghẻ và con chồng, giữa mẹ chồng và nàng dâu lâu nay thực là vậy, nó đã được chế định và trở thành nỗi ẩn ức sâu xa, cải biến nó là cả một công cuộc nhọc nhằn.

Lạnh cả người vì những ý nghĩ âm thầm ấy, Lương vẫn cố điềm tĩnh. Tìm cách ứng xử hợp lý nhất để bà cụ nguôi ngoai lúc này là cần thiết nhất. Nghĩ vậy, Lương lễ độ đáp lời mẹ:

- Mẹ ạ, việc tìm mộ bố con không được như lời hứa, lỗi thuộc về con. Tất nhiên cũng có hoàn cảnh. Mẹ tính xem, con đi Liên Xô học bốn năm. Trở về, đi mặt trận phía Nam hai năm. Hòa bình rồi lại đi biệt phái năm năm ở Tây Nguyên. Nhưng cái chính là con cứ nghĩ, cải táng xong là được rồi. Thôi, trong tháng này con sẽ lo xong việc này. Mẹ bằng lòng chưa? Còn những việc khác đã qua rồi, mẹ nói làm gì nữa, hả mẹ! Hoặc giả...

Thật không ngờ, Lương chưa dứt lời, bà cụ đã chồm lên, nghiêng răng kèn kẹt:

- Sao anh lại nói thế? Anh định bịt miệng tôi, hả? Anh định bóp hâu, bóp cổ tôi thì anh nói đi! Anh có biết rằng bao nhiêu năm nay tôi đã phải nhịn anh chị như nhịn cơm sống không?

Lương mím chặt môi, tự nhủ, mẹ già rồi, còn sống được bao lâu nữa đâu.

*

Chủ nhật ấy, ngày rằm, lại mới truy linh lương, Lương đưa tất cho Thoa, bảo vợ làm bữa cỗ thấp hương ông cụ, cậu em, nhân tiện quy tụ lại gia đình, tạo niềm cảm thông. Chuyện xung đột đã qua được mười ngày, xem chừng nhạt.

Thoa cũng lại là người có tài bếp núc nên cầm tiền vui vẻ đi chợ.

Bếp khói um, rộn ràng tiếng xào nấu. Cỗ cúng đủ món, đặt lên bàn thờ. Bà cụ sửa soạn xống áo, trịnh trọng thấp hương khấn vái vong linh người đã khuất. Hương thơm nức tỏa niềm thiêng liêng, cảm động.

Hương tàn, vàng hóa xong, Lương hạ mâm cơm cứng đặt xuống cổ phản trải chiếu chiếu cạp điều mới, ôm chai rượu, rung đùi, cất tiếng vang vang:

- Thế đâu rồi? Mời bà, mời mẹ Thế nào!

Vợ Lương đang múc miến ở dưới bếp, mặt đỏ ròn. Thành Thế vừa ở trong buồng ló mặt ra, Lương vẫy tay:

- Thế, lấy cho bố cái cối xay hạt tiêu. Ở trên cái giá sách ấy. Rồi vào mời bà ra uống rượu với bố cháu. Xong, xuống bếp bưng nồi miến giúp mẹ.

- Tôi bưng lấy, tôi không khiến! - Dưới bếp hát lên tiếng nói háo hức của Thoa.

Thành Thế cầm cái cối xay hạt tiêu đứng thập thò ở cửa buồng, chưa kịp cất tiếng mời thì bà cụ đã cỏi xong chiếc áo dài, quay ra:

- Anh chị cứ ăn đi, không phải mời mọc gì tôi cả.

Lương thấy hơi lo lo nhưng chống tay đứng dậy, cố làm ra vẻ bình thường:

- Bà ra ăn luôn cho nóng, bà.

- Tôi không dám!

Lương run run:

- Mẹ làm sao thế?

- Cơm vào dạ, vạ vào thân. Ngộ nhỡ có thuốc độc thì tôi chết à, anh!

Choang! Tiếng kêu trời của Lương trợn lẫn tiếng bát miến trên tay Thoa buột rơi ở giữa sân. Thoa, mặt đỏ hực, hai ống tay áo xấn quá khuỷu, nhảy vào trong nhà:

- Thế! Mày bưng mâm cơm đổ hết xuống cống rãnh sau bếp cho tao!

Lương giơ tay ngăn giữ, hoảng hốt, quát to hai tiếng:

- Mẹ Thế!

Bà cụ từ trong buồng đi ra, đặt vòng khăn vừa quấn lên đầu, nhìn vợ Lương, cắn chặt hai hàm răng:

- Này, nhà chị thâm môi kia! Chị là họ nhà tôm, hả? Chị tưởng chị là chủ trong cái nhà này, chị muốn làm gì thì làm, hả?

Vợ Lương đỏ vầng mặt, quát:

- Bà im ngay đi!

- Này, mày bắt bà im mồm bao nhiêu năm nay rồi? Đã đến nước này thì bà phải làm cho ra nhé!

Nghiến răng, bà cụ quay sang con trai, mếu xệch miệng:

- Ôi, con ơi! Nhục nhã thân mẹ lắm, con ơi!

Vợ Lương giậm chân, xỉa tay về phía bà cụ:

- Này, đừng có nỏ mồm vu oan giá họa nhỏ, mụ già kia!

Gạt tay Lương, bà cụ nháy chồm chồm:

- Mày đã nói thế thì bà không còn gì để nể mày nữa! Mày đem cái xác về cái nhà này, hỏi rằng mày có cái gì nào? Mày có ba bò chín trâu, ruộng cả ao sâu gì mà mày ngồi mát ăn bát vàng nào?

Vợ Lương chống tay lên háng, bĩm mồm, ngạo mạn:

- Ừ, thì cứ cho là như thế thì bây giờ cụ muốn gì tôi?

- Tao muốn vạch mặt mày! Mày là quân mèo đảng chó diêm! Mày là quân cơm hàng cháo chợ!

- Cụ mà nói nữa là tôi không có để cụ yên đâu.

- Tao theo dõi hết. Ừ giỏi! Phúc đức bà Tú Để là mày. Mày bao dong hạt cải, rộng rãi tròn kim. “Mẹ ơi, cái đài con bật rồi đấy, mẹ để dưới bếp nghe cho vui.” Thôi đừng dãi bôi nữa, quân bòn gio dãi trấu kia! Tao còn lạ! Mày ăn lấp mày lấp miệng. Mày còn đem cửa cái nhà này về bù chi bù chít cho họ hàng, tông ti nhà mày.

- Này, tôi cấm cụ động đến họ hàng, bố mẹ tôi đấy!

- Mày để tiền riêng.

Xô Lương sang một bên, vợ Lương sấn lên, rít chối tai:

- Làm sao mà mù biết? Mù lục tử à? Mù định ăn cắp à? Đồ ăn cắp!

Bà cụ xô khăn, mặt tái nhợt, hỏn hển:

- Ừ, tao ăn cắp đấy! Tao lấy lại tiền của con tao. Anh Lương, anh cứ để nó đánh tôi. Con này nó chẳng phải tay vừa đâu. Anh có biết không? Anh vừa đi Liên Xô được một tháng... Đây, con thâm môi kia, tao ngậm miệng đau đốn bao nhiêu năm rồi, hôm nay thì tao phải nói. Mày, mày là con đàn bà ngứa nghề, chồng mày mới ra khỏi nhà mà đã...

Vợ Lương thét một tiếng to, uất quá, mắt trợn ngược, trắng rợn. Chuyện này không phải bây giờ bà cụ mới nói. Và mọi chuyện đều đã rõ ràng rồi. Người đàn ông hay đến thăm Thoa khi Lương đi nước ngoài là anh họ Thoa, người lưu lạc từ năm đói Ất Dậu, từ một nông trường cao su Nam Bộ ra tìm quê. Có sự thân mật chứ không có chuyện ngoại tình.

Lương giữ tay bà cụ, đau đốn, mắt ứa lệ:

- Bà ơi, bà đừng nói nữa! Bà lẫn hết rồi.

Không ngờ, như được thể, vợ Lương lại dấn lên, thốc tháo:

- Cứ để mù ấy nói. Mẹ chồng, trồng cây ngược mà! Nói hết đi! Con này không cần thanh minh. Con này nhận hết. Con này dẫn trai về. Con này đánh đi. Con này thâm môi. Con này ngu si hưởng thái bình. Con này định đầu độc mù. Ừ, định đầu độc đấy. Cái loại người độc ác như thế, không chết đi thì sống mà làm gì!

Lương buông tay bà cụ, hộc lên một tiếng, ngoắt lại phía vợ:

- Thoa! Tôi không ngờ cô có thể ăn nói nhẩn tâm như thế. Đồ độc ác! Cô phải biết rằng bà cụ lúc này là người dở tính dở nết.

Thoa thông tay, nhếch mắt:

- Ừ, thì tôi độc ác đấy! Còn anh, anh không thể chung chiêng được nữa đâu. Bây giờ cho anh chọn. Anh ở đây với mẹ

anh thì tôi đi. Tôi ra bờ sông, tôi cắm cái lều lá chuối, tôi ở. Dở tính à! Còn lâu nhé! Chết được thì đây đốt pháo ăn mừng. Răng còn đủ, còn sin sít thế kia, còn ăn khỏe lắm, chưa chết được đâu!

Đã tưởng bà cụ tuổi già sức yếu, lại đã kiệt lực trong cuộc đấu khẩu nên Lương chỉ còn chú ý can ngăn cơn giận dữ của vợ. Không ngờ, Thoa vừa dứt lời, mẹ anh đã gạt anh ra một bên, tiến thẳng tới trước mặt Thoa, uất khí tím bầm cả hai mắt:

- Bà chưa chết đâu! Bà còn sống lâu để xem mày giở những trò gì nữa! Cái con mặt sứa gan lim kia, mày cút ra khỏi cái nhà này đi! Cút ngay đi!

Hai người đàn bà nhào thẳng vào nhau. Hai cái bản năng xung thiên xoắn lấy nhau, rít lên những tiếng thú dữ cắn xé nhau.

*

Lương đã tách được hai người đàn bà ra khỏi nhau. Với anh lúc này, họ chỉ là hai người đàn bà. Họ chỉ đơn thuần là hai người đàn bà, hai cơn bão, hai cái bản năng kinh thiên thù nghịch nhau, ở ngoài mối liên hệ với anh.

Bà cụ được gỡ ra khỏi cuộc xung sát, được Lương đưa vào buồng từ lúc chập tối. Chừng như đã xả hết cơn giận dữ, đã tiêu pha hết chút năng lượng cuối cùng nên lát sau, khi trời tối thui, bà cụ đã nằm thiêm thiếp. Ba căn buồng, tất cả đều tối thui. Thoa, sau hồi khóc lóc rầm rứt, đang mở *va li*, mở tủ, xếp sắp đồ đoàn, tư trang, toan tính một điều gì hệ trọng. Thắng Thê bỏ đi sang nhà hàng xóm, sau khi thu dọn mâm cỗ chưa hề động đũa đang tanh bành trên phản.

Trời phụ họa, đêm nay điện lại bị cúp.

Không có ánh đèn. Tất cả đều đen thui.

Khoảng chín giờ đêm, Lương đang ngồi trong bóng tối bỗng nghe thấy tiếng dép lê lệt sệt trong buồng bà cụ. Nghĩ, có lẽ bà cụ dậy uống nước, Lương lục túi tìm cái bật lửa.

Cái bật lửa đã hết xăng, lâu không dùng, chỉ tóe những chùm tia vàng chóa. Quanh Lương, nhấp nhoáng cái hình khối kỳ dị của các đồ vật. Anh lò dò bước ra sân, chấp choạng trong ánh lửa tóe lóe trên tay. Bỗng anh sững lại. Ở chỗ máy nước vừa có tiếng chân ai trượt dài và một tiếng huych nhẹ bẫng.

Xoẹt! Lương bật mạnh bánh xe máy lửa và chạy lại phía máy nước. “Bà!” Anh thất thanh. Mẹ anh đã nằm ngửa mặt trên đất, hai chiếc guốc mộc văng dưới rãnh. “Trời ơi, sao mẹ không gọi con?” Anh rên rỉ, cúi xuống bế bà cụ lên.

“Thoa ơi! Thế ơi!” Lương cất tiếng gọi và đặt bà cụ xuống giường. Không có tiếng đáp. Nhưng ở buồng nơi Thoa đang ngồi có tiếng diêm xòe, rồi dâng lên từ từ một vầng hồng mỗi lúc một tỏa rộng, bắt đầu từ mảng trần trên cao. Cuối cùng, chiếc giường bà cụ đang nằm rờ rờ dưới ánh sáng vạn hết cỡ của ngọn đèn tọa đẳng đặt trên chiếc tủ ly sau Lương.

Lương cúi xuống, đặt chân mẹ duỗi thẳng, phủ lên bụng bà cụ một chiếc chăn đơn. Cảm giác sợ hãi hoàn toàn chế ngự Lương. Tựa như hàng bao nhiêu năm nay giờ anh mới tận mắt nhìn thấy mẹ anh. Nhưng chả lẽ cái thân hình chỉ còn da bọc xương, tái nhợt, đang thiêm thiếp đi về đâu đó kia lại là mẹ anh? Đã tiêu tan hết rồi gần như toàn bộ sinh lực vào những đòn đau dần vặt và cơn hùng hổ hận thù, giờ đây chả lẽ những lóng xương chấp nối một cách hồ hững, nhỏ bé như một đứa trẻ lại là chút di thể tàn của mẹ anh, lại chính là vật thể ánh xạ một linh hồn yếu đuối, đau khổ đang quằn quại trong sự chi phối của một bản năng tăm tối? Nhớ đến câu thành ngữ nói về diêm gở của cái ngã: “Trẻ trong nhà, già ngoài sân”, anh càng kinh sợ và hơ hoảng.

Thấy một hơi tay người để lại một cảm giác chạm nhẹ ở lưng, Lương quay mặt lại. Trong lòng bàn tay vừa xòe của Thoa có một hộp dầu xoa đã mở nắp. Mặt Thoa lặng phắc trống rỗng và hốc hác đến kỳ lạ. Khốn khổ! Con người luôn luôn biến hình là thế ư?

Cầm hộp dầu, Lương nhận ra, Thoa cũng vừa cúi xuống cùng anh trên thân hình gầy yếu mong manh của bà cụ. Cúi xuống nữa, cả anh và Thoa cùng giật bắn mình. Một dòng máu tươi vừa trào lên miệng, tràn ra mép bà cụ. Lương kêu một tiếng, thất thần ôm đầu, chạy bỏ ra sân. Thế vào chỗ Lương, Thoa cúi xuống, rút khăn tay chùi vết máu vừa rớt ra ở mép bà cụ. Ngồi hẩn xuống lề giường, Thoa để ngón trỏ xoáy mấy vòng trên mặt lớp dầu. Rồi nhoay nhoáy xoay tròn hai ngón tay vào hai bên thái dương bà cụ; lát sau chị đã lật sấp bà cụ, kéo áo lên và quệt một lớp dầu theo dọc sống lưng bà cụ.

Thằng Thế đã về, đứng im lặng bên cạnh giường, xem mẹ đánh gió giải cảm cho bà và có ý chờ sai bảo. Nó nhìn mặt mẹ nó. Mặt mẹ nó mừng mừng. Có cái gì đó đang xáo trộn dữ dội nhưng không thật rõ ràng trong cảm xúc của mẹ nó. Thật tình nó không biết tỏ thái độ thế nào. Nó chỉ buồn. Làm sao đến nông nỗi này? Kinh sợ quá! Sau cuộc cắn xé nhau vừa qua, tất cả sẽ tan tành, sẽ chẳng còn có thể nhìn mặt nhau được nữa ư?

- Bà có làm sao không, mẹ? - Lát sau, Thế rụt rè hỏi.

Thoa mím miệng, không đáp, kéo áo bà cụ, đặt bà cụ trở lại tư thế cũ, rồi thình lình bước xuống đất, nhìn quanh ngơ ngác - cái ngơ ngác của kẻ mất hồn, thất thoát hết trí khôn - và ngóng lú:

- Bố đâu?

Thằng Thế lạnh run, nhìn mẹ:

- Mẹ bảo gì? Bố đi gọi điện, mời bác sĩ.

- Ra gọi xích lô, đưa bà đi bệnh viện!

Nói vừa hết câu, môi mẹ Thế đã vội bặm chặt lại, tím bầm. Chỉ cố giữ cơn bắn loạn trào lên từ lồng ngực sôi gào.

*

Chiều hôm sau, thằng Thế đi học về vừa lúc Lương từ bệnh viện về đến nhà. Lương ôm cái túi đựng quần áo của mẹ đi vào bếp. Thằng Thế cấp cập sách, ra sân. Nó nghe thấy tiếng nấc của mẹ nó ở trong bếp.

- Bố, mẹ... bà...

Thế không hỏi được hết câu. Nhìn mẹ gục mặt trên cái bàn ăn, tóc xõa rối bời và đôi vai rung bần bật, thỉnh thoảng lưng ngực lại có một cơn co thắt dữ dội, Thế biết thế là hết! Bà đã mất. Đây là cuộc chia tay vĩnh viễn đầu tiên với một người ruột thịt của Thế. Cái chết sẽ chấm dứt tất cả. Cả những nỗi buồn phiền, cơn đau đớn, niềm căm giận. Chẳng còn gì nữa, sau cái chết. Nhưng sao cái chết của bà lại thảm thiết thế?

Lương đứng ở cửa bếp. Nước mắt tự rỉ ra ở đuôi mắt. Thế hiểu là bố nó đau đớn lắm. Xưa nay, ông là người rất có bản lĩnh, biết chế ngự, luôn chủ động hiệu chỉnh ngoại cảnh để tạo lập một cuộc sống như ý. Nó biết cả sự bất lực và nỗi thống khổ nhân thế của Lương, khi Lương ôm mặt, ngửa lên trời, nức nở:

- Bà ơi, sao sống khổ thế, chết khổ thế, bà ơi!

1993

TRĂNG SOI SÂN NHỎ

Thực tình là Nam đã vào tuổi ngại đi. Năm mươi, nghề văn chóng già, phần nữa sức khỏe của Nam cũng không được dồi dào như người khác. Nam lại là kẻ hiểu đời, hiểu mình, hay giữ kẽ, chỉ sợ mình gây phiền hà cho người khác. Thành ra lúc nào cũng e e ngại ngại, rụt rụt rè rè. Cơ sở nào có nhã ý hẳn hoi mời Nam xuống đi thực tế để viết, hoặc chỉ là gặp gỡ, trò chuyện với anh em, Nam cũng đắn đo năm bảy lượt, rồi thường là cảm ơn họ bằng một lá thư thoái thác và hứa hẹn dịp khác. Dịp khác có nghĩa là không bao giờ!

Nam xử sự như vậy không phải là không có lý. Trước hết, nơi mời mình, chưa nói các chuyện khác, chỉ nói đến chi tiêu thì tốn kém đã là cái chắc. Ăn ở của khách không thể không lịch sự. Lại còn xe đón xe đưa. Lại còn quà cáp, tặng phẩm. Lại còn phong bì tiền tiêu vặt. Bạc triệu chi cho một ông nhà văn ra cái lặt như chơi. Trong khi làm ăn, kiếm được đồng bạc đâu có dễ! Lúc này, thật giả lại đang khó phân ngôi. Về, viết cái gì, chẳng may sai sót, tình ngay lý gian, há miệng mắc quai, tiếng dễ đời! Vả lại, văn chương là chuyện đời thông qua việc đào xới bản thể mình ở chiều sâu tâm hồn chứ đâu phải là đi hót lấy cái vầng bọt nổi trên mặt của ngoại vật. Đâu có phải cứ lặn lội xuống cơ sở, gần gũi cái búa, cái bay, sống giữa tiếng máy, mùi than thì mới viết được văn hay!

Nhưng cuối cùng thì Bân, nhà báo, bạn Nam đến. Cao lớn, chắc nịch như một võ sư, lông mày lười mác đen sì mực Tàu, tướng con nhà võ, tiếng nói như lệnh võ, sức áp đảo mạnh như giọng bài xã luận, Bân dẫn:

- Ông phải hiểu rằng bạn đọc người ta đang rất sùng mộ ông, sau mấy cuốn sách vĩ đại ông vừa lẳng ra cho thiên hạ vừa rồi. Nay, ông xuống trò chuyện với người ta về những cuốn sách ấy thì có gì là sai nào!

Ngừng một lát, rồi Bân mới lại nhấn nhá:

- Tháng trước có một lão nhà văn cấp phường ở tỉnh xuống, huyện này họ còn treo đèn kết hoa, chẳng cờ đón rước! Rồi đích thân ông bí thư đánh xe đưa anh chàng văn sĩ quên này đi các nơi. Thôi thì đủ: nói chuyện, phỏng vấn, quay phim, xin chữ ký. Văn chương nó có lộc của nó. Mình chỉ tiếc cái người đáng được hưởng lộc là ông thì ông lại đang hát khi xay lúa, múa khi tắt đèn!

Thấy đem lộc ra làm mỗi cũng chẳng hấp dẫn Nam, Bân liền chuyển giọng:

- Ông Nam ạ, tôi vẫn phục sự hiểu đời của ông. Nhưng ông hiểu một mà chưa hiểu hai. Người ta mời ông xuống tức là người ta có nhu cầu. Sống phải thực hiện nhu cầu của người khác, đó là luật đời phải hiểu. Nay mai, khi nhu cầu này hết, ông có muốn đi người ta cũng không mời. Ở đời, cần phải hành động đúng lúc, đúng thời điểm, ông ạ.

Vẫn chưa thuyết phục được Nam. Kể cả Bân thề thốt rằng đây là vùng Bân rất quen, chủ tịch huyện là con ông chú, một thằng hiền khô nhưng thích giao du với văn nghệ sĩ. Rằng sẽ không có phiền hà gì hết. Anh không thích ở khách sạn cũng được. Gì chứ ăn uống xuềnh xoàng thì người ta giơ cả hai tay đồng ý. Còn viết? Không cần! Là người hiểu biết, người ta chỉ đơn thuần quý anh mà mời anh thôi. Người ta không cầu lợi! Mà lợi quái gì, mấy câu văn của anh!

Ấy vậy mà cuối cùng Nam xiêu lòng. Thật bất ngờ. Vì chỉ do tình cờ Bản buột miệng, đầy vẻ chán nản:

- Thôi, ông không đi thì thôi! Nhưng thật là phí đấy. Một vùng trời mây non nước bán sơn địa tuyệt đẹp. Một vùng văn hóa cổ nữa. Hoài của!

*

Tuy vậy Nam vẫn thấp thỏm lo mình nhẹ dạ cả tin. Xưa nay, anh vẫn là người hay cả nể. Sáng hôm sau, Nam đang sửa soạn hành lý để chờ thằng con đèo ra ga xe lửa thì có tiếng ô tô bấm còi ở ngoài ngõ; nhìn ra, Nam đã thấy Bản lúng lẳng cái túi da đựng máy ảnh treo dưới cổ, đang lóp nhóp chạy vào. “Bất ngờ quá, anh Nam. Tối qua tôi đã điện bảo họ, rằng chúng tôi đi tàu hỏa cho khỏi phiền. Thế mà sáng nay, bốn giờ đã thấy ô tô của họ xịch ở cửa!” Nam còn đang nhíu mày nghi ngại tính chân thật của câu chuyện thì bỗng thấy Bản kéo đánh xoẹt cái khóa ở túi đựng sách bút của mình. Quay lại, Nam bắt gặp Bản đang nhét vào miệng cái túi vừa mở một phong bì dày cộm: “Họ gửi anh và tôi mỗi người một ít tiền tiêu vặt.” Trời, đã làm được cái gì đâu mà cầm tiền của họ. Đoán được ý nghĩ của Nam, Bản xua tay ghé tai Nam: “Đáng là bao. Anh cứ để mặc tôi xử lý. Nào, đi!”

Nam mới quen Bản độ vài năm nay, trong mấy chuyến đi cơ sở. Ít lâu nay, mời mọc nhà báo, nhà văn đến thăm, đến tìm hiểu tình hình để viết bài động viên phong trào đã thành thông lệ. Kỷ niệm ngày truyền thống của ngành. Nhân bốn mươi năm ngày thành lập xí nghiệp. Lễ khai trương liên doanh... Đó là những dịp rất thuận lợi để cơ sở đặt giấy mời nở nang mặt mày vì có cả một đoàn nhà văn, nhà báo có tên tuổi đến thăm, tất nhiên thăm là sẽ viết bài ca ngợi để đọc trên đài và in trên các báo cả nước. Nam thường tham gia các chuyến đi

ấy một cách hào hứng. Một phần vì nhờ nó mà anh biết thêm được bao nhiêu điều mới lạ. Cây chè lão đại Suối Giàng xanh tươi và ngọn gió Lào thổi lửa. Thác Cam Ly xinh xắn và thủy điện Sông Đà hùng vĩ. Miền biển Trà Cổ địa đầu và chót mũi Cà Mau ngón chân vạm vỡ ở phía nam đất nước. Kiểu uống rượu xoay vòng suông sã của đồng bào Nam Bộ và lối ăn Huế kiểu cách. Đà Lạt xứ hoa, miền mộng mơ và Vũng Tàu sóng gió sôi động. Làm sao Nam có thể đặt chân tới những vùng đất xa xôi ấy, thấy được cảnh quan, cảm nhận được cuộc sống ở những nơi ấy nếu như Nam bỏ tiền túi ra, tự đi một mình?

Nam quen biết Bân lần đầu trong chuyến đi vùng chè Nghĩa Lộ. Thực tình, là Bân chủ động làm quen với Nam: “Tôi rất thích đọc tác phẩm của anh. Có thể nói là mê! Anh không thể tưởng tượng được đâu! Trên giá sách của gia đình tôi đủ hết tiểu thuyết, truyện ngắn của anh. Đặc biệt thằng con tôi đang học Đại học Văn, nó nhất quyết xin làm luận án tốt nghiệp về anh!” Dầu là khiêm tốn, những lời ấy của Bân cũng khiến Nam cảm động. Tuy vậy những cảm mến ban đầu của Nam với Bân đã giảm sút đi rất nhiều ở cuối chuyến đi. Bân có đầy đủ ưu thế và cá tính rất riêng biệt, mạnh mẽ của người làm báo. Cao lớn, khỏe mạnh, ăn to nói lớn, hiểu biết rộng, tự tin, Bân tới đâu là ở đó vị nể, thậm chí e sợ. Cốt cách con nhà báo xông xáo, khẩu khiêu hết sức hoạt, lại thêm cái tài lẻ xem tướng số, đoán tử vi nên ở đâu Bân cũng tạo được một sức hút quanh mình. Y yêu cầu điều gì, chẳng ai dám từ chối. Vừa biết quyền lực của mình, lại vừa uyển chuyển trong giao tiếp, cần ngọt ngào có ngọt ngào, cần bỗ bã thì bỗ bã nên nói chung y muốn gì được nấy. Chỉ có điều Nam hơi khó chịu là Bân ồn ào quá, thậm chí hơi lằng xằng và buông tuồng. Cách sống ấy khác với Nam. Nam vừa thấp bé nhẹ cân, bề ngoài đã xoàng xĩnh, lại ăn vận cầu thả và tính tình rụt rè đến kỳ lạ. Con nhà văn nó phải vậy ư? Vậy thì một anh nhà báo phát tiết anh hoa ra miệng, ra bên ngoài thì cũng phải và Nam nên chấp nhận.

Nam tự bảo mình vậy. Nhưng cuối cùng thì Nam hiểu điều mình không muốn nói thành lời: Bân thực dụng quá! Bân coi nghề chỉ là một phương tiện cần triệt để lợi dụng để kiếm chác. Mấy lần, Nam đã đỏ chín mặt, vì lời Bân giới thiệu anh trong các cuộc họp long trọng với các cấp lãnh đạo địa phương. Lời giới thiệu tên tuổi, tác phẩm, sự nghiệp của y vừa rỗng tuếch, vừa râu ông nọ cắm cằm bà kia, sai toét! “Có bao giờ thấy nó cầm quyển sách đọc đâu, cái thằng hoa thơm đánh cả cùm, mít ngọt đánh cả xơ, mía ngon bòn cả vỏ!” Bận đồng nghiệp cùng chuyến đi nhận xét Bân như vậy. Vì cuối chuyến đi, Bân làm mất mặt cả đoàn nhà văn, nhà báo. Bân chửi rửa giám đốc một nông trường chè nọ là thằng bần nông xảo quyết, chỉ vì ông ta hứa là biếu y năm yến chè nhưng lại bảo tài vụ đòi tiền. “Thằng này rồi nó ồm nặng với tôi. Nó không biết rằng chỉ cần một cú *phôn* của tôi với tổng giám đốc là nó bay à!” Trên ô tô trở về, Bân hậm hực nói vậy. Tất nhiên Bân chỉ nói dọa thôi!

Ủy ban nhân dân huyện N đưa chiếc xe Volga màu sữa còn mới lên đón. Đi cùng lái xe còn một người nữa. Lên xe là Bân chop tay người này, cười híp mắt, oang oang:

- Giới thiệu với anh Nam, cậu Lược phó văn phòng ủy ban huyện! Đi với ai, chứ đi với tay Lược thì yên trí rồi! Còn giới thiệu với Lược, anh Nam, bậc anh cả, sư phụ trong làng văn chúng mình. Anh Nam nể lắm mới nhận lời đi đấy. Tuần sau ông ấy đã phải đi họp ở Bắc Âu rồi mà, Lược!

Chưa kịp để Nam bắt tay Lược và cải chính điều Bân vừa nói - Nam đi họp ở Bắc Âu - là hoàn toàn do Bân tưởng tượng ra, Bân đã vỗ bộp vai anh lái:

- Ta rẽ vào Nam Ngự làm bát phở gà lót dạ đã chứ, chú em!

Lược loắt choắt, tóc chờm gáy, đeo kính râm Mỹ, bộ dạng đang tập tọng ăn chơi, có vẻ hơi bị động, giơ tay xem đồng hồ. Bân đón ý, cười hít hà:

- Định ăn trưa ở Hải Dương à? OK! Không sợ muộn đâu. Vù đi!

Nam từ chối bát phở gà, lấy cốc đã ăn cơm rang ở nhà rồi và bụng dạ rất tồi. Ngồi với chén trà nóng, nhìn Bân sục sạo ăn và âm ỉ gọi bia, Nam thấy lo ngại cho tính cả nể của mình. Không khéo rồi anh lại thành vật tung hứng trong tay Bân cũng nên.

Quả nhiên, điều Nam lo ngại đã là sự thật khi ô tô đến khách sạn đặc sản Hải Dương. Ngày tháng Năm nắng lửa vừa nóng vừa oi. Suốt dọc đường, Bân đã lăm bầm rửa “cái xe Volga thổ tả” mặc dầu Lược đã phải luôn miệng thanh minh rằng chiếc Toyota đời mới gắn máy lạnh vừa cho ông Ngân hàng Trung ương xuống xét duyệt kế hoạch mượn, mong Bân thông cảm. Giờ, vừa ngồi vào bàn ăn, Bân đã giũ áo, quát: “Quạt đâu? Để khách chết thiêu chết đốt thế này à?” Cô bé tiếp tân bé choắt, xanh rớt hốt hải chạy đi bật quạt trần, quạt cây, vừa quay trở lại thì Bân quát gọi bia. Cô nọ lập cập bê khay bia chai Vạn Lực ra, vừa đặt xuống mép bàn, Bân đã gạt tay: “Vút! Ai uống cái thứ bia rởm này. Bia lon Halida đâu?” Rồi chỉ tay vào Nam, sùng sộ với cô bé, rất ngỗ ngược và vô lý: “Có biết ai đẩy không?” Nam ước giá chui được xuống gầm bàn! Ăn uống no nê rồi, Bân vợ hết bốn, năm lon bia chưa mở cho vào túi xách rồi khệnh khạng ra xe. Gặp Lược mồ hôi mồ kê nhễ nhại chạy đi gọi điện về N báo giờ giấc ô tô đến, Bân kéo lại, khật khuỡng dở say dở tỉnh: “Đặc sản mà ăn như cái đầu b. Tôi mà gọi điện cho chủ tịch tỉnh thì thằng cha chủ nhiệm khách sạn này toi ngay!”

*

Hai ngày làm việc ở ủy ban huyện N, Nam càng thấy mình đại. Quý thời gian có hạn, đầu tư vào đâu phải tính. Đi đâu

phải tính xem liệu có viết được cái gì ra trò một tí không rồi hãy đi. N không có điểm gì trội bật, cũng chẳng có mắc mứu gì đặc sắc. Nghĩa là nó rất trung bình, chẳng đáng khen và cũng chẳng nên chê. Cái gì cũng mờ mờ nhạt nhạt. Một bài báo cũng khó viết nữa là.

Tiếp Nam thoát đầu buổi sáng là cả ban thường vụ huyện, đến chiều chỉ còn Kinh, Trưởng Ban tuyên giáo. Kinh sáu mươi một tuổi ta, vừa trò chuyện với khách vừa xoa bụng chế ngự cơn đau dạ dày. “Dạ, huyện N là huyện nghèo. Từ trước Cách mạng đến giờ, dân vẫn quen dạ ăn ngày có một bữa thôi. Sở dĩ chưa phải đi ăn mày là vì có tí kinh tế đồi. Trồng được ít bạch đàn, chăn nuôi được ít lợn, trồng được ít thuốc Lào.” Cứ cái giọng đều đều như đọc kinh, Kinh nói việc này qua việc khác, việc nào cũng chung chung, đại khái. Hỏi số liệu nào hoặc chi tiết nào là lại phải lục sổ sách, hoặc quay điện đi các nơi. Kinh cười thông cảm với Nam: “Khoảng hơn năm nay, tôi đã sửa soạn nghỉ hưu mà, anh.”

Hơn một ngày ngồi với Kinh là cực hình, một mình Nam phải chịu. Một mình Nam phải chịu! Thật là như thế! Vì buổi nào cũng giống buổi nào, ngồi chưa ấm đít, Bân đã đứng dậy: “Anh Nam cứ làm việc nhé. Tôi đi đằng này một lát.” Bân đi đâu? Có trời biết! Chỉ thấy sắp đến bữa là Bân mò về. Và chẳng bao giờ là về không. Hết túi to đến gói nhỏ. Rồi ghé tai Nam xuýt xoa: “Tuyệt cú mèo. Chiều nay chúng mình sẽ chén lợn sữa quay”, hoặc: “Tôi đã bảo văn phòng tìm ba ba. Về đây mà không chén món này thì chẳng nên về làm gì!”, hoặc: “Anh có cần mua gì không? Đường, vải, sữa. Hàng lậu họ tịch thu được, bán giá nội bộ”.

Còn hôm nay, buổi cuối cùng, Nam vừa gập sổ tay vừa cảm ơn Kinh thì Bân về, bá cổ anh, rồi rít: “Chuẩn bị đi, anh Nam. Ta không ăn cơm ở văn phòng”, rồi ghé tai Nam, thầm thì: “Có một tay nó mê văn anh lắm.” Nam hỏi: “Ai thế?” Bân cười khi khi: “Hãy cứ biết thế đã. Ta đến nhà nó ăn cơm.” Và chưa kịp

để Nam tỏ thái độ chân chừ, Bân đã hùng hổ lôi tay anh, trợn mắt: “Nó ngồi ở phòng thường trực từ hai giờ chiều chờ anh, đòi gặp anh bằng được. Tôi nói mãi nó mới chịu về. Chả lẽ anh lại có thể từ chối lời mời của một kẻ nhiệt tình như nó?”

*

Nam đã được đền bù. Nam đã nhận ra được một ân thưởng bất ngờ. Là bởi vì ra khỏi cơ quan huyện N, anh gặp ngay một vùng sơn thủy cực kỳ tráng lệ. Và anh sức nhớ, chính là vì nó mà anh đã buông mình theo yêu cầu của Bân, đi chuyển đi này.

Chiều đầu hạ. Tiết xuân còn lưu luyến trong hơi sương phơn phớt tím dăng lên từ mặt đất ngập ngừng, cùng với khí núi từ dãy sơn mạch hùng vĩ phía trái tỏa ra, tạo nên một cảm hứng giao thoa, vừa hoang dã cô liêu vừa tràn đầy sôi động. Gió lướt thướt như xiêm áo những linh hồn trinh nữ trong vũ điệu yêu đương. Cảnh dịu hiu và thanh tĩnh. Đang trong lúc chuyển giao thời gian giữa mặt trời hồng chấm hết chu kỳ chiếu sáng và mặt trăng vành vạnh tươi vàng lặng lẽ nhô lên sau dãy đồi trập trùng thoải thoải miền bán sơn địa.

Trăng lên, tròn đầy, bông xốp, không một vang lộng. Không gian như căn buồng vừa mở toang bốn phía cửa, thênh thang ba chiều. Mặt đất đá có tuổi đời ngàn vạn năm, từ những kỷ địa chất xa xôi đang thở mùi già lão lúc chiều tàn bỗng hồng dặng lên niềm hân hoan thiếu nữ tuổi yêu đương. Bị đẩy ra xa, rặng núi đá cất lên chân trời những đường nét sắc ngọt. Dưới nó, điệp điệp đồi đất, xếp thành những bậc thang dẫn lối xuống một thung lũng dài hình lá lúa, có con đường mòn lắt lẻo, xuyên qua những vạt rừng bạch đàn lá liễu xanh mờ và những vệt hoa rừng đại vàng chói sắc nắng, sản phẩm của một trí tưởng tượng phi thường.

Nam có cảm giác bị lạc lối trong một chiêm bao lạ. Thế giới như một tổng thể năng lượng không thể đo được và không bao giờ hao cạn. Nhận ra điều đó, Nam đồng thời thông hội được với nỗi buồn thâm thiết về sự lãng quên của nhân thế, tình trạng gián đoạn của lịch sử, khi dừng lại trước phế tích của một tòa thành đá cổ. Đập vào mắt anh là hình khối chiếc cổng tam quan sừng sững uy nghi trở ba vòm cửa, ghép bằng những phiến đá hình thoi nê-m, đang hun hút gió về. Tòa thành kỳ vĩ này chỉ còn lại cái cổng lớn và đứng dưới chân nó, đưa mắt sang tả, hữu, Nam có thể nhìn thấy một vòng cung rộng nhấp nhô cả ngàn phiến đá vuông thành, đang thầm thì hát khúc ca về sự bất tử của chất liệu.

Cảnh vật gây niềm xao xuyến. Nam đang hướng tới sự đồng nhất bản thân mình với một bản thể cao siêu và trùu tượng. Trào nước mắt, anh nhìn thấy lẫn trong cây cỏ hoang vu trên những eo đồi, gò đất, những bệ thờ, tam cấp, những bờ đá chạm trở long ly quy phượng, những khối hình ngựa đá, voi đá, nghê đá và những khúc rồng đá uốn mình, giương vi, nặng nhọc đang cố cất mình khỏi sự vô tri buồn tẻ và sao nhãng cố tình.

Bất giác Nam bỏ con đường mòn, bỏ cả Bân, đạp chân lên thêm cỏ hoang, leo qua một bậc tam cấp, bước lên một tầng nền cung điện đã sứt lở ngả nghiêng. Anh nhận được ngọn gió từ ngàn xưa rền rĩ bay về. Một thời đại đã dừng chân ở nơi đây, đã rực rỡ phát sáng, đã sụp đổ hoang tàn.

Cảm giác hụt hẫng, cô đơn chế ngự Nam. Nam phóng tầm mắt ra xa để tìm chỗ nương tựa. Trong ánh trăng rười rượi vàng đến não lòng là những thôn xóm kết tụ từng vùng xanh như những cụm khói đặc. Ôi, những trang trại, nơi tá túc của những người lính trận thuở lập quốc, đã dẹp xong giặc ngoài, nay trở về với công việc cày cuốc. Họ đang vỡ đất, gây rừng, nuôi lợn, trồng chè, trồng thuốc Lào. Bỗng nhiên Nam thấy

mình như một hình nhân không có thật đang bơ vơ giữa hư ảo dật dờ.

*

Bân chợt reo: “Hắn kia rồi!” Và Nam nhận ra, theo tay Bân chỉ, bóng một người đàn ông mỏng mảnh và cong như một sợi lạt, cô lẻ một thân một mình trên một ngọn đồi nhỏ, vàng đậm ánh trắng.

Kẻ mê văn Nam, như lời Bân giới thiệu, có hơi thở rất nặng. Hai bàn tay anh ta là những lồng xương chấp lạnh buốt bập vào tay Nam khi Nam bước tới. Trạc ba mươi lăm, ba mươi bảy theo phong vẻ nhưng mặt anh ta già hơn tuổi nhiều. Vóc người cheo choắt. Gương mặt nhỏ, nền da đen sạm, thiếu sinh khí, trờ đôi mắt. Hai con mắt tròn như mắt cá cháy lên vẻ tinh quái. Mừng quá, lưỡi anh ta lúu rúu, không rõ một tiếng nào được phát ra. Rồi cứ như thế, anh ta lảng xảng đi bên trái, lúc bên phải, dẫn độ Nam đi vào trong xóm.

Trăng thấp thoáng sau những vòm lá. Mặt đất loang lổ. Nam bước thập thễnh, tâm trí còn vẩn vít những vang hưởng của cảnh quan và không khí cô liêu khi nãy. Nam chỉ thật tỉnh táo khi đi qua cái sân lóa ánh trắng, bước lên một ngôi nhà gạch ba gian, có hàng cột cái to tròn, nhẵn thín, vô lý như từ một ngôi đình nào đó lạc vào đây. Lòng nhà trống tuênh. Ba gian, ba cái giường cũ với những manh chiếu nát phủ trên. Một chiếc đèn ba dây treo ở gian giữa ung ủng vàng như cái nhọt mừng mủ. Không thấy một cuốn sách nào chứ đừng nói là một giá sách, cũng không có bàn thờ hương khói trong căn nhà chấp vá vật liệu, nhiễm vẻ ăn xối ở thì, rộng sâu như một hang động thời cổ đại.

Bân đã xua đuổi hết ám ảnh, đưa mọi người trở về thực tại bằng cử chỉ lột mũ, đập mạnh xuống chiếu và lăn ềnh ra cái giường kê ở gian giữa.

- Thế nào, ông Thuấn định chiêu đãi bọn này cái gì đây? - Ngáp một cái thật dài và đuổi xoạc tay chân, sau câu mở đầu, Bân liền kêu mỗi chân, đau nhức xương cốt.

Thuấn, tên chủ nhân, đón siêu nước đen sì sôi phì khói trắng từ tay một người đàn bà còm cõi, che mặt tùm hum, vừa từ bếp đi qua sân, đưa lên.

- Dạ, có chứ ạ! Có chứ ạ! Nhưng trước hết là trình các anh cái này đã! Hà hà...

Thuấn nói láu táu, đứng trên một cái chần dạ gấp, chân kiễng, những ngón chân cổ bãi rộng, với tay lên một mảnh ván bắc ngang qua hai xà nhà. Lát sau, ịch một tiếng, cả người anh cùng cái cặp da căng phồng nặng trĩu ập xuống mặt giường. Bụi tung một lớp mờ mờ ngàn ngạt. Mặt ngồi lên một nỗi hào hứng ma quái, những ngón tay xương xẩu lập cập kéo khóa cặp, Thuấn lôi ra từ trong lòng cặp một đồng những vỏ viết, giấy rời, đủ các khổ to nhỏ, lem nhem, bẩn thỉu. Ngồi cạnh Thuấn, Nam nhận ra từ Thuấn tỏa ra thứ hơi người rất lạnh lẽo. Nhìn cái đầu to quá khổ của Thuấn ngật ngưỡng trên đồng giấy vỏ, nhớ đến những ngón chân bãi rộng của Thuấn, Nam có cảm giác đang ở gần với một nhân vật cổ quái.

Bân đã dậy. Thấy Thuấn đang vuốt lại những mép giấy quần queo, Bân lảng mắt, nhìn quanh, rồi bỗng nhiên nháy mũi như một thám tử lạnh nghề:

- Thuấn à! Có mùi gì?

- Dạ.

- Mùi gì như mùi thuốc Lào, Thuấn?

Thuấn quay lại, cái cổ dài như cổ ngỗng, chéo một đường vẹo:

- Dạ, thuốc em trông. Ở trong cái chum sành to ở góc nhà kia đó, anh.

- À!

Góc nhà lù lù một cái chum lớn da lươn, miệng rộng, bịt *ni lông*. Chẳng một lời ướm hỏi, Bân đi thẳng tới đó, điềm nhiên cởi dây buộc tấm bịt, cúi xuống hít hít, hắt xì hơi một tràng, rồi vốc lên một vốc thuốc đang ủ cay nồng.

Nam rạp mình theo Thuấn trên cái đồng giấy tờ lộn xộn. Thuấn rên rĩ:

- Phải nói là em rất cảm động, vì hôm nay em được đón anh. Dạ, như thế đâu có phải là bần tiện vô nhân văn, phú quý đa nhân hội, ạ.

Nam nhắc một tập giấy. Tờ giấy nào cũng đặc những dòng chữ viết bằng mực tím nguệch ngoạc, thể hiện một trình độ chưa đọc thông viết thạo tiếng Việt và cầu thả vô cùng.

- Cậu cứ để mình đọc.

- Anh ơi, lúc này đây đạo đang suy, sĩ phu cũng bon xu danh lợi, không nghĩ đến danh dự, khí tiết gì nữa đâu. Lúc này vạn vật phải điều lý cho nhau. Thời đại này phóng liêm và trể nải quá chừng rồi, anh!

“Cậu ta nói cái gì thế?” Nam nghĩ, mắc kính lão.

Góc nhà nọ, Bân lại đang hắt hơi:

- Thuốc nặng quá, Thuấn à!

- Dạ, thuốc mộc, quê em gọi là thuốc tiến vua, thuốc vắt vai. Quân sĩ ngày xưa ra trận mỗi sáng hút một điều thở khói, khói đặc động như khăn quần cổ ấy chú! Ra trận có thuốc này, không còn thấy lạnh lẽo, sợ hãi. Bị tên bắn, bị rắn cắn, cứ thuốc này rịt vào là khỏi liền.

- Bao nhiêu một ký ở đây?

- Dạ, ở đây ba mươi ngàn.

- Để cho tớ hai ký nhé!

Nam nhắc một tập giấy nữa. Cái gì nữa thế này? Những hình vẽ âm dương, các đường nét đồ lại các quẻ hào, những hình người, vật thô sơ, quái dị.

Thuấn chành miệng:

- Đây là những chất liệu dân gian cung cấp: chúng chưa có hình thức văn đâu, anh ạ. Chọn lọc, xếp sắp lại cho nó có một hình thức văn, chỉ có bậc thánh nhân là anh em mình mới làm được. Nhưng thiên tài cao đến đâu cũng không lấn át được chất liệu, tức sự đóng góp âm thầm của hàng triệu con người. Dân gian là cội rễ sâu xa, là mố cầu của thiên tài đó anh!

- Cậu nói cái gì thế?

Từ bóng tối, Bân đột ngột lộ ra. Thuấn trở ngực mình, hỏn hển:

- Dân gian là cội rễ sâu xa, là mố cầu của thiên tài. Ở quê em, có câu hát này: “Cun cút mà cụt cho xa, đến ngày giỗ cha về mà ăn cá!”

- Cái gì?

- “Cun cút mà cụt cho xa, đến ngày giỗ cha về mà ăn cá!”

- Tuyệt! Toàn những lời thánh dạy, đáng gọi là kinh điển cả.

“Thế là thế nào?” Nam ngược lên. Cả Bân, cả Thuấn đều đang ở trạng thái sơ kỳ của căn bệnh tâm thần. Thói huênh hoang, tậ ảo tưởng. Và những câu nói vô nghĩa.

Bân bỏ cái giường đi ra cửa. Dưới bếp, ánh lửa nhấp nhóang. Trên cái sân lênh láng ánh trăng, ba đứa trẻ từ năm tuổi trở xuống đang nghe nga trên một manh chiếu rách.

- Này, ông Thuấn, ông bảo bà xã làm gà đấi bọn này, hả? Vê! - Bân quay lại, cười hề hề, hỉ hỉ.

Nam cau mày, giờ anh mới nhận ra hơi thở của Thuấn sặc sụa mùi bệnh tậ. Cổ Thuấn đỏ tấy. Ngực Thuấn như ngực gà. “Tim, phổi đều có vẻ ồm o cả. Liệu Thuấn còn sống được bao

lâu?” Nam đột ngột nghĩ và cúi mặt nhìn vào tập bản thảo. Thật sự là bản thảo rồi. Đó là những mẩu truyện văn viết bất thành cú, đây rấy những đại ngôn như những câu Thuấn vừa nói lấp rập lại. Nhiều nhất là thơ bất thành thơ. Sản phẩm của một tâm trạng bồn loạn sau những cơn chấn thương tâm lý nặng nề và hậu quả của sự thất học, là những câu viết xuống dòng, đầu Ngô mình Sở, thỉnh thoảng mới bắt được vận và thật là ngô nghê. *Quê ta, quê mình, Tự trào, Say say tỉnh tỉnh, Vịnh con lợn, Vịnh con cua, Đi bán gà cho vợ, Tặng chủ nhiệm ba vợ...* Cùng với những tựa đề quen thuộc nọ là những bài viết bậc thang lảm nhảm những câu chữ tối mò về Lenin, về Karl Marx, về Pinochet và thơ ca về vùng Vịnh, thơ tặng PLO... Tất cả đều ký chung một bút hiệu: Cóc vườn!

- Anh có hiểu bút danh “Cóc vườn” của em là có ý gì không?

Đột ngột, Thuấn chồm lên áp sát mặt Nam. Nam lùi lại, tránh một hơi thở từ ngực Thuấn, có lẽ đã ruỗng nát, thốc ra nồng nặc.

- Nó thể hiện lý tưởng của em: Con cóc ở góc vườn yên vui.

- Độc đáo đấy! - Bàn đứng ở cửa, tai dõi theo tiếng chạt thịt gà ở dưới bếp, chêm một câu.

Thuấn hào hứng:

- Các anh ở phòng văn hóa huyện cũng khen em hết anh. Bàn khen. Năm ngoái, huyện em tổ chức thi truyện ngắn. Em lên huyện, xin dự trại sáng tác. Các anh ấy bảo: “Định viết truyện gì, kể nghe.” Em kể thế này: “Quê tôi có một lão chủ nhiệm ba vợ tên là D. Ba vợ nhưng vẫn rình mò nhà gái góa. Một hôm, từ kho hợp tác xã, lão vác ra một bao nặng trắng xóa. Bắt gặp, tôi liền hỏi: “Ông vác gì thế?” Lão đáp: “À, cát đấy mà!” “Ồi, cát gì mà lại trắng thế, họa chăng đó là cát ngọt, tức đường cát đó, ông D?” Cả phòng Văn hóa cứ bò lăn ra mà cười. Rồi họ cho em một giấy nhập trại. Đúng ngày giờ, em bảo vợ gánh gánh gạo đi trước, em đi sau lên trại. “Nhà nước đang

hồi khó khăn, mình phải tự túc.” Em động viên vợ thế. Vợ em vui vẻ. Đổi vai đến rịn đỏ cả hai vai thì chúng em đến đích. Em đưa giấy giới thiệu ở phòng thường trực. Người thường trực xem xong giấy, quát: “Điên à, ông nhà văn! Đây là trại cải tạo tù thường phạm!” Hé hé hé.”

Bân cùng bật tiếng cười với Thuấn. Nam nhận ra Bân rất thành thật trong tiếng cười này. Y cười hăng hắc, cười sặc sụa, cười rũ rượi, rồi lăn ra cái giường đang la liệt các trang bản thảo của Thuấn, đập tay, gào:

- Cậu đúng là một thằng cha độc đáo, Thuấn ạ!

Như được Bân gỡ đúng chỗ ngứa, Thuấn chồm lên:

- Năm kia, một nhà văn lớn đã khen em đúng cái câu anh Bân vừa khen em đó. Thiên hạ nhân, thiên hạ tài. Người tài còn nằm im đó, chưa vội vỗ tay đâu. Ông nhà văn có bộ râu dài ấy uống rượu, rồi nôn ra nhà, rồi ôm em khóc: “Cậu là một thằng cha độc đáo. Cậu là phượng hoàng ở chốn cheo leo chứ không phải là “con cóc vườn” đâu...”

Cửa ra vào có tiếng chạm đánh kịch.

Bân chồm ngay dậy. Người đàn bà như cái bóng đen thui lúi lúi vào với cái mâm tơ hơ mấy đĩa thịt gà trắng nhợt.

- Để mời các bác nhà văn và thầy em. - Người đàn bà nói, rồi lui về góc nhà, đứng như đầy tớ chờ chủ nhà sai khiến.

Tối khi Bân leo lên giường sắp đũa kêu: “Ồ, không có rượu à?”, chị mới chạy vụt đi.

*

Bữa ăn kéo dài. Rượu ngon. Gà mái ghẹ. Mềm môi, Bân một mình ăn không biết no, uống không biết say. Quả thật, chỉ có mình Bân ăn. Thuấn vào bữa chỉ cụng chén lấy lệ, rồi xin kiếu và ngồi xoa bụng, ôm cái điều thuốc lào. Dạ dày đã cắt hai

phần ba, giờ cả ngày Thuấn chỉ ăn một bữa với lưng bát cháo hoa. Gần đây lại bị sỏi thận và tâm phế đều đã suy kiệt nên việc nhà, việc đồng ruộng đều phó mặc cho vợ cả.

Nam cũng không ăn. Lòng dạ vốn đã đầy ứ ngổn ngang chuyện đời, nay đang tự hỏi: “Minh đang tiếp xúc với cái gì đây?” Xác định mãi vẫn cứ nửa tin nửa ngờ. Gương mặt lớp người này chả lẽ là thế ư? Sao nó tự thị, bệnh hoạn, thiếu căn cốt, nên tảng thế! Nó đang ở trong trạng thái rối loạn tâm thần? Nghĩ vậy, nhưng từ lúc thấy Thuấn ngồi xoa bụng, ôm điều thuốc lào, mặt xanh bủng, biết Thuấn mang toàn trọng bệnh thì lại ghen ngào thương xót. Cũng không đành tâm ăn, vì vừa đặt chén rượu, bỗng nghe thấy ngoài sân tiếng người đàn bà mắng át tiếng ỉ eo khóc vùi của ba đứa trẻ đói khát: “Của đâu mà ăn lấm thế! Trưa đã ăn rồi thì thôi chứ! Câm ngay!” Lại chợt nhớ tới lời giới thiệu của Kinh, Trưởng Ban tuyên giáo huyện: “Dân chúng tôi từ xưa đã quen dạ ngày ăn một bữa thôi.”

Nam vội vã cầm mặt đi qua cái sân có ba đứa trẻ ngồi đòi ăn khi chia tay Thuấn. Tự trọng và yếu đuối, lại quá nhạy cảm, Nam không dám, không nỡ nhìn thẳng vào thực cảnh buồn thảm nọ. Nam chỉ thật mở mắt, thở đều khi ra khỏi con đường làng.

Trăng càng đêm càng đơn độc. Cả một vùng đất ắng lặng một cõi hoàn vũ riêng, thật huyền hoặc. Nổi lên trong thanh vắng những gò đồng di vật của một thời đã trôi tuột về quá khứ trong lãng quên. Tất cả sẽ tan biến hết ư? Cả sự huy hoàng và nỗi thảm hại? Cả thói vụ lợi tầm thường kiểu xô thịt và căn bệnh ảo tưởng của kẻ thất học, yếu nhược, ốm o lúc này đang thiếu hẳn sự chia sẻ của một tấm lòng quảng đại và sự chỉ bảo thẳng thắn?

Bân đi không thật chân. Rượu vào thẳng máu, tê tê giần giật mỗi đầu ngón tay, ngón chân y. Y bá vai Nam. Y cất tiếng

oang oang. Y bật cười khanh khách. Y bảo: Thằng Thuấn này điển hình cho cái ngu, cái háo danh của dân mình. Y bảo: Y không ngờ một kẻ đã đi qua chiến tranh mà còn ngu độn đến thế! Thuấn là đại úy đặc công đấy chứ. Hắn bị nhiễm chất độc da cam. Ba đứa con đứa nào cũng dị dạng: đầu to như cái giành mà chân như chân nhái. Sống thật là một tai họa. Rồi đột ngột, Bân kêu to:

- Thôi chết cha tôi rồi! Còn hai ký thuốc lào mình bảo hắn cho mình!

Nam ngồi rũ xuống vệ đường. Bân dún chân chạy ngược lại con đường. Nam cảm thấy không sao có thể đứng dậy được nữa; nước mắt Nam trào ra khỏi tròng mắt, Nam khóc một mình, lặng lẽ giữa quạnh hiu.

1993

THANH MINH, TRỜI TRONG SÁNG

- **N**gồi lui vào, cậu Chương!
- Em ngồi thế này là tốt lắm rồi!

Chương dọn dọn đôi bàn tọa làm phép, đáp lời người chị cả bệ vệ trên chiếc ghế cạnh người lái, mắt vẫn đắm đắm nhìn con đường nhựa từ phía trước đang hun hút trôi tuột vào gầm xe. Trong lòng chiếc *commăng ca*¹ Rumanian đất vuông, ghế dọc, loại xe cổ lỗ đã trở nên hiếm hoi trong những ngày này, không hiểu chị cả moi ở đâu ra để thuê lên Yên Kỳ thanh minh này, chật ních người và luggage cũng những là đồ đoàn. Hai bên và đuôi xe bạt che bịt bùng. Ánh sáng chỉ còn lối vào duy nhất là mặt kính phía trước, soi lơ mơ vào lòng xe hình một chiếc tiểu sành, dăm cái làn tua tủa chân hương, cùng một đồng lồng chống những đồ vàng mã, gồm mũ mấn, ngựa nghê, hình nhân con nhài, thangka ở và ti vi, *cassette*.

Trong làn sáng mờ mịt như bụi ấy, hơn chục người ngồi hai bên thành xe cũng chỉ là những khối hình lồng phồng, những áo bạt, áo mưa, *măng tô* và khăn trùm đầu. Ngay cạnh Chương là hai mẹ con người phụ nữ không quen biết cũng vậy. Chương ý tứ né mình để không ép vào cái áo bạt phủ trùm cả hai mẹ con, đứa bé mới mười hai tuổi lên xe là ngả vào lòng mẹ, chìm vào một giấc ngủ yên bình.

1. Command car.

Đêm qua, để sửa soạn cho chuyến đi, ai mà chẳng thấp thỏm. Còn hôm nay, việc ở nghĩa trang, chắc cũng sẽ còn vất vả.

- Ông Hoan, cô Nhu, cậu Chương, cô Tuất, các vị này, hôm qua nhìn giới sầm sì tôi cứ lo. Hôm nay ông ấy giảng cho một trận mưa thì... khốn nạn cái thân mình! Ô, cái Lộc dễ ngủ quá nháy. Này, cô Nhiên, tôi đổi chỗ cho cô lên ghế này cho nó thoải mái nhé!

Nghe tiếng chị cả từ đầu xe vọng lại, người phụ nữ không quen biết ngồi cạnh Chương cửa động, nghiêng gương mặt hình trái tim, khe khẽ:

- Dạ, em ngồi thế này là tốt lắm rồi ạ.

- Ông Hoan vậy! Ngồi trên này chễm chệ như rể bà góa, sướng bỏ xừ đi lại còn...

- Ông ấy không dám bỏ bà ấy một mình dưới này đâu.

- Cái cô Nhu này! Gớm quá thôi!

- Này, tám giờ hơn đêm qua, ti vi sắp sang phim truyện rồi mà trời vẫn cứ sập sùi mối sầu đời chứ!

Chị cả lại bỏ qua tất, lại trở lại chuyện thời tiết, giọng oang oang, rất phù hợp với gương mặt tròn vạnh, phúc hậu, đẹp một cách sang trọng, ngồi ngồi vẻ tự thị và đão đẽ, tiêu biểu cho loại đàn bà đang xuất hiện trên thương trường lúc này, những kẻ có ý thức đầy đủ về quyền lực của đồng tiền và tài năng kinh lịch của mình.

- Chương trình phim truyện trên ti vi đêm qua chiếu đến đoạn nào ấy nhỉ? - Cuối xe vọng lên một giọng nữ yếu ớt.

Chị cả vuốt hai mép, quay lại:

- *Hồng lâu mộng* ấy à? Tao vừa xem vừa ngủ chập chờn. Hôm nào mày bảo chồng mày nó kiếm cho tao một bộ tao đọc! Máy chục ngàn tao cũng mua, Nhu à.

Nhu, em gái út, sau Chương, chui ra khỏi cái khăn len xù xụ quanh cổ, nhìn sang phía đối diện:

- Việc gì phải nhờ em. Anh Hoan có đủ bộ sáu tập đây này!

Hoan, anh trên Chương, ngồi cạnh bà vợ bé nhỏ, mặc *măng tô* dạ, đội mũ lông Mông Cổ, bỏ cặp kính cận dày cộm, cười nửa miệng:

- Còn trẻ chả đọc, giờ đọc gì được.

- Còn trẻ còn trăm công ngàn việc, còn kiếm ăn, còn nuôi con, còn làm giàu. Ai có là ông giáo mà mọt sách như cậu được!

Chiếc xe rùng mình qua mấy ổ gà liên tiếp. Người trong xe đã qua cơn ngái ngủ, tỉnh giấc. Ổn ào tiếng người, lục cục tiếng đồ vật va chạm. Vợ Hoan tách ra khỏi chồng, nhỏ nhỏ:

- Trông sách dày mà ngại. May mà có phim.

- Phim lẻ rề, sốt ruột bỏ mẹ! - Chị cả phán. - Về sau nó thế nào, cô Nhu?

- Về sau, Giả Bảo Ngọc cưới vợ. Lúc vén khăn che để xem mặt cô dâu, cứ tưởng là Đại Ngọc, hóa ra lại là Tiết Bảo Thoa.

- Cái con Tiết Bảo Thoa thế mà gớm nhỉ!

- Chị có để ý đoạn kể về sinh nhật nó không? Con này nó ngồi cạnh Giả Mầu. Giả Mầu cho nó quyền chọn món ăn gia nhân bưng lên hầu. Nó chọn toàn món ăn mềm, vì biết rằng Giả Mầu già, răng đã rụng nhiều. Được phép Giả Mầu cho chọn vở diễn đêm sinh nhật, nó chọn toàn vở vui, vì biết cụ già không ưa thích buồn thảm.

- Khôn mọc lông trong bụng chưa!

- Phải nói là nó xảo quyết!

- Nhưng cô có công nhận là nó xinh không?

Tiếng chị cả lấp trong tiếng gầm đột ngột của chiếc xe. Đuôi xe phát tiếng nổ bành bịch và phún phụt một luồng khói đen. Lướt qua bên trái xe, bóng những chiếc Toyota, Nissan bóng loáng. Chiếc xe tụt lại, càng xa thành phố, đường càng xấu, nó càng có vẻ khó nhọc. Mặc dầu anh lái đánh tay lái rất điệu nghệ nhưng chiếc xe vẫn thi thoảng bị sụt hẫng vì sa vào

ổ gà. Tất cả lại xóc tung lên. Chiếc tiểu sành giáng đánh kịch xuống sàn xe. Đồ đoàn chạm nhau kêu lạch cạch. Người trong xe lại ngã nghiêng như vào cuộc chơi du đẩy. Và chị cả như một nhạc trưởng tài ba, quán xuyến, điều khiển tình cảm của tất cả mọi người, lại cất tiếng reo vang: “Tĩnh ngủ cả chưa? Hôm nay dân xương cốt, về tha hồ mà đau nhức nhé!” Cả xe cũng rộ lên tiếng cười, vui vẻ và quen thuộc như tự năm nào đó truyền về. Năm nay, lại như thanh minh hằng năm, năm chị em họ Đinh, đứng đầu là chị cả, với ông em trai kế tiếp là ông giáo Hoan, anh nhà báo Chương muộn mằn chưa vợ, sau nữa là Tuất, em gái và cuối cùng là Nhu út ít, cô mẫu giáo, cùng những người thân, như một bộ lạc hùng hậu, lại thuê riêng một ô tô, lên nghĩa trang viếng mồ mả của gia tộc, kể từ cha mẹ ngược lên ba đời trước, mới quy tụ về.

- Nhưng mà các cô cậu có thấy: quý tộc của nó ra quý tộc không? - Đột ngột, chị cả ngắt tiếng cười, xoay trở lại câu chuyện *Hồng lâu mộng*. - Từ cái ăn cái ở đến dáng đi, điệu đứng, nét cười, giọng nói của nó, phải nói là khác hẳn bọn vai u thịt bắp, mò cua bắt ốc chứ!

- Ai bảo với chị loại mò cua bắt ốc nó không biết ăn chơi?

- Ăn chơi thì cũng dùi đục chấm mắm cáy, cũng là bọn phàm phu tục tử. Thằng giám đốc cũ của tao văn hóa lớp nhất trường làng, nghe nói giờ cũng “bồ nhĩ” như ai. Khốn nỗi vẫn cứ lòi đuôi là thằng bỉ tiện, khố rách áo ôm. Nói cứ ngọng lịu ngọng lô. “L” nói thành “n”. Có cái đẹp nhất của đàn bà là cái l. nói cũng sai.

- Ha ha ha...

- Tao nói điều tao chết. Học ăn cũng phải năm đời, còn học mặc cho thanh lịch cũng phải mười đời mới được. Ừ thì nó là quý tộc phong kiến. Nhưng quý tộc phong kiến thì nó cũng là tinh hoa dòng giống đấy, chứ sao! Mà mà diệt nó là mà lụn bại đấy. Đấy, nhãn tiền rồi.

Ôi, chị cả! Chương nhìn lên, nao nao bồi hồi. Sao hôm nay chị cả da ngà, mắt phượng như phát tiết anh hoa, lông lộng một ngôn ngữ thấu triệt và ý tưởng sắc sảo lạ lùng vậy? Chị cả, một thời thanh nữ huy hoàng, bảy năm liền chiến sĩ thi đua ngành dệt, lên đến trưởng phòng của công ty, gấp nghề danh hiệu Anh hùng lao động, tuổi Thân, ba lần đồ chưa xong, phần túc điều gì, vì cơn cố gì mà rũ tuột mọi công việc và vinh quang để trở về? Trở về làm một thứ dân, thoát đầu với một mâm xôi chè ở góc phố, rồi khi Chương ở chiến trường ra, đã thấy chị cả nghênh ngang một sạp vải lớn nguy nga giữa chợ, hơn cả cửa hàng vải quốc doanh, và toang toang: “Cái lý ở đâu lại không cho người ta làm giàu? Từ cái lý trái nước ngược gió nào mà động một tí là tước đoạt với bất bố?” Ôi, con gái Ninh Hiệp, kẻ thừa kế đầu đàn của dòng họ, vẫn là cái loại người tay đao giáo ngựa ghê gớm, tài ba vậy! Chim ra khỏi lồng không trông trở lại. Vậy đó, nhưng chị cả đâu có sợ. Cùng nghề đan thúng, túng nghề đan nia. Phải lúc thất bát vẫn bằng bản năng của những kinh nghiệm đã truyền di trong máu, tin rằng: của đi rề rề, của về ngẫu nhiên. Chỉ một tay chị cả xây dựng lại toàn bộ cơ đồ. Quy tụ lại cả dòng họ tứ tán bằng mối liên hệ bền chặt. Xây lại nhà thờ tổ. Lập lại gia phả. Sơn son thếp vàng, lại hoành phi câu đối. Sửa sang phần mộ tổ tiên. Bỏ một triệu đồng thưởng cho kẻ nào giảng nghĩa được ba chữ “Môn tử môn” trên bức hoành gắn trước cửa nhà thờ tổ, vì lo rồi đây mãi mê làm giàu mà quên hết lời dạy thâm thúy của ông cha.

Đợi chị cả dứt mạch chuyện đầy sức quyến rũ và lẩn át, Chương mới rụt rè tham gia câu chuyện:

- Nhưng mà chị có thấy truyện *Hồng lâu mộng* kết thúc buồn không?

- Buồn cái gì?

- Cuối cùng là cái chết.

- Ôi trời! - Chị cả vung hai tay lên trời, kêu tắc nghẹn.

Chương hơi bị bất ngờ. Ông giáo Hoan, lại bỏ kính, lấy khăn lau hai con mắt mừng mừng, ngỡ ngạc:

- Chị cả! Em nói ý này nhé!

- Khách sáo thế, ông giáo Hoan.

- Phải nói là... chết là một trong những cái phát minh vĩ đại của tự nhiên.

- Cái gì vĩ đại? - Chị cả quay phắt lại.

Ông giáo ngập ngừng:

- Cái chết là vĩ đại. Vì không có cái chết thì không có sự sống.

- Chết mà cũng vĩ đại! Hay đấy nhỉ!

Ông giáo liếm mép:

- Đây là một quan niệm, trước hết của phương Đông. Chính vì thế mà phương Đông quan niệm đi tảo mộ khác hẳn phương Tây. Trong khi ở phương Tây, ngày tảo mộ gọi là *Fête de morts*, là ngày mồng Hai tháng Mười một. Thời tiết lúc ấy thường u ám. Còn ta, “thanh minh trong tiết tháng Ba”. Lúc này, “cỏ non xanh rợn chân trời”. Kia kìa, chị xem, đất trời có đẹp không?

Ô tô leo hết dốc, đứng lại. Trước mắt mọi người, nghĩa trang trập trùng trên các triền đồi như đột ngột hiện lên xanh đậm màu cỏ non. Cảm hứng vì cảnh sắc mùa xuân mơn mớn ngoài trời, đứa con gái ngủ trong lòng người phụ nữ xa lạ ngồi cạnh Chương đã choàng dậy.

- Đến rồi hả mẹ? - Đôi mắt to trong veo của nó rụt rè hỏi mẹ.

Chị cả nhảy xuống xe, lãnh lót ra lệnh:

- Mẹ con cô Nhiên và tất cả các cô các cậu đi đâu, làm gì thì cũng một giờ là có mặt ở đây để về Hà Nội nhé!

*

Những làn sương tím nhạt cuối cùng đã bốc bay và vòm trời mùa đông điểm những chấm én nhỏ chao liệng, xanh bình yên, xoải đôi cánh mềm, ôm trọn cả khu mộ rộng mênh mang.

So với năm ngoái, nghĩa trang đã mở rộng hơn, bề thế hơn. Ở những khu mộ cũ, nhiều ngôi đã được xây cất lại. Đa phần được tôn cao thêm. Nhiều ngôi lên mái che, kiểu cách đền miếu thiêng liêng hoặc giống một căn nhà nhỏ thân mật ấm cúng. Trên những triền đồi đá ong ở phía tây, những ngôi mộ mới leo dốc, hợp cùng với cả vọn ngôi mộ cũ trắng xám một màu xi măng, uốn lượn mềm mại theo chiều dốc của những eo đồi, trong thế chập chờn trôi dạt. Thoáng một chút hư huyền như một hơi sương phả, cõi chết hiện ra với ấn tượng mạnh mẽ đến bất ngờ. Nghĩa trang, nơi cái chết vẫn hằng sống, nơi cái chết đã thành một lực lượng hùng hậu mạnh mẽ vì sự vĩnh hằng của nó nên có cảm tưởng ở đây, lúc này, cái chết đã bước ra trình diện với một tầm cỡ ngang vai với sự sống!

Chương thoát khỏi ám ảnh bi lụy như mọi lần, khi đến đây, giữa đường biên của đời sống trần thế và thế giới của hư vô. Mọi người đều nghĩ mình bất tử. Nhưng Chương thì Chương hiểu: Lẽ ra anh đã nằm dưới đất này lâu rồi. Thư gửi về nhà, hồi ấy Chương viết: “Sau trận B52 ở Vĩnh Linh vừa rồi, còn được ngồi viết thư cho chị cả là hạnh phúc quá tâm mong muốn của em”, “Chị cả ơi, sau những ngày chiến đấu ở thành cổ Quảng Trị, viết thư cho chị, em tự hỏi: Phải chăng em đã được sống hai lần?”.

- Nào, đứng cả vào đây. Cậu Chương, cậu mãi nghĩ gì thế? Hồi mẹ mất, cậu ở Vĩnh Linh. Còn lúc sang áo cho cụ, cậu lại ở Quảng Trị. Có đúng không?

Nghe thấy lời chị cả, Chương quay lại. Mọi người đã quỳ trước mộ mẹ. Ngôi mộ vừa được sửa sang. Chị cả đã nhờ một

kiến trúc sư vẽ kiểu. Gờ thành mộ và mặt mộ ốp đá rửa màu dâu tây điểm trắng. Mộ chí gắn ảnh mẹ in trên nền sứ. Trên mộ, lặng lẽ những khóm trường sinh phun những chấm hoa li ti, đỏ như son.

Chị cả và Nhu đặt đồ cúng lên trước mộ. Hoan cùng vợ và cô Tuất đứng chụm lại che gió xòe diêm, thắp hương rồi chia ra cắm vào các ngôi mộ xung quanh. Gió từ xa hắt lại, khói hương quấn tụ, xanh mờ.

Chương ngồi xuống giúp chị cả lấy đồ vàng mã đặt bên cạnh mộ chí. Quần áo. Mũ măng. Những thỏi vàng. Những xấp tiền. Chiếc ti vi. Chiếc *cassette*.

- Gửi cho các cụ cả *đô la* à?

- Trần sao âm vậy. Người chết không hẳn là người sống thật nhưng cũng không phải là người chết hẳn. Dưới ấy giò tiêu cả *đô la*. Có bán đủ các mặt hàng. Nhưng chị vẫn muốn gửi tất xuống cho cụ, sợ cụ chưa biết ti vi, *cassette* là gì, không biết đường mua.

- Ủ, hồi mẹ sống, Hà Nội chưa có ti vi.

- Buồn cười, tôi đưa bà đi xem phim ở rạp Kinh Đô. Lần sau, mua vé đưa bà, bà bảo: "Tôi xem rồi, tôi không xem nữa đâu."

Nhu nhặt lên nóc mộ một đĩa hoa lan. Chị cả nghiêng đầu, giũ tóc, chải:

- À, con này nó còn nhớ bà rất thích hoa lan.

- Lúc thay áo, trong túi áo bà, em thấy có hai bông hoa lan héo thơm sực.

- Mày là đứa được bà yêu nhất!

- Sao bảo là chị!

- Tao ấy à? Bà ghét nhất tao thì có. - Chị cả cười, hai mép vạc sâu, gò má đội lên tròn nhẵn, đỏ rạn hơi trầu cay. - Bà bảo tao là đứa lông hồng nhất nhà. Tao không chịu tuân phục phép tắc gia giáo. Chúng mày có biết không? Bà bắt tao lấy

ông Sâm, giờ là ông lang Đông y ở khu phố mình ấy. Tao nhất quyết không chịu. Chỉ vì thấy lão hói đầu. Sao tao sợ người hói thế! Bà bảo tao: “Hai gia đình đã hứa hẹn rồi, mày đừng để người ta chán tương đổ mẻ vào mặt tao!” Tao cũng kệ. Tao cãi văng tê. Tao cãi hỗn: “Cụ đi mà lấy ông ấy.” Nghĩ lại, giờ già rồi mới thấy thương bố mẹ. Có hôm tao kiếm được lãi to lắm. Tao mua ngay một cân giò, một cân Lạp xưởng, nghĩ phải đem biếu mẹ thì mẹ còn đâu! Thì ngày xưa, miếng ngon miếng ngọt cụ không bù chi bù chút cho con cái thì cho ai? Nào lui ra cho tôi khẩn bà.

Thoáng cái, mắt chị cả đã nhắm lẹ. Chị quỳ hai gối lên cỏ, đối diện với ngôi mộ, khẩn vãn thỉnh tề, gương mặt tràn đầy thành kính, rưng rưng:

- Này, Nhu, Chương, ông Hoan, các cô, các cậu... theo tôi khẩn mà học để khẩn bà với các cụ chứ. Ngộ năm sau tôi không còn nữa thì làm sao!

Lẽ ra có thể nói một câu gì đó thui điều gỡ chị cả vừa nói thì mọi người lại như những đứa trẻ ngoan ngoãn, nhất loạt quỳ xuống sau chị cả, nét mặt trầm tư phảng phất ánh hồi quang thiêng liêng. Cho tới lúc, đột ngột một tràng pháo nổ, đục một lỗ thủng vào cõi tịch mịch, chị cả mới dứt lời khẩn, đứng dậy chếp miệng:

- Khổ, người chết đã vậy. Còn người sống? Đấy, cắm cúi vào việc mình, không hiểu hai mẹ con cô Nhiên đâu rồi?!

Chương ngược lên phía đồi cao. Ở mép đồi, gió rồ dạt lớp cây đại, những ngôi mộ in vào nền trời những hình khối mập mờ.

- Hai mẹ con cô ấy ở trên kia. Cô ấy viếng mộ ai thế, chị?

- Chồng cô ấy. Trước hai vợ chồng cô ấy cùng một tổ thợ với tôi. Thôi, cậu Chương hay ai lên hỏi han người ta nhé! Đừng để mẹ con cô ấy lủi thủi. Giờ tôi đến với hai ông lão nhà tôi đã, rồi ta chia nhau lần lượt đi thăm các cụ trong dòng họ.

*

Thì ra đã quy về đây hài cốt cả hai người chồng chị cả. Chị cả năm nay năm mươi hai. Chị lấy chồng năm 1968. Chồng chị là đại úy, đồn trưởng một đồn biên phòng ở biên giới Lai Châu. Anh hy sinh trong một cuộc chiến đấu chống bọn bạo loạn sau ngày cưới chị chưa đầy năm. Năm 1975, chị cả tái giá. Ăn ở với người chồng thứ hai được ba năm thì người chồng bị tai nạn giao thông chết. Chị lặn lội lên tận vùng núi Lai Châu tìm hài cốt người chồng thứ nhất về, đứng dịp cải táng người chồng thứ hai, đưa di thể của cả hai người lên đây. Năm ngoái chị cả lấy người chồng thứ ba... Có tuổi rồi, lấy nhau cho có danh nghĩa vợ chồng chính thức, chứ thực ra chỉ là sự sống ghép đôi để nương tựa đỡ dần nhau. Quả nhiên chị trở thành điểm tựa của người chồng sau ngày đăng ký không lâu. Ông đã hơn sáu mươi tuổi, là cán bộ công đoàn về hưu, mắc bệnh suyễn nặng, lại bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người đã hơn nửa năm nay.

Như vậy là tính đến đời Chương là đời thứ sáu thì riêng gia tộc họ Đinh của Chương và những người có quan hệ đã có tới gần một trăm người đã khuất được quy tập cả về đây. Họ hợp thành một xóm nhỏ đông đúc.

Còn hai mẹ con người phụ nữ trẻ đi cùng xe thì Chương có cảm giác họ đơn lẻ và bơ vơ thế nào. Bật lửa, châm hương hộ người phụ nữ, đã có lúc Chương gần như gằm mặt xuống vì ái ngại, xót thương. Đứa con gái cao đến tai mẹ, hai cái bóng chơ vơ, cùng một màu áo đen tuyền, đứng chấp tay trước ngôi mộ mới đặt, như một nỗi sầu thăm thẳm ngấn đọng không thể tiêu tan.

- Em mới đưa nhà em từ Gio Linh về. Định đưa về từ lâu nhưng ngặt cái cháu Lộc còn nhỏ quá!

- Anh nhà hy sinh ở Quảng Trị?

- Nhà em theo giấy báo tử là hy sinh ở Quảng Trị và an táng ở nghĩa trang phía Nam tháng Tám năm 1972. Phía Nam

mênh mông thế, biết đâu mà lần. Em đến hỏi tỉnh đội Quảng Trị, cứ nghĩ là khó mà tìm nổi. Nhưng cũng nhờ Trời Phật run rủi, anh ấy còn được gặp vợ con nên em hỏi đúng ngay anh đại úy là bạn chiến đấu cùng một tiểu đội với nhà em. Thế là đích thân anh ấy đưa em đến chỗ bìa rừng, nơi anh ấy chôn cất nhà em. May quá, chưa có ai động cuốc, đào xuống là thấy ngay. Mà đúng là nhà em thật. Bọc *ni lông* kín hơi nên hình nhà em còn rõ lắm.

Chương đưa tay che khói, mắt anh cay sè.

Người phụ nữ tiếp:

- Nhà em hy sinh sau khi ra Bắc cưới em. Hồi đó em đã có linh tính, sẽ có điều chẳng lành xảy ra với anh ấy. Đã định bảo hay là hoãn làm lễ thành hôn đi. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, thấy thương anh ấy, thương mình quá. Anh ạ, hồi còn chiến tranh, anh có biết điều truyền tụng gần như dị đoan này không: Ở mặt trận, hễ đơn vị nào có hai người trùng tên nhau, thế nào cả hai cũng hy sinh cả. Ngoài ra, anh nào đi phép ra Bắc lấy vợ, về thế nào cũng không vẹn toàn!

Nắm hương cắm trên nóc mộ chồng bỗng gặp luồng gió quẩn, mù mịt khói đặc và bỗng nhiên bốc lửa cháy bùng bùng. Đứa bé gái đang đứng cạnh mẹ, liền nằm ập xuống, dang đôi tay ôm mặt mồ, gào:

- Ối, bố ơi!

Người phụ nữ vội quay lại. Đứa bé gái nức nở:

- Bố ơi! Con trông thấy bố rồi! Sao bố không về với con?

- Lộc, con!

- Mẹ ơi, con trông thấy bố rồi. Mặt bố có vết máu. Đầu bố quấn băng trắng. Tay trái bố cũng quấn băng, quần áo bố rách nát hết.

Người mẹ lay vai con, lúi lúi lại, lật bật. Đứa con huỷ mình, mặt thêm thiếp:

- Ư ừ, con ở đây với bố cơ, con ứ về đâu!

*

- Nào, nhìn lại lần cuối đi. Một năm nữa mới trở lại đây cơ đấy! - Chị cả nói đồng giọng.

Chương quay lại, đưa mắt bao quát cả một vùng đất rộng; trong im lặng, anh có cảm giác đang mở hết các cửa sinh lực để thu nhận tất cả nguồn thần lực thiêng liêng ở nơi đây tràn vào bản thể mình, để làm cái việc cao cả nhất lúc này là khai mở một miền đất mới trong cõi tâm linh bí ẩn của chính mình.

Cái chết quả thật là một phát minh vĩ đại của tự nhiên. Chết là một đức lớn của trời, là cái tất yếu buồn rầu, là sự ngắt đoạn đời sống của những cá thể trong một dòng sinh hóa liên tục tuôn chảy dào dạt. Đối với Chương thì cái chết là bạn bè thân thuộc cầm tay nhau. Cái chết bản thân nó chẳng thể là đáng kinh tởm hay rục rở ánh hào quang đáng tôn vinh. Cuộc đời nào mà chẳng có tai ương. Vậy thì câu chuyện còn lại sẽ là, trong phạm vi cho phép, con người vẫn có thể dành cho mình sự lựa chọn thật bình tĩnh. Vì cuối cùng thì như chị cả nói: Người chết không phải là người còn sống nhưng cũng không phải là người chết hẳn, vô tâm tích; người chết còn tạo lập với người sống một mối liên hệ vô hình nhưng bất tử và vô cùng linh thiêng. Ôi, chị cả! Người phụ nữ ít chữ nghĩa nhất nhà nhưng sống trọn vẹn với cuộc đời bằng toàn bộ tâm lực của mình. Chị cả là sự sáng tỏ, điều minh triết.

Lau nước mắt đầm đề trong hai hố mắt, chị cả bước lên xe, giọng sùt sùi và khê đặc:

- Thôi, ông bà, cha mẹ, hai ông và các vị ở lại nhé. Nào, đã đủ cả chưa? Chú lái nổ máy đi!

Xe xuống dốc đồi. Khập khình bốn bánh dập qua các rãnh xẻ ngang mặt đường lấy nước tưới ruộng xuân. Mọi người đang cố ra khỏi cơn mộng mị. Lao xao trong xe những giọng người như từ cõi xa xăm vọng lại. Rồi như không thật, có tiếng ai đó ngơ ngác: “Sao lúc đi không qua đường này?” Rồi tiếng một người kêu bàng hoàng: “Sao chóng tới đường quốc lộ thế nhỉ?”

- Ô, cái Lộc lớn quá rồi! Lúc đi trời còn tối, bác không trông rõ cháu. - Chị cả quay lại sau xe với hai mẹ con người phụ nữ nọ, cao giọng như muốn gọi mọi người trở về với thực tại. - Lớn sắp bằng mẹ rồi còn gì. Cháu học lớp mấy rồi, Lộc?

- Dạ, lớp sáu ạ. - Đứa bé nhỏ nhỏ.

Chị cả nhả bã trầu, quai tay, day nhẹ vào cổ họng con bé, âu yếm:

- Bố con phù hộ cho hai mẹ con con nhé! Rồi con sẽ xinh hơn cả mẹ, cả bố. Sẽ giỏi giang hơn cả bố, cả mẹ cho mà xem. Có đúng không?

Chị cả chành miệng cười. Cười thật tươi. Cười thật giòn. Cười để lôi cuốn tất cả mọi người vào cuộc sống đang ở ngay bên mình, trong mình. Cười để khóa lấp lại cái hố sâu thẳm trong lòng chị. Một đời đàn bà, hai lần chồng chết. Một đời người, chúng kiến bao cái chết. Một tay mình, hạ huyết bao người thân, đắp mộ bao người ruột thịt. Cái chết mà chị chứng kiến cũng đủ hình, đủ dạng, nằm ngay ở cuộc sống này.

Nhưng hình như chị cả bất lực. Chỉ có một mình tiếng chị cả cười, tiếng chị cả nói. Cả cái xe đang còn la đà trong đám sương mù của những hư ảnh chập chờn của lẽ sinh tử. Mỗi người lúc này đang chia hai. Một nửa còn lại với những ngôi mộ, nơi cư ngụ của linh hồn những người đã đi về cõi hư không, nhưng được quan niệm như một xứ sở có thật và gần gũi. Nghĩa trang, nơi người chết vẫn hằng sống.

Nhưng một lần nữa, chị cả lại vịn cả nửa người, chồm lên lưng ghế. Một lần nữa chị lại cố gắng chế ngự mình và lôi cuốn người khác, lên giọng oang oang:

- Nào, ai có chuyện gì thì kể lên cho vui nào! Rồi cũng phải để tất cả chuyện buồn vào một chỗ chứ! Đất nước này, chết là việc thường xuyên, cứ đau thương sứt sùi mãi thì sống thế quái nào được! Thế nào, ông giáo Hoan, ông bảo chết là một phát minh vĩ đại. Thế còn sống?

- Cũng là một phát minh vĩ đại!

- Vĩ đại quá đi chứ nhỉ! À, nói tiếp chuyện *Hồng lâu mộng* đi! Cái cô Lâm Đại Ngọc vừa biết ăn cơm đã phải uống thuốc, về sau chết vì bệnh gì?

- Vì ho lao! - Ông giáo Hoan đáp trịnh trọng.

Chị cả ngừng cười. Chị quay nhìn cửa xe, thu mình lại và giọng bỗng se se:

- Nghĩ cũng tội thật. Nhưng mà biết thế nào được nhỉ? Sinh hữu hạn, tử bất kỳ. Hừ, cái chết. Làm sao mà tránh được! Đấy! Nói gì xa. Chuyến xe sau chắc gì tôi còn có mặt đi cùng mọi người!

Chương hơi chồm lên trong một phản ứng bất thường.

Nhưng chị cả lạ sao đã trở lại trạng thái đều hòa, quay lại, nhìn Chương, thản nhiên:

- Vậy, tôi giao nhiệm vụ cho cậu Chương đây. Có nghe rõ tôi nói không đấy?

- Chị nói đi!

- Cậu ghi lại tất cả vị trí mồ mả, họ tộc người thân của gia đình mình lại. Còn các bài khấn, tôi giao cô Nhu!

Có tiếng Nhu nói từ đuôi xe hất lên. Tiếng máy gầm vang động. Chương ngồi tựa vào thành ghế, cố tạo một khoảng cách với hai mẹ con người phụ nữ nọ. Không cần phải cố gắng lắm, vì bây giờ chiếc xe đã rộng. Chiếc xe đã để lại tất cả những đồ

cúng viếng ở những ngôi mộ. Sàn xe hoàn toàn trống không. Bây giờ mới nhìn thấy cả những nốt rỉ, những mảnh sắt vá vúi ở sàn xe. Thậm chí có chỗ thủng lớn bằng bàn tay, nhìn xuống thấy cả mặt đường đang vùn vụt chạy qua. Chiếc xe đã cũ quá rồi. Nhưng nó nhất định không chịu thua con đường. Nó còn bền bỉ và dẻo dai. Nó đang thò một sức nặng mới. Từ nơi những người thân gửi xương cốt trở về, ai dám nói mỗi người chỉ có một mình mình.

Điều đó hiện lên rõ rệt nhất ở tiếng khóc rầm rứt của đứa con gái người phụ nữ ngồi bên Chương. Chính Chương cũng vậy, Chương mang trong mình bao nỗi niềm, tâm tư. Chiếc xe chắc gì còn có thể gặp lại Chương và đầy đủ mọi người vào tiết thanh minh năm tới nhỉ?

Chuyến xe sau sẽ không còn anh nữa

Xe vẫn chạy nghìn đời chỉ vắng anh thôi

(...)

Những chuyến xe không có khứ hồi...¹

Chương nhớ tới mấy câu thơ di cảo của Chế Lan Viên trong nỗi nao nao thương nhớ rất vô hình và xa mờ.

Cạnh Chương, người phụ nữ nọ ôm đứa con gái vào lòng, nghẹn ngào: “Nín đi, Lộc. Bố vui vì hai mẹ con mình lên thăm bố, chứ bố có buồn đâu, con!”

1992

1. Bài thơ *Chuyến xe* của nhà thơ Chế Lan Viên.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ

- Có thể chứ! Tưởng ông tai ngược được mãi!

Bà Tài cởi cái khăn len trùm đầu màu huyết dụ, giữ đánh phạch, ngẩng mặt nhìn vầng thái dương non trẻ lấp lóa sau đám mây màu xà cừ. Khoảng sân chung của bốn căn hộ, cùng cửa thông ra, phơi phới những quần áo giăng hàng, hớn hỏ giống bà. Cạnh khuôn cửa nhà bà, chị Nhi công tác ở ủy ban quận vừa trở vào nhà, sau khi đã bật cái quạt con cóc, thốc gió ù ù vào cái bếp lò, nồm vừa bén lửa. Đối diện cửa nhà bà, cô Thơ thợ điện, người gầy đét, chân dài ngoẵng, vừa bê chậu quần áo ra, đặt xuống đất, vắn lưng, nhăn nhó:

- Sắp gãy lưng rồi, bà Tài ơi!

Bà Tài gỡ mái tóc đã thấp thoáng sợi bạc, nhe hàm răng vàng ngà, cười hề hề:

- Đêm qua bố em về, lại trót đại hủ? Dễ dạ khốn thân, chết cha mày chưa!

- Bà chỉ được cái thế!

- Hề hề. Tao hải rét lắm. Lên giường là tao vớ cái chăn quăn chặt như cái kén. Tao lấy độc trị độc, cho lão ăn hành dăm. Lão khòm già yếu, sức không kéo nổi cái chăn tao quăn!

- Nhà cháu dạo này cũng yếu lắm.

- Này, một trăm con lợn cùng chung cổ lòng nhé! Mày có biết thằng xế chồng cái Nhi không? Hôm nào mà nó chạy đường trường Tây Bắc về là đêm ấy rung hết cả nền nhà nhà tao. Mà cái con trông bệu thế mà khiếp, nó rú rít cứ như động rồ.

Cô thợ điện ngoẹo đầu, cười trong cổ họng:

- Bà chỉ khéo tưởng tượng!

- Tao nói điều tao là con mày! Một đêm hai lần dậy lắp lại giường. Sáng hôm sau hai anh chị lủ cò bọ, lê khỏi giường không nổi. Chị kêu: “Bắt đèn anh đấy!” Anh cười trừ: “Ai bảo em cứ thúc!”

Tiếng hai người bật cười nổi trên nền tiếng đập chần phùm phụp như vỗ nhịp ở đầu hồi. Nhi đã quay trở ra, áo may ô tím trề tràng, vừa quăng lên dây phơi cái mền chần tiết kiệm.

Mặt trời ra khỏi vầng mây màu xà cừ, tung tóe tia sáng. Trời mây quang quẻ, hừng lên vẻ khởi nguyên thời sáng thế. Một nguồn lực thiên nhiên đang rót xuống tràn trề trên vùng ngực núng nính, ký ức một thời đắm dục của bà Tài và trên cái cổ xoải rộng xuống tận tâm oa, chồm lên hai hòn bông đảo trắng nõn của Nhi, người đàn bà đang tuổi hồi xuân, hai mắt đen láy, sáng rõ.

Trên chần, đệm, áo quần phơi phóng, những tia nắng nhảy nhót như những đứa trẻ tinh nghịch bị nhốt trong ngục tù mới được giải hạn. Con mèo nhà cô Thơ đen như một thỏi than gỗ, gầy gù, bám thân cây dâu leo lên giàn đậu ván đã héo quắt từ vụ đông năm trước. Lông nó óng ánh tia sáng mặt trời. Mặt trời vượt ve nó. Mắt nó xanh bóng, nó ngẩng lên, ngáp và thả hồn lên vòm trời rộng rãi xanh biếc như một xứ sở hoang đường.

Năm nay trời ra tai, kéo căng cái rét áp đảo như một quyền lực, dài quá tháng Giêng tây, sát tận cái Tết ta. Nhiệt độ giữa trưa ngày nào cũng quần quanh bảy, tám độ. Người đi đâu thì chó, về tối nhà là vội ập cửa lại. Ở thành phố mà bỗng thêm

một ngọn lửa đốt trên bản làng miền núi. Rét đâu có rét dai thế! Rét tức cả ngực, mỏi rời cả vai, cứng ngắc cả quai hàm và quắt cả hai tai. Rét đến mức mạ xuân chết rụi. Khoai tây cháy sém cả thân cành.

Giờ thì trời dền bù. Ông mặt trời nhấp nháy con mắt khổng lồ vui vẻ. Ông tỏa xuống mặt đất làn hơi ấm. Mặt đất chan chứa khí dương. Ông nói: “Ta ưu tiên sưởi ấm sinh lực của giới nữ.”

Thơ vừa khúc khích cười vừa cúi xuống nhặt từng cái áo, cái quần, mạnh tay giũ, rồi vắt lên sợi dây phơi. Nước từ gấu quần, tay áo, trên các dây phơi từng giọt lóng lánh sắc cầu vồng, nhỏ xuống mặt đất kêu tành tạch.

- Chà, bằng cửa hàng quần áo ở Bách hóa tổng hợp rồi. Thời đổi mới có khác. Áo với quần đủ màu, đủ kiểu, la liệt. Nhưng mà này, cười cái gì mà cười khỏe thế?

Nhi chống cái vĩ mây đập chặn xuống đất, nhìn sang cô thợ điện vừa phơi xong chiếc áo cuối cùng.

- Cứ là lủ cò bọ. Ruột gan lộn tung phèo hết cả lên, chị Nhi ạ.

Thơ đưa tay che miệng, lời ghen, sắc trong cổ lẩn tiếng cười. Nhi đỏ rửng mặt. Nhưng bất giác chị cũng bật cười. Có cái gì đó vui chan hòa giữa những người đàn bà một sớm mai có ánh mặt trời.

- Mụ Chí đấy hả?

- Ấy dà. Bà cho con xin tí nhọ nôi.

- Xin nhọ nôi làm gì, ma xó?

- Ấy dà. Con nhờ lão Tuế nó thiến cho con lợn. Nó bảo phải có nhọ nôi bôi vào vết chích mổ.

Qua khe hở của những dây phơi, Nhi nhìn thấy một người đàn bà to sụ như cái đụn rạ, lò dò đi tới và bà Tài đang quay lại.

- Này ma xó, ta chưa nghe rõ. Mà thiến lão Tuế hả?

Há há... Lần này thì cả bốn người đàn bà cùng há hoác miệng mà cười. Cười tung tóe. Cười giải tỏa. Cười thỏa thuê.

Cười rất vô có. Cười như bù cho cả cái mùa đông dài đặc họ phải nhịn cười. Cả cái mùa đông ru rú trong nhà, thu mình vào, chẳng biết đến ai; cả những khát thèm cũng bị nén chặt lại. Cười vì một ngẫu hứng bất thần, trước nguồn sống vui dâng lên tự đất trời thiên nhiên.

Suốt cả mùa đông, có nhẽ chỉ có mẹ Chí còn hay lê la từng nhà.

Người đàn bà này thuộc loại dị nhân, bất thường. Mặt choắt. Miệng rộng. Gần như cả hàm răng trên dưới đều bịt bạc. Khổ người sồ sề. Cái bụng chảy xệ. Suốt cả mùa đông lúc nào cũng thấy mẹ mặc cái áo bông Tàu xám, cài khuy nách, hôi sì mùi dầu bếp. Mẹ rất giống những người đàn bà tha phương ở các thị trấn biên giới, nghèo khổ, hẩm phận, sống lay lắt bằng đủ các nghề, từ bán cháo quẩy tới cắt cỏ ngựa, ma quái, bẩn thỉu và hoang dã.

Mẹ xuất hiện ở căn nhà tập thể này từ sau cuộc Chiến tranh Biên giới 1979. Chả ai hiểu lai lịch mẹ. Chỉ có bà Tài là còn nhớ mang máng hình như một buổi tối rét mướt tháng Hai tây năm ấy có một viên đại tá lùn, mặt rỗ lái một chiếc *commăng ca* chở mẹ đến đây cùng với một lũ trẻ con lấm nhứt. Viên đại tá đi mặt trận Đông Bắc ngay sau đó. Căn nhà của ông ở gác ba, từ đó do mẹ Chí và lũ trẻ con cai quản. Có đến tám đứa trẻ không hiểu chúng ăn gì mà lớn nhanh vùn vụt. Rồi biến đi đâu gần hết; giờ chỉ còn ba đứa sống với mẹ, một đứa con gái bán thuốc lá, một thằng lớn đập xích lô và một thằng oắt bới rác độ nhật.

Hàng xóm chẳng ai ưa người đàn bà này. Mẹ khác mọi người nhiều quá. Giọng nói lơ lơ. Trang phục lai căng và cung cách ngồi lê mách lẻo, vô giáo dục. Lại hay chơi bài xì. Hút thuốc lào bằng cái điếu tổ bố. Động mở miệng là “ây dà” và hễ có dịp là xổ ra cả loạt những chuyện kể vô tận về ma xó, ma cà rồng. Nhập cư vào tập thể này, hiển nhiên là mẹ không được

chấp nhận. Tính thóc mách hồn nhiên của mẹ là căn nguyên của sự rối loạn các quan hệ xưa nay vốn được che phủ và trở nên êm đềm. Chỉ một tuần lễ qua, mẹ đã hiểu rõ tên tuổi, nghề nghiệp của tất cả các phụ nữ già trẻ trong căn nhà đông tới bốn mươi hộ này. Ba tháng sau mẹ biết tính nết và gia cảnh từng người. Còn bây giờ thì mẹ là từ điển sống về các quan hệ chính thống và lắt léo của tất cả đàn bà, con gái ở đây. Quan hệ, suy cho cùng, đó là cái cốt tủy của đời sống. Và người đàn bà xa lạ này, bẩm sinh có một nhãn quan khác biệt so với mọi người, nên chỉ một tháng sau khi đến ngụ cư, mẹ đã lần mò xuống tầng một, ghé tai bà Tài: “Ây dà, cái nhà cô Thơ không để đái gì là vì cái thằng chồng bắt lực thôi! Em có cách chữa đấy.” Bà Tài đấm lưng mẹ, kêu: “Con ma xó!” Con ma xó cười nhe răng bạc. Nó ghé tai cô Thơ, kể rằng nó nhìn thấy bà Tài ngồi trong lòng một lão già đội mũ phớt ở công viên Thống Nhất. “Ây dà. Nó hôn bà Tài à. Nó còn vật ngựa bà Tài ra để sò tí à!” Cô Thơ thở rộn rục, gắt: “Không nghe đâu!” Nhưng vẫn rót nước mời mẹ và mắt sáng rực, mồm ho hó như mồm thỏ, nghe mẹ thì thảo. Mẹ thì thảo rằng chị Nhi, cán bộ ủy ban quận, sắp lên chủ tịch quận, bậc mẫu nghi thiên hạ chứ có phải thường đâu mà có tới hai anh nhân tình. Cứ mỗi khi chồng đi công tác xa, là lần lượt từng anh đến. “Ây dà, nó để dấu hiệu ở trước cửa à! Buộc cái khăn đỏ ở cửa là một anh. Buộc cái khăn trắng là một anh khác mà!” Thế là tung tóe hết cả ra như những tiếng cười thỏa dục, tất cả những chuyện riêng tư bấy lâu vẫn bảo tồn trong đêm đen. Mẹ Chí đã ngang nhiên xúc phạm đến các nhân cách cao cả, đã bôi nhọ những tâm hồn trong sáng, đã đảo ngược truyền thống, đã gán vào cuộc sống mực thước, có quy chuẩn đạo đức những yếu tố tục tĩu, phi luân. Tất nhiên, một cuộc cãi lộn âm ỉ đã bùng nổ. Mẹ Chí bị rửa sả, bị lên án, bị vạch vôi. Bà Tài gọi mẹ là con mẹ trăm thằng. Chị Nhi nói: “Mày ấy à, quân trốn chúa lộn chồng. Đồ đi rài đi rạc!” Thơ tố cáo mẹ bỏ bùa mê thuốc lú, chấp chiếm nhà cửa của ông đại tá lùn.

Nhưng giống như cái nút chai đã mở, mọi bí ẩn thế là đã được khơi luồng. Hóa ra bây giờ mọi người mới biết bà Tài trước là kế toán trưởng xí nghiệp rượu bia, vì hủ hóa với giám đốc nên chồng bỏ. Giờ bà lấy một viên thiếu tá công an nhưng vẫn hện hò với tay giám đốc tình nhân xưa.

Hóa ra Nhi có nhân tình thật. Và Thơ cũng thế. Người yêu thuở học trò vẫn thì thọt đến, đèo xe đi chơi thâu đêm. Hóa ra còn một cuộc sống thâm thảo chảy, ở bên dưới cuộc sống lộ thiên nhìn thấy. Thâm thảo chảy, nhưng dạt dào vô cùng. Ôi chao! Sau những trận cãi lộn, đôi bên cùng ba máu sáu tiết, văng ra đủ lời thóa mạ, nguyên rửa nhau, tưởng phen này là sẽ tuyệt giao, là sẽ không thể nhìn mặt nhau nữa, vậy mà ngày qua, tuần qua, mọi việc lại được an bài ổn định đâu vào đó. Nghĩa là dường như đã chẳng xảy ra một sự xáo trộn nào hết!

Những người đàn bà lại đến với nhau. Họ đều là những người đàn bà hư cả hay sao? Cùng thích chuyện ngồi lê đôi mách, ưa tọc mạch vào chốn riêng tư. Cùng thích nói tục, cùng một lòng ái dục và cùng thói ham mê chuyện ái tình. Hóa ra những người đàn bà đô thị lại bị mù đàn bà xa lạ tới giáo hóa. Hóa ra nhờ mù mà các bà các chị nhận ra điều hệ trọng: còn một cuộc sống bí mật nữa, đó là cái khoái lạc vô lượng của dục tình, niềm sung sướng vô biên của trò ái ân vụng trộm. Chao ôi! Nhiễm sắc thể đấm dục hàm chứa sức công phá căn bệnh lãnh cảm cùng thói đạo đức giả sao mà mạnh mẽ thế! Chuyện ấy, mục ấy, khoản ấy có bao giờ họ thấy nhàm chán, hay trái lại còn thích công khai phô bày, bình nghị và tắm thêm hương hoa.

Bây giờ thì bốn người đàn bà kết thân với nhau. Chả lúc nào họ hết chuyện. Dòng sông tình ngầm chảy dạt dào là đề tài lôi kéo thói tò mò đầy thi vị của họ và nhờ nó ta thấy được mối liên kết bền chặt giữa người này với người kia.

Trung tâm chú ý của thói rình mò của họ không cố định. Ít lâu nay là bà Huệ, vụ trưởng, bốn mươi lăm tuổi nhưng con

mắt còn đong đưa, lẳng lơ lắm, chồng vừa chết vì tai nạn giao thông mà đã dập diu kẻ đón người đưa. Chính mẹ Chí đã phát hiện ra bà Huệ là một Võ Tắc Thiên về đường tình dục. “Ây dà, ngày nào chồng đi làm về nó cũng bắt phải “ấy” nó một cái, rồi nó mới dậy đi nấu cơm mà.” Ba người đàn bà cùng cười ré lên. Rồi cười rũ rượi, cười chảy cả nước mắt nước mũi. Cuối cùng bà Tài chỉ mặt mẹ Chí sừng sộ: “Tiên sư con ma xó! Mày có mục sở thị không?” Kết quả là cả ba người đàn bà chụm đầu lại với nhau, nghe mẹ Chí kể:

- Thì em vào xin diêm em trông thấy. Nó quên đóng cửa. Bà Huệ nằm tênh hênh. Thằng đàn ông ở trên, nó nhấp nhồm như cưỡi ngựa.

- Đã quá, mày! - Bà Tài rên.

- Quá tẩm bổ mắt còn gì! - Thơ thêm.

- Hoài cửa, giá có cái máy ảnh! - Nhi reo.

Con ma xó trợn mắt:

- Nhưng mà hóa ra thằng đàn ông không phải chồng nó, mà là thằng lái xe. Hầy!

- Ái chà chà! - Cả ba người đàn bà cùng kêu to và đứng vụt dậy, vỗ tay khoái trá.

*

Hòn than trong cái bếp lò của Nhi đã bén lửa đỏ hồng.

Khói bay lên vẩn vơ những sợi xanh mảnh dẻ, ngoằn ngoèo hút vào những khuôn cửa ra vào đã mở. Chỉ riêng có một khuôn cửa cạnh nhà Nhi, khói phải lững thững quay ra. Cánh cửa ở căn buồng này còn đóng chặt.

- Nào, lấy được nhọ nồi chưa mà còn ngồi tào lao mãi thế? À, thế nào, Tết này có nấu bánh chưng không? - Bà Tài hát

hầm vào mụ Chí đang cầm củi cạo mún nhỏ bám ở cái niêu đất đen nhem nhà Nhi.

Thơ ngoái lại:

- Cho tôi gửi mười chiếc nhé!

- Em xin đăng ký nấu. - Mụ Chí nói. - Em lo cái thùng. Chỉ xin mỗi nhà mấy cân củi.

- Tiền! - Bà kế toán trưởng gắt. - Cái gì thanh toán được bằng tiền thì cứ thanh toán bằng tiền là gọn nhất!

- Thế thì em lấy rẻ, năm trăm một cái. Em tính công thôi.

- Rẻ cái l. mẹ mày! Chưa học bắt chuột đã học ỉa bậy. Bốn trăm thôi. Hăm bảy Tết bắc nồi nhé! Tao trông bếp cho. Vừa trông bếp vừa kể chuyện ma, chuyện quỷ nhé! Cái con ma xó này, còn chuyện mày lãng nhăng với thằng đại tá lùn thế nào, mày chưa kể đấy nhé!

- Bà Tài này...

- Đừng có đánh trống lảng! Đồng ý không đã?

- Em đồng ý. - Mụ Chí ngheh mặt, chỉ tay vào cánh cửa bên cạnh nhà chị Nhi vẫn im ỉm đóng. - Bà này, cái nhà chị gì mới dọn đến đây ở mà chả thấy mặt nó bao giờ.

Bà Tài, Nhi, Thơ cùng quay mặt lại và khe khẽ kêu thầm: “Ồ nhỉ!” Chính họ bây giờ mới để ý đến căn nhà người hàng xóm mới dọn đến khoảng nửa tháng nay. Vừa lúc cánh cửa căn nhà họ kẹt mở và một em gái trạc mười ba tuổi xinh xắn, đeo nơ trắng bên mái tóc, lộ mặt ra giữa khuôn cửa, tươi tỉnh:

- Cháu chào các bác ạ!

Mụ Chí reo hoan hỉ, xuýt xoa:

- Ấy dà, chào cháu. Hôm nay nghỉ học rồi a. Mẹ cháu đâu?

- Mẹ cháu đi làm ạ.

- Làm ở đâu thế?

- Dạ, làm ở cơ quan ạ.

Mụ Chí gật đầu:

- Ấy, thế thì biết rồi. Mẹ về, hỏi mẹ xem có gói bánh gửi lược không nhé! Các bác tổ chức lược bánh chung đấy. À quên, mẹ cháu tên gì, cháu tên gì nhỉ?

*

Dọn đến chỉ có hai mẹ con. Mẹ tên là Tươi, con là Tỉnh. Chỉ một buổi, công việc dọn nhà đã hoàn tất. Chưa kịp làm quen với xóm giềng, người mẹ đã mất hút. Nói cho đúng, sớm bữa chị đã đi và tối mịt mới mò về. Tuy vậy loáng thoáng cũng nhận ra chị trạc ba tư, ba lăm. Hai con mắt lóng lánh. Đôi môi bậu. Cái cằm chẻ. Cùng với cái vóc đậm đà, những chi tiết trên cho thấy đó là một phụ nữ xốc vác, quả đoán và đa tình.

“Sao mà ngơ ngẩn như người mất hồn thế!” Đó là nhận xét đầu tiên về người phụ nữ này của mụ Chí. Và bà Tài, chị Nhi, cô Thơ cũng ngơ người, bỏ ngõ. Rồi họ nhận ngay ra rằng, rất không nên bỏ quên người hàng xóm của mình. Chao ôi, cuộc sống sẽ già nua, buồn tẻ bao nhiêu nếu không có câu chuyện ái tình. Đời vốn phù vân, nhưng nhờ chuyện tơ tình, chẵn gối, mây mưa mà bớt đi cái phần vô nghĩa, bèo bọt, chưa biết chừng. Vậy nên cả ba người đều đồng tai nghe mụ Chí kể chuyện. Mụ Chí kể rằng, căn buồng người phụ nữ này đến ở vốn là của một ông vụ trưởng đã ngót nghét bảy mươi tuổi, bấy lâu giở bài cùn, giờ mới chịu về hưu. Tính chuyện kiếm ít vốn giắt lưng, ông nhượng lại căn buồng được nhà nước phân phối cho chị này. Thấy chị chàng phây phây ngỏ lời muốn tìm một chỗ nương thân, ông liền buông lời ồm ồ: “Thì cứ dọn đến mà ở, tôi độc thân, ở sao hết ba mươi tư mét vuông!” Người phụ nữ nghe vậy càng khấp nép ý tứ, nhưng khẳng khái: “Bác để lại em mới dám mua, chứ không thì thôi ạ!” Không đòi ở chung được, ông vụ trưởng giờ mới nửa nạc nửa mỡ: “Thôi thế này

vậy, tôi để lại, nhưng xuân thu nhị kỳ ra thành phố chơi, thăm thú bạn bè, ngộ có lỗ dỏ, chị chắc cũng cho phép tôi độ nhật chứ!” Đến nước này thì người mua nhà cũng đành cáo lui. Chủ nhà biết mình ở thế yếu, liền cười hà hà, tự coi chuyện trên là chuyện đùa. Mua bán dứt điểm rồi, một đêm ông gõ cửa xin ngủ nhờ. Hai mẹ con đành để buồng ngoài cho ông nằm. Nửa đêm ông đập cửa buồng trong, miệng kêu khào khào: “Em ơi, anh đau quá, nhờ em lấy dầu cao xoa bụng hộ với!”

Bà Tài, chị Nhi, cô Thơ cùng phá lên cười.

- Lão này nó lại diễn vở cũ. - Bà Tài nói, sợ câu nói buột miệng là lời tự thú nhận, vội chuyển làn. - Hừ, ngấm ra cái lão này ngoài cái tài kể chuyện tiểu lâm ra, vô duyên hết chỗ nói.

- Đúng đấy nhĩ? - Chị Nhi nói. - Bà và cô Thơ có nhớ chuyện *Lên Thiên đường* lão kể không? Có hai ông bà già đêm ấp nhau, thích quá cùng kêu: “Ôi giời, bằng lên Thiên đường!” Thằng kẻ trộm vốn là anh ngốc mua phải đàn vịt giời vừa bị bốc bay, nằm rình dưới gầm giường, liền chui ra, la: “Thế có thấy đàn vịt tôi ở trên đó không?”

Cô Thơ cười ngặt nghẽo:

- Chuyện *Hai anh lính gác* mới hay, bà Tài còn nhớ không?

- Tao quên rồi.

- Bà có mà quên!

- Kể đi! - Mụ Chí giục.

Cô Thơ thỏ thẻ:

- Có một anh chồng rất hay ghen, mà vợ lại có tính đi. Mỗi lần đi làm xa, anh ta đều lấy mực nho vẽ hai bên đùi vợ hai anh lính bông súng gác.

- Gác cái của nợ nợ ấy à? - Mụ Chí hét to.

Bà Tài đẩy vai cô Thơ:

- Thôi, xúp cái chuyện ấy đi! Thích thì bảo chồng mày nó vẽ. Hề hề...

Đợi cho mọi người cười lẫn lóc thật thỏa thích và cô Thơ vịn lưng đứng dậy, mụ Chí mới ghé tai bà Tài, thỏ thẻ:

- Ấy dà, bà Tài à, cái ông vụ trưởng già ấy mà, nó bảo nó biết hết mùi các bà, các cô ở căn nhà tập thể này rồi đấy.

- Tiên sư thằng đĩ đực, thằng dê già!

- Ấy dà, nó bảo thế. Nó bảo nó đã ngủ với...

- Câm mồm! Thế còn mày, ma xó?

Mụ Chí dụi mắt vào bả vai, cười hị hị:

- Thế mà nó thua nhà chị Tươi này đấy. Trông chị ta hay đáo để, bà nhỉ? Thế mà sao cấm có thấy thằng đàn ông nào đến. Hay là chồng nó bỏ?

- Chồng bỏ hay bỏ chồng?

- Ấy dà! Trông rầu rĩ, nhưng cái ngực nó nở to như hai cái bánh bao à!

Cánh cửa nhà nọ từ từ mở đã cất đôi câu bình luận của mụ Chí. Cái Tỉnh vẫn chiếc nơ trắng trên đầu, thêm cái áo len đỏ khoác ngoài, bê rổ rau đặt xuống ngưỡng cửa.

Bà Tài rời mụ Chí, quay lại, ân cần:

- Cần ăn cuống, muống ăn lá đấy, cháu nhé! Nhặt cần thận, không nhiều đĩa hẹ lắm đấy.

- Vâng ạ.

- Đỉnh đoảng như canh cần nấu sùng. Sao nhà cháu hay ăn rau cần thế?

- Từ hồi bố cháu còn ở với mẹ cháu và cháu cơ.

Như chớp được cơ hội, cả bà Tài và mụ Chí lê chân, sán lại:

- Thế bố cháu bỏ mẹ cháu rồi à?

Cái Tỉnh ngắt một cọng cần già bỏ sang cái mê rổ rách, nhìn hai người đàn bà, nhả nha:

- Bố cháu đi bộ đội, bị thương vào cột sống, nằm bệnh viện hai năm liền, gặp mẹ cháu vào chăm sóc ông cháu là đại tá ốm cũng nằm đấy. Rồi bố mẹ cháu lấy nhau. Sinh cháu xong, bố cháu bắt đầu viết văn. Viết được mười năm thì bố cháu nổi tiếng. “Nghề văn, nếu có tài, chỉ cần từng ấy năm là có sự nghiệp rồi.” Bố cháu bảo thế. Bố cháu đẹp người mà vui tính lắm cơ. Một đêm khuya, bố cháu viết xong một đoạn văn, bèn cao hứng, đọc to lên. Chưa kịp tự khen đã có tiếng người ở đâu đó kêu: “Hay quá!” Hóa ra có một anh kẻ trộm đang rình đợi bố cháu ngủ là cậy then cửa vào. Bố cháu cười: “Tớ chỉ có tí văn chương là khả dĩ, cậu có lấy thì lấy!” Anh kia lắc đầu: “Chỉ có nhà văn mới ăn trộm văn của nhau được thôi. Nhưng tại sao bác lại viết văn?” Bố cháu gật gù: “Có vẻ dân có học đấy nhỉ! Tớ viết văn vì tớ chẳng biết ăn trộm, ăn cắp cái gì ráo!” Hai người cứ thế trò chuyện đến sáng.

Mụ Chí buột miệng:

- Chuyện hay nhỉ!

Cái Tỉnh tiếp:

- Nhưng được lĩnh một cái giải thưởng văn học gì ấy xong là bố cháu lên mặt, coi mẹ cháu không ra gì. Chả cứ mẹ cháu. Bố cháu khinh rẻ tất cả các bạn văn khác. Bố cháu coi họ chỉ là lũ bồi bút, hoặc lũ thợ chữ, viết văn như kéo xe bò lên dốc, văn dai như thừng như cháo. Cứ về đến nhà là bố cháu gây sự với mẹ cháu. Có bạn rít lên: “Con quạ già kia!” Mẹ cháu làm gì mà đã già. Rồi viết đơn ly dị, bắt mẹ cháu ký!

- Thế ra tòa chưa?

- Bố cháu đập tờ đơn xuống trước mặt mẹ cháu, dằn: “Cô hãy buông tôi ra!” Nhưng mẹ cháu kiên quyết: “Vì tôi quý trọng anh nên tôi không ký. Tôi không thể để anh sa ngã được!” Thế là bố cháu đâm vào mặt mẹ cháu, làm mẹ cháu ngã ngửa, đầu đập xuống đất.

- Rõ khổ! - Bà Tài than.

Mụ Chí hau hấu:

- Thế rồi sao?

- Từ hôm ấy bố cháu đi biệt. Mẹ cháu nghỉ phép đi tìm, lại nhẩn hoi trên báo, trên đài. Chả có tin tức gì. Mẹ cháu đi xem bói. Ông thầy bói bảo: Tuổi Thân, vất vả đấy. Phải dọn một cư đất nữa mới yên ổn được!

Bà Tài vuốt hai mép, gật:

- Ra vậy nên hai mẹ con mới mua căn buồng này đấy!

Cái Tỉnh đáp một tiếng “vâng” rồi đứng dậy reo một tiếng to. Có tiếng bánh xe đạp lăn. Và mẹ Tỉnh xuất hiện. Tầm thước, dáng điệu nhanh nhẹn, gương mặt mẹ Tỉnh đầm ấm, các chi tiết hài hòa, nhưng phảng phất vẻ sầu muộn và kiên nghị, còn tiếng nói thì rất thanh trong:

- Chào hai bác ạ. Lại nhờ cả hai bác nhật hộ rau, hả con?

Cái Tỉnh phụng phịu:

- Mẹ đi đâu về mà muộn thế! Con nhật rau để muối cho bữa ngày mai đấy chứ. Cơm con nấu xong hết rồi!

Bà Tài đon đả:

- Thế nào, Tết nhất đã sắm sửa được gì chưa?

Người phụ nữ dựa xe vào tường nhà, vui vẻ:

- Dạ, em đã nhờ chị em ở nhà máy mua hộ rồi ạ.

*

Cuối cùng, chuyện tình của Tươi, nhờ mụ Chí, người đưa chuyện không biết mệt, đến tai tất cả đám đàn bà, con gái trong căn nhà lớn đông hộ này. Chị em, tính nết trái ngược nhau đến xung khắc, nhưng thấy đều nhất trí với người đàn bà từ biên giới lưu lạc về. Rằng bọn đàn ông cực kỳ khôn ngoan, chính họ đã chế tạo ra hôn nhân để hạ người đàn bà xuống địa

vị thứ hai trong cuộc sống. Trong hôn nhân, giống đực được hưởng nhiều hơn. Trời cho họ cái ưu thế là có được cái công năng chủ động. Nhưng mặt khác, xung lực bọn họ, tiếng thế rất có giới hạn. Và hôn nhân chính là cái ách, tuy là cái ách êm dịu với đàn bà. Do vậy, đàn bà phải tương kế tựu kế, giành lấy chủ động trong thế bị động. Hơn nữa, đời là một dòng sông dạt dào, nhưng ngăn ngủi nên hãy tận hưởng. Thời gian còn ít lắm, việc gì phải đi con đường trái nước ngược gió như Tươi.

Tươi là người đàn bà đang chèo con thuyền ngược bến. Tươi phải chống lại cả một dòng nước xuôi dòng xô đẩy. Cực nhọc lắm. Nhưng còn có cách nào khác! Vì chồng Tươi khi có tiếng tăm rồi liền mê một cô đào hát cải lương. Bao nhiêu tiền viết sách được thưởng, đưa cô ta hết. Nhưng chuyện không phải ở chỗ ấy mà là ở chỗ chồng Tươi đã nhầm lẫn. “Cho nên mẹ phải sinh sự, con à.” Cái Tỉnh nghe mẹ nói, môi mím mím, chực khóc.

Cái Tỉnh biết: cô đào hát cải lương rắp tâm quyến rũ bố nó. Cô ấy tô mắt, đánh phấn, trát son, mặc quần bò, áo *pull* đến gặp mẹ. Trần đời mấy ai đã trơ trên đến mức này. “Chị Tươi ơi. Chị nên hiểu thế nào là tình yêu thời hiện đại. Chị nhường anh ấy cho tôi đi. Hay là tặng, hoặc bán cũng được. Nào, OK chứ?” Cô ấy nói. Mẹ xáp mặt cô ấy, mắt quắc sáng, găm trong cổ họng thật dữ dội: “Cô có biết cô là gì không? Cô là ma vương quỷ sứ, là yêu quái đội lốt người. Tôi quyết tử với cô đấy!”

Sức mạnh để dựa vào đó mà quyết tử, Tươi nhận cả từ bên âm. Tin ông thầy bói, chị bán căn nhà cũ, mua căn buồng mới, ở cư đất mới, nhờ cậy cả sự hỗ trợ của ông thần Thổ Địa trong căn nhà này. Nhưng chả ngày nào hết giờ làm Tươi không trở lại căn nhà cũ. Chủ mới đã dọn đến, trưng bảng hiệu, làm lại cửa xếp. Đồ đạc Tươi đã chuyển đi, chỉ còn lại mấy chiếc ghế gấp, một cái kệ sách. Nhưng căn nhà vẫn nguyên vẹn một mảnh ký ức. Mảnh tôn vá ở cánh cửa sổ. Ô kính trên mái ngói. Toàn bộ cuộc sống đã qua. Tiếng nói u tịch của tiềm thức.

Những tồn đọng thâm lặng. Những tiết đoạn đầy màu sắc sống lại trong giấc mộng du cùng với nỗi cô đơn quặn thắt đòi được sẻ chia, và một khát vọng tiềm ẩn cần được giải bày. Tuổi bao dung, cao cả, tin rằng mình là cái đẹp, là tình yêu thật sự, là sự sáng tỏ, là lẽ phải muôn đời cần dang tay độ lượng.

Chẳng ngày nào Tuổi không về muộn. Chị để mất một lượng thời gian lớn ở trước cửa căn nhà cũ vào lúc năm giờ chiều. Theo thói quen đã định hình, đó là giờ trở về tổ ấm của gia súc và con người. Chị đứng ở đó, bơ vơ giữa luồng gió lạnh thổi qua phố trống, nhìn về hai phía con đường. Mỗi ngày nào hàng cột điện hun hút về xa gầy như que tăm, giờ đã lớn phồng cao vồng, đầu gập xuống hình một cộng giá đỡ. Chỉ có những đám mây là thời gian không dám chạm tới. Mùa thu, mây kéo rê từng tảng, bay qua phố, buông rơi xuống mỗi mái nhà một làn hơi ẩm. Mùa đông, mây dâng lên cao, ẩn sau nền trần xanh rươi. Chị nhớ nhất những trận mưa đông quăng giờ này vào mùa hạ. Mưa có chân, chạy từ xa đến, cả một đoàn ngũ mù mịt. Và khi tới gần chúng trở thành những ngón tay mở xuống mái tôn, thánh thót như tiếng dương cầm. Trong hòa âm rộn ràng ấy, người đàn ông thường rón rén đến sau chị và hay chơi trò ù ập khiến chị giật thột mình.

Cuối cùng thì đã đến lúc cái Tỉnh, con gái Tuổi, không chịu được nữa. Hôm sau, sẩm tối, trời giá buốt ngăn ngắt, thấy mẹ về, bỏ cái xe đẩy, một nhọc nằm nhoài trên mặt giường bữa bọn chăn chiếu, nó liền bật điện, bê mâm cơm ra giữa nhà, rồi lụ bụ:

- Mẹ buồn cười thật đấy! Mẹ có biết hôm nay là bao nhiêu rồi không? Hăm bảy Tết rồi!

Chưa kịp để Tuổi trả lời, nó đã mở vung, cầm đũa cả, đánh nổi cơm, tiếp:

- Nhà nào người ta cũng mua lá gói bánh cả rồi. Mẹ bận thì để con đi mua. Mút, rượu, pháo rồi măng, miến, đậu, thịt,

hoa nữa. Tết nhất không có những thứ ấy thì làm cỗ cúng ông bà thế nào!

Tươi ngồi dậy, mệt mỏi:

- Mẹ đưa tiền nhờ các cô trong tổ cả rồi. Nội nhật ngày mai, cùng lắm là ngày kia, các cô sẽ mang lại đầy đủ cả!

- Đầy đủ cả!

Con bé khe khẽ day lại lời mẹ rồi lặng lẽ xới cơm và bưng bát cơm ăn một mình. Nó không mời Tươi. Nó dối. Tươi nhận ra tất cả sự già dặn và ngây thơ ở trong hành vi ấy của nó. Nhất là khi đột nhiên, nó đặt bát cơm xuống, bước ra ngoài hiên, với cái khăn mặt, lau mắt và quay lại, hắt vào trong nhà một giọng nói đã méo xệch vì tức tưởi và khổ đau:

- Mẹ không việc gì phải thế cả!

Nhận ra tất cả chiều sâu tâm tư trong lời nói vừa có ý trách móc, vừa xót xa chia sẻ nọ, Tươi vội trụt xuống đất, nhao ra cửa. Chì ôm vai con gái, kéo nó áp vào ngực mình. Tỉnh đã cao chạm cằm mẹ. Nó giống mẹ như đúc ở đôi mắt đẹp, thoáng nỗi buồn ảm đạm. Nó đã vào tuổi hiểu biết. Nó đã đặt chân vào cái thế giới riêng của nữ giới. Đã bắt đầu nghe được tiếng nói của đám phụ nữ đa tạp, đa sắc ở căn nhà này. Nó đang can dự vào đời sống của mẹ nó.

- Ngày mai, mẹ hứa với con, sẽ đủ hết. Sẽ có cả quýt, cả cành đào.

Tươi riết chặt vai con. Nhưng con bé thoát đầu quấy mạnh, lát sau chính nó lại vòng tay thít thân mẹ vào mình nó.

- Không! Không phải là con đòi hỏi những thứ đó. Con không còn là đứa trẻ con.

- Mẹ hiểu. Mẹ hiểu.

- Mà là con không muốn mẹ phải khổ. Mẹ không phải khổ thế, mẹ ơi! Mẹ phải nghĩ đến mình nữa chứ! Hồi này mẹ già hẳn đi! Tóc mẹ đã có sợi bạc rồi kia kìa!

Thốt nhiên, nước mắt tích tụ đã tràn đầy bỗng vỡ òa, nhòe trong hai hốc mắt và tuôn ào qua hai má Tươi, lăn xuống đầu con gái chị. Buồn thương, đau khổ dâng lên, chẹn ngang ngực chị. Chị nấc liên hồi và gục vào đầu con, khóc xối xả, vật vã như một cơn mưa đông đầu mùa.

Chao ôi, đời người sao mà khổ ải khủng khiếp đến thế!

Không phải chỉ vì nó là cuộc kiếm sống, là cái khốn khó để giành giật lấy miếng ăn, để lấp đầy cái dạ dày mà là để cho trọn vẹn một đời sống khác, một đời sống bao giờ cũng hướng về sự hoàn thiện, đầy ảo tưởng tôn giáo, vì ở đó có sự hiển mình cao cả cho tình yêu. Tình yêu bao giờ cũng là một giấc ảo mộng và luôn tuyển mộ được những tín đồ thiết tha với cái chết tử vì đạo như Tươi đây.

Tươi đang ở trong cuộc sống đó và chị không biết nản lòng. Người đàn ông đã cố tình quên chị. Nói cho đúng, y là khối thuốc súng, nhờ chị là mồi lửa mà bùng cháy, chói sáng, rồi tự huỷ hoại mình trong hào quang tự kỷ. Và chị trước sau vẫn một tấm lòng rộng lượng, một tinh thần hi xả, một niềm đam mê bền bỉ như một thiên tính trời ban riêng cho đàn bà.

Cái Tỉnh khóc theo mẹ, lần này nó nín chặt lấy mẹ, trong tâm thái hết sức sợ hãi, vì nghĩ mẹ nó là một bản thể yếu đuối đang nức nủi vì vết thương lòng.

- Mẹ, không phải là con đòi hỏi gì đâu, mẹ ơi. Con chỉ muốn...

- Mẹ hiểu. Mẹ hiểu. Nhưng mẹ có khổ đâu, con. Mẹ không khổ! Mẹ không khổ!

Hai mẹ con vừa nức nủi vừa giải bày với nhau. Cả hai đều bàng hoàng trong cảm xúc thiêng liêng. Rồi đột ngột cả hai cùng bật tiếng. Ngoài cửa có những tiếng động nho nhỏ như tiếng chân người, như tiếng gõ cửa. Tươi nhắm mắt, tim lặn đi mấy giây, trong hy vọng ngọt thở. Có thể thế chăng? Cái điều đang trần mình để giành lại, để tự vệ lại là sự thật?

Cái Tỉnh bước ra, kéo then, khẽ khẽ đẩy cánh cửa gỗ ra phía ngoài. Ngoài hiên lao xao tiếng bà Tài, chị Nhi, cô Thơ và mụ Chí. Họ đang kê nồi bánh và nhóm lò. Lát sau, khói bốc mù mù. Cái Tỉnh vội đóng chặt cửa. Tiếng nói của những người đàn bà lao xao quanh nồi bánh, âm âm trong hàng hiên, khơi nguồn là do bà Tài. Bà Tài ngồi trên cái ghế mây đan, xòe cả hai bàn tay có những ngón tay búp măng nuột nà thật đẹp, cười hề hề:

- Xong nồi bánh này là chẳng còn đéch gì mà lo nữa. Đêm nay ngồi canh bánh, tớ đề nghị thi kể chuyện. Chuyện phải thật tục, càng tục càng hay. Nào, cho ma xó nói trước!

Mụ Chí ngheń cái cổ gầy:

- Ấy dà, thế nào là tục với không tục?

- Thôi đừng lý sự nữa!

Cô Thơ đang rúc vào vai chị Nhi cười. Chị Nhi đẩy Thơ:

- Cô Thơ có chuyện hay lắm, xung phong kể đây.

- Hoan hô!

Thơ đỏ rùng mặt, cố nín cười:

- Không hay đâu. Nhưng tục mà lại không tục. Có bốn câu ca dao thế này. “Cục thịt đút vào lỗ thịt. Tay bưng đít, tay bưng đầu. Ngâm cho một lúc thật lâu. Rút ra đánh oác nhìn nhau cả cười.” Em đố các chị nó là cái gì?

Bà Tài ôm bụng, oặc lên như một tiếng nồn khan. Và mọi người, kể cả Thơ, sau đó đều như bò bằng cả hai tay, hai chân trên đất và gục mặt xuống mà cười. Cười lăn lóc, cười phát ho phát hen. Cười đến đứt ruột, đến bể bụng. Cười thật hồn nhiên, thật đã đời. Trời ạ! Tả cái hoạt cảnh mẹ cho con bú mà cheo leo, mập mờ bên bờ chuyện trai gái làm tình như thế thì thánh thật! Thánh thật! Thánh quá đi mất! Và những ai cười được như thế hẳn là những người sung sướng lắm, có phải thế chẳng?

ANH THỢ CHỮA KHÓA

“K^hóa ơ!”

Anh thợ chữa khóa phốc lên cái xe đạp cà khổ, hếch mông, nhún chân đạp. Cái xe không mác, khung bong hết sơn, nốt hàn sần sùi, không chắn bùn, không chắn xích, xích rảo rượi, mỗi bước chuyển nghiêng vào nhau nghe ghê cả tai; gặp chỗ đường lồi lõm, cái hòm đồ nghề đeo ở sau xe nảy lóc cộc còn hơn ngựa bẫm vó trên đường rừng. Con ngựa sắt của anh, chiếc xe đạp của anh, sở dĩ chuyển động được có nhẽ vì nó còn có hai bánh xe tròn và hai vòng bi. Tròn thì phải lăn, vòng bi thì phải quay, sự chuyển dịch hóa ra là lẽ đương nhiên. Cũng như con người ta thoát đầu sinh ra là một ngẫu sự, nhưng kéo dài kiếp sống tình cờ lại là một hành động có ý thức, chứ không thể là sự phó mặc.

Người sao của vậy, anh thợ chữa khóa ngự trên cái xe cà rịch cà tàng nọ, cũng đồng hạng một chủng loại già nua và phế phẩm như chiếc xe của anh. Ngoài bốn mươi một tí, nhưng trông anh già hơn tuổi. Anh cao lóng khòng, đen quắt, mặt gồ ghề, mắt lỗ đáo, ria điểm bạc tua tủa như lông nhím. Anh đánh cái quần bộ đội cũ, cụt ống, mông đắp hai miếng vá tổ bố. Cái quần ngắn, lại xắn cao, mỗi lần anh nhâng chân đạp lại trời cái đầu gối củ lặc ra, trông như tranh biếm họa.

Cả người anh chỉ được cái tiếng rao. “Khóa ơ!” Cái tiếng rao trẻ trung, tựa như lọt ra từ một cơ thể tràn trề sinh lực và được nuôi dưỡng trong nâng niu trù mến. “Khóa ơ!” Giọng tròn, ấm, anh tự giới thiệu nghề nghiệp với mọi người. “Khóa ơ!” Nghe tiếng anh rao chợt nhận ra anh đang ca tiếp cái giai điệu đã định hình, định thanh từ ngày xưa ngày xưa, khi chưa có anh, chưa có tôi. Tiếng rao ấy có từ thời có sự phân chia nghề nghiệp, được thời gian thử thách, chọn lựa, trở thành bất di bất dịch, in vào từ điển ký ức của con người.

Anh thợ chữa khóa nhong nhong chiếc xe đạp cà tàng, ngoắt ngoéo vào các ngõ ngách phố phường, cất tiếng rao, chắc hẳn là tự biết mình đang hòa nhập vào đội quân đông đảo nghề ngỗng linh tinh như anh. Như anh, có người cưỡi xe. Lại có người đẩy xe. Không ít người gánh, đội, cắp nách đồ nghề đi rong. Thôi thì đủ, đàn ông, đàn bà, già, trẻ, lớn, bé. Và giống anh, tất cả đều cất tiếng xưng danh, mời chào. Ấy thế, đã đi rong là phải có tiếng rao. Và nghe tiếng họ rao, ta mới nhận ra rằng, đa số người trong bọn họ đang tiếp nối cái nghề đã trở thành truyền thống xa xưa, với đủ các giai điệu, tiết tấu trầm bổng, nhanh chậm thật đặc thù và đã được chế định hẳn hoi rồi.

Cô hàng rượu nếp có dáng đi chọn lọc là bao giờ cũng thông dong, tênh tênh cái gánh hàng nhẹ nhõm, thả cái tiếng rao mềm như sợi lạt giang ngâm nước nghe đến là la đà: “Ai rượu nếp ra mua!” Lảnh lót thì phải nói đến mấy cô hàng rau trẻ. Các cô có dáng te tái như vừa đi vừa chạy. Và rau cỏ trong tiếng rao của các cô là một đám lú rú những su hào, cải bắp, cà chua, xà lách, hành tỏi, tỏi tăm cả mặt mũi khách hàng. Khác hẳn với mấy cô bán rau, mấy bà thu mua các mặt hàng tầm tầm mà tiếng rao lại bay bổng như là hát dân ca. Ấy là mấy bà thu gom *tả pí lù*, từ vỏ chai, lon bia, bìa *các tông*, hộp xộp đến giấy vụn. Nghĩa là trăm thứ bà giần mà các bà chỉ buông mỗi một câu đã có từ thuở khai thiên, với cái giọng

chênh vênh cùng một ngũ âm cổ lỗ và từ vựng thì đã mất ý nghĩa từ nguyên: “Ai cháo trai, bao chè, đồng nát doi!” Thu mua phế liệu gần đây là một nghề mới, mang đặc điểm thời đại ở tốc độ gặt gao nên nhiều ông hùng hổ lắm: “*Survolteur*, bàn là cháy, máy bơm hỏng bán dê!” Cái lối tuôn ra một tràng tiếng giạt cục như thế, khiến người ta nhớ đến cách nhấn trọng âm để gây ấn tượng của anh bán tiết lợn: “Tiết canh đi!”, hoặc như làn roi quất vụt vào không khí của anh chuyên nghề tẩm quất. Trong đêm lạnh nghe hai tiếng “khúc dê” đã thấy cái miếng bánh khúc nóng hôi hổi bọc trong lớp xôi trắng dẻo và cay mùi hạt tiêu nóng ấm thơm sực. Tiếng “giầy giò” nghe chân phương, thật thà, nục nạc, xựa rầy vằn vẩy, đến nỗi có cảm giác cả cái thúng người nọ đặt trên đầu, cái mũ nồi anh ta đội, cái dáng lêu đêu của anh ta, cũng là cha truyền con nối! Tiếng rao nâng lên cao độ, rồi buông thả chơi vơi ở âm tiết sau cùng, có sức truyền cảm thật rộng chính là của ông bán tào phớ. Tung tênh một bên là chiếc thùng gỗ thông vàng ươm, một bên là cái tủ con đựng bát thìa, ông đi vào ngõ nhỏ và tung lên trời độc một nguyên âm “ơ” kéo dài ra mà thôi. Chỉ vậy thôi, chỉ một tiếng “ơ” là trẻ con lếch thếch lôi mẹ, theo mẹ ra cửa, với cái bát sứ trắng bong trên tay rồi.

Tiếng rao của các nghề rong đường vậy là đã được mã hóa, đã được ước định. Nó trở thành âm nhạc của nghệ thuật quảng cáo và giao tiếp mà anh thợ chữa khóa của chúng ta đã tiếp nhận được.

“Khóa ơ... ơ... ơ...”

Anh thợ chữa khóa gia nhập đội ngũ những người làm dịch vụ, các thứ nghề vụn vặt, linh tinh trong đời sống - một lớp người đông đảo, ngày càng đông đảo lên, sau một thời gian họ gần như bị tuyệt diệt hoặc phải lén lút hành nghề. Xã hội công hữu hóa triệt để cực đoan, hóa ra quá bất tiện và phiền hà. Cuối cùng sự cưỡng chế đã thua dòng chảy tự nhiên. Mưu sinh, tự lo toan hóa ra là cuộc sống khởi thủy, vĩnh hằng, là

dòng sông tuôn chảy dồi dào, phù hợp với cái hăm hở vốn có của con người. Phải sống! Phải lặn lưng vào cuộc sống. Phải chịu thương chịu khó. Phải chăm bới đất nhất cở. Phục vụ người, ta lại được phục vụ lại, ấy là cái vòng tròn tự nhiên của đời sống. Không tin ư? Thì một hôm nào đó nằm yên trong nhà, bạn hãy để trí não thành chiếc máy ghi âm thu nhận những tiếng rao đi qua cửa, bạn sẽ thấy đó thật sự là một dòng chảy sinh động, tươi vui, trong đó người giao tiếp với người thật bình đẳng, nồng nàn.

“Khóa ơ... ơ... ơ...”

Anh thợ chữa khóa, tặng cho đời sống một nốt nhạc nhỏ, góp vào khúc hòa tấu vui vẻ của đời người. Anh thợ chữa khóa làm nên cái mắt xích cuối cùng để khép kín một vòng tròn nho nhỏ. Có nhu cầu thì có sản xuất. Có sản xuất thì có tiêu dùng, có thỏa mãn nhu cầu. Có của cải thì phải có sự bảo vệ. Khóa có công năng bảo vệ nên nhà máy khóa ra đời. Nhưng khóa gì thì cũng có lúc hỏng hóc. Sửa chữa cái hỏng hóc là phải nhờ tay anh thợ chữa. Anh thợ chữa khóa đứng trong cái vòng tròn nho nhỏ như vậy. Những cái vòng tròn ấy chúng giao thoa với nhau.

Anh thợ chữa khóa hiểu cái vị trí của anh nó quan trọng nhưng rất khiêm tốn nên anh vô tư và cần mẫn lắm. Thường ngày, kể cả Chủ nhật, anh xuất phát từ nhà, vòng qua khu Giảng Võ, sang khu Thành Công, đông lên Thủ Lệ, rồi quay xuống khu Ngọc Khánh của tôi. Lịch trình như thế là rất ổn định. Anh cứ việc dẽ chân đạp và cất tiếng rao chào mời, cho đến khi có người yêu cầu.

Anh dừng xe. Người có khóa hỏng hóc đưa khóa anh xem. Anh xem, rồi anh rao giá. Người nọ mặc cả. Thường là chóng vánh. Vì không đáng là bao. Hai nghìn đồng, lại làm thêm một chìa nữa, cũng chỉ bằng một bát phở tái. Ngã giá là anh bắt tay vào việc.

Anh dựa xe, tháo dây, bê cái hòm đồ nghề ở sau xe xuống. Đó là một hòm đạn pháo bằm bảy ly, gỗ thuộc loại tứ thiết. Mặt hòm, cạnh hòm sứt sẹo, nham nhở vết giũa, vết đập. Vì mặt hòm kiêm luôn nhiệm vụ cái đe. Mở nắp hòm, anh lôi bộ đồ nghề ra. Thật đơn giản. Một cái búa. Mấy cái kìm to, nhỏ. Dăm loại giũa. Hai chùm phôi chìa khóa đủ loại. Và một ít dây chì, dây nhôm. Quan trọng ở đây là kỹ thuật, tức chất xám. Cầm cái khóa hồng trên tay, bóp nhẹ vài cái, lập tức trong anh xuất hiện một con mắt thấu thị soi tận vào gan ruột chiếc khóa, biết ngay được cơ chế và chỗ hư hỏng của nó. Rồi có ngay phương án sửa chữa. Trong trường hợp nó là khóa bi, bập khóa rồi để mất chìa thì trước hết phải tháo mở nó ra. Việc này khá đơn giản. Chỉ việc khoét hết thiếc nhôm hãm ở các lỗ nhỏ cạnh sườn khóa là bi tọt ra cả và vôi khóa cũng sẽ bật ra. Xem cách đặt bi sẽ biết ngay hình dáng cái chìa.

Bước tạo chìa thực hiện chủ yếu bằng giũa trên phôi khóa. Theo cách sắp bi mà tạo ra hệ thống răng cửa thích hợp ở chìa. Việc này đòi hỏi sự tinh tế ở con mắt, ở bàn tay. Vì ngoài sự rắc rối về đường nét răng cửa còn phải tìm được cái lấy chính của khóa. Cái giữa xoèn xoẹt liên tục. Nhưng cũng phải ngưng liên tục để tính toán, giũa tay là mắc, non tay là mất nhay. Phải liên tục vi chỉnh. Mà vi chỉnh ăn thua là ở cảm giác bàn tay, bàn tay anh, bàn tay vàng, bàn tay có mắt, có trí tuệ, mẫn cảm tuyệt vời.

Tôi chúa là hay lơ đãng.

Khóa cửa Việt Tiệp. Khóa tủ Trung Quốc. Khóa xe đạp Mifa... mất chìa như cơm bữa. Có bận tôi để rơi đâu cả chùm. Có hôm phải gọi xích lô chở cả chiếc xe đạp về nhà, rồi mới mời được thợ đến mở khóa.

Thế là tôi quen anh thợ chữa khóa nọ.

Anh giũa, anh đập. Tôi ngồi cạnh anh, vừa xem anh làm vừa trò chuyện.

- Anh học ở đâu cái nghề này thế?

- Nghề nghiệp gì đâu, anh! Khéo tay hay con mắt thôi mà.

- Thì cũng là một nghề đăng ký trong danh mục nghề nghiệp!

- Ngẫm ra thì cái nghề nhỏ mọn này cũng giống như cái nghề khác, tức là trước hết trong mình phải có sẵn một cái gì đó, chẳng hạn, một gói thuốc nổ. Học tức là châm cái que cháy vào cái khối thuốc nổ đã có sẵn đấy thôi. Tôi từ nhỏ đã hay tò mò, tí táy.

A! Tôi đã mở được cái khóa của lòng anh. Hóa ra con người này cũng hé mở cái gì là lạ đây.

- Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, anh sống được không?

- Sống được chứ! - Anh ngẩng lên, mặt lam lũ ngời vẻ tự mãn. - Không sống được thì leo đèo làm gì? Mỗi ngày trung bình cũng hai, ba chục, đủ yến gạo.

- Thế thì thừa tiêu!

- Tiền thì vô cùng. Tôi phải gửi về nuôi vợ và hai con ở nhà quê Phú Lý.

- Sao không quy về một mối?

- Quy sao được! Vợ tôi còn phải dạy học. Cấp một thôi. Nhưng cũng là có công việc. Ở đâu quen đấy. Còn tôi, bay nhảy mất nét từ lúc đi bộ đội rồi. Hơn nữa, về quê lúc này thì thất nghiệp. Chi bằng thông dong tháng ngày ở đây, phục vụ bà con.

Anh trao chìa khóa cho tôi, cười thật hiền lành.

*

“Khóa ơ...”

Anh thợ chữa khóa ấy tên Thiều, ngụ tại xóm L. trong một phố nhỏ mới hình thành trên bãi rác ven đô. Anh trở nên quen

thuộc với người trong khu phố tôi. Anh được mọi người tin cậy. Vì anh rất tận tình với công việc. Anh lấy giá rẻ. Anh không cậy tài, thừa cơ bóp khách. Chìa anh làm y như chính hiệu, đẹp và bền. Gặp ca hỏng hóc búa, anh mày mò cả buổi. Chưa bao giờ tôi thấy anh bó tay.

Bóng hình anh với con ngựa sắt già lênh khênh buổi trưa, xế chiều dẫu dãi dảo qua khu phố tôi với tiếng rao nhẹ bắng và yêu đời, ngày này qua ngày khác đã trở nên một kết cấu khó tách rời trong bức tranh đời của chúng tôi.

Bỗng một hôm không thấy tiếng anh rao.

Rồi hai hôm. Rồi cả tuần không thấy anh đi qua.

Vụt cái cả tháng trời vắng bóng anh. Người ta nhao nhao hỏi nhau. Một tháng, ba mươi ngày đủ để cả chục người trong vạn người đánh mất chìa khóa hoặc cần làm thêm chìa mới. Cái vòng tròn thế là hở một đoạn. Thế mà anh thì biên biệt. Anh về quê với vợ con? Hay anh nằm nhà vì đau ốm?

Đang băn khoăn thì bỗng như từ ký ức hiện ra, tiếng lộc khộc của cái hòm đồ nghề sau xe anh nảy và tiếng “khóa ơ” từ miệng anh bay ra đưa hồn người bỗng lên tận trời xanh.

- Em bị công an họ bắt.

- Sao vậy?

- Họ nghi em mở khóa vào ăn trộm nhà ông tổng giám đốc công ty Mếch mung gì đó ở cạnh nhà.

- Sao lại nghi?

- Thì “chữ tài liền với chữ tai một vần”, anh còn lạ gì! Cũng vì em búống, em hay lý sự, chết là vì cái môm phát tiết anh hoa. Khổ thế, cái môm, chả ai khóa được. Có lần đi qua nhà ông tổng giám đốc nọ, em đứng lại, ngửa môm nói: “Đừng tưởng kín cổng cao tường là chắc chắn. Có khóa thì có chìa. Cao nhân tất hữu cao nhân trị. *En nờ* chiều, thực ra chỉ là một chiều thôi.”

- Nghi tại sao giữ lâu thế?

- Là bởi em ngang, em đùa dai. Hôm đầu bị gọi lên tạm giữ, em trở tài mở còng số tám cho một thằng bé. Thằng này mười sáu tuổi, bố nghiện, mẹ bỏ đi lấy chồng, nó phạm tội ăn cắp xe đạp. Khổ, cái xe đạp cà tàng chỉ đáng giá yến gạo. Ông trung sĩ công an ngủ. Em mở khóa cho thằng bé, rồi em tự khóa tay em, thế chỗ cho nó. Ông trung sĩ tỉnh giấc ngơ ngác: “Ồ kìa, vừa rồi là thằng bé?” Em nói: “Ông ngủ kỹ quá. Thằng bé đủ thời gian lớn lên thành anh thanh niên. Anh thanh niên đi bộ đội. Đánh nhau ở Quảng Trị, cả đại đội anh chỉ còn sống sót có mình anh thôi.” Ông ấy tát em một cái. Ông đại úy đồn trưởng mắng ông trung sĩ. Rồi biết em là loại người không nên khinh nên mời nói chuyện.

- Vui nhỉ!

- Em bảo ông đại úy: “Ông có thấy không? Tội ác, xét về mặt nào đó, nó đẩy lịch sử tiến lên. Có bọn ăn trộm nên nghề làm khóa ra đời và ngày càng tinh vi hơn. Vì có bọn lộng quyền nên đòi hỏi dân chủ mới mãnh liệt, có đúng không?”

Anh thợ chữa khóa lại lóc cóc thàng ngày.

Một ngày kia, trên ti vi, nhà máy khóa M. K. quảng cáo một loại khóa mới và thách ai mở được loại khóa này sẽ thưởng cả triệu đồng và nhận vào làm việc với mức lương thợ tốt cùng ngày.

Tôi mách anh Thiều thợ chữa khóa tin đó.

Anh cầm cái mũ lá tuột vành múc gió hất vào khuôn mặt gồ ghề, chành miệng cười:

- Em đã mở thì khóa nào cũng thua. Ra tay “mở khóa động đào” cũng còn được nữa là...

- Thế thì dự thi đi.

- Em chưa nói hết. Khóa thiên đình, khóa cổng trời em mở cũng được. Nhưng mà em tội gì bỏ thân về với họ. Thời chiến, em đi bộ đội, góp xương máu cho Tổ quốc, tròn nghĩa vụ rồi.

Rồi quân ngũ em còn làm thợ xây một thời gian. Ít lâu sau biết em là dân có học, họ cho em làm kế toán. Ôi, làm kế toán em mới biết... thì ra bọn sâu mọt nó đục khoét tàn tệ quá. Thế là em bỏ. Dẫu hèn cũng là ngựa nhà quan. Không tố cáo được bọn họ thì em xuất lực đi chữa khóa rong, kiếm đồng tiền sạch sẽ.

Anh nghe cười một hơi, rồi tiếp:

- Chuyện rõ như ban ngày thế mà khi giam giữ em, họ cứ bẻ hành bẻ tỏi: “Tại sao đang làm kế toán lại bỏ về đi chữa khóa rong?” “Đời nay, thấy không có ai treo ấn từ quan nên các ông nghĩ thiên hạ hèn hết rồi chẳng?” Em tức quá nói vậy. Họ lại truy xem em thường chữa khóa cho những ai. Em càng điên tiết. Em nói: “Mỗi người có một phương thức tồn tại. Ăn trộm là phương thức tồn tại của thằng ăn trộm. Xét đơn thuần về mặt triết học, không phương thức nào hơn phương thức nào. Những người tôi chữa khóa cho họ, bình đẳng với các ông, trong tư cách khách hàng của tôi.” Họ chẳng hiểu. Em nói: “Quân tử cầu chư kỷ, người quân tử trông vào mình.” Họ cũng chẳng hiểu. Em nói thêm: “Quy luật quan trọng là tự hoàn thiện, làm tròn đầy mình.” Họ càng không hiểu. Ôi, ngày nay sao lắm anh dốt thế!

“Khóa cơ...”

Anh thợ chữa khóa tâm hồn thanh khiết với đôi tay vàng lá chiếc xe cà khố, len lỏi vào đủ các góc ngách phố phường, rong ruổi hành nghề, sống giữa đời nhẹ nhõm như một cuộc dạo chơi vô tư lự.

Xuất hiện lần thứ hai ở khu phố tôi, như rất nhiều nhân vật lịch sử, anh gần như thay đổi hẳn phong thái, điệu đi, cách đứng. Anh mặc quần *pho*, áo sơ *mi* màu hồng, cổ cứng. Cái mũ lá cọ rách thay bằng chiếc mũ cối. Mặt mũi anh sáng sủa hơn, trau chuốt hơn, tuy vẫn một vẻ hồn nhiên, như cây cỏ, chưa hề qua rèn giũa. Anh có vẻ phởn. Anh bảo nhiều việc quá, làm không hết. Cả cái con ngựa sắt già nua của anh cũng

được trẻ lại. Nó đeo một cái chuông kép của xe Phụng Hoàng Trung Quốc. Cái chuông reng reng đồ hồi, sau khi anh cất tiếng “khóa ơ”, giống như một vĩ thanh rền rã, vui nhộn. Tiếng rao thì bay vút lên không trung. Còn tiếng chuông thì đi một đường thẳng ngang tầm xe. Tiếng chuông bao giờ cũng đến trước, rồi mới thấy xe anh phanh kèn kẹt dừng lại. Anh dừng xe ở xế nhà tôi: nhà chị Thoan.

Chị Thoan là thợ làm đường trên Công trường Thủy điện Hòa Bình. Năm khởi đầu xây dựng cái công trình thế kỷ này chị là cô thanh nữ ôm hoa tặng khách đến dự lễ khởi công. Hơn chục năm chị cặm cụi trong nghề rải đá, vá đường, đào rãnh, *bạt ta luy*. Công trường mở ra, rồi khép lại. Mở ra nó hút người vào, khép lại nó đẩy người ra. Ba mươi bảy tuổi chị Thoan bị nó đẩy ra với một đứa con ngoài giá thú và mấy đồng bạc hưu non lĩnh một lần. Nhưng cũng như bao kiếp sống nhờ cậy ở chính đôi tay mình, chị về thành phố, lập tức gia nhập đội quân dịch vụ đủ hình đủ sắc của thời kinh tế thị trường. Chị làm bánh trôi, bánh chay, nấu chè đỗ đen, đồ xôi, hấp bánh bao... Một tay xoay xỏa, cố gắng trở thành một mắt xích trong guồng máy xã hội, khép kín cái vòng tròn nhu cầu ẩm thực của con người. Chị chỉ còn dang dở mỗi đường tình ái thì may thay, anh thợ chữa khóa tài hoa tới “*xấn tay mở khóa động đào, rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên Thai*”.

Thôi thì các nhà đạo đức hãy đại xá cho anh. Vợ con anh ở Phủ Lý hãy thứ lỗi cho anh. Anh cũng như tôi, như mọi đáng bậc từ xưa đến nay đều hay mủi lòng, đều thích sự chiều chuộng vuốt ve gần gũi, đều khoái những khoảng đời ngoài vòng luân lý. Cuộc tình của anh thợ chữa khóa với chị Thoan có đủ các duyên do đó. Nó là vậy. Cho nó là xấu, là tốt thì tùy. Còn đối với chị Thoan, sự sắp xếp như vậy là tròn trịa. Chị đã có bạn tình. Rồi chị sẽ có chồng. Ai ở hoàn cảnh chị cũng vậy thôi. Tất nhiên để có chồng phải qua một số thủ tục nữa và phải kín kẽ để che mắt pháp luật. Chị có một ông chú làm ở

Ban Tổ chức hay Ban Tuyên giáo gì đó ở Trung ương. Sảy cha còn chú. Vì vậy chị còn phải xin ý kiến ông. Ngặt cái, ông đây đó liên miên vì đang mùa tổng kết. Thành ra anh và chị vẫn giữ quan hệ trong vòng khuôn mẫu đạo lý phổ thông, quá lắm cũng chỉ là “già nhân ngãi, non vợ chồng”, mặc dầu duyên tình đã bén rồi.

Từ hôm bén bện nhau, trưa nào, sau một tua đi rong, anh thợ chữa khóa cũng tạt vào nhà chị Thoan. Anh ở đó, ăn uống, trò chuyện, tâm sự, âu yếm chị tới khoảng ba giờ, con bé con chị Thoan đi học về, mới ra khỏi nhà. Anh đèo xe chị ra chợ, để sớm mai chị có hàng bán.

Mấy tháng sau, một buổi sáng chị Thoan vừa mới dọn hàng ra chợ được một lúc, bỗng thấy có tiếng người gọi nhau í ới. Lát sau, nhìn ra thấy hai bà tuổi dòng dòng đang xóc nách chị, dìu chị vào nhà. Chị ngoẹo đầu, so vai, thở khò khè, tóc xổ rối bung. Chị bị cảm đột ngột, các bà bạn hàng xúm lại đánh gió, xoa dầu giải cảm cho chị. Chị nằm một lúc, rồi tỉnh. Tỉnh rồi bắt đầu nôn ọe. Nhưng chị vẫn cố lần ra, cố tình mở rộng cửa để đón anh thợ chữa khóa. Lúc này là lúc cần có nhau là một chuyện. Mặt khác có cái gì đó như là nụ hoa, lại như cái mầm oan nghiệt đã nảy sinh, cần thông báo để anh biết nên mong ngóng da diết lắm.

Nhưng trưa chiều ấy, chị Thoan mong đổ con mắt. Ngày hôm sau, chị mong mòn con mắt. Cả tuần ấy, anh thợ chữa khóa biệt tăm. Cả tháng ấy, anh thợ chữa khóa vô nhân dạng.

Chuyện một kẻ trong đám đông người vô danh mất tăm đột ngột trong chiến tranh xảy ra nhiều hơn, còn trong thời bình cũng vẫn thường có. Giống như một âm thanh cất lên từ đâu đó, rồi mất hút vào cõi hư vô thăm thẳm. Con người ta nào ai có được chủ động trong việc sinh ra mình. Cuộc sống của nó cũng là tình cờ. Và nó biến khỏi trần gian thì cũng tùy tiện, bất tuân theo một luật lệ nào. Hàng triệu người, cả trăm triệu

người đã là như thế, họ biến đi không rõ lý do và chẳng để lại dấu vết gì ở mặt đất cả. Họ sống như một cái bóng và mất đi vô tăm tích như một sợi khói tan.

Về mặt này thì anh thợ khóa của chúng tôi may mắn hơn họ. Ở đâu nữa thì tôi không rõ, chứ còn ở khu phố tôi thì rõ ràng anh thợ khóa không hoàn toàn biệt tăm, vô hình tích. Anh còn có ảnh hình trong tâm trạng khắc khoải của chúng tôi. Anh để lại một kẻ hở trong một cái vòng tròn nho nhỏ ở đời. Và bụng chị Thoan như có một nguồn lực gia tăng, mỗi ngày một căng tròn.

Đến một ngày kia, bụng chị Thoan đã phình to cực đại. Tôi nhận ra khi ấy nó đã trở thành một khối nặng u uất, quá tải với chị Thoan. Chị Thoan đã ôm cái khối nặng quá tải, u uất ấy lẫn lộn, gào khóc ai oán ngay trước cửa nhà mình một chiều thu ảm nọ. Chị gào khóc, rồi ngất xỉu luôn. Đã nhiều lần chị lẫn lộn, gào khóc như thế rồi. Nhưng lần ấy chị khóc lóc, chị than thân trách phận. Rằng chị ăn ở hiền lành, tử tế thế, sao trời cứ nỡ đày đoạ chị. Chị kêu chị bị lừa! Chị vạch mặt cái thằng thợ chữa khóa, cứ tưởng nó là con nhà có học, biết điều hay, lẽ phải, nào ngờ cũng loại Sở Khanh, trắng trợn vô nọ ái ân. Chị chửi cái con đĩ có tông nào đó đã quyến rũ thằng thợ chữa khóa ngây dại, cả tin của chị! Nhưng lần này cũng là lẫn lộn, khóc gào mà khác lắm. Lần này chị khóc cho chị và cho cả người khác. Ai oán lắm! Xót đau lắm! Khi mọi người nhận ra điều đó đến vực chị đang thiếp trên mặt đất dậy thì thấy trên tay chị còn nắm tờ báo.

Đó là tờ báo chuyên đăng tin về các vụ án. Ở trang bốn, tờ báo cho biết anh thợ chữa khóa đã bị giết chết một cách thảm thương. Hai tên cướp khét tiếng gian ác hiện đang ở ngoài vòng pháp luật đã đâm chết anh, chặt đứt đôi tay vàng ngọc của anh, khoét đôi mắt anh, rồi ném cả thi thể anh cùng hòm

đồ nghề, chiếc xe đạp của anh xuống sông. Chính đôi tay vàng của anh đã làm cho chúng những chiếc chìa khóa. Anh đâu có biết chúng dùng những chiếc chìa khóa do anh tạo ra để làm việc gian phi. Bọn này biết nhìn xa, chúng phải thủ tiêu anh để anh không thể trở thành một nhân chứng buộc tội chúng.

Hồi ôi, cuộc sống phi *logic*, cái sống thì nhỏ nhoi, cái chết thì tùy tiện, vô nghĩa thế này! Hay bấy nay, cái sống nó vốn phù vân vậy, thật thà và tự nhiên như vốn dĩ mà ta cứ bị học thuật ràng buộc mà chẳng nhận ra!

*

Anh thợ khóa chết. Chị Thoan không làm tang ma cho anh. Lấy danh nghĩa gì? Xưa nay đã có mấy ai chút khăn tang cho người tình? Chị chỉ lập bàn thờ và hằng ngày cúng cơm anh. Nhưng đừng thấy vậy mà nghĩ chị nhạt tình và sơ sài đối với linh hồn anh. Thật sự chị thương nhớ anh vô kể. Tình thương yêu của chị đối với anh chia làm hai ngả. Một ngả là nỗi xót xa về thân phận không may của anh. Một ngả là niềm yêu quý trân trọng giọt máu anh gửi lại nơi chị. Cái thai, tình yêu của anh chị lớn dần, tưởng chừng nó sắp bọc vỡ cái vỏ bọc ngoài. Vậy mà, tính ngày, tính tháng thì nó vẫn ra đời sớm hơn thông lệ. Điều đó có thể là do chị bị động thai. Nhưng cũng có thể là do lòng mong mỏi da diết của chị, do bức bách của cái sống, để lấp đi một khoảng vắng trống do anh Thiếu để lại.

Đúng đêm cái hôm chị Thoan đau đẻ và nở ra một thằng cu thì buổi chiều xảy ra một sự kiện chấn động tâm tư những người hàng xóm của chị. Lúc ấy, khoảng năm giờ chiều, sương mù lãng đãng, ngõ phố đang vắng ngơ thì mọi người nghe thấy lẹp kẹp tiếng dép của ba người. Ba bóng người xám xám và

cùng một dáng đi lêu đêu và hấp tấp. Đi đầu là một người đàn bà ăn mặc nâu sồng chít khăn tang trắng, tuổi ngoài bốn mươi nhưng tóc xơ rơ vàng hoe, răng rụng, mồm móm. Theo sau bà là hai đứa con trai. Thằng lớn khoảng mười lăm, chân như sếu vườn, tay ống sậy. Thằng em giống anh ở cái mặt vêu vao và giống mẹ ở vóc còi cọc. Cả ba đều khoác bị cói, đội nón, cầm gậy, áo quần bám bụi đường trường. Họ đều từ xa tới. Mặt mày thấy đều in cái đói khổ kinh niên, trông vừa ngây ngô vừa hung tợn. Thấy họ xăm xăm rẽ vào ngõ và nhắm cửa nhà chị Thoan bước tới, mọi người đã ngỡ ngợ, rồi cùng toát mồ hôi lo sợ. Xem ra câu chuyện lành ít dữ nhiều đây!

Hẳn nhiên, đến trước cái cổng sắt nhà chị Thoan, người đàn bà cùng hai con trai dừng lại, trút bị cói khỏi vai, gài lại tóc mai, động đầu gậy xuống đất, rồi cất tiếng xoe xoe rất khinh mạn:

- Nhà có ai không? Mở cổng cho chúng tôi vào nói chuyện đời.

Đứa con gái đi vắng. Từ trong nhà, chị Thoan chỉ có một mình ôm cái bụng trời vượt mặt ngó ra, nhể nhại:

- Ai hỏi tôi gì đời?

Lập tức, hai đứa con trai bập bốn bàn tay vào cánh cổng, rung lắc liên hồi một cách hết sức dữ tợn, trong khi người đàn bà nửa què nửa tỉnh chống tay lên sườn, cao giọng nanh nọc:

- Chúng tôi muốn nói chuyện với chị. Chúng tôi ở Phủ Lý lên đời! Có mở cửa không thì bảo nào?

Thôi, thế là mười phần đã rõ cả mười một rồi. Đòn ghen sẽ kết hợp cùng với đòn thù, chập lại làm một việc trừng trị tội tranh vợ cướp chồng lẫn tội gây ra vụ án mạng, lại chênh lệch lực lượng thế này thì cái nhà chị Thoan kia không sút đầu mề trán thì cũng què cẳng, gãy tay là cái chắc! Chúng tôi, những người hàng xóm của chị Thoan lập tức tuôn ra khỏi nhà, sẵn

sàng cứu giúp kẻ yếu nhược và chuẩn bị những lý lẽ cao cả nhất để dàn hòa.

Tình huống thật cực kỳ căng thẳng.

Nhưng kỳ lạ thay, tự nhiên bao giờ cũng cao hơn luân lý, nó có sẵn lời giải đáp khác hẳn kịch bản do con người dàn dựng nên.

Lúc đó, chị Thoan đã đứng dậy, lộ mặt ra khuôn cửa. Tưởng chị sẽ sợ rúm vó, rụt vào và hô hoán bà con cứu trợ thì chị điềm tĩnh quay vào buồng trong tìm chùm chìa khóa, rồi chậm rãi ôm cái bụng ọ ẹ xuống sân, bậm bạch đi ra cổng. Trông cái dáng đi bê bụng nặng nhọc, cứ nghĩ chị coi cái bụng to sắp đến ngày nằm chỗ như báu vật, hơn nữa như bảo vật bảo hiểm cho mình nên chị bất biết sợ là gì. Điều kỳ lạ đã xảy ra lúc đó! Không gian chật hẹp đã xuất hiện những sóng xung động và một mối giao cảm thần tình đã thiết lập một cách hết sức lặng lẽ và bất ngờ. Không mặc cảm e ngại, chẳng sợ sệt lo âu, nhìn rõ hình bóng ba mẹ con người nọ ở ngoài cổng, hai con mắt chị Thoan đã mừng mừng tủi tủi. Có cảm tưởng rằng chị đã nén đợi, đã nấu nung mong chờ, giờ mới là cơ hội giải tỏa một nội tâm chất chứa ứ đầy nên bước tới cánh cổng, đôi môi chị run liên bật mở, khóc òa: “Ồi, chị cả ơi, anh Thiều mất rồi! Sao giờ em mới được gặp chị và các con, chị ơi?” Ai oán quá! Trong giây lát đã có cái gì đó sụp đổ và một cái gì đó ấm cúng, trang trọng cùng thiêng liêng đã sinh ra, mở ra tràn đầy và mong manh. Người đàn bà đứng ngoài cổng sắt, bất giác áp mặt vào giữa hai gióng sắt, cất tiếng khóc hu hu, tự nhiên đến mức tưởng như chị đến đây chỉ là để bày tỏ điều đó.

Những người hàng xóm của chị Thoan vừa tên tò vừa ứa nước mắt mũi lòng. Thay cho cảnh lẫn xả vào cắn xé nhau, hai người đàn bà xô lại, ôm chầm nhau, giằng giụa nước mắt, cùng rống lên nỗi đau lòng thê thiết. Mất mát to lớn quá nên có

sức thanh lọc tâm hồn và cả hai đều thấy mình quá bé nhỏ và đáng thương như nhau. Trong khi đó, hai đứa con, như hai gã công sai không người chỉ bảo đứng ngây ì, tay mân mê những ngón tay thừa thãi của chính mình.

*

Đứa trẻ ra đời nửa đêm hôm xảy ra cuộc giao hòa kỳ lạ nọ. Nó cũng trở thành một hiện tượng lạ kỳ. Nó cao hơn cả sự vô tội. Nó là cái gạch nối ruột thịt giữa hai người đàn bà vốn xa lạ. Hai người đàn bà thế là trở thành môn đệ chung một tôn giáo có giáo chủ là ông chồng thợ khóa đã khuất của họ; tình yêu bao giờ cũng tầm hương phụng thờ là vậy.

Bản nhạc đã lập được giai điệu khai đề. Ở kê, tôi chưa bao giờ thấy họ cắn rứt, diếc lác, hạch lạch nhau, chứ đừng nói là xung sát, hành hạ nhau. “Dì để quần áo dì và tã lót con đấy cho tôi giặt. Dúng nước vào, ba tuổi nữa chân tay run rẩy như bà già thì khổ!” “Dì Thoan, dì đi bít tất ngay vào hộ tôi. Gái đẻ, chân lông hỏ hoác, bầy bốt như cua lột đấy, dì ơi!” Người đàn bà ở Phủ Lý lên chốc chốc lại hét lên như vậy. Và “Để đấy cho tôi! Tôi không khiến dì làm gì cả!” là câu nói của miệng của bà. Bà còn chỉ bảo từng ly từng tí cách cho con bú, cách quấn tã đứa trẻ cho chị Thoan. Rồi ép, rồi dỗ dành chị mỗi sớm uống trọn một bát nước tiểu của đứa con thứ, vì đó là thứ thuốc bổ cực quý với gái đẻ. Còn chị Thoan, chị tiếp nhận sự săn sóc và chấp nhận thứ bậc dì em một cách hết sức tự nhiên, thừa gửi, vâng dạ một cách hết sức khiêm nhường. Sau khi xin phép, chị đặt vành khăn trắng trở tang anh Thiệu lên đầu. Còn hai đứa con trai thì trở thành những thành viên gắn bó của gia đình chị, tự nhiên như lời reo gọi âu yếm của chị: “Anh Lục, anh

Ngô, chị Liễu ơi, em Quang ngoan, em Quang lớn, đi chơi, đùa nào bắt nạt em, hai anh đánh bỏ xừ nó đi nhé!” Thằng cu được đặt tên là Quang, hợp với tên bố thành chữ Thiều Quang, tức ánh mặt trời. Tên đó do anh Thiều, thợ chữa khóa, nguyên con trai ông đồ nhỏ, chọn đặt trước khi con anh ra đời.

Thằng Quang trở thành hồn ngọc của hai người đàn bà. Được hơn một tháng, bà ở Phủ Lý lên đã bế nó sang chơi hàng xóm. Bà bảo, nó giống bố nó ở tính thích đi rong. Bà khoe, chân tay nó dài rộng y sì anh thợ khóa. Bà không che giấu được dấu vết quê kiểng chất phác cổ truyền của mình trong ngữ âm tiếng nói, trên gương mặt dãi dầu khổ ải, trong tấm lòng thơm thảo, ở bản năng bảo tồn cái quan hệ máu mủ ruột rà thiêng liêng.

Rung rinh thằng bé trên tay, bà rưng rưng:

- Chết thôi, bện hơi tôi thế này, mai tôi về quê thì lại khóc hết nước mắt mất.

Tôi ầu ơ với đứa trẻ sơ sinh và quay sang hỏi bà:

- Sao, chị lại về Phủ Lý dạy học à?

- Tôi về hưu non rồi. Giờ chỉ chạy chợ thôi. - Bà đáp.

Tôi nói:

- Thế thì chị ở đây mà chạy chợ cũng được chứ sao?

Bà gật đầu:

- Di Thoan cháu cũng bảo vậy. Nhưng có nhẽ cũng phải dần dần. Sắp ngửa lên đây, nhà cửa còn tanh bành, vả việc của bố cháu, tôi đang còn theo đuổi, anh ạ. Thời gian đầu cứ để hai cháu ở đây đã. Tiếng thế ở đây, có sức vẫn còn có việc, vẫn có người thuê mướn. Thế nào, cu Quang có thích anh Ngô, anh Lục ở đây với em không?

Mọi việc diễn ra như đã có sự an bài.

Và tôi đã thật sự kinh hoàng, vì từ trong sâu thẳm tâm tưởng đã vỡ ra một nhận biết đau đáu cùng những xúc cảm trùng phức vừa bồi hồi vừa tiếc nuối băng khuâng, khi một trưa mùa đông bằng lặng đến thót tim ấy, bỗng nhận ra một tiếng rao “khóa ơ” như từ xa thăm vọng về, vắng trong thính giác.

“Khóa ơ...” Tiếng rao đã được chế định, đã được thừa nhận từ trong ký ức dân gian, nốt nhạc trong trẻo, hồn nhiên của anh Thiều thợ chữa khóa quen thuộc góp vào bản hòa tấu vui vẻ và nhọc nhằn của cuộc sống hôm nay. “Khóa ơ...” Anh Thiều đã sống lại trong hình ảnh thằng Ngô, con trai anh, mười lăm tuổi lộc ngọc. Nó chưa có xe đạp. Nó xách tay một cái hộp gỗ đồ nghề, quai hòm mắc hai chùm phôi chìa nặng. Nó đội cái mũ lá như cái mũ của bố nó, mặc quần áo bạc màu, vá vúi của bố và giọng rao mời của nó thì không thể lẫn với bất cứ ai.

“Khóa ơ... Khóa ơ... Khóa ơ...”

Một cái vòng hỏ đã được nối tròn, khép kín.

“Khóa ơ... Khóa ơ...”

9/1993

CHỌN CHỒNG

Quý sợ lấy chồng lắm!

Quý sợ lấy chồng như con chim sợ cành cây cong. Vì một lần Quý là chim đã đậu phải cành cây cong. Vì một lần trong đời, lúc mười tám tuổi, Quý đã tự chọn chồng.

Dam mê tình ái của tuổi trẻ là ngọn lửa không thể dập tắt nổi. Bố mẹ bảo: “Con gái phải cửa cài then đóng, con à.” Quý mặc, học ít, chơi bởi đàn đúm nhiều. Bố mẹ Quý gàn: “Chưa chi nó đã rủ mày vào công viên chơi đêm và đi Chùa Hương cách đêm là thế nào? Nó lác cắc, bơ biếng chứ không phải con nhà gia giáo! Mày để ý tình tượng nó mà xem, tệ nhất là cách đi vịn mình xà, như rần uốn, gian lắm! Ban đầu ngoài sân, sau lân vào bếp. Tao sợ rồi mày hối không kịp. Lấy chồng cũng như việc đại sự khác, chỉ được chọn một lần thôi, không đổi được đâu.” Nghe bố mẹ nói vậy, Quý nghĩ bụng: “Đúng là ông bà *Khốt* dở hơi!” Rồi bỏ ra ngoài tai tất.

Kiến to con, tóc rẽ tre, mặt thịt nùng nục, lồ lộ nét trần tục, ria con kiến đen rậm kiểu dân ăn chơi đàn đúm, mắt thô lỗ, môi mỏng dính lúc nào cũng mím mím lạnh băng. Vai lệch, đi vịn vẹo thân mình như rần truồn. Thì có hề gì. Ừ thì Kiến sấn sổ đấy, nhưng thế mới là yêu, yêu hiện đại thì sao nào! Vừa gặp nhau lần đầu, Kiến đã giật tay Quý: “Đưa anh xem tay. Bàn tay gà bới thì khó, bàn tay chó bới thì giàu. Em

sẽ giàu.” Quý thích chí, cười tít mắt. Đi chơi lần đầu Kiến đã khoác tay, ôm vai kéo Quý vào công viên, bất thành linh ghì đầu ngẫu nghiêng hôn Quý. Bị đẩy ra, Kiến không chịu thua. Thôi thì giới không chịu đất thì đất phải chịu giới, chứ sao!

Nhưng mà khiếp quá, hôn môi mà thọc cả lưỡi vào miệng người ta. Kiến cười: “Thế mới gọi là hôn.” Lần thứ hai đi chơi, Kiến rủ Quý vào sâu trong công viên, tỉ tê, rồi luồn tay vào sườn Quý, lần lên ngực Quý. “Tí em cứng nhỉ!” Kiến kêu. Quý bủn rủn. Kiến chẳng dừng ở đó. Kiến sờ đùi rồi lần mần kéo cạp quần Quý. Quý oằn oại đu đẩy Kiến. Kiến cứ lì ra, càng ôm riết, lại còn giở bài cùn: “Cho anh một tí. Không anh kêu lên bây giờ.” Quý phì cười. Rồi đứng hôm mẹ Quý đi họp tổ hưu, Quý đang làm cơm, Kiến xộc vào đóng cửa bếp, giật đôi đũa cả trong tay Quý, rồi đè nghiêng Quý ngay xuống nền bếp. Quý giãy, đạp, cào cấu, chống cự. Nhưng Kiến biết là Quý nửa vờ, như bao lần trước. Quý vừa sợ vừa thích, vừa tức vừa háo nên Kiến cứ lấn tới.

Cuối cùng Kiến nằn nì, cầu xin, thế là Quý bùi tai, mủi lòng. “Không được phản bội. Cấm được yêu ai nữa đấy nhé!” Chỉ nói được như vậy là Quý đã mê, mặc Kiến xoay vần. Kiến chồm chồm như thú dữ bắt được mồi. Kiến vục mặt vào ngực Quý phanh trần, ngoạm vú Quý, rên hừ hừ. Tỉnh dậy Quý trách yêu Kiến: “Sao mà tợn thế!” Kiến đáp lại: “Thế mới là thằng đàn ông hiện đại. Với lại, em ngon lành thế!”

Thằng đàn ông hiện đại ấy, cái thằng có dáng đi vạm vỡ mình xà ấy nó không phản bội Quý thật. Nó xin cưới Quý. Có lẽ ăn hỏi. Có lẽ cưới thật. Chỉ có một điều rất bất như ý là bố mẹ Quý phải tiếp một bà xưng là mẹ Kiến, nhưng từ dáng điệu đến lời nói đều rất đáng nghi ngại. Khoảng bốn mươi hai. Má hây hây. Mắt lá rằm đa tình, nhưng vừa nói chuyện vừa đảo thiên đảo địa dò xét gia cảnh. Và cái mồm cái miệng mới khiếp làm sao. Cứ là liến thoắng liên hồi. “Dạ, hai cụ dạy chí phải. Thời buổi kinh tế thị trường, cưới vợ là cưới liền tay ạ!” “Dạ, con gái chưa

hoang, các vàng chẳng lấy. Ngộ nhờ em đây nó vác cái trống về thì hai cụ mệt lắm đấy ạ!” “Dạ, sông phẳng, bình đẳng, cứ mỗi bên góp một nửa chi phí cho đám cưới là đẹp ạ!” “Dạ, đúng thế, chả cứ tuổi trẻ, tuổi già cũng thế, không yêu, không có ái tình nó phí đi. Phí lắm!”

Bố Quý không chịu nổi, bỏ vào buồng, để mặc mẹ Quý. Bố Quý đau uất quá. Thế là bao hy vọng đặt ra cho hai con gái nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa từ buổi ấu sinh đến nay đã tan tành. Chị Quý, nhân viên nhà thuốc hãn hoi, chẳng hiểu ăn phải bùa mê thuốc lú gì mà bỗng dưng dưng dưng xin ra khỏi biên chế, cấp túi quần áo chạy theo một thằng bộ đội đào ngũ ra tù, đi đào vàng ở Bắc Thái. Bây giờ đến lượt Quý, con thứ hai của ông, một cán bộ đoàn thể sau hơn bốn mươi năm công tác tận tụy, còn mấy tháng nữa về hưu mới được đề bạt vụ phó, nghĩa là đã cố leo và chân đã đặt mớm được vào thang bậc lớp thượng lưu trong tòa tháp giai tầng của xã hội. Quý, con gái út của một người cha như thế, đang học dở năm thứ nhất Đại học Sư phạm cũng lại bỏ học, lấy một thằng chồng đến lúc cưới cũng chẳng hiểu gia đình, bản quán, nghề ngỗng như thế nào, còn tư cách thì chẳng có gì đảm bảo là con nhà tử tế.

“Con gái là con người ta, ông ơi!” Bà mẹ Quý ứa nước mắt, an ủi chồng. Ông gầm mặt tủi hổ. “Vẫn biết rằng con gái chẳng bao giờ là con cái, chúng chỉ là ước mơ của cha mẹ thôi. Nhưng mà đau lắm, bà ạ. Trước khi tham gia cách mạng, tôi chỉ là anh cố nông mù chữ. Mấy chục năm phấn đấu cố thoát khỏi thân phận. Cứ nghĩ rằng con cái phải có danh phận làng hoàng.”

Bà mẹ Quý còn gần với tự nhiên, không có mặc cảm phân chia danh phận, thực tế hơn, tiếp tục khuyên giải chồng: “Thôi thì mỗi thời mỗi khác, giờ khuyên giải cũng chẳng được đâu. Buồn khổ chỉ khổ thân mình thôi.” Bụng Quý to dần. Thấy mặt bố vẫn rầu rĩ, Quý đành nhờ bác Hộ, anh trai bố. Bác Hộ

là ông thợ rèn, bốn con trai đều theo nghiệp bố, đến gặp bố Quý, nốc một trận rượu, rồi cười bả lả, vỗ vai ông em: “Ôi dào, đứa nào có thân nó khắc lo. Lo hộ nó, có chết. Con cái không giống bố mẹ thì giống ai!”

Kết cục ông bác lại khời thêm vào vết đau của ông em xuất thân cố nông mù chữ, ở lời khuyên giải cuối cùng. Bố Quý dành ngậm bồ hòn làm ngọt, đổi mặt làm vui, vồn vã bắt tay khách đến dự đám cưới của con gái út. Thậm chí cũng dành giả cười, giả tươi nét mặt đón tiếp đám nhà trai đến đón dâu đi toàn xe DM đỏ chót, đồng loạt mặc *com lê* đen, thắt cà vạt tím, tóc lợp gáy, ria vểnh đen sì, mặt nhâng nháo rõ đồ hợm của học làm sang, và nói tục ghê người.

Lễ cưới tan, đêm tân hôn diễn ra ở đâu không biết, chỉ thấy Quý hôm sau lếch thếch trở về. Tối đến thì tới lượt Kiến. Chẳng một lời thưa gửi, chúng ngự ngay trên chiếc giường của bố mẹ, bật hai ông bà ra gian ngoài.

Sao Dục Môn cư ở mệnh nên khoản đàn ông của Kiến mạnh quá! Vào cuộc nó thật là một hung thần quái dị! Quý phờ phạc xanh rớt vì mất ngủ, vì hai lần sảy thai. Lần thứ ba, cái thai đậu, nhưng nó vẫn là một đám cháy rừng rực thâu đêm. Quý phải dùng cách tự vệ. May mắn đúng ngày đúng tháng, Quý sổ ra một thằng cu bụ bẫm, lạy trời, nét nào cũng hao hao Quý, đẹp như thiên thần. Thằng bé được đặt tên là Giảng, là cái lái lớn nhất trong đoạn đời vừa qua của Quý. Nó là niềm an ủi, niềm vui sống, quà tặng của ông trời để Quý vượt qua những cay đắng cực nhọc dần dần mới thấm thía.

Bởi dần dần Quý mới thấy Kiến là thằng đàn ông quá tồi tệ. Chẳng hiểu nó làm nghề gì mà toàn đi đêm về hôm, quan hệ với toàn những kẻ mặt mày dữ tợn, mở mồm là nói tiếng lóng, là nói tục. Nó có cả tá nhân tình. Nó cặp bồ với cả ả đàn bà xưng là mẹ nó, khi đi hỏi Quý làm vợ cho nó. Hai đứa lột quần áo nhau, đú đởn đủ trò bẩn thỉu ở ngay nhà Quý. Quý bắt

được, chỉ mặt nó: “Bà là mẹ chồng tôi hay là con đi?” Nó cười: “Là cả hai, con ạ.”

Hóa ra cùng loại mèo mả gà đồng, cùng phường buôn lậu, ma cô dĩ điểm, quái kiệt về lừa bịp và tình dục. Tới khi công an vào nhà, đọc lệnh khám xét lôi ra từ gầm giường, góc bếp, xó tủ một đồng sách báo, băng hình và mấy cái bọc báo nặng nặng mùi hôi ngái; Quý còn ngỡ ngác: “Dạ, em nghỉ để sáu, bảy tháng nay, em không biết những thứ đó là cái gì, anh Kiến anh ấy mang ở đâu về ạ.”

Người công an mở mấy bọc giấy báo, mở mấy tập sách nhỏ. Mặt Quý tối sầm. Mấy bánh thuốc phiện đen ánh và rặt đàn bà cỏi truồng cùng ảnh đàn ông đàn bà làm tình, cái riu đôi, cái riu ba.

Kiến cùng dây làm ăn, chơi bởi bị bắt.

Bây giờ Quý mới nhận được mặt Kiến. Kiến là thằng lưu manh chuyên nghiệp bị truy nã từ miền Trung chạy ra đây, móc nối với ả Tú Bà nọ vừa ở tù ra, lập thành dây buôn lậu thuốc phiện qua biên giới, lừa lọc không ít đàn bà con gái nhẹ dạ.

*

Nói không sợ thất đức, Kiến bị tù sáu năm hóa ra Quý lại như thoát nợ. Nghĩ lại Quý mới nhận ra mình đã lầm lẫn không thể tha thứ được, nhất là từ khi bố mẹ Quý lần lượt quy tiên.

“Thôi thì con có lớn mà không có khôn. Bố mẹ xá tội cho con. Con đã nông nổi chọn chồng. Nay hiểu được lòng bố mẹ thì bố mẹ chẳng còn nữa.”

Ngày giỗ, ngày Tết, thấp hương trên bàn thờ bố mẹ, Quý lầm rầm khấn khứa. Từ trên cao, bố mẹ Quý nhìn xuống. Thương Quý lắm và chắc cũng sẵn sàng tha thứ cho Quý thôi.

Nhưng xem ý hai ông bà vẫn buồn! Nhất là bố Quý. Đôi mắt ông quym quýt, đôi mắt khía một vết sâu mang nỗi sâu cổ độ. Buồn quá! Cách mạng làm được những việc long trời lở đất, vậy mà không thắng được sự an bài của số phận. Rốt cuộc, ý chí con người xem ra cũng chẳng đáng là bao lắm.

Kiến đi tù rồi, Quý có vẻ rảnh rang. Nhưng rảnh rang không có nghĩa là đã yên ổn mọi bề. Mới ba mươi tuổi, đàn bà con gái vắng chồng, dầu thế nào thì cũng thấy đời chông chênh như qua cầu treo không có tay vịn. Huống hồ là Quý không hoa khôi hoa hậu gì cũng mảy mang, ăm ắp đường nét nữ tính. Mặt tròn phính, mắt đen, sáng rõ, cằm chẻ, ngực bụ, vai hẹp, hông nở, chân cao. Bọn đàn ông ngồi ở quán chè mỗi khi Quý từ ngõ đi ra, trăm gã thì một trăm linh một gã hau háu nhìn theo: “Lưng gù chữ cạ. Vú lồi chữ tâm thế kia là mần lăm đấy.” “Hà, cằm chẻ, môi hở, cửa hiểm, bát tri lao là cái chắc!” Rồi chẳng cần đưa mắt, ngỏ lời mời mọc, bọn họ cứ ùn ùn kéo đến như ong như ruồi. Xe Dream II và Toyota đời mới xịch tận cửa: “Đi Ao Vua với anh đi, em!”, “Quý ơi, cho anh điếm phúc mời em một chuyến đi nghỉ hè ở bãi biển Trà Cổ nào!”...

Quý bồn chồn, nhộn nhạo. Tình ái bùng thức. Đêm nào ngủ cũng mơ thấy chuyện chăn gối tình tự. Sáng nào trở dậy cũng phải thay quần lót. Nhưng mà Quý sợ. Sợ lắm. Thứ nhất là Quý chưa ly dị được với thằng Kiến. Thủ tục lằng nhằng mà thằng Kiến nhấn ra: Nếu tự ý ly dị, nó sẽ giết! Thằng ấy nó dám liều lăm. Tất nhiên không phải hể nó định là được. Nhưng Quý cũng vẫn sợ. Sợ đàn ông là cái sợ thứ hai của Quý. Đàn ông nó nghĩ ra hôn nhân để thỏa mãn tính dâm dục của nó một cách hợp pháp, để tận dụng đàn bà, để biến đàn bà tự do thành vật phụ thuộc vào nó. Tất nhiên trong cuộc giao tình này, đàn bà cũng được thủ lợi, nhưng ký kết xong thì linh hồn đàn bà coi như giao gởi toàn bộ cho thằng đàn ông và biến thành nô lệ của thằng đàn ông rồi.

Thế là Quý rơi vào trạng thái lưỡng phân. Quý vừa sợ đàn ông vừa cần đàn ông. Tùy lúc, có lúc mặt này trội hơn mặt kia, hoặc ngược lại. Chẳng hạn như lúc này, thật tình có lúc Quý định nhắm mắt làm liều, vợ váo vợ vào được thằng đàn ông nào cũng xong, miễn là được coi nó là chồng. Bởi vì khi thằng Giảng con Quý đã lên sáu, thấy Quý vẫn bơ vợ không chồng, không bồ bịch, bọn đàn ông đang điểm lông lên như chó đói thấy mồi. Chúng tìm mọi cách để bắt tình. Bắt tình không được thì chúng gây sự. Chúng đặt quán lấn ra vỉa hè trước nhà Quý. Chúng cắt điện nhà Quý. Chúng xui trẻ con bắt nạt thằng Giảng.

Thằng Giảng đã vào học lớp một. Trời đền bù thiệt thòi cho Quý, cho Quý một đứa con trai sáu tuổi mà lớn bằng con người ta chín, mười tuổi. Từ lúc sơ sinh đến nay, nó chẳng biết ốm đau, sài đẹn gì. Đã mạnh khỏe, nó lại gan lì, đôi khi đến mức khó hiểu và nghiêm nhiên đã trở thành một nhân vật có can hệ tới đời Quý. Quý nhận ra điều này, đặc biệt từ hôm ả đàn bà tự xưng là mẹ Kiến đến. Biến đi đâu mất tháng trời, nay ả đột ngột đến. Đến là túm lấy thằng Giảng, đặt tay lên vai nó, lắc thật lực, rồi dặn: “Thế nào, mày còn nhớ tao không, thằng Kiến con?” Không thấy thằng bé trả lời, người đàn bà gào to: “A, thằng này gan nhỉ! Mày có biết bố mày đâu không?” Thằng Giảng cự động, lui lại, ra khỏi tay ả đàn bà, mặt vẫn lầm lì, đột nhiên xì qua vành môi lọt một câu ngắn ngủi, chắc nịch: “Bố tôi sắp về.” Ôi trời! Người đàn bà lập tức cười rú lên. ả kéo thằng bé lại gần và âu yếm khác thường, nhả miếng trầu từ trong miệng ra day vào huyệt khí xá ở cổ họng nó, như bà đồng ban lộc, rồi nhe răng: “Tiên sư bố anh Kiến con! Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. “Bố tôi sắp về!” Có mà đến Tết Tây đen! Bố mày giết quân giáo, thêm hai mươi năm tù nữa! Ông lỗi này rồi còn gấp mười bố ông! Không tin cứ chờ xem.”

Người đàn bà dứt lời, phất dậy, phúi dứt đi. Quý ôm chặt thằng Giăng, xoa mặt nó, vuốt vai nó, run lấy bầy: “Giăng, làm sao con biết là bố con sắp về?”

Thằng Giăng gỡ khỏi tay mẹ, chụp cái mũ lưới lên đầu, không nói không rằng, xách cặp đi. Quý nhìn theo nó, bàng hoàng. Á đàn bà nọ là ma quỷ hiện hình, làm lễ nhập thần cho thằng Giăng hay sao? Thằng Giăng đi, vai trái hơi lệch, mỗi bước đi thoang thoáng nét oằn oại, kiểu vắn mình xà, hết bố nó. Trước đây nó có vậy đâu!

*

Thằng Giăng qua lớp một, lên lớp hai, rồi lớp ba, bỗng nổi lên hiện tượng xuất sắc về trí tuệ. Những đứa trẻ như thế thường kéo về nó sự chăm sóc đặc biệt của thầy giáo.

Anh giáo Tốn, bốn mươi tuổi, chưa vợ, dạy Toán cho Giăng đến nhà Quý.

- Chào chị. Cháu Giăng học giỏi, thông minh, có cá tính và có nhiều triển vọng. Tôi muốn tìm hiểu hoàn cảnh gia đình và giúp đỡ cháu. - Anh giáo trình bày mục đích yêu cầu của việc viếng thăm.

Lịch sử một đứa trẻ, sơ qua vài câu của mẹ nó, là đủ. Thời gian dư thừa anh giáo dùng để hỏi han công việc, đời sống mẹ đứa trẻ, xem góc học tập của nó, ngắm cả cái bể cá của nó. Nghe giọng nói, nhìn ánh mắt, xem cách trò chuyện, cũng biết đây là con người nhiệt tâm, đứng đắn và có thiện cảm kín đáo với mẹ Giăng.

Quay đi quay lại, vào lúc hết cả chuyện để nói với Quý, anh giáo Tốn bỗng nhiên được thần linh trợ giúp. Thần hiện lên thành cuốn *Tình sử Angélique*¹, tập một nằm trên cái đi văng gỗ. Anh

1. Tiểu thuyết của nhà văn người Pháp Anne Golon.

giáo liền sà xuống, cầm cuốn sách lên, hào hứng: “Cuốn này hay lắm. Chị đã đọc hết tập một chưa?” Quý đáp: “Con bạn em có mỗi một tập này thôi.” Anh giáo rạng rỡ mặt mày, nói: “Bộ sách có tới mười hai tập, tôi sẽ đem đến lần lần cho chị đọc.” Từ đó, mỗi tuần một tập đều đặn được mang đến. Tuần thứ mười hai, anh giáo đội mưa, ôm tập cuối bộ tình sử đến, vẻ hồi hộp khác thường. Hấp tấp, anh trượt chân, văng cả dép, may có Quý đỡ, nếu không đã ngã sấp mặt trước cửa nhà Quý. Chỉ có tập sách gặp số phận không may, tuột tay rơi xuống đất. Hốt hoảng, anh giáo ngồi xuống, quờ tay nhặt sách. Nhưng sách thì không thấy, tay anh giáo lại gặp tay Quý. Hai người không hẹn mà gặp, nắm tay nhau, đứng dậy, bất giác nức nở gọi tên nhau và ôm choàng lấy nhau.

Nhưng chưa kịp hôn nhau họ đã vội rời nhau. “Mẹ ơi!” Thăng Giăng bất ngờ cầm túi giun tơ từ ngoài mưa ập vào. Quý đưa hai tay vuốt mái tóc buột cặp, mắt long lanh sung sướng nhìn con: “Con chào thầy chưa, con?” Rồi nhìn người tình, tự nhiên: “Anh ở đây ăn cơm với mẹ con em. Hôm nay em làm món chả giò Sài Gòn đãi anh.” Và quay sang con: “Giăng sang bác Thấu bên cạnh mượn cho mẹ cái cối xay thịt.”

Cái hôn trao tình đã được thực hiện ngay sau đó với tiếng thốn thức xúc động của cả đôi bên, đánh dấu bước khởi đầu tuyệt hảo của cuộc tình.

Bây giờ thì hằng ngày, có thời gian là anh giáo Tốn đang hoàng đến với Quý và họ có thể trò chuyện rất thành thật với nhau.

- Không nói giấu gì Quý, trước đây anh cũng có yêu hai, ba cô, nhưng đều không thành. Lỗi tất nhiên có cả phần anh. Tính anh thật thà, nhiều khi hóa vụng. Thôi, chuyện cũ bỏ đi. Còn bây giờ, anh rất quý cháu Giăng. Nói thật, cũng là duyên số thế nào mà anh lại đến thăm cháu và gặp em. Đừng cười

anh, gặp em, phút đầu anh đã run hết người: Người phụ nữ bấy lâu anh tìm đây rồi!

Quý cúi mặt, lồng ngóng rót nước, hai má đỏ bừng. Sợi tóc bay theo hơi thở cồn cào của Tốn chạm vào má Quý lành lạnh. Tốn nắm tay Quý, ngực phập phồng, giọng nghẹn đắng:

- Anh muốn hỏi em làm vợ... Anh không biết nói dối đâu Quý ạ.

Quý nghĩ: “Anh chưa lấy vợ. Thế thì được.” Nhưng sẽ sàng rứt tay ra khỏi bàn tay Tốn, khe khẽ:

- Việc anh nói đột ngột quá. Anh để cho em có thời gian thu xếp, bởi vì...

Tốn vội nhắc bàn tay Quý, áp vào tay mình, sôi nổi ngắt lời Quý:

- Đó là ý anh. Còn tùy em. Anh nào có đòi em trả lời ngay!

Hai người đi ăn hiệu, đi dạo phố, đi xem phim, đi xem kịch. Thời gian đầu bao giờ cũng có thằng Giảng, họp thành bộ ba không tách rời. Hai tháng sau, Quý bảo con: “Con ở nhà học bài. Mẹ đi xem phim với bác Tốn.”

Tan phim, hai người đi bộ về.

Đến giữa đường Trần Phú, Tốn cầm tay Quý. Không khí tỏa ra từ vòm cây xanh rười rượi mát và từ mặt đất bốc dậy hương thơm của loài hoa nhài rất tinh khiết. Đã tưởng sẽ không bao giờ Quý còn được thấy khung cảnh rạo rực âm thầm tỏa ra từ những vùng tối mờ trong công viên xinh xắn này, thế mà lúc này đây Quý còn được nép hẳn vào bờ vai người yêu. Chị sung sướng nhận ra nhịp đập của con tim khắc khoải, sau những đòn đau đang tái sinh trong sự trong sạch tuyệt đối. Đây mới thật sự là tình yêu của ta. Chị rên nho nhỏ và gần như ngã vào ngực Tốn, nhận ra vòng thít êm ái của đôi cánh tay người tình. Chị trương căng một cảm giác bùng nổ, rồi rũ rượi bám riết lấy Tốn, tiếp nhận bàn tay Tốn lần rờ, vuốt ve sống lưng, eo sườn.

Ngất ngây, chị nhận ra một áp lực vừa êm ả vừa ép buộc trên hai bầu ngực căng nức của mình. “Anh yêu em. Anh muốn có được em, Quý.” Nghe giọng Tốn, nhìn thấy hai đốm sáng cháy lóe trong đáy mắt Tốn, Quý chồm lên, rồi rít hôn tới tấp lên mặt anh. Chao ôi! Quý đã tự chọn chồng, nhưng chưa bao giờ yêu. Quý đã nhầm lẫn tai hại. Kiến chỉ là con húng tình. Kiến chỉ là sự chiếm đoạt tàn bạo. Còn tình yêu là sự hòa nhập tâm hồn, bước khởi đầu và cũng là nền tảng của quan hệ. Tốn là tình yêu thật sự của Quý. Chị yêu anh. Và khi anh ghì riết lấy chị một lần nữa, thâm thì với chị rằng: anh muốn được yêu chị ngay đêm nay thì Quý liền gật đầu và vội vã đi theo anh.

Hai người cuống quýt trở về nhà. Quý rón rén mở cửa, dắt người yêu vào trong buồng ngủ. Họ trút quần áo, nồng nàn trao tặng nhau như sợ bỏ lỡ mất cơ hội ngàn năm, quên cả kỳ kinh nguyệt chưa mãn của Quý và thằng Giăng còn đang thức học bài, chờ mẹ về, ở buồng bên. Cuối cùng thì Tốn nằm xẹp như con gián bên cạnh Quý và áp vào tai chị, thì thào:

- Anh hơi ngại thằng Giăng. Nó có nói gì anh không?
- Nó ít nói lắm.
- Ở trong lớp, anh có cảm giác gần đây nó coi thường anh.
- Có một bạn, sau khi anh ở đây về, nó bỗng dưng hỏi: “Mẹ ơi, con có tội gì?” Em nói: “Con hỏi thế là thế nào?” Nó không trả lời.

*

Tình yêu và tình dục, hai cái vòng tròn trùng khít nhau. Quý và Tốn, cả hai vừa tạo ra vừa cùng bị cuốn vào cuộc tình say đắm này. Trong âu yếm, Tốn hỏi: “Anh hay đòi yêu, em có khinh anh không?” Quý đáp: “Em tự nguyện chọn anh cơ mà!” Con tim đã hát khúc khải hoàn, còn gì vướng bận, cản trở họ

nữa? Án tù của Kiến kéo dài thêm hai mươi năm. Vậy chúng chỉ ly dị chỉ còn là sự hợp pháp hóa có tính thủ tục, chính thức hóa một việc đã trở thành tất yếu, chứ gì!

Họ yêu nhau gần như công khai.

Tuần ấy, Tốn đèo xe máy đưa Quý về thăm bố mẹ anh ở ngoại thành. Ông cụ, bà cụ Tốn đã ngoại bảy mươi nhưng còn minh mẫn, nhạy cảm. Bao nhiêu phiền muộn về đường gia thất của Tốn khi gặp Quý được giải tỏa tấp lự. Hai cụ đón tiếp cô con dâu tương lai hết sức niềm nở, chân tình. Ăn uống xong, ngả chiều, lại sai con cháu ra vườn trẩy cả một làn hồng xiêm nặng, bắt Tốn đem về biếu hai mẹ con Quý. Quá mười giờ đêm Tốn và Quý mới về tới nhà. Họ nấu ăn, làm tình với nhau rồi nằm trò chuyện.

Tốn nói:

- Các cụ nhà anh sốt ruột lắm đấy, em có biết không? Các cụ bảo anh: Có sẵn hai con lợn trong chuồng rồi. Định ngày đi. Các cụ tính phải hơn một trăm mâm cỗ.

- Gì mà ghê thế?

- Mừng anh lấy được nàng tiên, thế đã ăn thua gì. Sao hôm nay trông em đẹp thế!

Quý thở ra nhè nhẹ. Tốn cấp cánh tay, nín Quý lại gần, chòm môi lên má Quý:

- Sao lại thở dài thế, em? Tuần sau cho anh đi đăng ký nhé!

Quý co người, nhắm mắt, rúc đầu vào ngực Tốn.

- Ngủ đi. Em mệt lắm.

- Chắc là trưa nay em không được ngủ.

- Ô kìa! - Vừa thiu thiu, bắt đồ, Quý chống tay nhồm dậy, hai mắt thao láo, ngơ ngác. - Thằng Giăng đâu nhỉ?

Bấy giờ cả Quý và Tốn mới nhớ đến thằng Giăng. Hai người vùng dậy, mặc quần áo, mở cửa buồng bên. Buồng trống không. Không có giấy tờ nhấn lại. Mười hai giờ, hai giờ, rồi

sáng bạch. Giăng đi đâu cả đêm? Sáng sau, Quý hỏi bác Thấu hàng xóm thì được biết: Thằng Giăng bỏ nhà đi ngay lúc Tồn đèo Quý đi. Thằng Giăng đã mười ba tuổi.

*

Sáu tuổi, thằng Giăng không hiểu tiếp nhận thông tin từ đâu, trả lời người đàn bà vừa là bà nội nó vừa là dĩ, rằng bố nó đi tù sắp về. Mười tuổi, thấy mẹ có người tình, nó hỏi mẹ: “Con có tội gì?” Mười ba tuổi, thằng Giăng bỏ nhà đi, khi mẹ nó đi chơi với tình nhân. Mười lăm tuổi nó to lớn bằng thanh niên mười bảy, mười tám tuổi. Nó tập tạ, tập võ Thiếu Lâm, tập Karate, tập quyền Anh.

Một hôm Quý đi làm về, xuống xe đạp, đến cửa ngẩng lên, liền buông tay để cái xe đổ, suýt buột miệng kêu thất thanh. Trời, chả lẽ Kiến đã ra tù, đang đứng chờ chị ở cửa?

Sao mà thằng Giăng lại có thể giống Kiến đến thế! Cũng cao lớn. Cũng cái mặt nùng nục thịt. Cũng vạt tóc rẽ tre in một vệt chéo qua cái trán ngắn. Cũng hàng ria mép lún phún và cũng đôi môi mỏng trề trề thoát mím lại thì lạnh băng và tàn nhẫn. Cũng đôi cánh tay gân guốc, cũng một bên vai lệch, cũng cái dáng đi vắn vẹo như rắn trườn.

Thằng Giăng là con đẻ của Kiến, là bản sao trung thành của Kiến. Không, nó không chỉ là sự nhân giống, kế thừa. Nó là Kiến cả hình nét và thần thái. Nó là Kiến chia đôi hoặc nhân hai. Và như vậy đã xảy ra phép lạ giữa đời thường. Kiến đã thực hiện thuật phù thủy, nhập vào thằng Giăng trọn vẹn, từ thể xác đến linh hồn. Hoặc nếu không thì đích thị Kiến là ma quỷ hiện hình cùng lúc ở hai nơi, trong nhà tù và ở nhà Quý. Kinh hoàng quá! Là bởi vì đã có lúc Quý giật thột mình, đánh rơi cả chồng bát trên tay vì thỉnh linh trông thấy thằng Giăng, lại ngỡ là Kiến vừa ở đâu đó hiện về đang sắp hỏi tội

mình. Có hôm chị buột miệng gọi lẫn tên nó với tên bố nó. “Có phải anh ấy mới được tha về không?” Nhiều người hàng xóm có lúc bỗng dừng hỏi chị vậy. Chị ngơ ngác đáp: “Không phải.” Người ta không tin, trách chị giấu họ một tin mừng. Chị thổ sức cả lồng ngực.

Từ hôm ấy, trong giấc ngủ, Quý luôn mê thấy điều dị thường. Quý đi xem bói. Chị kể: Đêm nào cũng mê thấy một bóng đàn ông trắng phớt hiện về. Bóng trắng có hôm khóc lóc, kêu: “Nhà tôi dột nát hết rồi. Quần áo tôi rách nát hết rồi.” Có hôm than thở: “Thế là tôi trắng tay.” Còn nhiều hôm cứ đứng im, hai mắt trân trân. Chị sợ hãi, vùng dậy kêu cứu âm nhà thì cái bóng ôm chầm lấy chị, dần ngửa chị ra, cưỡng chiếm chị. Thầy bói phán: “Có một cái vong nam nó ám cô. Cái vong nam đó nó ở dưới đất, trên là giường cô nằm. Cô phải chuyển giường đi nơi khác.” Quý nghe lời thầy bói, cái bóng trắng vẫn không ra khỏi giấc mê của Quý.

Thằng Giảng ít nói hẳn đi, nó lạnh nhạt ra mặt với Tốn. Tốn đến là nó chụp cái mũ lên đầu, lén ra cửa sau, trèo qua hàng rào, đi. Nó nhất định không giáp mặt với ông giáo hàng ngày vẫn dạy nó. Quà cáp, đồ dùng, sách vở Tốn tặng nó, nó chất đầy bàn học, không dùng, cũng không cất đi, cứ như nó dụng ý phô bày chứng vật.

Một hôm thấy nó lục tủ, Quý gặng hỏi. Nó đáp: “Tìm cái giấy giá thú của bố mẹ.” Hỏi để làm gì, nó không nói. Nửa tháng sau, một buổi đang ngủ trưa, nghe thấy tiếng mài dao xoèn xoẹt ngoài bể nước, Quý dậy. Nó đang mài một con dao nhọn. Hỏi, nó bảo trong lớp có một thằng rất to con đang rêu rao nó là con một thằng tù. Nếu thằng ấy còn nói nữa thì con sẽ xử nó.

Thằng Giảng đã tách ra khỏi Quý. Giữa hai mẹ con là bầu không khí lạnh lùng, thậm chí đối nghịch ngấm ngấm. Một lần, nó đi đâu vắng biệt luôn hai ngày liền. Khác hẳn mọi lần

về, lần này mặt mày nó hớn hở. Nó bảo nó cùng bạn bè trong lớp tổ chức đi thăm cố đô Hoa Lư. Và hỏi mẹ: “Mẹ có biết bà Dương Văn Nga trước lấy vua Đinh Tiên Hoàng sau lại làm vợ vua Lê không?” Quý chưa kịp trả lời, nó đã nhún vai: “Người ta đặt tượng thờ bà hoàng hậu ở bên đền thờ vua Đinh. Nhưng đến ngày giỗ vua Lê, người ta nhắc tượng ấy xuống và buộc dây vào cổ, kéo lê trên đường, đưa đến đền thờ vua Lê. Kể ra thì cũng tội nghiệp, nhưng mà...” Nó buông lửng nhếch mép, cái nhếch mép thật ác, thật hiểm.

Trời ơi, còn đâu hình ảnh thằng Giảng thời xa xưa ở tuổi ấu sinh, giống mẹ, đẹp thiên thần! Dường như nó được nuôi dưỡng từ một nguồn lực khác chứ không phải bằng nguồn sữa, tình thương yêu và hình ảnh của Quý. Có cái gì đó rất khó hiểu so với sự xét đoán thông lệ. Nghĩa là cuộc đời này thật là ẩn mật, nó giống như hình ảnh một dòng chảy ngầm không sao hiểu nổi ngọn nguồn tung tích. Nghĩa là các mối liên hệ, sự giao cảm, chi phối và ràng buộc còn rất mù mờ và bí ẩn. Và như vậy thì con người thật sự là vô cùng bé nhỏ và hoàn toàn bất lực trước bản thân con người; vòng vây hãm của con người với con người là không thể thoát?

- Hay chúng mình chuyển vào Sài Gòn ở? Anh có ông chú làm ở Ủy ban Nhân dân thành phố, ông có thể giúp chúng mình các thủ tục.

Một hôm, hết sức nồng nàn, Tốn bàn với Quý như vậy. Quý đang có thai hai tháng với anh, sau sáu, bảy năm trời yêu nhau phải giữ gìn. Những tưởng cái thai hữu hình sẽ gia tăng được sự bền chặt của mối liên hệ tơ tình thì Quý cựa quậy, ra khỏi vòng tay Tốn, thở một hơi dài lạnh buốt.

- Sao em lại thở dài? Ý em như thế nào?

- Bố thằng Giảng sắp mãn hạn tù rồi.

Tổn bật dậy kinh hoàng khi biết rằng chính thằng Giảng thông báo điều này cho mẹ nó. Kiến được hưởng lượng khoan hồng, nhờ thành thật hối cải.

- Vô lý! Vô lý! Anh ta đã hủy hoại đời em và bây giờ trở về sẽ lại tiếp tục làm khổ em là thế nào? Em không thể tiếp tục hy sinh cho anh ta được!

Sau một hồi như điên như cuồng, Tổn ngồi xuống, kéo Quý vào lòng:

- Và lại, bây giờ em không thể sống với anh ta được. Chúng mình sắp có con. Nghe anh bàn kế hoạch đi Sài Gòn đây, em.

Quý yên lặng nghe Tổn nói. Đúng hẹn, thứ Hai tuần sau nữa, Tổn đem vé máy bay đến cho chị và hẹn gặp nhau ở sân bay Nội Bài sáng ngày mai. Nhưng chuyến bay ấy chỉ có mình Tổn. Từ Sài Gòn, Tổn đánh điện ra, không có hồi âm.

Cuối năm ấy Quý đẻ một bé gái, giống mẹ như đúc, đẹp như thiên thần. Ằ đàn bà vừa là bà nội vừa là con đi đến săn sóc Quý, bế ẵm cháu. Kiến ra tù. Thằng Giảng cao hơn bố năm xentimét. Đứng cạnh nhau, trông như hai anh em, giống nhau từ cái vai lệch đến dáng đi vụng vụng. Kiến béo đỏ, má phúng phính, trông rất hiền. Nhưng hàng xóm ai cũng sợ, cả một năm trời chả một ai dám lai vãng. Quý bế đứa con gái đi chơi, tự giới thiệu: “Em được cái hăm này hồi lên thăm bố cháu ở trại trên Nghĩa Lộ đấy.”

Năm sau Quý đẻ một con trai, ẵ đàn bà nọ nâng đứa trẻ trên tay, nắc nỏm: “Thằng bé dài rộng quá, hết bố nó, hết thằng Giảng chưa!” Thằng Giảng trượt đại học, đi gánh cát thuê, rồi làm chủ ba cái lò gạch kiểu Triều Tiên ở tận Quảng Ninh. Nhiều lúc Quý cứ nhầm, gọi nó là Kiến.

HOA GẠO ĐỎ

Khi những người U Ní ở vùng biên sau mấy tháng trời đông giá ngồi trong nhà đánh cuộc, sửa dao, đan lát bước ra khỏi căn nhà đất dày kín như cái kén, đặt chiếc vai cày lên cổ con trâu, đi những đường cày đầu tiên, hoặc rủ nhau đi bán công khắp các nơi trong vùng thượng huyện Bát Xát thì hoa gạo bắt đầu nở.

Khắp đất nước, có lẽ không ở đâu hoa gạo có cung màu đẹp tuyệt như ở đây. Ở đây, trời xanh trong vắt, thanh lọc đến kỳ hết vẩn bụi và mắt người như nhìn thấu tới tận cõi vô cùng. Ở đây, sau một mùa đông giá lạnh, xo ro, cây bung nở hết mình cái sức tích tụ bao tháng ngày.

Suốt một rẻo biên giới, trên những nương lúa đã bỏ hóa, hoa gạo rừng rực cháy đỏ một vệt dài tít tắp. Ngắm nhìn cảnh trí tự nhiên ấy, chạnh nghĩ tới sự xếp sắp cố tình của con người, ta không khỏi bàng hoàng trước các ngẫu hứng tài tình của thiên nhiên, cây cỏ cũng muốn tham gia vào đời sống nhân sinh. Biên giới không chỉ hoạch định bằng cột mốc nhân tạo. Và như vậy, những hạt gạo đuôi xòe lông tơ từ một miền nảo miền nào theo gió phát tán tới đây, giống như một hiện tượng chim đậu đất lành, lại như là một hành vi có ý thức hẳn hoi trong việc góp phần xác định ranh giới quốc gia.

Đất đai vắng vẻ, rộng dài, thật là thung thổ thích hợp với loài gạo. Ưa hạn, chịu sáng, thích nghi với mọi khắc nghiệt nên đến mùa xuân này thì gạo đã thật sự là những hàng đại thụ, thân hai, ba người ôm, nghênh ngang cành nhánh vùng vẫy, đơm hoa bùng sáng cả một vùng trời miền biên viễn này. Chẳng có thứ cây nào mà lại hào phóng sắc đỏ đến thế. Và hoa thì vừa đỏ vừa lực lưỡng đến thế. Bằng cái cốc vại một, mỗi bông đậu trên cành trông chẳng khác gì một đốm lửa. Cả ngàn đốm lửa như thế suốt cả ngày phấp phới vẫy gọi những đàn sáo từ xa đến thưởng ngoạn vẻ đẹp của chính mình. Bọn sáo vô tư, líu lo, nháy nhót, đôi lúc đã vô ý làm rụng một bông hoa. Nhưng hoa chỉ thoáng giật mình tí chút thôi, trên đường rơi nó đã kịp thời lấy lại thế cân bằng và quay tít như cái chong chóng năm cánh hoa dày.

Ông Lý A Lữ, người làng San Cha Chải áp sát quả núi cao có cột mốc biên giới, cứ vào mùa hoa gạo nở là vác cái rìu, đeo con dao, tạm biệt bà vợ trẻ, ra đi. Ông Lữ đi làm thuê. Như tất cả những người ở vùng cao heo hút nghèo đói này, cấy lúa xong là đem thân đi đẽo đá, phá ruộng, xây nhà, thu hái lâm sản thuê, cho tới tháng Mười, vào vụ gặt, ông Lữ mới quay trở về làng, lúc ấy cũng là lúc cây gạo trụi lá.

Thời gian để lại dấu chân trên cây gạo.

Với ông Lý A Lữ hiền lành, chất phác và khắc khổ, cây gạo còn có một mối liên hệ gắn bó hơn. Xưa rày cây gạo là loại cây cho thứ gỗ kém cỏi lắm. Bộp, đến mức cho vào bếp người ta cũng chê là chỉ tổ khói. Nhưng thật không thể ngờ, đến mùa xuân này bỗng nhiên gạo trở thành một đối tượng kiếm tìm. Thì ra đã có một phát minh: xẻ ván, cho cây gạo xuống nước ngâm, ngâm lâu đến mức tưởng như gỗ cứng đến mấy cũng phải mủn ra, rồi mang lên phơi, một nhà chế biến gỗ đã làm thử như vậy thì ôi chao, như có phép lạ, thứ gỗ bộp nọ liền biến thành một loại tứ thiết, đã không biết cong vênh là gì lại còn rắn chắc đến mức đinh tày đóng vào cũng bị nhụt!

Nhà chế biến gỗ nọ là người hằng năm vẫn thuê ông Lừ hạ cây, xẻ ván, đem chuyện nọ ra kể. Ông Lừ kêu:

- Thế thì lên làng tôi. Làng tôi nhiều cây gạo lắm!

- Có to không?

- Không biết nó mọc từ bao giờ. Tôi nghe các cụ già kể: từ thời lập quốc, cây gạo bắt đầu mọc rồi. Giờ cây nào cây nấy đều to lắm!

- Vậy thì vụ xuân tới tôi sẽ lên và bác làm giúp tôi nhé!

Vụ xuân này chính là vụ hạ gỗ đã hẹn hò đây.

Nhưng tiếc thay, cuộc hẹn hò mùa xuân của người thợ chặt hạ và nhà chế biến gỗ đã không thực hiện được. Hôm ấy, vừa quay vào đóng cửa, ông Lý A Lừ đã nghe thấy tiếng mõ gỗ, mõ tre khua động từ nhà lý trưởng Tráng Vân Đa. Đó là mõ gọi họp toàn thể dân làng. Chẳng còn cách nào, vốn người gấn bó với việc làng nước, ông Lừ đành bước vào nhà cất rìu, dao, rồi đi đến nơi hội họp, tức cái bãi chơi ở đầu làng. Trong cái lều nhỏ ở giữa bãi chơi nọ, ông Lừ nhìn thấy lý trưởng Tráng Vân Đa mặc cái áo dạ xám, đội mũ lưỡi trai dạ đen đang đứng với mấy người lính lệ mới từ huyện về. Người làng lục tục đến. Người đến trước ngồi trên những tảng đá nổi. Người đến sau ngồi trên cái đu quay, trò chơi còn sót lại từ ngày hội gà ma thú của cả bản.

- Mọi người đến đủ cả chưa?

Sau câu hỏi, lý trưởng Đa bước ra khỏi lều, chống tay lên sườn, cố tình làm cho uy nghi và bề vệ, để hợp với lời nói hách dịch:

- Cả làng nghe cho rõ mà theo, mà làm. Mùa này từ hôm nay, trai làng, ông già không ai được đi bán công nơi xa nữa. Huyện vừa có giấy sức về đây. Việc này hệ trọng hơn mọi việc. Vua nước An Nam ta sắp vào thăm bản ta, tổng ta. Bởi vậy, làng phải cất cử người sửa đường, sửa cầu và ra huyện khiêng rước kiệu Đức Kim thượng về.

Ngừng một lát, ông lý trưởng tiếp:

- Nào, nghe rõ cả chưa? Giờ, về sửa soạn. Nhất là trai đinh. Ở nhà, có lệnh gọi là đi luôn đấy!

Là người đi bán công xa nhất bản, đã từng làm việc với người Kinh, chính là nhà chế biến gỗ nọ nên bếp lửa nhà ông Lừ từ hôm ấy đông người tới hỏi han, trò chuyện nhất.

- Vua là thế nào, ông Lừ?

- Vua là người to nhất nước An Nam mình.

- Tôi cứ nghĩ, ta chỉ có một ông vua là Tráng Văn Đa.

- Ông Đa là vua cái nước nhỏ San Cha Chải ta thôi.

- Còn nước An Nam ta?

- Ối! Tôi đi ra huyện mất hai ngày đường. Người Kinh từ dưới xuôi lên mua gỗ đi từ kinh đô lên bằng tàu thuyền, bằng xe ngựa tới huyện này mất hơn nửa tháng. Như vậy, tính từ hàng cây gạo trên núi...

- Sao lại từ hàng cây gạo?

- À, ở chỗ cây gạo mọc là chỗ bắt đầu của nước ta. Ông giỏi gieo xuống thứ cây hoa đỏ ấy là để đánh dấu, để ta dễ nhớ mà. Từ đó đến huyện, tôi mới tới đó thôi, mất hai ngày đường. Rồi ra nữa... ra nữa, ngày qua ngày, tuần qua tuần... cuối cùng nghe nói là ra đến biển.

Mọi người cùng ngẩn ra. Câu nói của người đàn ông đã ra tới huyện vẽ một khoảng rộng mênh mông, chẳng biết đo bằng gì, chỉ hình dung ra bằng những ngày, những tuần đi dằng dặc từ đầu này là màu đỏ hoa gạo đến thăm thăm xa xăm ngoài kia là sóng biển xanh xanh trùng trùng. Một đất nước như thế là rộng, là đẹp. Và San Cha Chải, nơi có cây gạo mọc đánh dấu nên nó đúng là đất của vua. Vậy nên vua xa giá tới viếng thăm là phải rồi!

Làng sửa soạn đón vua thật náo nhiệt. Đường dài mấy chục cây số qua rừng gianh, rừng nứa phải phát quang. Hai

cây cầu gỗ trôi từ mùa lũ năm ngoái phải bắc lại. Lại thêm lan can, để nhỡ Đức Kim thượng nẩy ý thích xuống kiệu đứng ngoạn cảnh còn có chỗ vịn. Thôn xóm sạch sẽ. Trâu bò đuổi hết lên rừng. Nhà nào cũng cố tìm mua đèn lồng đỏ, treo hai cái như má con gái, ngoài hiên. Người nào việc nấy phấn chấn hẳn lên. Riêng ông Lý A Lữ thì phấn chấn hơn hẳn người khác. Bởi vì ông và ba tráng đinh nữa được lý trưởng Đa cất cử ra tận huyện để vừa là dẫn lộ vừa là theo hầu vua, thậm chí khiêng nước kiệu vua vì có thể ngài không quen cuỗi ngựa.

Ông Lữ mừng lắm. Biết mặt vua trước mọi người là một vinh dự, lại còn được theo chân vua mấy ngày trời nữa thì thật là vinh hạnh không thể mua được bằng vàng. Sung sướng, ông Lữ sửa soạn quần áo, khắp khởi đợi chờ. Càng khắp khởi, bồn chồn hơn khi ông và ba người nữa được cất cử đi đón vua lần này được chính lý trưởng Tráng Vân Đa báo tin: Nhà vua đã bắt đầu lên đường!

Ngày qua, San Cha Chải và ông Lữ dôi theo bước chân của Đức vua. Ngự trên cỗ xe tam mã, ngài đã ra khỏi kinh đô. Tháp tùng ngài có các quan đại thần. Còn có cả thợ mộc, thợ nề, kén tuyển từ các làng nghề. Vì lần kinh lý này ngài còn muốn sửa sang bờ cõi, tu bổ các cột mốc đường biên. Ngài đã tới Việt Trì. Tối đây, ngài bỏ xe ngựa xuống thuyền. Ngài đã ngự thuyền rồng tới địa hạt tỉnh Phú Thọ. Thuyền của ngài sắp ngược dòng tới tỉnh lỵ tỉnh Yên Bái... Ngài sắp... Ngài đã...

Cuối cùng con ngựa hồng như ánh lửa cháy rần rật một chiều nọ phi tới làng và hôm sau ông Lý A Lữ cùng ba suất đinh nữa, mỗi người một cái gậy dài vác vai, rời San Cha Chải ra huyện. Mặt mũi ai nấy đều hớn hỏ khác thường. Lý trưởng Tráng Vân Đa tiễn họ ra tới bãi chơi đầu bản và nhắc lại một lần nữa cho dân làng biết: Bốn người này xuống huyện là để cùng quân lính dưới đó rước kiệu Đức vua về San Cha Chải và như vậy San Cha Chải, ngọn núi, mảnh đất, cái cột mốc xa xôi nhất sắp được hưởng một ân sủng không gì sánh nổi.

Mãi miết trong hào hứng bất chấp cả lúc sớm bùng, khi tối trời dễ bị thú dữ làm hại, đi liên tục, cuối cùng ông Lý A Lữ và ba người đàn ông nọ đã vượt trước thời gian. Chiều thứ hai của cuộc hành trình họ đã tới huyện lỵ. Một nhọc nhưng cả bốn đều rất phấn khởi. Đi qua phố huyện, họ nhận ra vẻ khác thường của bầu không khí cô tịch vốn có ở nơi này. Trước cửa nhà nào cũng treo đèn lồng, kết hoa giấy. Đường sá đã được quét dọn sạch sẽ, phong quang. Bốn người được một người lính đón tiếp và dẫn đến một nhà trọ ở cuối phố.

Sáng sớm hôm sau, ông Lý A Lữ và ba người nọ vừa trở dậy thì người lính nọ tới. Bây giờ mới trông rõ ông ta. Vóc thấp, vai vuông, chân nhỏ quăn xà cạp nên hai bắp trông như hai cái bắp bi. Mặt ông què mùa, cũ kỹ, lại có mấy nốt rỗ hoa, trông vừa buồn tẻ vừa khôn ngoan.

- Nào, đi sớm không nắng. - Người lính nói.

Ông Lữ sẵn đón:

- Đi khiêng Đức Ngài ạ?

Người lính nhượng hai con mắt nhỏ một mí, vẻ khó hiểu:

- Các người ở San Cha Chải?

- Vâng.

- Người U Ní chớ gì?

- Vâng.

- Dân U Ní khiêng, dịu thì nhất rồi. Dịu bằng trán có phải không?

Ông Lữ ngơ ngơ, bụng nghĩ mờ mờ tỏ tỏ, lại nhìn người lính, rụt rè:

- Đi khiêng Đức vua ạ?

- Thì đi! - Người lính xẵng, rồi phất tay ra hiệu bảo họ đi.

Bốn người San Cha Chải cum cúp đi theo người lính. Quanh quanh, ngoặt ngoặt mấy lần, họ đến trước một túp lều gianh,

cửa liếp còn khép. Chẳng lẽ Đức vua ngài ở đây? Ông Lữ ngơ ngác, chực hỏi thì người lính đã chống nạnh, giục:

- Đức vua của các ông ngự ở trong ấy. Đẩy cửa vào khiêng đi! Nhanh lên!

Ông Lữ đặt tay vào cánh liếp, vừa hồi hộp vừa sợ hãi. Sao lại có thể như thế này được nhỉ? Đến như ông Tráng Văn Đa, vua San Cha Chải, cũng không ở cái túp lều tồi tàn như thế này. Một là ông nghe không thủng câu nói của người lính, hai là người lính độc bụng, định đưa ông vào bẫy mắc tội phạm thượng. Nghĩ vậy nên ông Lữ rút tay lại. Nhưng thật không may cho ông, cánh cửa liếp khép hờ hững lại có chiều hướng ngã vào bên trong nên chỉ cần chạm khẽ vào là nó đã ẻo ra, ẻo ẹt một tiếng dài.

Hai cánh cửa mở một khoảng tối mờ. Bị chi phối bằng một đức tin và niềm sùng kính chất phác, ba người đàn ông và ông Lữ vội quỳ sụp xuống, chắp tay vái liên ba vái. Người lính bật lui trở lại, thoát đầu bung miệng cười, nhưng thấy thái độ thành kính chân thực của bốn người nọ, vội ngậm miệng, đứng ngây thờ.

Trong bóng tối âm âm hiện dần lên hình một phiến đá trắng, có chiều rộng một sải, cao bằng đầu người, dày hơn gang tay, mặt khắc chìm những dòng chữ bay bướm. Phiến đá đứng, hơi choãi chân ra phía trước; do chiều cao, chiều rộng, thế đứng và nhất là do những dòng chữ bí ẩn mà nó trở nên uy nghi khác thường.

Ông Lữ hơi sững người. Nhưng lập tức lòng kính tín sau mấy giây rung rinh lại trở lại và cùng với ba người kia, ông bước lại cạnh phiến đá mà run rẩy như được tiếp cận một linh thể và được hưởng một ân huệ khác thường.

Người lính được lây truyền cảm xúc trân trọng bỗng dịu giọng:

- Đức vua ngài bận việc quân nên chỉ ngự thuyền rồng lên tới tỉnh lỵ thôi. Ngài gửi phiến đá này vào. Phiến đá này thay

mặt ngài. Ngài bảo phải đặt nó lên ngọn núi San Cha Chải. Các ông hiểu rồi chứ? Bây giờ các ông sửa soạn khiêng đi!

Không chút thất vọng, trái lại, niềm tin yêu trang trọng bùng men trên nét mặt, ông Lữ và ba người đồng hương vội hạ đòn, buộc thùng chảo, và sau khi làm thành cái kiệu mộc mạc, họ ngả phiến đá thiêng của Đức vua lên đó, rồi đều tay nhấc lên vai.

*

Phiến đá của Đức vua trên vai bốn người đàn ông U Ní ra khỏi huyện lỵ, trời mới tan sương. Nghe nói phiến đá đã theo Đức vua từ kinh đô lên. Vua ở đâu, nó ngự cùng ngài ở đó. Tối tỉnh lý, nó cùng vua được đón tiếp vô cùng trọng thể. Từ tỉnh lý vào huyện, nghi thức đã bớt đi phần diêm dúa nhưng vẫn giữ được sự long trọng, nó được ngự riêng một cỗ xe tam mã vào tới tận huyện đường. Và mấy đêm vừa rồi, tuy là ở trong cái lều gianh xoàng xĩnh đó, phiến đá vẫn được canh giữ rất cẩn mật.

Ấy là câu chuyện mở đầu của người lính đi theo áp tải phiến đá. Câu chuyện có tác dụng kích thích bốn người đàn ông, mặc dầu ra khỏi huyện lỵ, họ trợ trợ, thui thui giữa bóng rừng mênh mang.

- Liệu chiều mai có tới nơi không? - Người lính lạch cạch lưỡi lê ở hông đi cạnh ông Lữ, chưa được mấy bước chân đã có vẻ sốt ruột hỏi.

Ông Lữ đáp:

- Đi ra thì hai ngày. Đi vào, dốc, phải hơn.

- Thế đêm nay độ đường ở đâu?

- Cứ đi thôi. Tối đâu ngủ đấy.

- Không được. Phải vào làng Pao Mao Chải ngủ. Trên đã sức cho lý trưởng làng đó đón rước rồi!

Hai người khiêng đòn đi ở phía sau cũng ngẩng lên. Một người hỏi:

- Không đi đường Pao Mao Chải được đâu. Cầu gỗ to qua suối lớn ở đầu làng trôi rồi.

Người kia tiếp:

- Mua thêm đường hay sao mà đi đường ấy!

Ông Lừ thêm:

- Đi đường ấy phải bốn, năm ngày. Lâu quá. Đi đường tắt này nhanh về cho dân San Cha Chải khỏi ngóng.

Người lính than:

- Dốc ngựa ngực, vất vả quá!

- Chịu khó một tí thôi!

Mấy người khiêng phiến đá cùng nói một ý. Và phiến đá trên lưng họ lừ lừ chuyển, êm như trôi trên sóng lặng, chẳng cần một cố gắng nào. Qua một khu đồng hẹp, họ lội qua con suối rộng nhưng nông. Đó là con suối ở chân cao nguyên vùng San Cha Chải. Đường ít người qua, rêu xanh phong đá suối, trơn muội. Bốn người rờ rẫm từng bước ngắn, thận trọng còn hơn khiêng người ốm nặng. Sang tới bờ bên này, họ trút hơi thở đánh phào và thấy người như khỏe ra thêm. Họ đã thấy hương sắc vùng quê.

Hương sắc bản quê San Cha Chải, ấy là những triền núi vàng xuộm cỏ gianh như một biển nắng chiều. Là cái khoảng xanh mờ ảo tít xa của những vùng rừng vầu cổ xưa. Là cái mùi hoa thảo quả thơm lừng hòa trộn với làn khí trời tê mát dưới tán rừng nguyên thủy thuần một loại pơ mu lão đại. Bóng những khoảng rừng già đã mỗi lúc một sẫm màu trong mắt người. Lát sau, qua ba, bốn khúc đường lên dốc xuống dốc như yên ngựa, phiến đá đã lọt hẳn vào một rừng già, tán cây tỏa xuống mặt đất vẻ trầm mặc, u tịch. Người lính bỏ nón quạt:

- Nghỉ chứ, các chú ông?

- Cố tí nữa, lên hết đoạn dốc này.
- Chịu các chú ông thật. Đi một thôi mấy tiếng rồi, ông Lữ?
- Đẳng nào cũng phải đi, ông ạ.
- Sợ mệt là mệt các ông thôi!
- Việc làng, việc nước mình không làm, người khác cũng phải làm, ông lính ạ.

Việc làng, việc nước! Cái ý nghĩ tự nhiên mà sâu xa! Vì việc làng, việc nước mà vụ xuân này bỏ cả việc bán công sinh nhai. Vì việc làng, việc nước mà mang cái khó nhọc vào thân. Việc làng, việc nước! Nào phải là đã hiểu thật hết ý nghĩa của công việc mình đảm đương! Nhưng phạm đã là việc làng, việc nước tức thì là việc thiêng liêng, cao quý và do vậy phải tận lực mà làm cho trọn vẹn là thế!

Đến trưa thì chính người lính đi chân tay không đòi nghỉ vì mệt quá, không thể đi được nữa. Đám khiêng phiến đá của Đức vua phải dừng lại. Đó là một khoảng trống giữa rừng già. Vừa hạ kiệu, bốn người cảm nhận ngay được vẻ hoang lạnh đến sờn da thịt của khung cảnh. Bụi rậm và vòm cây chen kín, xung quanh họ tối mờ. Đã thế lại sương trắng mù mù vây bọc. Và từ trong xa xăm, vẳng lên tiếng róc rách của một con suối hoang, như một âm ảnh triền miên, dai dẳng.

- Này, từ lúc vào khu rừng già này, các ông có thấy cái gì là lạ không? - Ông Lữ quệt mồ hôi trán, hỏi ba người đồng hương.

Một người ngậy ngậy nét mặt:

- Tôi thấy có mùi gây gây.

Người lính đang nằm ngả trên đất, ngھn cổ dậy, thều thảo:

- Mệt lắm rồi. Nghỉ lại đây thôi. Mai đi tiếp.

- Không được đâu, ông ạ. - Ông Lữ nói với người lính và nhìn ba người bạn của mình.

Lập tức cả bốn người cùng đồng lòng là phải nhấc đòn lên vai, đi ngay. Một nỗi hung hiểm chập chờn đầu đó, ai cũng nghĩ tới mà không ai dám nói ra.

Thấy mấy người đã khiêng phiến đá đi, người lính vội nhồm dậy, thở phì phò:

- Tôi đến chết với các ông thôi.
- Cố lên, ông lính ạ. Tôi sợ chỗ này...
- Sợ cái gì?
- Đừng nói! Cố một tí nữa!

Người lính hiểu lời mờ, đành leo đèo theo sau bốn người nọ.

*

Đêm ấy đám người khiêng phiến đá của Đức vua ngủ giữa rừng già. Chỉ có người lính được ngủ liền một mạch. Còn bốn người chia thành hai tốp thay nhau canh gác. Họ đốt lửa thâu đêm.

Sáng bừng, mặt trời rọi qua kẽ lá, phân tỏa thành ngàn tia sáng hân hoan, người lính mới mở mắt. Sức đã phục hồi. Những cảm giác tươi sáng trở lại. Ông nhìn bốn người bạn đường bỗng thấy yêu quý họ khác thường. Họ, giản đơn, thô sơ vậy thôi mà thật là những tấm lòng vàng.

Thấy người lính mở mắt, ông Lữ bước tới:

- Ông còn mệt nhiều nữa không? Hôm nay ta đi cố thì tối có thể tối được.

Người lính nhồm dậy:

- Ừ, cố đi.

- Đêm nay tới San Cha Chải, được ngủ trong nhà rồi. - Một người nói.

Người khác thêm:

- Mời ông lính về nhà em nghỉ nhé!

- Tất nhiên rồi. - Người lính vui vẻ. - Đưa được phiến đá Đúc vua lên tới cột mốc xong là hoàn tất công việc.

- Tôi biết chỗ cột mốc biên giới.

- Ở đâu, ông Lữ?

- Trên núi, chỗ có nhiều cây gạo hoa đỏ. Lạ thật, ông lính ạ. Ông trời cũng có ý phân chia địa giới nên mới gieo giống cây gạo bên mình. Còn bên kia, tịnh không một cây, thế mới lạ chứ!

Người lính cười, nhồm dậy:

- Đưa phiến đá của Đúc vua lên đó là xong việc của ta. Còn xác định điểm chôn là công việc của người khác. Thôi, rửa mặt, rồi ta lên đường đi. Nhưng mà hôm nay dẫu có sốt ruột vì nước mã hồi cũng đừng đi học tốc như hôm qua nhé, các chú ông.

- Không phải vì muốn xong việc để về nhà đâu.

- Thế thì vì cái gì?

Ông Lữ chép miệng, thoái thác câu trả lời tỉ mỉ:

- Cũng là việc làng, việc nước thôi!

Người lính cười bao dung, đứng lên rút cái khăn đeo bên sườn, xách cái *bình toong*, đi qua một bụi rậm, tìm đường xuống khe suối.

Cuộc sống chẳng bao giờ hết sự ngẫu nhiên. Và chẳng ngẫu nhiên nào giống hết ngẫu nhiên nào. Điều hung hiểm ông Lữ cảm nhận bằng trực giác từ lúc bước vào khu rừng già hôm qua đã hiện hình thành một sự thật. Một con hổ đói đã theo đoàn người suốt chặng đường hôm qua, giờ nó đang chờ ông lính ở bờ khe suối nọ.

Nghe tiếng người lính thét rưng rời, ông Lữ kinh hoảng đâm bổ xuống phía khe suối. Ba người kia chậm hơn nhưng cũng nhao ngay tới cạnh ông. Và họ cũng rét run lên trong

cảm giác sinh tử trước cơn nguy biến bất ngờ, bờ tuổi chỉ còn cái khăn mặt và chiếc *bình toong* sắt của người lính.

*

Họ đốt đuốc, sục vào các bụi rậm hú gọi, hò la. Tiếng họ hú gọi, hò la vang rừng nhưng thấm nhiễm nỗi vô vọng cô đơn. Dấu sao thì cũng không thể tỏ ra là bạc nhược, yếu hèn. Dấu sao thì cũng không thể bỏ mặc người bạn đường xấu số. Một ngày đường nên nghĩa, hướng hồ lại đã cùng một việc lớn đồng tâm. Mất một ngày không tìm thấy dấu vết thi thể người lính. Hôm sau ông Lữ nêu ý kiến: Để hai người lại tiếp tục tìm kiếm nạn nhân, còn hai người tiếp tục khiêng phiến đá của Đức vua về San Cha Chải cho kịp ngày, xong việc.

Tính toán như thế là vẹn tình vẹn nghĩa, được cả việc chung lẫn việc riêng nên mọi người đều đồng ý. Ông Lữ và một người nữa tên Lý A Tỉn đảm nhiệm việc đưa phiến đá của Đức vua về đích.

Cái nặng của phiến đá đang san sẻ cho bốn người nay đè lên có hai vai. Tuy vậy vốn là những người nghèo khổ, quen cực nhọc, họ vẫn tỏ ra dư thừa sức lực. Nửa ngày đầu, hai người đi bình thường. Nhưng từ nửa ngày tiếp, đường quá dốc, họ xuống sức rất nhanh. Đường xa, một cây kim cũng trở thành nặng. Hướng hồ đây là đá, là dốc. Dốc quá! Đi người không mà có chỗ đầu gối chạm ngực. Ngựa đi có lúc còn toại móng, phải dủn dít mới lên được. Đã thế lại phơi ra giữa nắng, bọn ruồi vàng khát máu ngửi thấy hơi người, lại nhao tới nhăng nhặng bám đốt, hút máu.

- Chết mất thôi, ông Lữ ơi!

Buổi trưa hôm ấy, lên giữa một con dốc, ông Tỉn rên một câu, rồi khụy xuống, phiến đá đổ nghiêng dưới đất đánh phịch.

Ông Lừ quay lại, mắt như tóe những hạt vàng, hạt đỏ. Hơi thở trào trào qua cả hai lỗ tai. Ông cũng nhoài xuống, ngực đập đất, tim đập rung cả người. Rồi lìm lìm, ông thiếp đi lúc nào không biết. Lát sau, có lẽ là vì mấy con ruồi vàng nên ông Lừ tỉnh. Mở mắt, ông thấy xung quanh mình ăng lạng. Sợ quá, ông vội nhồm dậy và nhìn thấy ông Tỉn nằm bất động cạnh phiến đá của Đức vua. Chẳng lẽ ông Tỉn chết? Trời ơi! Không thể thế được! “Trăm lạy vong hồn ông lính, ông sống khôn chết thiêng, ông phù hộ cho việc làng, việc nước thông suốt mọi đường.” Ông Lừ lẩm nhẩm, lê đến người bạn đường. May quá, ông Tỉn đã mở mắt.

- Ông Tỉn à, nghỉ được một tí cũng đỡ mệt đấy.
- Tôi mệt quá, ông à.
- Tôi cũng vậy. Lẽ ra ông nên ở lại tìm ông lính...
- Không, tôi cầm tinh con lợn, tôi hãi lắm.
- Khổ thật. Còn một chặng nữa là tới làng. Hay là ta cố một tí nữa.
- Ừ, cũng phải cố thôi!
- Tôi khẩn vong hồn ông lính rồi, ông Tỉn ạ.

Hai người lại chùn mình ghé vai, nhấc đòn. Miệng lẩm nhẩm cầu khẩn linh hồn người lính, ông Lừ cố tỏ ra mạnh mẽ để động viên bạn mình. Nhưng ông biết ông Tỉn đã phải dùng đến những sức lực dự trữ cuối cùng rồi. Phiến đá ậm ạch đi. Ông Tỉn thở ậm ề. Rồi hơi thở biến mất. Lát sau hai người lại nằm còng queo như hai cái rễ cây bên phiến đá. Họ lại ngất đi như lần trước và cơn ngất này dài hơn. Nhưng tuy thế lần tỉnh dậy này, ông Lừ có cảm giác như sức lực vừa được bình phục trở lại. Cùng với cảm giác vui sướng râm ran trong lòng, ông nhận thấy ông Tỉn đã mở mắt, tuy là không cất nổi mình dậy.

- Ông Tỉn ơi, tôi kể ông nghe chuyện này nhé! Là cái lúc ông lính hỏi tôi, tôi không muốn nói nhiều, chứ tôi biết phiến

đá này là cái gì rồi. Ở San Cha Chải mình, cột mốc bằng gỗ thối, lại không phải của Đức vua đích thân gửi lên nên người bên kia tính tham vật, mấy lần họ đã nhổ lên, cắm lẹm sang phần đất ta. May mà có hàng cây gạo, chứ không thì họ ăn gian được. Ông Tín có nghe tôi nói không?

- Có. Tôi mệt quá, ông Lữ ạ.

- Không sao đâu. Nghỉ một lúc nữa sẽ lại sức. Ông tổ mình xưa khỏe lắm, ông Tín ạ. Tôi nhớ bố tôi kể. Một lần đi chợ huyện gặp bọn gian mai phục định cướp đồ hàng, ông tổ mình cầm cái đòn xóc giờ cao, nói: “Các chú nếu nhổ được cái đòn này thì cho tha hồ lấy hết những gì ta có!” Đoạn ông tổ dùng tay cầm phập ngọn đòn xóc xuống đất. Bọn cướp xô tới, cả buổi hò nhau không sao rút nổi cây đòn lên được. Kìa, ông Tín... Ông đỡ mệt chưa?

- Tôi... chết mất... ông Lữ à.

- Nói đại nào!

Ông Lữ đứng dậy. Ông định cổ vũ bạn nhưng hóa ra chính ông cũng đã sắp cạn hết sức lực rồi.

- Hay là thế này... - Ông Lữ đến gần bạn, ngáp ngừng.

Chao ôi! Trong cái ta đã quen thuộc đến nhàm chán hình như bao giờ cũng ẩn náu điều ta chưa khám phá ra. Sau cái tưởng là kiệt cùng tuyệt vọng phải chăng vẫn còn đó một khoảng không dự trữ niềm hy vọng? Và sự sáng láng của tâm tưởng bao giờ cũng vẫn là nguồn cội để sản sinh năng lượng mới. Ý thức bốn phạm dẫu mang tính giáo điều và màu sắc tôn giáo bao giờ cũng là một tiềm năng. Nữa là ở đây đã tích tụ trong mình cái sức lực quật cường dồi dào của cả bộ tộc đối khổ, ông Lữ còn dạn dày trong lao động khổ sai nặng nhọc và mang trong mình tình thương yêu đối với những người bạn đường khốn khổ.

Tới lúc ông Tín mở choàng mắt, kêu một tiếng kinh hoàng thì một sự kiện ghê gớm đã xảy ra, chưa hề có trong trí tưởng

tượng của chính ông. Ông Lữ đã dựng phiến đá dậy, đặt nó vào hai sợi dây da. Ngồi xuống, áp lưng vào phiến đá, ngoằng hai đầu dây vào vai, tay nắm hai đầu dây còn lại, nhin hơi, mặt căng nhúc, ông Lữ từ từ đứng lên trên hai đầu gối run lấy bảy chỉ chục treo treo gãy khúc.

Nhưng mà không, ông Lữ đã đứng dậy được. Ông Lữ đã bước đi. Loạng choạng mấy bước đầu nhưng ngay ngắn dần. Rồi ông quàng sợi dây da lên trán. Đầu ông giờ là cái cọc giữ lấy phiến đá nặng.

Như có một sức mạnh vừa tràn vào, ông Tỉn chồm dậy, vừa ôm ngực ho sù sụ vừa cố dần bước đuổi theo ông Lữ.

Ông Lữ xua xua tay bảo bạn im lặng. Ông đang khẩn vong hồn ông lính để ông lính phù hộ ông hoàn thành công việc hệ trọng, quá sức này. Mặt ông nhăn nhúm nhưng không có cái vẻ đau khổ như vẻ mặt Đức Chúa Jesus vác cây thánh giá trên núi Golgotha vẫn thấy treo ở trong các nhà thờ Kitô giáo. Bức tranh ông Lữ địu phiến đá, biểu trưng quyền lực thiêng liêng của Đức vua An Nam, có công sức, xương máu, mồ hôi của bao người, viên quanh là những bông hoa gạo đỏ.

Chiều hôm sau, lý trưởng Tráng Văn Đa lên thăm phiến đá. Ông là người biết đọc chữ Hán duy nhất ở San Cha Chải. Ông bảo, phiến đá của Đức vua khắc sáu chữ lớn: “An Nam dân quốc địa giới”. Đó là cột mốc biên giới của đất nước. Ông nói thêm, phiến đá này nặng hai con ngựa thồ không nổi, làm sao mà người thường địu nổi!

1979

MIỀN AN LẠC VĨNH HẰNG

Cô tôi thường gọi là Séc. Ấy là gọi theo tên chồng, một cái tên đọc theo thổ âm Vân Nam, nghe cục mịch, xấu xí. Còn con người cô tôi thì thực sự óng ả lắm. Khi tôi tìm, nhận được cô ở chốn tha phương thì cô đã góa chồng, đang ở tuổi ba mươi, những nét thanh xuân mơn mớn của một phụ nữ lao động có tâm hồn trong sáng và một thể chất lành mạnh còn rất đậm đà.

Như bao thân kiếp không may khác, cái đói, cái nghèo đã xua đuổi cô tôi ra khỏi chốn quê hương, bản quán; từ đồng đất Thái Bình bờ xôi ruộng mật, cô tôi phiêu dạt lên tận miền thượng du biên giới Lào Cai từ những năm còn ở độ tuổi thiếu nữ. Tháng Tám năm 1945, theo Hiệp nghị Quốc tế, quân đội của Tưởng thống chế vào miền Bắc Việt Nam để giải giáp quân đội Nhật đã đầu hàng. Trong đội quân đông cả mấy chục vạn ấy có viên giám mã của đại tướng Tiêu Văn tên Lìu La Séc. Anh này đi cưỡi cỗ ngựa, gặp cô tôi liền mê tít. Tình yêu quả thật là cao hơn *logic*, cao hơn cả lịch sử. Kết quả của mối tình này là anh giữ ngựa của đại tướng bỏ cả quân tịch và quốc tịch, ở lại đất Việt, kết duyên cùng cô tôi.

Người Hoa ở biên giới Lào Cai đông lắm. Hiền lành, chăm chút làm ăn, họ ở thành từng khu phố, lập thành các bang, có tổ chức hội quán, trường học riêng, sống hòa thuận với người Việt, nhưng hiếm khi có quan hệ hôn nhân. Những người Hoa

giàu có thường mở các đại lý vải vóc, tạp hóa hoặc là chủ các cửa hàng thuốc bắc lớn. Còn đa phần dân Hoa thì góp phần làm giàu thêm nghệ thuật ẩm thực ở xứ sở này, bằng việc chế tác các món ăn đặc hiệu Trung Hoa, như phở cuốn sủi, phở chua, bánh bao, sủi dìn, nước sâu, phá xa và món sực tắc, tức mía hấp, những món ăn đã thâm nhập và định hình trong khẩu vị người nước ta.

Viên giám mã Lìu La Sọc chồng cô tôi không gia nhập tiểu cộng đồng người Hoa nọ. Nói cho đúng, cuộc hôn thú đã đi đến một sự nhất thể hóa, ông tự đi làm thuê một mình, ông hòa nhập với cuộc sống của vợ. Ngoại trừ một việc, ông giữ được nghề gia truyền: chế tác món xôi lạp xưởng và bánh bao. Rồi ông cùng cô tôi, như hầu hết những người lương thiện, khi quân Pháp trở lại xâm lược nước ta, lập tức gia nhập đội ngũ những người kháng chiến. Cô tôi làm cấp dưỡng ở Hội Phụ nữ tỉnh. Còn ông chồng thì nấu ăn ở bếp tỉnh ủy.

Rất nhiều lúc tôi nhãng quên hẳn đi nguồn gốc dân tộc của ông chú rể tôi. Vì ông nói tiếng Việt, viết chữ Việt, sống theo phong tục Việt, như một người thuần Việt, một cách thật tự nhiên, thật dễ dàng. Cả vóc người, gương mặt ông, kỳ lạ, cũng tịnh không một nét vọng ngoại. Đến nỗi, có lúc tôi nảy ra một ý nghĩ thú vị: có khi ông là một hạt máu Việt lưu lạc tha hương cũng nên. Tôi nhớ, có một lần chuyện vãn, ông bảo: “Này, có một người Cao Ly đóng đến chức bài trưởng ở dinh tôi, lân la hỏi chuyện hóa ra là người An Nam ta. Ông ấy hỏi tôi: “Ông có biết ở An Nam bây giờ ai làm vua không?”.” Sau này tôi có đem chuyện đó hỏi lại cô tôi, mục đích là để truy tìm cội nguồn dân tộc của ông chú rể thì cô tôi đáp là không để ý nên không nhớ. Một cái mộng đã khít rịt, chẳng còn ai để ý tới dấu vết đục chạm nữa. Sự hòa hợp tuyệt hảo đã khiến cô tôi không bao giờ nghĩ tới sự phân cách giống nòi. Ấu cũng là chuyện thường tình.

Người tốt thường có số phận không may. Cô chú tôi không có con. Ngoài bốn mươi một chút, chú rể tôi bị tai nạn, đột ngột qua đời.

Ba mươi tuổi, cô Sọc mặt hoa da phấn, mắt phượng mày ngài, thắt đáy lưng ong, thân thái cao sang như rồng, như phượng. Có một anh tiểu đoàn trưởng trẻ trai ở tỉnh đội tên Thông đánh tiếng hỏi cô tôi. Cô tìm ông Thống Đồng ở Bến Đền, qua sông bỏ xuống hai xu tiền đò, nhờ ông gọi hồn chú rể tôi để hỏi ý kiến việc này. Chú rể tôi, qua ông Thống Đồng, đáp rằng: “Đời em còn dài, lại chưa có con cái, anh bằng lòng để em đi bước nữa.”

Người chồng thứ hai của cô tôi trước Cách mạng là diễn viên cải lương ở Hà thành. Đẹp trai, lắm tài vật, can trường và phong tình nên ở đâu ông cũng có lắm cô mê mết. Có vợ rồi, ông sĩ quan vốn xuất thân nghệ sĩ vẫn lằng nhằng trong vòng tình ái với một cô bán hàng giải khát ở Phố Lu. Lẽ ra cứ lặng lẽ thì chắc cũng chẳng xảy ra đổ vỡ gì ghê gớm. Vì cô tôi sắc diện lồng lộng mà tính tình thì hiền lành, cả đời chỉ biết nhường nhịn, không ưa ganh ghét, tị hiềm. Nhưng ả nhân tình của chồng cô tôi lại có thói ghen ngược. Ngoại tình đã không biết đường giấu giếm, lại lồng lộn đòi thay bậc, đổi ngôi. Ắ đến gặp cô tôi, trơ trên súng sĩa đòi cô tôi “trả lại anh ấy” cho ả, vì cô tôi “không xứng đáng với anh ấy”, “anh ấy” phải là của ả kia. Cô tôi chỉ cười nhạt, không đáp. Thấy dơ dáng quá, ả nọ gào: “Cô buông anh ấy ra cho tôi”, và giở võ lực định ăn hiếp cô tôi. Cục chẳng đã, cô tôi phải tự vệ. Hóa ra cô tôi có võ. Ắ nọ ngã đánh oạch, thành trò cười và để tiếng như nuốc với cả phố phường. Viên tiểu đoàn trưởng lộ mặt là kẻ đồng lõa vỗ kịch nọ, bị kỷ luật, ân hận quá, xin lỗi vợ và tình nguyện ra một mặt trận ác liệt để lập công chuộc tội. Khốn khổ! Sự trừng phạt thường khi là quá tay, ông hy sinh ngay ở trận đầu!

Cô tôi cả đời thiệt thòi nhưng luôn nín nhịn, hỉ xả, trọn vẹn nghĩa tình. Cô chăm chỉ, chịu thương chịu khó, việc thổ mộc,

nhỏ như cát cỏ, đánh gianh, lớn như cuốc cày, trồng tía, chăn nuôi, thả đầu thông thuộc, giỏi giang. Cô sống với ai cũng được người ta yêu mến, kính mộ, vì chính cô luôn mến mộ, cư mang họ.

Buồn thay, cuộc sống chẳng khi nào không có khuyết tật! Ả nhân tình chồng sau của cô là người vô liêm sỉ. Ả thù hằn cô. Ả rêu rao khắp nơi rằng cô là người gây ra cái chết cho anh tiểu đoàn trưởng nọ. Ả xông đến nhà, cướp ảnh thờ chồng cô đem về và ngang ngược tuyên bố, chỉ ả mới có quyền thờ anh ta, chỉ ả mới được hưởng tiêu chuẩn vợ liệt sĩ vì ả là vợ chính thức của anh chàng.

Cô tôi ít lời, không sao lấp được miệng lưỡi con người nanh nọc nọ, đành chịu tiếng oan, lặng lẽ ra khỏi biên chế cơ quan. Cũng chẳng có gì quan trọng. Chít cái khăn mỏ quạ lên đầu, buộc sợi lạt giang ra ngoài chiếc áo nâu, đặt đòn gánh lên vai, cô tôi lập tức trở thành người phụ nữ lao động đảm lược, tháo vát. Xã hội với những năm đó được quan niệm như một tổ chức chặt chẽ, mỗi cá thể đều được ghép vào một cơ ngũ, được bù trừ và bị kiểm soát từ đồng bạc thu nhập được tới dòng ý nghĩ có ở trong đầu. Thế là mấy người đàn bà dựa vào sức lao động chân tay chủ yếu cùng hợp lại lập hợp tác xã. Thoạt đầu họ vỡ đất trồng rau. Sau họ nuôi lợn. Sau nữa, họ mở thêm ngành nghề làm bún, làm đậu phụ. Ý định tốt đẹp được những người lao động lương thiện hợp quần nghiêm túc thực hiện cuối cùng cũng tạo nên một thực cảnh tốt đẹp. Thị xã biên giới có thêm sản phẩm rau, thịt, bún, đậu. Con người và công việc trong cái cơ chế hợp đoàn ấy thật sự tốt lành chứ không đổ đốn và bị chê cười như sau này, ấy cũng vì cô tôi liên tục được bầu làm chủ nhiệm của cái cơ sở sản xuất này.

Người đàn bà đẹp lấp nổi trống trải không chồng, không con bằng công việc vất vả hiến dâng cho tập thể, được quan niệm như một thực thể thiêng liêng hơn cá nhân bà gấp bội. Khi thất cơ lỡ vận, lúc bất trắc rủi ro, đức hy sinh tận tụy ở

thời điểm này nhiều khi có ý nghĩa quyết định để khắc phục, thậm chí cả những yếu nhược của hệ thống tổ chức là vậy.

Nhớ một lần vào mùa ngập lụt, nước sông Hồng thượng nguồn dâng cao bất thường. Cầu Cốc Lếu nằm nhịp thường ngày cao cách mặt sông hơn chục thước mà lúc đó đứng trên mặt cầu có thể thò chân xuống khoảng được nước. Bên hữu ngạn, nước từ sông đổ vào như thác, ngập trắng băng đồng điền, bến bãi, thôn xóm, phố phường, chỉ còn trơ lại mấy móm đồi xanh hoén. Phần mình vốn là cái phần ai cũng phải tự lo toan trước hết. Sự thật ấy thể hiện thật rõ ở những ngày này. Cả hợp tác xã mấy trăm con người rốt cuộc chỉ còn lại có mỗi cô tôi một mình lo toan chống đỡ cơn hồng thủy. Vậy mà không hiểu nhờ phép lạ gì mà bà lại là người chiến thắng. Một mình bà cứu sống cả một đàn lợn hơn trăm con. Tài sản, tiền bạc, lương thực của chung nhờ bà đều được gìn giữ vẹn toàn. Không có bà thì cái cơ sở sản xuất này tan vỡ từ lâu rồi! Nhiều người nói vậy và nhớ đến cuộc hỏa hoạn xuất kỳ bất ý năm nào thiêu trụi hơn phân nửa nhà của phân xưởng sản xuất bún đậu; bà là người đi nhặt nhanh từng mảnh vụn tâm hồn con người đang buồn nản, gom lại, thổi vào họ một nguồn sinh lực mới. Bà dốc đến lai vãng cuối cùng vào vốn liếng cuộc vui vầy mới của tập thể. Tận tâm tận lực với mọi người, không tư hào một xu một kẽm công của, không đòi hỏi một ưu đãi dù là con con, chứ đừng nói là lạm dụng quyền hành, bà là nhân chứng sinh động của một luận đề càng ngày càng khó chứng minh: quyền lực có thể làm cho con người tốt đẹp thêm lên! Bà được tuyên dương là chủ nhiệm hợp tác xã gương mẫu. Bà là phụ nữ xuất sắc hàng năm. Bà có chân trong Hội đồng Nhân dân tỉnh các khóa. Bà đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua liên tục. Bà được nhận các bằng khen, huy hiệu và cả Huân chương Lao động. Bà là sự gặp gỡ kỳ diệu giữa sự hồn nhiên trong bản tính con người và tính lý tưởng của thời đại.

Tôi lên Lào Cai làm giáo viên, gặp cô tôi lúc mọi sự làm ăn còn đang thuận chiều. Thân quyến họ hàng nội ngoại tôi chẳng còn ai, ngoài tôi và cô tôi. Vì vậy tìm được tôi, cô tôi càng quý mến tôi bội phần.

Cô là người mẹ của vợ chồng tôi. Cô tảo vào gia đình tôi một tình thương mến mầu tử thật sự với một phong cách riêng: chuộng việc, chuộng tình, không chuộng lời. Thời ấy, một chiếc xe đạp Thống Nhất là cả một cơ nghiệp cán bộ. Thế mà cô cho tôi hẳn một chiếc Piaggio cá vàng. Cô cho vợ chồng tôi một đôi hoa tai hai đồng cân. Còn hai cháu nhỏ, đứa thì được chiếc lắc, đứa thì được cái vòng. Những khi chúng tôi dựng nhà làm cửa, lúc lũ trẻ sai đẹn ốm đau, hoặc khi cơ nhỡ thiếu thốn, cô tôi là người thường trực sẵn sàng bảo trợ và săn sóc, chia sẻ hết mình.

Khi đã ngoài năm mươi, theo năn nì của tôi, cô tôi bằng lòng về ở với gia đình tôi. Tuổi mỗi ngày một cao, sức mỗi ngày một yếu, tôi nghĩ hẳn là cô tôi cần sự nương tựa, cậy nhờ vào con cháu. Vậy mà trên thực tế, bà chẳng bao giờ tỏ ra như vậy. Bà cho chúng tôi rất nhiều và chẳng bao giờ nhờ vả lại chúng tôi. Vẫn là phong thái một người lao động, quen sống tự lập, lắm khi bà cứ như một người khách lạ trong nhà, có một sự cách bức tế nhị, rất ngại phiền hà vợ chồng tôi. Năm năm mươi nhăm tuổi, bà thôi làm chủ nhiệm. Nhưng ngày ngày bà lại đi cắt gianh, lấy củ bán. Bảo bà ở nhà nghỉ ngơi, chơi với con cháu bà chỉ ừ hử. Một hôm, bà thuê hai người khiêng về một cỗ hậu sự gỗ vàng tâm. Vợ tôi rất thương quý bà và là người nhạy cảm, phàn nàn rằng bà làm thế hóa ra coi vợ chồng, con cái chúng tôi là người dưng nước lã ư? Bà cười nhè nhẹ: “Cứ để cô tự lo. Khi không lo được thì cô nhờ anh chị.”

Chiến tranh Biên giới xảy ra tháng Hai năm 1979 hóa ra là cái vạch cách chia gia đình tôi và cô. Ấy là vì tình cờ, dịp đó chúng tôi đưa cả hai con về thăm quê ngoại, trở lên đến Hà Nội thì biết tin Lào Cai đang trong vòng chiến sự. Ở nhờ họ hàng

bên ngoài ở Thủ đô, nghĩ đến cô tôi già yếu vẫn còn trong cảnh bom đạn, chúng tôi lo lắng đứng ngồi không yên.

Tôi tìm đường lên Lào Cai ngay khi ấy. Đường sắt không còn. Tôi đi xe đạp, rồi lần mò đường rừng, hỏi thăm, phán đoán nơi cô tôi đang ở. Nghe dân thị xã kể, sáng ấy nghe pháo nổ còn tưởng sấm, đến khi thấy xe *xít đờca*¹ của ông cán bộ lãnh đạo thị xã phụt khói chạy vào mạn Cam Đường mới bảo nhau chạy theo, tôi liền theo hướng đó kiếm tìm. Nhưng lên tới Cam Đường thì được biết, dân chúng ở nơi này đã qua sông sang Phố Lu. Tới Phố Lu, tôi chỉ còn thấy di thể hai dãy phố xưa là hai vệt than cháy đen sì và nhận được tin đồn rùng rợn: Cô tôi bị phía bên kia bắt. Chưa kịp hỏi số phận ra sao thì đã có người thêm: “Giả vờ bất thôi. Họ đưa bà ta về doanh trại, phong cho hàm thượng úy!” Ôi trời! Phong hàm thượng úy cho một bà già gần sáu chục tuổi! Có chuyện nào nực cười hơn thế nữa không? Nhưng tôi chưa kịp cười, người nọ đã ra cái điều rất hiểu biết, thêm: “Họ là thâm lắm. Họ cạy bà ấy lấy tay giám mã từ hồi nào hồi nào cơ.” Tôi thật sự kinh hoàng và tối tăm cả mặt mũi.

- Họ còn đặt điều dựng chuyện gì nữa? - Vợ tôi không nao núng, gay gắt gạn hỏi tôi, khi tôi từ vùng chiến sự phờ phạc trở về.

- Họ bảo chính cô là gián điệp nên đã mưu sát người chồng sau của cô.

- Rõ miệng lưỡi rắn độc chưa! Sao không vả vào đứa nào ăn không nói có thể!

- Họ nhắc lại chuyện từ thời cô làm chủ nhiệm hợp tác xã. Năm nào chết dịch hai mươi con lợn phải đem chôn. Hồi xảy ra vụ hỏa hoạn cháy xưởng chế biến đậu phụ. Họ bảo: Tất cả là có bàn tay của cô!

1. Sidecar, mô tô thuyền.

Vợ tôi nghiêng rặng, trào nước mắt, đập tay xuống bàn, thề sẽ lên Lào Cai, lấy tư cách là người cư ngụ lâu đời ở đó, để làm rõ trắng đen mọi sự. Y ngược Lào Cai ngay khi chiến sự vừa chấm dứt. Một tuần sau, y trở về, cũng lồi thoi, phờ phạc, mặt nhọc như tôi. Không kịp tắm rửa, y bỏ nhòai ra giường ngủ một mạch mười tiếng đồng hồ liền, rồi ngồi dậy, toang toang:

- Tôi lên Cam Đường, sang Phố Lu, lên Phố Ràng, ngược Bản Phiệt. Tôi tìm thị ủy, tôi lên công an...

Tôi sốt ruột, ngắt lời y:

- Thế hư thực ra sao?

Vợ tôi thở đánh râm:

- Lão! Theo em là lão!

Câu thứ nhất là quả quyết khẳng định. Câu thứ hai đã giảm thiểu về hăng hái. Ngáp một cái, vợ tôi tiếp:

- Bà có bị bên kia bắt. Bắt nhiều người chứ không phải chỉ có bà, vì bị vây, chạy không kịp. Nhưng sau họ lại thả cả.

- Vớ vẩn! Thế sao không bảo bà về dưới này?

- Sao lại không!

- Ý bà ra sao?

- Bà không về.

- Sao lại không về?

- Không về là không về chứ sao nữa. Ông giỏi ông lên mà kéo bà về!

- Phải nói quyết liệt vào chứ!

- Còn nói thế nào nữa! "Bà ơi, bà về ở với chúng con. Bà gí dít vào mặt chúng nó, lũ bạc như vôi, quân đều giả, lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, ăn xong quệt mồm, chỉ tài dựng chuyện, vu oan giá họa người khác."

- Nhà cửa còn gì không?

- Cháy trụi cả rồi. Cả cổ hậu sự cũng ra tro rồi.

- Không về thì sống thế nào?

- Ở với một bà già nữa cùng cảnh ngộ. Không cắt cỏ đánh gianh nữa. Hai bà góp vốn buôn bán lật vặt, chủ yếu là hàng khô, ở chợ Cam Đường. Ngày ăn cơm ở chợ. Tối về hai bà dúm dui vào với nhau trong một cái túp ở làng Nhón, bị lũ bạc ác hắt hủi đến tội nghiệp.

Không dám hỏi thêm, tôi thở hắt ra, buồn thương không thể nói thành lời.

Ngày tháng trôi đi, hễ chợt nghĩ tới bà cô tôi, một bóng già lủi thủi trên vùng núi xa xăm heo hút, lại nhoi nhói trong lòng một món nợ canh cánh xót xa. Thương bà tuổi già còn vất vả trong cuộc mưu sinh là một chuyện, nhưng cũng không phải là điều day dứt nhất. Chiến tranh như mưa rào, ào ào rồi tạnh. Vốn quen việc, lại chịu thương chịu khó, dẫu buôn đầu chợ, bán cuối chợ, trồng rau nuôi lợn, kỳ cùng thì bán sức cho người ta, để có được ngày hai bữa, với bà cô tôi không phải là khó. Đã từng là ân nhân của bao người, nay lẽ nào chẳng còn ai cứu giúp? Nhưng khổ nạn quá là cái đời sống tinh thần luôn tập nhiễm các độc tố này, nó chính là cái môi trường thuận tiện, để nuôi dưỡng tính đố kỵ, lòng ganh ghét, thói vụ lợi thâm căn của con người. Biến động xã hội lớn đã chi phối tất cả, nhào nặn lại tất cả, không chữa một ai. Đau buồn quá thể khi người lại là nạn nhân của chính người. Mà cô tôi sau một chặng đường dài sống xứng đáng, lúc này khi tuổi đã cao đang rất cần được sống thanh thản trong không khí trong sạch, thuần khiết và yên hòa. Một niềm an lạc vĩnh hằng là hết sức cần thiết với cái tuổi mẫn chiều xế bóng của cô tôi.

Có lẽ phải có một mưu mẹo gì đây để đón được cô tôi về ở với gia đình tôi hiện đã chuyển cư về Hà Nội. Thế là, thư từ tôi gửi đi liên tục. Lời lẽ thật thống thiết. Lý tình thật phân minh. Phụ họa còn có thêm lời trẻ thơ tỏ vẻ mong mỏi có bà của hai đứa con tôi. Nhưng hiệu quả vẫn không thấy đâu. Đúng

lúc ấy, chớm vào tuổi bốn chín, tôi bị cái hạn nặng quá. Đang đi xe đạp thì bị một thiếu niên phóng xe máy ẩu tông phải, xe bẹp rúm, người bắn lên hè, may không chết, chỉ gãy cẳng, phải nằm viện bó bột.

Vợ tôi khẩn cấp đánh điện lên cô tôi. “Ngựa tái ông họa phúc biết về đâu”¹, quả là một chân lý muôn đời. Cô tôi nhận được điện, ngày hôm sau đã có mặt bên giường tôi nằm.

Ghé xuống tôi một gương mặt nhang nhác quen, nhưng xa xôi hun hút, khiến tôi đang đau cũng phải bật nửa người dậy kêu thảng thốt. Ôi! Còn đâu nữa bóng hình tươi mát lồng lộng người cô thân thiết đã in sâu vào tâm khảm tôi. Ai trẻ mãi, đẹp mãi được! Tất nhiên. Nhưng đây không phải là một tuổi già đương nhiên. Đây là một tuổi già có gương mặt xám ngắt, ngác ngơ, đôi gò má bạc phếch, hai con mắt lơ ngơ ánh xạ một trạng thái tinh thần thường xuyên bị hành hạ, giày vò và bất an.

- Cô có khỏe không, cô?

- Cô khỏe. Chân anh liệu có sao không?

- Có thể liên được, cô ạ.

- Cô lấy một ít thuốc lá của một bà lang người Mán Tuyền cho anh đây. Cả mặt gấu nữa. Nếu không khỏi thì...

Vợ tôi ghen ngào:

- Có bà thì con không còn phải lo gì nữa. Bà ạ, từ lúc nghe tin anh ấy bị tai nạn đến giờ, con chẳng còn hồn vía nào nữa. Con cứ cuống hết cả lên. Giờ, thú thật với bà, con mới thở phào.

Đó là những ngày sung sướng của vợ chồng tôi.

Trạng thái rối ren đã được cởi bỏ. Trong nhà như có phép lạ, bầu không khí trở lại điềm tĩnh, tin cậy. Bà cô tôi là cả một kho báu kinh nghiệm sẵn sóc người ốm đau. Thuốc thang nôi lớn, siêu nhỏ suốt ngày đổ lửa. Cơm nước, giặt giũ, quét quáy,

1. Câu thơ trong *Bài ca lưu biệt* của Huỳnh Thúc Kháng.

chăm sóc lợn gà. Việc nọ gởi lên việc kia, vậy mà lúc nào công việc cũng phân miêng, hòa hợp. Cô tôi tỏa ra một trường lực đủ để làm yên lòng kẻ rủi ro, yếu đuối. Chả mấy lúc trong nhà, mọi việc đều đã trở lại trạng thái cân bằng. Có cảm giác đã qua được cơn mê hoảng, đã đạt tới sự trọn vẹn và tâm thái mọi người, được hình dung như một quả cầu tròn. Đạt được kết quả ấy, có lẽ còn do từ phía tôi. Tôi đã trả được một món nợ. Tôi đã kéo được cô tôi về với gia đình tôi. Tôi mãi nguyện thật sự còn bởi vì, sau tai nạn xe cộ thiệt thòi, tôi bỗng như kẻ được đền bù mà đền bù còn quá cả lòng mong mỏi. Vợ tôi và tôi được nhận vào làm việc ở một cơ quan tại Hà Nội. Riêng vợ tôi bỗng được hưởng một phần gia tài của bên ngoại từ nước ngoài gửi về. Nhà tôi giờ là một biệt thự ba tầng lầu, gồm mười hai căn phòng lớn nhỏ, đầy đủ tiện nghi sang trọng. Chúng tôi bước ra khỏi thời kỳ thiếu thốn. Xe máy, ti vi màu, máy điều hòa, máy giặt, tủ tường, *sofa*... bộ đồ trang bị cao cấp, thượng lưu không thiếu một thứ. Và vàng, và tiền, và những bữa cơm thường ngày thịnh soạn chẳng kém những bữa tiệc hội nào, cùng cảnh sum họp, quần tụ ba thế hệ: bà, bố mẹ, con cháu trong tâm thế tĩnh tại, thư nhàn. Ôi, còn ao ước gì hơn bức tranh hạnh phúc hiện thực trong tầm tay này!

- Bà ơi, thế bà ở trên ấy có một mình thôi à?
- Ừ, bà ở một mình.
- Thế bà ăn cũng một mình à?
- Ừ, bà nấu ăn cùng một bà nữa.
- Thế trên ấy có ti vi không, bà?
- Không có. Nhà bà chưa mắc điện.
- Thế thứ Bảy bà có xem kịch, xem phim không?
- Khi nào rồi thì bà đi xem nhờ.
- Thế thì chán lắm, bà nhỉ?

Vợ tôi đang đứng chải đầu trước gương, nghe các con ríu rần trò chuyện với bà, quay lại:

- Các cháu lớn cả rồi. Bà ở đây để chúng phục vụ bà. Hơi đâu mà bà lên cái đất đồng rừng bạc bẽo ấy.

Hai đứa trẻ bấu lấy bà. Một đứa giật tay bà:

- Bà ở hẳn đây với chúng cháu nhé! Sáng cháu nấu cơm. Chiều đến lân chị Thu. Bà không phải làm gì sất!

- Bà ừ đi, bà! - Một đứa giục.

Và cả hai đứa cười tít mắt khi thấy bà cô tôi gật gật đầu.

Cái chân bị giập đã đỡ. Tôi đã nhúc nhắc đi lại được. Nhưng tôi đã cố tình làm biếng, cố tình kéo dài thời gian hồi phục, vì còn đang rất e ngại, nếu tôi trở lại bình thường thì rất có thể, bà cô tôi sẽ từ biệt gia đình tôi liền. Thời gian chưa đủ để bà hòa nhập với nếp sống đô thị. Trong sâu xa, bà vẫn chỉ là một khách vắng lai. Bà vẫn là một tế bào xa lạ ghép vào một cơ thể khác chưa qua miễn dịch. Tôi nghĩ như thế vì nhận ra, rõ ràng là bà không mặn mà tiếp nhận sự sẵn đón mừng rõ của chúng tôi. Tôi đưa tiền để bà tiêu vật, bà lại dùng ngay số tiền đó để mua sắm, quà bánh cho bọn trẻ, mà nhiều khi số chi còn lớn hơn số bà nhận từ tay tôi. Bà ăn uống dè dặt. Đêm lạnh, bà vẫn chỉ đắp một múi dù xanh, kỷ vật từ hồi kháng chiến chống Pháp của ông chồng thứ hai của bà. Hay là đã thành cái nếp sống tự trọng ở bà? Ừ thì vẫn yêu quý nhau đấy, nhưng lại không bao giờ chịu xin xỏ, nhờ cậy nhau? Nhấn nạy, chịu đựng và cô đơn triệt để dường như là tập tính đã hằn sâu vào đời sống tâm hồn không thể cải biến được của bà. Có phải thế chăng? Hay đời sống tinh thần vốn rất bí nhiệm cũng thể hiện ở chính bà? Bà còn đang bối rối? Bà còn đang ở trong những ám ảnh, còn chưa được giải tỏa khỏi điều thị phi để thật sự thanh tâm?

- Bà mua vàng hương, hả bà?

- Ừ, sắp đến ngày giỗ ông Séc rồi.

Một hôm, tình cờ vợ tôi phát hiện ra điều hệ trọng nọ, và lập tức y sẵn đón:

- Ngày mấy, hả bà? Cháu sơ ý quá.

- Ngày rằm tháng này.

- Còn hai ngày nữa. Chú mất ngày rằm là thiêng lắm. Xong kỳ giỗ này, cháu sẽ mời thầy làm lễ để chuyển bát hương chú về đây, bà ạ.

Vợ tôi rất khéo. Y đã làm một cái giỗ thật chu đáo. Và tôi đọc được sự mãn nguyện trên gương mặt bắt đầu hé lộ sự yên tĩnh của bà cô tôi. Tôi đã mừng mừng. Không nhiều thì ít, chứ chẳng lẽ những ngày sống ở khung cảnh mới này, với một quan hệ dễ chịu, đầm ấm như thế này lại không có tác động gì đến tâm tưởng bà, không giúp bà tách ra, quên dần đi những cảnh đời buồn tẻ và ghê rợn trong mê lú cạnh tranh sinh tồn, khi thói tráo trở và vu vạ được đề cao như một đạo lý đích thực.

Nhưng tôi đã nhầm.

Chân chẳng đã liền, tôi vừa đi lại bình thường được hai hôm thì ngày thứ ba, bà cô tôi đã kéo cái làn mây đựng quần áo từ trong gầm giường ra. Tôi kêu hốt hoảng:

- Bà định đi đâu?

- Tôi nghĩ... anh đã khỏe rồi.

Hai đứa con tôi nhao tới giữ tay bà:

- Ừ ừ, bà ở hẳn đây, bà không đi đâu cơ!

Vợ tôi nức nủi:

- Cô ơi! Bố mẹ cháu cũng không còn. Các cháu và nhà cháu chỉ còn có cô là ruột thịt thân thiết thôi.

Bà ngồi lên giường, nhả nha cố tình:

- Ừ thì cũng để tôi ngược lên trên ấy, có gì thì cũng phải bán nhà, thu xếp trả nợ, đòi nợ cho xong đã chứ!

- Bà không có nhà trên ấy! Bà nói dối! - Hai đứa trẻ la.

Bà cô tôi kéo hai cháu vào lòng, rơm rớm nước mắt:

- Hỏi mẹ các cháu xem nào. Ối người còn nợ bà. Với lại bà lên để chuyển bát hương ông Sọc, ông Thông về dưới này. Có đúng thế không, mẹ Thu?

Vợ tôi khôn ngoan, lập tức vợ vào:

- Thế thì để con cùng đi với bà!

- Cháu cũng đi! - Hái đứa trẻ đồng thanh.

Bà cười xòa:

- Gớm thôi, cứ làm như bà chạy mất được ngay ấy!

Cuối cùng, cái gì phải xảy ra đã xảy ra. Nghe tiếng còi tàu hú dài ở ngoài ga, tôi nhìn quanh căn buồng, bỗng thấy trống trải như nhà hoang. Hai đứa trẻ đi học về bỏ cơm, òa khóc trong cảm giác đơn côi hãi hùng.

*

Từ đó, cô Sọc không bao giờ trở lại nhà tôi nữa. Biết là có đón rước, mời mọc bà, thậm chí lập mẹo đưa bà về, cũng vô ích, tôi chỉ còn biết tự hỏi mình trong âm thầm riêng tư, những mong khám phá phần nào cái bí ẩn ghê gớm ở con người bà. Chẳng lẽ cái cuộc sống lầm lụi kiếm ăn lần hồi lại có sức níu kéo bà, ở khía cạnh nó là biểu hiện của tính tự lập can đảm và lòng yêu thích tự do? Tình yêu thương con cháu cũng là một ràng buộc, nhưng vì cuộc đời bà quá nhiều rủi ro, bà chưa hề được nếm trải vị ngọt của nó nên bà chưa quen? Sống nơi nhà cao cửa rộng mấy ai đã quên được túp lều rách nát xuất thân của mình? Hay tâm linh vẫn là miền gắn bó ẩn mật ngàn đời? Bà không thể xa được nơi bà đã để ở đó cả cuộc đời vui buồn của bà, nơi có phần mộ của hai người chồng xấu số của bà?

Có người bạn tôi lên trên đó công tác. Theo địa chỉ tôi ghi và do tôi nhờ cậy, người này đến thăm bà cô tôi. Trở về, anh

cho biết: Cứ theo như lời cô tôi thì bà không bao giờ về ở với gia đình tôi ở Hà Nội đâu! Không bao giờ! Lý do là: Vì bỏ đất này đi là bà chạy trốn, là bà thua cuộc, là bà phản bội lại vong linh hai người chồng, là bà hèn nhát. Bà phải ở lại, sống hằng ngày ở đó, đối mặt với cái đảo điên, bỉ tiện, để nó phải xấu hổ, phải uất ức, phải nhục nhã. Bà là sự sống nhẫn nại, bền bỉ, ngay thẳng. Bà thách thức tất!

“Ôi! Bà cô của tôi! Bà ơi, bà là một nhân cách cao thượng, đàng hoàng. Nhưng bà ạ, thừa hơi phí sức mà bà phải dằn mặt với cái lối lẳng, đê hèn, dẫu nó đang mỗi lúc một đông đảo thêm vì sự thịnh đạt của thời xu thời? Vầy vùng làm chi nữa bà ơi, gia đình con đây, một niềm an lạc vĩnh hằng xin dang tay đón bà về!” Tôi đã thầm kêu như vậy và vội vã viết thư lên cho bà cô tôi, sau khi nghe bạn kể.

Nhưng sự việc đã không chỉ dừng ở đó. Và tôi đã thật sự kinh hoàng khi cuối năm ấy vợ tôi khăn gói lên thăm bà, trở về cho biết: Bà đã đi tu. Bà đã cắt tóc, thành tâm quy y ở ngôi chùa Thượng mới trùng tu sau chiến tranh. Bà mang pháp danh là Diệu Hoa. Bà bảo, bà mang vạ không phải do miệng thể chệnh lệch, lòng người nham hiểm mà là do nghiệp căn bà còn nặng. Bây giờ suốt ngày bà đọc kinh sám hối. Kinh kệ vốn là phương tiện, là bè mảng để bà đi qua sông mê, tới miền an lạc.

Tôi trào nước mắt, đau đến tận xương tủy. Nhưng chợt như bóc tách được một lớp màng che kín cặp mắt mình bấy lâu, tôi đã nhận ra rằng cô tôi, một đời người bình dị mà quả cảm vô song, cô tôi đã dám sống hết chiều kích, tự lập, tự chống trả, và bây giờ bà đang tự giải thoát! Một đời cô tôi thế là đã mãn!

Nghĩ đến cái chung cuộc một kiếp người, tôi nghĩ tới cái kết thúc của thiên truyện ngắn buồn nhiều hơn vui này. Nhưng một lần nữa tôi lại nhầm. Truyện ngắn này chỉ kết thúc thật sự cùng cái chết của bà cô tôi, sư cô Diệu Hoa.

Cô tôi mất đúng ngày rằm tháng Sáu năm ngoái. Vợ chồng tôi theo điện báo, vội vã lên thọ tang bà đúng lúc tang lễ đã cử hành. Lần đầu tiên tôi được biết các nghi thức lễ tang nhà chùa. Tôi nhớ từng chi tiết đám tang. Cái Phật đình đi sau hàng cò Phật, vuông vức, uy nghiêm, trong đặt tượng Phật, lư hương, mâm bông, oản quả. Sau Phật đình là sư ông đội mũ hoàng liên, chân đi dép dừa, khoác áo cà sa màu vàng chưỡi chưỡi, tay trái cầm cây tích trượng, tay phải dựng thẳng trước ngực, dáng điệu vừa thanh thản vừa tôn nghiêm. Sau sư ông là đoàn chư già hơn trăm vãi, xếp thành hàng ba, đồng loạt áo nâu buộc dải, đội nón tu lơ, bên trên nón trái cầu vải mang hình mây bay ngũ sắc.

In sâu vào trí nhớ tôi còn là hình ảnh một người đàn ông nhà chùa ăn mặc nâu sồng, chốc chốc lại thấy len lỏi vào đám người đi sau cùng của cuộc đưa tiễn. Không phải để mời trầu thuốc hay phát băng tang, người này chỉ làm mỗi việc là thi thoảng lại đưa mắt dò xét, rồi sau đó là len lách tới, ghé tai một người nào đó trong đám người nọ. Không hiểu ông nói những gì mà người nghe bỗng đỏ dừ mặt, rồi cúi đầu, gằm mặt xuống đất, lặng lẽ tách ra khỏi đám tang, ra về. Về sau, hỏi mới biết, đó là những người không được phép dự cuộc tống tiễn người quá cố, theo di chúc của cô tôi.

Số người này có đến gần chục. Toàn những người sống cùng thời với cô tôi, tên tuổi đã một thời lừng lẫy. Ôi, người cô ruột thịt vô cùng kính quý của tôi, sau bao nhiêu nỗ lực, cuối cùng tu vẫn không chót, bà vẫn chưa qua được sông mê, chưa tới được miền an lạc vĩnh hằng.

12/1994

NHIÊN, NGHỆ SĨ MÚA

Vậy thì tại sao các bạn lại khen là Nhiên đẹp? Vì những chuẩn mực nào mà Nhiên luôn được chúng mình coi là người phụ nữ đẹp nhất trong những người mà chúng mình đã được biết? Tất cả bạn bè trước nay cùng tôi coi người phụ nữ tuổi bốn mươi này đẹp đến mức hoàn mỹ, trước câu hỏi vắn này đều ngớ người, ngắc ngứ. Rốt cuộc lời đáp trả khó khăn và luôn mới mẻ như đối với câu hỏi muôn thuở: Chúng ta sống để làm gì? Bằng kinh nghiệm thẩm mỹ tiên thiên, nhờ trực giác ta nhận ngay ra cái đẹp và không sai bao giờ nhưng lý giải nó bằng tiếng nói trí tuệ thật không dễ dàng gì.

Nhiên đẹp, tất nhiên là từ gương mặt thánh thiện đến làn da tằm hương và dáng hình thanh tú. Thân hình nàng cao gấp đúng bảy lần mái đầu nàng. Nàng đạt những số đo lý tưởng, biểu hiện giới tính đến độ rực rỡ nhất ở vòng ngực, bờ vai, vùng eo hông. Chân dài và thẳng muốt. Đôi mắt hai mí của nàng đen lay láy, gò mũi nàng cao và một nốt ruồi ở xế trái cạnh mũi nàng là dấu ấn tinh tế tách nàng ra khỏi những chuẩn đích số học, khiến nàng cao hơn hẳn trạng thái mô phỏng, tuy là hoàn thiện của tự nhiên. Cái đẹp là sự thật ở độ rõ qua cánh ràng, và hơn nữa, cái đẹp là cái gây rung động thẩm mỹ sâu xa vô hạn và tự nhiên. Giống như thơ là sự biểu hiện thuần túy của tâm linh, thơ ít bị thiên kiến gò bó, vì vậy thơ chiếm vị trí cao nhất trong các bộ môn nghệ thuật về vẻ đẹp hồn nhiên. Vẻ đẹp

của Nhiên ánh xạ tâm hồn nàng. Nhiên đẹp vì những cảm xúc tự do và không hạn định do chính tâm hồn nàng tỏa ra.

Phát hiện ra điều ấy, tôi đã run rẩy như bắt gặp điều kỳ thú siêu thường. Hơn nữa, lại còn như khám phá ra điều trùng hợp lý thú và có vẻ như là ngẫu nhiên. Trước khi về đây trong trách vụ thư ký văn phòng của Ban chúng tôi, Nhiên đã là nghệ sĩ múa. Ôi, nghệ sĩ múa! Hèn nào mà chân nàng với đôi song tiên của vũ nữ ba lê là một. Hèn nào mỗi cử chỉ của nàng đều uyển chuyển, sống động và mở ra một không gian rộng lớn. Nghệ sĩ múa! Nghệ sĩ múa dùng chất liệu là không gian, không lời nói, màu sắc, chỉ một phương diện duy nhất là thân thể mình mà tạo ra sự hài hòa của vũ trụ. Nghệ sĩ múa khi nhảy múa thì biến thành thời gian, tách ra khỏi thời gian để trở thành vĩnh cửu, vô cùng.

Quả nhiên là lúc này, khi đã bỏ nghề cả chục năm vì một duyên cố riêng tư, Nhiên từ bản thể vẫn là một nữ nghệ sĩ múa, nàng lập nên một từ trường thu hút rộng rãi quanh mình. Nàng tạo nên một không gian hấp dẫn có đường bán kính hai chục mét, với tâm điểm là phòng làm việc của Ban chúng tôi, bao gồm trong đó gần cận nhất là căn phòng thường trực của cơ quan, chiếc *ga ra* ô tô con con, rồi vượt hai cánh cổng cùng hàng tường vi, tới các hàng quán lụp xụp, các cửa hiệu mang biển hộp như hiệu ảnh của lão Chiên nghiện, của hàng *photocopy* của ông Hóa còi, *shop* quần áo *second-hand* của Long hói. Xa hơn, phía bên kia đường còn phải kể đến Tư Thành mất trố, mồm rộng, ăn hối lộ bị Công đoàn sa thải nay là chủ *Green bar*, Khoản rối nguyên thiếu tá công an mắc tội ổi tiết¹ bị sa thải về, nay mở quán cơm bình dân liên kê với *ki ốt* bưu điện có anh chàng Luyện phó giám đốc mắc bệnh hay sờ soạng chị em, bị điều ra bán tem và bì thư. Bên bọn mày râu thuộc loại tam khoanh tứ đốm, đứt dây trên trời rơi xuống

1. Dâm ô.

ấy rất may vì còn có những người lao động hiền lành, chân thật. Cụ giáo Điều dạy Vật lý cấp trung học về hưu giờ bơm xe ở vỉa hè. Anh Trí cặn hết nghĩa vụ quân sự trở về, đặt ghế, treo gương chuyên nghề làm đẹp mái tóc cho con người. Ông Liêu mở sạp sách báo ngoại văn. Ấy thế! Trong cái vòng không gian do Nhiên tạo lập nọ còn phải kể đến lão Diệc nhân viên thường trực của cơ quan chúng tôi. Lão Diệc là thương binh thời kháng chiến chống Pháp. Mất một bàn tay trái và một cẳng chân phải, mồm méo, mắt trũng. Xấu xí, nhưng Diệc là một người đa cảm, tốt bụng. Lão thường giúp đỡ các bà, các cô bán hàng rong ở vỉa hè. Một bận, một cô gái nọ dòng người Thạch Thất gánh bún bán rong bị cảnh sát đuổi, dạt vào cổng liền được lão đỡ hai thúng hàng giấu biến vào gian *ga ra*, còn cô chủ hàng thì được lão dẫn vào buồng riêng của mình. Chà! Những câu chuyện hay ho, thú vị nhất trên thế gian này, xin cam đoan chính là những câu chuyện tình của cánh đàn ông, đàn bà.

Cái đẹp, cái tốt bao giờ cũng phong phú hơn cái xấu, cái ác. Chuyện tình của Nhiên hiển nhiên cũng rất dồi dào, hiển nhiên là vì nàng đẹp và vì trạng thái sống độc thân của nàng. Tuổi đã lớn, nhưng nàng chưa một lần lấy chồng.

Đã có không ít đàn ông tìm đến với nàng và mỗi người tạo nên một câu chuyện nhỏ hoặc vui vẻ, hoặc u buồn, hoặc vợ vắn. Giám đốc một xí nghiệp doanh thu cả tỉ đồng nọ si mê nàng, hứa hẹn một đời sống đài các, xa hoa cho nàng thay vì cuộc sống diễn viên nghèo túng, vất vả của nàng, nhưng bị nàng khước từ, sinh ra đau buồn tuyệt vọng đến mức dùng nước sôi để tự vẫn, may được vợ con phát hiện sớm đưa đi cấp cứu, kết quả là Diêm Vương tha tội chết nhưng măn đời đường ruột bị hư hỏng. Một thứ trưởng già yêu Nhiên trên mức say đắm. Ông công khai điều đó với bà vợ tảo hôn hơn ông tám tuổi. Rằng: “Bà muốn mất một nửa hay mất cả tôi, điều đó tùy bà.” Máu Hoạn Thư nổi, bà này nhờ cô em gái đi cùng, đến tận nhà

Nhiên, quyết dạy cho Nhiên bài học đạo đức. Gậy gộc đã sẵn sàng, móng vuốt cào xé đã mài giũa, vậy mà cả hai vừa giáp trận đã vội giở “ù té quỳên”. Họ bỏ chạy. Về tới nhà, bà nọ nhìn cô em, thở đánh rầm, rồi hỗn hển: “Con bé nó đẹp thế, mình còn mê mẩn nữa là lão già!”

Nhiên không chỉ xinh đẹp, nàng còn hết sức thông minh. Thầy tử vi nghiệp dư Ban tôi là ông Thiều Quang cho biết: Nhiên có bộ sao Liêm, Trinh, Phá Quân ở cung Dậu Mão có nghĩa rằng nàng xinh đẹp lại cực kỳ thông sáng và cũng đáo để ra trò. Cái đẹp là cái biến hóa trong một chỉnh thể thống nhất. Nhiên cũng vậy. Ngoài mềm, trong cứng là nàng. Những kẻ si tình, những anh chàng thi sĩ nửa mùa ở chỗ tôi đừng có tưởng bở. Cầm được tay nàng không dễ đâu. Còn như được nàng chấp nhận thì hồi ôi, chắc còn là một ảo ảnh xa vời.

Người phụ nữ tươi đẹp trác tuyệt ấy sáng nay lại vừa lẳng một phong bì thư đề tên nàng lên cái bàn nước, nơi chúng tôi thường quây quần vào đầu giờ mỗi buổi sáng.

- Lại một gã dở hơi nữa à? - Tôi nói và chộp vội lá thư vì thói tò mò cố hữu.

Lần thứ bao nhiêu rồi, những lá thư gọi tình sống sượng hoặc khuôn sáo một cách ngô nghê, hoặc mùi mẫn cái lương rẻ tiền, với những câu viết chưa thành, những con chữ vẹo vọ? Chúng không biểu hiện tình yêu. Chúng thuần là cơn si tình, là thói húng dục của cánh đàn ông.

- Của ai thế? Không thấy ghi tên tuổi, địa chỉ!

- Em không biết. Vừa dắt xe vào thì ông Diệc thường trực đưa. Ông ấy bảo: “Có một người đêm qua đến nhờ đưa hộ.”

Không kịp che đở, lá thư viết chưa đầy trang vở học trò, chữ viết như giun múa từ tay tôi đã bị Nhiên giật lại, vo tròn và vút tọt vào sọt giấy loại. Chúng tôi hiểu: Nhiên đã bị quấy rầy! Bây giờ khi đã ở tuổi bốn mươi, Nhiên vẫn là niềm ao ước sở cầu của bao kẻ đàn ông, già có, trẻ có, buồn thay bọn họ đa

phần chỉ là hạng người vụ lợi tầm thường, thậm chí bợm bãi, trụy lạc. Giờ đây, đám đàn ông đa dục, coi đàn bà chỉ là thú tiêu khiển nơi trần gian xem ra đã đông đảo lên gấp bội. Còn như nhìn nhận Nhiên như một phụ nữ xinh đẹp đang ở thế bất lợi về tuổi tác và mưu toan thủ lợi từ thân xác nàng, nếu kể trong cái vòng không gian gần cận thì không thể loại trừ Chiên nghiên, Hóa còi, Long hói, Tư Thành, Khoản rồ... Chắc hẳn, chúng đang ráo riết bao vây, săn đuổi nàng.

Tháng trước, một ông già, nguyên thủ trưởng một ngành công nghiệp lớn của thành phố, góa vợ, tài sản gồm ba tòa biệt thự cho thuê, hai xe ô tô và mười vạn *đô la* gửi ở nước ngoài, đến tận nhà nàng tìm nàng. Không chút ngượng ngùng, ông bảo với nàng rằng, dầu đã cận kiệt, ông vẫn còn nhiều cách để thỏa mãn đời sống tình dục của nàng. Khi chia tay, tưởng nàng xiêu lòng, ông xô đến định vật ngửa nàng ra *đi vắng*, bị đẩy ra, ông cười: “Vui vẻ một tí thôi. Chứ sau đây lấy nhau rồi, anh cũng không muốn em đẻ đâu!” Nàng đã rút thẳng ra sân trả ông gói quà gồm một nhẫn vàng, một dây chuyền vàng và một đồng hồ Thụy Sĩ.

Tuần rồi có gã nhà văn tỉnh lẻ lùn tì mặc áo phong xanh phẩm, thắt *cà vạt* đỏ, ôm cả một chồng mười cuốn tiểu thuyết của gã đến nàng với lời đề tặng: “Cho em, người ta yêu”. Đẩy trả lại gã văn sĩ quèn số sách, nàng nói: “Anh đưa nhầm địa chỉ rồi. Tôi có phải là người cho thuê truyện ở đường phố đâu.” Gã cười khinh khịch và hau háu nhìn bầu ngực nở bồng bênh của nàng. Cuối cùng, đáp lại thói sàm sỡ, đểu cáng của gã, nàng bất đắc dĩ phải tặng gã một cái tát.

Chính là Kính, kỹ sư kinh tế, trẻ hơn tuổi bốn mươi bảy, vì những ham muốn rừng rực phát tỏa và kiểu cách trang phục cầu kỳ dỏm dáng đã bắt gặp cái cảnh tượng bất đắc dĩ, bi hài đó. Kính cười ha hả và vỗ đùi bồm bộp:

- Thằng văn sĩ lùn và cha thủ trưởng già ngu như chó! Ăn đòn là phải. Đàn bà con nào mà không dâm. Không dâm sao là đàn bà? Nhưng Nhiên của chúng ta là hạng cao dâm. Cao dâm là dâm sang trọng, trong phòng kín, trên giường chiếu sạch sẽ dàng hoàng. Chứ không phải hạng tiện dâm. Tiện dâm là cái con Sấn cối xay cùn, đụn rạ làm tạp vụ, quét hố xí kia kìa!

*

Vậy là đã có một gã đàn ông tên Kính, người Hà Nội, đồng nghiệp của chúng tôi can dự vào câu chuyện của Nhiên. Và cùng với Kính là một phụ nữ tên Sấn làm tạp công ở cơ quan. Sấn bao nhiêu tuổi? Ba mươi hay bốn mươi? Nhìn bề ngoài không ai đoán nổi. Giới nữ ở nước ta những năm gần đây tiêu thụ son phấn hơn hẳn các nước phát triển. Sấn trát phấn vào mặt, vào cổ. Sấn liên tục thay hình đổi dạng bằng váy áo. Sấn tư tuốt, kiểu cách từ cái móng tay, đến điệu đi, cách nói. Tiếc thay, Sấn vẫn lùn tịt, mắt ti hí, mũi tẹt, môi vều, ngực bẹt, đít nhọn. Đã vậy lại hai đứa con không bố! Đã vậy lại chẳng hoảnh, chanh chua! Kính gọi ả là cái đụn rạ, cái cối xay cùn, hơi độc miệng nhưng ngầm ra là có lý.

Kính cao một mét bảy hai, to như lực sĩ cử tạ. Mặt vuông, mày rậm, mắt lớn, miệng tròn, tai vểnh. Đi lại thành thịch. Tự thị về mình. Ăn uống sùng sục. Tiếng nói oang oang. Đã phũ miệng, tợn tạo, lại suồng sã, buông tuồng. Hắn thành thạo về đàn bà và chẳng mấy khi nhả nhận với họ.

- Chào em xinh đẹp!

Sáng nay, đẩy cửa buồng, sầm sập bước vào, ngồi ịch xuống chiếc ghế bành bọc da, không để ai mời, Kính thò tay nhắc luôn một quả nem trong đồng nem đặc sản xứ Thanh bọc lá chuối vuông vắn như quân súc sắc đang la liệt trên mặt bàn.

- Ổ đâu ra của quý thế này? - Cắn một phát nửa quả nem, đảo quai hàm, nuốt đánh ực và đút nốt nửa còn lại vào miệng, Kính hất hàm.

Nhiên cười thật tươi:

- Đố anh biết đấy?

- Lại của một thằng dở hơi nào nộp thuế ngu chứ gì!

- Em không biết. Sáng nay cũng như hôm nọ vừa dắt xe vào cổng, ông Diệc tập tễnh chân tươi chân héo đi ra, xách một xâu nặng đến năm chục cái nem ra, bảo: “Có một người đem qua đến nhờ đưa hộ.”

- Thằng cha nào mà bí ẩn quá thế?

- Bí ẩn thật. Không xưng danh gì hết. Mà liên tục gửi thư tình, biếu nem chua.

- Ha ha, thế thì cứ chén. Những thằng ngu si giàu có còn nhiều. Chúng tự nguyện làm con thiêu thân thì ta sẵn sàng đón nhận, có phải không, Nhiên? Nhiên nghĩ gì về bọn này?

- Em chẳng nghĩ ngợi gì cả. Anh ăn đi!

Một quả nem nữa đã được lột ra khỏi lần lá bọc, vuông vắn mịn màng hồng hồng màu da non nâng nâng trên tay Nhiên, nàng ngoẹo đầu, tóc uốn lượn đồ dài trên bờ vai, vui vẻ nhìn Kính.

- Cám ơn em. Nhiên à, em có mái tóc thật là tuyệt vời.

- Anh nói nghe hơi ghê răng đấy. Nhưng em còn cái gì tuyệt vời nữa anh thử nói xem nào?

- Cả cái cách ăn mặc của em nữa. Em mặc *jeans* cũng đẹp mà “đi” váy Thị Mịch cũng hết ý.

- Anh cũng thành thạo giới chị em đấy nhỉ! Còn anh, anh đẹp vì cái gì anh biết không?

- Vì cái gì?

- Vì cái thất lưng to bản.

- Anh chính là người gốc Hà Nội!
- Đúng. Vì sao anh biết không?
- Sao?
- Vì anh thích ăn phở với cơm nguội!

- Giỏi. Còn em, cái đẹp của em là cái đẹp tiên thiên, cái đẹp của văn hóa. Em biến đổi trong chính thể. Ở em, dầu có biến đổi thì vẫn là sự nhất trí của toàn thể trong nguyên tắc thống nhất hợp lý. Em có cái cao sang của một mệnh phụ phu nhân, một *lady* quyền quý. Chứ còn, xin lỗi em, cái con Sấn, nó có đeo vàng vào bướm thì cũng vút!

Giữa tiếng cười vỡ ra của chúng tôi vì câu nói thô lỗ bất ngờ của Kính, Kính đứng dậy xốc dây lưng quần và há hốc mồm cười. Xưa nay Kính là vậy, lỗ măng, bạo liệt từ ngôn ngữ đến cử chỉ. Và điều lạ lùng là ở chỗ, Kính có rất nhiều tình nhân mê đắm. Kính chinh phục đàn bà bằng sự sỗ sàng, sấn sỗ. Thật thế! Lạ nhỉ, tại sao đàn bà lại ưa những người như Kính; đàn bà không ưa những người đàn ông nghiêm cẩn và rụt rè?

Nỗi lo ngại của chúng tôi là thật sự khi nhận ra Nhiên có cảm tình với Kính. Nhà tử vi nghiệp dư của chúng tôi giấu cái lo ở sự khẳng định lại tính cách cứng rắn của Nhiên đã được đĩnh ninh trong lá số! Ông cũng như tất cả chúng tôi, thậm lặng yêu nàng. Nhưng rồi ông cũng đã có lúc thở dài: Kính là tay bợm già, lắm mưu mẹo lắm. Là bởi vì hồi này Kính hay tạ sự để quanh quẩn bên Nhiên. Ông Diệc nói đã mấy lần bắt gặp Kính đèo xe đưa Nhiên đi ăn hiệu, đi lễ chùa Trấn Quốc, Quán Thánh. Có lần ông thấy họ đi chơi trong công viên Thống Nhất. Một lần tôi bắt gặp Nhiên chê Kính không biết cách ăn mặc, bắt hấn cởi thắt lưng, dạy hấn cách cho áo vào trong quần thế nào để áo không bị phùng và không thành cứng nhắc. Nàng mua xôi xéo cho hấn ăn sáng vài lần. Cũng có lúc đang ngồi chơi chung, nàng nhồm lên đưa tay nhỏ cho hấn một sợi tóc bạc, tự nhiên như với một người thân.

Và quan trọng, dần dần đã nhiễm vào Kính cái thói quen, cái ý thức tự coi mình là kẻ bảo trợ Nhiên; thậm chí là kẻ có quyền sở hữu nàng. Hấn gọi nàng là “em” và xưng “anh” ngọt xớt. Đi đâu xa là hấn tíu tít gọi điện về cho Nhiên. Hấn căn vặn, tra hỏi nàng không ngớt về những lá thư và những món quà ai đó gửi đến nàng. Thấy nàng có ở trên bàn một tập thơ nhan đề *Tìm em* thuộc trình độ thơ con cóc, hỏi kỹ biết rằng tác giả là một thằng cha ngót nghét sáu chục, mặt rỗ nhằng, môi dày, vai u, giữ ghế giám đốc một xí nghiệp gò hàn xô thùng cấp huyện xứ Thanh, cậy giàu xuất tiền in thơ, hấn bắt nàng rút ra nhà xí tập thơ đó và bảo, nếu gặp thằng cha ấy thì hấn sẽ tát vỡ mặt nó và chửi: “Mày là thằng ngọng, nói chưa xong, sao dám làm thơ!” Nghe phong thanh chiếc nhẫn mặt ngọc xanh nàng đang đeo là tặng phẩm của một nhà lãnh đạo Hội Nhà báo, hấn sùng sục đi điều tra, rồi trở về toang toang trước mặt nàng: “Cái thằng mặt khỉ bần tiện ấy, bài báo viết không nổi, không đáng giặt áo cho anh, làm sao có được một cử chỉ phong nhã thế được!” Kính đặc biệt mất thì giờ vào những món quà và những lá thư của một người bí ẩn nhờ ông Diệc thương binh gác cổng đưa tới nàng. “Mày là thằng nào mà bên bĩ một cách đơn phương như thế?” Hấn lầu bầu chửi thầm người nọ. Rồi kết thúc câu chuyện nhỏ nọ là một buổi sáng xồng xộc xông vào phòng chúng tôi, Kính gieo người xuống ghế, cười dốc lên một hồi, rồi tuyên bố, đã tìm ra kẻ tình nhân đơn phương bí ẩn của Nhiên, kẻ đã gửi nhiều lần thư và nem chua cho nàng.

- Ai thế?

- Hãy khoan! - Giơ tay cản cơn nóng ruột tò mò của chúng tôi, Kính đà đặn.

- Tối hôm qua nữa, tổng cộng thằng cha đã gửi cho Nhiên mười hai lá thư hẹn hò và mười lần mỗi lần năm chục quả nem chua. - Rồi hất hàm nhìn chúng tôi, Kính dừng đỉnh tiếp. - Cho các cậu đoán đấy. Đoán trúng tớ sẽ mất một Dream mới cứng!

Lạ lùng mà cũng dễ hiểu biết bao! Đó là ý nghĩ của tôi khi Kính công bố tên kẻ bí ẩn nọ là ông Diệc, nhân viên thường trực cơ quan tôi. Ra thế! Tổ bày tình yêu với một người đẹp nào có phải đặc quyền của riêng ai. Cái đẹp là diệu phẩm của tạo hóa, là của chung. Ai cũng có thể dự phần. Mà đã biết thế nào mà dám nói người ta là hèn hạ, xấu xí, không xứng đáng!

Đáp lại ý kiến của tôi, Kính đứng lên, nắm hai bàn tay sừng sộ kèm lý sự vừa vô lý vừa vô biên vừa ra cái điều ta là một kẻ chịu tư duy:

- Nhưng mà thế gian này còn có luật tương ứng các cậu ạ. Đũa mốc không thể chời mâm son được. Lão Diệc, khen thay tảo tợn, nhưng chỉ đáng xách dép cho Nhiên thôi. Thằng què chỉ vừa với cái cối xay cùn. Há há... Lão Diệc chỉ được yêu con tiện dân Sấn là vừa, là đẹp đôi thôi. Các cậu chưa hiểu gì về Nhiên của chúng ta đâu!

*

Lẽ nào chúng tôi lại là những người không hiểu Nhiên? Không những hiểu mà chúng tôi còn cảm nhận được nàng như vẫn hằng cảm nhận cái đẹp. Cất tiếng hát trước một khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Một nụ hoa xuân, một làn nắng thu cũng có thể khiến chúng tôi thêm vui vẻ, yêu đời. Còn Nhiên, Nhiên tạo lập cả một trường giao cảm đầy phấn khích và tươi vui quanh mình.

Nhiên còn là một người chịu khó, cẩn thận và thông tỏ công việc mình làm. Nàng thực thi nhiệm vụ thư ký hành chính của Ban chúng tôi một cách vô cùng xuất sắc. Bản tính nàng linh hoạt. Ngôn ngữ nàng giàu hình ảnh. Đã hoạt bát nàng lại còn hóm hỉnh và hết sức duyên dáng. Sắc đẹp và lòng tốt, sự hiền hậu và đức tính tươi vui, kết tinh những giá trị tự nhiên của

nàng đã khiến cho cuộc sống của mọi người xung quanh nàng thú vị hơn lên rất nhiều.

Cảm nhận về Nhiên như vậy, coi Nhiên như một vẻ đẹp đã hoàn bị, trong thâm tâm, chúng tôi vẫn âm thầm một nỗi trắc ẩn, một nỗi sâu xa khác thường. Nhiên hoàn toàn dư thừa điều kiện để có được một đời sống lứa đôi chứa chan hạnh phúc. Nàng hoàn toàn có thể trở nên một người vợ đem lại niềm kiêu hãnh cho người chồng. Cái bí ẩn và trở trêu cuộc sống nằm ở đâu? Và dần đã cố tình chìm vào quên lãng, chúng tôi vẫn cứ thi thoảng lại bắt gặp ở mắt nàng, ở gương mặt nàng một ánh cô đơn, trống trải, một thoáng trễ nải băng khuâng.

Trong khi ấy, như một thách thức, đối nghịch, lại đúng như sự gán ghép tai quái của Kính, ông Tạo đã lặng lẽ ghép đôi cặp đàn ông, đàn bà dị hình, dị tính ở cơ quan chúng tôi. Ông Diệc và Sấn ngày càng quấn quýt, hút hồn nhau. Giờ đây cứ hết việc quét dọn là Sấn có mặt ở phòng thường trực của ông Diệc. Đầu gội xong, xoa tóc hong quạt, phong phanh cái áo cộc tay cổ rộng trễ tràng, Sấn vênh vênh cái mặt thiết bì, nghênh ngáo như một ả nhân viên mới được thăng chức, lên lương. Còn ông Diệc thì như một tên nô bộc tận tụy với chủ, ngày hai bữa lui cui nấu ăn cho Sấn và chiều chuộng y đủ điều. Kính cam đoan đã nhìn thấy họ ngủ với nhau. Và bảo rằng Sấn hồi này được hơi trai phốn phở như thái lái gặp c. chó.

Quả nhiên, Sấn như cái cây ở đất khô cằn nay được bón tươi, chăm bẵm. Sấn nở nang, Sấn mỡ màng. Vai Sấn ừ ừ. Ngực Sấn thâm lầy. Mông Sấn bè rộng, phồng phao. Cuối cùng thì Sấn đã thực sự là người đàn bà nồng nẫu, rùng rục, kể từ sau cái đám cưới nên vợ nên chồng với ông Diệc sau đó nửa tháng trời.

Giờ đây nhìn hình dong Sấn, xem cung cách sinh hoạt của ông Diệc và Sấn mới thấy rằng: mình phân chia kẻ xấu người đẹp là hết sức chủ quan. Trên thế gian này, chả có ai tự nhận

mình là xấu xí, là thấp hèn cả. Bằng cố là nếu ông Diệc mang mặc cảm tự ti ở cái chân cụt, ở cái mồm méo của mình thì ông đã chẳng gửi tới mười hai lá thư hẹn hò đơn phương với Nhiên. Dám tỏ tình với người đẹp như Nhiên phải có lòng tự tin lắm chứ. Bằng cố là Sấn bây giờ. Nếu biết là mình xấu xí, vô phương biến cải thì Sấn mua son phấn, sắm quần *jeans*, váy Thị Mịch, váy *mini*, giày cao gót, quần lót Tàu, bít tất Mỹ làm thêm! Con người ta là một động vật mang bản tính kiêu hãnh. Sấn kiêu hãnh với chồng. Sấn gọi ông Diệc là “thằng què”. Sấn dần vật “thằng què” về vụ cứu giúp cô ả bán bún Thạch Thất. Sấn day nghiêng ông Diệc, bảo ông là thằng già hám gái, đại gái và đòi ông phải tự thú xem giò trong đầu có còn tơ tưởng tới Nhiên? “Nó hơn gì tao. Nó cũng vú vè, đùi vế như tao. Rõ cái đồ mê lú chưa!” Sấn rít róng mỗi lần làm tình với chồng. Sấn chảnh chọe, Sấn lên quai xanh vành chảo với bọn đàn bà con gái xa xẩn đến phòng thường trực gặp ông Diệc. Sấn bữu môi bữu mồm, ra mặt khinh bỉ Nhiên mỗi khi nhắc thấy bóng Nhiên. Sấn gọi Nhiên là “ả bông bênh” và phổ biến xú danh đó với cánh đàn ông trong vòng bán kính hai chục mét, từ người hiền lành chân phương đến kẻ bặm trợn, hung đồ.

- “Ả bông bênh” của các anh đâu rồi? - Một sớm, vào buồng chúng tôi, đang cầm cúi lau bàn ghế, rửa ấm chén như thường lệ, Sấn bỗng ngẩng lên cất giọng hỏi như có ý gây sự.

Tôi biết thừa, nhưng dẫn lòng:

- “Bông bênh”! Ai là “bông bênh”?

- Cái ngực bông bênh thế mà không thấy à?

Tôi nghiêm mặt:

- Cô định nói gì thì cứ nói thẳng ra đi!

- Là cái bà Nhiên của các anh ấy! - Sấn nhếch mép. - Kỳ thực thì nhàu nát cả rồi. Nào đã biết ai bào trơn đóng bén hơn ai. Đàn bà tử tế là phải có chồng con, anh ạ.

Ngắt lời ả, tôi gắt:

- Ăn nói kiêu chớ búa như thế thì ra chỗ khác. Cô đi đi!

Sấn không đi. Ném cái khăn lau bàn xuống ghế, ả nghiêng rắng, mặt lỏ lói phấn son méo xệch:

- Nói để anh bảo cho ả ấy biết. Đừng có tưởng mình là nhất. Đừng trêu mẹ mướp mà xơ có ngày đấy!

Rồi nhếch mép, ả tiếp, vẻ hả hê:

- Chẳng là gì đâu! Nhân tình của một thằng trung úy đặc công, nó vắn vò chán chê cho thùng trống long chiêng, rồi nó chết ngỏm rồi. Chứ cao sang mỹ miều đ. gì!

Tôi không nhớ là đã găm lên như hổ dữ thế nào để đuổi cái người đàn bà lẳng lơan xấu người xấu nết ấy ra khỏi buồng làm việc của mình. Vì ngay sau đó, có một cú điện thoại gọi tới, bảo tôi phải đi ngay Sài Gòn vì một việc gấp gáp và hệ trọng.

*

Dòng thời gian trôi mãi miết, chở trong lòng nó đủ mọi chuyện, từ hệ trọng đến thường tình. Và câu chuyện Sấn nói cùng thái độ hờn ghét cố hữu của y thị với Nhiên hôm nào có thể chỉ là biểu thị của máu ghen đàn bà thông lệ, lại cũng có thể là bộc lộ sự suy đồi thâm về nhân cách của con người trong những ngày này.

Tôi trở về cơ quan hơn tháng trời xa cách, khi mùa hạ đã qua, nghe hạt mưa thu rỏ lạch tạch giọt hiên căn nhà Khoa Ngoại Bệnh viện Việt - Ba, thấy mênh mênh mông mông một khoảng trống vắng ngơ. Nhiên băng kín mặt, chỉ hở hai con mắt. Hai con mắt sâu trầm càng trở nên bơ vơ ngơ ngác, sau khi Nhiên thốt một lời nho nhỏ qua đôi môi khô héo của nàng:

- Anh à, em chưa hề được làm vợ, làm mẹ. Cả đời em, có lẽ em sẽ chẳng biết làm vợ, làm mẹ đâu!

Kính sầm sầm bước vào. Hấn cho tôi biết vẫn chưa tìm được thủ phạm gây án dùng lưỡi dao cạo rạch nát mặt Nhiên. Công an đang đặt nhiều giả thiết. Sấn bị chất vấn. Cuộc sống đầy bất trắc. Cái đẹp có nguy cơ bị hủy hoại, bị phủ định tàn nhẫn.

Tôi giấu một hơi thở vừa trút khỏi lồng ngực để vội nhẹ. Tôi ra khỏi nỗi dị nghị ám ảnh và sung sướng như được trở lại thời thơ trẻ thanh tân có hình dáng một vòm trời xanh trong suốt. Nhiên chưa hề được thực hiện thiên chức đàn bà là làm vợ, làm mẹ. Nhưng nàng đã được thực hiện thiên chức của một con người: đã yêu, đã chờ đợi, đã tôn thờ. Ở cuối cuộc chiến tranh vừa qua, có một người con trai đã hôn nàng khi chia tay nàng và hẹn ước với nàng ngày trở về. Nàng chỉ có một mối tình duy nhất đó. Bây giờ vẫn vậy. Nàng vô cảm trước mọi quyến rũ, vì đã quá mãi mê và linh hồn đã đắm đuối đến kiệt lực. Nàng đơn nhất trước cái rầm rối, phồn tạp của cuộc đời. Nàng nguyên vẹn, không sút mẻ, thủy chung như nhất. Nàng trinh bạch, hồn nhiên, dung dị.

Còn chúng ta, chúng ta đã quá quen thân với cái rối ren, đa tạp, chúng ta bỏ qua cái hồn nhiên, dung dị. Trong khi kỳ thực cái rối ren, đa tạp lại là cái nông sò, hời hợt, còn cái mang hình thức hồn nhiên, dung dị như một đường kẻ thẳng lại là cái biểu hiện sức sống thật sự ở chiều sâu. Chúng ta đã hư hỏng về nhận biết. Mỹ cảm của chúng ta thiên về khuyết tật và sự dang dở của con người.

Khi đã đi đến cùng của sự kiện thì con người trở thành chính nó. Kính đã thoát khỏi những khuôn thức suy nghĩ tầm thường, đạt tới trình độ tư duy thánh trí. Chính là khi cùng tôi từ bệnh viện, nơi Nhiên nằm điều trị bước ra, Kính đã giữ tôi lại và giọng anh bỗng trở nên nghiêm nghị khác thường:

- Tôi đã đến nhà cậu trung úy người yêu của Nhiên. Cậu ta là con một ông giáo. Học cùng Nhiên tới lớp mười hai thì Nhiên vào trường múa, cậu này nhập ngũ. Hai người yêu nhau thắm

thiết. Tôi đã xem ảnh cậu kia. Mừng cho Nhiên. Cậu trung úy rất xứng với Nhiên. Còn bây giờ, tôi sợ nhất điều gì, ông biết không? Sợ nhất là Nhiên bị phản bội. May, điều ấy không xảy ra. Nhưng tôi buồn khủng khiếp. Cậu trung úy cho đến giờ vẫn không tin tức gì. Nghĩa là hơn hai mươi năm qua, rất có thể là Nhiên vẫn một mình một tâm tình, một mình đơn độc trên sân khấu cuộc đời.

Kính đã đưa Nhiên trở về nơi cội nguồn xuất phát. Nhiên, nghệ sĩ múa! Nghệ sĩ múa lấy không gian làm chất liệu, nghệ sĩ múa dùng ngay cơ thể tuyệt đẹp của mình làm phương tiện để giao hòa với tự do của vũ trụ, để chứng thực con người mình là thuộc về vũ trụ. Bằng động tác múa, Nhiên tách thời gian khỏi thời gian bình thường, tạo nên thời gian vĩnh hằng. Không lời nói, không màu sắc, Nhiên múa bằng thân thể mình, nàng siêu thoát khỏi hạn chế của tự nhiên, tạo lập bản thể thành một ngọn lửa thiêng liêng giữa mệnh mang và mờ ảo. Nhiên cô đơn giữa đời như bản chất của nghệ thuật đích thực.

25/9/1997

SEO LY, KẺ KHUẤY ĐỘNG TÌNH TRƯỜNG

Cửa sổ gác hai nhà anh giáo Vàng Seo Tổng nhìn xuống đường phố chính huyện lỵ M, một tỉnh miền núi xa xôi. Đường phố huyện lỵ heo hút này thì có gì mà đáng nói, ngoài phân ngựa khô, phân ngựa tươi và lũ chó lười, khi đùa phỡn, khi ngủ trong nắng hanh vàng vắng ngợ. Thành ra thu hút cái nhìn của con mắt cửa sổ trở trong bức tường xám đá nhà Tổng phải nói chính là cái tòa nhà đối diện với nó. Bốn cây cột đá tròn dựng nơi tiền sảnh, đội cả một tầng đá lớn trên khắc những chữ Tây cho đến năm ngoài khi ông đội Tơ ở phố này hai năm mươi thì chẳng còn ai hiểu nghĩa nó là quái quỷ gì, ngoài cái ấn tượng mông lung về một dĩ vãng rất sơ sài và buồn tẻ. Qua tiền sảnh, bước vào một cái sân gạch đỏ như son, chưa kịp gột rửa cảm giác ngợp choáng vì lạ lẫm, khách liền rơi vào tâm trạng tự ti vì thấy quá bé nhỏ so với ba lớp nhà hai tầng vây kín, chế ngự cả khoảng trời xanh bao la trên đầu. Hành lang nổi hành lang. Các vòm cửa đắp nổi hình lá nho và con dơi, cùng các mặt sàn lát gỗ lim đen bóng với lò sưởi xây, đem lại cho dinh thự một phong cách châu Âu xa lạ. Nhưng nhìn hàng tường mặt tiền tòa nhà thao láo các lỗ châu mai, và phía sau, một lô cốt quét vôi vàng cao vọt lên, khách nơi xa đến lại nghĩ nó chính là một trại lính khố xanh, khố đỏ còn

sót lại từ thời xứ này thuộc quyền của đạo quan binh thuộc địa thứ tư. Muốn gì thì gì, tòa nhà này cũng là một công trình bền vững, còn lại với thời gian và mang dấu vết thời đại rõ rệt nhất ở trong vùng. Tòa nhà trơ như đá, vững như đồng, thi gan cùng tuế nguyệt. Sau Pháp là Nhật, sau Nhật là Quốc dân Đảng. Sau Quốc dân Đảng là tên tuổi các thổ ty chúa đất lừng danh, và bây giờ, đóng trụ sở tại đó là ủy ban nhân dân, chính quyền công nông của các dân tộc Mèo huyện nhà.

Khoảng tháng nay, quanh cái bàn nhỏ của anh giáo Tống kê gần cửa sổ nọ, Tống có thêm hai người bạn trẻ. Một là bác sĩ Ngôn, hai mươi chín tuổi, chưa vợ, đeo kính cận, điển trai, tiêu biểu cho lớp đàn ông ưa phiêu du lãng mạn. Một người là Quốc, một gã trai mới hai mươi năm, lùn, vập vập như đồ vật, rất phù hợp với cái nghề kỹ sư nông nghiệp mà hắn ta đang dần thân. Khác với Ngôn, Quốc khô khan, lý tính rõ rệt. Hắn có thể lợi ruộng cả ngày và đếm quả đậu tương trên các khóm cây nọ ở ruộng thí điểm không bao giờ chán.

Họ chơi với nhau, thân với nhau vì cùng sinh hoạt một chi đoàn. Nhưng sự liên kết về chính trị thật tình cũng chỉ là bước khởi đầu, một cái cớ bề ngoài. Cốt lõi của sự thân thiết là tuy khác nhau lắm lắm về phong độ, tính tình, cả ba đều thấy ở nhau một điểm tương đồng đặc biệt: ấy là sự đam mê, sự sống tận lực, hết mình với cái mà họ yêu quý, tôn thờ. Tuy nhiên thúc đẩy họ đến đây lại từ một lý do vừa tầm thường, vừa cao cả, nhưng cụ thể và giản đơn hơn nhiều. Cuối cùng thì Ngôn nhìn hai bạn, đặc chí nói rằng: Suy ra thì đối với cái đẹp, đối với người đẹp, một ông kỹ sư xuất thân chân đất, một gã tiểu tư sản thành thị và gã trí thức Mèo gốc là Tống, khác nhau quá lắm cũng không hơn sự khác nhau giữa con chó giữ nhà và con chó đi săn.

Đợi cho Quốc dần cái mặt hay nhăn nhó vì Ngôn phải chua thêm rằng đó là ý kiến của Friedrich Engels mà hắn đã đọc, đã ghi nhớ từ lâu rồi, Tống mới nhoẻn cười, vào đầu câu chuyện:

- Tôi cam đoan với hai bác rằng, cô ấy là phụ nữ Mèo đẹp nhất mà tôi đã thấy. Tất nhiên là theo mắt tôi, mắt của kẻ đã thấy chín mươi chín ngọn núi, chín mươi chín con suối và chín mươi chín rừng đào.

Quốc chộp chộp đôi môi dày, chen ngang:

- Cái đẹp, theo tôi, có một cái khung thẩm mỹ rất rộng. Một người đẹp. Một khu đồng đẹp. Một khóm đậu tương đẹp. Cái đẹp một khi dâng hiến cho con người thì nó mang nhân tính.

Tống gơ tay, hồn nhiên, đầu lắc lắc:

- Tôi chưa nói hết. Tôi đã có dịp quen biết nàng. Nàng đẹp khác thường lắm. Toàn bộ dân ca Mèo nói về người con gái đẹp tôi thuộc cả. Hàng nghìn câu. Nhưng chưa đủ đâu. Lạ lắm, thực đấy mà huyền hoặc đấy. Nói không được mà chỉ cảm được thôi. Thôi, tôi không đủ lời đâu. Kia, nàng đã ra! Hai bác cứ mục sở thị, rồi hãy phát biểu ý kiến!

Tống ngắt lời đột ngột. Nhưng lẽ ra phải nhường bạn thì anh giáo Mèo hai mươi tám tuổi này lại sấn lên, cả tấm thân phương phi của anh chỉ lui lại, nhường chỗ cho bạn, khi Ngôn lấy tay kéo mạnh thắt lưng anh.

Sáu con mắt nhường nhìn nhau, khéo léo lắm mới đủ chỗ để phóng chiếu sáu luồng sáng sang tiền sảnh tòa công sở đối diện.

- Seo Ly! Seo Ly!

Cả hai gã trai người Kinh cùng bật tiếng, kêu kinh hoàng và sung sướng, rồi như hai con gà chen nhau ra cửa chuồng, hai gã huých vai thúc khuỷu nhau để giành nhiều không gian hơn trước khung cửa sổ nhỏ.

Không còn là một thiếu nữ măng tơ, không, hoàn toàn không còn là măng mới nhú, trắng mới mọc, nụ mới hé. Seo Ly đã là một thiếu phụ viên mãn tròn vẹn. Vóc dáng nàng đã thuần thực, đã nảy nở hết độ. Mỗi chi tiết trên cơ thể nàng đã

được đào thải, gạn lọc, chọn tuyển và bây giờ định hình như những tuyệt phẩm của tạo hóa. Nổi bật trên cơ thể nàng là khuôn hình eo hông mượt mà và bầu ngực tràn trề sinh lực phồn thực. Chúng uyển chuyển khi nàng bước đi. Và cùng hòa phối với chúng, mắt nàng biếc xanh màu núi lung liêng, môi nàng hé mở đầy vẻ mời mọc, gợi tình. Nàng là sản phẩm chín nục của yêu đương mê mết, của đàn ông háo sắc và các cơn đắm dục chứa chan.

Nhô cao cái cổ như một cọng hoa ra khỏi lớp vòng bạc sáng choang, nàng hơi nheo mắt nhìn cảnh sắc ngoài trời. Ánh nắng sớm lúc chín giờ, thời điểm đẹp nhất của một ngày, hắt vào hiên gập sắc đá xanh, tạo nên một hiện tượng giao thoa kỳ ảo. Và nàng, rõ ràng đường nét da thịt, rõ ràng bụng tròn lưng nở như một thực thể đàn bà, mà thần thái lại quá kiết yêu kiều, như từ huyền thoại cổ tích đi ra.

Trước hết là những con ngựa. Cả một bầy vài chục con buộc ở dây cột chôn hai bên của công thự nọ, đang gật gù u oải, lập tức thoát ra khỏi trạng thái lơ đãng, khi nàng vừa bước xuống bậc tam cấp, đi đến cạnh chúng, chúng cùng nhất loạt hểnh mũi, hếch mõng, ngoáy đuôi, rung bờm và hí rộ như những tiếng khèn. Nàng xòe ô và âu yếm nhìn bầy ngựa.

Tổng thẩm kê:

- Nàng đẹp và kiêu hùng như một con gà sống thiên!

Ngôn choáng váng:

- Thật là một sắc đẹp mê hồn. Một trang tuyệt thế giai nhân đầy sức cám dỗ. Một nhan sắc phi phàm, huyền bí và chết người!

Quốc câm lặng. Hấn như bị cấm khẩu. Xưa nay hấn chỉ quen mô tả hạt lúa, hạt đậu, cùng lắm là con sâu cắn rế đậu, con rầy nâu hại lúa. Hấn bí từ.

*

Seo Ly, trang tuyệt sắc xứ Mèo quê ở một làng nhỏ kiệt cùng của thế giới, nơi ngõ hẻm của vũ trụ, trên đỉnh núi Fansipan, mới về làm việc ở ủy ban nhân dân huyện. Sắc đẹp và tên tuổi nàng từ lâu đã lưu truyền và trở thành một trong những truyền kỳ đặc sắc nhất trong vùng. Giàng A Páo, ba mươi lăm tuổi, sức vóc vác nổi một con ngựa hai tuổi, là chủ tịch huyện, nhân một lần về thăm vùng lúa mì thí điểm trên bản Y Tí quê Ly, gặp Ly liền tì đầu gối ký quyết định tuyển nàng ngay về làm nhân viên cơ quan hành pháp tối cao của huyện nhà. Tư chất nàng, vẻ đẹp của nàng đáng đặt nàng vào những ngôi vị sang trọng nhất trong thang bậc xã hội này. Xoàng ra, nàng cũng có thể làm phó chủ tịch, làm ủy viên ủy ban phụ trách Văn Xã, hoặc diễn viên văn công. Tiếc thay nàng mới võ vẽ biết đọc và chẳng có năng khiếu gì. Chủ tịch Páo quát: “Làm sang cái cơ quan ủy ban mà không đáng giá à!” Nói vậy thôi chứ thiếu gì việc. Cuối cùng, êm thấm nhất, nàng giữ chân văn thư đưa gửi và tiếp nhận công văn. Và như vậy, ngày hai lần, sáng là chín giờ và chiều là hai giờ, nàng giương ô, rời văn phòng với cái túi nhỏ trên vai đi tới trạm bưu điện ở cuối phố và lát sau, từ đó nàng trở về. Đi năm trăm mét. Về năm trăm mét. Quãng đường đủ để Ngôn bắm gót và biến ngay thành một gã si tình.

Chả ngày nào gã bác sĩ không theo đuổi nàng. Thoạt đầu thì khoảng cách còn rộng. Sau thu hẹp dần. Và càng lúc hần càng sôi sục, càng mê muội, càng giống một kẻ ở trạng thái thăng đồng. Giọng ngào ngạt, hần nói:

- Làm sao mà có thể sống bình thường khi ở gần nàng được nhỉ? Nàng tỏa ra một từ trường lôi cuốn. Nàng hút hồn tôi. Nàng thôi miên mỗi chi tiết trên phố xá! Con ngựa tỉnh ngủ. Cái cối đá tự quay. Cả lớp rêu xanh màu kim khí bám trên bờ đá cũng khởi sắc. Tôi đứng bên nàng như đứng giữa

hai cực đối lập: sự hiện hữu cụ tượng và tính phi thực của đời sống. Nhưng Tống bảo sao? Nàng đã xấp xỉ tuổi bốn mươi? Tôi không tin!

Khuôn mặt bầu bĩnh dờ ra, lát sau Tống mới lẩm nhẩm:

- Khi tôi còn bé, chưa qua tuổi mụ, tôi đã nghe mẹ tôi nói, ở Y Tí có một người phụ nữ đẹp như tiên.

- Hay là mẹ nàng?

- Không! Chính là nàng. Anh có biết ông quét chợ Mã Đại Khương không? Chính ông ta nói ông ta có lá số tử vi của nàng. Nàng mệnh Vô Chính Diệu đắc Tam Không, lấy lừng lăm. Nàng sinh năm Tuất, năm nay gần bốn mươi là phải rồi.

Giữa đối thoại say mê của hai bạn, gã kỹ sư lùn ngồi như bụt mọc. Gã ít lời. Nhưng có trời hiểu được trong óc gã đang xảy ra chuyện gì. Liệu trong giấc mơ toàn thấy những đậu, ngô, khoai và sắn bọ, gã có thấp thoáng hình bóng giai nhân?

Là kẻ duy cảm và duy mỹ đến cùng, Ngôn dần thân lao vào cuộc phiêu lưu ái tình. Viên bác sĩ trẻ ngần ngại cả người khi nhận ra điều kỳ lạ là từ thân thể người phụ nữ nọ tiết ra một làn hương thơm phảng phất mùi hương xạ. Tra cứu các sách vở y học, hắn không tìm thấy lời giải đáp. Hắn đọc các sách cổ thì thấy có nói đến loại người phụ nữ đặc biệt này. Lại thấy có câu: “Mỹ nhân hơn hoa là nói. Hoa hơn mỹ nhân ở chỗ tỏa hương”, liền mừng hóm vì thấy nàng được cả hai.

Ngôn tìm đến người quét chợ. Lão quét chợ bằng tuổi bố Ngôn. Y miệng méo, chân khoèo, tay lệch, dáng đi ngật ngưỡng, kiểu người tiên thiên bất túc¹. Thân xác tật nguyên ấy là hệ quả của một đời sóng gió, lăn lóc bất tận trong tranh đấu và trường tình. Đến đất này, khi y là sư phó một sư đoàn Quốc dân Đảng. Nhưng y đã vút lại tất lon tướng, ngù vai và kiếm lệnh để ở lại với một mụ đàn bà bán bánh bao người Hoa

1. Có nghĩa là: Cơ thể bị suy nhược bẩm sinh, do không hấp thụ được tinh hoa của cha mẹ khi chào đời.

lai Việt. Y bảo: “Seo Ly thuộc loại yêu phụ, loại này mắt sáng trắng, như mắt quạ, ngày đừng hòng chạm đến da thịt nó, nhưng từ ba giờ sáng thì tha hồ vắn vò.” Lại có lúc như một kẻ sở đắc vì đã từng trải, y than: “Hong nhan bạc mệnh! Nàng là số phận của cái đẹp ở trên đời!” Rồi ngheo ngoạc bốn cọt ngay sau đó:

Mây đẹp thì mây phải lo

Đêm nằm khối kẻ rình mò ước ao

Xấu xí như mẹ con tao

Đêm nằm mở cửa, sướng sao cho đành!

“Cả thằng quét chợ ấy nó cũng mê Seo Ly rồi. Khốn nạn! Nó còn nói được ngủ với nàng một đêm rồi chết, nó cũng cam lòng. Thật là một tên cường bạo!” Một hôm, Ngôn đã rít lên như vậy với vẻ cuống cuống và nỗi sợ hãi đồ dẫn cả người. Sau đó, Ngôn gần như biến mất dạng. Ít lâu sau, trên cái bàn kê gần cái cửa sổ nhỏ nọ chỉ còn lại Tống và anh chàng kỹ sư lùn. Cả hai cùng buồn rầu vì cái tin Ngôn đã bị đưa xuống hạ phóng ở các vùng thấp dưới bờ sông Chảy trong chiến dịch phòng chống bướu cổ của huyện.

- Tại ông Páo! - Tống nói.

Quốc lắc đầu:

- Tại nó. Nửa đêm nó gõ cửa buồng Seo Ly. Nhưng nó ngồi nói chuyện đàng hoàng. Mà thật ra cũng chẳng tại ai hết. Khung thẩm mỹ vốn rộng. Ta có thể yêu một khu đồng xanh tươi, một khóm đậu, vì vẻ đẹp của chúng mang nhân tính.

Viên kỹ sư chân đất ngắt lời, không trình bày hết lý thuyết về khung thẩm mỹ vốn rộng, móc túi vớt lên bàn một tập giấy nhàu nát, mặt bóng hí hỏn như trẻ con được quà:

- Đọc thử Tống nghe vài bài thơ tình nhé!

Ôi trời! Giữa những trang giấy tô xóa nhằng nhịt các công thức, các hình vẽ sâu bọ và mô tả cây đậu là những bài thơ phác thảo:

Sau giấc mộng lòng ta như chiếu trải

Mưa chưa hết nước, lòng ta như suối reo

Hoa chưa nở, ốt trong vườn đã chín

Bếp lửa hồng, ngọn lửa bốc như treo.

Buổi sáng ấy là thời điểm hệ trọng. Với sự phụ giúp thêm của hai lít rượu bắp, phố huyện đã xuất hiện hai nhà thơ. Tổng hát nhại các bài dân ca tình yêu. Còn Quốc thì như một hiện tượng đột xuất của thiên tài. Xưa nay, theo quan niệm phổ thông, để trở thành nhà thơ đâu có khó. Chỉ cần thuộc một ít ca dao tục ngữ và trong lòng có Hỏa Diệm Sơn tình cảm. Gã kỹ sư đồng quê giàu có cả hai phương diện đó. Và gã vừa đọc thơ của mình, vừa nhận ra Freud quả là một bậc thầy có một không hai về khoa học phân tâm học: chính gã đã dồn nén, tích tụ, chứ không phát tiết ra mắt ra miệng, như Ngôn bác sĩ, và bây giờ thăng hoa thành thơ ca.

Mặc dầu, bốc lên tận mây xanh buổi sáng ấy, cả hai vẫn không quên ngó qua cái cửa sổ nọ như nhòm vào kính chiếu yêu để soi tìm bóng mỹ nhân. Điều lạ là, cả ngày hôm đó, cả ngày hôm sau và tiếp đó, họ đều không thấy Seo Ly ra vào...

*

Seo Ly không còn là nhân viên văn thư của ủy ban huyện nữa. Nàng không thạo việc, chữ nghĩa quá ít ỏi, công văn giấy tờ nàng giao nhận nhầm lẫn lung tung. Đó là một lý do. Lý do nữa là ông Páo sợ mất phiếu trong kỳ bầu cử chủ tịch tới. Đây đó đã có lời đàm tiếu: Chủ tịch mê tít cung thang Seo Ly, đêm nào cũng xuống buồng cô trò chuyện, lại có người nhìn thấy

ông thơm vào má nàng. Và đáng trách hơn nữa, như dư luận xôn xao, trong việc ông đưa Ngôn đi xuống các xã vùng thấp tham gia chiến dịch chống bấu cổ rõ ràng là có tác động của cơn ghen tình ái ngấm ngấm. Tuy vậy tất cả cũng vẫn chỉ là lý do phụ. Cái chính là sự quyết định của bí thư huyện ủy Cư A Tráng. Tráng là bí thư huyện trẻ, mới ba mươi hai, mặt mũi sáng sủa, tính tình hoạt bát, quyết đoán. Một lần sang ủy ban huyện họp, thấy mặt Seo Ly liên sưng sờ rồi neho mắt, nhăn trán, cả buổi họp khác hẳn mọi ngày, chẳng mở miệng nói nổi một câu. Nhưng hôm sau, có tờ quyết định từ huyện ủy gửi sang: Nay điều động chí Seo Ly về công tác ở cơ quan huyện, Hội Phụ nữ. Bấy giờ, từ chủ tịch Páo tới anh chăn ngựa ở cơ quan mới ngã ngựa người ra vì bất ngờ và tức tối!

Bí thư Tráng quả là có con mắt tinh đời. Thiên nhiên được đánh thức bằng sự bùng nổ bất ngờ của hoa. Cơ quan huyện hội xưa nay không có thì thiếu, có thì thừa, vốn vắng tanh vắng ngắt, nay như có cuộc bùng nổ về khách khứa vào ra.

Người cũng như vật trang trí trong nhà, xếp đúng chỗ mới nổi hình nổi sắc. Tiếp theo phát hiện của ông Tráng là sự khám phá liên tục của các nhà báo tỉnh. Hóa ra không phải chỉ là chụp được những tấm hình đẹp. Trung thành với quan điểm nội dung là cái quyết định, họ xuyên qua lớp hình thức hời hợt bao bọc bên ngoài, tìm đến cái cuộc đời bên trong của người phụ nữ này. Và họ đã sung sướng đến phát rồ. Họ đã có cả một kho đề tài. Seo Ly thật là một điển hình của một cuộc đời phụ nữ Mèo bị vùi dập trong thung lũng đau thương, nhờ ánh sáng cuộc đời mới, nay đã nở hoa trên đỉnh non xanh thắm. Tiểu sử của nàng, chỉ nàng là không hay biết, vì nàng không biết đọc, được tất cả các cấp lãnh đạo thuộc lâu. Mười ba tuổi nàng là con dâu gặt nợ. Khổ sở quá, nàng bỏ nhà chồng, và làm gái gầu phàng ăn ở không công ở nhà lý trưởng. Rồi nàng lại bị gả bán

lần thứ hai. Rồi lần thứ ba. Biết bao ê chề, đau đớn nàng đã trải qua trong thời ly loạn, lúc trời thăm đất sâu, khi mặt đất chỉ là máu và nước mắt.

“Seo Ly, bông hồng rừng thơm ngát”, “Hòn ngọc nơi biên ải: Seo Ly”, “Người đẹp huyện xa: Seo Ly”, “Seo Ly, một cuộc đời”, “Seo Ly - trà hoa nữ”, “Seo Ly, hoa hậu xứ Mèo”, “Seo Ly - chứng nhân lạc quan của lịch sử bi hùng”... Liên tiếp trên các trang báo tỉnh và Trung ương là các bài viết về nàng. Sau các bài báo là thơ. Có đến một chục nhà thơ chưa hề đến đất này mà lại có thơ về Seo Ly, tặng Seo Ly. Đến nỗi thi sĩ huyện lẻ, kỹ sư canh nông Quốc uất tức, phải nghiêng răng ken két: “Toàn là bọn nhà thơ rởm. Họ có sự dồn tích và khai phóng, thăng hoa như ta đâu!”

Seo Ly thực sự đã bước sang một khúc ngoặt mới của đời người. Nàng được bổ sung vào Ban Chấp hành huyện hội. Đại hội năm sau nàng trở thành phó chủ tịch. Rồi nàng vào Đảng và hết kỳ dự bị thì được bầu làm ủy viên dự khuyết huyện ủy.

Là kẻ có công đầu phát hiện, nay thấy Seo Ly thăng tiến vậy, lẽ ra ông Páo phải vui lắm. Nhưng trái lại, ông cứ lì lì. Có anh kích ông: “Tiếc công đắp đập be bờ...”, ông cũng im thít. Chỉ có rượu mới cậy được miệng ông. Ông đập đít chén, chửi:

- *Chung cào nả*¹, thằng Tráng khôn quá con cáo!

Bạn rượu hỏi. Ông hất hóp rượu vào họng, chép môi:

- Uống rượu thì cả hai thằng cùng say chứ, sợ gì!

Khẩu khí như vậy chứng tỏ ông Páo coi xoàng ông Tráng. Mà cũng phải. Đồng tuế, đồng khóa. Thuở còn đi học trường Đoàn, đêm đêm rủ nhau đem sáo đến thổi ở đầu hồi nhà máy

1. Tiếng chửi tục.

bà góa, bị chó đuổi cắn rách ống quần, như nhau thôi. Có gì mà lạ nhau, đằng sau cái áo chức vị nhỉ?

Đùng cái, một đêm xuân nọ cây cỏ trở giấc hứng tình vì ngọn gió ấm, phố huyện đang mơ màng, bỗng bật hồng huyền não như có giấc cướp.

Từ trên căn gác của mình, nhìn xuống, Tống thấy một đám đông ba, bốn chục người đèn đuốc âm ỉ từ phía cơ quan huyện ủy kéo xuống. Trung tâm đám người là ông Tráng, tay bị trói quặt ra sau, mặc độc cái áo chàm, hai ống chân trần đầy lông đen. Quanh ông tua tủa súng CKC của dân quân. Ông Tráng ngơ ngác: “Ồ kìa, tôi sang buồng cô ấy xin tí dầu xoa. Tôi đau bụng mà.” Gã quét chợ trong đám đông vây quanh, hoa chân múa tay, vẹo miệng khoái trá, cất giọng véo von: “Dù cho trăm khéo ngàn khôn. Đến cửa nhà l. bảy vía còn ba! Há há!”

Kẻ nào dám đứng ra tổ chức rình bắt quả tang ông Tráng trong cảnh hưởng trai trên gái dưới với Seo Ly? Không nói, ai cũng biết. Phải là tay có thế lực lắm mới điều động được cả tay súng dân quân tham gia việc này. Không nói nhưng ai cũng biết thừa tên tuổi kẻ đa mưu túc trí và thần thế nghiêng trời lệch đất chủ mưu sự việc động trời này! Biết, nhưng chả ai nói ra! Nói làm gì!

Ông Tráng bị cách chức bí thư huyện ủy. Chủ tịch Páo từ nay kiêm luôn cả nhiệm vụ nọ. Nhưng được hơn một tháng ông Páo cũng giữ không nổi chức vụ vinh quang ấy. Không phải vì ông kém cỏi, định ra chủ trương sai lầm hay là hữu khuynh, cứ để mặc dân trồng lén cây thuốc phiện mà là vì ông giẫm vào lốt chân ông Tráng.

- Nhiều lần rồi! - Ông phó bí thư bực bội nói trong cuộc họp kiểm điểm sai lầm của ông Páo. - Chúng tôi đã hội ý, nhắc nhở,

góp ý. Nói xa rồi nói gần. Rồi cảnh báo. Rồi nhờ cả vợ đồng chí Páo khuyên bảo chồng. Nhưng đồng chí Páo bỏ ngoài tai tất.

- Ôi, cái này không bảo được đâu!

Nghe thấy có người nói vậy, ông phó bí thư trợn rách mắt:

- Nói thế không nghe được! Ta phải dùng nghị lực, phẩm chất cách mạng để giữ gìn tư cách chứ! Thật là nhục! Để cả thằng quét chợ nó khinh!

Ông phó bí thư nhận trách nhiệm quyền bí thư. Và Seo Ly bị hạ tâng công tác, bị điều xuống làm cấp dưỡng cơ quan.

Nhưng chẳng bao lâu sau đó, ông phó bí thư được mang tên là Phó Gầm. Không phải vì ông mới tậu được chiếc xe máy Star, mỗi lần qua phố, chiếc xe nó gầm điếc tai bà con mà vì ông phải chui vào gầm giường Seo Ly, khi tự vệ cơ quan phá cửa vào bắt quả tang ông đang rúc váy nàng.

Seo Ly, người đàn bà khuấy đảo đời sống thường nhật buồn tẻ! Nàng chính là thủ phạm, là kẻ khởi xướng những hành động sôi nổi và ly kỳ của cánh đàn ông: các cuộc rình rập, theo dõi đuổi bắt, lật mặt nhau, có nguyên cớ là đàn bà. Nhờ nàng, tình trường phố huyện xưa nay lặng tờ, uể oải bỗng như tăng đôi sinh lực, sống hoạt hẳn lên. Từ nàng, bắt đầu nảy sinh các cuộc đánh ghen dữ dội của cánh đàn bà. Nhờ nàng, đàn ông bỗng dồi dào năng lực yêu và đàn bà bỗng diêm dúa, tơ tuốt và phong tình hơn. Nàng cho mọi người thấy cuốn sách vĩ đại của thiên nhiên được viết bằng các khúc ca hoan lạc. Hương thơm của các chuyện trăng gió giờ đây át cả mùi đồng ruộng thanh tao bấy lâu được coi là chủ thể của đời sống. Nàng bổ sung một khoảng trống hụt trong đời sống con người, khiến cho mọi người ngộ ra điều quan trọng, rằng bấy lâu họ sống mà không biết mình đang sống. Nhờ nàng, mọi người cảm được cái thú vui vô tận của đời sống dục tình và chốn Bồng lai Cực lạc của

đời sống lứa đôi. Nhờ nàng, những kẻ đần đại nhất, dù trong phôi cảnh tầm thường của đời sống phố huyện, nhận ra mỗi ngày sống vẫn là một ngày vàng, vậy cần phải tận hưởng cho đầy đủ các phương diện.

Seo Ly - cái năng lượng khổng lồ, cái mãnh lực xung thiên. Nàng đánh thức những tiềm ẩn, nàng tạo nên những cơn phấn hứng ngút trời. Nàng là mẹ đẻ của các giai thoại, truyền kỳ. Nàng sinh ra các nhiếp ảnh kỳ tài. Nàng là nữ thần, là người mẹ của thi ca.

Nàng như bậc vua chúa có quyền lực đổi thay cả tập tục sinh hoạt. Nàng biến đổi bộ mặt phố xá, con người, từ một gã quét chợ oặt oèo đến bậc quan chức đóng ở thang bậc nhất nhì hàng huyện.

Seo Ly, nàng không là Bao Tự, Tây Thi, Đát Kỷ, nhưng tựa tựa các mỹ nhân nọ, nàng đã kết thúc mấy triều đại quan chức huyện nhà. Seo Ly - cái nhân tố báo động, gây bất ổn định của xứ sở!

Chuyện của nàng, chuyện về nàng, yêu thay, nhưng cũng lo thay vì hệ quả của nó là nó đã vượt qua biên giới huyện nhà. Giám đốc Sở Công an tỉnh dẫn cả một đoàn nhân viên tin cẩn vào huyện, gặp hết người này đến người kia, cuối cùng, gặp Tống, hỏi:

- Hay là Seo Ly do địch cài vào để phá ta?

Tống cười phá:

- Không phải thế đâu! Nếu theo mẹ tôi kể thì từ hồi còn trẻ, nàng đã làm điên đảo cả các *binh đầu*, *seo phải*¹, lý trưởng và các trùm thổ phỉ cơ. Để tôi nhớ dần... rồi kể lại cho mọi người nghe nhé...

1. Các chức dịch xưa ở làng xóm.

*

Ngôn đã hết hạn lưu đầy, trở về bệnh viện huyện với một tập thơ gần trăm bài thơ tình. Quả là những bài thơ hay. Chàng kỹ sư chân quê biết không đo tài nổi liền giấu biệt bản thảo thơ của mình và lảng tránh câu chuyện có dính dáng đến sự sáng tạo nghệ thuật cần tài năng thiên bẩm và học hành chu đáo này.

- Khung thăm mỹ vốn rộng. Tôi thích nghe chuyện thật. Thật như hạt lúa, hạt đậu. Chúng cũng mang nhân tính. - Một bữa Quốc nói.

Ba người bạn lại ngồi bên nhau quanh chiếc bàn nhỏ và Tống bắt đầu nhớ lại chuyện mẹ đã kể về Seo Ly.

*

“Cái đẹp cũng như cái tài của con người, nó rất giống cái cây, bông hoa. Mẹ tôi bảo vậy.” Tống nói. “Phải có thời gian cây mới lớn, hoa mới nở. Đặc sắc ở chỗ cái đẹp, cái tài của người thực tài, thực đẹp là nó lâu bền, gần như cùng tồn tại với đời người.

Chín, mười tuổi Seo Ly là cái gậy đuối lợn vút bờ rào. Mười hai, mười ba tuổi, nàng là cái bóng thất thiếu, vẹo vọ vì cái *lũ* *cổ*¹ nặng địu sau lưng.

Nhưng mười lăm tuổi nàng như được trời ban phép lạ, biến đổi từng ngày. Chính là một hôm mẹ tôi bảo: “Lạ quá, tao ngửi thấy mùi con cây hương ở người nó.” Hương thơm hắt ra từ

1. Cái địu đan bằng tre, mây.

người con gái, đó là điều xưa nay vẫn được nói tới, nhưng chả ai tin. Sao lại không tin? Cây còn tỏa mùi. Hoa còn tỏa hương. Lẽ nào người, tinh túy của muôn loài, lại không vậy? Đám đàn ông nhận biết mùi hương ở nàng tất nhiên là thính nhạy hơn mẹ tôi. Trong đám đó, kẻ có cảm giác sắc bén nhất lại là những người giàu. Nghiệm ra, giờ cũng vậy thôi, có giàu sang, phú quý mới biết thưởng thức cái đẹp, cái kỳ thú ở đời. Chứ còn đã nghèo kiết, lo ăn lo mặc không xong thì còn biết đến cái gì nữa, ngoài cái dạ dày.

Nhận ra mùi hương đặc biệt ở người phụ nữ dậy thì ấy trước hết là *seo phải* họ Lý và lý trưởng Cư A Tỏa. Lý *seo phải* là một người đàn ông dài ngoẵng nhưng săn chắc như một sợi song đá. Lý trưởng Tỏa trái lại, giống một con bò mộng, hung hăng và tợn bạo. Khác nhau vậy nhưng họ giống nhau ở khoản dâm bôn vô độ. Ông nội Lý *seo phải* chín mươi tuổi còn mọc răng và phạm tội ổi tiết với đứa cháu gái chín tuổi. Còn lý trưởng Tỏa thì nghe đồn: Cái công cụ dùng trong tính giao của hắn thì to khỏe, cương cứng chẳng kém gì Lao Ái, tức cái tên vờ đóng vai quan hoạn để thỏa mãn thói dâm dăng của Triệu Cơ, mẹ đẻ Tần Thủy Hoàng.

Thâm thù giữa hai nhà này cũng chỉ quanh cái chuyện tranh cướp đàn bà. Họ đào mồ cuốc mả nhau cũng là do chuyện ấy. Và tất nhiên, bao giờ Seo Ly cũng là nguyên do của cuộc tranh chấp giữa họ. Thoạt tiên, Lý *seo phải* rình nàng tám tuổi, vô được cấp về. Nhưng ba ngày sau, Tỏa cùng một đám trai làng nửa đêm đột nhập trang ấp Lý *seo phải*, cướp lại được. Seo Ly là cái máng lợn bị tha đi đá lại trong những ngày đó. Có điều lạ là cả hai đều hết sức cay uất, khí giận tích đầy người, vì dẫu giữ được nàng trong tay vài ba hôm, nhưng họ vẫn chưa hề chiếm đoạt được nàng, chưa đụng tới thân thể nàng, chưa thấy được nàng, chưa được nàng chấp nhận. Chà!

Thối đời, chưa được nếm trải càn say. Nhưng muốn say phải có lực. Đoản hơi, yếu lực hơn nên cuối cùng Lý seo phải chịu thua. Và lý trưởng Tỏa đã hôn hỏ cấp con gà sống hiến đến nhà Seo Ly, dập đầu trước bố mẹ nàng. “Thôi thì gạo đã thành cơm. Bố mẹ thách bao nhiêu cũng xin chịu nhận.” Lạ thay, que thách vừa trao và gạo nấu đã thành cơm thì Tỏa lăn cổ ra chết. Chết ngay trong lúc hung hăng chiếm hữu thân xác thơm tho của nàng, chết như kẻ leo núi cao quá, đứt hơi đằng ngực mà chết.

“Tao sợ quá. Vì vậy rất mê nàng mà đành phải để mẹ bán nàng cho một bào trưởng bên Tàu.” Sau này, trùm phỉ Phếu, con trai Tỏa, tâm sự với bạn y vậy.

Người Tàu bên kia biên giới giỏi xem tướng mạo đàn bà lắm. Với họ, người đàn bà đẹp tất nhiên phải là sự chưng cất, chọn lọc nhưng vẫn phải sống động, tự nhiên. Họ hơi sợ mùi hương toát ra từ thân thể nàng, có cái gì đó trái với thông lệ, nhưng lại thấy ở đó cái phần gần gũi với bản nguyên động vật thời sơ thủy và nhất là nhận ra giá trị sử dụng, hưởng thụ khoái lạc ở nàng. Và thế là kiêu đón, lộng che, kèn sừng dê inh ỏi ngày nhà chồng đón rước nàng. Nàng đi rồi, buồn đấy, nhưng thôi, cũng là xong một kiếp người, và loại trừ đi một nguyên cố của hỗn loạn bao năm trời nơi thôn bản.

Ấy vậy mà mới qua một vụ lúa nương đã lại thấy Seo Ly cưỡi ngựa, với váy áo xúng xính, vòng cổ vòng tai xênh xang trở về làng. Tưởng nàng về quê thăm mẹ. Thì nàng bảo: “Ông bào trưởng cho tôi về. Ông ấy không ngủ được với tôi. Tôi là cái hoa đục, là cái hoa ăn thịt người.”

Nàng nói thản nhiên, như mắc chứng lãnh cảm, trong khi đám đàn ông vây quanh nàng tròn mắt sợ hãi và động lòng trắc ẩn.

Nàng trở về với đời người phụ nữ Mèo lằm lụi đã quen. Còn tối trời đã dậy xay ngô, đồ ngô, rồi bọc rúm rím, đặt vào *lù cổ*, đi đến nương trời mới sáng tờ mờ và từ đó chài chãi trong nắng gió, cho tới tận trăng lên. Kiếp người có sướng vui, sầu khổ, âu cũng là cái lẽ thường tình.

Đã tưởng vậy là xong, nào ngờ lại không phải vậy.

Hoa vẫn tỏa hương. Và nàng, cái tố chất kỳ lạ nhất của tự nhiên cũng tỏa hương. Qua tuổi hai mươi, nàng bước vào thời kỳ các xung lực kích ứng tràn đầy, nảy nở tốt tươi và nhuần thấm hơn cả thời thiếu nữ. Hương sắc nàng là thứ thiên phú. Chúng tách khỏi bối cảnh. Chúng như vật tự thân, chúng giống các bảo vật của vạn đại.

Nàng là trăng trên trời. Là chim quỳên trong các loài lông vũ. Là măng tre trong các loại rau ăn. Là quả vải trong các thứ trái cây. Là mùa xuân của thiên nhiên.

Nàng là đàn bà hơn tất cả đàn bà. Vì nàng gây thêm muốn được chiếm ngự, thỏa lạc của đàn ông. Cơn rừng động, đất rung khởi sự tự nàng. Đàn ông trong bản lần lượt thấy đều rơi vào vòng rậm rịt rừng mỡ, dù cơm chưa ấm cất, áo chưa đủ che da.

Thoạt đầu là anh chàng gù hàng xóm bên tả. Tiếp đến là ông thợ rèn hàng xóm bên hữu. Nhưng chẳng một kẻ nào hé răng được một lời nói thật, họ đặc biệt sĩ diện trong việc chinh phục đàn bà. Thế là đám thiêu thân, đàn ông cả bản, cả xã, cả tổng nối nhau lao vào ngọn lửa tình rừng rực. Điều lạ là đám mê xảy ra với họ chỉ có một lần. Họ chỉ là những thanh đóm cháy veo trong lò nấu luyện, trong Hỏa Diệm Sơn triệu độ.

Kẻ xứng đôi vừa lứa với sắc đẹp thánh thần và ham muốn phi phạm của nàng chỉ xuất hiện những năm tao loạn. Thật đúng với câu thành ngữ: “Gái thời bình, trai thời loạn”. Phéo, con trai của lý trưởng Cư A Tỏa đã khởi nghiệp và nổi danh

túc khắc vì tính đầu bò đầu bướu và phản trắc của y. Một đêm, y lôi kéo được cả nghìn trai Mèo, dấy binh chiếm huyện lỵ và hơn một chục xã vùng cao, mưu bá đồ vương, nghênh ngang một cõi biên thù biệt lập.

Chả có thằng đàn ông nào mà không mê gái đẹp. Chả có bậc vua chúa nào mà không dùng quyền lực chiếm đoạt gái non. Phếu cũng vậy. Vênh vang anh hùng cái thế, sau khi đã lăn lóc chán chê và dạn dày kinh nghiệm trong các cuộc tình thô bạo với gái đẹp tứ xứ, y bỗng nhớ đến người vợ ba của người cha y thuở nào, nàng Seo Ly, người đàn bà bí ẩn ám ảnh suốt một thời trai trẻ của y, kẻ đã gây ra cái chết của cha y - giờ đây y mới biết được nguyên nhân và tên gọi của cái chết ấy: thương mã phong.

Đêm đầu chung đụng với nàng, Phếu thủ sẵn một con dao nhọn. Cả đêm, đôi nam nữ như hai địch thủ đồng cân đồng sức vào cuộc giao đấu. Sáng hôm sau, tên lính hầu vào dọn phòng, cuộn lại và bê đi một cái đệm lau nhàu nát và đầm đìa máu tươi.

Phếu tuyên bố: Y đã khám phá ra bí mật và là người đầu tiên sở hữu được nàng thực sự. Nhưng khốn nạn thân y, năm ngày sau, y chết cái chết tựa tựa cha y.”

*

Bác sĩ Ngôn cắn môi, hai mắt đờ ra một giây. Không còn cái vẻ lãng du trên khuôn mặt điển trai vốn dĩ nọ. Hấn nghiêm nghị như đứng trước một ca mổ. Ngôn nói, lạnh lùng như một kẻ ngoài cuộc hoàn toàn:

- Ông trời chơi khăm. Tung ra đời một cái đẹp nhưng bí hiểm. Về phương diện y học, tôi công nhận chuyện Tống kể chính xác. Seo Ly bị một thứ bệnh thi thoảng đàn bà hay bị

mắc. Không biết, có khi lấy nhau đàn ông không thực hiện được nghĩa vụ làm chồng và đời sống vợ chồng sẽ chẳng bao giờ có sinh khí.

Quốc lâm thăm:

- Tự nhiên luôn kỳ quặc vậy: Có hoa ăn thịt người đấy, Tống ạ. Nhưng kỳ quặc hay không kỳ quặc chẳng qua cũng là những khái niệm do con người đặt ra. Cuộc sống nó là vậy. Thảm mỹ là một cái khung rộng, có nhân tính.

Ngôn lắc đầu:

- Tôi nghĩ Seo Ly vẫn là cái gì siêu thường. Nàng trội bật lên, ra khỏi khung cảnh. Nàng làm cái nhiệm vụ phi thường là chọn tuyển, thanh lọc, gột rửa, loại trừ. Nàng chỉ hợp với một cái gì cũng rất đặc thù như nàng thôi. Còn bây giờ, số phận nàng ra sao rồi? Tôi đi vắng lâu...

Nhìn hai con mắt lơ ngơ của Ngôn, Tống nhoẻn cười:

- Nàng lấy chồng rồi.

- Lấy ai?

- Lẽ ra nàng có thể lấy tôi, lấy anh, lấy Quốc. Hởi thật, các anh có mê nàng không?

Quốc và Ngôn cùng im lặng thú nhận.

Tống tiếp:

- Chuyện tưởng hết mà hóa ra chưa hết. Như câu dân ca Mèo vậy, hai bác ạ. Hà, sau khi ông giám đốc công an kéo cả đám thủ túc tin cậy vào điều tra, tổng kết thành tích bất hảo của nàng: hóa ra nàng đã đánh đổ ba bí thư huyện ủy, bốn trưởng phòng cấp huyện và mười chủ tịch, bí thư xã, họ liền quyết định điều một ông Thường vụ tỉnh già vào để “trị” nàng. Nhưng...

- Nàng lại thắng?

- Không thắng, nhưng cũng không thua. Kết quả là lại một đêm nhộn nhạo phố huyện. Lần này đi “diều phốt” một cách man rợ là cả ông bí thư già và nàng. Cả hai đều trần truồng. Khốn khổ cho nàng. Vì lần đầu tiên thiên hạ được nhìn thấy nàng khỏa thân và cùng kinh hoàng về sự tuyệt mỹ của mỗi đường nét trên thân thể nàng. Trước sự ngưỡng mộ của mọi người, nàng càng ngượng ngùng. Mắt nàng đắm lệ và ngơ ngác, như tự hỏi: “Tôi có tội tình gì?” Ái ngại cho nàng quá. Phô bày lộ liễu một tạo vật trác tuyệt là một sự thô phàm. Tôi có tiên giác ấy bên cạnh sự xót thương nàng. Nhưng tôi đã rất hèn. Và hai bác nữa, giá hai bác có mặt ở đó, hai bác cũng hèn như tôi thôi. Nghĩa là chúng ta cũng không bằng thằng quét chợ.

- Thằng quét chợ sao? - Ngôn nghển lên sừng sốt.

Tổng tái mặt:

- Thằng quét chợ hơn hẳn chúng ta. Từng trải thì sở đắc. Và nó vượt qua được bản năng, nó hơn chúng ta. Nó gạt hàng súng CKC tua tua quanh nàng, chạy vào và cởi phăng cái áo đại cán của nó, khoác lên vai nàng, che bớt tấm thân lồ lộ của nàng. Xưa nay, tất cả bọn đàn ông chúng ta chưa hề có một kẻ nào đó có được hành vi giúp đỡ nàng nhỏ bé nhưng thể hiện tính can đảm của nam nhi và quân tử như thế cả.

Tất cả mọi người cùng lặng phắc trong một nỗi sợ hãi tiên định. Mãi sau, Tổng mới thở một hơi dài:

- Thằng quét chợ thật xứng đáng là chồng nàng!

Quốc vò đầu, rồi nhìn bác sĩ Ngôn:

- Thật là một trò chơi quái ác của tự nhiên, ông Ngôn ạ. Đúng là ông trời chơi khăm tất cả lũ đàn ông chúng ta.

6/12/1991

NỢ ĐỜI

Chị xấp xỉ bốn mươi. Chắc chắn rằng hai mươi năm trước, chị đã là một thiếu nữ đẹp, đẹp lộng lẫy, cao sang. Vì bây giờ sắp sửa bước sang bên kia dốc cuộc đời, chị vẫn còn hết sức duyên dáng, mặn mà. Cái đẹp còn lưu dấu, không bao giờ nhàm cũ ở vóc hình, ở gương mặt chị. Đẩy ra vì nuôi con, vì chống trả với cuộc sống hằng ngày cơ cực nhưng thân mình chị vẫn khuôn trong những nét uốn lượn đầy nữ tính, đặc biệt ở bờ ngực, vùng eo, những đường cong mềm mại tinh tế và uyển chuyển còn xôn xao niềm lạc thú cho thị giác trần gian. Khuôn mặt chị hình chiếc lá đào, đặc sắc ở cái cằm hơi lẹm, cặp mắt lớn nhưng trầm lắng, mượt như nhung, ánh xạ một tâm hồn sâu sắc, với những ý nghĩ đẹp để bất ngờ và một niềm trầm ẩn khôn nguôi.

Đã qua đi thời con gái, những hào quang tỏa rạng đã phai mờ, và làn da thiếu nữ tuyết nhụy ướp hương đã sẵn se, còn lại bây giờ ở chị là những hình nét ổn định, bền vững, thuần thực, đã qua chọn lọc, trau chuốt kỹ càng. Trầm tĩnh, đó là bản chất muôn thuở của cái đẹp. Chị rất giống khung cảnh lúc tàn thu, dịu hiền, buồn hiu hiu và se lòng.

Không thể không se thắt niềm thương mến khi nhận ra bọc ngoài chị là một chiếc áo bông nam dài quá khổ, xám loang lổ, có hàng cúc lớn. Và mái tóc uốn điện đã duỗi thẳng rậm dày đen nhánh của chị được buộc túm sau gáy bằng một sợi chun

thô. Đã ra đi những mộng ước huy hoàng, đã không còn vẻ kiêu sa và hàm răng ngọc đã thôi bật lên những ánh cười rạng rỡ của một thời trẻ trung, tin tưởng. Cọng cỏ gầy như cọng cỏ vốn là đặc điểm của mỹ nhân giờ đây nâng một khuôn mặt xanh xao, rứt rứt, mấp mé một nhẩn nhin, một khăn nài.

Mặc chiếc áo bông xám như bầu trời đầy mây mưa cuối thu ủ dột nọ, chị đến cơ quan lớn này ở thành phố. Cơ quan lớn, tiền sảnh mênh mang, vòm trần cao nhân mọi tiếng động lên bội số. Cạnh những cây cột lớn như trụ trời áp đá hoa cương là kỳ hoa dị thảo trong những chậu sứ kích thước lớn chưa từng thấy. Tất cả đều xa lạ với chị, thậm chí lạnh lùng và hơi có vẻ dọa nạt. Kể cả lão già nhân viên thường trực oai vệ trong bộ đại lễ xanh màu đá, viền vàng, nẹp đỏ ở dọc quần, ở cổ tay, ở diềm cổ, rồi tinh rồi xoe.

Theo cái hất hàm của lão, chị khép nép ngồi xuống góc chiếc *đi văng* bọc da ở phòng khách. Ngồi xuống, thay cho việc lôi ra đôi kim đan và cuộn len, nghề phụ đan len của các thiếu phụ nghèo giờ đây đã chết hẳn vì hàng dệt len phong phú mẫu mã trong và ngoài nước, chị rút ra một tờ báo. Tờ báo được mở, rộng như một sân bóng, là một tờ báo đã quá cũ. Nó đã phát hành từ lâu lắm rồi, nhiều trang nhàu nát lại có cả nếp gò đồ đạc và nhiều chỗ bột mủn, mất từng dòng chữ. Nhưng thoáng qua cũng biết chị chẳng để tâm vào mặt báo. Tờ báo chỉ là một vật dụng giúp chị đỡ phải đối mặt với cái tro trông như một đối tượng luôn sẫm soi chị, ở ngay trước mặt chị. Thật sự, chị chẳng để mắt vào một đề mục nào, một hàng chữ nào; kể cả chỗ gọi là *Góc vui cười* và *Hướng dẫn tìm việc làm*. Chị hồ hững với tất cả, nhưng thoát cái chị đã đặt tờ báo xuống, ghé lên, hai con mắt long lanh ướm mở rộng, nhìn chăm chăm về phía cầu thang. Trong lặng lẽ, chị vẫn ngóng chờ, đón bắt.

Ngược hẳn với chị là lão Lực, nhân viên thường trực hợp đồng. Lão Lực vừa tròn bảy mươi tuổi. Đầu hói trụi, mừng mừng như cái nhọt bọc, mũi khoằm khoằm, hai con mắt nhỏ

tinh quái nháy nhó liên tục sau làn kính viễn số bảy trề mũi, chấm chú vào từng cột báo trên hai trang báo khổ lớn mở rộng. Trên bàn còn một đồng nhật báo, tuần báo nữa. Báo của thủ trưởng Quyền. Nhưng báo nào thì cũng phải qua tay lão trước đã. Hơn tất cả những kẻ đương chức, quý thời gian lão còn nhiều. Lão còn có gì nữa mà phải vội vàng, gấp gáp, ngoài sự hưởng thụ! Vô lo vô lự, không còn phải có trách nhiệm với ai, mọi món nợ đã trang trải cả, lão đã về hưu, đã được bảo hiểm bằng cái giá lão đã trả cả đời người rồi. Thú vị thay khi lão được đóng vai khách lạ, tha hồ tò mò ngắm nghía cuộc sống này và chơi trò giải trí với nó. Báo chí thời buổi kinh tế thị trường đua nhau giành chiếm thị phần, móc túi khách mua, bằng các kiểu khêu gợi trí tò mò của độc giả. Ăn khách nhất vẫn là những thông tin bí mật, những câu chuyện thâm kín riêng tư, những góc ngách tăm tối ít người biết tới ở cuộc đời. Nhân loại hóa ra xưa rày cũng giống lão, vẫn chỉ là một thằng bé thóc mách thích nhòm ngó vào những chốn tù mù, nơi phòng the kín đáo, các quan hệ đàn ông đàn bà trái khoáy.

Lão Lực thuộc loại đàn ông hiểu dục. Xuất thân thợ cơ khí, năm 45 cầm mã tấu giành chính quyền ở huyện. Kháng chiến, lặn lội cả tháng trời khiêng vác máy móc từ Hà Nội lên chiến khu lập công binh xưởng. Cái khởi đầu thường là cái vĩ đại. Nhưng những cái vĩ đại nhiều khi lại sụp đổ vì những cái nhỏ nhoi, bình thường. Lão Lực lụn bại vì chuyện đàn bà. “Con kiến mà leo cành đào. Leo phải cành cụt leo vào leo ra.” Lão tự xây đài vinh quang, rồi lại tự hủy hoại. Đã lên tới chức giám đốc một xí nghiệp lớn, dừng cái lại trở về nguyên lối thợ nhỏ dít. Lại gắng sức phấn đấu, trở thành chủ nhiệm một công ty nhỏ, để chưa đầy năm sau mèo lại hoàn mèo, vẫn chỉ là anh thợ tốt bậc tay nghề cao. Những năm cuối đời lên được chức trưởng phòng hành chính, lão lại tấn mẫn nghịch ngợm một em gái, để ra tòa được nhận tội ổi tiết gái vị thành niên, chịu ba năm tù ngồi. Lão Lực bảy mươi còn tặc lèm đàn bà,

nhấp nháy liên tục với mấy bà góa hàng xóm và ám ảnh không nguôi chuyện chăn gối ái tình.

*

“Chà! Nạ dòng trang điểm gái tơ mất chồng!” Cuối cùng thì lão gác cổng hợp đồng bỏ tờ báo sang một bên, kêu thầm trong óc. Là bởi vì tuy vô lo vô lự, vô sư vô sách nhưng tà dục còn ám ảnh nặng, nên lão tuy có chăm chú đọc bài báo lục lợi chuyện tư tình của tay tổng giám đốc nào đó mà vẫn bị người phụ nữ nọ thu hút ngầm.

Người phụ nữ nọ thu hút lão Lục vì chị quá đẹp ở lứa tuổi này. Vì vẻ đẹp đàn bà của chị trong sâu muộn phảng phất vẻ não nùng tạo nên nét quyến rũ vô cùng với kẻ sành sỏi chuyện giảng hoa. Vì đây là lần thứ ba chị đến đây, ngồi ở góc chiếc *di văng* nọ. Hai lần trước, ngồi một lúc chị đứng dậy, xin phép ra về. Chị muốn gặp thủ trưởng Quyền mà ông lại bận họp và thông báo là không tiếp bất cứ ai cả!

Quả thật là ông Quyền quá bận rộn thật. Ông nói: “Tôi có ba mươi tư đầu mối công việc. Mà toàn những công việc cần phải có tiếng nói cuối cùng.” Đúng vậy. Chẳng hạn, đề bạt ông Q. lên chức cục trưởng. Chẳng hạn, ký quyết định cho một đoàn ca sĩ biểu diễn ở Nhật Bản. Chẳng hạn, cho phép một đoàn xiếc được công diễn ở một tỉnh. Công việc nhiều đến mức ngày Chủ nhật, giờ nghỉ ở nhà cũng không được yên. Đang ăn cơm cũng có điện gọi tới. Nửa đêm, sức nhớ bật dậy lại gọi điện đi. Anh em nói đùa: “Làm thủ trưởng như thế sướng gì!” Ông Quyền, con người hết sức liêm chính, thật sự là công bộc của nhân dân nói: “Sướng khổ không tính. Chỉ lo bỏ sót, không để mất được hết mọi việc!”

Cuối cùng thì rất muốn bộc lộ sự quan tâm, lão Lục đứng dậy, phóng hai con mắt tinh quái qua cái cửa sổ mở ở phòng thường trực, nhìn người phụ nữ nọ, đánh tiếng:

- Cô gì ơi. Có phải lúc nãy tôi bảo với cô là ông Quyền ông ấy bận không?

- Dạ. - Người phụ nữ đáp khe khẽ, đứng lên, tay vo vo cái túi vải.

Cử chỉ lúng túng và thái độ ngượng ngập của chị không qua được mắt lão Lục. Chị hoàn toàn không phải hạng người quen giao tiếp, bắt thiệp, hoặc bẻo léo khéo léo mồm miệng, gặp là bắt chuyện làm quen và nhờ cậy. Càng không phải mạnh vì gạo bạo vì tiền, cậy thân cậy thế, tay đao giáo ngựa, không biết nể nang ai, bất chấp quy tắc, tới nơi là xông xộc đi vào, sẵn sàng qua mặt cả lão, nếu có bị giữ lại thì ngúng nguẩy: “Cháu có việc gấp mà”, rồi dúm cho lão mấy điều thuốc lá ngoại và chạy ào vào. Chị cũng không phải là người ỷ vào sắc đẹp hoặc chỗ quen thân. Chị e ngại, hơi sợ sệt là khác. Hiển nhiên chị đến đây là để nhờ vả, khẩn cầu hoặc khá hơn là để đưa một lá đơn khiếu kiện, một bức thư trần tình kêu xin.

Ra khỏi phòng trực, lão Lục bước đến trước mặt người phụ nữ nọ, nhún hai vệt mày bạc cùn, hạ giọng thân mật:

- Cô cần gấp ông Quyền lắm, hả?

- Dạ!

- Việc gấp à?

- Dạ, việc gấp!

- Riêng hay chung?

- Dạ, vừa là việc riêng vừa là việc chung ạ.

- Việc gấp sao cô không đến nhà ông ấy? Cô có biết nhà ông ấy không?

- Dạ, có! Nhưng em đã đến ba lần mà không gặp ông ở nhà. Người nhà bảo: Cứ đến chờ ở cơ quan, tiện hơn. Ông Quyền

là người dễ nói chuyện, ông không khước từ ai bao giờ. Nhiều người nói vậy.

Nâng cánh tay, lão Lực xem đồng hồ. Rồi thông tay, lão nhìn chăm chăm vào mặt người phụ nữ như dò xét và như buột miệng thán thào:

- Cô quen thân với ông Quyền lắm cơ mà!

Giật lui lại một bước như giật mình, người phụ nữ lắc lắc đầu:

- Dạ, thậm chí em còn chưa biết mặt ông ấy ạ.

- Chưa biết mặt?

- Dạ!

Lão Lực tung một cánh tay lên trời:

- Hèn nào, khi cô vừa bước vào tiền sảnh thì ông ấy xách cái cặp đi ra mà cô không biết. Hôm nay ông ấy họp ở bên Đoàn Ca kịch dân tộc.

Nuốt khan một hơi, mắt người phụ nữ mừng mừng:

- Dạ, thế trưa ông ấy có về đây không ạ?

Lão Lực lắc đầu.

- Cái đó thì tôi làm sao biết được. - Và nhận ra vẻ thất vọng hiện lên ở nét vạm vỡ sâu ở khóe môi hậu tình của người phụ nữ đẹp này, lão liền động lòng, dịu giọng. - Nhưng mà cô dứt khoát phải gặp trực tiếp ông ấy à?

- Dạ!

- Trường hợp không thể gặp được mà việc gấp cần nhấn gửi thì tôi có thể giúp được không?

Ngẩng lên, một thoáng tần ngần hiện ra rồi mất biến, đôi mắt đen thẳm của người phụ nữ sáng bừng dậy. Chị thọc tay vào cái túi áo, rút ra một chiếc phong bì, đưa tay vuốt cho thật phẳng và giọng nói cộn trong hơi thở gấp:

- Dạ, nếu vậy thì em xin nhờ bác. Thưa bác, cũng là vì cây dây cuốn nên em mới phải tới đây. Cũng là chuyện cực chẳng

đã. Nhưng mà cái thế của em buộc em phải vậy. Dạ, nhà em là Quang Nhã. Dạ, bác có nghe tên anh ấy không ạ? Anh ấy là kịch tác gia. Anh ấy đã viết hơn hai chục vở. Hiện giờ vở *Hoa tàn* của anh ấy đang diễn thử nghiệm. Em muốn mời ông Quyền đến xem. Dạ, chúng em muốn xin ý kiến của ông Quyền. Dạ, ở Nhà hát Thử nghiệm người ta chê không đúng, lại đặt điều cho nhà em. Họ định cấm không cho diễn vở đó. Khổ thân nhà em, hai mươi vở viết rồi mà chưa một vở nào được công diễn. Bạn nhà em bảo: Chỉ còn một cách là cầu cứu ông Quyền, ông Quyền là người có quyền quyết định, lại sáng suốt công bằng. Chỉ ông mới cứu được nhà em. Không nhà em buồn khổ chết mất. Mà nhà em, bác ơi, anh ấy có tài, anh ấy không như họ vu vạ nói xấu đâu.

Dúi vội chiếc phong bì vào tay lão gác cửa, đưa tay quệt đuôi mắt, không kìm giữ được nữa, người phụ nữ nấc một hồi dài, rồi nghẹn ngào:

- Đây là hai chiếc vé mời vợ chồng ông Quyền đi xem vở *Hoa tàn* của nhà em. Em nhờ bác đưa tận tay ông ấy và nói hộ em rằng, bằng bất cứ giá nào ông ấy cũng đi xem. Tội tạ, vạ lây, em hết lòng biết ơn và cậy nhờ bác. Em nghèo nhưng cần gì bác bảo em, em xin đáp ứng đủ để cứu nhà em, bác à.

*

Thế là tôi và vợ tôi có hai vé ngồi ở hàng ghế VIP buổi trình diễn thực nghiệm vở *Hoa tàn*. Lúc này, khi đời sống đã trở nên bận rộn vì con người bị chia sẻ ra cả trăm nhu cầu, thời giờ đã hóa thành hiếm hoi thì việc bỏ ra mấy tiếng đồng hồ để đi xem một vở kịch thật sự chỉ là muốn thay đổi không khí và phần nào nữa, để thỏa trí tò mò. Nào ngờ, suốt ba tiếng đồng hồ, tâm trí tôi đã hoàn toàn bị thu hút vào những gì đang diễn ra trên sân diễn trước mặt. Kịch nghệ nước ta nếu như đang gặp

hồi bế tắc thì hiển nhiên đã bắt đầu thăng hoa và bước khỏi đầu của nó là từ giây phút này, với vở kịch này. *Hoa tàn* là câu chuyện tình ở một vùng biển trong chiến tranh chống Mỹ. Ở đó có khung cảnh trời biển, có cuồng phong bão tố, những cuộc oanh tạc và tiếng nổ của pháo bầy. Ở đó có hy sinh, mất mát đốn đau thê thảm. Ở đó, con người đã vượt qua hoàn cảnh, hệ lụy và vượt qua chính mình, bước qua số phận đắng cay để đạt tới hạnh phúc. Tôi nhớ đến vở kịch *Hòn đảo thần Vệ Nữ*¹ đẹp lồng lộng từ hình tượng tới lời thoại đầy tính kịch khi xem vở kịch này. Tôi như được thấy lại tính chất hiện đại mới mẻ và cổ điển sâu lắng trong các văn phẩm của Hemingway và García Márquez khi xem vở kịch này. Tôi đã được thưởng thức một tài năng lớn về biên kịch và những năng khiếu bẩm sinh của một dàn diễn viên trẻ.

Cuối cùng, hết như diễn viên, đấu thủ nhập cuộc hết mình, tan buổi diễn, tôi và bà vợ hiền hậu đứng dậy, bước ra khỏi nhà hát trong cảm giác chiêm bao, lạc lối.

Chính vào đúng lúc ấy, một phụ nữ trạc bốn mươi, gương mặt xinh đẹp và đoan trang khuôn trong chiếc khăn len cũ, xù xụ một chiếc áo bông xám, như đã chờ sẵn ở cổng nhà hát, bước tới như đón chào tôi với nét mặt không thể che giấu khỏi nỗi bồi hồi, khấp khởi:

- Em chào anh chị ạ!

- Chào cô!

Khác hẳn với thoáng bối rối vì bị bất ngờ hiện lên ở lời chào lại của chúng tôi, người phụ nữ xinh xắn giữ nguyên vẻ vui mừng, tuy có hơi rụt rè ở khóe mắt ngóng đợi.

- Dạ, anh chị đã xem vở *Hoa tàn*. Em cảm ơn anh chị ạ!

- Vâng, chúng tôi vừa xem xong vở kịch này.

1. Vở kịch nổi tiếng của tác giả Pacnix (Hy Lạp).

- Dạ, thế thì em mừng quá. - Đưa tay đẩy vành khăn cho thoáng mát, người phụ nữ tiến sát lại chúng tôi, ngược hai con mắt dưới diềm mi rợp, đầm thắm, giọng bỗng trở nên náo nức khác thường. - Vậy anh chị có thể cho em ý kiến chứ ạ? Dạ, câu chuyện tình ấy hoàn toàn là có thể xảy ra chứ ạ? Dạ, các nhân vật có uẩn khúc, có mâu thuẫn nội tâm, nhưng đều hướng tới lẽ phải. vở kịch khẳng định sức sống không thể bị hủy hoại của tình yêu. Nó đâu có bi lụy như người ta nói. Nó không hề có ý định bôi nhọ xã hội và hạ thấp giá trị con người. Có phải không ạ? Thế mà người ta hòa nhau lại chê bai, đả kích, thậm chí ra quyết định không cho công diễn. Thành ra may mắn quá cho chúng em, hôm nay anh chị bớt chút thì giờ đến xem.

Trời! Điều gì đã xảy ra vậy? Người phụ nữ xinh đẹp nói cái gì thế? Chị mong đợi gì ở chúng tôi nhỉ?

Buông tay tôi, vợ tôi dẫn lên một bước, lắc lắc đầu. Còn tôi thì đứng lại, mặt ngây dờ. Đã xảy ra một nhầm lẫn tệ hại. Đã rơi vào trạng thái sứt hẫng bất ngờ thật rồi. Chiếc khăn len che đầu tụt hẳn xuống vai, hai con mắt mừng rỡ, người phụ nữ nọ nhìn tôi và đã nhận ra cái trở trêu của tình thế, giọng chị bỗng như vỡ òa:

- Dạ, thế anh chị... Anh không phải là thủ trưởng Quyền ạ?

Tất cả vậy là đã rõ ràng. Tôi không phải là ông Quyền, tổng giám đốc công ty biểu diễn, người có thẩm quyền quyết định số phận của vở kịch, người mà người phụ nữ cất công nhọc nhằn năm lần bảy lượt đến tìm để đưa vé mời xem. Để được nghe tiếng nói phán xử cuối cùng của ông. Vì tin ông là con người vừa am hiểu nghệ thuật vừa chính trực công bằng. Để vở kịch của một tài năng thật sự thoát khỏi búa rìu dư luận của thói đồ kỵ hiên tài, để một tài năng thoát khỏi vòng vây hãm dập vùi của những kẻ vừa kém cỏi vừa hèn mạt, nhưng to mồm vì có số đông áp đảo và lắm mưu mẹo gian manh. Tài

năng thật hiếm, thật yếu ớt, đang gặp biết bao khó khăn. Cuộc sống vốn chẳng dễ dàng gì!

Còn sứt hẫng đã đưa người phụ nữ vào trạng thái hoang mang cực độ. Mặt chị bệch bạc như mất máu. Nỗi bơ vơ khốn khổ hiện lên ở hai con mắt trống trơ. Lát sau, như thốt nhiên, chị cúi xuống, nắm lấy tay tôi, miệng méu xệch đau đớn và ê chề:

- Ôi, anh chị ơi, thế thì em xin lỗi anh chị. Nhưng anh ơi, em biết làm thế nào bây giờ? Nhà em, anh ấy nằm liệt cả tuần lễ nay rồi. Vở kịch làm anh ấy kiệt sức. Làm sao mà anh ấy không kiệt sức, hả anh? Hai chục vở rồi, vở nào cũng chỉ diễn thử rồi thôi luôn. Vở thì người ta nói là ám chỉ ông A, bà B. Vở thì bảo lấy của nước ngoài. Vở thì kêu không hiện thực. Vở thì chê là khó hiểu. Đến vở này thì quy tội là bôi đen xã hội, chỉ cho diễn thử vài đêm thôi. Anh ơi, anh có cách nào giúp em không? Mà anh ấy không như họ đặt điều đâu. Không có chuyện ruồng rẫy vợ ở nhà quê để lên thành phố lấy vợ mới đâu. Chỉ có em là người vợ duy nhất của anh ấy với hai đứa con thôi. Anh ấy không rượu chè, bài bạc, không buôn bán, không chơi bời đàn đúm. Chúng em nghèo lắm. Anh ấy đi bộ đội, bị thương, làm giáo viên được ít lâu, nay nghỉ dạy, ăn lương hưu trí. Còn em, ở quê lên, buôn bán vật vãnh cơm nước giúp anh ấy. Anh ấy say mê với công việc lắm. Anh ấy viết ngày viết đêm. Vở *Hoa tàn* viết về tình yêu của chúng em. Anh ấy bảo: Anh ấy sẽ chết nếu vở kịch này còn tiếp tục bị dập vùi.

Bỗng dưng tôi như đứng giữa cơn dông gió. Tôi, một gã kế toán quen, một anh chàng vô danh tiểu tốt. Chiều qua, đi qua phòng thường trực chợt bị lão Lực gọi giật lại và như là được chiếu cố, lão dúm vào túi tôi hai tấm vé với tiếng cười hờ hờ, đùa bỡn: “Ông Quyên đi Paris rồi. Ông dẫn bà xã đi giải khuây nhé!”

Chưa bao giờ tôi ở trong nỗi sợ hãi khủng khiếp đến như thế. Trong tình yêu, phụ nữ quyết liệt hơn nam giới. Vẫn biết

vậy nhưng quả là chưa bao giờ tôi được chứng kiến một tâm tình thiếu phụ thống thiết niềm hỉ xả như thế với sự nghiệp, với người đàn ông mà chị đã gắn bó. Con thỏ thức kéo dài đã tới sát bờ của một cơn đau vật vã, lát sau đã bùng dậy thành một cơn phấn khích vô cùng quyết liệt. Chị nhìn tôi, hai con mắt đang đầm đìa bỗng nóng ran, ráo hoảnh:

- Anh ơi, anh có cách gì giúp em không? Em sẽ làm tất cả cho anh ấy, cho sự nghiệp của anh ấy. Tâm hồn anh ấy đẹp đẽ. Tính cách anh ấy cao thượng. Anh ấy không chịu luồn cúi xin xỏ kẻ có chức quyền. Anh ấy cao ngạo trước bọn tiểu nhân, lũ bất tài vô đức, đầu trâu mặt ngựa. Anh ấy khinh miệt bọn lừa thầy phản bạn, bọn vì danh lợi mà cam tâm tâng nịnh kẻ cầm quyền, trở giáo đâm lưng đồng nghiệp. Anh ấy cứng cỏi. Anh ấy có tài và anh ấy tự tin ở mình. Nhưng anh ơi, em biết rằng anh ấy sẽ chết, nếu vở kịch này lại một lần nữa bị chìm dập. Thuốc ngủ đã có sẵn cả chục vỉ trong túi. Nhưng ngay như có ý định dùng cái chết để tố cáo cũng không được! Không được để anh ấy chết. Không thể để tài năng bị giết chết. Hãy cứu anh ấy! Có cách gì nữa, anh bảo em đi! Em sẽ làm tất cả cho anh ấy. Thậm chí cả tấm thân em, em cũng không tiếc, anh ơi!

*

Năm tháng qua đi. Giữa bọn bề và liên tục trôi dạt, nhiều chuyện cũ đã chìm lấp, tan biến vào hư vô. Nhưng cảm xúc thăng hoa rạo rực khi xem vở *Hoa tàn* và niềm kính trọng lẫn thương cảm trước người phụ nữ xinh đẹp trong trạng thái tuần nạn bạo liệt đã trở nên phi thường, lớn lao nọ thì mãi mãi vẫn còn in dấu trong tâm khảm tôi. Cùng với cảm xúc nọ là cảm giác nọ nần. Tôi đã xem vở *Hoa tàn* mà không mất tiền mua vé, cũng chẳng phải làm một việc gì sau đó. Và như vậy, theo tính toán của nghề nghiệp thì tôi mắc nợ. Tôi nợ một món

nợ đời dai dẳng, món nợ đeo bám tôi suốt mấy năm trời tôi được biệt phái đi công tác ở nước ngoài.

Thành ra khi trở về nước làm việc, một hôm nhận được cặp giấy mời đi xem một vở kịch mới, giở ra xem, thấy tên tác giả của vở kịch là Quang Nhã, chồng người phụ nữ nợ, tôi không khỏi vừa háo hức vừa bàng hoàng.

Lão Lực đã nghỉ việc. Tuổi bảy lăm, thân xác đã xập xệ. Nhưng trí nhớ lão thì vẫn còn tươi rói hình ảnh người phụ nữ xinh đẹp năm nào. Lão bảo tôi, chính cô ấy, vợ tác giả Quang Nhã đã đem vé đến mời khắp cơ quan. Quang Nhã đã không chết. Quang Nhã hiện giờ đã là một kịch tác gia lớn của thành phố rồi.

- Tất cả là nhờ cô ả hết! - Như trả lời thắc mắc của tôi, hai con mắt tinh quái của lão Lực nháy nhó nói vậy.

Lão nói, lão đã dẫn người phụ nữ nợ đến với ông Quyền. Dựng tấm thân gầy gù xương xẩu lên trước mặt tôi, lão vừa cất giọng vừa ra điệu bộ diễn tả:

- Thoạt đầu cô em giở bài nước mắt. Khóc lóc, van vỉ, cầu xin. Tất nhiên, ông biết rồi đấy, thủ trưởng Quyền vẫn lạnh như tiền: “Tất nhiên tôi phải nghe ý kiến cơ sở chứ. Họ đâu có hoàn toàn là người xấu!” Cô em biết là gặp phải anh lì. Lì thật, đến giờ cái chết của đức ông chồng ra mà thủ trưởng cũng bỏ đi thì chỉ còn cách là sử dụng miếng võ sở trường cuối cùng của đàn bà ra thôi, ông ạ. Nghĩa là cô em bắt đầu... cởi...

Tôi quay đi, có cảm tưởng đã nhắm mắt lại do một năng lượng bên ngoài vừa tác động tới. Trong bóng tối mịt mờ siêu hình, tôi nhận thấy người phụ nữ nợ đang lặng lẽ đưa đôi tay nhỏ nhắn lên ngực. Thoạt tiên là cái khăn quàng buông xuống đất như một chiếc lá rơi. Tiếp đó là chiếc áo bông nam giới quá khổ xám nhờ. Chị tự bóc vỏ mình. Chị tự bày tỏ mình. Bày tỏ mình là cả một công cuộc khó khăn và ngưng ngừng. Có lẽ vậy mà mỗi động tác của chị đều chậm chạp và thoáng chút

do dự trước khi dứt khoát. Nhưng chị đã dứt khoát và với cái áo len cũ sờn rách màu kiến vống trút khỏi đầu, chị hiện ra với nửa thân trên, vừa thẩn lẩn vừa bập bênh hư ảo. Chị đẹp ở mỗi chi tiết, ở mỗi đường nét uốn lượn và phập phồng. Hai bầu ngực chị nở bồng, tròn trịa, như buột ra cái vỏ nịt vú trắng hồng và nét xoải mềm mại từ sườn chị dẫu còn thấp thoáng sau làn vải mỏng của chiếc quần trong, đã lộ lộ hình nét của đôi chân nuột nà và đầy đặn. Tình yêu, cơn đam mê và tính vô hạn của nó đã khiến cho con người có thể vượt qua mọi khó nhọc và xấu hổ. Chị đã yêu và chị đã tự bộc lộ mình. Chị đã lần lần thoát y. Chị đã hiện dần thành chị, một tấm thân thiếu phụ vừa trần trụi vừa ngọc ngà, lỏng lẻo tinh thần hỉ xả và hiến dâng.

- Nói thật, đến xác chết cũng phải bật dậy. Chịu thế chó nào được!

Ngẩng lên, động một tiếng thật to, lão Lục há hốc mồm vì ghen. Lão nói chính lão đã được làm tình với người thiếu phụ nọ. Đó là cái giá cô ta phải trả để lão dẫn cô đến với ông Quyền, để nhờ cậy ông cứu tử người chồng. Không kìm được thói đa dâm, lão diễn tả tỉ mỉ cơn khoái lạc đã được hưởng ở tấm thân đàn bà đẹp mê hồn nọ và khen: Cô ta quả là một tấm tình đắm đuối quyết liệt. Lão kể, cô ta yêu anh này từ lúc hai người còn là học trò trường huyện. Khi anh ta vào bộ đội đi B thì cô ta vào thanh niên xung phong đi theo. Anh ta bị thương về dạy học, cô xin vào làm tạp vụ cùng trường. Anh ta lên thành phố và bắt đầu viết kịch, cô ta lại khăn gói theo lên. Hai vợ chồng thoát đầu dựng lều ở bãi rác thành phố, cơm không có mà ăn, giường không có mà nằm. Cô ta phải đi bới rác để kiếm sống. Chính cô ta cất rốn cho con mình. Chính cô ta nhịn cho anh chồng ăn để có sức làm việc. Cô an ủi anh, khích lệ anh mỗi khi anh thối chí. Cô nói: “Anh là một tài năng, anh phải biết tự trọng.”

- Này ông, ông có tin không thì tùy nhưng quả là “nạ dòng trang điểm gái tơ mất chồng” thật. Còn chúng ta, thấp cơ thua trí đàn bà tất! Hà hà... - Lão Lực nhìn tôi, hạ giọng mệt mỏi.

Tôi vẫn ngồi trong bóng tối của những suy luận mù mờ. Không thể tin được mọi lời kể của lão Lực. Người phụ nữ đẹp thường gây ra những ảo giác cho những kẻ si tình. Vả chăng, chẳng lẽ câu chuyện lại hóa ra đơn giản vậy! Ông Quyền lại vốn không phải là kẻ giảng hoa! Một xã hội trong đó số phận của tài năng lại tùy thuộc vào lòng tốt của một cá nhân là một xã hội kém phát triển, đó chẳng lẽ lại là xã hội của chúng ta!

Bác bẻ lão Lực nhưng tôi lại thâm cảm ơn lão. Trong màn đêm suy tưởng, tôi đã nhận ra vẻ đẹp lớn lao toàn vẹn và quyết liệt của tình yêu, của người phụ nữ nọ, với cảm giác mình luôn luôn là kẻ mang nợ nần với cuộc đời này.

1/10/1997

MỘT CHIỀU DÔNG GIÓ

Tiếng sét nổ thình lình thoát đầu nghe xa lắc, như ở đâu đó phía bên kia xứ sở. Tuy vậy sau đó, nhìn thấy đường nét ngoằn ngoèo như rễ cỏ của tia lửa điện hiện hình trên nền mây đen thăm nơi chân trời, mọi người liền nhận ra, cuộc biến động thời tiết đã gần kề và sứ giả đầu tiên của nó là gió.

Gió từng cơn lớn lao hoang dại thốc đến ngay cùng tiếng trống chiêng sấm sét liên hoàn rung trời đất. Cơn kinh giạt đất trời khởi sự có hình vẽ một chấn động tâm thần. Theo cùng luồng gió hú những âm thanh dài từ xa tới là những hạt mưa lớn, nặng, xiên chéo như mũi tên bắn, nổ gọn như tiếng vỡ của kim loại, tòe toẹt hình ngôi sao nhiều cánh trên đá sỏi. Đã tan biến tất cả cái thực tại phồn tạp nóng nôi, chỉ còn lại một thế giới tràn đầy hình tượng được trực giác cảm nhận đơn thuần và mát rượi.

Tua đã bật dậy ngay khi một hơi gió dầm hơi nước, trong suốt, vi vút vượt qua. Y như Tua là tù nhân vừa nhận được một năng lượng để giải thoát mình ra khỏi cảnh tù đầy chật hẹp. Y như một khối lượng tinh thần to lớn vô biên của Tua vừa được ra khỏi cái vỏ chật chội, hữu hạn của cơ thể, để không còn bận tâm đến cái lợi lộc vụn vặt hằng ngày, để trước hết nhận ra cơn đông gió chiều nay đã hóa thân thành một cảnh tượng hoành tráng vô cùng.

Tua nhìn về phía xuất hành của cơn dông chiều. Tóc Tua bết lại, cháy khét vì nắng nôi cả năm trời, giờ được gió chải lật, tơi ra từng sợi và dựng ngược như lúa thời kết bông. Gió ràn rạt thổi sạt qua sườn Tua, thổi qua thân thể Tua lúc này đã hóa thành trống rỗng, kéo đi từng vệt dài trên vùng đất sỏi đá cằn cỗi lúa thừa đây đó đôi nét chấm phá cố tình và lạc lõng những bụi mua còi, khóm cây keo tai trâu và những vạt thông non xơ xác, thoi thóp tự khẳng định.

Sau cái sơ ngộ là một giây ngưng thần hòa tan bản thể với ngoại vật, ngoại cảnh dữ dội có tầm vóc vô định, một cơn điên rồ can đảm đã hình thành và Tua phút chốc đã trở thành một hình nhân ở trạng thái xuất thần. Vẫn bộ quần áo xanh bạc phếch của thợ làm đường sắt dầm mưa dãi nắng, Tua dậm bộ ra sân, rồi cứ thế băng ra con đường đơn độc hai thanh sắt nhỏ nhoi hoãn hoãn chạy về hai phía xuôi ngược. Tua chạy đi đón cơn dông. Trên đầu Tua, những đám mây vằn đen như khói của đám cháy rừng bay tới tấp giữa tiếng sấm lục ục sâu trầm tức ngực và tiếng sét nổ oành oành, vỡ óc ỉnh tai.

Đây là cảnh chiến trận xung thiên. Đây là cuộc đấu quyết tử. Đây là cơn rung chuyển để sinh thành ra một cái gì đó khác thường, để biến cải cả Tua, Tua đã không còn là Tua thường khi. Tua thường khi là cung trưởng Cung đường 580. Cao một mét bảy mươi lăm, hai mươi tám tuổi. Đen cháy, sắt seo, sản phẩm đích thực của một miền đất cằn khô, khắc nghiệt. Vô cảm như ao không cá, như đá không màu, lì ra, như không thềm biết đến thời gian, hoàn cảnh. Dầm mình trong nắng lửa, trong gió cát, khô hạn. Chải chải trong công việc nặng nhọc. Hặm hụi suốt ngày suốt tuần, cơm ăn, nước uống, thậm chí đến cả nghỉ ngơi tí chút cũng không màng.

Giờ thì cơn dông gió xoáy đảo đất trời chiếm trọn hồn Tua. Giờ thì chính Tua đã biến thành cơn hưng phấn có kích tác khổng lồ nọ. Tưởng như Tua có thể cứ nguyên vẹn như thế, với nỗi hoan lạc thần bí không giải thích được, phẩm phẩm

như ngựa bầm vó, ngược xuôi trên con đường tàu xuyên Việt chạy qua dải đất miền Trung dằng dặc này, cho đến kỳ dứt hơi thì thôi.

Cho đến lúc cơn say cuồng đất trời đã ngả tà tà, thay cho bầu trời vẩn vũ những tầng mây sững nước là một trần mây biêng biếc màu lông chim gáy và một cảnh giới kỳ lạ đột ngột hiện ra ở lưng trời. Lặng lẽ và oai nghiêm, một vòng cung ngũ sắc như một phép lạ êm đềm, trong phút chốc ngắn ngủi đã nổi dài và biến thành một chiếc cổng trắng lẹ, chia đôi cõi thế, với nửa bên kia huyền bí như một niềm thiên khai.

Cảnh tượng diễm ảo ở ngoài tầm khí chất khiến Tua bị choáng ngợp. Tua dừng lại, giơ cao hai cánh tay gầy, mắt rõ ràng tia sáng hân hoan đón chào. Cùng lúc ấy mười một chàng trai dưới quyền Tua, thuần trai đồng quê mới lớn, tâm trí khô cằn, cả một đoạn đời thiếu niên chưa hề chú mục quan chiêm đến cảnh trí thiên nhiên đã gọi nhau ra sân, ngược nhìn chiếc cầu vòng vẽ giữa trời cao, với một niềm thích thú và thiêng liêng lạ lùng.

Cơn đông chiều giải nồng xua tan oi nực, buồn bực, bứt rứt tích tụ cả ngày, cả tuần, cả tháng, cả đời người. Mặt ai nấy đều bừng dậy hoan hỉ. Và Tua đã trở về, áo phanh ngực lép, gầy gù và thanh nhã, đứng ở giữa sân, vọng về cái bếp nhỏ vừa lên khói một giọng nói trong vắt khác thường:

- Cậu nào hôm nay nấu cơm đó? Dọn lên bàn đá ở ngoài hành lang ăn uống cho đảng hoàng nghe!

- Có việc gì mà long trọng thế, cung trưởng?

Ló ra ngoài cửa bếp một mái đầu tổ quạ và một cái mặt tròn mĩnh như đồng xu với hai con mắt rấn cùng với một câu hỏi nhiểm chút khó chịu.

Tua sai những bước dài đi tới, kìm một tiếng gắt:

- Ông ngại hả, Hỡi?

- Đâu có. Nhưng vì lý do gì? Ở kia, lại có cả bia. Ông lấy ở đâu về mà bộm thế? A! Thì ra cung trưởng đã cất giấu từ lâu rồi. Kín tiếng thế. Chắc là có khách?

- Người nhà thôi!

- Người nhà nào mà sang vậy?

- Người nhà mới phải sang trọng, lịch sự. Đây, ông Hợi, cắt tóc đi! Các ông Tần, Tuyền, Nhượng, Triệu, Hàn... nữa. Sửa sang lại tóc tai đi! Cam chịu không có nghĩa là tùy tiện. Càng gian khó càng phải ra con người!

- Ha ha...

Cái sân rạng rỡ ánh sáng huyền ảo của chiếc cầu vòng cùng lúc đã ủa ra cả một đám người. Và tất cả như vừa bước ra khỏi cái vỏ bơ thờ, u oải thần trí bỗng trở nên quang minh sáng láng, cùng rồn rảng nói cười. Tua đứng ở giữa sân mỉm cười, vui mênh mang, nghe khúc hỗn tấu của những âm thanh đối nghịch: tiếng nước gội òa òa ở bể nước, tiếng quả bóng rơi lịch bạch, tiếng hát lẫn lộn các giọng điệu của các bạn bè lúc chiều buông.

*

Giờ khắc như được vuốt dài ra. Ánh sáng trở nên thuần khiết hơn, mỡ màng hơn, dịu dàng hơn và lạ lùng hơn. Đường như đó là hoang ảnh ảo mộng của khoảnh khắc thần tiên đã xuất hiện vào buổi chiều đông gió bất ngờ nọ còn lưu lại trong cảm xúc mọi người.

Cuối cùng thì chính những con người lao động chất phác khổ hạnh ở cung đường nọ cũng đã không còn phân biệt được là hư hay thực, là phép lạ hay chỉ là thường lệ, hoặc có cả hai yếu tố đó trong một cánh bướm vừa hiện diện ở đây lúc chiều tà.

Một con bướm đã bay tới với họ! Con bướm vàng, cánh nhung điểm những chấm tròn đen láy, không hiểu từ cội hoàn vũ nào đã tới đây bằng cách nào, cứ mỗi nhịp vỗ đôi cánh lớn như hai chiếc lá đa, lại tỏa ra một làn hào quang sáng dặng.

Ánh vàng nọ thoát tiên vẽ một vòng tròn đơn giản như một nét bút con trẻ. Tiếp đó nó thực hiện một vũ điệu làn sóng điều hòa ở trên cái mặt bằng rải sỏi nâu mới kẻ những đường thẳng bằng nước vôi để làm thành cái sân bóng chuyền. Lát sau, nó chơi trò ú tim ở giữa sân. Những đường nét rối rít tài hoa của nó dẫn con người vào một chiêm bao rực rỡ ánh vàng. Cuối cùng, con bướm liệng ra góc sân, ở đây căng chéo cánh sẽ một chiếc dây phơi; ở đây con bướm múa vũ khúc cung đình nghiêm trang và mực thước, nó sà xuống rồi lại nhấc mình lên, đều đặn những động tác nhịp nhàng và say đắm.

Sợi dây phơi căng chéo một góc sân, nơi đón được nhiều ánh nắng nhất. Níu hai đầu vào hai thanh tà vẹt chôn sâu dưới lòng đất, sợi thép hai ly căng như dây đàn thường ngày chịu sức nặng của mười hai bộ quần áo bảo hộ vải dày như vải bạt, bê bết bụi cát mồ hôi, to sều, nặng trĩu, không hề động đậy theo hơi gió. Hôm nay, ở cuối sợi dây phơi nọ, khiêm nhường lất phất mấy vệt vải màu mềm mại, mong manh như sương khói.

Con bướm bay từ đầu kia của sợi dây phơi, nơi căng bộ quần áo lao động của Tua, tới đầu này thì dừng lại, vắn vơ một nét pháp phối phiêu bông, rồi nhẹ nhàng dang rộng đôi cánh lớn, nhón chân hạ xuống. Ở đó, một chiếc *may ô* con gái màu hồng mở khếp nép bên cạnh chiếc quần phụ nữ tỏa bóng đen tuyền lẩn át khiến chiếc quần lót mỏng mảnh xinh xinh màu hạt dẻ chỉ còn lấp ló và nhẹ nhẹ đung đưa theo cảm hứng hoan lạc của chiếc nịt ngực phồng phao hai vầng tròn mẩy mang màu trắng tuyết, ngát thơm như hoa.

- Hà!

Tua bật tiếng reo thâm sau cả một chặng dài nín thở dõi theo đường bay của con bướm, như một linh hồn xa lạ vừa tạo nên cảnh tượng siêu thường. Tua bừng dậy, lâng lâng. Tua sung sướng. Tua sẽ lại như kẻ nhập đồng khi cơn đông gió nổi chiều qua. Nếu như lúc đó vừa ló đầu ra sân, Tua không nghe thấy tiếng Hợi gọi và sau đó Hợi cười khành khạch rất thô lỗ: “Cung trưởng Tua ơi! Con bướm ranh ma quý quá! Tôi cam đoan với ông, nó đích thị là con bướm đực.” Thì ra đã tồn tại một trạng thái đôi đầu ngấm ngấm giữa Tua và anh chàng ba mươi tuổi, cao niên nhất đám thợ ở cung đường này.

*

Thật tình là cuộc sống đã ở trên mức khổ cực!

Khổ cực đến cái mức không bao giờ dám ước ao có được một người phụ nữ đến đây cùng ăn ở, làm việc với mình; không bao giờ. Chiến tranh đã qua. Nhưng ngay thời chiến trận cũng vậy thôi. Thấy các chị em là bộ đội, là thanh niên xung phong, đối mặt với hiểm nguy chết chóc, thương lắm. Mẹ cha thằng giặc, vì mày mà các em, các chị phải ra trận. Chứ xông pha hòn tên mũi đạn, chịu chết chóc, què cụt, ốm đau là nghĩa vụ của thằng đàn ông chúng tôi. Huống hồ bây giờ đã là hòa bình, và thời gian đã đủ để sinh ra cả một thế hệ con trai để chúng thay thế anh em lập kỳ tích. Vả chẳng làm mẹ, làm vợ là một hạnh phúc tuyệt vời, nhưng cũng là một khổ ải nhân thế người phụ nữ phải đơn độc gánh vác suốt một đời người rồi!

Bởi vậy, cung đường này chỉ nên có rất con trai, tuổi cao nhất cũng chỉ nên như Hợi là cùng thôi. Cuộc sống còn nhọc nhằn. Chiến tranh đã xa rồi nhưng di hại của nó thì còn dai dẳng và đời sống thì không thể chốc lát biến cải. Nơi đây, thời chiến là bãi giao đấu, phân tranh khốc liệt. Giờ đây, đâu đâu cũng là tha ma nghĩa địa. Hài cốt người táng ở đây không hao. Nơi đây, thuận với người chết nhưng không thuận cho người

sống. Đất đã cát sỏi lại thiếu mưa, thiếu sông ngòi. Sống sót chỉ còn là sim mua hoang dại và ít cây thông nhựa cùng keo tai trâu người mới trồng gầy gượng. Nhưng cây cối thì có thể không mọc, cư dân có thể không tụ họp thành xóm thôn, còn con đường thì vẫn cứ phải ròng rọc sự sống đi qua. Con đường vẫn phải có mặt như ở bất cứ một vùng quê trù phú nào. Và Tua cùng anh em, do vậy, không thể vắng mặt ở nơi này. Càng không thể vắng mặt vì đoạn đường mười sáu cây số dài dằng dặc qua cung đường này lại là đoạn đường xấu nhất trên tuyến đường. Nó xấu vì người thi công ẩu, vì chạy theo thành tích, vì tâm lý méo mó có hơn không, vì khi đặt đường ai cũng muốn làm quáng quàng cho xong, vì ở đây buồn quá, khổ quá, vì thói quen ăn xối ở thì, làm việc không nghĩ tới hậu họa lâu dài.

Vậy thì phải cắn răng lại mà chịu đựng! Chịu đựng để làm việc, để bảo vệ sự sống của đoạn đường mười sáu kilômét mà tính sơ sơ cũng đã có tới năm ngàn thanh tà vẹt gỗ mục, lại có chỗ còn nguyên đỉnh *tấm pông* bằng tre của thời mới đặt đường vừa ngây dại vừa khinh suất. Ở đây, chỗ cây số 494, độ dốc sáu độ ba, lơ là một tí là xô ray, bung đường liền. Ở đây, chỗ cây số 510, hãy coi chừng vì mưa một chập đất núi hai bên sẽ sẵn sàng đổ sụp. Ở đây, xóc lắc là hiện tượng tàu nào đi qua cũng than vãn, vì chẳng những đường bị bọn người bất lương moi đá, tháo cọc, lấy lập lách, mà ngay khi mới làm, nhiều đoạn nền đường cũng chỉ là bùn nhão, hoặc đá đã hết độ đàn hồi. Rút, tĩa, luồn, chèn từng thanh tà vẹt, chống xô ray, vệ sinh mặt đường, chống sụt lở, vất vả vậy mà gian khổ xem ra vẫn chưa bằng trần mình trong nắng nung, chống chọi với gió cát. Gió ở đây là gió hoang dại, nó bốc cả một núi cát lớn, bay mù mịt phủ kín mít từng đoạn đường dài. Nắng hoang mạc cháy khét đến cả không khí, còn thịt da thì bị thiêu đốt đến mức không còn phân biệt được đâu là cái nóng bên ngoài, đâu là cái nóng bên trong. Ngày đã vậy, đêm lại oi nồng. Giấc ngủ chập chờn đến, đi giữa tiếng rên rỉ, khoái trá hoặc giật thét

kinh hoàng của bọn côn trùng, rần rết săn đuổi ăn thịt nhau, hay cuồng hoan trong lạc thú dục tình.

Vậy thì hãy nghỉ ngơi lại mà sống, mà làm việc, hồi anh em!

Người xác xơ, kiệt sức, cạn mồ hôi mặn chát muối biển. Mũi khoan sâu bốn mươi lăm mét phụt lên luồng nước tanh mùi gỉ sắt. Khát cháy họng, cầm bát nước không muốn ghé môi mà vẫn phải uống. Đói lử lử, miếng cơm cứng nhắc cũng cứ phải nuốt. Bởi không thể rời xa công việc. Bởi khắc khoải trong mơ vẫn là nỗi kinh sợ con tàu gặp nạn. Bởi sự sống của con đường đã trở thành danh dự, lương tâm. Vì danh dự và lương tâm mà chấp nhận một đời sống xa cách mọi nhu cầu tối thiểu và thời thượng. *Karaoke* là gì không biết. Đĩa CD là cái chi không hay. Bãi biển, ngày hè, quán nhậu là thế giới ngoài ta. Hội hè, lễ tết, không. Cả năm không một tấm ảnh chụp. Báo chí không. Liên hệ với cộng đồng chỉ là một chiếc đài nhỏ chạy pin. Chợ xa quá, con cá đem được về đã ương thối, miếng thịt đem được về đã ôi oai. Một tuần, trên chiếu cố cho tàu đổ lại năm phút vào hồi mười hai giờ trưa ngày thứ Ba, thứ Năm, thứ Bảy, vừa đủ quãng xuống mấy bì gạo nhờ mua và nguyên vật liệu sửa đường. Một đời sống không lời khích lệ. Một đời sống không ân cần, nuông nịnh. Không sinh thú. Không khoái lạc. Không tu hành mà tự nguyện kiềm thúc, kiềm chế tối đa. Nhân cách đo bằng sự nhẫn nhịn, được duy trì không phải bằng thói khát muốn đồng tiền, cũng không phải bằng thứ chủ nghĩa anh hùng lửa rơm mà bằng chất men say âm thầm bên bĩ.

Vậy là đã xảy ra một biến thể để lộ ra sau cái đời sống nhìn thấy là chốn thăm thẳm của bản thể bị phong bế. Con người luôn có khả năng biến thành kẻ khác với chính nó. Tua là vậy, kể từ buổi chiều đông gió nọ. Một linh hồn xa lạ từ đâu đó đã nhập vào thể xác khô cằn héo hắt của Tua, khiến Tua bỗng như cây cỏ gặp cơn mưa móc trở nên tươi nhuận.

Và không chỉ có Tua. Ký ức bừng sáng, Tần, Tuyên, Nhượng, Triệu, Hàn, An, Hợi... lần lượt trở thành kẻ xa lạ với

chính mình. Hóa ra bọn họ đều là trai tơ. Nhận ra điều đó, tất cả bỗng trở nên vui vẻ, tươi mới, rộng rãi khác thường. Một chiều đi làm về sớm, mọi người nhất loạt thanh toán hết lũ râu tóc vô kỷ luật. Lược in vết trên mái tóc ngắn có đường ngôi thẳng trắng hếu. Cái sân bóng chuyển ồn ã, chia hai bên thi đấu, vừa đủ mỗi bên sáu, cùng loạt *may ô* trắng quần đùi xanh, không còn ai thừa để làm trọng tài mà Hội ta lại là thằng đã hay ăn gian lại lắm lý sự cùn. Lần đầu tiên trong đời, các đấu thủ ở đây chơi bóng không chỉ là vui mà còn để người khác xem. Người này là người mới đến. Vì người này mà từ nay chấm dứt hẳn việc ăn cơm lúi xùi ở trong bếp, hoặc mỗi anh một cặp lồng ngồi ăn ở bất cứ chỗ nào và ăn xong thì bát đĩa, cặp lồng, tất thảy đút vào gậm giường để sắp đến bữa sau mới lôi ra lau rửa. Thức ăn, dầu chỉ có rau dưa, củ lạc, con cá khô cũng dọn thành hai mâm đặt ngay ngắn trên một chiếc bàn đá dài. Nồi cơm lớn để ở đầu bàn, cơm trắng đánh hơi, thơm phức. Lần đầu tiên, người ngồi ăn tất thảy đều áo quần tinh tươm, sạch sẽ, trịnh trọng đón bát cơm xối, lại ý tứ nhìn về phía đầu nồi như có ý cảm ơn.

Ngồi đầu nồi là một phụ nữ tầm thước, mặt trái xoan tươi hồng, vai thon, ngực tròn, eo thắt, hông nở, đầy đặn nữ tính. Tay cầm cái quạt nan, như người mẹ, như người chị, như em gái nhỏ, người nọ phẩy hơi mát cho tất cả mọi người. Vui sướng tràn trề trong cặp mắt đen láy, vẻ tần tảo hiện hình ở lớp mồ hôi rịn nơi chân tóc, ở hai bả vai áo ướt đầm nổi hẳn đường nét duyên dáng bí ẩn của vệt dây đỡ chiếc nịt ngực, người phụ nữ đưa đôi tay nhỏ nhắn đón đỡ kịp thời mỗi chiếc bát và thoát ra từ đôi môi xinh một tiếng nói hậu tình: “Để em xối ạ.”

Thốt nhiên, Tua thấy cay cay cánh mũi. Đưa mắt nhìn, anh nhận ra bạn bè đều chung một trạng thái rưng rưng: Ôi, hạnh phúc, đó là những cử chỉ thân ái, nhân hậu nho nhỏ hợp thành, xa lạ và quen thuộc biết bao!

- O! Con ruồi! - Đột ngột, Hội đặt bát cơm, vung tay chỉ một chấm đen vừa đậu xuống chiếc nút lá chuối ở chai rượu

đặt giữa bàn. - Ông Tua, tôi cam đoan với ông, nó chính là con ruồi đục hôm rồi.

Bất giác, Tua đặt bát cơm, ngực hẫng một nhịp tim. May thay, con ruồi bắn thiu từ đâu bay tới đang mân mê chiếc nút chai rượu cất cánh bay vù lên. Nó bay lên cùng tiếng cười khoái trá của Hợi và câu chuyện tiếu lâm Hợi kể tiếp sau đó. Nhìn vòng bay của con ruồi, Tua đưa tâm trí trở lại đường bay kỳ ảo của con bướm vàng hôm rồi.

- Cô Thoa! Bữa nay cô cho chúng tôi ăn món rau sắn ướp chua xào tỏi, đặc biệt quá! - Lát sau, nhường cặp mắt hai mí mở to về phía người phụ nữ đang đánh chày rìa nồi, Tua cất tiếng.

Và thấy chị nhón nhẻn cười, Tua liền kêu to:

- Kìa, cô cũng phải ăn đi chứ! Sao cứ ngồi xối cho chúng tôi mãi thế?

- Anh mặc em. Em ăn sau. - Người phụ nữ đáp khẽ, môi thoáng một nét cười hoa, nhặt một miếng sém ở rìa nồi, nắm thành một nắm chim chim đặt lên chiếc đĩa trên mặt bàn. - Em đi xuôi theo đường sắt xuống cách đây hai cây số, thấy một vạt đất mọc toàn sắn vàng. Hình như trước đây ở đó có một công trường. Em thấy có vườn rau. Em vun được mấy luống rau muống. Có cả một cây me già to tướng.

- Trước có một đơn vị bộ đội tham gia làm đường sắt ở đấy.

- Em thấy có một cái ao cạn.

- Hôm nào ta đi tát đi, anh Tua!

- Phải đấy, hôm nào anh em mình đi tát cá đi!

Những tiếng nói hào hứng rộ lên quanh Tua. Tua đón bát cơm người phụ nữ đưa, đặt xuống, bỗng thấy má trái vương vướng một ánh nhìn mềm mại, liền quay lại và ho hó cái miệng tròn ngạc nhiên không nói nên lời. Một khuôn trắng đầy đặn vừa nhô lên sau những trắng cát trắng dụn, như một người khách lạ đang ngó nghiêng ngoài cửa, ánh mắt thật triu mến, rụt rè.

- Thoa này! - Bỗng nhiên Tua nhìn người phụ nữ, giọng hạ xuống, trầm dịu xôn xang. - Tôi nhớ hồi tôi còn bé, bố tôi bế tôi đi chơi trong xóm, một chiều ông chỉ tay lên trời bảo tôi: “Ông trăng kia kìa, con.” Tôi nhìn lên, thấy một khối vàng tròn đầy, lơ lửng liên tục khỏi tay bố, chạy tọt về nhà.

- Anh sợ à, anh Tua?

- Không hiểu! Bây giờ cũng vậy, lúc ấy cũng thế. Không hiểu tại sao tôi lại bỏ chạy!

- Đa cảm quá đấy!

Mặc Hợi bình phán và cười phá lên thô lỗ, người phụ nữ như dịch lại bên Tua, hai con mắt đẹp, thân thiết đậu lại như mãi mãi trên gương mặt gây gù của Tua và khế khàng:

- Anh ăn đi chứ, anh Tua.

*

Chiều lờng lờng điệu cảnh cơn đông gió. Đêm mơ màng trong ánh trăng ngưng. Ngày đi qua ăm ắp sự kiện và ấn tượng. Một bữa cơm quây quần. Một hơi quạt phất. Một câu chuyện thời thơ ấu. Những tiếng gà lách rích ngoài hàng rào quây luống đất mới gieo hạt rau cải. Mảnh sân phong quang lụp bụp tiếng bóng rơi. Bóng hình người phụ nữ óng ả vào ra. Đời sống bỗng nhiên trở nên lạ lùng và khó hiểu, vì thực cảnh trộn lẫn với chiêm bao.

Người phụ nữ, cho đến giờ, vẫn là một hư ảnh nhòe mờ giữa hiện thực và ảo thể. Chưa một ai trong bọn họ, kể cả Tua trong vai cung trưởng, nhìn rõ gương mặt đẹp của chị. Người phụ nữ từ đâu đến, do ai giới thiệu đến, tất cả đều có câu trả lời chính xác mà vẫn cứ mu mờ, lơ mơ. Nhập vào đời sống cần lao của những người lao động khốn khổ ở cung đường này, chị biến hóa thành một bà mẹ, một người chị, một cô em gái, và cuối cùng kết tinh thành hình tượng một người đàn bà đẹp,

có sức biến cải hoàn cảnh, khiến cả tá con người lao động như bưng tỉnh, nhận ra mình là những kẻ độc thân trẻ tuổi bấy lâu nay vẫn âm ỉ trong mình những khát vọng sống mà tự mình không biết. Suốt sáu tháng liên đoạn đường sắt tồi tệ không xảy ra một sự cố, dù là nhỏ nhoi. Mười hai người thợ đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Nhưng trên thực tế, họ đã trở thành những dũng sĩ, thiên thần lập những công tích kỳ lạ. Họ biến đổi âm thầm, tự mình không hay.

Nhưng cuối cùng thế là đã xảy ra một bước nhảy ngất quãng. Một ngày nọ, tỉnh dậy lúc tinh mơ, mọi người nhận ra ở ngoài sân có cuộc cãi cọ gay gắt giữa Tua cung trưởng và gã con trai quá lứa tên Hợi:

- Tua ạ, nó là con đàn bà thì tôi mơ ngủ với nó cũng là lẽ thường tình. Chứ sao ông lại trách tôi?

- Ông Hợi ạ! Có những điều nói ra thì lập tức là thô bỉ.

- Nhưng ông có hiểu gốc gác lai lịch của nó không?

- Tôi không cần biết. Tôi chỉ cần biết, đó là Thoa.

- Hừ!

- Phải! Đó là Thoa. Thoa của chúng ta!

Gọi tên người phụ nữ, Tua cất cao giọng. Mọi người đều trở dậy bước ra sân và nhận ra, Tua như đang trở lại cơn cảm hứng xuất thần chiều đông gió nọ, như đang thấy lại cảnh tượng huy hoàng, niềm cao quý thiêng liêng của năm sắc cầu vồng và cái đẹp huyền hoặc được hóa thân thành một cánh bướm vàng.

*

Một ngày kia, con bướm vàng lại xuất hiện trong điệu vũ tung tăng, huyền ảo. Đến bây giờ thì mọi người đã biết rõ lai lịch, nguồn gốc của nó. Nó sinh trưởng ở chân núi Hoàng Liên Sơn. Nó là một giống bướm rừng xứ lạnh hiếm hoi vì độ lớn và

sắc màu. Nó đã lọt vào vệt của một nhà côn trùng học và nằm khô cứng trong bộ sưu tập bướm rừng xứ lạnh của ông. Nhà côn trùng học nọ đập tàu vào Nam. Tàu qua vùng này, ông mở hộp kính ép xác con bướm nọ ra xem. Tái sinh trong chốc lát nhờ một phép lạ, con bướm vẫy cánh ra khỏi hộp kính và bay thẳng đến với những người ở cung đường này.

Hôm nay, con bướm vàng theo thói quen lướt theo chiều dài của sợi dây phơi, nhưng nó không tìm được nơi đậu. Chỉ có mười hai bộ quần áo đàn ông, xanh bạc, cứng quèo, sắc mùi mồ hôi, tuyệt không một thoáng hương thơm.

Chiều đó bữa cơm vắng Hợi và Tua. Tận tối mịt mới thấy họ trở về, quần áo cả hai đều tối tả và mặt mày họ đều hằm hè dữ tợn. Họ đã mắng mỏ, chửi rửa nhau. Vì lý do gì? Mọi người xì xầm đoán chừng. Có lẽ sự thể liên quan tới việc mất biến chiếc nịt vú và bộ quần áo của người phụ nữ. Chiều hôm sau, sự việc lại lặp lại. Đi làm về, hai người gọi nhau ra bãi sim mua sau nhà và trở về với hai thân hình in rõ dấu vết của một cuộc ẩu đả dữ dội. Má Hợi tím bầm. Mắt trái Tua sưng u.

Cả hai đều nhận từ đối phương những miếng đòn đau. Cả hai đều lử lả. Nhưng ngồi vào mâm cơm phần, vừa hết bát cơm thứ nhất, Tua đã vút tạch đôi đũa, dựng dậy cả tấm thân lòng không, sườn nổi từng rё xương, chống nạnh, quăng quắc hai con mắt:

- Tôi yêu cầu chấm dứt trò thô lỗ hạ đẳng ấy. Đó là bệnh hoạn, chứ yêu đương cái gì. Trả quần áo cho người ta!

Nheo nheo con mắt đỏ ké thêm muốn nhục thể, Hợi từ từ đứng lên, nhếch mép:

- Chuột chù đòi có xạ hương, hả?

- Ông nói cái gì?

- Nói trắng ra, hạng ấy giỏi lắm cũng chỉ là *cave* hoặc gái bia ôm.

- Im đi!

- Thấy đồ ngớ là chín, hả? Mà nên nhớ loại ấy ở quanh các ga xe hỏa có hàng vốc. Bọn phò phạch, bọn đi điểm đó, hiểu chưa?

- Câm ngay cái mồm mày lại!

- Mày sợ sự thật à?

- Tao cấm mày làm nhục cô ấy. Mày đã làm cô ấy khóc, cô ấy đòi bỏ đi.

- Hứ, đi khóc, tù van, hàng xáo kêu lố, thế gian sự thường. Còn nó đòi bỏ đi mày có biết là vì sao không? Vì công an người ta cử người đi truy nã.

- Câm!

Xô ngay tới, tay trái túm cổ áo gã trai bặm bải, cùng với tiếng thét như vỡ họng, Tua vung nắm đấm. Nắm đấm chắc nịch, dồn tích ở mỗi ngón tay co toàn bộ khí lực; nổi cảm hận, lòng tự trọng và tinh thần bảo toàn danh dự đã biến thành một năng lượng trùng phạt.

Cúi xuống, nhổ ra hai cái răng cửa gãy và những hạt cơm chưa nuốt hết, ngẩng lên, môi miệng Hối mếu xệch, nhoe nhoét máu.

*

Bữa cơm dọn sau một ngày nắng chảnh. Gió lồng lộng đem cát bồng đến vùi lấp cả một đoạn đường sắt dài hơn cây số. Cả đội mệt rã rời vì công việc, vì cái nóng lửa lò, vì bỗng nhiên thấy người cứ như bã nhũn ra, không còn hơi sức. Trên cái bàn đá rộng chỉ có một nồi cơm cháy lên tận mép nồi và một đĩa cá khô nướng, con nào cũng ngoác miệng như quái vật. Nồi cơm không có người đánh tới. Mỗi người cầm bát tới, vục vào nồi, khoét một văng, rồi gắp một con cá, đoạn ngồi xây lưng lại bàn ăn, nhìn ra ngoài.

Bốn bề tro trông như thiếu hụt nơi hội tụ. Cái dây phơi thưa thớt mấy chiếc áo, mấy cái quần đàn ông vắt xiêu vẹo, chẳng chớ, ướt sũng nước.

Miếng cơm nhai trệu trạo trong miệng. Tua lừ lừ con mắt nhìn quanh. Tua đã chẳng còn là Tua hôm qua và bạn đồng nghiệp, những kẻ dưới quyền y cũng hoàn toàn giống y, kể cả Hợi, gã con trai hư đốn. Tuổi trẻ bỗng nhiên như rời bỏ họ, một sớm mai trở dậy, tất cả đều rậm rì râu ria, già sạm hẳn đi. Ngày vui như một ánh chớp ngắn ngủi, như một cơn đông hạ nhiệt thoáng qua. Giấc mơ đã có ý tưởng, cuộc sống đã được đánh thức, nhưng đã buột ra khỏi tay nắm. Tất cả đều là thật mà không sao nắm bắt được, vì đó là ánh sáng, là ngọn gió, là cái vô hình vô ảnh. Khúc đứt gãy phũ phàng làm lộ toẹt cái hiện trạng bị che lấp bao lâu nay, khiến con người rơi vào trạng thái chùng hững bẽ bàng và tủi hổ; sự mỉa mai giễu cợt với những số phận bị đóng đinh vào hầm hiu sao mà quái ác vậy!

Bỏ bát cơm, Tua ngồi như như hóa đá, đen thui một khúc xương khô gộc ghêch. Tách ra khỏi tất cả, đóng kín các cánh cửa giao tiếp, Tua hoàn toàn biệt lập. Giờ đây, Tua mới nhận ra nỗi thống khổ đối với sự mất mát một hy vọng, sự thiếu vắng niềm vui giao tiếp với cái đẹp, còn muôn lần dai dẳng, đớn đau hơn, nếu so với cơn đói khát của dạ dày, cơn mệt mỏi của cơ bắp. Giờ đây, y nhận ra sâu sắc hơn bao giờ hết, cái đời sống bộn y phải cam chịu, một đời sống nghèo nàn, không ấn tượng, không gia đình, không tình yêu, trong chế dục, tưởng là im lìm vô cảm nhưng hóa ra luôn ở sát lằn ranh của những cơn rối loạn tâm thần!

Cuối cùng, Tua đã đứng dậy, nhìn quanh. Tua nhận ra, không trừ ai, tất cả bạn bè Tua cũng đều đang bối rối như Tua. Hóa ra cuộc sống luôn là sự thức tỉnh và chẳng có gì là mất đi, dù là một ánh chớp nhỏ. Nhưng hình như Tua không quan tâm lắm đến điều ấy. Hai con mắt y đỏ bầm như vừa bị ăn đấm. Y vung tay và giọng y bỗng trở nên hung dữ, cộc cằn vô cùng:

- Này, nghe đây. Có đúng là lúc các cậu về nghỉ trưa đã không thấy cô ấy không? Sao, vẫn thấy quần áo cô ấy phơi? Thế ai trực nhật, nấu ăn? Có đúng là người của bên công an huyện đến hỏi không? Hừ! Hừ! Không thể như thế được! Không thể như thế được! Như thế là vô lý hết sức! Vô lý hết sức!

Lử lử đi đi lại lại, Tua tiếp tục quát tháo, rồi đột ngột tiến đến sát người này, người nọ, khiến họ phải im thít và giật lùi, vì trông mặt y hung dữ thế thì bất cứ ai lúc này cũng có thể bị y coi là thằng Hại bệnh hoạn chưa biết chừng.

- Ai, kẻ nào nói cô ấy là con bớp? Là điểm trốn cải tạo? Là đứa con gái chuyên nghề chôm chửa? Ai? Ai? Có giỏi thì ra đây đối chất với tôi! Ai? Ai?

Hất cái cằm nhọn như một mũi thương lên, y nghiêng rằng kèn kẹt, rồi xáp mặt vào người này, người khác, y gầm ghì:

- Tôi cấm! Tôi cấm không được nói xấu người ta! Ai không nghe tôi, tôi không để yên đâu! Nhất định tôi không để yên đâu!

Rồi giữa cái im lặng của mọi người, y lật sệt đôi chân trần trên sỏi đá, một mình đi giữa khoảng sân rộng. Đưa hai con mắt ra bốn bề mênh mông, bỗng như nhìn thấy cảnh tượng lạ lùng đông gió chiều nào, y giơ hai cánh tay gầy lên cao, cất tiếng gào thật lớn, thật ai oán, não nề:

- Các người có mắt mà không có con người! Các người mù lòa cả rồi! Mù lòa hết cả rồi! Mù lòa hết cả rồi!

20/9/1997

SUỐI MƠ

Trở về sau một tuần lễ đi công tác, tôi lại đã nhận ra những nét khác lạ ở cái hẻm núi sơ tán của mấy gia đình chúng tôi. Chiến tranh phá hoại hiện đại Mỹ dùng tới cả máy bay siêu thanh để oanh tạc thì còn vùng quê nào trên đất nước nhỏ bé của chúng ta được coi là thánh địa an toàn? Dân thị trấn miền núi chúng tôi vì vậy khôn ngoan hơn cả là dàn mỏng mật độ cư trú ra và nhất là lợi dụng địa thế núi non, chia nhau luân lẩn luôn vào các hẻm núi gần cận xung quanh mình. Con người thích ứng tài lăm với hoàn cảnh sống. Vả chẳng bấy nay đã mấy ai xa rời cách sống tự lập? Thế là chẳng bao lâu các khe núi, hẻm đồi quanh chúng tôi hôm qua còn hoang rậm, nay đã được khai phá kiến thiết thành nơi ăn ở sinh hoạt. Lán lều, nhà cửa, nhiệm sở, trường học, thậm chí cửa hàng, bệnh viện, xí nghiệp mọc lên sầm uất, nối liền với nhau bằng các con đường rừng kín đáo và không kém tiện lợi.

Gia đình tôi cùng mấy gia đình cán bộ khác chọn nơi sơ tán là khe núi cây số 7 trên tuyến đường đi về huyện lỵ Mường Khương. Đây là một hẻm sâu kẹp giữa hai quả núi đất, um tùm nửa đại. Nửa đại lỏng dài, thân to, xòe lá rợp cả mặt một con suối lòng hẹp, vào mùa khô, nước róc rách một dòng nhỏ le te. Men theo bờ suối có một vết đường mòn nhỏ, đó là lối đi của thợ sơn tràng và những người săn muông thú, đầu mút

của nó ở phía trong là một làng Mán Đỏ đã định cư, nhưng còn du canh.

Giờ đây khi cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đã bước sang năm thứ hai, hiểu rằng thắng lợi cuối cùng không thể là việc của ngày một ngày hai thì cảnh ăn xổi ở thì, tạm bợ không thể có lý do tiếp tục tồn tại. Vẫn là tranh tre nứa lá thôi nhưng nhà cửa bây giờ phải cao ráo, sạch sẽ, vững chắc và cảnh trí xung quanh không thể không phong quang, tươi đẹp. Đường đi lối lại tất nhiên cũng phải rộng rãi hơn, bằng phẳng hơn, vì trẻ con, thế là lại thêm một lớp em nhỏ nữa tới trường. Con người luôn tự cải biến điều kiện sống. Công cuộc xây dựng do vậy là diễn ra hằng ngày, hằng giờ.

Tuy vậy, lần đi vắng một tuần trở về này, tôi vẫn có cảm giác chân mình lạc bước. Đập ngay vào mắt tôi là cảnh quan lạ lẫm khác thường của nơi hẻm núi quen thuộc. Ngày tôi đi, đoạn suối chảy qua trước nhà tôi chia đôi, nửa bên này tắc nghẹt bùn hoang lưu cữu, nửa bên kia lở dờ một dòng chảy lều phều váng bọt, thi thoảng mới lộ dạng dưới rậm rì lau cỏ. Giờ đây, lau cỏ đã được phát quang. Bên bờ trái, nơi bùn hoang kết đọng đã được vét sạch và rải đều một lớp sỏi cuội trắng phau. Qua vòm lim xanh che phủ ở tít trên cao, nắng lọt xuống lỗ chỗ những cái chấm vàng nháy nhót vô tư trên dòng suối thông dòng long lanh thanh tĩnh. Cảnh đẹp một cách lặng lẽ thoáng chút mơ mộng có lẽ còn là do lui vào phía trong hẻm, qua mặt suối rộng có một cây cầu nhỏ kẻ một nét ngang êm đềm. Ngày đi, chân tôi bước lập chập trên mấy hòn đá tảng đặt cách quãng qua chỗ lầy. Giờ đây, một mặt cầu ghép bằng mấy thân vầu già ba nhíp nối liền ghéch đầu lên hai cái trụ kết cấu bằng đá cuội quay trong vòng phen nửa đan lồng đôi, như mời mọc, đón chào.

Sức lao động to lớn và cần cù nào, bàn tay ai khéo léo đã tạo nên quang cảnh đẹp đẽ, thú vị nọ ở nơi hẻm núi hoang vu này? Thăm đoán được sự kinh ngạc của tôi, mẹ tôi đứng ở bên

bờ kia con suối, trên tay bông đùa cháu gái hai tuổi con tôi đã thay tôi cất tiếng xuýt xoa, thán phục:

- Một mình bác Rư bác ấy làm đấy! Chết, chết, sao lại có con người chịu khó thế. Đi thì chớ, về tới nhà lại sùng sục như ma úp nổi. Làm không biết mệt là gì. Làm đến vỡ đầu ra khói. Bước chân xuống giường là làm. Làm cả đêm, làm quên ăn quên ngủ. Bác ấy mới đưa bác gái ở dưới xuôi lên đấy.

Rồi nhìn ngược vào chiều sâu hẻm núi, mẹ tôi trở tay, nói tiếp:

- Kia kìa, bác ấy còn đang trông mon ở vũng lầy trong hẻm đấy. Thật ông giáo mà làm việc thổ mộc còn hơn cả người nông phu!

Tôi nhìn theo tay mẹ tôi chỉ. Và nhận ra ông giáo Rư bạn tôi trần trụi trọc một khối hình chắc nịch, trên mình đánh mỗi chiếc quần đùi, lấm bê lấm bết như trâu đầm, tay ôm một bó mon lớn, đang khom lưng bì bọp tiến lui. Thấy tôi, anh ngừng chân bước, nheo mắt, miệng ho hó bốn cái răng bàn cuốc, rồi đánh tiếng oang oang:

- Khang mới đi Mường Khương về đấy à? Mình tranh thủ dúm ít mon nuôi lợn xuống cái hẻm lầy này kéo phí đất quá. Bà xã mình mới lên. Tí nữa sang chơi nhé!

*

Vợ tôi đi học dài hạn ở Hà Nội, rồi theo trường sơ tán lên Lạng Sơn. Ở lại đây, sơ tán vào hẻm núi cây số 7 này chỉ có tôi, mẹ tôi và đứa con gái nhỏ. Đêm tối ở miền rừng đèn đóm nhấp nhem, lại rồi rãi nên cơm nước xong, tôi chỉ còn có việc là chờ Rư ngừng việc để sang chơi. Nhà Rư ở bên kia suối, cách túp lều sơ tán của tôi chừng ba chục thước. Anh đã có ý mời. Lại cũng có thói quen xóm giềng mỗi khi đi đâu xa về. Hơn nữa, tôi cũng muốn cảm ơn anh. Nơi sơ tán vắng vẻ, đêm hôm mưa gió,

lúc tắt lửa tối đèn, tôi lại hay đi công tác xa nhà, có anh bên cạnh, mẹ tôi nhiều phen đã ơn nhờ dựa cậy. Vừa rồi gặp cơn lốc nhỏ, mái rạ tốc bay mất một mảng, anh đã kịp thời sang lợp lại hộ. Phần khác cũng là để chào vợ anh. Anh mới cưới vợ năm ngoái, năm nay chị mới lên. Nghe nói chị là người Hà Nội.

Tôi chờ đợi. Nhưng năm lần bảy lượt vào ra vẫn thấy Rư lậm cặm hết cây mon lại xoay ra đắp bờ ở đám ruộng lầy. Tối chằm, thấy anh lội xuống suối kỳ cọ, liền sửa soạn, nhưng vừa quay vào nhà mặc áo dài bước ra, đã lại thấy anh lồng từ dưới suối lên, quần đùi ướt rượt, vung tay bỏ cuộc san cái tổ mối to tướng ở sau nhà, trong ánh trăng muộn vừa lên le lói ở trên mom đồi. Tôi đành nằm trong nhà mình, qua cánh cửa mở, nhìn sang phía nhà Rư, xua đuổi mệt mỏi, cố tỉnh táo để đợi chờ anh ngừng tay vậy. Tiếng máy bay Mỹ ì ầm cộ cạo phía sau núi tắt dần. Rồi im ắng tràn ra trong ánh trăng đêm hòa với cơn thức ngủ chập chờn khiến bóng Rư lúc gần lúc xa, khi trần trụi hình nét, khi nhập nhòa hư ảo; tiếp đó, lúc sau chừng đã khuya, giữa không gian bốn bề im vắng, chỉ có tiếng suối róc rách, tôi bỗng giật mình vì nghe tiếng đàn ai gảy vọng đến bên tai. Dụi mắt, ngẩn ngơ một lát, tôi nhận ra, đó là tiếng đàn mandolin cất lên từ phía sâu hẻm núi.

Suối mơ bên rừng thu vắng

Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng.

Tiếng đàn thoát đầu vắng vắng, lát sau rõ dần. Nghe thấy cả hơi lướt trên ngón tay chuyển, từng âm thanh riêng rẽ cùng tiếng vè giòn liên mạch và cả hiệp âm trên ba, bốn dây đổ dồn. Lúc tức hứng sầm sập như trời đổ mưa, khi ồm ờ như con bướm lượn vành, tiếng đàn gợn gợn một tâm tình cô độc thềm muồn thở than và quấy quả.

Tiếng đàn lọt vào óc tôi, quấy nhiễu tôi, khiến tôi mệt lả. Tôi đã ngủ lại từ lúc nào và khi mở mắt, vẫn như kẻ ngơ ngẩn, chưa ra khỏi hôn mê. Khung cửa ra vào lúc này đã mờ mờ

hơi sương sớm, khí dương một ngày đang tỏa lan hơi ấm trên mặt đất. Mặt suối bốc hơi như khói vẩn. Nghe như có tiếng chân người bước ọt ẹt trên mặt chiếc cầu bắc qua con suối, rồi ở khung cửa mờ sương nọ lọt vào một tiếng đàn bà rất lạ tai: “Cụ Khang ơi! Cụ cho tôi mượn cái *lôi*, tôi *lấu* bơ gạo *lếp* cho nhà tôi ăn đi làm!”

- Ai đấy, hả mẹ?

- Anh hỏi ai nào?

- Chả lẽ là con mê ngủ à?

- À, bác Rư gái, bác ấy sang mượn cái nồi gang để nấu cơm nếp. Người đâu mà ăn nói vừa sỗ vừa ngọt!

Tôi dụi mắt, ngồi dậy và vội vã ra khỏi nhà bếp. Bếp nhà anh Rư lạnh tanh. Anh Rư đã đi làm rồi.

Tôi chẳng được sang thăm hỏi, trò chuyện với Rư hôm ấy. Nói cho đúng, cả mấy hôm sau cũng vậy. Chẳng lúc nào tôi có được cơ hội để sang, trước là hỏi thăm vợ anh, sau nữa là nói dăm ba câu chuyện thế sự hoặc phiếm đàm, theo thói quen hàng xóm thân tình với anh. Vẫn là có mặt ở nhà đấy, nhưng anh luôn tay luôn chân hết việc nọ đến việc kia, chẳng khi nào rỗi rãi.

Anh Rư xuất thân là giáo viên dân lập ở xã. Để trở thành giáo viên quốc lập, anh đành phải xa rời đất quê Nghệ An, lên dạy học ở một xã miền núi xa xôi nhất của huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai. Ở xã nọ, năm năm qua không năm nào có nổi năm đứa trẻ đi học. Người lớn mù chữ vẫn hoàn toàn mù chữ. Nhưng năm năm ở đó anh trồng được năm vụ xuyên khung, thu hoạch đủ tiền tậu được một chiếc xe đạp nhãn Phượng Hoàng mới toanh. Đất ở đây tốt nhất hạng, công phu hơn có thể trồng được cả cây thuốc quý, hái ra tiền như bạch truật, tam thất.

Tiệc vùng đất sinh lợi nọ lắm nhưng anh Rư vẫn vui vẻ chấp hành điều động của Ty Giáo dục đưa anh về giữ chân văn

thư ở trường Sư phạm tỉnh. Giáo viên cấp một dân lập, trình độ văn hóa xấp xỉ lớp năm bổ túc, dạy cấp một khác gì cơm chấm cơm, biết một dạy một, đã thế lại năm năm liền không một lần soạn bài, lên lớp, chữ nghĩa rơi rụng hết. Anh Rư tự hiểu mình, chấp nhận sự phân công, chẳng một lời than vãn.

Trường Sư phạm tỉnh sơ tán ở chân núi Hoàng Liên Sơn. Từ nhà anh Rư đến đó, đường xa hơn mười cây số, lại phải đi qua thị trấn, trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ. Vì vậy phải đi từ sớm bưng. Đi từ sớm bưng, lại xa nhưng anh Rư không dùng xe đạp. Anh nói: “Mình đi bộ quen, lên dốc xuống dốc, mần chi đều thấy bình thường, còn đi xe, lên dốc thì nhọc, xuống dốc thì mỗi chân phanh. Vả lại, đường đạo này nhiều đoạn lầy thụt, trông cái xe lấm láp, kết bùn, xót ruột quá!” Anh Rư treo chiếc Phụng Hoàng lên xà ngang của căn nhà lá anh dựng lấy ở cạnh nhà tôi.

Tan tầm chiều, anh Rư đi bộ từ trường Sư phạm về tới nhà thì đã hơn sáu giờ. Miền rừng, trời mau tối nên chỉ uống hớp nước, cởi cái áo và chiếc quần dài ra là anh cầm ngay cái cuốc, con dao, chiếc thuổng, tranh thủ làm việc liền.

Anh Rư khỏe lắm. Trông vóc dạc cũng thấy. Anh thấp tẹt, từ gót tới đỉnh đầu chưa đến mét rưỡi. Vai rộng, hông hẹp, chân anh ngắn có một mẫu. Mặt tròn, to phệnh, mắt một mí, mũi triều thiên hếch ngược, trông anh vừa ngây thơ vừa ngộc nghếch. Bắp chân, bắp tay anh nổi con chuột, rần như đàn. Tính anh hiền lành, đơn giản. Ăn thế nào cũng được. Bát cơm nguội với quả cà, dấm muối trắng là xong. Mặc đi làm thì cũng chỉ bộ quần áo bà ba may bằng mấy vuông vải nâu dấn bùn. Còn ở nhà, trừ những ngày quá rét, lúc nào cũng chỉ một manh quần cộc nâu bạc suốt từ sớm đến tối. Anh chỉ có một nhu cầu là làm việc.

Cuốc đất, san nền, chặt cây, đánh gianh, dựng nhà, đắp bếp. Rồi phá rậm, lên luống gieo hạt cải, bắc dèo đậu dũa,

dựng giàn mướp hương. Rồi khai quang các vùng đất lầy thụt và mở việc trồng trọt lên sườn núi cao. Rồi khơi suối, nắn dòng, bắc cầu. Anh cán bộ nghèo mang trong mình dòng máu người lao động, với cốt cách con nhà nông bản hàn, chịu thương chịu khó, nhìn chỗ nào cũng thấy việc, cũng thấy có thể sinh lợi. Đất trồng trọt ở rừng cơ man, tha hồ thỏa sức. Cao thì lúa, khoai, ngô, sắn. Thấp thì chuối, chanh, rau, đậu. Chăn nuôi lại càng dễ. Gà thì thả lên rừng cho nó nhặt sâu bọ. Vịt thì sắn suối nước đầy có khác gì thò tay vào túi lấy tiền. Chưa kể còn đi rừng lấy mật ong, hái măng nứa, chặt song mây, nhặt hạt mít rừng, hạ cây, xẻ gỗ.

Đều đều trôi đi trong nhẩn nại âm thầm ngày lại ngày. Không là hội hè, cũng chẳng hề u oải, ngày nối ngày chỉ một khí sắc cần lao. Không lo âu, phiền muộn, chẳng hề thấy thế là vất vả, là khổ cực, anh Rư chỉ nhắm nhắm cái đích trước mắt là động chân động tay làm ra được một cái gì đó có ích, có lợi. Lao động là sinh thú tiên thiên duy nhất của anh. Anh chỉ ngưng nghỉ chân tay khi ngủ. Bất đắc dĩ phải tiếp khách thì anh vừa trò chuyện vừa tranh thủ chẻ nắm lạt, vót mớ nan, cạp lại cái rổ, cái rá.

- Tôi vừa vào cái làng Mán Đỏ ở sâu tít trong khe, anh Khang ạ. Chuối rừng, mon dại trong đó rất nhiều. Tuần tới tôi sẽ đắp thêm cái lò nấu cháo cám lợn. Rồi đi Mường Khương lấy mấy con giống về. Đất rừng này mà không nuôi lợn thì phí lắm!

- Chỗ đất trồng mon lầy thụt kia tôi tính rồi, chỉ cần xuống vài ba thép mai, mấy cái Chủ nhật là thành cái ao. “Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền”, làm chơi ăn thật đấy, anh ơi!

- Có nhẽ tôi sẽ đắp cái đập ngăn khúc suối này lại, anh ạ. Ồ, vừa có chỗ tắm tấp, lại đặt được mấy cái hom, nhất cử lưỡng tiện thật.

Kế hoạch này chưa xong, dự định khác lại đã nảy ra trong óc anh. Có lần anh bảo, đánh thắng thằng Mỹ xong, ai hồi cư về nơi cũ thì cứ việc, còn anh, anh ở lại đây thôi. Đây sẽ là cái

dương cơ giàu có, là cái trang ấp trù phú ăn đời ở kiếp của anh, của vợ con, cháu chắt nội ngoại của anh.

Lao động với anh Rư là thú vui trần gian cao cả, là cơn say đắm hồn nhiên, là cách thức để thỏa mãn cái sức mạnh tiềm tàng không bao giờ dùng hết trong anh. Không ngơi nghỉ, không biết đến một miếng ngon, không ưa bàn luận thế sự, học thuyết, văn chương như những kẻ có được ít chữ nghĩa. Sách báo không có, loa đài không nghe, người cán bộ này chỉ một niềm mê mải là chuyển hóa cái sinh lực vô song của mình thành các tạo vật sinh sôi xung quanh mình. Làm! Làm không biết đến mệt nhọc! Làm không tiếc sức! Làm như ganh sức đua tài! Làm như thèm khát, như để thỏa nỗi căm hờn bấy lâu bị trói chân trói tay! Vô chứng vô bệnh, không biết ốm đau mỗi mệt là gì, như được sự trợ giúp của thần linh, con người này biến công việc khó nhọc thành các thao tác nhẹ nhàng của thói quen. Các thao tác nhẹ nhàng qua tháng ngày tạo nên các công trình. Và đến đây thì một bước nhảy vọt kỳ diệu thế là đã xuất hiện từ công việc lao động bình thường lặng lẽ của anh. Mọi cái đẹp ở trên đời thường hiện ra dưới dạng lặng lẽ. Lặng lẽ như tự nhiên muôn thuở, căn nhà anh Rư dựng, khúc suối anh Rư uốn dòng, vườn rau, mặt ao, hàng cây anh Rư tạo lập, toàn bộ sức lao động nhả nãi của anh đã được kết tinh thành một khung cảnh thật tươi đẹp hài hòa. Và tôi nhiều lúc đã phải kêu thầm lời tán phục và cảm ơn anh. Vượt ra khỏi mục đích thực dụng, đi tới nấc siêu hình, con người lao động đích thực này đã tạo nên cả một không gian trữ tình đậm thắm. Trong tĩnh mịch, cảnh vật nơi hẻm núi nhờ bàn tay anh đã đạt đến cái đẹp thâm lặng, hiền triết và vô tư. Con người anh vẻ như khô khạo thô mộc, nhưng sản phẩm anh tạo ra lại trau chuốt, mượt mà; anh giúp cho cuộc sống giảm đi cái phần buồn tẻ, nhàm chán vốn dĩ của nó. Hiển nhiên rồi, làm ra được những điều khác thường, anh Rư ắt hẳn phải là con người có tài đức khác thường đáng được chúng tôi vô cùng yêu quý!

Hôm ấy, bức toàn cảnh gần như sắp hoàn thành, anh chuyển sang một công việc được coi như là điểm một nét chấm phá cuối cùng. Anh đào giếng. Anh bảo với mẹ tôi rằng, vợ anh người Hà Nội, quen dùng nước sạch, dùng nước suối cô ấy dễ bị dị ứng da. Tôi hiểu, yêu là một duyên cớ cao thượng để con người được trở thành chính mình!

*

Anh Rư yêu quý vợ mình lắm. Tình yêu của anh không bộc lộ ở lời tung nịnh, ở cử chỉ âu yếm. Tình yêu của anh bộc lộ một cách cao thượng, lớn lao hơn. Anh đặt toàn bộ công việc nặng nhọc của gia đình trong thời kỳ xây dựng lên trên vai mình. Anh quyết biến cải hoàn cảnh để vợ anh được hưởng sự sung sướng, thuận lợi ngay trong lúc chiến tranh ác liệt phải sơ tán vào nơi núi rừng.

Chị Nhân, vợ anh Rư, tuổi ngoài ba mươi. Quê chị ở Thanh Hóa. Ra giúp việc ông chú ở Hà Nội từ lúc mười sáu tuổi. Ít lâu sau, ông chú mất, bà thím trở mặt, chị phải tự lập sống bằng nghề đi ở và gánh nước thuê. Anh Rư về Hà Nội họp, ở nhờ nhà ông bác cạnh nhà chị. Anh đã hơn bốn chục, gặp chị, cũng là gặp duyên trời, hai người lập tức gắn bó.

Chị Nhân thấp lùn, chân tay ngắn chùn chùn. Chưa con nhưng ngực xệ, bụng phưỡn. Mặt chị lại quá nhỏ, khéo chỉ bằng cái niêu kho cá bống. Thêm hai con mắt lá răm ở xa nhau, mặt chị thêm cái vẻ đơng đưa, hay lên mặt dài dẽ. Gương mặt chị lộ lộ nét trần tục và khí cục toát ra vẻ hèn kém thế nào ấy. Chị là người gốc nông thôn nhưng đua đòi tư tuốt, tính tình thì cõn cờ, ăn nói thì chần chừ, không có gia bản, căn cốt. Chỉ ít ngày sau khi chị lên ở với anh Rư, mẹ tôi đã nhận xét vậy. Và tôi cũng thấy không sai. Nhất là tiếp xúc với chị, thấy chị ăn uống điệu dàng, gảnh gót, ứng xử võng hãnh không phải lối, đặc biệt là hay bĩu môi bĩu mỏ chê người, chê anh Rư. Chị chê

anh Rư già, chê anh què kệch. Miệng chị phũ phàng. Dài giọng, chị mắng anh là vai u thịt bắp mồ hôi dầu, là đồ ăn gio bọ trấu ỉa ra than. Mẹ tôi chặc chặc lưỡi: “Chết, sao anh để chị ăn nói thế?” Thì anh cười hì hì: “Cháu chả chấp. Cô ấy non người trẻ dạ. Với lại, người thành thị được nuông chiều từ bé nên hay đòi hỏi. Lấy cháu, lên đây ở là cô ấy phải hy sinh nhiều lắm!”

Nhất nhất mọi việc anh Rư đều nhận phần dở, phần sai về mình. Anh nhường nhịn vợ hết mực, lại tưởng tượng ra mọi điều tốt đẹp để bênh vực vợ. Có bạn chị mắng anh té tát là đồ cổ cày vai bừa, chém to kho mận, đồ cả nể cá đuối anh kho quá mặn cho lợn, anh sang tôi chơi, cười hì hì, nói rằng, người đẹp họ thường khó tính và thú thật với tôi rằng đây là đời vợ thứ ba của anh. Hai người lấy ở làng quê, một tảo hôn, một nạ dòng, chữ nghĩa không biết, răng đen, xấu người xấu tính lắm, lại chẳng chữa để gì. So với họ, chị Nhân thật là nàng tiên, là hoàng hậu trong giấc mơ ao ước của anh!

“Rõ là xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân chưa kìa!” Mẹ tôi, ngồi trong nhà, nhìn ra bờ suối nơi anh Rư đang bỏ những nhát cuốc đầu tiên trong công trình đào giếng cho vợ anh, chép miệng, rồi thêm: “Khổ thân bác ấy, sao lại có người vừa chịu khó vừa tốt nhin thế!”

Việc đào giếng thu hút toàn bộ tâm sức của anh Rư. Anh xin nghỉ cái phép năm mươi hôm. Đất rừng ven suối lắm đá. Mới được ba lượt cuốc, đã thấy nước rỉ rỉ, phải lập tức chít mạch để đào tiếp. Xuống hơn một mét thì gặp tầng đá khô. Mừng húm, vội thúc xà beng xuống sâu nữa. Ấc cái, sau tầng đá tảng lại gặp đất sét và dưới nữa, lưỡi cuốc chìm bèn vạy mà chùn ngay lại vì chạm phải tầng đá gốc. Cuốc, đâm, nạy, bẩy, moi... càng xuống sâu càng khó nhọc. Khó nhọc vì diện tích hẹp, khó đào bới. Vì càng lúc càng ngột ngạt bí khí. Nhưng khó nhọc thế, chứ khó nhọc nữa cũng không thể làm thối chí đuổi bắt mạch nước ngầm của anh. Anh Rư quyết đuổi bắt bằng được nguồn nước thần tiên để vợ anh tắm tấp cho da thịt thêm tươi nhuận, thơm tho, mát mẻ, để chị vui vẻ, sung sướng. Vui

vẻ, sung sướng thì chị sẽ rộng lòng với anh, sẽ thông cảm với anh, sẽ không chê anh, sẽ thương anh. Anh sinh ra trong gia đình nông dân nghèo kiệt, thất học. Anh chẳng được cái mẹ bề ngoài, học hành lại tối dạ, văn chương vô nghệ, khẩu khiêu đều kém cỏi, làm ông giáo cấp một cũng không xong. Nhưng anh có đôi bàn tay năng nổ và một tấm lòng chân thực. Tấm lòng ấy chỉ nuôi một mộng ước là có được một tổ ấm nho nhỏ, một khung cảnh sinh hoạt thuận hòa, một đời sống no ấm, dễ chịu. Anh lại biết hạnh phúc của người đàn ông thường được bắt đầu từ người đàn bà. Chị Nhân vợ anh vì vậy chẳng phải chỉ là nàng tiên, bà hoàng mà còn là khởi điểm của giấc mộng hạnh phúc cả đời người của anh.

Cái giếng càng xuống sâu càng hút hồn hút sức anh Rư. Tụt xuống đáy giếng, một mình lụi hụi mò mẫm đào bới dưới đó, rồi lại bấu bờ, bám thành giếng leo lên, một mình kéo lên từng sảo đất đá. Không một lời nhờ cậy vợ, anh như con dúi dũi đất, một thân một mình trần lực ra làm, lặn lội cô đơn như bản chất của mọi sự sáng tạo. Chỉ có tôi chiều chiều bế con ra thăm anh. Ngó xuống lòng giếng, mắt tôi rơi theo một chiều sâu hun hút. Tôi gọi anh, tiếng âm vang. Anh trần trụi, lấm láp, ngửa mặt lên, ho hó mấy cái răng bần cuộc sau cặp môi hở, tiếng đáp nghe vắng vắng: “Ồ dưới này rét lắm!” Tôi rùng mình sờn cả da ốc như nhìn thấy âm ti địa ngục.

*

Đêm đó, nghe thấy tiếng người đàn bà rên rỉ ở nhà anh Rư, tôi chợt thức giấc.

- Gì thế, mẹ?

- Cô Nhân cô ấy chê bác Rư hôi hám, bẩn thỉu, cô ấy đuổi bác ấy ra, không cho ngủ chung. Rồi cô ấy khóc lóc, than thân trách phận, rằng nghe anh dõ ngon dõ ngọt, ai ngờ lên đất

đồng rừng khổ sở thế này. Biết thế này thì ở Hà Nội lấy thằng xích lô, ba gác có phải sướng hơn không!

Mẹ tôi thao thức. Lát sau, cụ chép miệng:

- Khổ! Đào giếng là độc lắm! Làm quần quật như thế thì sức voi cũng quy. Hay là hiền giả quá hóa ngu? Hay là bác ấy ngâm bồ hòn làm ngọt?

Mất chong chong, tôi thức giấc hoàn toàn. Số phận của anh Rư từ trong anh bước ra, giờ nó đang hiện ra trong tiếng khóc ti ti ai oán của chị Nhân. Chị Nhân khóc dai lắm. Khóc để bộc lộ nỗi niềm. Khóc như để gọi lòng thương xót của ai đó. Cho đến lúc, trong không gian đêm tối mênh mang bật lên một tiếng đàn:

Suối mơ bên rừng thu vắng

Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng.

Tiếng đàn mandolin!

Tiếng đàn dây bốn sợi mỏng manh gai gai gợn gợn một tâm tình cô độc thêm muốn thở than và quấy quả bấy lâu thi thoảng vẫn hiện lên trong khuya khoắt, dằng dai như một ám ảnh. Tiếng đàn ấy đêm nay như một ám hiệu kỳ quái khiến tôi bất giác phải lo ngại. Nỗi lo ngại của tôi thật sự đã mang máng hình thành cách đây ít lâu, kể từ khi xuất hiện một nhân vật mới ở hẻm núi cây số 7 này cùng tiếng đàn mandolin của gã. Đó là gã nhân viên thuế vụ đi chiếc xe đạp nhãn hiệu Phượng Hoàng, sơ tán cũng ở hẻm này, nhưng sâu vào phía trong thêm vài chục mét nữa. Gã trạc bốn mươi, da ngăm, tóc xoăn, vóc dạc cao lớn, mặt mũi vừa trai lơ đàng điểm, vừa hầm hập nổi thèm khát nhục thể. Một lần trời mưa, xuống xe đạp ở đầu hẻm, ngại con đường vào nhà lầy lội, anh chàng đẩy chiếc xe đến trước cửa nhà anh Rư, cất tiếng: “Người đẹp ơi! Nhà rộng, cho gửi chiếc xe qua đêm được không?” Chỉ có Nhân ở nhà. Gã đưa xe vào nhà, ngược lên cũng thấy chiếc Phượng Hoàng như của mình treo trên xà nhà, liền kêu to là nhà người đẹp giàu quá. Thế là người đẹp được thể rên rĩ, nhiec móc chồng. Chàng

nhân viên thuế vụ lập tức hứa sẽ giúp người đẹp tập xe đạp bằng chiếc xe của mình. Và đêm đêm cậu chàng như bóng gió nhẩn nha giao tình với chị chàng qua tiếng đàn mandolin gảy bài *Suối mơ* này.

Tiếng đàn của chàng nhân viên thuế vụ chắc hẳn chẳng lọt tai anh Rư. Nhưng anh chàng đã thực sự trở thành nhân vật tích cực tham gia vào hồi kết của vở kịch đời Rư, nhất là từ khi anh rơi vào trận ốm thập tử nhất sinh.

Đúng như mẹ tôi nói, đào giếng là độc lắm. Việc thổ mộ không học máu cũng học cơm. Và cảm giác nổi gai khắp người tôi hôm rồi, khi nhìn xuống lòng giếng sâu tám tối, thấy Rư ngửa mặt ho hó những chiếc răng cửa to bản, kêu rằng dưới này rét lắm đã là điều tiên báo cho cái sự kiện thảm thương chiều ấy, khi anh leo lên khỏi thành giếng, vừa đứng dậy đã xây xẩm mặt mày, ngã ngửa người, mắt trợn ngược, thân hình tím như đọng máu, ngay trên bờ cái giếng vừa mới hoàn thành.

Anh Rư ốm nặng quá! Ba ngày đầu anh xình xịch bốn mươi, bốn mốt độ. Đến ngày thứ tư thì chuyển sang vừa nóng vừa rét. Nóng thì như cái lò than. Rét thì rét từ ruột rét ra, người co quắp, răng lập cập, đắp bao nhiêu chăn chiếu cũng không lại. Liên mười ngày, cơm cháo nuốt được miếng nào lại nôn ra miếng ấy. Người đang đầy đà vậy, qua mấy hôm chỉ còn da bọc xương. Mặt nổi gồ lên đôi lưỡng quyền và đôi môi khô nẻ co lại để hở mấy chiếc răng to bản vàng khè, từ đó phát ra tiếng rên rỉ thê thảm. Anh Rư rên rỉ trong mê man. Trong mê man, có lúc anh khóc ngằn ngặt, rồi chép miệng buồn nản như muốn tự vấn, rằng “tại sao tôi lại khổ nhục thế này”. Lại có lúc bỗng dưng anh kêu la sợ hãi như trông thấy ma vương quỷ sứ dưới âm ti địa ngục. Xem ra trong con người có cái vỏ bề ngoài khù khờ, thô mộc này còn có điều ấm ức chưa nói ra được. Trong thể chất đang hư hoại của anh còn một khối uất kết không được giải tỏa.

Anh Rư hàng xóm của tôi, bấy lâu nay tôi đã hiểu hết anh đâu! Anh Rư bị sốt thương hàn, rồi biến chứng phát ban nhập lý. Nửa tháng qua, thấy anh càng ngày càng yếu, tôi và mẹ tôi giục chị Nhân đưa anh đi bệnh viện ở cây số 10. Thấy chị khát lần, tôi phải sang, cùng mấy người ở nơi anh công tác lừa lúc anh li bì trong cơn sốt, vục anh dậy đưa ra vũng. Nhưng nhạy cảm, anh biết, anh quẫy đạp, nhất quyết phản đối. Thểu thảo anh nói như mê lú rằng, anh đi thì để người ta chiếm mất nhà à. Rồi lại như buột miệng kêu: “Tôi chết ở đây thôi.” Mẹ tôi la hoảng: “Thử thui cái miệng bác đi!” Chị Nhân xõng tay, mặt lăm lăm: “Đã muốn chết thì cho chết luôn đi. Ai mà chiều mãi được.”

Anh Rư nằm đấy một tuần, bao nhiêu lợn gà chị Nhân đã đem đi bán hết. Chị không biết chăm sóc chồng ốm. Nói cho đúng, chị bỏ mặc anh. Nấu cho anh nồi cháo còn chưa kịp dừ chị đã bỏ đấy, tót đi tập xe đạp với gã thuế vụ. Mẹ tôi phàn nàn: “Rõ là tuồng mèo mả gà đồng chưa! Hỏi rằng không có người ta thì nó sao thoát khỏi kiếp đứng đường đứng chợ!” Rồi bà tiếp: “Khổ! Bác Rư bác ấy không biết! Chứ con nặc nô này nó đủ đởn với thằng ông mãnh từ lúc bác ấy đào giếng kia! Nhưng lúc này bối chuyện ra, bác ấy uất lên thì khổ!” Thật sự lo lắng cho tính mệnh anh Rư, mẹ tôi sau mấy đêm trần trọc, nghĩ rằng anh Rư đào giếng, chắc động phải cái mạch thổ thần gì đó nên bảo chị Nhân sửa soạn cái lễ tạ, nhưng chị gạt đi, nói rằng như thế là mê tín. Mẹ tôi bảo: Thế thì vái tứ phương tìm thuốc cho anh ấy đi, chị cũng chỉ ậm ừ, kêu rằng mình cũng đang ốm đây.

Chị Nhân chẳng bệnh tật ốm đau gì sất. Chị béo như con cun cút. Chị sờn sơ, mỡ màng thêm lên thì có. Má chị đỏ rạn và bụng chị như mỗi ngày một thêm phình phính. Buổi tối, tập xe đạp ở ngoài đường cái, tiếng chị cười hí hí vang vào tận hẻm núi. Có đêm gã nhân viên thuế vụ dèo chị đi xem chiếu bóng tận cây số 9, quá nửa đêm mới về. Còn kéo nhau ra cái giếng anh Rư đào, kéo nước, gội cho nhau, kỳ cọ, vỗ về nhau, khoái trá cười khinh khích từng hồi dài.

Một tháng qua, cảm cảnh cho số kiếp anh Rư, mẹ tôi phải lặn lội vào tận làng Mán Đỏ trong hẻm sâu, tìm thầy lang cho anh. Thầy lang Mán cắt cho anh mấy thang thuốc gia truyền, lại đặt ống giác hút máu độc ở lưng, ở ngực, anh mới đỡ. Dứt cơn sốt nhưng anh chỉ còn là một thân xác còng queo, nằm không động đậy trên ổ rơm, đôi môi dày nứt nẻ, khô se, hàm răng cửa đã hở lại càng hở. Nhà lúc này như nhà hoang. Vì chị Nhân gần như bỏ đi công khai tăng tịu với gã thuế vụ tóc xoắn. Gã thuế vụ vốn nòi hiếu dục, lại sống độc thân ở nơi hẻm rừng; còn chị chàng là chiếc thân lạc loài, hay đầu châu đấy, chê chồng, vừa háo của lạ vừa thích hoa lá non nỉ. Hai cái nhu cầu tinh thần và thể xác nhập vào nhau, lại gặp cảnh núi rừng quạnh vắng, tha hồ mà quán quỵên lẫn lóc. Nên đã có lúc tôi rơi vào trạng thái bất nhẫn, muốn hét to lên để ngăn một tội ác và chế ngự một nỗi khiếp đảm. Vì chính tai tôi nghe thấy ả vợ anh cần nhân: “Ốm mãi thế thì chết quách đi cho đỡ khổ có hơn không!”

May mắn thay, anh Rư đã qua khỏi được trận đau ốm thập tử nhất sinh nọ!

Anh Rư chưa chết. Anh Rư không chết. Thuốc thang lá lấu xằng xit, săn sóc sơ sài vậy thôi mà anh không chết. Anh không chết, vì quật ngã được anh đâu có dễ. Cơ thể anh được cấu tạo bằng chất liệu đặc biệt, nó kết tinh sức sống mãnh liệt của bốn, năm đời ông cha cụ kỵ sinh tồn trong nghèo nàn, đói khát, khốn khổ cùng cực. Anh không chết vì anh còn lắm khao khát, còn nhiều mong muốn, vì anh có ý chí hơn người. Người quê anh thường vậy, họ đã định làm cái gì là phải làm bằng được. Đấy, vừa tối qua, trong mê man, anh ứa nước mắt kêu mệt quá, biết thế này thì cố làm gì cho khổ. Vậy mà sáng hôm sau, tỉnh tỉnh một tí là anh lại lảm thảm một mình, rằng có nhẽ nên khai ruộng trồng lúa, chứ đừng nên thả mon nuôi lợn ở vùng lầy ấy.

Tuy vậy phải nói thật rằng, sức người là có hạn. Quá đắm đuối với dự định lớn lao và lạc thú cải tạo hoàn cảnh sống, anh

Rư đã tự vắt kiệt sức mình. Trợn ồm nghĩ mà kinh. Giờ đây mặt anh chỉ còn lại hai con mắt lơ lơ động đậy là còn thần sắc. Chân tay động cựa không được. Muốn đứng dậy đi lại, nhờ y tá tiêm cho mấy ống Strychnine vào chân để bổ gân cũng không ăn thua. Thở mạnh cũng là quá sức. Ngực xẹp. Phổi lép. Tim đập chập chờn. Óc trống không, ký ức hết sạch.

*

Phải hơn mười tháng sau anh Rư mới hồi sức. Hồi sức bắt đầu từ đôi chân. Anh ngồi dậy, thò chân xuống đất, nhói đau ở khớp đầu gối, ở hông, ở mỗi đốt sống và tận đỉnh đầu. Vịn tường vách, anh lò dò ra sân. Nắng sáng choang mảnh sân đất phát phơ mấy chồi cỏ. Bóng anh lều đều xiêu vẹo. Anh đưa tay che mắt. Anh quáng nắng, anh ngỡ ngàng vì như vừa bắt gặp một nguồn lực siêu thường từ cao xanh rọi xuống, phóng tỏa ra xung quanh, nhập vào nội tạng mình.

Mùa xuân đang rộ. Hoa riềng trắng bạch nở sáng lóa các mỏm đồi. Chân hai quả núi đất kẹp khe suối nhỏ bông bênh những vệt hoa đom đóm xám trắng và những bông lau bạc rập rờn lay động vì đàn chào mào vừa khuấy đảo. Trên đầu anh, không gian mở rộng hút tầm con mắt. Trước mắt anh, con suối mở rộng lòng, trong như lọc, chảy qua những viên sỏi cuội như được lau rửa, bào chuốt trắng phau, nhẵn bóng. Tươi vui biết bao là những chấm nắng nhảy nhót trên mỗi gợn sóng nhỏ. Và khung cảnh bỗng thoáng chút dịu hiu mơ mộng vì nét cắt ngang mềm mại của cây cầu qua suối không một bóng người. Anh muốn kêu to: “Ai làm ra cảnh tượng đẹp đẽ thế kia?”

Bước lên mấy bước nữa, anh Rư lại giật mình vì nhìn thấy bên bờ suối cái miệng giếng tròn vạnh. Trí nhớ của anh mù mịt khối sương. Anh ứa nước mắt sung sướng, có cảm giác Trời Phật đã hiện ra giúp anh. Cái giếng nước lọc, cái ao ước của

đời anh là hình tượng hóa tình yêu của anh với vợ anh thế là đã thành sự thật rồi!

Có tiếng rung nhẹ nhẹ trong không khí, anh Rư từ từ quay đầu lại. Trên mảnh sân anh vừa đi qua, những tấm áo quần ướt sũng vừa vắt lên sợi dây phơi hạt hồ đung đưa, bóng chúng in lên mặt đất những khoảng tối đen ngòm. Vợ anh vừa đi tới đầu dây phơi bên này. Chị đang kiễng chân cố sức để vắt lên đó tấm chăn chiên. Khổ! Sợi dây vì sợ chùng ở đoạn giữa nên hai đầu buộc phải níu trên cành cây cao tít. Mà chị thì lại quá thấp và hình như càng ngày càng thấp đi. Vắt trượt một lần, chị thở hổn hển. Lạch bạch chuyển chân tìm thế đứng mới, chị dún chân lấy đà, rướn thật lực thân người lên trong khi cánh tay phải hất mạnh tấm chăn cho nó bay vọt qua phía bên kia sợi dây. Trong động tác ấy, vạt áo chị mặc giật hất lên, hở hoác vùng bụng trắng hếu căng phình. Bụng chị Nhàn căng phình! Bụng chị Nhàn tròn mọng như bụng trâu no cỏ. Bụng chị Nhàn căng nhức như cái nhọt bọc sắp vỡ. Cái thai, nghiệt căn của cuộc tình trăng gió vô luân của chị đã sang tháng thứ tám!

Quay đầu lại, hai con mắt lơ dờ của anh Rư chết sững trong giây lát, rồi chợt nhếch chéo, lóe sáng. Nỗi niềm mu mớ ẩn chìm bấy lâu, nay trong ánh thần quang đã đi tới sự hiển linh, cặp mắt anh chợt sập xuống, anh toát mồ hôi lạnh, anh run lẩy bẩy. Cuộc sống thật trở treu và khốn khổ! Người vo tròn, kẻ bóp méo. Nhịn nhường hết mực mà hạnh phúc vẫn xa vời là thế; nhưng anh là con người thực sự chân chính, không một kẻ nào được phép lợi dụng, sỉ nhục anh! Không được phép!

Lê chân, anh Rư đi đến miệng cái giếng do chính tay anh khơi đào, nhìn xuống. Anh thấy mặt mình hiện trong nước giếng như mặt con nghé đồng đồng nhu nhú bốn cái răng cửa to bè.

Chiều ấy, tiếng máy bay Mỹ chộn rộn mãi ở sau núi tới hoàng hôn buông mới tắt hẳn. Tôi về đến nhà thì đã thấy mấy người sơn tràng từ trong hẻm ra đang túm tụm trên miệng cái giếng nọ và mẹ tôi mặt tái xám vì sợ hãi, ôm chặt đứa cháu nội đứng thín thít ở cạnh búi mai bên bờ suối. Cái chung cục thảm thương của một kiếp người lam lũ đã vắt kiệt sức lực và chân thành vun đắp cho mộng ước khốn khổ của đời mình đã tới rồi!

Anh Rư đâm đầu xuống giếng tự tử. Đầu anh vỡ toác, ngập trong nước. Đôi vai rộng của anh mắc kẹt ở bờ giếng hẹp. Loay hoay mãi, chẳng biết làm thế nào để đưa anh lên được, cực chẳng đã, tôi phải tụt xuống đáy giếng, buộc dây vào cổ chân anh để trên kéo, dưới nâng dần xác anh lên. Định vậy mà lóng ngóng mãi không xong. Phần vì kinh sợ, chân tay run lập cập. Phần vì lòng giếng lạnh rượi, có cảm giác nó như cái kính thiên văn khổng lồ chiếu lên thiên cực liên thông ba cấp vũ trụ: trời, đất, địa phủ.

Cuối cùng trời tối sập, công việc mới nhúc nhích. Nhưng xác anh Rư được dưới nâng, trên kéo tới gần miệng giếng, tôi bỗng rủn người, khuyu xuống, khiến tất cả những người ở trên bờ như hụt hẫng, lạc nhịp kêu to một tiếng kinh hoàng và buông tay. Lọt xuống lòng giếng tối mờ như âm phủ là tiếng đàn mandolin quen thuộc gảy bài *Suối mơ*. Tiếng đàn lớn vồn như một hồn ma bóng quỷ từ tiền kiếp hiện về...

29/9/1997

THẦY KHIỂN

Đó là những năm giữa của cuộc kháng chiến chống Pháp chín năm. Cả nước sau Chiến dịch Biên giới năm 1950 thắng lợi, rầm rộ chuyển sang giai đoạn tổng phản công giành thắng lợi hoàn toàn. Xã tôi ở bên này con sông Thi, đối ngạn là cả một vùng tề, bên kia, bỗng nhiên như trở thành tấm gương đại diện, nên mọi mặt từ đi dân quân, đóng thuế nông nghiệp, xây dựng dân quân du kích đến học tập văn hóa đều phát triển mạnh mẽ lắm. Riêng về mặt giáo dục, hơn hẳn các xã xung quanh, xã tôi năm nay có hơn ba chục học trò tốt nghiệp kỳ thi tiểu học, được chuyển lên học cấp học trên. Hơn ba mươi trò vào năm thứ nhất trung học, hẳn nhiên xã phải cố gắng để mở trường cấp hai rồi. Cái thuận để mở trường cấp hai còn là vì ông Chiên, chủ tịch xã tôi, xuất thân chèo đò ngang, tính tình táo tợn, lại có ông anh tên Sự mới được đề bạt phó Ty Giáo dục. Ông Sự làm nghề nông nhưng những ngày nông nhàn xách cái túi đồ nghề đi chữa đèn pin, kính bút, mồm miệng như cái tôm cái tép, được quy là xuất thân công nhân, thăm nhuần câu: “Một người làm quan cả họ được nhờ”, ủng hộ quyết liệt việc này. Ông nói: “Xét theo quan điểm *nịch* sử thì mở trường cấp hai ở đây *nà có ný*.” Ông phó Ty nói ngọng muốn nói đến sự phát triển về kinh tế, xã hội ở xã tôi. Xã tôi trời cho địa lợi, trên bến dưới thuyền, từ lâu đã hình thành một dãy phố và một khu chợ buôn bán tấp nập; từ ngày phân đôi chiến tuyến

ta - địch chẳng hề suy giảm, trái lại, lại như được kích thích, trở thành cửa ngõ giao lưu trao đổi hàng hóa hai vùng. Giờ thì đêm đêm dân buôn từ vùng tề bơi thuyền, lội sông sang, nuồm nượp kẻ bán người mua dưới ánh đèn *măng sông* xanh ngời. Nơi đây tiêu cả tiền ta, gọi là tiền trâu xanh lẫn tờ bạc Đông Dương của Pháp; ở đây có đủ mặt các thứ hàng thiết yếu, cao cấp, từ tập giấy *carbon* đánh máy, lọ nước hoa *Soir de Paris*, đến thuốc chống sốt rét đặc hiệu *Quinofort de la croix*... Nhìn phố xá tụ hội đông vui chẳng hề biết đến bom đạn, đã có lúc ông Chiên sạm mặt choắt, găm ghè cảnh báo dân chúng rằng: “Đừng tưởng bỏ! Tây nó dùng nơi này để nuôi cấy Việt gian và vỗ béo các vị đấy. Rồi có ngày nó cho máy bay tới làm cỏ sạch sành các vị cho mà xem!”

Việt gian tức là bọn điệp ngầm. Chẳng những thế, với từ ngữ đó, ông Chiên còn ám chỉ những kẻ từ bên kia sông sang, định cư làm ăn, buôn bán ở phố làng này. Phố làng đây là nơi qua lại công khai của cả hai bên, và với người dân ở bên vùng tề thì đâu chả là đồng đất nước mình nên tìm được đất lành là cứ việc đậu, họ đâu có nghĩ có ngày nằm trong vòng nghi ngại của ông Chiên. Trong số những người từ vùng địch chiếm sang đây ăn ở cùng đợt, tôi nhớ có ba người. Một người dắt cái xe đạp cuốc, được giới thiệu là *cua rơ* vô địch vòng đua quanh Đông Dương trước Cách mạng. Một người béo lùn mặc áo da, vai khoác khẩu súng hai nòng, đi xe mô tô, có chị vợ tóc *phi dê* mở cửa hàng bán thuốc Tây. Và một người nữa dáng mảnh khảnh, đeo kính cận, có bà vợ già hơn tuổi làm nghề may. Đến đây, người thứ nhất mở cửa hàng sửa chữa xe đạp. Ông thứ hai thường đi mô tô tới chân núi săn bắn chim muông, cây cáo. Còn người cận thị, khi xã tôi mở trường cấp hai thì trở thành thầy giáo Khiển của chúng tôi. Thầy giáo Khiển từ vùng địch chạy ra, vốn là giáo học được mời ra làm giáo viên kiêm hiệu trưởng trường cấp hai của xã. Trường chỉ có độc một mình

thầy, thầy dạy tất cả các môn từ Toán, Lý, Hóa, đến Văn, Sử, Địa, Vẽ, Nhạc, Thể dục.

“E hèm, ta làm quen với nhau nào!”

Tôi vẫn nhớ như in buổi đầu thầy vào lớp, thầy trò bắt đầu quen biết nhau. Thầy hấp háy hai con mắt trẻ trung, nghịch ngợm sau làn kính cận nhìn chúng tôi, lũ thiếu niên quê mùa, từ mười một, mười hai tuổi bé oắt như tôi đến loại lộc ngộc mười sáu, mười bảy tuổi, cười cười đi lại giữa hai hàng bàn, bảo từng người đứng lên, tự giới thiệu mình. Tối lượt anh Ngôn lớp trưởng mười bảy tuổi, thấy mặt anh đỏ sượng, nhú nha nhú nhí nói rằng anh đã có vợ, thầy liền vỗ vai anh, cười xòa:

- Có gì mà ngượng! Trước sau hỏi rằng có ai thoát được cuộc sống lứa đôi?

Thầy bảo, chính thầy cũng lấy vợ năm mười sáu tuổi. Nó là cái lệ tảo hôn! Thầy kể, mười một tuổi, bố mẹ dẫn đi xem mặt vợ, lúc về hỏi: “Mày thấy nó thế nào?” Thầy ngơ ngẩn hỏi: “Cái gì cơ ạ?” Đêm tân hôn, thầy leo lên gác chuồng trâu trốn biệt. Hôm sau, ông cậu đến, phân giải điều hay lẽ phải, rồi bảo: “Đêm nay cháu cứ vào nằm cùng giường với nó. Đàn bà ấy vậy mà nó cũng có nhiều cái hay ho lắm cháu à.” Thầy bị đẩy vào buồng cô dâu, nhưng thầy leo lên cái bàn, ngủ suốt đêm. Cứ thế một tháng liền, cho đến khi cô dâu tủi thân đòi bỏ về nhà bố mẹ, mưu mô của thầy mới bại lộ. Thế là thầy lâm cảnh đành phải nhắm mắt đưa chân lúc tắt đèn. Và bây giờ, mới hăm tám mà thầy đã có một trai hai gái, người tốp như cành củi khô, trong khi bà vợ bầm tư thì xỏ ra như cái đụn rạ. “Ấy, cái sự béo của bà ấy giải thích cái sự gầy của tôi, các em à.” Thầy gãi tai, giả vờ ngượng nghịu, thanh minh cho cái thể trạng gầy còm của mình.

Con trai nhà quê sớm phát triển tính tò mò, nghe chuyện thầy, khoái lắm. Chuyện lan ra làng phố, ai cũng bảo thầy Khiển là người vui tính, người vui tính thường là người tốt bụng.

Thầy Khiển quả là người vui tính. Ngoại hình thầy thoát trông đã thấy ngồ ngộ rồi. Gầy sát seo, da bánh mật, đã thế lại mặc toàn đồ chật bằng vải dày. Với cái thắt lưng siết chặt, thầy chỉ còn bằng cái chét tay. Trong khi đó, cái mũ thầy đội vành rộng gần bằng cái nón. Cái mũ cát bo to ấy chụp lên trên một cái đầu quá khổ có mái tóc xoăn tự nhiên. Cái kính cận lồi nuốt cả khuôn mặt nhỏ hoăn hoắt. Cái miệng chuột chù hơi dẩu ra cùng hàm răng trắng tinh tũm tũm nụ cười yêu đời một cách thường trực. Hai cái mắt kính và cái miệng thầy lúc nào cũng chúm xuống những cuốn sách *Toán học*, *Vật lý học* bằng tiếng Pháp dày cộm.

Thầy Khiển dưới con mắt dân quê có vẻ như là một người tốt bụng và lập dị. Vì dường như có cái gì đó như là hai mặt khác biệt cùng có mặt một lúc ở trong thầy. Thầy vui vẻ tếu táo đấy mà cũng nghiêm cẩn chuyên cần đấy. Xô bồ đấy mà xem ra cũng đàng hoàng tề chỉnh lắm. Thầy rất thích ăn lòng lợn tiết canh, bún ốc, bún riêu ở ngoài chợ. Nhưng bắt tay ai xong thầy cũng lấy khăn tay ra lau. Trong nhà thầy khắp nơi là khẩu hiệu. Ở bộ bàn ghế tiếp khách thì có dòng chữ viết: “Nếu ngồi chơi, Khiển đề nghị không quá năm phút”. Ở cửa buồng thì: “Không có việc miễn vào”. Ở lưng cái ghế bành thầy dán một tờ giấy ghi hàng chữ yêu cầu khách ngồi không gác chân lên ghế. Còn trên tường, chỗ thì: “Lấy đâu để đấy”, chỗ thì: “Nói khẽ, cười mỉm, đi nhẹ chân”, “Trật tự kỷ luật”...

Thầy hay ngủ trưa. Thầy hôn vợ trước khi đi làm. Thầy chơi thân với ông *cua rơ* vô địch và ông thợ săn. Gặp nhau là họ xì xồ tiếng Tây với nhau. Nhưng lắm khi thầy lại mang dáng dấp sĩ phu tử nói chuyện đòi toàn dẫn lời Khổng, Mạnh. Chẳng hạn, thầy không phàn nàn cảnh sống thiếu thốn ở vùng tự do, thầy bảo: “Cơm độn sắn khoai, mặc áo vá, chân đi dép cao su, có sao đâu! Vì như Đức Khổng phu tử đã nói: Kẻ sĩ gặp thời thì đi ngựa đi xe, không gặp thời thì đội nón đi bộ, các em à.”

Hồi mới vào học, anh Ngôn lớp tôi lớn tuổi đã có vợ nên có ý ngại ngùng việc đèn sách. Thấy vậy, thầy Khiển mắng liền:

- Nay, anh Ngôn có biết câu này của một triết gia Pháp không? “L’homme ne s’improvise pas.” Con người không nhất đán¹ mà thành được. Anh cũng nên biết câu này nữa của Khổng Tử: “Thủy ư vi sĩ. Chung ư vi thánh nhân.” Bắt đầu là học trò, chung cục là thánh nhân. Đáng thương cho kẻ nào không được làm học trò!

Nói câu sau cùng, thầy nhếch mép, đưa ngang mắt, như có ý ám chỉ ai đó.

*

Thầy Khiển của chúng tôi đã từng qua đời học trò và bây giờ tài giỏi như là đã đạt tới bậc thánh nhân. Lĩnh vực nào thầy cũng tinh thông, tỏ tường. Lịch sử Đông Tây kim cổ thầy lâu lâu. Tưởng như nhắm mắt thầy cũng vẽ được tám bản đồ thế giới, đủ đường nét khúc khuỷu, rắc rối. Động tới cái gì thầy cũng có thể đào sâu tới gốc rễ. Đã sâu sắc thầy lại tài hoa. Giỏi giang thì chắc không chỉ có mình thầy, nhưng cái duyên, cái tài hài hước thì khéo chỉ mình thầy có. Thầy bình *Truyện Kiều* thì cả lũ chúng tôi cứ ngây ra ngỡ ngàng, kinh ngạc như lần đầu thấy được một tòa lâu đài cực kỳ tráng lệ. Thầy bắt chúng tôi học thuộc lòng bài *Le Lac* của Lamartine, *Printemps* của Victor Hugo, lại dạy cho chúng tôi mấy câu tán gái tục tĩu dân dã.

Nhưng mà tài nhất phải nói là thầy dạy các môn Toán, Lý, Hóa. Sách giáo khoa không có. Thầy dịch từ sách Pháp thành bài dạy. Mỗi bài toán thầy dẫn chúng tôi vào một cuộc đấu trí thật say mê. Cái đẹp của toán học, chúng tôi nhận ra, thú vị

1. Bỗng nhiên một ngày kia.

và thân phục như thấy thầy không *compa* mà văng tay một cái là có được một hình tròn vành vạnh và tấm bảng đen trong giờ thầy dạy sặc sỡ các loại phấn màu, đẹp như một bức gấm thêu. Tôi nhớ mãi những buổi sinh hoạt dã ngoại, cắm trại ngoài trời. Chúng tôi lần theo các dấu hiệu bên đường, hồi hộp từng bước đi, phát huy trí sáng tạo để vượt qua một cây cầu hồng, một khe suối sâu, hay giải một câu đố hiểm. Trong ánh lửa trại bập bùng lay động bóng đêm, thầy dạy chúng tôi hát. Rồi thầy bảo: “Các em hãy coi như người đi xa, thử kể về làng mình xem.” Chúng tôi chưa biết nói thế nào thì anh Ngôn trưởng lớp đã nhanh mồm yêu cầu thầy kể về làng quê chôn rau cắt rốn của thầy. Thầy gật đầu, trầm ngâm: “Quê tôi là một làng nhỏ xa xăm như cái làng Mùì của văn hào Lỗ Tấn.” Anh Ngôn nghe đến đấy lại giơ tay: “Thưa thầy, Lỗ Tấn là ai ạ?” Thế là được dịp, từng nấc thang, thầy nâng chúng tôi lên những tầng hiểu biết mới. Chúng tôi biết Lỗ Tấn là đại văn hào Trung Quốc thời cách mạng. Chúng tôi biết cả Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang và *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, những từ ấy hàm chứa đại khái nội dung gì! Chúng tôi chạm đến tư tưởng nghiêm nghị của Descartes, triết lý thiết thực của La Fontaine, những vở kịch phàm trần của Molière, chất anh hùng lý tưởng của kịch Corneille...

Dạo đó đã làm gì có phòng thí nghiệm và đồ giảng dạy được cấp phát. Để dạy bài sức đẩy của nước, thầy phải gửi tiền sang vùng tề bên kia sông mua mấy tấm kính và *mát tít* về, gắn lại thành một cái bể nước nhỏ, lại nằn nì mượn được ba quả bóng *tennis* của ông thợ săn. Vào buổi học, thầy thả ba quả bóng nọ xuống bể nước. Lạ sao, ba quả bóng thì một quả nổi lênh bênh, một quả chìm xuống tận đáy, một quả lửng lơ giữa bể nước. Vì sao thế? Từ hiện tượng nọ thầy khắc sâu vào trí nhớ chúng tôi nguyên lý cái tàu ngầm. Thầy mượn chiếc vành xe của ông *cua rơ* về, gá lên mặt bàn, vừa quay vừa giảng về chuyển động. Nhân có buổi bộ đội huyện đấu bóng với thanh niên xã, thầy dành một buổi ngoại khóa mời một cầu thủ nổi

tiếng đến chơi. Cầu thủ này trong trận đấu vừa rồi có cú sút phạt góc rất tài tình. Quả bóng thoát đầu đi theo một đường thẳng nhưng về cuối lại quẹo về bên phải, lọt vào cầu môn. Tại sao có hiện tượng kỳ lạ vậy? Thầy vẽ hình quả bóng lên bảng, chia quả bóng thành bốn phần, rồi phân tích sức hút của quả đất, về lực đá và tác động của *mô men* quay, rồi chỉ phần dưới bên phải quả bóng và hất hàm hỏi anh cầu thủ: “Có phải anh đá bằng má trong bàn chân vào phần này quả bóng không?” Anh cầu thủ gật đầu, công nhận đúng. Chà! Cuộc sống hiện ra dưới ánh sáng khoa học lý thú biết bao nhiêu. Lặn xuống nước phải nhịn hơi. Con cá giật lên khỏi mặt nước bỗng thấy trĩu cành câu. Tra cán cuốc phải động ngược... Giờ đây chúng tôi đã hiểu các hiện tượng nọ ở chiều sâu nguyên lý. Bừng lên trong chúng tôi một ngọn lửa khát khao hiểu biết, được nhen nhúm, từ tay thầy. Và nhìn ra chung quanh, chúng tôi nhận ra những vùng tối tăm mù mịt.

Nhưng rồi đã xảy ra một cái gì đó như là một trục trặc. Vâng! Đã xảy ra một sự trục trặc bất thường, khởi đầu là một tiết dạy của thầy. Tiết ấy thầy dạy về cơ thể con người, tôi đi học muộn. Vừa bước vào lớp tôi liền bị thầy gọi lên bảng và còn đang ngơ ngác đã thấy thầy chỉ cái mặt bàn bảo tôi bước lên. Ô hay! Lớp học hôm nay sao đông thế? Tôi dụi mắt. Thì ra ở cuối lớp có kê thêm một hàng ghế, lúc này trên hàng ghế nọ đã chật người và tôi nhận ra đứng đầu tốp người nọ là ông Chiên chủ tịch xã mặt choắt, mắt sâu râu rậm đang gườm gườm nhìn lên. Các vị chức sắc ở xã chẳng hiểu vì lý do gì, bỗng ập đến kiểm tra việc giảng dạy của thầy Khiển.

“Em cởi áo ra!” Tôi vừa định thân thì nghe lời thầy Khiển. Cởi áo? Thế là thế nào? Tôi hơi co người lại nhưng kìa, thầy đã giục một lần nữa. A, thế thì tôi hiểu rồi. Thầy dùng thân thể tôi để làm đồ dùng giảng dạy. Thầy dạy cho học trò chúng tôi biết: thân thể người ta chia ra làm ba phần, đầu là đầu, đầu là tứ chi, chỗ nào là ngực, phần nào là bụng, là lưng.

Xoay người tôi đối diện với các vị chức sắc và lớp học, lần này thầy làm tôi đỏ dừ mặt vì thầy lại ghé tai tôi, nói thầm: “Em cởi quần ra!” Ôi, cởi quần! Tôi run lấy bầy vì sợ, vì ngượng ngùng. Nhưng kìa, thầy đã lại ghé tai tôi, thầm thì: “Chú bé can đảm! Hãy giúp thầy để thầy dạy các bạn và...”

Tôi không hiểu mình đã cởi dây rút và tụt cái quần đùi ra như thế nào. Người tôi cứng đơ. Mắt tôi tóe vòng xanh đỏ, rồi nhòe nhòe. Tôi như cái máy, mặc thầy xoay trước đặt sau, lần lần giảng giải và chỉ trở từng bộ phận ở phần dưới của cái cơ thể hoàn toàn trần trụi của tôi, cho cả lớp học nghe.

Cuối cùng, tôi nghe thấy thầy bảo các bạn hoan hô tôi đã can đảm, và tôi vội xỏ chân vào hai ống quần, kéo ngược lên, rồi nhảy phịch xuống đất, chạy về chỗ ngồi, giữa tiếng vỗ tay ầm ĩ của bạn bè và tiếng xô ghế tức giận của ông Chiên ngồi dự ở cuối lớp.

*

Câu chuyện tôi cởi truồng ở giờ dạy nọ của thầy Khiển không ngờ gây ồn ĩ và trở thành đầu đề của bao cuộc phiếm luận, đàm tiếu của những người nhiều sự. Những người này bảo thầy Khiển thế mà thâm. “Rõ là trật c. ra trước mặt lão Chiên mà lão chẳng làm gì được. Cứ hằm hè, dậm dọa chúng tao nữa đi, hồi thằng chèo dò ngang gặp thời thế lên mặt hống hách kia! Ha ha...” Được dịp, thế là quán nước bên bờ râm rĩ câu chuyện về anh em Chiên - Sự. “Hai anh em nhà này y hệt nhau, cùng thất học mà hung hăng lắm. Rõ là “thời lai đồ diếu thành công dị”¹ chưa!” Chiên chỉ là anh chỏ dò ngang mà nghênh ngang một cõi, bất chấp lệ luật, muốn bắt chẹt ai cứ tự

1. Một câu trong bài *Cảm hoài* của nhà thơ Đặng Dung (1373-1474), nghĩa là “bản tiện gặp thời lên cũng dễ” (Phan Kế Bính dịch).

tiện. Còn Sự được cất nhắc, vì hay lên mặt với mấy người tản cư, dị ứng với người trí thức, coi kẻ có học tuốt luốt là Việt gian gian điệp. Cả hai cùng dòng máu dân dè, cùng mắc thói tí tởn đàn bà, con gái. Chiên thì công khai ăn ở với một chị chồng đi bộ đội, làm bún bán ở bờ sông. Còn Sự thì được đặt tục danh là “Sự sờ nặng” để nhắc ông nhớ viết đúng chính tả tên ông, vì hồi học bình dân ông hay viết sai và cũng ám thị luôn tật xấu hay sờ soạng nữ nhân viên cơ quan của ông.

Tất nhiên chuyện đến tai bố tôi, một nông dân đọc thông viết thạo chữ quốc ngữ và võ vẽ dăm ba chữ thánh hiền. Một hôm, ở trụ sở ủy ban xã về, mặt hầm hầm, ông gọi tôi lên, bảo tôi kể lại câu chuyện rồi đấm mạnh tay xuống bàn, nói rằng ông sẽ kiện thầy Khiển. Kiện thầy Khiển, vì thầy đã làm nhục con ông.

“Thôi ông ơi, chẳng qua là cái sự bất đắc dĩ chứ thầy nào có dụng tâm vậy.” Nghe mẹ tôi can ngăn, bố tôi lặng đi một lúc, xem ra có vẻ nguôi, rồi thở ra nhẹ nhẹ: “Tôi thì tôi sẵn sàng bỏ qua, nhưng anh em nhà lão Chiên thì nó không để thầy yên đâu.”

Thầy Khiển tôi chẳng yên được với anh em nhà ông Chiên, Sự đâu. Các anh lớn ở lớp tôi và tôi là đứa bé nhất lớp, ngày ngày đều dỗi theo thầy với tâm trạng nơm nớp lo ngại cho thầy. Chiên, Sự đều chẳng phải tay vừa. Chiên thì bạo tợn. Sự thì lợi khẩu. Mà trong tay họ giờ là quyền hành. Nhưng hình như thầy Khiển của chúng tôi chẳng biết gì đến điều nguy hiểm đang đe dọa thầy. Hai mắt kính thầy cứ lấp láy. Cái miệng chù chù của thầy cứ ho hó. Thầy vẫn một phong thái tề chỉnh, đàng hoàng, vô tư, hồn nhiên, không thiện không ác, như bẩm sinh tính người. Mỗi giờ dạy của thầy vẫn đều đặn là một dịp thầy phát tiết anh hoa. Thầy vẫn là thầy, bất cần biết ngoại cảnh.

Thầy Khiển không biết gì về anh em nhà lão chèo dò, chữa đèn pin, kính bút ư? Họ có thể trả thù thầy. Họ có thể bắt thầy

kiểm điểm. Họ có thể thi hành kỷ luật thầy. Thậm chí có thể sa thải thầy. Mà thầy, tiếng vậy cũng yếu thế lắm. Thầy chỉ có bà vợ sờ sờ với chiếc máy khâu cộc cạch cùng ba đứa con nhỏ. Thêm nữa có chẳng là ông *cua rơ* mở cửa hàng sửa chữa xe đạp và ông thợ săn cùng bà vợ bán thuốc Tây. Nhưng bạn bè nếu là chỗ dựa thì chỗ dựa của thầy cũng đã lung lay rồi. Vì sau chuyện nọ ít lâu, họ đã biến mất. Nghe kể lại thì hóa ra một đêm đầu tháng vừa rồi, các ông bà bạn nọ của thầy đã bí mật vượt sông, trở lại vùng tề. Họ đi, để lại nỗi dị nghị trong dư luận dân làng về tư cách chính trị của thầy. Rồi giữa lúc đó lại xảy ra việc một chiếc máy bay hai cánh của Pháp đã sà xuống phố thấp đến nỗi cánh quạt nó thổi tung cả mái cộ lợp chợ, và ông Chiên quả quyết rằng: “Máy bay Pháp nó rà soát lại những địa điểm bọn gián điệp báo cáo, để chuẩn bị oanh tạc nay mai đấy, hãy liệu hồn!”

Lúc này chúng tôi mới nhận ra thoáng qua gương mặt lút sau đôi kính của thầy Khiển một chút nén chịu nỗi tỏa nhục đang bao vây mình. Nhưng chỉ là thoáng qua thôi. Cũng thoáng qua như một câu nói của thầy ở buổi sáng hôm ấy: “Chúng ta phải sẵn sàng đối phó nếu nhà trường bị phi cơ Pháp oanh kích.” Thoảng qua thôi vì ngay lập tức tất cả chúng tôi bị cuốn vào không khí bận rộn chuẩn bị đón đoàn cán bộ Ty Giáo dục về thăm và kiểm tra trường.

Đoàn cán bộ Ty Giáo dục có ba người, dẫn đầu là ông Sự. Ông Sự, biệt danh “Sự sờ nặng” chỉ hao hao giống ông Chiên vì hai người cùng mẹ khác cha. Mặt mỏng, mắt trầm, miệng bẹt như miệng cá trê, trông vẻ ngoài ông Sự hơi lù đù. Ngồi trên một cái ghế tựa ở cuối lớp suốt ba giờ dạy của thầy Khiển, mặt ông cứ lì lì, mắt ông cứ gườm gườm, và thỉnh thoảng lại như thạch sùng đánh lưỡi tách một cái hoặc giả vờ ngúc ngắc cổ để liếc mắt về phía mấy chị nữ sinh lớn tuổi của lớp. Trong khi ấy, đáp lại thái độ thiếu cởi mở của ông, thầy Khiển là một phong cách linh hoạt, biến hóa tài tình.

Giờ thứ nhất thầy ôm chồng vở bài tập tới cửa lớp. Cửa đóng vì gió lạnh. Hai tay vương bận. Thầy xoay người lại, dùng móng hích vào cánh cửa rồi đi giật lùi vào. Sau đó ngoảnh lại, mắt thầy tươi vui và đặc chí như vừa vượt qua được vật chướng ngại. Đó là giờ Số học. Thầy giảng bài thật khúc chiết và văn hoa, nhưng thỉnh thoảng lại làm như vô tình, hất hàm về phía ông Sự và hai ông cùng đoàn Ty Giáo dục, hỏi rất trịch thượng: “Có hiểu thật không mà sao lằm lè thế, các cậu?”

Giờ thứ hai là giờ Hóa học. Giờ này thầy toàn nói tiếng Nghệ An. Ôi cái tiếng miền Trung âm sắc lạ tai gây ấn tượng lạ lùng về sự phong phú của tiếng nói Việt Nam. Kết thúc giờ dạy, thầy nói: “Tiếng Nghệ cũng hay lắm chứ. Ở đời, đừng có bao giờ nghĩ chỉ có mình là hay, là đẹp, các em à!”

Giờ thứ ba là giờ Chính tả. Ba ông cán bộ Ty Giáo dục cùng ngơ ngác hơn vì thầy toàn dùng giọng Sài Gòn. Lại có phần giống như mọi lần, anh Ngôn trưởng lớp vẫn cố tạt hay quên và nhanh nhẩu, sau khi thầy đọc một câu dài, liền bật dậy gãi đầu gãi tai, hỏi: “Thưa thầy “sung sướng” với “xấu xa” viết thế nào ạ?” Nghe anh Ngôn hỏi vậy, thầy liền bảo cả lớp buông bút, nhìn lên bảng. Trên bảng đen hiện lên hai chữ “s” và “x” to chừng thầy vừa vẽ xong. Nói thầy vẽ là đúng, vì khi thầy hỏi: chữ “s” giống con gì, chúng tôi đều đồng thanh đáp là nó giống con chim. Và cũng như thế, chữ “x” giống con bướm. “Ấy thế”, thầy nói, miệng tùm tùm, mặt tỉnh không, “anh Ngôn nhớ cho thầy: “sung sướng” viết “s”, chữ “s” trông giống con chim, còn “xấu xa” viết “x” giống hình con bướm. Hay nói một cách ngắn gọn dễ dễ nhớ: sờ chim là sung sướng, sờ bướm là xấu xa. Được chưa nào?” Các chị nữ sinh nhay cảm gục đầu ngay xuống mặt bàn cười nghẹn. Còn thầy, thầy đi xuống cuối lớp, đến trước ông Sự, đứng đỉnh: “Tôi chỉ nhân nhượng anh, một lần này nữa thôi nhé, anh Ngôn!” Các anh học trò lớn lớp tôi đều hiểu hàm ý trêu chọc của thầy nhưng không ai dám quay lại nhìn

ông Sự, vì cũng còn đang thú vị về sự ứng đối, liên tưởng cực kỳ nhạy bén, thông minh của thầy.

*

Sấm sét hiển nhiên là sẽ giội xuống đầu thầy Khiển tôi rồi. Chuyện từ miệng học trò, từ mồm hai ông cán bộ tháp tùng ông Sự loang ra ngoài dân. Bố tôi cũng biết. Bây giờ ông cũng nhận ra là hồi xảy ra câu chuyện tôi cởi truồng ở lớp, ông đã bị ông Chiên kích động, xúi giục. Ông cũng đã có phần nhận ra thầy Khiển tôi không phải là người xấu. Và ông lo ngại cho thầy. Chiên, Sự đều chẳng phải tay vừa. Chiên thì bạo tợn. Sự thì lợi khẩu. Mà trong tay họ giờ là quyền hành.

Quả nhiên ông phó Ty đã chẳng chẳng nhìn vào hai mắt kính thầy Khiển và nhếch mép, kể cả:

- Thế mới biết *nằm* ông thầy *nà* khó *nắm*!
- Ông nói như lời thánh dạy vậy. - Thầy Khiển đáp, tay chap một như là khúm nịnh.

Ông Sự trợn mắt:

- Khó *nà* ở chỗ nào, ông giáo có biết không?
- Dạ, ở chỗ phải tri kỷ tri bỉ.
- Cái gì?
- Phải tri kỷ tri bỉ. Tức là phải tự biết cái kém cỏi bỉ tiện của mình.
- Phải giỏi chính trị! Chính trị! Hiểu chưa? - Ông Sự quát. Thầy Khiển ngẩng lên ngập ngừng:
- Vâng, phải giỏi chính trị và... chính tả nữa ạ!

Tối đây thì ông Sự không giữ bình tĩnh được nữa. Ông xả một tràng liên tục. Ông kết tội thầy là vô chính trị. Ông nhắc lại lai lịch thầy vốn dân vùng tề. Ông kể lại việc thầy tán

chuyện trai gái buổi đầu nhập học. Ông dựa vào thế kẻ cầm quyền, lấy cái lý để thất buộc cái thói gàn gàn ngông ngạo dở ương của thầy và cho rằng thầy là kẻ phản nghịch, xỏ lá ba que, là phần tử bất trị, là quân phá hoại. Suốt một buổi họp ba tiếng đồng hồ nhận lời mắng mỏ, quy kết xối xả nặng nề của ông Sự, thầy Khiển cứ nín thít. Tối khi thấy ông phó Ty đã có vẻ mệt, thầy mới rụt rè nhìn ông, hỏi: “Ông đã nói hết chưa ạ?” và thầy khẽ khàng, rành rọt:

- Tôi từ cha sinh mẹ đẻ, thầy mẹ bán hai mẫu ruộng lấy tiền cho ăn học, chỉ cốt trở thành người tử tế. Tôi tự nghĩ, con người ta, trừ cao nhân dật sĩ, thiên tài ra, còn thì kể từ ông giáo trường làng như tôi, tới nhà nông canh điền, kẻ chèo đò ngang, anh thợ chữa khóa rong cũng là sần sần như nhau, thì nên coi vui vẻ sống là đức tính hàng đầu. Nước trong là vì nguồn không đục. Lòng có thiện thì mới biết vui cười.

Ông Sự nghe đến đó thì rối trí quá, liền đập bàn, át:

- Thôi, thực tế sẽ trả lời ông!

*

Thực tế đã trả lời.

Thực tế thật phũ phàng, nó ủng hộ ông Sự, nó ở thể đối lập với thầy Khiển, nó đưa thầy vào thế chân tường. Thực tế chứng minh là lời cảnh báo hôm nào của chủ tịch Chiên là đúng. Tháng Tám năm đó, vào một ngày nước sông Thi dâng tới cao điểm, ngập tràn hai bờ, một đàn Dakota¹ Pháp đã bay tới ném bom triệt hạ phố làng tôi. Thiên tai phối hợp với địch họa, thật tàn bạo. Hơn một trăm người chết. Cái phố đông vui trên bến dưới thuyền trở thành một vùng tóc tang, sau

1. Hay còn được gọi là Douglas C-47 Skytrain, một loại máy bay vận tải quân sự.

cơn khủng khiếp chỉ còn sót lại mấy cây gạo cụt cành, tôi tả. Nỗi kinh hoàng còn ám ảnh trên bộ mặt ngơ ngác, trong tâm trí hoang mang và len lỏi vào trong giấc mê dữ của cả bố tôi, người cũng vừa nhất nhà. “Máy bay đấy, chạy đi!” Một đêm ông hét toáng lên vậy, rồi bật dậy, sờ tấm lưng đẫm mồ hôi, lập cập tìm cái điều, rồi nhìn mẹ tôi, thì thầm: “Tôi thấy rõ ràng ba cái tàu bay nó dàn hàng ngang, đen sì sì mà chẳng thấy keng báo động gì sốt! Hãi quá! Hừ, mẹ cha quân Việt gian nó leo cao chui sâu chỉ điểm và phá từ trong phá ra!” Mẹ tôi ngồi yên, lát sau thở dài. Bố tôi nói vậy có ý ám chỉ ai, mẹ tôi biết rồi. Ôi, sự đời nông sâu, lòng người uẩn khúc, biết đâu mà ngờ!

Thầy Khiển bị bắt sau trận bom nọ ba hôm, sau khi thầy vừa làm lễ tam nhật, vĩnh biệt người vợ thân yêu của mình. Ba đứa con đầu quấn khăn tang mẹ, nước mắt ngấn dài. Theo bố đến tận cổng trại giam thì chúng bị gạt trở lại. Đứa lớn nhất mười hai tuổi, đứa nhỏ nhất tám tuổi, chúng giờ đây biết nhờ cậy vào ai? Anh Ngôn lớp trưởng của chúng tôi đã xuất hiện đúng lúc. Anh đưa chúng về sống cùng với vợ chồng anh. Và may thay, ba tháng sau, có lẽ cũng là nhờ một phần ở ba đứa con côi nảo lòng ấy mà thầy được thả về.

Ôi, thầy Khiển, thầy Khiển của chúng tôi đã thoát cảnh tù tội. Nhưng thầy không thoát khỏi cảnh thân cô thế cô giữa cộng đồng. Thầy bị sa thải ra khỏi ngành giáo dục. Thầy rộc rạc cả người, sự sống chỉ còn lại đôi mắt kính cận, nhiều lúc ngây đờ như vô cảm. Nhìn cảnh thầy còm nhom, một chiều thu hui hắt cùng ba đứa con gầy guộc, nức nở trước mộ mẹ, chúng tôi không sao cầm được nước mắt. Cuộc sống thật là khủng khiếp! Chi phối chúng ta không phải là một sức mạnh vô hình. Tất cả đều rất cụ thể và đơn giản đến không ngờ!

Đơn giản như hôm nay ngủ ở đâu, ăn cái gì, ngày mai ăn cái gì, ngủ ở đâu. Hối ôi, người thầy giáo tài hoa, vui tính và ngông ngạo đã đem cả sở tri sở thức của mình mà tu bổ dân trí, người sẽ sống thế nào đây trong hoàn cảnh hẹp hòi và

khắc nghiệt, ít sự bao dung cao cả này? Hay là người rơi vào cơn quẩn trí, tự mình mình chứng cho sự nghi ngại của mọi người là đúng? Đã gầy còm nay thấy thêm choắt cheo, lại như thần khí đã vơi cạn, hồn vía đã mất vài ba phần, thấy ngẩn ngơ, vật vờ như cái bóng vô định. Kính đeo trên mắt mà cứ tìm quẩn. Đang đi bỗng nhiên lại rạp xuống mặt đường như kiếm vật vừa đánh rơi. Ra đường mũ không đội, hai nách lại cắp hai chiếc dép, mồm thì lẩm bẩm: “Chim mỏ quạp, cá mồm ngang, người lười nhon là đáng sợ lắm.”

“Tao lo cho thầy quá, nhưng nói với thầy, thầy lại cười khà, đáp: “Quân tử dựa vào mình, em ạ.” Tao đã mua cho thầy một mảnh đất ở cạnh nhà tao, dựng một túp lều tạm cho bốn bố con thầy rồi. Tao chắc là thầy sẽ qua khỏi, sẽ xoay sở được.” Anh Ngôn nói vậy hôm tôi đến anh từ biệt để theo chú tôi lên tỉnh học tiếp. Cơ sự này, Tây nó sẽ còn cho máy bay bắn phá tiếp, năm học đầu tiên cấp trung học có lẽ sẽ chỉ còn lại là những kỷ niệm đầy luyến nhớ với chúng tôi thôi.

- Thôi mà đi. Thỉnh thoảng viết thư về thăm thầy. Ước gì có những người rộng lượng, biết đánh giá cái tài, cái tâm thật sự của thầy.

Anh Ngôn nắm tay rồi lắc lắc, cười ứa lệ.

- Anh Ngôn này.

- Mà còn thắc mắc gì...

- Em chỉ sợ...

- Thôi, mà đừng nói nữa. - Anh Ngôn cướp lời tôi, giọng thất nghẹn. - Tao đang lo bởi bởi đây. Thầy mà ngã lòng, mà sợ hãi chạy sang vùng tề thì lão Chiên, lão Sự nó phải đốt pháo ăn mừng. Mà tao thì... chết mất. Không! Không bao giờ thầy là Việt gian, có đúng không? Thầy vui tính, có khi chơi ngông nhưng thầy tốt bụng, thầy là người đảng hoàng, kẻ hẹp hòi hay đố kỵ, ít học sao hiểu được thầy!

Tôi xa làng từ đó. Và không ngờ xa thế, cả ba chục năm liền. Cả ba chục năm, khi ngồi trên ghế học đường, lúc trong quân ngũ, lại có thời như một thân cò kiếp vạc ăn nơi thung xa ở xứ người, vậy mà có lúc nào thôi bồn chồn về số phận thầy Khiển. Con người ta không nhất đán mà thành. Hình thành được một con người là cả một công cuộc lâu bền và khi đã hình thành thì con người ta là vĩnh viễn, bất biến. Vẫn biết là vậy. Vẫn biết thầy Khiển là vậy mà vẫn âu lo. Liệu con người kia, con người tài năng tâm huyết, có căn cốt đàng hoàng có vượt qua cái nhỏ mọn của chính mình và thói đời thiên cận, vì dị khí tương thù để thoát khỏi kiếp phận long đong?

*

Cuối cùng thì khúc sông trắng lạnh đã hiện ra trước mắt tôi như để nhắc nhở tôi ý tưởng một câu cách ngôn cổ đại: “Người ta không bao giờ tắm hai lần trên cùng một con sông.” Sông Thi đã miệt mài chảy qua đôi bờ lịch sử, giờ như một tứ thơ, phiêu lãng giữa bát ngát lúa ngô.

Tôi bước lên đò ngang, nhập vào đám các bà các chị gánh gồng qua sông sang phố chợ khi người lái đã chống mái chèo đẩy con thuyền gỗ khỏi bờ. Người lái đò! Chợt nhận ra ông trong sừng sốt và không nén được tò mò, tôi cúi xuống bà lão có gánh trầu cau ngồi bên cẳng thuyền bên cạnh mình. Bà lão nhỏ bé, da bánh mật, phụng phịu miếng trầu, nghe tôi hỏi, hai con mắt như hai hạt bạc lặn tẩn ánh cười nửa như nhạo báng nửa như vô tư:

- Chẳng ông Chiên rậm râu sâu mắt một thời thét ra lửa thì còn ai nữa! Ông anh ông ấy tên Sự, người lười nhon, vừa mất tuần trước. Ấy, hùng hùng hổ hổ được ít lâu, rồi cuối cùng mèo lại hoàn mèo!

Tôi ngẩng lên, hiêng hiêng mắt về phía đuôi thuyền. Thuyền đã xa bờ bên. Trần mây cao bỗng, gió vi vút diễn đạt cái bao la vô cùng, đưa con người vào trạng thái sục hăng vì chợt nhận ra mình quá bé nhỏ giữa cô quạnh. Thuyền nhích ra giữa dòng và người lái đồ chừng như đã nghe thấy câu trả lời tôi của bà lão bán trầu cau, giờ mới hất hàm về phía tôi, bắt chuyện.

Trả lời câu hỏi của ông, tôi là ai, có việc gì mà hỏi ông, tôi đáp: Tôi quê ở đây, nhưng giờ họ hàng, cha mẹ đã chuyển cư ra tỉnh rồi. Tôi về đây là để thăm thầy giáo Khiển. Tôi chính là “chú bé can đảm” đây. Tối chi tiết này, ông lái và cả chuyến dò như sức nhớ, bật cười à à. Và ngay lập tức như đã nấp sẵn ở đâu đó trong ký ức người này, người nọ những câu chuyện vui có buồn có về thầy giáo của tôi được dịp sổ lồng, sống động cả lòng thuyền, mặt sông.

Ngắt cái cười đang hồi nắc nẻ, bà lão bán trầu cau hất mắt về phía ông lái đồ, đột ngột day đả mà nhẹ tênh:

- Mà sao hai anh em nhà ông hành người ta quá thể thể. Không cho người ta dạy học. Người ta chuyển sang làm nghề chụp ảnh, cũng lại lấy cớ là mua lậu giấy ảnh để cấm đoán. Người ta chuyển sang nấu kẹo mạch nha, cất tinh dầu bạc hà cũng lại tìm cách triệt vi tróc vấy. Nhưng mà sinh sự thì sự sinh, hạ được người ta có dễ đâu, ông nhỉ!

Cứ tưởng người lái đồ bị khích vậy thì nổi giận. Nào ngờ, ông lại chành cái miệng rộng lợi khẩu, cất tiếng cười khê khê:

- Nó là cái thời đối địch thì địch lại đây. Bên là thường, bên là chao. Chẳng ông nào chịu ông nào.

- Sung ngái một lòng, buổi bùng một dạ mà sao giở trò thắm ngược với nhau thế?

- Bử ơi, nó là tức khí vật, ngưng ngưng vật, sĩ diện vật, được thua vật. Ông có chữ nghĩa thì khinh ông thất học. Ông thất học thì ganh với ông có chữ nghĩa.

- Thế có đặc thời nhất thế không?

Con dò chành mạn tránh một lượn sóng, dẫn qua dòng chảy giữa lòng sông. Bỏ qua câu hỏi móc máy đảo để của bà cụ am hiểu sự đời, ông lái dò đứng dậy, nhoai cánh tay đẩy mái chèo và nhìn tôi, chuyển giọng vui vẻ khác thường:

- Chú bé can đảm ời, chú không gặp may rồi, thầy Khiển của chú vừa qua dò sáng nay. Thầy lên tỉnh đón cậu con trai thầy đỗ tiến sĩ ở Nga mới về nước. Trên ấy còn có cô con gái thầy làm hiệu trưởng trường trung học đấy. Ở đây, giờ chỉ còn mỗi cửa hàng sinh vật cảnh thầy nhờ tôi trông coi hộ thôi. Chú quay lui đi, tôi chở chú ngay giờ thôi.

Tôi đã lên bờ bên này. Ngõ ngàng trước một thị trấn làng quê tấp nập, càn kinh ngạc khi đứng giữa cửa hàng sinh vật cảnh của thầy Khiển tôi. Si, tùng, trắc bách diệp, thiên tuế, đại lộc, bên đào, mai, sủng, lựu, nguyệt quế, ngô đồng gốc lớn, u nổi sần sùi, mốc mốc, thân cành thanh nhã, cách điệu, chen đua cùng lưỡi hổ, xương rồng, ngà voi, cúc mốc dáng kiêu kỳ cục, lạ mắt. Xanh om cây lá một vùng vừa quần tụ trong chế ngự, vừa quấy động dáng nét tài hoa của người gây trồng. Tôi đi qua dáng trực, xiên, hoành, huyền, các thế long giáng, phượng vũ, hạc lập, dừng lại ở một gốc si cổ thụ, thế phụ tử, ở đó thân lớn là cha già gốc to, dáng thẳng đứng, thô cứng mà vẫn phẳng phất vẻ hồn hậu, vui tươi.

12/1996

CÁI BỔNG

Chỉ có hai mẹ con xuống bến.

Và chiếc Hải Âu sau khi nhả ra hai người khách cuối cùng của chuyến chạy cuối năm đã vội vã sập cửa, quay đầu, gầm máy, lao đi như trốn chạy. Ngọn gió đông hàn về chiều càng tê buốt đã xua đuổi nó, như vừa xua đuổi đám người tụ họp mua bán theo lệ thường ở phiên chợ áp Tết lúc chiều nay ở chốn đồng rừng này. Khu chợ giờ trống tuênh. Gió hoang từ rừng và ruộng đồng về mang theo hơi lạnh buốt thấu xương tràn vào vùng đất trống, kêu u u như một linh hồn đơn lẻ ở các đầu ống tre trên mái lều chợ và xoay lật lá lầu rác rưởi bề bộn trên mặt đất. Chờn chợn vì cảm giác bị gió hút và hực hơi, chị Hằng vội kéo con gái sát lại mình, đưa mắt nhìn quanh như tìm nơi nương tựa.

- Ôi, thế mà con cứ ngỡ là ai. Bà đang dọn hàng ạ? Chào bà đi, Hoa. Hoa, con còn nhớ bà Lục không?

Thấy bóng một bà cụ đang lúi húi cạnh đôi quang gánh ở túp lều giữa chợ, chị Hằng mừng mừng rỡ rỡ tay xách vai đeo cùng con gái lĩnh kính đồ đoàn tất tưởi bước tới. Nhận ra tiếng chị, bà cụ xù xụ trong cái áo bông dày chần quả trám liền đặt chiếc thúng đang bê xuống chống hàng, ngẩng lên, hiêng hiếng hai con mắt dài âu yếm.

Hoa tóc cặp, mặt trái xoan sáng bóng, vai tròn, da dẻ óng chuốt tuổi dậy thì, phong phanh một cái áo gió trắng bong, lập khập đôi guốc cao, từ sau mẹ bước lên, hai tay ôm má, trong ngần và lễ phép:

- Con chào bà ạ. Bà Lục còn nhớ con không?

- Cái Bống chứ đứa nào!

- Cháu Bống nó đấy, bà ạ. Cháu nó ra Hà Nội trông em giúp cô chú cháu từ cuối năm ngoái. Hôm qua con về dưới ấy xin phép cô chú cháu cho cháu về ăn Tết với mẹ và anh em cháu, bà ạ.

- Cha mẹ hiền lành để phúc cho con. Thành con gái Hà Nội rồi. Về nhà bà uống bát nước, nghỉ ngơi cho đỡ mệt rồi hãy về, hai mẹ con! Chợ phiên cuối năm họp ào cái xong. Đáng nhẽ dọn hàng về từ nãy thì thằng ông mãnh trọc đầu chuyên ăn lường chơi quýt ở đâu mò đến, kẻ cà như ma ám mãi chưa thôi.

- Bà nói cái ông Khiêu hồi trước ở phòng Thương binh và Xã hội huyện chuyên nghề lừa lọc mới bị đi tù về, hả bà?

- Chả nó thì ai!

Bước tới gánh hàng của bà Lục, Hoa nhắc cái đòn gánh dựa cột lều, nhanh nhẩu:

- Bà để con gánh hàng về cho!

- Thôi, bà đã gọi xe ôm rồi. Họ sắp tới đấy. Thế hai mẹ con đã sắm sửa được nhiều chưa?

- Con cũng chỉ mua ít đồ cúng lễ gia tiên và giỗ nhà con thôi. - Nhắc cái quai túi vải đặt ở dưới chân, chị Hằng vui vẻ. - Về thành phố thấy cái gì mình cũng thiếu, nhưng rồi lại thấy chẳng cần sắm sửa cái gì cả. Cô chú cháu ở dưới ấy lại chu đáo quá, đã lo sẵn cho bao nhiêu thứ rồi, bà ạ.

Từ cổng chợ vừa lúc chị Hằng dứt lời đã về về liệng vào hai chiếc xe mô kích màu đỏ cờ, Hoa vội vàng giúp bà cụ Lục nhắc

gánh hàng ra xe và lại rối rít giục mẹ ra khỏi quán, gọi xe để mau chóng trở về nhà.

*

Lẽ ra thì chẳng đi xe ô-mô làm gì. Chỉ có ba, bốn cây số mà toàn đường bằng. Thủng thẳng quá lắm thì cũng sấm tới là tới nhà. Nhưng sốt ruột vì đã hai ngày để hai đứa trẻ là cái Tú, thằng Tiến ở nhà không có mẹ. Phần nữa, đồ đoàn cũng lúng củng. Đã hai bịch quần áo tướng, lại hai cái làn nhựa nặng trĩch những đồ dùng vật dụng hàng ngày và hàng Tết, từ bộ ấm chén đến hộp mứt, cây giò. Thêm nữa, Hoa cứ giục tíu tít và ghé tai mẹ ráo riết: “Con có tiền, con có tiền, mẹ đừng lo!”

Xe chạy phăm phăm. Hai anh lái trẻ như đua tài phóng bạt phong bạt vũ, ổ gà không tránh, xe cứ nhảy chồm chồm như ngựa chững. Nét quen thân của đoạn đường, cánh rừng, eo đồi bỗng nhiên như tan hòa trong gió. Chỉ thấy vùn vụt qua mắt cây cối, bụi rậm, và hai luồng gió lạ sạt qua bên tai. Rồi xe đứng khựng cùng với tiếng rít quắc của một con chó và tiếng Hoa náo nức:

- Vàng! Vàng! Ô kìa, để chị vào nhà đã nào. Chị có quà cho Vàng của chị đây mà!

Con Vàng mặt sừ tử, lông óng như tơ, đuôi xù bông lau, như nấp sẵn ở một nơi nào đó đã xô ra, sau một tiếng sủa vang mừng rỡ đã dựng thẳng thân mình, chồm lên ngực Hoa ngay khi Hoa vừa bước xuống xe. Cái đuôi phất quẫy tít mù. Nó rúc mõm vào cổ Hoa. Nó liếm tay, liếm mặt Hoa. Nó rít ư ử. Nó làm nũng, nó trách cứ: Sao chị đi đâu mà mãi giờ mới về? Mắt nó ầng àng lệ nhớ thương. Mãi đến khi chị Hằng quát yêu: “Thôi nào! Thế định không cho chị lên nhà à?” và quàng vào cổ Vàng cái bị cói theo thói quen mỗi khi đi chợ về, nó mới

rời Hoa, quay đầu lon ton ngược dốc, như dẫn lối cho mẹ con chị Hằng.

Bỏ tất cả hành lý mang theo ở sân, Hoa nhảy lên bậc thêm, bồi hồi đứng trước hai cánh cửa gỗ dày nặng khép hờ im ắng. Chị Hằng nhặt một cành dâu héo ai để vương giữa sân, gài vào hàng rào. Từ trong căn bếp nhỏ ở chéch đầu hồi căn nhà gỗ lớp lá gồi, một mẹ gà mặt đỏ gắt lục cục dẫn một đàn con mới nở tròn như những cuộn bông tơ, bước ra sân, nghênh ngáo cái nhìn đầy phòng bị và táo tợn.

- Tú, Tiến đâu cả rồi? Cửa bếp không cài để gà vào bới tung hết cả rồi, các con.

Hoa đẩy khê hai cánh cửa khép. Có cảm giác cùng tiếng mẹ lọt vào gian nhà là tiếng chân Hoa bước rón rén bốn chôn. Và cũng lại ở giữa nhà, chưa kịp nhận ra một hình sắc gì, Hoa đã giật thót mình vì cùng với tiếng reo đồng thanh là hai thân hình của hai đứa em trối dậy từ đông chần màn bùng bùng trên chiếc phản rộng, rồi nhảy xuống, ập tới, tranh nhau bu bấu lên vai, lên cổ Hoa. Góp phần vào niềm vui sum họp, con Vàng từ ngoài sân phốc vào, vừa nhảy cồm quanh ba chị em vừa sữa toang toang. Gỡ tay Tú và Tiến, cúi xuống, Hoa lục túi lấy ra một miếng bỏng gạo. Con Vàng há miệng cấp bỏng, đặt xuống trước chân, rồi lại ngẩng lên nhìn mọi người, cái đuôi quét lệt sệt trên đất. Tú vợ mái tóc xõa, bá vai chị:

- Chị Hoa ơi, con Vàng nó lục sục đi lại suốt đêm qua chả ngủ nghe gì cả! Còn hôm nay, chốc chốc nghe thấy tiếng xe máy nó lại chạy xuống đường ngóng chị, chị ạ.

*

Bố là nhà giáo nhập ngũ, đồn trấn ở mặt trận biên giới Tây Nam, hy sinh trong một cuộc chiến đấu bảo vệ cột mốc quốc thổ, có giấy báo tử về nhưng chưa tìm được hài cốt. Mẹ

xuất thân cô mẫu giáo, lương sống đạm bạc không đủ nuôi con, đành nghe theo lời vận động, rời quê hương Nam Định lên vùng này, bòn nhặt miếng ăn từ đất ruộng đất rừng. Ngặt cái thực cảnh không giống lời đồn. Rừng đã thưa cây. Đất chỗ cao thì bạc màu, nơi hủm trũng thì lầy thụt, cây lúa cắm xuống quất queo, đổ úa ngay từ chiếc lá mầm non. Anh Thạch học hết lớp chín, muốn học lên trung học phải ra huyện xa hai mươi cây số, con nhà nghèo tiền gạo đâu mà theo đòi! Tìm đường bay nhảy khỏi cái nghèo khó đâu có dễ, đành vác rìu vào rừng bán sức cho bọn người sơn tràng, buôn bán gỗ. Sau anh Thạch là Bống mười lăm tuổi, xinh tươi, nền nã như mẹ, nhưng học hết lớp chín rồi cũng chẳng khác cây lúa cắm vào khu ruộng lầy chua mặn. Sau Bống còn em Tú, em Tiến sút sút nhau, đứa mười, đứa tám tuổi. Bống thương bố, thương mẹ, thương anh Thạch và các em còn hơn thương thân mình. “Cái Bống là cái bống bang. Khi sảy khi sàng cho mẹ nấu cơm.” Được cái, Bống sáng ý và chịu thương chịu khó, theo mẹ Hằng chỉ bảo từ bé nên việc gì làm cũng khéo léo tinh tươm. Sáu tuổi Bống đã biết đỡ em cho mẹ đi làm. Mười ba tuổi Bống đã biết quán xuyến mọi việc trong nhà. Ngày Bống nấu cơm cho hai em ăn, dạy hai em học. Đêm, hai đứa nằm hai bên Bống như hai bắp ngô đậu trên một thân mẹ, nghe Bống hát ru, ngủ tít thò lò: “Cái ngủ mày ngủ cho lâu. Để mẹ đi cấy đồng sâu chưa về. Bắt được con cá rô trê. Cầm cổ lôi về cho cái ngủ ăn.” Cuối cùng miếng ăn vẫn là nỗi lo xưa cũ lại trở về ám ảnh cả trong giấc ngủ của con người. Miếng ăn! Nỗi lo sát sườn, cũng là nỗi lo khỏi thủy mang ý nghĩa bảo toàn danh giá, chỉ còn cách giải tỏa là nhờ cậy vào khu rừng cạnh xóm và cái chợ hàng xa ba ngày một phiên thu hút khách thập phương. Ra chợ, người có tài lực thì sắm xe ôm, buôn măng khô, mộc nhĩ, mở hàng quà. Người có sức thì khuân vác, bổ củi, gánh nước lấy tiền công. Yếu ớt thì rửa bát, thổi cơm thuê, hầu hạ phục dịch người. Người ba đấng, của ba loại, nơi chợ người thôi thì bất kể. Kể cây tiền

vênh vác mặt mày, coi người như rơm như rác. Đứa bất lương còn đồ, bòn mót từng trăm bạc lẻ của người khốn khó. Kẻ tham cố vô liêm đặt cạm bẫy đưa người vào tròng, cốt đầy túi mình cũng chẳng hiếm. Như cái lão Khiêu trọc đầu, mắt to mắt nhỏ, chân đi chữ bát, xuất thân chỉ là thằng xé vé chợ rồi lên làm nhân viên ở phòng Thương binh và Xã hội huyện, quân lương gạt chuyên ăn chặn ăn quýt tiền của thân nhân gia đình liệt sĩ, bị tù ba năm, giờ lại thấy nó về, nghề nga quán này quán nọ, dụ dỗ gái non, đàn bà trẻ ra tỉnh làm nhà hàng, trai tơ đi xuất khẩu. Quân lừa đảo này thật to gan lớn mật. Biết nó vậy mà cứ như ăn phải bùa mê bả dột theo nó, kể cả Thạch. Con gái hờ hớ như cô Như, cô Nhuận hàng xóm được nó đưa ra tỉnh làm ở nhà hàng quán ăn, nửa năm sau gửi về cho mẹ ba trăm đô la, cứ tưởng một bước thoát cảnh nghèo, nào ngờ một hôm xem báo mới biết là sa chân vào ổ điểm, làm gái bán dâm, đã bị bắt.

Cụt đường kiếm sống, Bống đành ra chợ xã phụ việc cho bà cụ Lục bán hàng cơm. Ít lâu sau, Bống xin phép mẹ, theo bạn về Hà Nội thăm thú công việc. Nghe nói Hà Nội thoát đầu ai cũng ngại lắm. Nhưng hóa ra Hà Nội cũng là đất nhiều người nghèo đến kiếm sống và thành phố lớn có mấy triệu cư dân này với nhu cầu tiêu dùng, phục vụ muôn hình vạn trạng lại mở ra nhiều cơ hội lập nghiệp cho bao con người. Bán bánh mì, nếu chịu khó đi rong và rao, lãi ngày được chục ngàn. Trừ tiền thuê giường trọ một ngàn, ăn uống dè sẻn mất hai ngàn nữa, Bống còn để dành được bảy ngàn. Một ngày bảy ngàn, một tháng sẽ là hơn hai trăm ngàn! Chà, hai trăm ngàn đồng, số tiền nằm mê cũng không thấy! Vì hai trăm ngàn là có thể nuôi đủ hai em Tiến, Tú. Ví hai trăm ngàn là tiền bán một tạ thóc của mẹ. Mà một tạ thóc thì mất bao công sức mới có được. Trong nhà trọ của Bống có gần chục ông nông dân người Hà Nam nhân lúc nông nhàn lên Hà Nội làm tào phớ bán cho trẻ con, các ông cũng nói vậy. Ôi, làng quê đất Việt, nơi nghèo đói

là căn bệnh truyền di từ tiền kiếp, nơi cái khổ đã là thâm căn cố đế và cũng đã trở thành cũ kỹ rồi. Đã trở thành cũ kỹ rồi những tấn bi kịch phổ biến chẳng còn sức gây xúc động cho ai!

*

Bống bán bánh mì rong ở phường Thành Công, phường Ngọc Khánh. Bán quà rong, tức là ở trong đội quân nghèo khó tận cùng, thuộc lớp những đứa trẻ bất hạnh nhất rồi. Tuy vậy Bống vẫn ăn mặc gọn gàng, cung cách cao quý. Mặt Bống lúc nào cũng sáng trưng như vừa cọ rửa. Hai con mắt Bống giống mẹ, đen láy và lấp lánh niềm vui. Tiếng Bống rao trầm ấm, mượt mà. Nhiều người thích mua bánh mì của Bống, vì thấy Bống sạch sẽ, xinh xắn, cầm tờ bạc không quăn tròn như nhiều đứa khác. “Thế nhà cháu ở đâu? Sao lại phải đi bán bánh rong thế này?” Người mua bánh của Bống không thể không buột miệng hỏi câu hỏi ái ngại ấy. Cô giáo Thu cũng vậy. Cô giáo Thu, nhà ở khu tập thể Thành Công. Cô hẹn Bống hàng ngày cứ sáu giờ sáng mang bánh đến cho vợ chồng cô ăn để kịp đi làm. Đạo ấy cô mới cử cháu thứ hai. Chồng cô lại đang đi công tác xa. Một hôm, bán hết hàng, Bống đi qua nhà cô, rẽ vào xin nước uống, thấy em bé khóc ngằn ngặt liền nói: “Có khi em mọc nanh đấy, cô ạ.” Cô hỏi: “Mọc nanh là thế nào?” Bống bảo: “Mẹ cháu bảo, đó là do khi em mới đẻ, đã bế em đi trên đường có nhiều đá. Cô cho cháu một cái tắm và một chén nước sạch, cháu theo mẹ cháu nạy nanh cho em.”

Mẹ Hằng thở ra nhè nhẹ:

- Con làm được à?

Bống gật đầu:

- Con theo mẹ. Con còn tắm cho em bé. Con làm như hồi mẹ tắm cho em Tú, em Tiến. Thoạt tiên, con bế em, đặt gáy và đầu em vào lòng bàn tay mình, dùng ngón cái và ngón giữa bịt

hai tai em để nước khỏi vào, rồi con gội đầu cho em. Xong, con để bụng em vào bắp tay con, rồi con kỳ lưng cho em. Tiếp đó để em nằm ngửa, con kỳ cọ bụng, nách, đùi em.

- Ôi, con gái của mẹ!

- Cô khen con khéo. Rồi ngập ngừng một lúc, cô bảo con: “Hoa ơi, nếu em thông cảm với cô thì cô đề nghị thế này, từ nay, em đến ở nhà cô, giúp cô những việc nội trợ, Hoa nhé!”

Từ nãy nằm bên chị, vẫn thín thít nghe chuyện, giờ, Tiến bỗng cụ cựa, ngẩng dậy:

- Ồ, gọi là “Bống ơi, Bống nhé” chứ!

Tú quay đầu lại, trề môi, lườm em:

- Thế mà cũng đòi biết. Tên chị Bống trong khai sinh là Kim Hoa.

- Phải rồi, cũng như hồi bé, mẹ gọi Tiến là thằng Dóm, còn khi đi học thì gọi là Văn Tiến chứ!

Nghe mẹ giải thích, Tiến lay tay chị Hoa, xuýt xoa:

- Cô giáo Thu tốt cực chị Hoa nhỉ? Thế cô có giàu không, chị?

- Cô không giàu đâu. Cô cũng không khỏe, giờ giời lại ho, lại đau ngực, sưng khớp tay khớp chân. Công việc dạy học cũng vất vả. Ở thành phố, đến cái tắm, cái chổi, cái thớt cũng phải mua, con dao cũng phải thuê mài. Tốn tiền lắm!

- Thế sao cô còn mua bao nhiêu là quần áo, đồ chơi, lại cả cặp sách cho em?

- Vì cô thương em.

- Thế chị làm gì ở nhà cô?

- Chị trông em bé khi cô đi dạy học. Ngày hai bữa chị nấu ăn cho cả nhà. Chị quét dọn nhà cửa, đi chợ, giặt giũ quần áo. Tối, chị đi học bổ túc văn hóa, đi học máy khâu. Cô giáo bảo, ít lâu nữa em bé lớn đi học, cô xin cho chị vào làm ở xí nghiệp may mặc nhà nước. Lúc ấy chị sẽ đón hai em về học ở dưới ấy.

Bống nhận ra hai đứa em quay lại cần nhằn với nhau điều gì, Bống liền nhắc tay cái Tú:

- Em Tú muốn hỏi gì chị?

Tú rút bàn tay lại, hích khẽ vào sườn Tiến. Tiến liền nằm dịch ra, ngoẹo đầu:

- Ô kìa, chị hỏi gì chị Bống thì chị hỏi đi, sao lại đùn em?

- Mà hỏi thì có.

- Chị ý.

Nằm bên ngoài hai đứa bé, chị Hằng nghe chúng đùn đẩy nhau, đoán chừng câu chuyện, liền bật cười:

- Rõ vớ vẩn chưa! Người yêu với bồ te gì, chị Bống còn bé! Thôi, ngủ đi cho chị ngủ.

Hai đứa nhỏ nằm sát vào bên Hoa, nhắc Hoa ngày mừng Một Tết mừng tuổi chúng, rồi thoáng cái ngáy rờn rờn như tiếng đế rúc. Gượng nhẹ gỡ khỏi vòng tay quàng của hai em, Hoa bò qua người chúng, sang với mẹ.

- Con nhớ hai em, nhớ mẹ quá cơ mẹ ạ. Mẹ ơi, thế bao giờ anh Thạch mới ở trên rừng về nghỉ, hả mẹ?

Trong hơi chăn ấm áp, hai bàn tay hai mẹ con đan vào nhau. Rồi lát sau, như không thể kìm được, cả hai liền thả lỏng ngón tay và cùng lúc người này vòng cánh tay ra sau lưng người kia, kéo khít lại, ấm sục lên và chị Hằng mơ hồ nhận ra ngực Hoa đã cởi bỏ áo con, nhu nhú hai cái mầm sống áp chặt vào mình, rồi thoáng cái đầu nó rúc vào cổ chị, hít hà sung sướng như hồi nào nó còn là một đứa trẻ con. Ôi, con gái chị! Báu vật trời cho, niềm xốn xang ngọt ngào và nỗi lo âu phấp phồng của chị! Hoa đã bỏ qua thời con trẻ lam lũ, bưng dậy một vóc hình thiếu nữ măng tơ, hơn nữa, một thiếu nữ xinh xắn, đang đứng trước một đường đời chưa hiện rõ bóng hình!

- Khổ, anh Thạch con hiền lành mà số nó lận đận quá. Anh ấy thương con lắm Hoa à. Mới từng ấy tuổi đầu mà con đã phải xa mẹ, xa các em. Lắm lúc mẹ nghĩ mà xót xa quá.

- Mẹ đừng lo cho con. Cô Thu và chú ấy rất thương con, rất quý con. Nhất là khi biết con có bố là liệt sĩ và hai bố mẹ trước kia đều làm nghề dạy học. Mẹ à, cô còn dạy con cả cách giữ vệ sinh phụ nữ cơ.

Đã chạm tới miền sâu thẳm của tình mẫu tử, những xúc động chưa được bộc lộ suốt mấy ngày qua đã tới lúc dâng tràn cùng với nỗi thống khổ tích đọng qua tháng ngày, từ cái chết của chồng và nỗi đau tê bại trước cảnh con cái cô cút, trở thành cơn ghen ngào ứ đầy lồng ngực, chị Hằng liền chống tay ngồi dậy, ngào ngạt, tóc xỏa dài mù mịt một vùng đen sẫm sau lưng.

Ngồi dậy theo mẹ, tay quờ quạng như trong mê, Hoa kêu khe khe: “Mẹ ơi.” Và chỉ chờ có thế là hai mẹ con lập tức ngã hẳn vào lòng nhau.

- Hoa ơi! Con có trách mẹ không? Bằng tuổi con, các bạn còn được học hành vui chơi. Thế mà con đã phải đi làm để giúp mẹ nuôi các em. Lại xa mẹ biên biệt. Từ ngày con về dưới ấy ở với cô chú ấy, tin là con được gặp người tử tế, nhưng có đêm nào mẹ ngủ yên đâu. Gặp con, mừng thì mừng mà sao mẹ bối rối, lo lắng quá, con à. Con ơi, mẹ nát cả ruột cả gan mỗi khi nghĩ đến các con phải khổ sở...

Áp mặt vào má mẹ, Hoa nhận ra nước mắt của hai mẹ con đã chan hòa. Ngoài trời đêm, trong hơi gió chột nổi lên tiếng sủa hí hỏn của con Vàng, tiếng thổi phì phò của con trâu kéo gỗ và tiếng hai bàn chân ai đó cọ vào nhau oàm oạp trong tiếng nước xối ở sau nhà. Chị Hằng và Hoa biết: Thạch, người con cả, thành viên cuối cùng của gia đình đã từ rừng về sum họp nhân những ngày Tết này.

*

Thạch mới hai mươi nhưng trong người kết đọng khối u uất nên mặt mũi sáng sủa mà vẫn thấy cộc cằn, nặng nhọc, tuy nhờ vóc người cân đối, nước da trắng trẻo mà hắn không lẫn vào lớp người bần cùng thất học. Tuổi thiếu niên hồn nhiên, trong trẻo đã ra đi vĩnh viễn khỏi Thạch rồi. Cuộc sống khốc liệt chẳng chiều chuộng ai hết. Và kẻ tước đoạt tuổi trẻ của Thạch đầu tiên không ai khác chính là thằng Khiêu trọc, xuất thân xé vé chợ. Thằng Khiêu đến, ngồi ở đúng chỗ Thạch đang ngồi cạnh cái bếp lửa này, nó uống tì tì hết một chai rượu thuốc, lăn ra ngủ, tỉnh dậy đòi bia giải khát. Nó nốc một lúc mười lon. Ôi cha, mười lon mà không đi đái, lại còn chùi mép cười: “Tôi mà uống hết độ thì lon bia phải xếp cao tới cây thương lương nhà em kia, Hàng ạ.” Nó đã chuyển sang giọng sáng sủa. Nhưng cả mẹ và Thạch đành cắn răng. Cắn răng đưa cho nó ba triệu đồng. Ba triệu đồng là tiền bán sạch bách gia sản, của cải trong nhà, từ cái nhẫn cưới đến mấy bộ quần áo bộ đội của bố. Ba triệu đồng nộp nó để nó lo cho một suất đi bán sức lao động ở Hàn Quốc. Chao ôi! Đến khi biết là bị nó lừa thì nó đã vào ngồi trong nhà tù và Thạch chỉ còn cách ngửa mặt kêu trời; đau đớn quá, kinh nghiệm sống là kinh nghiệm tiếp cận sự thật là vậy.

Thạch chẳng có thể còn là chú bé hồn nhiên, vô tư mỗi sáng ngực trần, tóc lật ngược chiều gió, tay xách nỏ, chân sải dài, phía trước là con Vàng đuôi phất bông lau, tiếng sủa cuộn tròn trong cổ họng, hào hứng và say mê cuốn hai thầy trò vào các cuộc săn bắn gà lôi, chuột chũi với niềm vui sống bất tận của tuổi thiếu niên.

Vàng là chú cún con lạc mẹ, một buổi Hoa đi hái rau dớn bên bờ suối nhặt được về. Chó nhà nghèo giàu tình nghĩa hay nó là linh vật thường thấy trong các chuyện đời xưa nên khôn

thế! Chính nó tìm thấy Thạch bị bọn buôn lậu gỗ đánh bất tỉnh ở giữa rừng, chỉ vì Thạch tỏ ý bất đồng. Con chó tìm được Thạch, chạy về nhà gọi mẹ Thạch tới. Từ đó, Thạch làm lì ịch như tảng đá.

Nhưng hôm nay thì có lẽ còn là do Thạch quá mệt nhọc. Khuôn mặt Thạch như ngấn lại vì đám tóc rậm xù ra ở hai bên mang tai. Hai con mắt Thạch là hai vết dao rạch chéo. Còn đôi môi của Thạch thì dày và nứt nẻ, chúng rất giống những ngón tay, ngón chân của hắn, xù xì, sứt sẹo, dấu tích của công việc lao động khổ sai, nhọc nhằn. “Mẹ ơi, con lấy thợ cưa. Kéo đi mà kéo lại, dái đưa lòng thông...” Bọn thợ sơn tràng hát và cười rú lên. Còn Thạch ngay cả đến cái nhếch môi lấy lệ cũng không có.

- Mẹ này...

- Em Hoa con đã về đấy.

- Con Vàng nó chạy vào gọi con, báo cho con biết rồi. Nhưng mẹ này...

- Gì thế, con?

Quay nhìn khuôn cửa thông với trời đêm, giọng Thạch thật trầm nặng, bất ngờ:

- Con ngủ mê gặp bố. Bố báo cho con biết: bố hiện đang nằm ở Tây Ninh.

- Mẹ ơi!

Vừa nghe tiếng Bống đã thấy Bống từ trên giường giũ chân, bước xuống, hai con mắt phăng phắc và bồn chồn.

- Mẹ ơi! Ở Hà Nội, con theo cô giáo Thu đi hỏi một ông thầy, ông bảo: Tìm được mộ cha thì gia đình ta mới hết khổ, mới có lộc.

Đó sẽ là một đêm cuối năm hệ trọng nhất trong đời mấy mẹ con chị Hằng. Rét tê dại và im vắng mênh mông. Thời gian như dẫn ra, không hao mòn, không trôi đi, cứ lững lờ, thăm

thăm, để con người trong ngưng đọng nhận ra cái chiều sâu vô tận của đời sống thường nhật. Cuộc sống không đơn chiều tẻ nhạt. Những đứa trẻ rơi vào số phận không may thức tỉnh sớm hơn bao giờ hết cảnh ngộ của mình và chúng không cam phận. Mặt đất đầy những kẻ bạc ác, ranh ma, quân lọc lừa, phản trắc. Còn xa lắm mới đến lúc lòng tốt của mỗi cá nhân trở nên thừa thãi vì hạnh phúc của con người đã được toàn xã hội bảo hiểm. Nhưng ngay lúc này, ý chí và hy vọng của mỗi con người lại chính là điểm tựa cho niềm tin để họ vượt qua thân phận mình. Hơn bao giờ hết, mỗi con người lúc này phải mạnh mẽ lên!

Nghe như có cơn rừng mình chạy suốt sống lưng, vội quay lại phía sau, chị Hằng đã thấy cái Tú ngồi chồm hổm trên cái phản rộng và trong khoảng tối âm u của đồng chăn cũ, mọi người đều nghe thấy tiếng nấc liên hồi của thằng Tiến vừa thức giấc:

- Tiến, con làm sao thế?

Bước lại cùng mẹ, Hoa nháy ngay lên giường, bế xốc em dậy:

- Chị đây! Chị đây! Sao em lại khóc thế, Tiến?

Tiến dụi mắt, miệng mếu xệch, bất thành lời, đập mạnh hai chân:

- Ủ ừ, con chẳng cho chị Hoa đi Hà Nội đâu!

Hoa buột tay giữ em, ngồi ngay đơ. Chị Hằng sát đến bên con, cúi xuống, giọng bỗng khô nồng:

- Chị Hoa đã đi đâu! Chị Hoa còn ở nhà ăn Tết với em Tiến cơ mà!

Thạch đang đứng từ từ ngồi xuống bên bếp lửa. Nghe thấy tiếng động, nhìn ra, thấy con Vàng đẩy cánh cửa, lững thững bước vào, đi đến bên Thạch.

Niềm vui sum họp vừa cất lên, chưa kịp ngân nga bỗng nhiên đã phủ bóng mờ, kể từ cái đêm Tiến thắng thốt thức giấc. Có một cái gì đó cao hơn tất cả, có quyền uy lớn hơn tất cả đè nặng lên hoàn cảnh sống, chi phối và bắt mọi người phải phục tùng. Cái gì đó, dẫu mọi người đã thấp thoáng nhận ra, nhưng tự nó vẫn khó hiểu, mập mờ. Ngày Tết do vậy bỗng trở nên tẻ nhạt quá ngày dung. Không thấy hai đứa trẻ chí chèo chòng ghẹo nhau, tranh đồ chơi của nhau như mọi khi. Không thấy Tú mách chị Hoa em Tiến nhiều hôm bỏ trâu đi bắt châu chấu cho sáo. Tiến cũng chẳng kêu với chị Hoa rằng chị Tú hay cóc đầu em. Bánh kẹo, mứt tết vẫn nguyên trong hộp. Quần áo mới dửng dưng treo trên vách liếp. Ngày mồng Một Tết, ba chị em rủ nhau vào xóm, có con Vàng theo cùng, nhưng đi một lúc chỉ thấy những cây mận ra hoa trắng lóa và con đường mòn trắng bạch, buồn quá, lại rủ nhau về ngồi sưởi lửa. Sáng ngày mồng Hai, đang ăn cơm, bỗng Tú đặt bát cơm xuống mâm nói: “Ngày kia, bằng này chị Hoa đã ở Hà Nội rồi nhỉ!” Hoa cãi: “Ngày kìa cơ!” Mâm cơm Tết đầy nem giò, bóng, mực tự nhiên rỗng rảnh hẳn. Chị Hằng ra sân đuổi đàn gà, rồi đi đến chiếc dây phơi, tìm cái khăn mặt. Sáng mồng Ba Tết, Tú bỗng ghé tai mẹ: “Đêm qua con nghe thấy tiếng chị Hoa khóc, mẹ à.” Nhìn trộm con gái, thấy như khước mắt nó còn ngấn lệ, chị Hằng lạnh cả người. Sau ba ngày Tết, ngồi bên bếp lửa, khói thuốc缭绕 quấn đặc, mù mịt quanh người, sáng mồng Bốn Tết Thạch vào rừng từ sớm bưng, gần trưa trở về, tay xách một cái thớt gỗ nghiêng cổ đại, đặt vào góc nhà, bảo Hoa: “Tao gửi biểu cô giáo Thu.”

Cái đến đã phải đến nhưng đến sớm hơn mọi dự tưởng. Mà lại đến từ Vàng, vì từ chiều mồng Bốn Tết, nếu để mắt, đã thấy ý tứ Vàng có điều khang khác. Nó cứ quần ra quanh vào, hết động chân người này lại vấp chân người khác. Quãng nửa đêm, cả nhà chưa ai ngủ, Vàng bỗng phát đầu lên, tru một

tiếng dài ở giữa sân, rồi sau đó bốn chân xòe hết móng sừng chạy tành tạch quanh nhà. Tưởng có con thú rừng về, Thạch ra hiên rồi đèn thì thấy nó đứng, giữ lông xơ xác, mắt ăn đèn tia ria sắc đỏ. Gọi nó lại, nó liếm tay, bế nó vào cạnh bếp lửa, nó ngồi chống chân, mắt đăm đăm nhìn Hoa rồi lát sau lặng lẽ quay đầu đi ra sân, vẻ buồn bã khác thường. Hoa ra sân, nó quay lại nhìn, mắt ạng nước, rồi ngồng cổ sủa, tiếng sủa như bị chẹn, tắc nghẹt, đau đớn. Bối rối, Thạch nạt nó: “Mày điên đấy à, Vàng!” Nó liền rập mình, dùng hai chân trước cào đất liên hồi, điệu bộ rất bức bối, linh dị. Thạch quát: “Vàng muốn chết hả?!” Cầm cảnh và xót xa, chị Hằng bảo Thạch: “Đừng mắng Vàng thế”, rồi tặc tặc lưỡi gọi nó lại xoa đầu, an ủi nó. Thằng Tiến đứng ở hiên như buột miệng nói: “Có khi nó biết ngày mai chị Bống đi, mẹ ạ.” Chị Hằng bất giác thở một hơi dài. Con chấn động tâm thể con người truyền lan cả sang con vật hay chính con vật xúc động vì thấu cảnh con người?

Sáng ấy, sau mấy ngày Tết khô ráo, bỗng dưng trời đổ mưa. Mưa bụi trắng mờ phủ kín sân. Mặc quần áo xong, Tú và Tiến ngồi ịch ở ngưỡng cửa, mặt đang buồn rười rượi, bỗng òa khóc nức nở khi thấy mẹ buộc cái thớt gỗ nghiêng anh Thạch tặng cô giáo Thu vào đầu chiếc đòn gánh, đầu kia là bọc măng khô và trám tươi.

- Đi ra chợ, mẹ con mình còn vào quán bà Lục chúc Tết rồi mẹ cho các con ăn bún cho đỡ háo nhê!

Lời dỗ dành của mẹ rơi vào đám mưa bụi mịt mù. Tiến huỷ đầu, gạt nước mắt, giậm chân:

- Ư ừ, không cho chị Bống đi đâu!

Tú buông bím tóc, thất thanh:

- Chị Bống ơi, chị ở nhà với chúng em đi, chị!

Bống từ bếp chạy vội lên, ôm choàng hai em, tiếng nọ lấp tiếng kia:

- Ô kìa, chị dặn thế nào?

- Ừ ừ...

Não lòng quá, tiếng khóc của hai đứa con nhỏ như tiếng kêu rên của số phận con trẻ. Đứng ở cạnh cái dây phơi, chị Hằng giấu mặt vào những chiếc khăn ướt. Cả đêm qua chị đã khóc thầm. Đau lòng, tủi hổ quá, các con ơi! Con rút ruột đẻ ra, nay dầu thế nào thì cũng là cho con đi hầu hạ người ta, cũng là chia lìa đôi ngả xót xa.

Tình cảnh dường như đã không phương cứu chữa. Buồn thương và nao núng, Bống cúi xuống hai em, mắt mừng mừng:

- Thôi, hai em đã vậy thì chị không đi nữa! Mẹ ơi, con không đi nữa, mẹ ạ!

Thạch đã đánh răng xong, đang ở cạnh cái chum nước, ngơ ngẩn nhìn mấy bông nhài nở trắng toát, nghe tiếng em gái, bỗng quay đầu lại đánh phật, nhìn Tiến và Tú, buột miệng gần một hơi ngắn: "Hai đứa chúng mày làm cái gì thế?" Rồi vùng vằng đi lại bậc thêm, mặt như có cơn co rút đau đớn, để trượt qua vành môi một giọng nói đắng cay và gay gắt:

- Không đi làm thì lấy cái gì mà ăn!

Sập gối, quỳ xuống dưới chân hai đứa trẻ, chị Hằng nhoai cổ cố nuốt cơn ghen đang ứ đầy:

- Anh Thạch đừng mắng các em thế! Tội nghiệp! Để hai em khóc một tí. Một tí thôi. Rồi hai em lại bằng lòng cho chị Bống đi ngày mà.

Thạch quay ngang quay ngửa tìm con Vàng, mắt ạng nước nhưng cổ cất cao giọng:

- Thôi, lên đường! Ra kia, anh cho hai đứa ngồi riêng một chiếc xe ôm. Chịu khổ bây giờ để mai sau sung sướng không hơn à! Tháng sau, anh sẽ qua Hà Nội, vào Nam tìm hài cốt cha. Tìm được thì tha hồ hưởng lộc, các em à.

Vàng từ nhà đã phốc ra. Nó chạy thẳng xuống chân đồi và đứng lại chờ mọi người, như một kẻ tiên phong và hiều

biết. Chị Hằng đi đầu, theo sau là Thạch với đòn gánh trên vai. Bống dắt tay hai em. Cả hai đứa trẻ đều bặm môi, cố không khóc. Mặt căng nhúc, chúng diễn tả một cách gượng gạo vẻ nhẫn nhịn bất buộc và niềm hy vọng xa xôi, mịt mờ. Có cách nào khác hơn là phải nhận ra tình thế, dù còn là trẻ con. Nhìn về mặt chúng, chính lúc ấy Bống lại bật khóc và ngồi gục xuống bên đường.

25/11/1998

MỘT MỐI TÌNH SI

Oanh lấy chồng năm nàng mười bảy tuổi và yêu chồng bằng một mối tình si. Nàng không những yêu chồng mà còn si mê và sùng kính chồng. Cả đến bây giờ, khi đã vào tuổi bốn mươi, con trai đầu lòng đã vào đại học, tấm yêu của nàng với chồng vẫn vậy, si dại và sùng mộ vô cùng.

Bằng tuổi nàng, các bà các chị cùng dạy một trường, họ ăn nói bạo tợn lắm. Thì vẫn là yêu quý đấy, nhưng sau mấy chục năm chồng vợ trong cuộc sống chung như là đã quen nhàm, giờ đây hễ cứ gặp nhau là họ lại lôi các đức ông chồng ra mà bĩ bai, đùa cợt. Họ gọi chồng là “lão hói”, “lão cận”, “lão hâm đơ”, “lão móm”, “lão sún”. Cứ như là sau mấy chục năm trời đã gạn hết cái hay cái đẹp ở gã đàn ông chồng mình, giờ chỉ thấy còn rất những cái dở, cái xấu xí, xoàng xĩnh, tầm thường ở người bạn đời già. Vì vậy chẳng ngại ngần gì mà không một thôi một hồi kể ra cả loạt những mẫu chuyện về thói xấu của họ, như là ở bản, lắm lời và nhất là tính dâm dê của các lão. Ôi! Một lối yêu bình dân suông sã!

Oanh hoàn toàn khác với bạn bè. Với chồng nàng vẫn nguyên vẹn một tấm tình đam mê và sùng ái. Chồng nàng là một cuốn sách đáng xưng tụng duy nhất mà nàng hằng đọc mãi mê. Chồng nàng là ảnh tượng tôn thờ, nàng không mấy may dám bình phẩm bằng một ngôn ngữ thông thường, chứ đừng nói là sàm sỡ như các bạn bè, đừng nói tới sự không

chung tình. Nhưng Oanh sùng ái chồng hết mực, đâu có phải vì nàng ở thế yếu kém về đường nhan sắc, tài năng, tài sản. Trái lại, Oanh đẹp một vẻ đẹp đàn bà, tức đẹp mà gợi cảm. Oanh là cô giáo dạy Toán giỏi ở trường trung học. Ba nàng là tổng giám đốc một công ty lớn. Nàng là cái hình bóng ao ước của nhiều vị chức sắc tỉnh nhỏ này. Nàng là người đàn bà mơ tưởng của cánh đàn ông giàu có. Nàng là giấc mơ tiên của giới mày râu đủ loại sang hèn. Và nếu tình yêu ở mức cuồng si là sự chìm đắm hoàn toàn vào đối tượng và ở mặt phản chiếu là để đối tượng chìm đắm vào bản thân ta thì tình yêu của Oanh là một cơn say ngọt ngào, là bảo hiểm tuyệt đối cho tư cách đàn bà của nàng. Nàng yêu, mê, hơn nữa kiêu căng về chồng đến mức nhiều khi người ta phải nghi ngờ về tính chân thật của nó, nhưng nghĩ ra thì nàng hoàn toàn có lý. Chồng Oanh là một người đàn ông thật sự và xứng đáng hoàn toàn với sự tôn sùng của nàng.

Tên là Đức, Ngọc Đức, chồng Oanh thật là một con người hoàn hảo mọi mặt. Đánh giá con người không nên xét bề ngoài, nói thế chưa hẳn đúng, vì bề ngoài cũng quan trọng lắm chứ. Đến cái áo mình mặc, đôi tất mình đi, căn nhà mình ở, con mèo mình nuôi cũng còn chọn thứ đẹp nữa là. Đừng tưởng chỉ có đàn ông mới thích đàn bà đẹp. Thứ nhất đẹp trai, thứ hai tốt tiền. Nếu vậy thì ở tiêu chuẩn thứ nhất, Đức đạt yêu cầu xuất sắc. Anh cao vượt lên một mét bảy mươi hai phân, trong khi đa phần các vị đồng liêu ở tỉnh đều lùn tì, hoặc giỏi lắm là cao tới mét sáu, thoáng trông đã thấy ngay là rất mất thố, chưa kể vào tuổi năm mươi tất thấy đều xệ bụng, bạc tóc, hói đầu, chân tay hoặc sứt sẹo hoặc nhéo nhèo. Thời gian chỉ lướt qua bên cạnh Đức, tuổi năm hai mà vẫn hiển lộ một vóc hình trai trẻ, ngực nở, bụng thon, bắp chân bắp tay nở nang như lực sĩ thể hình. Mặt vuông vức, da bánh mật sáng bóng, mũi cao, mắt đen, tóc mượt, mặt Đức hao hao mặt đàn ông Ấn Độ có chiều sâu thâm trầm. Con người đẹp một cách nam nhi ấy

lại là con người vui vẻ, hoạt bát, đặc biệt nói năng thì ngoài sự chính xác của ngôn từ, ngữ cú, vì xuất thân là thầy giáo, lại còn hóm hỉnh vô cùng. Hóm hỉnh là cái duyên trời cho. Cũng như tài hoa là cái thứ của cải trời phú. Nếu vậy thì ông trời thiên vị quá, cho Đức nhiều tài quá. Ba mươi hai tuổi, từ một hiệu trưởng trường trung học lên thẳng chức giám đốc sở. Ba mươi lăm đã là tỉnh ủy viên, ủy viên thường trực ủy ban nhân dân tỉnh, một con người toàn thức, toàn tài vì ở bất cứ lĩnh vực nào, nhà lãnh đạo trẻ tuổi cũng có ý kiến độc đáo, do có tầm kiến văn sâu rộng và trí nhớ thần đồng. Tài đã vậy, đức cũng chẳng kém. Trong khi các ông khác không ít thì nhiều đều dính dấp vào đồng tiền công quỹ, đeo quanh mình bao điều ô trọc, bại hoại cả thanh danh, công lao tu dưỡng thì Đức là cái mẫu hình của đạo đức chí công vô tư, có hai bàn tay sạch sẽ hoàn toàn. Con người được dân tin, bạn mến, đang thăng hoa trên hoan lộ, dự tính sẽ lên chức chủ tịch tỉnh nay mai, lạ lùng thay, lại là con người phát tiết anh hoa sang cả mặt văn - thể. Anh là một hồn thơ lai láng, chứng có là một bài thơ trong cả trăm bài của anh đã được chính anh phổ nhạc và trở thành tỉnh ca, được dùng làm bản nhạc khai đề của đài phát thanh tỉnh mỗi sớm mai về. Anh chơi được đủ các loại đàn. Và vóc hình cao đẹp của anh đã không để phí hoài vì thời trai trẻ anh đã có chân trong đội bóng rổ, bóng chuyền của tỉnh. Anh là một cây vợt bóng bàn có tiếng.

Ấy thế! Hồn hển tiếng nọ lấp tiếng kia vì sung sướng, Oanh tiếp nối bản tụng ca:

- Anh ấy đã bỏ qua thì thôi, chứ động vào cái gì thì cũng nên danh cả. Vừa rồi bắt đầu chơi máy ảnh đã có ảnh tham gia câu lạc bộ nghệ sĩ nhiếp ảnh. Hồi này bắt đầu cầm bút vẽ thể mà có ông họa sĩ ở Hà Nội lên xem tranh đã xuýt xoa rồi. Nói chắc các bạn không tin, anh ấy đã chơi xổ số thì không trúng giải nọ cũng trúng giải kia. Đấy, một lần trúng sáu mươi triệu,

mua được căn nhà này. Năm kia trúng giải khuyến khích, được cái tủ lạnh!

Âm nhạc, thơ văn là cái tài thiên phú, trúng xổ số là nhờ tựa vào linh ứng và may mắn, những thứ đó còn có được thì những cái tài khác là thứ vật vĩnh. Chẳng hạn mua bán mặc cả giỏi hơn đàn bà. Ném mắm tôm ngon tinh hơn bà lão. Biết mua thịt ba chỉ để nướng chả và bạc nhạc bò để nấu xốt vang. Ăn biết chọn miếng giò đầu, miếng chả cạnh. Muối cà pháo thì vừa chua vừa giòn. Ôi chao, con người toàn thức toàn năng!

Đấy, đại hội tỉnh lần vừa rồi anh ấy lại xin rút đấy chứ. “Tôi đang còn có quá nhiều việc phải làm”, anh ấy nói vậy. Thật ra thì anh ấy có bận là bận đọc sách thôi, chứ mọi việc trong nhà, tất tậ, từ giặt giũ đồ lót của anh ấy, em cũng không để anh ấy động tay vào. Nhưng các đại biểu lại không đồng ý. Họ nói: “Không có ông Đức thì cấp ủy còn là cái gì.” Gần đây em nghe nói, Trung ương đang có ý định rút về Hà Nội nữa kia, các chị ạ.

Oanh ghen hơi nói tiếp:

- Có kẻ xấu bụng nói anh ấy khôn. Em nói thật, nhà em anh ấy không thêm khôn đâu. Em nói ví dụ như chuyện nhà cửa: Có xin xỏ, mua bán gì đâu, thế mà nay ở Hà Nội bọn em đã có sẵn một tòa biệt thự ba tầng ở đường Láng Hạ rồi đấy.

- Sao mà tài thế?

- Vì ông anh trai anh ấy mất để lại cho.

- Ông anh trai anh ấy mới mất?

- Chậc! Đang ngồi uống chè trên vỉa hè thì một cái ô tô khỉ gió đồng lăn do một thằng xế say rượu chồm lên, đè phải. Lão thầy bói giỏi nhất nhì Hà Nội bảo: Nhà này có dớp tai nạn giao thông. - Oanh chép miệng, chuyển làn câu chuyện. - Đấy, cái số anh ấy có mất công gì đâu mà cũng chẳng cần chờ đợi, vậy mà lộc đến cứ ừn ừn. Nói như chuyện đi nước ngoài. Đi từ lúc trẻ đến nay đã tới gần ba, bốn chục lần, đã chán ngấy lên

rồi mà cứ bị chỉ định đi. Em nhớ, năm 1985, em gặp anh ấy ở Moskva. Hai năm sau chúng em cưới nhau ở Đại sứ quán ta ở đấy. Thành con đầu lòng giờ mới vào năm thứ nhất Đại học Kiến trúc em để ở bên ấy. Ở bên ấy hồi ấy ăn uống chả thiếu gì nên cháu mới cao lớn khỏe mạnh thế, các chị ạ.

Chao ôi! Sao lại có kẻ sung sướng, may mắn thế! Nghe chính cái kẻ đang hưởng cái hạnh phúc ngoại cỡ ấy kể lại, kể lại chắc còn giấu giếm, dè dặt nhiều lắm mà đã phát thèm, phát tức, phát ghen lên rồi. Huống hồ lúc này đời sống còn muôn vàn khó khăn và bất hạnh còn đầy rẫy đó đây!

Đàn bà đi liền với ghen tức, nhưng ghen tức của đàn bà tuổi ngoại tứ tuần ranh ma quỷ quái không thể lường! Vậy nên mới có một bà ngắt dòng chảy thao thao của Oanh, đập khế tay Oanh, nháy mắt và giả lả:

- Nay, đời cậu hay thật rồi! Nhưng chỗ chị em đàn bà lòng và cũng như lòng sung, tố hởi thật. Cái khoản ấy của lão thế nào? Đấng nam nhi có được như thằng cha Khoản lái xe cho lão đêm nào cũng hăm con vợ tôi tở, hay chưa đến chợ đã hết tiền, để vợ suốt đời chết khô chết héo?

Đòn ra mới hiểm làm sao! Nhưng hồi kẻ ganh ghét độc địa kia, cú đòn hiểm của nhà người đã trượt rồi. Vì Oanh chưa cần trả lời, đã có một bà béo tốt bật cười he he, tay ôm ngang sườn Oanh, nguyệt bà nọ một cái rồ dài rồi toang toác:

- Hởi thế mà cũng đòi hỏi! Trông người nó phây phây thế này, như thái lái gặp phân chó thế này. Ngực nó nở nang như gái đang xuân thế này. Mặt nó sáng như cái mâm đồng thế này. Như con gái dậy thì thế này. Hỏi không có thằng đàn ông đêm nào nó cũng vẫn vũ tước tằm, nó cho lên tiên thì có được khối!

Các bà các chị nghe vậy cùng toang toang cái cười khoái trá thừa nhận từ kinh nghiệm, từ quan sát mục sở thị. Sức khỏe đàn bà, sắc đẹp của y nhiều khi do gã đàn ông vun xới là vậy! Còn ở tỉnh lẻ, giữa bầu không khí thân mật này, chuyện

ấy cũng như bao chuyện khác tốt đẹp hoặc xấu xa ở mỗi gia đình, mọi người đều rỉ tai nhau thông báo cho nhau biết hết cả, làm sao mà giấu được nhau! Ôi, cái quan hệ nam nữ, cái quan hệ tự nhiên phổ biến, vùng quẩn rũ bí ẩn, mối quan tâm của đời sống hiện đại, đề tài hấp dẫn nhất trong các cuộc phiếm bàn của đại chúng. Như chuyện ông phó chủ tịch bất lực nên bà vợ đành phải tìm anh thư ký đô con thay thế. Như chuyện Khoản lái xe của Đức chồng Oanh, cái thằng rậm râu sâu mắt “đêm bảy ngày ba vào ra không kể” khiến bà vợ già hơn tuổi lúc nào cũng hây hây như thiếu nữ hai mươi. Nếu vợ chồng Oanh có trục trặc gì thì từ lâu đã chẳng âm ỉ lên rồi ư?

Cuối cùng thì thói ghen tuông, ích kỷ vẫn đi theo con đường mù quáng của nó. Nó bất cần sự thật. Không chịu nổi sự toàn thiện toàn mỹ của cuộc sống lứa đôi vợ chồng Oanh - Đức, nó ghen lồng ghen lộn, nó uất tức đến chảy máu mắt. Không phá hoại được thì nó đặt điều, dè bủ chê bai, chế giễu, tung dư luận nói xấu. Chứ ít thì nó cũng chê Oanh ngố, Oanh lố. Ai lại khoe từ cả cái việc giặt đồ lót cho chồng, chiều chồng đến mức không để chồng động đến dù là tí chút chuyện nội trợ thì là con hầu chứ đâu còn là vợ. Nặng nề hơn thì họ cho rằng vì có trục trặc trong quan hệ thật nên Oanh mới phải dùng lời lẽ tốt đẹp để che đậy. Rằng Đức là thằng cha rất kém cỏi về mọi phương diện, lên được chức vị to thế là nhờ có ông anh ở ban tổ chức Trung ương, hấn chỉ được cái khôn lỏi đời, chứ hấn ta, ngay cả cái khoản làm chồng cũng hèn kém quá. Sợ ma hay hờ hét. Lùn tì thích vĩ đại. Oanh cũng vậy. Nàng sắp chết khô rồi. Tang chồng lên cao thế là do hệ quả của thói hoang tưởng bệnh hoạn, để thỏa mãn cơn khát thèm không được thỏa mãn mà thôi. Lại cũng còn có bà độc địa, ác khẩu nói thẳng: “Này, báo cho mà biết, tạo vật ố hoàn danh, sự vật nó không ưa hoàn hảo đâu, chớ có vội ngoe nguấy.”

Ôi chao! Kể sao cho hết. Nhưng thôi đã nói đi thì phải cho nói lại. Lộc trời cho ai người ấy hưởng. Đã gọi là số thì ghen tị

làm gì cho nó mệt. Vả chẳng kể bị ghen nó có vì thế mà cùn nhụt đi đâu. Trái lại nó lại càng như bị kích thích phớn phở thêm lên là khác. Vậy thì tốt nhất là hãy cứ vui lòng mà chấp nhận!

Bảy giờ ba mươi sáng mỗi ngày. Thời điểm và bức tranh đã định hình. Một chiếc xe Nissan sang trọng bóng loáng màu cổ vịt, từ cổng ủy ban tỉnh bon bon chạy qua con phố dốc với tiếng còi nhịp ba vui vẻ nhại điệu cha cha cha. Mười lăm phút sau, nó quay trở lại cổng ủy ban tỉnh, cửa xe mở, nhả ra một người đàn ông trắng kiện trong bộ *com lê* xám, tay xách cặp da, đẹp như người mẫu thời trang. Người đó đóng cửa xe, hơi cúi xuống nhìn vào trong xe, giơ bàn tay ngang đầu, âu yếm: “Em đi nhé!” và chiếc xe vòng một cung nhỏ, quay đầu trở ra. Qua một con phố dài vút, rẽ trái chừng hai trăm mét, chiếc xe đậu lại ở trước cổng một ngôi nhà cao ba tầng, để từ xe bước ra một thiếu phụ tuổi bốn mươi, đẹp gợi cảm do những đường nét uốn lượn giàu giới tính trên ngực, bên sườn. Đó là cô giáo Oanh. Cô giáo Oanh đi nhờ xe chồng. Chồng cô là phó chủ tịch tỉnh, có tiêu chuẩn xe đưa đón. Lái chiếc xe là một gã đàn ông tên Khoản bốn mươi lăm tuổi, to lớn, vai u, cổ rụt, râu rậm, mắt sâu, môi thâm, da sần sùi và như là dính nhọ nổi. Gã lái xe là một tương phản với người thủ trưởng được y phục vụ. Y toát lên từ vóc dáng, diện mạo, ngôn ngữ sự thô鄙, vô học, một bản năng ngùn ngụt chưa hề được bào giũa, uốn nắn. Y gây cho Oanh thoát đầu là nỗi kinh sợ, ghê ghê. Nhất là khi thi thoảng lại bắt gặp cái nhìn trộm như chụp hình của y. Tuy nhiên đối với người phụ nữ tuổi đã tứ tuần thì chồng con là tất cả, là chính họ, là cái thế giới trong đó họ sống, là không khí họ hít thở. Vậy nên một gã lái xe thì có gì mà phải bận tâm. Ít lâu sau, Oanh chẳng để ý đến y nữa.

Sáng hôm ấy là buổi sáng có chút không bình thường so với các buổi sáng khác. Chiếc Nissan màu cổ vịt bóng loáng đậu lại ở trước cổng trường và khi Oanh mở cửa bước ra, nàng còn quay lại, vì gã lái xe bỗng thò đầu ra cửa xe, ngược lên dè

dặt và bồi hồi. “Chiều nay, cứ đón bình thường chứ?” Không để ý đến cách nói trống không của Khoản, Oanh đáp: “Thôi, cảm ơn. Tôi không có tiêu chuẩn”, rồi quay đầu đi. Chồng nàng sáng nay đi Hà Nội họp một tuần, tiện đường, như mọi hôm nàng đi nhờ xe Khoản lái là hợp lý, chứ từ chiều nay làm sao nàng một mình mà lại được đi riêng một xe tiêu chuẩn của phó chủ tịch tỉnh được? Nàng nghĩ đến việc nhờ bạn đèo. Và tan trường, nàng bám theo một bạn đồng nghiệp dắt xe đạp ra cổng. Nhưng nàng đã giật thót mình vì thấy chiếc Nissan đã đậu sẵn ở đó với cánh cửa khép hờ. Nàng đã kiên quyết khước từ. Nhưng cuối cùng đành phải chui vào xe, ngồi ở ghế cạnh ghế Khoản lái, vì bạn đồng nghiệp của nàng dun dẩy nàng, lại đùa rằng: “Thôi đi, được anh ấy quý chuộng lại còn vống hãnh”, rồi chỉ cái lốp xe đã mòn vẹt, thoái thác rằng xe của mình non hơi lắm. Đó là lần đầu tiên Oanh một mình ngồi trong chiếc xe do Khoản lái.

*

Đó là lần đầu tiên Oanh một mình ngồi trong chiếc xe Khoản lái. Lần này tuy không còn kinh sợ, ghê ghê do đã quen quen, do thấy Khoản cũng chỉ không giống những người khác ở chỗ y rất ít lời và hay liếc trộm nàng thôi, nàng vẫn thấy không thật thoải mái. Và nàng tự bảo mình: Chỉ nên một lần duy nhất thôi.

Nhưng Oanh không ngờ rằng nàng đã không thực hiện được lời tự nhủ mình. Nàng đã phải ngồi cùng một chuyến xe với Khoản một chặng đường dài nữa, suốt một đêm rờn trong bối rối kinh hoàng, vì một tai họa khủng khiếp xảy ra với chồng nàng. Sấm sấm chiều hôm ấy, vừa về tới nhà, chưa kịp cắm nồi cơm điện, nàng đã phải chạy tới máy điện thoại. “Anh Đức bị tai nạn ô tô ở kilômét 220. Chạy xuống đó ngay.”

Chỉ nghe được có vậy, nàng đã như kẻ mất hồn, cuống cuống, chạy vòng ra cửa nhà. Và ở đó, Khoản cũng đã nhận được lệnh của cơ quan, với chiếc Nissan mở sẵn cửa đón nàng. Cả đêm hôm đó chiếc Nissan thực hiện một cuộc chạy can trường vì đường xấu, lại mưa lớn lũ về, nhiều chỗ đường sạt lở cả đoạn dài. Rồi tới nơi xảy ra tai nạn, nó lại gồng mình căng sức chạy thêm hơn hai trăm cây số nữa về một bệnh viện lớn Hà Nội. Xe ô tô của Đức trên đường đi họp bị một ô tô tải đâm phải, Đức bị chấn thương sọ não, giập một cánh tay, tính mệnh đang ngàn cân treo trên sợi tóc!

*

Ghê gớm quá là quyền lực của số mệnh! Số mệnh thực hiện nguyên lý “tạo vật ố hoàn danh”, nó không cho phép ai được nhận hạnh phúc trọn vẹn cả. Nó cũng như người, nó ghen với sự hoàn mỹ. Nó hào phóng cho, nó lại bủn xỉn giắt lại bằng hết. Kinh khủng và trở trêu làm sao! Chỉ mấy ngày trời, hoàn cảnh sống của Oanh đã đảo lộn hoàn toàn. Từ một thiếu phụ xinh đẹp, tràn trề kiêu hãnh và yêu đời, Oanh biến thành một người đàn bà ủ dột, buồn nản, bơ thờ tuyệt vọng. Trước đây, nàng ấm áp, sung mãn, tràn đầy, nay nàng ngác ngơ, héo hắt, âu sầu. Ấy là còn may cho nàng, quyền lực của số mệnh cũng còn có chỗ gượng nhẹ. Chồng nàng không chết. Sau sáu tháng nằm viện, anh trở lại đời thường với một cánh tay cụt tới khuỷu, một mắt bị hỏng và não suy giảm hơn nửa sức hoạt động. Xét công lao của anh, người ta cho anh được nghỉ dài hạn tại gia cho đến khi đủ tuổi để chuyển sang chế độ hưu trí.

Oanh đã đi dạy trở lại, sau một năm học nghỉ việc, ở nhà chăm sóc chồng. Không có xe ô tô của chồng để đi nhờ như xưa nữa, nàng đành phải nhớ tới chiếc xe đạp bảy lấu quảng ở xó bếp han gỉ và bụi bặm phủ đầy, lôi nó ra, nhờ thợ sửa chữa lau

chùi và dùng nó làm phương tiện đi về. Chiếc xe cà tàng giờ chứng liên tục, trông nó cũng buồn thiu như nàng. Nàng buồn lắm. Nàng còn sợ hãi nữa. Buồn cho số kiếp và sợ vì sự linh nghiệm của điều tiên định. Dắt chiếc xe vào trường, vút nó ở gầm cầu thang, nàng cum cúp đi đến lớp ngay.

Rất ít khi nàng đến văn phòng, nơi lúc nào cũng sẵn những cuộc tụ tập, nhàn đàm của đồng nghiệp. Giao tiếp đối với nàng giờ đây là sự bất đắc dĩ. Ngay cả những lời hỏi han về bệnh tật, sức khỏe chồng của bạn bè, lúc này đối với nàng cũng rất dễ trở thành những lời mai mỉa hoặc ngầm ẩn sự đắc chí rồi: “Thấy chưa, khoe khoang lắm vào!” Không có cách thoái thác, buộc phải có mặt ở những buổi hội họp tập thể thì nàng im lặng, gượng gượng giữ vẻ tự nhiên nhưng trong lòng thì vô cùng ngượng ngập. Lại vẫn như xưa thì cũng vẫn là yêu quý đấy, nhưng các bà các chị tuổi đã nhòng nhòng hễ gặp nhau là lôi các đức ông chồng mình ra mà bĩ bai, nói xấu, là gọi chồng mình là “lão hói”, “lão cận”, “lão hâm đơ”, “lão móm”, “lão sún”. Cứ như là sau mấy chục năm đã gạn hết cái hay, cái đẹp ở gã đàn ông chồng mình, giờ chỉ còn thấy ở họ rất những cái xấu, cái dở, cái xòàng xính, tầm thường và chẳng ngại ngần gì mà không một thôi một hồi kể ra cả loạt những mẩu chuyện về những thói tật xấu xa như ở bản, lắm lời và nhất là tính dâm dê của các lão. Ôi! Cái lối yêu chiều suông sã, cái kiêu mắng yêu, trách yêu của con người! Cái lối yêu ấy đối với nàng vốn đã xa lạ, nay càng trở nên xa lạ. Bởi vì bây giờ nếu sự thật là từ ngày tàn tật, Đức bỗng trở nên một gã đàn ông khó tính khó nết và đa nghi đến bản tiện khiến nàng vô cùng chán nản, nàng cũng không thể đem tất cả ra mà phơi bày cho mọi người biết dưới cái dạng mắng yêu, trách yêu ấy được. Nàng không quen miệng và cảm thấy mình đã không còn thật sự yêu chồng nữa rồi. Nếu có nói xấu chồng thì là nàng chê trách thật sự, chứ không còn là trách yêu, mắng yêu như họ.

Oanh chỉ còn cách thui thủi một mình một bóng, một mình mình hay. Một hôm đang lái thủi dắt chiếc xe cà tàng tuột xích trên đường, Oanh bỗng giật thột mình vì tiếng còi xe ô tô phát điệu “cha cha cha” ở ngay sau lưng mình. Chiếc Nissan xanh cổ vịt đậu sát bên cạnh nàng và nàng thật sự không hiểu sự thể đã diễn ra như thế nào mà chiếc xe đạp hỏng của nàng được nhấc lên đặt vào cốp xe và nàng như một cỗ máy tự động; đến khi sực lên trong khứu giác mùi thơm hắc của hạt gạo mu dẹt thành tấm đệm đặt trên ghế xe, mới biết mình đã chui vào lòng xe.

Khoản đánh tay lái vòng qua cổng ủy ban tỉnh, đậu xe cách nhà Oanh chừng hai chục mét. Rồi vẫn không một lời, gã lái xe đen ngòm cầm râu nhấc chiếc xe đạp hỏng ra khỏi cốp, lồng lại xích, nhấc yên xe, đạp thử, nghiêng tai nghe bánh xe quay rù rù, đoạn trao lại cho nàng.

- Đừng đón tôi nữa, anh Khoản! - Lần thứ ba được đón đường, khi đã ngồi yên vị trong xe, Oanh run rẩy nói.

Nhận ra được tất cả sự khẩn thiết lẫn nỗi lo sợ nghiêm trọng giọng nói, nhưng làm như vô cảm, hai con mắt sâu của Khoản lặng tờ dõi về phía trước qua làn kính mờ.

- Mọi việc sẽ qua đi thôi. Đừng buồn.

- Tôi thấy...

- Anh ấy bị hỏng con mắt bên nào?

Còn rùng mình lan từ cột sống, rung chuyển cả toàn thân, Oanh hơi chồm dậy, kêu khe khẽ sau một phút ngỡ ngàng:

- À à... bên trái.

- Theo nguyên tắc đồng hành thì mắt này hỏng sẽ kéo theo mắt kia.

- Sao ạ?

Xe đột ngột dừng, Khoản xoay hẳn người lại, hai mắt khấp nhỏ để hẹp bớt khoảng lòng trắng trắng dã. Bây giờ thì không

cần nhìn trộm nữa. Khoản nhìn thật gần. Trong âu sâu, người đàn bà vẫn còn đẹp mà hình như nàng còn gợi cảm hơn khi nàng kiêu căng. Vẫn khuôn ngực nở nang ấy nhưng giờ phập phồng những lo âu. Tấm thân ấy, vẫn là nó, nhưng giờ đây bé nhỏ đến tội nghiệp vì thiếu sự chở che, ấm áp.

- Khổ! Tàn tật thế thì hầu ông ấy cũng đủ mệt rồi. Làm gì có ai sẵn sóc lại.

Một hơi thở dài như dấu chấm than ngắt đoạn câu nói. Khe khẽ quay người lại, lướt đôi mắt âu yếm qua gương mặt Oanh, Khoản dịu dàng và bất ngờ:

- Oanh đi làm lại đầu đi! Trông Oanh bơ thờ quá!

Oanh nhìn ra cửa xe. Hiệu làm đầu ở ngay bên phải nơi xe vừa đậu. Quả là đã mấy tháng nay nàng không hề để ý gì đến tóc tai, áo quần. Như bị sai khiến, nàng bật cửa, bước ra ngoài. Khoản hất hàm rất tự nhiên:

- Yên tâm, anh chờ!

*

Chẳng có ai tiên tri được tất cả các điều sẽ xảy ra. Nhưng giống như trong thơ thất ngôn bát cú, câu khai đề đã có, ắt phải có câu thực, câu luận, câu kết. Oanh đã đi làm đầu rồi trở về ô tô hôm ấy, nàng cúi gập mặt ngượng ngập khi Khoản đưa ngón tay chùi một hạt nước mưa đọng ở má nàng và lập bập nàng đánh trống lảng: “Phụ nữ bọn em rắc rối nhất cái đầu tóc!” Cái hàng rào đầu tiên đã được vượt qua, con chim tình ái sẽ chẳng ngần ngại gì nữa mà không dang cánh bay lượn thoải mái trong khu vườn yêu đương.

Bạn đọc hẳn sẽ la ó ngay lên rằng sao lại có thể có sự gán ghép thô bạo như thế? Sao lại để cô giáo Oanh hạ mình vô lý

như thế khi rơi vào vòng tay gã lái xe tên Khoản, vốn là người trước đây nàng thấy ghê ghê, kinh sợ?

Sự thật hoàn toàn không như bạn đọc nọ nghĩ. Ai cũng biết tình yêu là tình cảm lớn lao. Sự vĩnh hằng của con người nhờ tình yêu mà được truyền di từ thế hệ này qua thế hệ khác. Ở tình yêu của con người có mặt bản chất sinh học tự nhiên, trong đó tồn tại một lực lượng nguyên thủy có sức mạnh mãnh liệt khi nó theo đuổi để giao hòa và thống đoạt đối tượng, được gọi là tình dục. Ái tình ở cấp độ nhân tính đặc thù là một thực thể xuyên thấm cả lòng ái dục của con người, vốn đóng vai trò không nhỏ trong đời sống lứa đôi. Với Oanh và cũng chẳng phải chỉ riêng với Oanh, mặt này trên thực tế giữ vai trò chi phối tình yêu của nàng.

Thế mà tất cả giờ đây đã đảo lộn hoàn toàn. Xưa kia Đức đẹp đẽ, giỏi giang, khỏe mạnh là vậy, còn bây giờ Đức chỉ là một gã đàn ông tàn tật, xấu xí, một thứ đồ vô dụng, một kẻ trắng tay, một kẻ thiếu năng. Anh không đem lại hạnh diện cho nàng. Anh không có cả khả năng đem lại sự thỏa mãn thể chất cho nàng. Nếu hiểu biết được định nghĩa là sự biết giữ lại cái cần thiết cho sự phát triển thì con người cũng được định nghĩa là kẻ luôn luôn biết tránh hại, tìm lợi. Con người có nhu cầu theo đuổi sự sung sướng cho bản thân. Tình yêu do vậy có tính uyển chuyển phi thường, và đó là cơ sở để chúng ta có thể đi tới mệnh đề này: Con người là một sinh vật luôn luôn được tái tạo, con người luôn làm lại bản thân mình.

Hướng hồ ở Oanh tố chất cực đoạn chiếm giữ phần quan trọng trong cá tính nàng. Nàng đã vì mình mà tô vẽ chồng thì nay nàng cũng sẽ là kẻ phóng đại các thói xấu của chồng nàng.

Oanh dứt khoát rời bỏ chồng! Nhưng tại sao nàng lại bất tình với Khoản, gã lái xe được coi như là một kẻ ở đẳng cấp thấp hơn nàng? Cái trớ trêu của cuộc đời đã cho ta một ngoại lệ hợp lý, Oanh không còn ai để giải bày tâm sự. Nàng đã ở

trong một hoàn cảnh cô độc thui thủi đến tận cùng. Bởi vì từ lúc khởi thủy nàng đã giữ một khoảng cách kênh kiêu với sinh hoạt đời thường. Nay, Khoản là kẻ duy nhất nàng có thể bộc lộ tâm sự mà không ngượng ngùng. Và Khoản, không xấu xí như ta tưởng, so với những người đàn ông khác anh không tồi tệ hơn. Y là chiến sĩ lái xe đường Trường Sơn trong chiến tranh, y được thưởng ba huân chương vì hành vi dũng cảm. Mặt y rộp lửa đạn. Y là thương binh, là cựu chiến binh. Y cũng như bao người đàn ông khác, hay nghĩ đến đàn bà và thấy đàn bà đẹp thì thêm muốn. Đàn ông xưa nay có bao giờ thôi là kẻ trục lợi đàn bà, y luôn luôn tìm cơ hội để chiếm đoạt tình yêu và thể xác họ? Thêm khát thèm cô vợ thủ trưởng đẹp một cách gọi cảm, điều ấy cũng là bình thường với Khoản và với mọi kẻ mang danh đàn ông. Còn bây giờ, trong chiếc xe chạy rong ruổi trong mưa thu dầm dề, Khoản lắng nghe người thiếu phụ kể lễ nỗi khổ của mình về người chồng đổi tính đổi nết từ ngày bị tai nạn, chốc chốc lại gật đầu chặc chặc lưỡi ra cái điều cảm thông.

Xe dừng cách nhà Oanh hai mươi mét. Khoản rời tay lái, quay sang người thiếu phụ đang đưa khăn lau mắt, thở một hơi dài::

- Thật không ngờ ông ấy đồ đốn thế!

Rồi rất tự nhiên quai cánh tay sang thiếu phụ, kéo chị về phía mình. Dự đoán không bị ăn tát và sấn sổ là cách thức ưu thắng trong việc thăm dò lòng người đàn bà đang cô đơn đã tỏ ra chính xác. Bùng lên một cảm giác nhục thể do động chạm, Oanh run lên bần bật.

- Anh yêu em, Oanh. Xưa kia, đã có lúc anh nghĩ, được ân ái với em một đêm mai chết anh cũng sẵn sàng. Oanh ơi, anh yêu em!

Câu nói thô bỉ lúc này của Khoản được đón nhận như một lời tỏ tình mạnh mẽ của đàn ông. Oanh chỉ chờ có vậy là chồm lên, vòng tay lên cổ Khoản và ngả vào lòng y.

*

Mùa thu trầm lắng ấy là mùa tái sinh của Oanh. Nàng vượt được qua cơn sâu tủi, bùng nổ và sáng tươi như một đóa hoa cúc đầu mùa. Ngực nàng căng nhúc lên như ngực thiếu nữ mới lấy chồng. Mặt nàng trắng một lớp men hồng. Hai con mắt nàng long lanh niềm xúc động. Nàng ở giữa đời thực và giấc mơ, lúc nào cũng lâng lâng như đợi chờ, như mê mải ngất ngư. Nhưng nàng vẫn không tham gia những buổi phiếm bàn của các bạn đồng nghiệp, cũng không một lời nhắc nhở tới Đức. Dường như trước đây chưa hề có một người tên Đức là chồng nàng được nàng tôn thờ, si mê. Có ai hỏi thăm tình hình chữa trị của chồng thì nàng đáp quấy quạ: “À, cũng đỡ đỡ rồi. Bạn lắm nên mình phải thuê một bà cụ giúp việc săn sóc anh ấy. Thôi, mình phải đi dạy đây.” Đến trường, dạy xong là nàng vội vã ra về. Chiếc xe của Khoản đã đứng nấp sẵn ở một nơi nào đó đón nàng. Tầm hum trong cái áo mưa, kín bưng như một cái bóng vô danh, đi trong màn mưa thu, tới chiếc xe, kéo cánh cửa đã mở sẵn, chui vào xe, nàng mới ngược dậy: “Anh đợi em có lâu không? Ta đi đâu bây giờ?” Khoản không nói, tay phải với sang sập lại cánh cửa rồi dường như cả thân mình to lớn đổ nghiêng với cánh tay trái như cái gọng thép khuỷp chặt khuôn ngực căng đầy của người đàn bà đang rạo rức niềm ham muốn. Cái hôn bị ngắt đoạn giữa chừng. Oanh giục: “Đi đi, anh. Lần sau đón em ở trước cửa tòa án nhé! Ở đây có đứa nó theo dõi, nó biết rồi đấy!”

Tôi là bạn thân từ nhỏ của Đức. Một hôm đến thăm Đức, đang dở câu chuyện thời sự quốc tế, Đức bỗng bảo tôi: “Có một việc riêng muốn nhờ cậu, có được không?” Nói xong, đà dạn mãi mới nghiêng răng, ứa nước mắt tiếp:

- Từ ngày bị tai nạn đến nay, hơn ba năm rồi, tôi chưa hề một lần động chạm đến thân thể Oanh. Vừa rồi nghe dư luận phong thanh rằng cô ấy đi Hà Nội nạo thai. Tôi hiểu cô ấy đến chân tơ kẽ tóc. Tôi không trách cô ấy. Nhưng nhờ cậu nói với cô ấy rằng với ai thì cũng được nhưng với thằng Khoản lái xe của tôi thì là làm nhục tôi. Thằng Khoản, nó vốn là thằng học trò của tôi! Đúng, nó xưa là học trò của tôi! Tôi là thầy dạy nó!

30/4/1999

CON NHÀ LÀM BÚN

- **G**ái lùn! Gái lùn, dậy! Dậy, sắp sáng rồi!

Gọi, lay. Đập tay, giật chân. Không khéo phải cấu véo, đấm đập, dựng nó dậy nó mới dậy cho cũng nên. Phần đêm đang khép cánh. Mặt đất đã âm ảm khí dương. Ủ thì con gái hai mươi tuổi là tuổi ăn tuổi ngủ, nhưng tuổi này cũng là tuổi làm lụng chú. Không làm thì lấy gì mà ăn. Không bớt ăn bớt ngủ dậy từ lúc này, khi thiên hạ còn ngủ cả, không lấy sự chịu thương chịu khó để bù lấp chỗ kém cỏi của số kiếp thì làm sao mà còn sống được đến bây giờ, làm sao năm giờ đã có hàng cho khách đến lấy kịp đón châu ăn sáng của mọi người!

- Gái lùn! Dậy, con!

May, lần này bà Gái mới chỉ gọi giật hai câu ngắn, con bé đã vùng ngay dậy, ngáp dài một cái rồi vừa gỡ tóc bù, vừa thò chân xuống quờ quờ tìm guốc. Tiếng guốc như một sinh vật rút từ bóng đêm ra sức sống mỗi lúc một to dần. Lát sau thấy tiếng nước trong chảo bột vổ sóng óc ách. Rồi bốc lên mùi bột gạo ngâm chua khẳm và mùi than bén lửa khen khét mùi của sự sống, trong bóng đêm đen nhờ.

- Này, cẩn thận, lượt cho kỹ không bún giót như hôm qua. Mà xem lại cái khuôn đi, mẹ thấy không khéo nó thủng, con à.

Tuy vậy bà Gái nói mà vẫn cảm thấy tiếng mình không thật. Nó vang đi đâu, trong căn nhà mái thấp đã mù mù hơi

khói, hơi nước, chìm ngấm bóng hai người đàn bà, một già là bà, một trẻ là con bà. Hóa ra ở đây, lúc này không cần ngôn ngữ. Lúc này, ngõ xóm khéo chỉ có hai mẹ con bà dậy bắt đầu công việc làm bún. Mọi người đang giấc. Không ngủ lúc này chỉ có ma, không ngủ lúc này họa chăng chỉ có kẻ trộm đang hành nghề. Thức giấc lúc này chỉ có hai mẹ con bà Gái. Hai mẹ con như hai cái bóng âm thầm, quờ quạng, cầm cúi vào công việc đầu tiên để chế tác ra sợi bún là gạo bột và nhóm lò.

*

Những sợi bún làm trong đêm đem lại lời lãi trông thấy. Một cân gạo làm được ba cân bún ngon. Nhưng khách chỉ được đổi có hai cân ruồi. Làm bún tậu được ruộng, xây được nhà. Nhưng đó là nói người có sức vóc và bỏ qua cái vất vả, cực nhọc của công việc này.

Ôi, cái cực cái nhọc của công việc làm trong bóng đêm, để biến hóa từ vật thể này sang vật thể kia nói sao cho thấu. Vì nó để lại di chứng ở ngay hình hài, vóc dáng, cung cách của hai mẹ con bà; người gì mà kiêu lời, mà cứ xo xo xúi xúi, cầm cầm cúi cúi, cầm có thấy gương mặt ngẩng lên tròn vẹn và hai bàn tay thì lúc nào cũng nhót nhều nhều, trong khi các kẻ chân kẻ tay bị nước chua ăn mòn ngày qua ngày cứ lở loét bỏ bột ra, trông thấy cả lớp thịt đỏ nhờ bên trong, như tay chân người hủi.

Muốn có sợi bún đẹp, ngon, công việc phải tỉ mỉ ngay từ khâu chọn gạo, không phải là hạt gạo mới lấm nhụa mà là hạt gạo cũ bụng bạc kia. Gạo muốn thành bún tất nhiên trước hết phải xóc cho kỹ, rồi xay thành bột ướt và ngâm chua cho nó nở. Nóng thì một, hai ngày. Rét thì có khi phải ngâm tới bốn, năm ngày. Bột nở đủ độ là vớt, cho vào khăn, gói lại rồi lấy đá lên. Lên cho khô rồi đem bột nặn thành quả. Quả bột hình

thành nhờ tay người trực tiếp, rồi cũng tay người trực tiếp cho nó vào quay, thả nó vào nồi luộc. Chà, đã tưởng luộc chín là xong, nào ngờ đôi tay vẫn chưa được nghỉ ngơi. Nhắc quả bột đã chín ở phần da bên ngoài ra còn phải cho vào cối giã, rồi sau đó cho vào bồn thầu cho nhuyễn. Thầu khó lắm, quá tay cho nước nhiều là nhão ngay. Ôi chao! Cái vất vả vẫn chưa buông tha. Vì bây giờ mới đến khâu lượt bột, tức cho bột vào cái lượt có hình cái túi làm bằng tơ lụa Hà Đông, bóp bằng tay thật kỹ cho bột mịn. Tuy nhiên dùng sức cơ bắp nhiều hơn là khâu vắn bún tiếp sau. Vắn thật mạnh để bột tuôn xuống nồi nước đang sôi, và trong mung lung hơi nước nhòe nhoẹt, bấy giờ khi bóng đêm đang tan, trong cái cảnh huống ba chìm bảy nổi, mới thấy được sợi bún lập lòe trong làn nước sôi cuộn.

*

Ôi, những sợi bún trắng muốt kết tinh từ trong bóng đêm lao động vừa dai vừa giòn, lại còn bóng bẩy ngon lành. Công phu, nhưng chỉ mới nhìn sợi bún đã muốn ăn. Vừa đặt vào môi đã thấy nó trôi vào cổ họng. Người ăn bún quen dạ chẳng cần nói cũng biết là đông, nhất là đàn bà. Người nghiện bún cũng không ít. Ngày xưa, trong ngõ này thì có cụ Thượng họ Bùi, còn như bây giờ, hằng ngày vẫn có cả chục người đến chờ bún khuôn một, hay còn gọi là bún đầu nước ngay từ lúc tỉnh mơ. Bún đầu nước ít nhựa, dai giòn, ngon, một người ăn hết một cân bún rồi là thường. Mà đây chỉ là chấm nước mắm hay mắm tôm chanh ớt thôi đấy. Bún có nhiều loại. Sợi bún ở trong chậu lấy tay vớt lên, vuốt xuôi, rồi trở tay đặt xuống, sợi dài trông như con len tở, gọi là bún con bừa, con cúi. Bún nắm là vóng sợi bún lên tay, nắm cho nó kiệt nước, đặt xuống, to nhỏ theo ý mình, nhưng thích nhất là bún vẩy ốc, còn gọi là bún lá, bày ở mẹt bún chả, mười lá trắng tinh đẹp như hoa nhài, nhìn

đã thấy mê. Mê bún, nghiện bún ở ngõ xóm này xưa như đã nói, là cụ Thượng họ Bùi. Bà Gái nhớ: Cụ Bùi Mỗ, người làng này, xưa học giỏi, tài cao đức trọng, được thăng thượng thư, vào nhậm chức ở Huế, nhớ bún quá, phải mời ông Quảng, anh giai bà vào chuyên làm bún cho cụ xơi. Sau, ông Quảng già, trở lại cố hương, Bùi tiên sinh thưởng cho chức trưởng bạ.

Ngồi nghe mẹ kể chuyện mà cậu út Nhớn đứng đưng như không. Chỉ có Gái lùn là có vẻ lắng tai, nhưng lại ghéech mắt, lơ ngơ: “Thượng thư là chức gì, hả mẹ?” Bà Gái ngẩn mặt nghĩ: “Thì thấy người ta nói vậy thì nói theo chứ nào có biết. Mà biết để làm gì?”

Biết chẳng để làm gì cả! Vì quanh năm suốt tháng, từ đời cụ kỵ ông bà cha mẹ chỉ một việc đơn thuần là làm ra sợi bún. Chỉ một nhịp sinh hoạt là ngày ngày trở dậy từ hai giờ sáng, hết gạn bột, luộc bột, giã bột lại đến thấu bột, lượt bột, vắn bún, khép kín một chu trình chế tác để đến sáu giờ giao hết hàng thì lăn ra ngủ. Ngủ tới hai giờ chiều là dậy chọn gạo, xóc gạo rồi mười giờ lên giường để hai giờ sáng lại bắt đầu vòng tuần hoàn mới là dồn sức làm. Làm, chỉ có làm, làm đến mức da thịt hai bàn tay nát nhừ như bùn vữa. Làm, cả năm cả tháng chỉ nghỉ độc một ngày mồng Một Tết là ngày miệng thiên hạ còn dành riêng ăn cỗ. Làm như một thói quen. Như mục đích là làm. Như không có nhu cầu gì, không có sinh thú gì khác. Không quan tâm tới bất cứ một cái gì khác ngoài công việc vì đã chấp nhận sự an bài, không nề hà, không suy bì so sánh, không biết đến khổ ải, thiệt thòi. Cũng chẳng có yêu cầu gì cho riêng bản thân. Vì ngay đến cả cái tên gọi cũng không cần nữa là. Mẹ là bà Gái. Con trai là Nhớn. Con gái là Gái con. Gái chị, Gái em, hoặc Gái lùn, Gái cao tùy theo vóc dạc. Từ đời ông bà đã vậy. Nhà là xưởng sản xuất. Số kiếp đã định, lớn bé, nam nữ trong nhà thầy đều là thợ chuyên nghề chế biến món thực phẩm dân gian phổ biến này. Có nhẽ phải đến đời này, chỉ đến đời này mới có chút ngoại lệ. Tức cậu út Nhớn con bà

Gái, từ lúc còn ở tuổi thiếu niên mới không tham gia công việc cùng cha mẹ và các chị. Cậu út Nhón được đi học. Cậu tách dần khỏi cái đời sống lầm than cực khổ của mẹ và chị cậu. Mẹ cậu, chị cậu lấy ra từ bóng đêm nguồn sức mạnh tâm tối, còn cậu, chỉ tìm thấy ở đó lòng căm hờn và sự khinh miệt. Cậu bấu môi, khinh bạc:

- Sống như dưới địa ngục thế này mà cũng chấp nhận được!

*

Cậu út Nhón mười bảy tuổi dong dỏng cao, da trắng mịn, mặt xương, mũi dọc dừa, tóc dày rậm, rẽ ngôi giữa, thanh tao, nhẹ nhõm như một mũi tên, trông vẻ ngoài đã thấy là cái tinh hoa vắt ra từ cuộc đời lam lũ của mẹ và chị. Nhưng trông sáng sủa vậy mà cậu học kém. Trượt vỏ chuối vào học cấp trung học, cậu ở nhà chơi nhõn đã hơn năm.

Một hôm, tôi sang xưởng chế biến của bà Gái xin nước đái bún, nước này có chất chua của bột lên men, rất rít, rửa bát sạch hơn nước chuyên dùng của Thái Lan thì bà Gái nín lấy tôi:

- Cô ơi, cô là hàng xóm, cô còn đi làm, cô quen thuộc nhiều, cô giúp thằng Nhón nhà tôi kiếm công ăn việc làm mới. Tôi sợ nó bị lười kéo...

Nhưng tôi chưa kịp giúp cậu Nhón nhà bà Gái được tí nào đã thấy cậu vè vè cái xe Honda nữ hoàng đỏ chót đằng sau đèo một cô gái mặc váy cộc vào ngõ và mặt mày phớn phở khác thường.

Cậu út Nhón thực hiện một cú nhảy vọt. Cậu Nhón đã có người yêu, đã có bồ bịch, nhân tình. Và còn hơn cả nhân tình nhân ngãi nữa. Vì từ hôm ấy cô gái nọ ăn ở với Nhón ở nhà mẹ Nhón, một căn buồng ở nách cái phân xưởng chế biến bún nọ như vợ chồng thật sự. Cô tên Mùa đেম Kim, một cái tên kếp giao duyên tân cổ. Cô trạc ba mươi. Chỉ nhận ra cô ở độ tuổi ấy

mỗi trưa cô trở dậy, tóc tai rũ rượi, đánh răng, súc miệng ồm ọc. Lúc ấy phấn son đã bong sạch, da mặt cô sạm sạm màu chì, lấm chấm nốt tàn nhang. Lúc ấy cô hiện hình thành một cô gái quê có đôi mắt trắng dã, ngực dọc cái xu chiêng bọc hai đầu vú to dài thông theo như hai quả đu đủ, dưới cái quần hoa lửng là đôi chân vòng kiềng khuỳnh khoàng. Cô đứng vung tay vung chân làm vài động tác tập thể dục. Rồi ngáp. Rồi gãi nách, gãi sườn sồn sột. Rồi khịt mũi thấy mùi gạo ngấm, liền nhổ đánh phẹt. “Mùi đ. gì mà chua phát tởm thế, ông Nhớn?” Cô Mùa dậy muộn lắm. Quãng hơn mười giờ cô mới cùng Nhớn vắt vẻo cái ví dầm đi ăn trưa. Họ ăn cơm trưa ở quán cơm bình dân về, xong lại đóng cửa buồng im ỉm. Đây mới là lúc họ làm khổ tai nhức óc những người hàng xóm. Họ cấu chí nhau. Họ đùa nghịch nhau. Họ la hét. Rồi thì thoảng lại vỗng vót lên tiếng ré chối tai của cô Mùa. Cô kêu: “Cấn đ. gì mà đau thế, bố ai chịu được!” Cô chửi: “Tiên sư thằng nhãi, bà đã mệt phờ ra rồi mà mày còn hành bà à!”

Chí chóc cho đến năm giờ chiều thì Nhớn mở cửa dắt xe máy ra. Chàng đeo nàng đi làm. Bây giờ thì thật là nàng vì nàng đã thoát hẳn cái lột thô phàm quê mùa vốn dĩ. Nàng mặc váy cộc màu tím, hoa đỏ. Nàng mặc áo vai bông, diềm cổ chồm tới rìa cặp vú phồng. Mặt nàng biến dạng hoàn toàn. Son phấn phủ một lớp dày, trên đó một bàn tay thẩm mỹ đã vẽ lên một cái mặt nạ đàn bà mắt to thô lỗ, miệng cười toe toét, thần thái nồng nã, như thấy đàn ông là vô lấy ngấu nghiêng. Nách cặp cái ví dầm, nghiêng nghiêng mái tóc dính hờ cái mũ nổi đỏ cờ, tay cặp điệu thuốc, ngồi vắt vẻo ở sau xe, nàng rõ là một tiểu thư đài các đang đến công sở. “Thôi, đậu ở đây. Chờ em. Bye bye.” Nàng hôn vào bàn tay, rồi giờ lên xoa xoa ra hiệu tạm biệt chàng. Chàng quành xe, chạy một quãng rồi rẽ vào một quán nước. Đám người ngồi quán đang đánh bài, quay lại, nhay nháy mắt: “Nhớn, vớ được cô em thơm thịt nhẩy!” “Con nhà làm bún chuyến này đổi đời thành công tử rồi. Cơm no

bò cuối sường chưa? Sao không mời chúng tao một châu bia, mỳ?” Công tử Nhớn không nói, nhấc bao thuốc 555, rút một điếu, châm lửa, trả tiền rồi đi ra. Nổ máy xe, Nhớn cho xe chạy về nhà. Cậu đi qua sân, thấy mẹ và chị đang xóc gạo, không nói một lời, dựng xe, vào buồng xách cái làn đựng đầy quần áo nữ, quàng vào tay lái xe, đánh xe đi. Lát sau nghe tiếng xe cậu quay trở về, tôi nhìn sang thấy cậu đang giở từng cái áo quần đã qua máy giặt phất lên cái dây phơi giăng qua sân. Cái dây phơi như có đàn bướm sắc sỡ vừa đậu xuống. Áo sơ mi các kiểu, may ô, váy dài, váy ngắn đủ màu và những chiếc nịt vú, quần lót đàn bà rung rinh trong gió, lấp cả lối qua lại của hai mẹ con bà Gái lúc này đang sửa soạn đồ nghề cho buổi sản xuất tinh mơ sớm mai.

Hai mẹ con bà Gái đi ngủ từ lúc chập tối. Tivi không có. Radio cũng không. Nhưng có, họ cũng chẳng xem, chẳng nghe. Họ nhờ vào bóng đêm để tái tạo nguồn lực, để trở dậy lúc hai giờ sáng làm mẻ bún mới. Tuy vậy giấc ngủ của họ, kể từ ngày Nhớn kiếm đâu được chiếc xe và đèo cô Mùa về ăn ở, lại bị quấy rầy. Mười một giờ rưỡi, chiếc Honda nữ hoàng đổ nổ máy âm ầm. Đón được cô nhân tình về rồi, căn nhà còn âm ỉ thêm một lúc nữa, cho đến tận lúc cô Mùa gắt: “Sao hôm nay gặp toàn bọn đểu thế không biết! Thôi đi! Đang nấu cả ruột đây, đang mệt bỏ cha đây!”

Ngày nào cũng như ngày nào, lịch trình sinh hoạt của cậu út Nhớn cứ đều đều diễn đi diễn lại như thế! Thật chẳng còn hiểu quan hệ của họ là thuộc kiểu cách gì. Vợ chồng thì không phải! Vì chẳng nhẽ Nhớn khinh bỉ mẹ cậu là con mẹ làm bún dần ngu không biết gì nên không thêm hỏi qua một câu? Không gì thì cũng phải có ăn hỏi cưới xin dằng hoàng chứ. Mà xem cái cung cách con đàn bà đi đêm về hôm ở nhà người ta cả tuần mà không biết chào hỏi ai lấy một câu, lại có ý hợm của lên giọng hiếu sự mỉa mai, ăn nói chỏng lỏn, cợt nhả, thô lỗ thì đó hẳn không phải là con người tử tế, đứng đắn rồi!

Bà Gái, Gái lùn ngậm miệng làm thinh. Đã quen với một thế giới không ngôn ngữ. Đã nhận ra chẳng có thể thay đổi được tình hình. Hơi sức của họ chỉ còn đủ để hoàn thành chức trách của con người lao động là làm ra sản phẩm để nuôi thân thôi. Mặc dầu tôi biết là họ giận lắm và nếu giận cô Mùa một thì họ giận cậu Nhớn hai. Cậu Nhớn bám vào cô Mùa để vinh thân, để ra khỏi kiếp phận. Cậu rùng rình đồng tiền tiêu pha. Cậu mặc áo *sơ mi* hãng Pierre Cardin, đi giày Italia, đeo đồng hồ Seiko, hút thuốc ba số. Cậu chẳng đoái hoài gì đến mẹ và chị. Cậu quát: “Vứt mẹ nó cái nghề chết tiệt của các bà đi! Tởm đ. chịu được!”

*

Cái phải đến cuối cùng đã đến. Một trưa, đang đọc sách, bỗng nghe thấy tiếng la lối om sòm bên nhà bà Gái, động lòng tôi vội chạy sang.

Bà Gái đang ngồi sàng gạo ở cửa căn buồng. Mặt gằm xuống cái sàng, bà không dám ngẩng lên vì tiểu thư Mùa mặc bộ đồ cộc, hở nách mỏng tang ở cạnh cái dây phơi la liệt váy áo, đang nhảy chồm chồm, chao chất:

- Cha tiên nhân đứa nào ăn không ăn hồng lấy của tao cái đồng hồ Longines giá hơn mười vé nhá! Bà báo cho mà biết, duyên ai phận nấy chớ ghen mà nồng. Ừ, bà là gái *cave* đấy! Bà thuê thằng Nhớn nó làm vệ sĩ cho bà, bà nuôi nó, bà cho nó tiền, để nó bồi dưỡng sức khỏe để nó ôm ấp bà đấy! Này, đừng có nói bà đã chán chê mê mãi vì khách chơi nó vầy vò, nay lại còn quyến rũ thằng Nhớn vì bà là con nặc nô dâm đang chưa đã cơn thèm nhé! *Cave* là nghề của bà. Còn thằng Nhớn nó là tình nhân của bà. Hai việc khác nhau nhé!

Bất nhẫn quá, có lẽ là vậy, dẫu là Mùa chửi nhau một mình, từ trong buồng, Nhớn vội nhao ra để can ngăn. Nhưng

vệ sĩ vừa ra khỏi cửa, còn đang mắt nhắm mắt mở đã bị cô *cave* cản lại và thực hiện ngay một cú đánh nhà nghề, tay đẩy chân ngáng khiến cậu quay lơ ra đất.

- Cả ông nữa. Ông còn liếc ngang liếc dọc con mắt xanh mở đỏ nào nữa thì tôi cho mẹ nó một nhát cho xong đời đấy, hiểu chưa? Chó nào, chủ ấy chứ! Đ. mẹ, không có tao nằm ngửa ra thì lấy c. mà đổ vào nổi à! Nói cho mà biết, không có tiền của bà thì mày lấy đâu đồng hồ mà đeo, áo quần sang trọng mà mặc, xe máy mà đi. Mày mở mày mở mặt nhờ con *cave* này đấy, hiểu chưa? Chứ cái thứ con nhà làm bún như mày, chỉ đáng giết *xi líp* cho bà thôi, con sãi ở chùa thì quét lá đa thôi, chứ tướng của báu đấy, hả?

Thấy mình hèn quá, Nhớn vận nội công bật dậy, định xông tới vả vào mồm cô *cave* nọ mấy cái, nhưng chưa kịp đã sững người há hốc mồm. Tiểu thư *cave* mặt hầm hầm quay lại đưa tay giật giật liên hồi đám quần áo phơi, rồi vào buồng xách cái làn nhựa ra, nhét đầy vào đó, đoạn đi tới cái xe Honda đỏ chót ngồi lên, không cần thay quần áo, dận máy nổ ầm ầm.

- Kim Mùa! Kim Mùa! Cho anh xin lỗi! Anh xin lỗi em mà!

Không nơi nương tựa, Nhớn lại trở thành kẻ thất nghiệp ăn bám mẹ và chị. Nhưng một tháng sau, nhờ mẹ người cao ráo, xinh nhả, cậu lại được làm vệ sĩ cho một ả *cave* khác. Cậu lại có xe máy đi, quần áo đẹp mặc và tiền tiêu rủng rỉnh. Nhưng lần vấy vùng này để cố ra khỏi bóng tối của khuynh hướng thoái triển trong số kiếp cũng lại không ăn thua. Vẫn lại là kịch bản cũ và có thêm hồi kết thúc bi đát hơn. Trong một trận tranh giành quyền lực, Nhớn bị đối thủ tấn cho một trận bò lê bò càng. Phục thuốc ba tháng sau Nhớn mới lại sức. Bà Gái nói: “Thôi, con ở nhà làm bún với mẹ và chị đi. Vất vả nhưng đồng tiền kiếm được nó chắc chắn vì nó lương thiện, con à.” Thấy ông con im, bà liền hấp háy con mắt, khắp khối: “Mẹ già, chị con cũng yếu rồi, giờ làm buổi đực buổi cái thôi, cần có

con giúp đỡ trông nom cơ nghiệp này. Nếu con bằng lòng, mẹ sẽ đưa con ít tiền để con lo việc mua máy móc, vì mẹ nghe nói giờ người ta không làm bằng tay nữa, người ta đã chế tạo ra máy xay, máy nhào, máy vắt bún rồi.” Mẹ vừa dứt lời, Nhón liền nhồm dậy: “Mẹ có được bao nhiêu tờ?”

Giờ thì Nhón giữ chân gác khách sạn Rose ba sao tư nhân ở phố Q. Đó là những nỗ lực cuối cùng để giành lấy cái cậu không có, để đổi thay địa vị của cậu, nhưng buồn thay cậu khoe với tôi: Phải mất năm vé đứt lót mới được nhận vào việc ấy. Thấy tôi nhún vai, cậu liền mím môi cười lặng: “Chị y hệt mẹ em. Nhưng chị ơi, chỉ cần một năm bằng tiền bo là em lấy lại đủ vốn thôi.”

Rồi cậu con trai nhà làm bún ngả người, dang hai tay vênh vang một cách hồn nhiên và tôi đòi.

- Cứ sắp mặt xuống làm nên u tối có biết gì đâu. - Cậu nói. - Bây giờ mở mắt ra mới biết: Thiên hạ họ ăn chơi thật là khủng khiếp! Một bữa tiệc chỉ vài ba triệu là bình thường. Còn một tay giám đốc từ nơi khác đến, thuê khách sạn, cấp theo một con bồ như cô Kim Mùa bao cả tháng là thường xuyên. Thật hâu hạ bọn này cũng còn hơn ông bác em theo cụ Thượng nào đó vào Huế làm bún cho cụ ăn, còn hơn đầu tắt mặt tối như mẹ em, chị em, chị ạ.

19/5/1999

CÂY BỒ KẾP LÁ VÀNG

Lại có thư của Phúng, bạn tôi từ Buôn Ma Thuật đất Tây Nguyên gửi ra. Lại vẫn là những dòng chữ gần đây bỗng lúu rúu nét nọ lẫn nét kia, viết trên mảnh giấy rìa lờm xờm vết xé từ vở học trò. Cầm thư mà hình dung ông bạn mình vừa từ ngoài đồng ruộng bước vào nhà, đầu vẫn nguyên cái mũ lá rộng vành, trên người độc cái quần xà lỏn, uống xong bát nước chè lớn, khoát bàn tay to sần chai sần vì cày cuốc, bảo thằng con út mười ba tuổi đang ngồi học ở góc nhà: “Ê, Cún! Cho bố mượn cái bút và cuốn vở, bố viết cái thư nào!” Nếu nhân loại có những tộc người mang tiếng là hay bi quan, như dân Ấn Độ, lại có người được tiếng là lạc quan hơn người, như dân La Mã thì Phúng bạn tôi thuộc hạng người sau.

Lại na ná thư trước, khoe đất đai tươi tốt, công việc thịnh đạt, đàn địch thì ít động tới, còn thơ ca hò vè thì dăm bữa nửa tháng lại có một bài, nhưng lần này Phúng giục tôi thu xếp vào chơi. Vào chơi mà xem Phúng đang vào vụ thu hoạch. Vào mà xem cà phê mùa này trĩu trĩu cành la cành bông, thu hái xong ước trên một tấn. Ngô giống mới bắp dài hơn gang tay bẻ về vàng rực cả khoảng sân rộng trước nhà. Bao tải, thúng, địu căng ních, đầy phè rồi mà đậu xanh chưa đập vẫn còn chất mấy đồng lớn ngoài hiên. Vào mà xem cả một vạt thuốc vuông đất đỏ hồng xuê toai sau mưa bạc trong nắng vàng. Đàn gà ba trăm con, đồ ổi cả vườn cây ăn quả toàn lê, táo, đào, mận, cây

nào cũng ngùn ngụt như đám lửa đang bốc ngọn. Cuộc sống rõ ràng như chính lệnh, cây cối, sản vật, muông thú vật nào ra vật nấy, còn con người thì tự hiển lộ, có cảm giác được tôn lên thành đẳng bậc, sánh cùng cái lớn lao như vũ trụ, tự nhiên mà chẳng cạnh tranh ai!

Từ miền Bắc, Phúng dắt díu vợ con vào vùng đất Krông Ana này ngay từ sau ngày thống nhất đất nước. Cũng là điều cực chẳng đã mà dẫn thân liễu lĩnh vào cuộc phiêu du. Cực chẳng đã vì lương anh giáo quên không nuôi nổi cô vợ trẻ với ba đứa con để ba năm liền. Lại thêm những eo sèo rắc rối, những định kiến chật hẹp trong các mối quan hệ. Còn liễu lĩnh là bởi mối chỉ là nghe nói mà tin đó là vùng đất lành, đất vàng đất bạc, chứ đâu đã mục sở thị. Phức thay cho những kẻ không trông thấy mà vẫn hằng tin! Anh giáo được chia cả một vùng đất rộng hơn hai chục *hecta*. Tất nhiên chỉ là đất hoang. Nhưng quả nhiên như trời sinh vạn vật bằng hiếu dễ, đất nuôi vạn vật bằng ăn mặc, thấm thoát trong vòng có dăm năm, cái gia đình anh giáo ấy đã vượt qua cảnh đói nghèo, bước sang thời kỳ thăng hoa, tròn đầy trong no ấm, sồn sồn, dư dả.

Đọc thư Phúng mà mừng cho Phúng. Con người nhất thiết phải được sống trong no đủ cái đã. Ấy thế! Nhưng mừng cho bạn mà không khỏi ngờ ngợ. Ngờ ngợ lắm. Vì ông bạn mình, từ thuở thiếu thời sống với nhau, và ngay trong những lá thư náo nức khoe khoang sự thành đạt trong công cuộc làm ăn, nét chữ thì rối rít, ngôn ngữ thì ồn ào mà cốt cách vẫn không phải là kẻ chí thú làm ăn, vẫn không phải là người để cả tâm lực vào miếng cơm, manh áo, đồng tiền. Ngờ ngợ lắm. Vì cảnh trong thư như từ bàn tay vẽ ra, hư thực lẫn lộn, sinh thành nuôi dưỡng nhau, như cái hiện thực thứ hai, sản phẩm của một đầu óc lãng mạn, chứ không phải cảnh đời thật nó là như vậy.

Ngờ ngợ lắm. Vì tháng Bảy năm ấy liên tiếp mấy thư liền. Không kìm giữ được nữa, Phúng cho tôi biết kế hoạch làm ăn mới của mình và ráo riết giục tôi hãy nghĩ lại, hãy bỏ mảnh

đất Thủ đô chật chội vào đây, chung sức với anh. Hai mươi hecta đất đã có sổ đỏ của Phúng sẽ biến thành một trang trại kiêm vùng du lịch sinh thái. Chà! Phúng sẽ chặt hết vườn cây ăn quả. Phúng sẽ trồng cỏ nuôi bò. Tính ra nếu cứ ba mươi cân cỏ cho một cân thịt bò thì Phúng sẽ nuôi được hai trăm con bò. Phúng sẽ đào hai cái hồ lớn, một cái mười hecta, một cái năm hecta. Và theo khoa học, một mét nước cho một cân cá thì sẽ cơ man nào là cá. Nhưng cá ấy không để ăn, không để bán, mà là để nuôi cá sấu. Cá sấu! Trứng cá sấu ấp ba mươi quả, nở hai mươi tám quả. Một tháng tuổi giá đã một chỉ vàng một con. Còn một đôi sấu lớn hết cỡ, chừng một sải tay, giá những mười hai cây vàng. Chưa hết! Phúng sẽ trồng tre trên mấy quả đồi. Để trồng tre sẽ thuê máy đào lỗ của Pháp, giá thành chỉ năm trăm đồng, bằng giá một chén trà, một lỗ thôi. Khách du lịch sau khi thăm nơi nuôi cá sấu sẽ về nghỉ dưới bóng tre và thế là:

Ngày xưa theo mẹ hái măng

Giờ trồng tre mới phải chẳng đỡ sầu.

Cây tre nào cũng cúi đầu

Che sương giá lạnh lá trầu thêm xanh.

Măng non khỏi bị nắng hanh

Bên nhau cùng mọc mai thành bụi to.

Cò ơi mày chớ có lo!

Tre ta ấm bụi nhà cò ấm hơn.

Rúc ra rúc rích bầy chim

Võng đưa ta ngủ nổi chìm giấc mơ.¹

Ôi! Những vần thơ mộc mạc, giản đơn mà dồi dào cảm xúc của bạn tôi!

*

1. Thơ của Trần Ngọc Phúc, bạn tác giả.

Chúng tôi cùng dạy với nhau ở một trường cấp hai huyện miền núi Xín Chải. Xín Chải, cái tên chẳng gọi một khái niệm rõ rệt, một ấn tượng nào. Nó cũng mờ nhạt như cái trường cấp hai vền vền ba chục học trò, hai anh giáo cùng một cô giáo tên Dự của chúng tôi. Cô Dự hồi đó tuổi ba mươi, hơn chúng tôi sáu tuổi. Cô người Hà Nam theo gia đình lên đây khai hoang từ đầu những năm 60. Vóc mập mập, thôn nữ. Nhưng cô có khuôn mặt xinh xắn. Cô dạy Thể dục và Nữ công. “Các em chú ý. Khi ta uống rượu, rượu vào thẳng trong máu. Thở cũng vậy. Oxy vào thẳng máu. Xem thế đủ biết thở quan trọng như thế nào!” Đó là bài học cô đã dạy học trò và dạy luôn cả tôi và Phúng. Tôi dạy các môn khoa học xã hội. Phúng dạy các môn khoa học tự nhiên, nhưng Phúng lại là chàng trai khôi ngô, tuấn tú, tài hoa, biết chơi đàn và sáng tác thơ ca. Vóc thấp đậm, vai xuôi. Mặt tròn, mũi cao, mắt sáng, tóc xõa gáy. Ngày đến nhận việc ở trường, vai đeo *ba lô*, tay Phúng xách hộp đàn violin. “A! Nghệ sĩ violin!” Phố huyện xôn xao. Chẳng nề hà, cân nhắc điệu đàn, nghệ sĩ ra mắt luôn công chúng tấp lự. Chủ nhật ấy, dân phố và kẻ mua người bán vây quanh cái sân khấu mới dựng ở giữa sân chợ nghe loa phát bản tin cổ động bầu cử hội đồng nhân dân hai cấp xong là nghe Phúng cò cữ cây nhị Tây bản nhạc *Ánh hồng soi sáng chân trời Á châu*.

Phố huyện chỉ là hai dãy nhà gianh áp mặt vào nhau, dài hơn trăm thước. Một cái loa hai nhăm *oát* mắc ở ngọn cây gạo đầu phố đủ cho cả phố nghe tin tức và tiếng đàn cò của của Phúng. Tình thân ái vừa mang tính cổ truyền nơi phố huyện vừa là nền nếp gần gũi trang nhã của nghề dạy học, càng dư thừa điều kiện nảy nở nên quan hệ giữa anh giáo và người phố huyện càng mau chóng trở nên thân mật. Thân mật lắm. Thân mật đến mức suồng sã. Đến mức gặp anh giáo đi chơi phố, có thể dúm ngay vào tay anh giáo cái bánh tẻ, phẩm oản, quả chuối hoặc gọi ra một chỗ ghé tai tưởng nói gì quan

trọng, hóa ra hẹn Chủ nhật này tối mời anh giáo đến đưng một góc cây tơ. Phúng hoạt bát, quảng giao, hòa hợp với cuộc sống hồn nhiên chất phác nơi huyện nhỏ. Quen thân với tất cả mọi người. Nhiều lần, anh còn mượn được cả ngựa, cả súng săn của gia đình học trò đi chơi, đi săn trong rừng.

Phố huyện Xín Chải nhỏ teo. Nhất cử nhất động của mỗi nhân vật ở đây đều được nhân lên thành bội số theo quy luật khuếch đại. Trên quả đồi sau phố có cái nhà thờ Kitô giáo đồ nát từ thời Tây, gần đây khi có thêm số giáo dân từ miền biển Nam Định, Thái Bình lên khai hoang mới được dựng lại. Cũng chỉ là một gian nhà gỗ và một tháp chuông nhô cao mái nhọn hoắt bằng gỗ pơ mu thôi. Nhưng tiếng chuông nhà thờ ngày hai buổi sáng chiều nhắc nhở con chiên đến giờ kinh nguyện cũng theo quy luật khuếch đại nên sang sảng vang đảo, âm âm, inh inh trong mỗi căn nhà, mỗi hồn người.

Đó là những ngày sống vui vẻ, nhẹ nhõm nhất trần đời của chúng tôi. Chẳng vướng bận, lo âu. Cũng chẳng có gì phải khắc khoải, dằn vặt. Sáng lên lớp, chiều soạn bài. Tối họp hành với bà con hoặc thăm nom học trò. Cơm ăn ngày ba bữa có Dự nấu giùm. Lương thực thực phẩm được cung cấp theo tem phiếu. Mỗi năm năm mét vải đủ may một bộ cánh mới. Dưới vòm trời phố huyện miền núi, trôi đi trong êm đềm một đời sống tự nhiên thuần phác, xa cách hẳn sự vật lộn nhọc nhằn.

Chủ nhật mỗi tuần là những ngày thần tiên. Leo lên mình hai con ngựa thồ tầm thấp xấu mã và hiền lành, trên vai nghênh ngang hai khẩu súng kíp mượn của dân, chúng tôi thoát khỏi lốt những anh giáo xoàng xĩnh phố huyện, biến thành những chàng kỵ sĩ, những trang đại hiệp rong ruổi trong các khu rừng gần xa.

Phúng, tất nhiên là anh chàng khởi xướng ra những công cuộc này. Phúng truyền dẫn sang tôi niềm say mê và tình yêu cuộc sống giữa thiên nhiên. Hóa ra ông trời ăn ở cũng không

đến nổi thiên vị. Mảnh đất xa xăm tưởng là hoang vắng, buồn tẻ mà đâu có thiếu niềm vui. Bồ đề, gu đay, thành ngạnh chen cạnh nơi vùng rừng thấp vào độ thu sang ràn rạt tiếng vẫy cánh của bầy chim câu béo nục. Trên cao hơn, nơi xa một xanh như những bùm khói đặc và các giống thông thơm hắc mùi tinh dầu vu vu gió thổi là nơi con sóc đuôi bông nhảy nhót, chuyên canh. Viên một vệt dài cạnh cái thung lũng hình lá đào là rặng roi cổ thụ mùa này lất phất bay cả ngàn chùm hoa bông trắng ngà hình chiếc đuôi chồn. Buộc ngựa ở cửa rừng, chúng tôi rẽ lau lách, trước hết tìm đến con suối len lỏi giữa hai lên đá. Giơ súng lên, Phúng lại chúc nòng, xa rồi điểm xạ; trong làn nước trong leo lẻo, có đàn cá chép đỏ hồng đang phất đuôi, múa vây, vô tư lượn lờ, đẹp như tranh vẽ. Ngần ngơ một lúc, Phúng lại kéo tôi đi. Tháng Bảy trong những thung lũng nhỏ đã quang quẻ bóng lúa lúc này đang dày đặc bóng con chim cu cặm cụi nhặt thóc rơi. Chim cu đi cả bầy, hàng trăm con. Nhưng từ trên cao nhìn xuống vùng ruộng xam xám màu chân rạ chỉ thấy những cái đầu gật gật và tìm chúng tôi dường như thót lại vì chột vọng lại bên tai tiếng chân bầy chim chuyển vừa hối hả vừa rụt rè trên mặt đất.

Đoàng! Đoàng! Hai phát súng kíp nổ vang khoảng trời hẹp, phá vỡ yên tĩnh đang được nâng niu trên cả một vùng núi đồi. Buông súng, ngửa mặt nhìn trời, chúng tôi nhìn thấy những cánh chim vẫy đập loạn xạ, hốt hoảng nghiêng ngả, tròng trành. Lạ thay, bốc bay lên cao, cả trăm con chim vẫn trong tư thế bầy đàn và chỉ sau ít phút khiếp đảm, kinh hồn đã lấy lại bình tĩnh nhanh chóng tạo thành một vùng lượn mềm mại, rồi quay tròn, cuối cùng đổ nghiêng xuống khu rừng lúp xúp bụi cây tầm thấp ở phía bên kia, đối diện với chúng tôi. “Chúng biến đâu mất rồi?” Nhỏm dậy, Phúng kêu khe khẽ rồi đưa mắt kiếm tìm. Hai chúng tôi xách súng lom khom vượt qua mấy tràn ruộng vừa nảy đầy bóng chim. Gặp một bờ ruộng cao,

chúng tôi nằm phục xuống, giấu mình và nhận ra bầu trời trên đầu mình bỗng nhiên ắng lặng như cõi vô hồn.

Không! Đàn chim cu không biến đi đâu hết! Cả tôi và Phúng đều đã nhìn thấy chúng. Rìa thung lũng bên kia, cạnh một thửa ruộng lớn ở chân bìa rừng, như từ trong chiêm bao, như được hưởng phép màu nhiệm, một cây bồ kết cổ thụ vừa hiện ra. Cây bồ kết thân lớn tày ôm, lá óng ánh sắc vàng kim khí, chóp nhọn đang dang cành mời mọc. Như những con thần lẩn, hai chúng tôi thận trọng bò tới. Rồi không ai bảo ai, chúng tôi cùng ật ngửa người trên mảnh ruộng dưới chân cây bồ kết nọ. Và lập tức có cảm giác cả hơi thở của mình cũng biến mất trong khoảnh khắc. Im lặng đã được đổi lấy im lặng tuyệt đối, vĩnh hằng. Im lặng như cõi vô thanh. Đàn chim cu cả trăm con hiển nhiên đã biến thành tượng đá, ngậm mỏ, im phắc trong sự chở che hào hiệp quạnh hiu và bí ẩn của cây bồ kết già trông xa hết hình kim tự tháp nhưng long lanh ánh vàng.

Ôi! Chúng tôi vừa bắt gặp điều siêu thường, xuất thế. Hòa tan vào cảnh quan kỳ lạ, trong trạng thái tôn thờ, ngưỡng vọng, chúng tôi đã bắt gặp cái phân tâm của tâm hồn mình. “Cây gì mà đẹp đẽ, lạ lùng đến thế kia! *Domine, non sum dignus. Ôi! Đức Chúa Trời, con không xứng đáng!*” Mắt khim khíp, môi Phúng bỗng lật bật run rẩy. Một hạnh phúc ngoài trần thế và cao siêu, đã đạt tới là đây và thế là chẳng còn gì để nói với thời gian nữa rồi ư? Đó là những ngày Phúng bắt đầu yêu và được yêu.

*

Khoảnh khắc thần tiên ấy thật sự khó hiểu với hệ diễn giải thông thường và mong manh quá. Vì chẳng bao giờ, chúng tôi còn gặp lại được nó nữa rồi. Chủ nhật sau đó, Phúng dậy sớm, nháy mắt bảo tôi: “Tớ đi đàng này cái nhé!” Rồi xách cái hộp

đàn đựng cây violin đi. Buổi trưa, Dự lên buồng tôi, vẻ hốt hải khác thường:

- Anh có biết Phúng đi đâu không?
- Chắc là đến một gia đình học sinh nào.
- Học sinh nào?
- Hay là đến nhà cô Tâm ở xóm Tân Lập?
- Tâm!

Mặt Dự tái nhợt. Chồm gò mũi Dự lăm tấm mồ hôi. Tình yêu như rượu, như oxy hít thở vào thẳng mạch máu, tác động ngay đến cơ thể con người. Dự từ lâu đã thâm yêu Phúng. Cô giáo không thể chịu đựng nổi khi ở lớp Phúng dạy xuất hiện một nữ sinh như Tâm. Tâm ở trong đám học sinh từ Hải Hậu, Nam Định lên khai hoang mới nhập học. Một thiếu nữ đã nẩy nở tròn vẹn ở tuổi mười bảy. Dong dỏng cao. Mái tóc dài óng mượt. Gương mặt trái xoan với cặp mắt nai hay nhìn xuống, cho ta ấn tượng đậm đà về vẻ nhu mì, mộ đạo, khác hẳn cái cảm tưởng khi ta nhác thấy cây thập tự bằng bạc buông từ cái cổ nõn nà xuống khuôn ngực trinh nữ tròn trịa nén căng nhục cảm sau làn áo màu mận tím của cô.

Ngồi xuống, thở hắt ra, cô giáo ôm mặt nức nủi:

- Không đến nhà Tâm nhưng cũng là đến với Tâm. Anh Phúng anh ấy đến kéo đàn ở nhà thờ đấy, anh ơi!

Dừng lại, rồi ngoảnh mặt đi, nước mắt chan chan, Dự nghẹn ắng:

- Em sợ nhất là anh Phúng chấp nhận làm lễ cưới Tâm ở nhà thờ. Ở đây, huyện ai người ta cho phép thế. Anh ấy đại dột mà không biết mình đại dột, anh ơi.

Dự đã không quá lo xa.

Dự đã dự đoán vì đã nhận ra tính tình anh giáo Phúng. Phúng, cái bản tính hồn nhiên, ưa thích phiêu lãng, niềm say mê vẻ đẹp dễ, cao quý sơ khởi. Phúng đã yêu Tâm, cô bé học sinh lớp bảy xinh đẹp, con chiên ngoan đạo và từ đó Chủ nhật nào cũng đến kéo đàn cho tốp trình nữ trong nhà thờ Kitô giáo nọ tập hát những bài thánh ca. Tình yêu giống như rượu nặng, chẳng thể giấu giếm được. Huống hồ ở nơi phố huyện chật hẹp này. Biết làm sao được, khi theo quy tắc cổ điển, mọi thể chế xã hội từ trước đến nay chưa bao giờ biết vượt ra khỏi sự hạn hẹp của mình, luôn tỏ ra khôn ngoan, bằng bản năng, đã biết tự vệ cho lợi ích của mình. Đám cưới anh giáo Phúng lấy cô học trò tổ chức trong nhà thờ có vị linh mục làm phép bí tích. Đó là một đêm giá lạnh. Hai dãy nhà phố huyện thiêm thiếp dưới làn mưa dây xám mờ. Văng ra từ ngọn tháp nhà thờ le lói ánh bạch lạp là tiếng chuông mừng lạnh lạnh và âm u, mịt mờ.

Đã mất đi rồi cái linh hồn tươi tắn, ngày tiếp ngày lúc này là những nỗi niềm nặng nhọc nối theo nhau. Phúng về ở nhờ bên nhà vợ, tít tận xóm Tân Lập, cách huyện lỵ bảy cây số. Gặp mặt sau giờ lên lớp, vẫn biết rằng bạn mình làm gì nên tội mà nhìn nhau sao cứ ngượng ngượng ngập ngập, lúng ta lúng túng như tiếp xúc với kẻ bị kết án trọng tội. Còn bạn thì như có điều gì ám ảnh không yên nên cố tình lảng tránh, dạy xong là vội vội vàng vàng nhảy lên cái xe đạp cà tàng, hấp tấp đạp về.

Hóa ra điều khó khăn nhất của cuộc sống lại là ở chỗ phải đối mặt với những người xung quanh mình. Buồn thay, đó cũng lại là cái bí ẩn, không thể biết của cuộc sống. Phúng chênh mảng dấn việc dạy học. Tiếp đó, thay cho những Chủ nhật đi bắt cá săn chim, giây phút xuất thần, sống ngoài trần thế hiếm hoi là những ngày Phúng trần mình trong lao động khổ sai: chặt gỗ, hái củi, đánh gianh, nhặt trám, lấy măng

đem bán ở chợ huyện. Bịt cái khăn rằn trên đầu theo kiểu người Giáy, eo ẹt gánh đôi sọt giang đến khu chợ gần. Hoặc lóc cóc theo con ngựa thồ đến những chợ xa hơn, hạ nặng thồ xuống, ngồi bên hai cái hũ sành nút lá chuối, ngược hai con mắt lơ ngơ lên, cất tiếng khàn khàn: “Ồ! Cán bộ mày mua rượu đi! Rượu nấu bằng men lá, ngon lắm vớ.” Dù là nhại lại giọng người Giáy, người Tày, theo thói quen quăng mình vào cuộc phiêu du bất tận, hoặc giả ngô ngọng đánh lộn con đen thì cuối cùng cũng là vô tình thực hiện bước ngoặt đời người, biến mình thành kẻ khác.

Tuy nhiên nói cho cùng thì rồi ai cũng có bước ngoặt của đời mình. Đối mặt với những người xung quanh, chống lại cái trật tự của hoàn cảnh chẳng phải là công cuộc của riêng Phúng. Chúng tôi lần lượt chia tay phố huyện nhỏ và ngôi trường phổ thông như đứa trẻ còi cọc, dần thêm tuổi đời vẫn lèo tèo mấy chục học trò, vài ba thầy cô giáo. Đầu tiên là cô giáo Dự. Sau đó là tôi. Dự thấm thoát đã ba mươi tám tuổi đời. Soi gương đã giật mình vì thấy đuôi mắt nứt kẽ. Một hôm đến tôi, bịt miệng rồi vẫn bật khóc tu tu: “Em đã đến nỗi nào mà ông Xủy, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện đánh tiếng hỏi làm vợ kể.” Ông Xủy bảy mươi tuổi, mới góa vợ, lão thành cách mạng, cao lều đẩu, mắc bệnh vẩy nến, da dẻ mặt mũi chân tay lúc nào cũng trong tróc đỏ hỏn, hay cười ngỏn nghén, khoe: “Bệnh này không chữa được, không lây nhiễm, không gây chết người”, khi đặt vấn đề tái hôn với cô giáo lỗ thì ở phố huyện.

- Anh ạ. - Gạt nước mắt, Dự tâm sự. - Em nhớ, hồi ấy em mười hai tuổi. Một hôm có một bà bạn đến chơi với mẹ em, bà dẫn theo anh con trai của bà hơn em chừng năm, sáu tuổi. Trông anh ấy mặt mũi cũng khôi ngô, tựa tựa anh Phúng trường ta. Anh con trai thấy chiếc *guitar* của bố em thì cầm lên đàn. Cũng như anh Phúng, anh ấy cũng có khiếu âm nhạc.

Tiếng đàn nghe rất hay. Thấy em lắng nghe, anh ấy hỏi: “Thế em học lớp mấy?” Em đáp, em học lớp sáu. Anh ấy bảo đem sách toán cho anh xem. Chỗ nào không hiểu anh giảng lại cho, vì anh là cây toán ở lớp. Tại sao anh ấy săn sóc em thế? Thì ra hồi tản cư, gia đình em và gia đình bà nọ ở cùng nhau trên Chiêm Hóa, Tuyên Quang. Hai gia đình đã hẹn dựng vợ gả chồng cho em và anh ấy từ lúc chúng em còn bé tí. “U hẹn thì u đi mà lấy người ta!” Xấu hổ và tức quá, em gắt với u em thế.

Dừng lại, mắt đỏ hoe, Dự sụt sịt ai oán:

- Thế mà bây giờ gần bốn chục tuổi rồi, em một mình lẻ bóng. Em phải xin về xuôi thôi. Đồng rừng này không phải đất của đàn bà con gái chúng em.

Đất này là đất của đàn ông. Vùng hoang dã này lúc nào cũng khuyết trống sức người. Chỉ có điều, đàn ông bỗng trở thành những kẻ chẳng còn chút quyền lực nào với chính mình. Phúng mau chóng trở thành một gã lực điền thực thụ chỉ hùng hục trong lao động thổ mộc. Lao động, sản ra công, tạo ra hiệu quả kinh tế. Cắm đầu vào đất đai, công việc, ngoài ra chỉ còn thú vui đàn ông là làm chồng một cô vợ trẻ ham hố vô cùng chuyện chăn gối. Vì thật tình, xung quanh là trống không, trống không đến triệt để và tĩnh mịch nuôi dưỡng cảm mầu nhiệm hơn bầu không khí ồn ào, sôi động rất nhiều lần.

Những ngày ấy và bóng hình của chúng kết tinh ở Phúng sau này trở đi trở lại nhiều lần trong câu chuyện đời của tôi và Dự. Dự hóa ra do trục trặc giấy tờ mà phải rời khỏi Xín Chải sau tôi. Bốn mươi ba tuổi nàng mới lấy chồng. Chồng nàng là một người đàn ông năm mươi tám tuổi mắc bệnh vô sinh, nhưng tráng kiện và máu mê. Ông khiến cho Dự kinh sợ đời sống tình ái vợ chồng. Vào thời kỳ tiền mãn kinh, nàng ly dị chồng. Sống độc thân, trong một ngõ nhỏ vô danh ở thành phố, nàng càng ít bè bạn nên càng năng đến chơi với gia đình tôi.

- Anh không thể tưởng tượng được đâu. - Dự nói tiếp về Phúng. - Về sau, nếu gặp anh cũng không nhận ra được Phúng đâu, anh ạ. Nhất là khi anh ấy đi làm thợ sơn tràng.

- Làm thuê cho người ta?

- Thì thế. Làm thuê cho bọn khai thác gỗ lậu. Ở vùng núi đá Đản Khao ấy. Trời, tóc anh ấy để dài đến ngang vai. Mặt tróc hết da, loang loang lỗ lỗ như lang ben. Anh ấy kể, núi đá toàn nghiêng, đỉnh. Nhưng một tác gỗ là một bát máu. Vì hạ được cây gỗ rồi còn cắt, gọt, rồi bán, cạy, bẫy chán mới ra được tối của rừng. Thế mà còn phải đến non nửa số gỗ bị kẹt trong khe đá, rơi xuống vực không lấy được. Trong rừng tối u u. Chỉ nhìn thấy hai con mắt người là sáng như mắt thú. Thảng hoặc có thấy ngựa ngựa ở chân, cúi xuống tuốt hai ống chân thì hai bàn tay giơ lên thấy đỏ lòe máu muối hút của mình. Hai bàn tay máu chứ làm gì còn đàn địch với thơ ca nữa.

- Khổ!

- Khổ lắm! Chứ còn được phát nương, cày ruộng còn là sướng. Trông anh ấy mới thấy thương. Nào người có ra người. Phiên chợ, đem gỗ ra bán, đến chơi với em. Có lúc ngượng ngập, ứa nước mắt, định nói rồi quay đi. Giờ thì đã muộn rồi. Ông trí thức lại sống với cô nông dân. Mà cái cô này nó mới gớm ghê. Nó vắt kiệt sức lực của anh ấy.

Nghe trong giọng nói của Dự thấy cả nỗi ghen tức lẫn niềm xót xa. Một cô vợ trẻ năm này sang năm khác chỉ liên tục chữa đẻ nạo hút. Ba đứa con gái ốm đau sài đẹn liên tục. Lại đeo thêm ông bố vợ tám mươi tuổi điếc lác mù lòa. Lấy cái gì mà ăn mà không đi Tây Nguyên.

Với hoàn cảnh sống ấy, Phúng không thể không đi Tây Nguyên. Tuy nhiên kỳ lạ thay, niềm tin tưởng rằng trong bất cứ một sự việc nào, ở nơi sâu thẳm của nó cũng có một sự thật ít được biết tới, đã chi phối suy đoán của tôi và đã tỏ ra là đúng trong trường hợp này. Cuộc chuyển cư đi Tây Nguyên của gia đình Phúng dường thế nào cũng vẫn phảng phất một cuộc viễn du tinh thần, nhằm giải tỏa một ẩn ức và có tính chất kiếm tìm. Phúng, gã đàn ông đang tìm cách hòa giải với định mệnh.

Tháng Mười năm nay, suy đoán của tôi có cơ hội đã được kiểm nghiệm. Vì sau bao năm trời xa cách, Phúng bằng xương bằng thịt đã hiện diện ngay trước mắt tôi đây. “Phúng đây! Phúng đây, có còn nhận ra tớ không?” Nghe tiếng đập cửa và tiếng gọi, tôi vội chạy ra mở cổng. Phúng đây thật rồi. Phúng với đôi chân chàng nạng, thập thễnh đang từ cái cổng gạch nhà tôi bước vào. Một khuôn mặt xương xẩu lút trong mớ tóc xõa bạc xác. Một bên vai trĩu nặng cái túi quần áo xanh bạc cũ kỹ. Một bàn tay để ngửa, với những ngón tay chai sần cứng queo.

Con người lạc quan là con người tự coi mình là lớn, sánh vai cùng ba cái lớn trong vũ trụ là Đạo, Trời, Đất. Sách vở nói thế. Những lá thư của Phúng tự họa mình thành một đấng bậc như thế. Còn bây giờ thì hình như không phải thế. Đã bị đánh quỵ hoàn toàn rồi. Đã gặp phải cái ngặt nghèo của hoàn cảnh. Đã biến thành một kẻ thân tàn ma dại, nạn nhân của thói lãng mạn, viễn vông. Đã mệt mỏi, tiêu điều cạn kiệt và bệnh tật đầy mình. Cả đến những ngón tay, chúng như những chiếc còng cua đã chết. Chúng không đủ sức co lại để ôm chén trà tôi đưa, chứ nói gì đến đàn địch. Hèn nào mà những dòng chữ viết trong thư của Phúng cứ riu lại nét nọ lẫn nét kia, những dòng chữ miêu tả niềm vui cao cả lớn lao.

- Ra Hà Nội từ hôm nào?

- Mới. Nhưng rồi Không Ana thì đã năm tháng rồi.

- Thế đã đi những đâu?

- Lang thang khắp. Quảng Bình. Quảng Trị. Thanh Hóa. Nghệ An, Nam Định. Thỉnh thoảng, gặp một đứa học trò nó mời về quê nó chơi. Rồi tạt về quê mình. À mà cho tớ tẩm cái đã rồi kiếm cái gì vào bụng đi. Tớ đói và mệt quá rồi!

Vợ tôi từ trong buồng gọi tôi vào nghe điện thoại, kỳ thực tôi vừa vào đã nín lấy tôi, thì thâm riết róng:

- Này, có phải lão Phúng, ông mà bà Dự hay nhắc đến đấy phải không? Rõ khiếp. Gọi của gì mà thô lỗ thế. Họ hàng ân huệ gì mà đòi hỏi như ông tướng ấy. Người với ngọm gì trông khiếp quá. Vừa bắn thủ, cô hồn lại đồ dẫn như mắc bệnh tâm thần. Còn giọng nói, có để ý không, ngọng lịu rồi. Mà em báo trước, lão ấy đến nhà mình là ở lại đây ăn và đấy.

- Ai bảo cô thế?

- Thì bà Dự có lần đến chơi, ông đi vắng bà ấy bảo chú ai bảo. Vợ nó bỏ rồi. Mây gió lầm. Hâm lầm. Con vợ nó có nhân tình từ hồi ông và ông ấy dạy học ở tít tít trên Xín Chải Xín Chung gì ấy cơ. Thế nên mới chuyển vào Tây Nguyên. Viển vông lầm. Con cái nó cũng không chịu được. Mà bị xuất huyết não một lần rồi đấy. Xuất huyết rồi nên người nó mới ngắn ngơ thế. Giờ thì lang thang. Cô Dự cô ấy bảo, thư cho cô ấy lúc nói địa chỉ là nhà một cô giáo ở Quảng Bình, lúc địa chỉ là một bà bán cá ở chợ Rồng.

Tôi sực hăng cả người vì kinh ngạc và hoang mang. Nhưng nghe tiếng Phúng gọi, vội bước ra phòng khách. Vừa tẩm xong, Phúng đang lắc đầu cho nước trong tai ộc ra. Và ngồi xuống *đi vắng*, kéo cái túi đựng quần áo xanh bạc, bàn tay với những ngón tay cứng đơ khó nhọc lắm mới lôi ra được một cuốn vở học trò nhàu nát, quần queo, Phúng mấp máy môi:

- Ông... ông... nghe mình đọc... một bài thơ nhé!

Hai con mắt Phúng lấp lánh như vừa được tiếp nhận một nguồn thần quang từ nơi sâu thẳm phát ra. Cặp mắt say đắm, xuất thần, ngưỡng mộ, tôn thờ, không có một dấu hiệu mệt mỏi, bệnh tật nào. Nhưng tiếng nói của Phúng thì bây giờ tôi mới nhận ra, thật sự đã ngọng nghịu hẳn rồi. Ngọng nghịu hẳn rồi, nghe dài dại lăm nên vừa dỗi theo vừa phải đoán chừng. Đã vậy mỗi tiếng phát ra lại là một nỗ lực phi thường vì nó quá nặng nhọc, khiến mặt Phúng tím đỏ như lên cơn áp huyết.

- À mà cậu... chưa biết nhỉ? - Phúng ngập ngừng, khó khăn. - Tâm... nó bỏ tổ... từ lâu rồi. Tuy thế... tổ vẫn qua... lại nhà mẹ đẻ cô ấy. Phải nói... bà là... một phụ nữ tuyệt... vời... Đây này...

Mẹ vợ tôi tốt quá

Không tưởng tượng ra đâu

Chẳng bao giờ cau có

Bà yêu từ con chó

Đến con chim trên trời

Một hôm tôi về chơi

Bà gọi gà cục cục

Con chim chào mào đực

Nó gật gật cái đầu

Gạo bà rắc như sao

Đàn chim sà ngay xuống

Bà nhắc tôi chạy trốn

Chim gà kín cả sân

Chẳng ai có bạc tiền

Đủ mua cảnh như thế!

Ôi! Những câu thơ chân mộc, được phát ra từ đôi môi méo, ngọn lưỡi rứt và cái thanh quản mang di chứng bệnh tật của Phúng, nghe chẳng còn rõ nữa và thế là đã bay đi như đàn chim cu hôm nào, sau khi đã thực hiện hết chức năng truyền đạt, để lại một cảm giác trống vắng đến ngẩn ngơ trong tôi. Giống như hồi nào tôi và Phúng ngơ ngẩn trong cảm xúc siêu thường tan¹ hòa vào cái lớn lao của tự nhiên trước cây bồ kết hình kim tự tháp vàng hiện ra như một phép mầu nhiệm có đàn chim cu cả trăm con trốn¹ lẫn. Thì ra là vậy, chung quy con người là thế, bao giờ thì nó cũng vẫn khẳng khẳng một bản chất hướng thượng, thờ phụng điều cao cả trong cuộc sống qua cảm quan sáng tạo của mình, có phải thế chẳng?

2/9/2001

ĐẤT MÀU

Thật tình là, thoát đầu Dự nhận ra ngực mình dội lên từng cơn đau tức rất khó chịu; hai bầu vú mẩy mang của nàng như hai sinh vật nhỏ đeo bám nàng cứ rung nảy theo mỗi nhịp cuộc hạ xuống nhấc lên. Sau thì quen. Sau thì mộng ước đắm chìm trong thao tác. Nàng mất cảm giác đau tức vướng víu. Lưỡi cuộc mất sức nặng tự thân. Nó tự sản ra cơn say. Nó tự động bỏ phạm pháp xuống đất. Trong mê man nó xói lật cả vùng đất đêm qua nàng vừa xói lật. Và không phải chỉ là đêm qua. Cả tuần lễ nay, cả tháng nay như thế rồi. Cứ chập tối, cơm nước xong, quên cả thói quen chằm đèn soạn bài để ngày mai lên lớp, để mặc bà mẹ chồng gầy gù lơ mọ ngồi thái sắn ở ngoài sân, như bị một nguồn lực thần bí vô hình điều khiển, Dự lại xách cái cuộc lên sườn đồi sau nhà. Chiến tranh hóa ra lại là môi trường khai mở những năng lực mới của con người. Chà, chồng đi vắng, một thân một mình mà cô giáo dám vào rừng chặt nửa đốn cây dựng được túp nhà sơ tán cho hai mẹ con nương náu. Lại còn đào được giếng. Trồng được rau, làm được vườn. Lại còn khai phá mảnh đất hoang sườn đồi sau nhà. Ôi, cả một triển đồi miên man mê mải là đất màu!

Đất bỏ tôi tả. Đất này đặt hom sắn xuống, cam đoan chỉ một năm thôi, giật nhẹ lên, đã thấy tua tua một chùm củ thau thấu bằng cái chuôi liềm một cho mà xem. Đất như vậy khác chi mời gọi lưỡi cuộc và lưỡi cuộc khác chi một linh hồn quấy

động, trong cơn đam mê đã biến công cuộc lao động nặng nhọc thành một phép lạ thực hiện sự tổng hợp đầy năng động những tiềm lực bên trong, hết như trong một cuộc ái ân hòa hợp giữa đàn ông và đàn bà, đầy ngẫu hứng và không biết đến mệt nhọc của con người.

Cho tới lúc trời như chợt tối sầm, ngẩng lên thấy mảnh trăng nhợt hai đầu nhọt bệch đi trong cô đơn thanh vắng, Dự mới dừng cuộc. Nàng đã cởi khăn, bỏ áo khoác ngoài từ lúc nào. Cả chiếc nịt vú nữa. Giờ nàng sống xềnh, có cảm giác cơ thể không có gì bao che. Hơi mát lùa vào các miền da thịt vẫn còn mùi hơi khét của cơn nhiệt hứng chưa giải tỏa hết, nhất là ở hai hốc nách ấm nồng và ẩm ẩm, thoang thoảng một hỗn hợp trần tục khiến nàng cũng ngất ngây.

Ngoảnh lại phía sau Dự mới nhận ra, nàng đã cuốc từ chân đồi tới lưng sườn đồi. Nàng đã cuốc một mạch từ chập tối tới giờ là nửa đêm. Đêm đã khuya. Dưới kia, những thôn xóm người Giáy mờ mờ từng khối âm u, từ đó lọt ra tiếng chó sủa đục những lỗ thủng gai góc. Phía trước nàng, trên đỉnh ngọn đồi đang lộ lộ dưới ánh trăng, nằm trong khu hàng rào sơn trắng, bóng những cây cột gió, những chiếc tủ đặt máy đo nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa của trạm khí tượng tỉnh. Trạm này mới khánh thành và làm việc ở đây nên mới chỉ có một anh nhân viên kỹ thuật. Anh nhân viên này vóc người vập vạp, giọng nói trọ trẹ. Đúng ngày Dự đào xong cái giếng thì anh ta từ đỉnh đồi vác cái thùng tôn xuống. Dự đi dạy học. Chỉ có bà mẹ chồng ở nhà. “Chào bà, xin bà ít nác nhé. Hà, thế là cháu có bạn rồi. Sơ tán ở chỗ ni là an toàn nhất đấy, bà hỉ!” Liền thoảng một hồi, không để ý đến sự lạnh nhạt của bà cụ, anh nhân viên khí tượng chui vào buồng tắm quây bằng mấy manh chiếu rách bên cạnh giếng, tự nhiên như không, cởi bỏ hết quần áo, kéo nước, giội òa òa, vỗ bành bịch, hít hà khoái trá: “Bà ơi, nước này đàn bà con gái tắm thì thành tiên, bà hỉ! Cô giáo Dự đi mô hỏ bà?” Bà cụ gầy như cái xác ve, không đáp, cậm cách bậm sắn, vút cho

lũ gà Đông Cao mình trĩu, cánh tiên, đuôi bó mạ đang nghênh ngáo ở trong sân. Tắm xong, vận độc chiếc quần đùi, ra khỏi buồng tắm, anh nọ lại tiếp tục bắt chuyện với bà cụ. Le lé mắt nhìn người đàn ông to con, mặt căng tròn, mắt húp híp, lại gân guốc, nhìn nịch như thợ rèn, bà cụ bỗng thấy lo lo.

Cuối cùng thì cái gì cũng có giới hạn của nó. Đã tới cái hàng rào sơn trắng đang loá lóa dưới ánh trắng của cái trạm khí tượng ở chon von trên ngọn đồi và lúc này cơn mệt nhọc đã khiến lưỡi cuốc trong tay Dự phải ngưng nghỉ. Tuy vậy đột ngột dừng tay cuốc, chính Dự cũng hơi bị bất ngờ. Mồ hôi tháo ra, ướt đầm chân tóc, làm lạnh toát các miền da thịt, nàng bỗng thấy run rẩy trong một phức cảm rất lạ lùng. Nhất là khi nàng nhìn thấy căn nhà lợp tôn nhỏ bé của anh chàng nhân viên khí tượng ở ngay sát cái hàng rào nọ. Hơi thở cồn lên, nàng vừa phập phồng mong muốn lại vừa lo sợ. Vừa muốn chờ đợi lại vừa muốn tháo lui.

Ôi, ám ảnh làm sao cái ôm ghì tợn tạo và bàn tay thông thạo sục sạo khuôn ngực của gã đàn ông đã đánh thức cảm xúc nhục thể tiềm ẩn của nàng. Anh chàng nhân viên khí tượng nọ bạo tợn quá. Thèm khát quá rồi hay anh chàng dạn dày kinh nghiệm đã nhận ra người đàn bà cũng đang ở trong cơn bức xúc, không bức xúc thì sao bỗng dưng đêm đêm lại vác cuốc và hăm hở đến thế; không khéo chị ta còn cuốc tung cả cái đồi này lên ấy chứ. Thành ra chỉ sau mấy lần vác thùng xuống xin nước và tắm tấp là anh chàng đã sán tới trò chuyện xa gần, ôm ờ rồi cầm tay gạ gẫm liền: “Sao để đất hoang, phí của giờ thế, em?” Bà mẹ chồng Dự mắt cặp kèm mà tinh ý lắm. “L. tù, cu hãm đấy! Loại này còn phải kể!” Bà cụ nói. Hóa ra bà cụ nghi ngờ và rình rập cả nàng. Và bà cụ đã không sai, nhất là với anh chàng. Anh chàng xa vợ lâu ngày nổi cơn cuồng hứng. Đón đường Dự đi dạy học. Rình chờ nàng ở sườn đồi đất, nơi nàng đêm đêm giải tỏa cơn bức bối bằng việc đổ sức ra cuốc đất. Cuối cùng thì việc phải xảy ra đã xảy ra. Sau cú nhảy bổ tới là cái

ôm choàng nôn nóng. Và những động tác thô lỗ tiếp theo của anh chàng. Còn Dụ, đã có lúc nàng lìm lìm vì cảm giác râm ran thỏa mãn tràn trề lan tỏa khắp cơ thể, rồi biến thành cơn nấc nghẹn ngào, cơn thăng đồng ngây ngất kéo dài đưa nàng tới miền Cực lạc; khi đó nàng bỗng muốn làm thơ, cảm hứng thần diệu này nàng vốn hay bắt gặp từ thời nàng còn ở độ tuổi thiếu nữ. Như rất nhiều người đàn bà khác, trong sâu xa Dụ khao khát tự do. Còn lúc này, từ ngày có chồng, chưa bao giờ nàng thấy ngực mình trắng lôm lổp đến thế giữa bốn bề trống tuênh, trên sườn đồi ngậm ngập ánh trăng thế này. Và thế là nàng kinh sợ, nàng vùng ngay dậy, vừa dứt khoát vừa dùng dằng: “Thôi! Thôi! Ai lại càn rỡ thế bao giờ!” Còn anh chàng nọ vừa lốc thốc chạy theo nàng đang toi tả xống áo vừa khăn khăn gào: “Thế thì lên nhà anh, hỉ!”

Nhưng đêm nay thì không có chuyện gì xảy ra cả. Kiễng chân lên, nhìn qua tấm hàng rào, nhìn quanh, thấy vắng lặng quá, Dụ liền vút cái cuốc đẩy và như trôi trượt theo chiều dốc sườn đồi về nhà.

Mẹ chồng Dụ vẫn còn thức. “Trông sấn thì việc gì phải cuốc đất kỹ thế hử, mẹ Phùng!” Bà cụ nói. Bao nhiêu năm nay rồi, sao hôm nay bà cụ lại gần nàng với tên chồng nàng. Hơi ngạc nhiên, mặc bà cụ, nàng xuống giếng, kéo nước. Có cảm giác thân thể nàng như thanh kim loại mới ra khỏi lò kêu xèo xèo dưới làn nước giội. Lát sau, đứng phơi quần áo ở hàng hiên, nghe thấy tiếng mẹ chồng từ trong buồng hắt ra: “Này, mẹ Phùng. Hồi chiều có người cùng cơ quan tạt qua nói, chồng con ở trong Nam sắp ra rồi đấy”, nàng lại nóng ran khắp người.

*

Giờ thì bà mẹ không tìm được cơn nức nở sung sướng:

- Phùng à. Thế là anh đi được tám năm rồi đấy nhỉ? Ăn uống kham khổ quá hay sao mà choắt cheo thế, hả con?

Hai con mất một mí đỏ đọc lăm li trên khuôn mặt tái sạm, chẳng chia sẻ một tí gọi là với niềm vui của mẹ, Phùng xằng:

- Vớ vẩn! Chiến tranh. Xông vào chỗ chết để giành lấy sự sống mà lại đòi phởn phơ béo tốt!

- Ô hay, sao con lại gắt với mẹ thế? Mày về mày không cho mẹ mừng à? Mày đi xa một ngày, mẹ lo buồn nấu riêu nấu gan một ngày. Mẹ lo cho mày. Mẹ lo cho vợ mày. Là mẹ nói cái Dụ vợ con ấy, mày có biết không? Khổ, con giai tôi giờ sao chỉ bằng cái chết tay thế này!

Gầy choắt cheo như những nắm xương khô chắp, bụng khéo chỉ bằng chết tay thật, nhưng Phùng săn chắc, đầy khí lực và hai con mắt tuy đỏ đọc nhưng nhiều thần khí lắm. Chống tay lên hông, Phùng hất hàm vào mẹ, trống không:

- Sao bảo Ty Giáo dục họ không cho cô Dụ vợ tôi đi dạy học nữa?

- Tao chả hiểu. Độ hơn năm nay, nó bảo nó chuyển ngành đi viết báo, làm thơ.

- Hừ! Tôi biết hết rồi! Tôi còn nắm được bằng chứng cụ thể cơ.

- Con ơi! Có hồi chả đêm nào nó không vác cuốc ra sau nhà. Nó cuốc xới suốt cái sườn đồi này. Nó trồng không biết bao nhiêu là sắn. Đàn bà con gái nó vậy. Ngày xưa thì bỏ trấu vào cối xay, con à.

- Biết rồi! Biết rồi! - Khịt khịt mũi, Phùng cau cau mặt, rồi đứng đĩnh. - Cái khoản này ở chiến trường vô thiên lủng. Bệnh hysteria, thiếu đàn ông đây mà. Cụ có hiểu không? Thôi, khuya rồi, mai tôi còn phải đi làm. Cụ ngủ đi!

Khuya rồi, bà cụ phành phạch cái quạt xua muỗi, buông màn và khi vùng đồi sơ tán trong chốc lát đã ắng lặng hoàn toàn, Phùng mới đẩy cửa buồng bước vào. Cảm giác là lạ khiến Phùng ngập ngừng. Có lẽ là do chầm đèn hồng buông ở góc

trong chiếc màn tuyn trắng toát tạo nên. Cũng có lẽ là do Dự chưa ngủ, nàng vẫn thức đợi chồng và vẻ nôn nả không che giấu của nàng trong tiếng kêu của nàng nữa:

- Anh Phùng! Anh đã về!

- Ồ ồ...

- Anh về sao không về nhà ngay?

Mở tung hai cánh màn, Dự kêu ghen ngào. Và chẳng thể chờ lâu hơn, nàng trút cái áo lót đã cởi sẵn khuy qua đầu, vút xuống đất rồi lê sên sệt ra thành giường, ngậy ngậy vì nhiệt năng tỏa ra từ hai hốc nách, gơ hai tay đón chồng. Đã có sáu tháng trời chung sống với Phùng, nhưng nàng cũng chưa bao giờ có được giây phút như thế này. Phùng không có cái háo hức, cái ham hố của đàn ông lần đầu có vợ. Y lút mình vào công việc, học hành phấn đấu xây dựng sự nghiệp cho bản thân. Mới cưới nhau, hương lửa đang nồng, y đã bảo: “Anh xung phong đi vào Nam chiến đấu đây.” Và khi nàng ngạc nhiên kêu “ơ”, không phải vì y chỉ là anh thuyết minh phim ảnh chứ có phải bộ đội đâu mà vào Nam chiến đấu, nàng kêu “ơ” vì thấy sự việc đột ngột quá. Thì y lớn tiếng mắng mỏ nàng rằng: “Rõ tóc thì dài mà đầu óc thì ngắn. Đây là cơ hội ngàn năm có một để thực hiện bước nhảy vọt trong cuộc đời đây.” Sáu tháng trời sống với Phùng, nàng chưa có ấn tượng gì về cuộc sống chung giữa hai người. Còn bây giờ, bản năng nàng mách bảo nàng rằng, cuộc ái ân đang sắp được thực hiện đây chính là lúc bộc lộ những xung lực cơ bản của sự sinh tồn bấy lâu bị dồn nén, là thời cơ để nàng và chồng nàng thực tại hóa những tiềm năng yêu đương của mỗi bản thể đây. Nàng là đàn bà, đàn bà trong suốt cuộc đời hoặc ít nhất là ở tuổi thanh xuân này. Bấy lâu nàng là đất màu bị bỏ hoang. Và bây giờ nàng đòi được chiếm đoạt và trong đam mê nàng muốn được hiến tặng.

Vẻ trắng mịn mềm mại và căng phồng của khuôn ngực Dự khiến Phùng ngây người trong giây phút. Liên đó y thấy

hai vạt áo bị giật tung, bị kéo sắp mặt xuống và sau cùng thấy mình nhẹ bẫng như một cái phao rập rờn trên sóng nước. Nhưng tới đây thì hình như đã nhận ra tình thế, nhồm lên, y liền nghiêng rặng:

- Được, đã thế thì cho đã cơn thêm nhé!

Câu nói giận dữ chứ không bộc lộ ham muốn bị chẹn bằng một bàn tay nóng hổi của vợ. Y hất bàn tay nọ, mặt xấp xuống mặt người đàn bà trẻ.

- Hừ, bây giờ tôi mới hiểu cô. Ra là vậy!

Hai con mắt vốn đã đỏ lúc này đỏ khé như hai ngọn lửa, Phùng chồm chồm trong cơn trả hận. Nhưng hấp hổi chưa đầy một giây, y đã như que diêm xòe cháy, tắt ngấm.

Thảng thốt, Dự chồm ngay dậy. Nàng vợ mái tóc thắt nút trên đỉnh đầu, nhặt cái áo che ngực và tưởng như sắp bật khóc vì sợ hãi và thất vọng.

- Anh Phùng, anh làm sao thế?

- Hừ hừ...

Phùng rên khe khẽ. Không! Phùng không kiệt sức. Phùng chỉ thoáng mê thiếp đi trong vài giây thôi, rồi lại tỉnh táo hoàn toàn. Và khi Dự ghé người, đưa hai chân vào chiếc chăn đắp chung, chạm vào người Phùng thì y vùng ngay dậy.

- Anh hỏi cái gì ạ?

Nhận ra thái độ lạnh lùng của Phùng và một tập giấy Phùng vừa giơ lên, Dự liền nghiêng người, khe khẽ kêu. Trong ánh sáng hồng mịn của ngọn đèn ngủ, nàng nhận ra một ánh cười lạnh tanh của Phùng và thấy tiếng y nói cũng lạnh tanh như thế:

- Thơ của cô viết tặng tình nhân, bạn bè tôi sưu tầm hộ cô đấy, cô ạ! Đêm đêm giả đồ đạc trên đời để gặp nhau, để chui bờ rúc bụi hú hí với nhau không chán hay sao mà lại phải còn thơ với thân yêu đương lãng mạn nhăng nhít! Này, cô

Dự! Cô có biết tôi xung phong đi B, xông vào chỗ chết để làm gì không?

- Em biết ạ.

- Là để người ta thử thách mình. Để người ta có bằng có tin cậy mình, cất nhắc mình lên các chức vụ lãnh đạo. Là để đem lại vinh dự cho cô. Thế mà cô lại phản bội tôi. Tôi hỏi cô, vậy như thế cô có phải là đồ dĩ thảo, đồ voi giày ngựa xéo không?

- Anh Phùng! Anh nghe em nói đã.

- Tôi không cần nghe cô nói.

- Anh Phùng! Em không có ý thức phản bội anh. Em đã chờ đợi anh. Em cần, em muốn anh.

Lăn xả vào chồng, với một dòng suối ngôn từ rồi rít đã có lúc Dự ôm choàng được Phùng và đè dập y xuống. Tình yêu thống thiết và niềm ân hận xót xa khiến nàng trở nên quyết liệt. Nhưng cuối cùng, nàng vẫn bị Phùng hất ra. Người thì bé mà cái tiếng thì to, Phùng đứng ở dưới đất quát gằn:

- Nay, nghe đây, từ nay trong nhà này chỉ tôi có quyền nói thôi nhé! Còn cô, Dự, tôi có cho phép thì cô mới được nói. Nhớ chưa, đồ dĩ thảo, đồ ngựa xéo voi giày!

*

Con người thì bé, hai con mắt cũng bé mà cái miệng lại to quá. Miệng Phùng, qua cái loa điện, phát tiếng vang âm cả xóm thôn: “A lô, a lô... Một, hai, ba, bốn... Văn Phùng đội trưởng đội chiếu bóng 102 kính mời bà con tới xem buổi chiếu bóng đêm nay tổ chức tại sân kho hợp tác xã làng Nhón. Phim thứ nhất là...” Nghề thuyết minh chiếu bóng giúp cho Phùng loắt choắt thêm tiếng cả dài hơi. Cho y thêm cách nói văn hoa và oai lực trước các cô thôn nữ mới lớn. Phải uyên bác lắm mới có thể thuyết giảng cho người ta hiểu ngọn ngành câu chuyện

vốn chỉ có hình ảnh và tiếng nói người nước ngoài lạ hoắc, chứ còn gì. Nhưng nghề thuyết minh chiếu bóng không sửa được cho y thói ăn nói lỗ mỗ, tính tình láu táu và tật lú lười nói nhịu, vốn là biểu hiện của sự kém cỏi về đường học vấn. Nhiều buổi, đang thao thao coi thiên hạ như đám thất học, y bỗng đỏ dừ mặt vì một câu nói lộn khiến khán giả cười ồ. “Kẻ thù nào cũng đánh thắng” y nói thành “kẻ *thào lù* cũng đánh thắng”. “Rung đùi” nói thành “*rung đùi*”. “Chiến thắng đói nghèo lạc hậu” y nói thành “*đéo ngồi lạc hậu*”. Tuy nhiên cũng phải nói ngay rằng, ái tình có con đường đi riêng của nó. Kết thúc mối tình thổ thổ thơ đại của Dự là đám cưới của cô gái mới hôm nào còn là một thôn nữ gầy gù nay đã lớn phổng thành một cô giáo Dự đa cảm nỗ nang và khỏe mạnh với anh chàng thuyết minh chiếu bóng sau bao năm trời lặn ngòi ngòi nước vẫn tro hoản chỉ là cái gã trai loắt choắt chuyên lặp lại lời người ta đã viết sẵn trên giấy mà thôi. “Nhái bèn ôm dưa bỏ.” Kẻ độc miệng thể theo vóc dáng cô dâu chú rể còn ngoa ngôn vậy. Con người thì bé, con mắt cũng vậy, nhưng cái miệng thì to và cái đầu Phùng còn to hơn nữa. Cái đầu to là cái đầu quen nghĩ lớn. Con người ta hữu thân là hữu khổ rồi. Vì có thân là phải lo cho thân là sinh ra tham lam, sân hận, si mê, xiêm nịnh, tật đố. Huống hồ Phùng xuất thân lại có phần thấp kém. Ông bố, hồi Tây tạm chiếm lập tề, không hiểu nghe ai xui đại lại đăng lính, nhảy dù xuống tiếp viện cho giặc ở lòng chảo Điện Biên. Lý lịch có tì vết như thế mà muốn tiến thân ắt phải trả giá. May mắn, phép tính Phùng đặt ra và giải tỏa có độ chính xác cao. Đi chiến trường B trở về, chàng thuyết minh chiếu bóng coi như đã lập công chuộc tội thay cho ông bố. Hòa bình rồi, không còn nghề chiếu bóng rong như xưa, Phùng được đề bạt trưởng phòng phát hành phim. Và bây giờ sau năm năm ở chức vị này, một vận hội mới đang mở ra trước mắt Phùng. Cơ quan khuyết chân phó giám đốc vì ông này vừa bị đột quỵ sau

sáu tháng trời nhậm chức, thế chân một ông chết bất đắc kỳ tử vì tai nạn giao thông.

Chết cái tham dự cuộc chen đua giành chức vị này, Phùng có hai địch thủ cứng cựa. Cả ba đều tỏ rõ ý chí kiên cường, nhất quyết không lui bước. Vì cả ba đều cho rằng, cuộc sống mãnh liệt dù có khổ sở, hiểm nguy cũng còn hơn là cuộc sống bằng phẳng an toàn nhưng tẻ nhạt. Và do vậy đều có đi ba con đường khác nhau, ba người vẫn chỉ nhằm một mục đích duy nhất.

Riêng Phùng, Phùng đi con đường khổ hạnh và triệt để tranh thủ cảm tình của cấp trên, cũng là con đường đã nhất thành bất biến của đời Phùng! Xuyên tạc ý nghĩa của lối sống khổ hạnh, vốn là một nỗ lực cao quý của con người nhằm chống lại những cám dỗ vật chất tầm thường, hướng tới sự viên mãn tinh thần thực sự, Phùng thực hiện một cách sống khác khổ cực đoan với mục đích hoàn toàn vụ lợi. Ăn uống kham khổ. Mặt mày nhăn nhăn nhó nhó. Suốt ngày tất bật, bận rộn vì công lên việc xuống. Lúc nào cũng tỏ ra là kẻ mẫn cán và hết lòng hết sức với trách nhiệm được giao. Cách nhà riêng chưa đầy hai cây số mà y ở rịt cơ quan tối ngày; cả tuần, cả tháng liền, không đoái hoài gì đến mẹ già vợ trẻ. Đưa tất cả dục vọng thông thường vào thế thoát triệt, trong y chỉ nấu nung một cao vọng duy nhất là giành lấy bằng được chức vị phó giám đốc nợ bằng mọi giá thôi.

Bằng mọi giá, nghĩa là bất chấp mọi vất vả, nhọc nhằn và mọi sự khinh rẻ trong việc lấy lòng từng vị cấp trên, những kẻ có thẩm quyền. Ông Thường vụ tỉnh ủy phụ trách Văn Xã là một trong mấy người nắm quyền quyết định số phận Phùng vốn quen biết Phùng. Nằm bệnh viện chữa bệnh áp huyết cao, nhận hộp sữa cân đường Phùng biếu, ông cười hề hề: “Lương sướng mày được bao nhiêu mà vẽ vời quà cáp!” Rồi chỉ mặt Phùng, ông cảnh báo: “Này, mày gầy mà mặt đỏ như thế này là có bệnh tăng áp huyết nặng đấy. Tao có thằng cháu bằng tuổi mày, tháng trước xây nhà đào giếng ham mê quá sức lại

bị con vợ nó đòi hỏi liên tục, một sáng nọ trở dậy, kêu không nhìn thấy gì cả, hóa ra bị đứt mạch máu não, máu chảy tràn qua cả mắt, toi đời rồi!” Phùng rùng mình, thú nhận hồi này thì thoảng cũng có nhúc đầu chóng mặt, nhưng hòa theo kiểu ăn nói bỗ bã của nhà lãnh đạo, cười khằng khặc: “Con vợ em vía dám. Em có chết cũng phải chết ở chức phó giám đốc do các anh ký đề bạt em chứ.” Khó hơn cả là tiếp xúc với ông Thường vụ tỉnh ủy, Trưởng Ban tuyên giáo, một nhân vật có can hệ nữa. Ông này người Tày, nói tiếng Kinh chưa sõi, nhưng sĩ diện và sính thơ văn, gặp ai đến chơi ông cũng vác thơ của mình ra khoe. Khốn khổ, thơ ông chỉ là ca dao hò vè, vần điệu khắp khiêng! Chê thì Phùng không dám, tất nhiên rồi. Nhưng khen thì khen thế nào. Khen không đúng lại lời cái đuôi dốt đặc cán mai ra, lợi chẳng bù hại. Ấy thế! Chứ đêm Ba mươi Tết còn ôm chai rượu Tây, lặn lội trong mưa rét, tìm đường đến nhà ông chủ tịch, ông bí thư tỉnh ủy để chúc Tết và biếu tặng, Phùng cũng chẳng ngại kia mà. Phùng không ngại mệt nhọc, tốn kém. Con ông Thường vụ A lấy vợ. Mẹ vợ ông Thường vụ K hai năm mươi. Đám hiếu đám hỉ nào của các vị Phùng cũng sẵn sàng có mặt để chia vui, chia buồn.

Chao ôi, tính háo danh háo lợi chả lẽ cũng giống thói háo dục, cũng là cơn hưng phấn không biết đến giới hạn? Phùng chẳng thấy mệt mỏi là gì. Trái lại, bệnh tật lại như thua Phùng. Phùng quắt queo như cái dọc khoai héo, nhưng mặt lúc nào cũng bừng bừng hồng nhuận, mặt lúc nào cũng lấp lánh ánh thần khí. Chỉ có điều bất thường là, hồi mới đi B ra, thỉnh thoảng còn lên cơn tí toáy, kẻ độc miệng ngoa ngôn nói, chẳng qua như chuột ngoáy lọ mỗ chứ nước mẹ gì, tuy vậy cũng đã từng lên mặt ta đây là con đực chính hiệu với cô vợ trẻ. Chứ còn hồi này, tuyệt đối không. Không mảy may thêm khát. Không tí teo hứng thú. Không mảy may rung động. Dửng dưng như không. Thờ ơ, ghẻ lạnh như không. Cứ như kẻ bất lực. Cứ như kẻ bị thiên hoạn. Cứ như kẻ công cụ tính giao

bị tổn thương nặng, vật vờ dật dẹo như đã chết rồi. Đã chết hoàn toàn rồi, chết thật rồi còn ham muốn đàn bà ở thẳng đàn ông đang ở độ tuổi bốn mươi. Đến nỗi bà mẹ già cũng vượt qua thiên kiến, đứng hẳn về phía giới tính con dâu mà rên rảm: “Phùng ơi, hay là trong người con có cái mầm bệnh gì nên sinh ra thế? Chứ vợ chồng đánh chửi nhau, xa lánh nhau cũng chỉ là ban ngày thôi, còn ban đêm phải đầu gối tay ấp, phải lăn lóc với nhau mới là sự sinh hóa, con à!”

*

Một đêm chừng như nghe được tiếng gọi của sự sinh hóa, Phùng hăm hở phóng xe về nhà.

Lúc ấy, như thường lệ, Dự đã vác cuốc ra sau nhà. Lúc ấy, Dự được ủ ấp trong cái bóng đen của con vật hoang đường là buổi đêm. Nàng nấp ở trong nó với động tác cuốc đất chỉ có mục đích tự thân, để có thể tự do xa xỉ vào các miền tưởng tượng ngây ngất hương vị phiêu lưu và ít lâu nay thì nàng khóc. Khóc vì xót thương thân phận đàn bà của mình. Khóc vì thực cảnh khó bề thay đổi. Vì những chuyện đã qua và nghĩ tới ngày mai. Nàng khóc vì thật tình không muốn phạm lỗi không chung thủy với chồng. Ngoài Phùng, thật lòng nàng không muốn giao tình với một người đàn ông nào khác, không muốn tiếp xúc với một cơ thể đàn ông nào khác, trộn lẫn hơi thở với một người đàn ông nào khác. Nàng chỉ muốn chồng nàng là kẻ duy nhất được quyền hưởng thụ cơn ái dục nồng nã của nàng, khám phá ra lạc thú thơm tho và báu vật ngọc ngà, chứ không phải là sự thô tục, bản tuổi ở thân thể nàng.

Thấy mẹ chồng gọi, Dự vội vã xách cuốc trở về. Dừng lại một phút ở trước cửa cho tim đỡ đập dồn rồi nàng mới bước vào nhà. Tiếc thay, bao nhiêu khát khởi hy vọng vừa nảy nở trong tâm hồn thơ mộng đa cảm của nàng lập tức bị giội nước

lạnh. Ngồi ở bàn nước, quần áo chỉnh tề Phùng như một người khách lạ vắng lai vừa đến và đang sửa soạn ra đi. Gương mặt y lạnh lẽo những đường cắt gãy khúc và quay cổ lại khi nghe tiếng chào của vợ, cái giọng láu táu của y lập tức bộc lộ ngay thói hiếu sự:

- Cô Dự, lâu nay cô vẫn làm thơ đấy chứ?

Khép nép ngồi xuống ghế bên, Dự còn đang ngỡ ngác vì chưa hiểu nổi ý tứ ẩn ngầm của câu hỏi nọ thì Phùng đã gườm gườm:

- Cô có biết cô đã làm tôi ê chề đến mức nào không? Thiên hạ bảo tôi là mù là điếc. Họ tiếc tôi mất công đắp đập be bờ. Hừ, tôi xông vào nơi bom đạn để kiếm tí vinh quang, mở mày mở mặt với thiên hạ thì cô ở nhà ngoại tình. Người ta bảo đã có lần cô đi Hà Nội nạo thai. Hừ, tưởng với ai, hóa ra là với thằng khí tượng vai u thịt bắp. Khí tượng là gì cô biết không? Là rắm voi! Là rắm voi, cô có hiểu không?

Bị gạn hỏi liên tiếp mấy lần, Dự mới ngẩng lên. Mấp máy môi, nàng không biết nên nói cái gì. Bây giờ nàng là tên tội phạm và chồng nàng là kẻ có quyền dằn vặt, mắng nhiếc, hành hạ nàng.

- Anh Phùng ạ, từ hôm anh về em cũng suy nghĩ nhiều lắm.

Cuối cùng thì câu nói lí nhí của nàng bị Phùng “hừ” một tiếng nhỏ ngắt đoạn. Phùng xoay người lại, quài tay ra phía sau, nong cái cổ áo cho khỏi dính mồ hôi, rồi gật đầu kẻ cả:

- Cho cô nói tiếp. Nói đi!

- Em cũng khổ tâm lắm. Em nghĩ, em là con đàn bà không ra gì.

- Là con đàn bà?

- Vâng, chỉ vì em là đàn bà nên mới sinh ra tội lỗi ấy.

- Hừ! Ra là thế! Sống ở chiến trường là thế nào cô có biết không? Bom đạn không nói làm gì. Nói riêng cái đói cũng khủng khiếp rồi. Củ mì, tức là củ sắn kia kia cũng không có

mà ăn đậu. Đói khát, đến mức thấy con thần lẩn cũng muốn bắt ăn thịt kia. Chứ đậu phải có điều kiện để rửng mỡ như cô.

- Vâng, em cũng biết thế. Em biết em phạm lỗi nặng. Em rất đáng bị trừng phạt.

- Trừng phạt?

- Vâng, anh muốn trừng phạt em thế nào thì tùy ý anh. Anh đánh chửi em, mắng mỏ em, bêu riếu em, hoặc đưa em ra tòa, cách nào thì em cũng không dám cãi lại. Vâng, kể cả việc anh đưa em ra tòa!

- Ra tòa?

Như chạm phải lửa, Phùng đứng bật dậy, nắm chặt hai nắm đấm, bất ngờ quát to:

- Cô định ly dị với tôi để lấy thằng rắm voi phải không?

- Dạ, không ạ. Không bao giờ thế ạ!

- Tôi cấm cô!

- Vâng. Mọi sự là ở nơi anh, em không có quyền.

- Hừ!

Vùng vằng hai cánh tay, khiến hai vạt áo tuột ra khỏi đai quần, mặt Phùng co rút méo xệch. Rồi cúi xuống, khác hẳn với tạt lấu tấu thường ngày, lọt qua kẽ răng y lúc này là một giọng nói khúc chiết, chậm rãi, kết quả của một sự ngẫm ngợi sâu xa, lâu ngày.

- Cô Dư! - Phùng nói. - Tôi cấm cô nói chuyện ly dị lúc này. Ly dị lúc này là bỉ mặt tôi. Chuyện gia đình mà rắc rối thì cấp trên người ta làm sao tín nhiệm được tôi! Cô có hiểu không? Bây giờ cô nghe đây. Tôi thông cảm với lỗi lầm của cô. Tôi cho cô thời gian và điều kiện để sửa chữa. Tóm lại, ta cứ ly thân nhưng bên ngoài vẫn phải giữ được quan hệ vợ chồng bình thường, cô có hiểu không? Lúc này, cô có thế nào thì xấu chàng hổ ai. Vậy nên cô phải hết sức cố gắng nghe lời chỉ bảo của tôi, giúp tôi. Giúp tôi, cô có hiểu không?

- Dạ.

- Thước đo sự hối cải của cô lúc này là thái độ chân thành giúp tôi của cô đấy, cô nhớ cho.

Hạ giọng, Phùng kéo hai ống quần ngồi xuống. Thấy Dự ngẩng lên nao nao chờ đợi, y liền thở thào thào, tiếp:

- Lúc này tôi hỏi cô lâu nay vẫn làm thơ đấy chứ không phải là hỏi băng quơ đâu. Sự việc nó là thế này. Cô biết ông Trưởng Ban tuyên giáo hay làm thơ chứ gì? Tôi cần cô đến thăm và trò chuyện với ông ấy. Nói cái gì, trên đường đi đến nhà ông, tôi sẽ bảo. Chuẩn bị đi!

*

Đó là những phút giây thăng hoa sung sướng cực điểm. Trồng cây đã đến ngày hái quả. Leo cau đã đến buồng. Cuộc thăm hỏi ông Trưởng Ban tuyên giáo kéo dài tới hơn mười giờ đêm. Rượu ngon, lại có lời bình phẩm tán tụng sành điệu của người đẹp, vợ Phùng, ca dao sĩ, Trưởng Ban tuyên giáo nổi cơn khoái trá hết sức hài lòng. Nổi cơn tức hứng, ông tiết lộ cho Phùng biết, tuần tới Thường vụ tỉnh ủy sẽ ký quyết định đề bạt Phùng lên chức phó giám đốc đài.

Đêm đó Phùng ngủ ở nhà. Dẫu Dự nằm cạnh hoàn toàn khóa thể, trong u sầu ảo não càng tỏa hương nồng ngấu như đất đai màu mỡ khát muốn được mở lòng ấp ủ hạt giống gieo trồng, lại đang trong ân hận vò xé rất muốn được đền bù và làm lành, Phùng vẫn như một kẻ bị yếm hoạn, đã thui chột hết thú vui chăn gối, lạnh lùng như băng giá. Không hề động chạm đến vợ, y cũng chẳng gây sự với nàng. Ý nghĩ và hứng thú của y đi theo một hướng khác. Rạo rức bồn chồn, náo nức suốt một đêm dài y không chợp mắt.

Năm giờ sáng hôm sau Phùng thức dậy. Nhưng bước ra cửa sổ, vừa đưa mắt ngắm nhìn vùng đất sườn đồi xanh rợp lá sắn Dự khai phá suốt mấy năm qua, Phùng bỗng đưa tay bưng mắt: “Ôi, sao tự dưng lại tối sầm không nhìn thấy gì cả thế này?”

Dự vội dìu chồng xuống giường và sợ hãi gọi mẹ chồng. Có lẽ Phùng bị cảm. Hai người đàn bà vội xoa dầu đánh gió cho Phùng, nhưng Phùng vẫn ôm đầu kêu đau dữ dội rồi ngay sau đó đi vào hôn mê bần bật. Bà mẹ chồng thất sắc nhìn cô con dâu, rồi đột ngột cất tiếng gào thảm thiết: “Đêm qua mày bắt nó quá sức, hả? Mày giết chồng mày rồi, Dự ơi!”

Sự việc diễn ra gần đúng như câu chuyện kể của ông Thường vụ phụ trách Văn Xã hôm nào đó có tính chất răn đe với Phùng. Phùng bị đột quỵ vì xuất huyết não! Cơ quan y tế giải thích vậy. Dư luận bình luận thêm. Mặc chứng áp huyết cao đã từ lâu, nhưng bệnh nhân không chữa chạy, lại thêm lúc nào tinh thần cũng ở trong trạng thái trương căng liên tục vì những mưu toan, tính toán cho công cuộc tiến thân. Trạng thái tâm lý đó đã dẫn đến sự xuất hiện những ổ tiêu cực trong tâm não. Và cái chết như một thói quen tệ hại của tự nhiên đã là cái kết thúc tuyệt đối cuộc sống của một người đàn ông đam mê đến khốn khổ trên con đường kiếm chác danh vọng. Ít lâu sau cái chết nọ là cái chết của bà mẹ già đã chứng kiến quá nhiều khổ đau, tàn nhẫn xóa sổ một gia đình sống chung hàng bao năm mà không có hạnh phúc lấy một ngày.

*

Bây giờ mười năm đã trôi qua. Căn nhà do Dự dựng ở dưới chân quả đồi đặt trạm khí tượng tỉnh đã đổ nát. Nhưng nương sắn mênh mông xanh rờn một triền đồi vẫn còn, như một chứng tích về sự phì nhiêu của đất đai. Trên đỉnh đồi, trạm

khí tượng tỉnh được mở rộng, trang bị thêm nhiều thiết bị mới. Anh chàng rầm voi đưa vợ con từ miền Trung ra, xây một căn nhà hai tầng xinh xắn trong khu vực đó. Điềm nhiên như được hưởng lộc trời, hằng ngày anh ta cứ việc dõ dẫm ở nương sắn bên sườn đồi nọ nuôi lợn, nuôi gà. Gặp khi nông dân thất bát mùa màng, hai vợ chồng lại cặm cụi nhổ sắn, xắt lát phơi khô, đóng từng bao tải, đem ra chợ bán.

Dự biến vào không gian mịt mù. Nhưng nàng cũng không vô tâm tích. Thơ ca, nghệ thuật, cũng như tôn giáo, hoạt động xã hội chính trị là những nơi dồn nén khát vọng mạnh mẽ nhất của con người. Nàng còn hiện diện trong những bài thơ nàng để lại được nhiều người trong tỉnh sưu tầm, truyền tay. Có một bài tôi chép lại được, đọc bài này nhiều người vốn độc miệng ngoa ngôn quả quyết rằng, nàng đã yêu nồng nàn một người nào đó và nàng chính là kẻ đã gây ra cái chết cho chồng nàng. Bài thơ đó như sau:

*Người như cành quế non vời
 Những lời người nói biết đời nào quên
 Bao giờ lở núi Tản Viên
 Cạn sông Tô Lịch không quên nghĩa người
 Nghĩa người tôi để trong cơi
 Nấp vàng đây lại ở nơi mừng năm
 Một ngày ba bảy lần thăm
 Một ngày ba bảy lần thăm nghĩa người...*

Hà Nội, 5/8/2002

SAN CHA CHẢI

Muốn biết thế nào là San Cha Chải, mình phải leo dốc cật lực một ngày trời. Một ngày ròng gánh cực lên non nhưng lên tới nơi mình cảm thấy ngay là được đền bù. Trời mở toang tám cánh cửa cho mình phóng tầm mắt thỏa sức. Mình nhìn thấy sông Hồng một vệt lênh láng nơi lưng trời xa. Nhìn xuống phố huyện nhà cửa xúm xít như một bãi nấm, mình nghĩ mà buồn cười: Giá có thang dây tụt xuống, chắc chưa kịp sôi ấm nước, mà đi chân thì phải tận tối mịt!

San Cha Chải, tiếng Quan, dịch ra Việt ngữ là Thôn Ba Nhà. San Cha Chải nay đã ba chục hộ, mà không khí vẫn heo hút như thời khởi thủy. Nơi đây, cỏ ngải tàn rồi cỏ ngải lại xanh như câu hát hết câu hát lại bắt đầu. Nơi đây, cỏ ngải bị chân ngựa giẫm bốc mùi thơm tinh dầu nặng nặng. Nơi đây, hoa tục đoạn nở và tam thất rừng mọc nhơ nhỡn cho riêng nó. Không khí thanh sạch mùi hoa lá. Yên bình như thời mới mở đất, chớ nhà thiêu ngữ trong nắng, chỉ hậm hực đánh hơi nếu có con thú lạ về. San Cha Chải không biết khóa sắt khóa đồng, chỉ lấy hai thanh gỗ gài bắt treo, để ngăn gà nhà vào bới bép mỗi khi vắng chủ. Nơi đây, gà rừng ăn lẫn gà nhà, én làm tổ đầu hồi. Nơi đây, trâu thả rông, mắt chưa thấy màu gì hơn màu chàm đen, màu lá rừng xanh, nên khi thấy thầy giáo Tính người miền xuôi mặc cái áo trắng toát như kẻ lạc bước tới

đây, chúng liền lồm ngồm chống chân đứng dậy từ vũng đầm, hồng hộc chạy ra, giương hai cánh sừng nhọn. Thầy giáo Tính cười: “Thế nào, không cho tao đến lập trường dạy trẻ con học à?” Hiểu tiếng người, trâu San Cha Chải liền quay lui, mặt gằm gằm ngượng ngịu. Mấy tháng đầu, chưa có trường lớp, chưa có học trò, cất cái áo trắng duy nhất đi, thầy giáo Tính đánh bộ quần áo nâu dấn bùn khô tay kiểu ta đi vác nước cho ông Mo Chúng nấu rượu. Rượu nấu bằng ngô. Được nước đầu, ông Mo Chúng biếu thầy một chai. Thầy tợp một hớp, lè lưỡi, kêu: “Rượu này một chén ba ngày say xỉn, chỉ còn biết lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu. Rượu này, rơi một giọt xuống đất, giun người phải say lử đử. Gà rừng, gà nhà ăn phải giun này, cơn say mê mết truyền sang cả người ăn tiết canh nó.” Mo Chúng gật gù: “Thầy biết người biết của, xứng đáng bậc sư phụ đấy! Rượu này được thế vì ngô ở đây bầm thụ khí trời thanh cao, vì nước nguồn chảy ra từ lòng đất sâu thanh khiết, vì người nấu, người chuyên nước chưa vong thân.”

Mo Chúng sáu mươi tuổi, đang lập vườn thuần phục cây tam thất rừng, giàu có tiền bạc và trí khôn, là nhà thông thái, bậc thánh triết dân gian, nói đúng quá về giọt nước ở San Cha Chải.

Nước ở San Cha Chải quý lắm. Trong suốt, mỗi giọt lóng lánh như hạt bạc. Nhưng nó phun từ lòng đất lên thì trôi tuột theo dốc đi. Một người Kinh thứ hai sau thầy giáo Tính, là cán bộ thủy lợi, lên San Cha Chải mới giữ lại được. Cái giếng xây vuông vức mỗi bề ba bước chân trong trơn láng, ngoài gắn mạch cẩm quy, như cái kho kiên cố giữ báu vật, lúc nào cũng ẩm ấp nước. Mo Chúng nói: “Nước ở dưới sâu nước không có ích. Nước muốn có ích phải chuyển động lên khỏi mặt đất. Muốn hữu ích phải làm việc!”

Mo Chúng tuổi cao mà lúc nào cũng luôn tay luôn chân. Thầy giáo Tính hết việc gọi trẻ con tới lớp lại dắt trâu kéo cây

gỗ dẻ về dựng trường sở. Mọi người đều làm việc. Cái giếng nước cũng làm việc. Nó cho người, ngựa, gà vịt nước để họ ăn uống, tắm giặt. Nó còn làm cái gương soi. Lòng trong vắn vắt nên nó soi gì cũng tỏ. Những đám mây trắng bay qua ngó xuống. Mấy đàn thiên nga đi tránh rét qua cũng liệng một vòng nhìn xuống. Mọi người trong làng đều đến lấy nước, soi mình. Các cô gái tới. Các em học sinh lớp một của thầy Tính tới. Hết trai khô ngô Tráng A Lừ, Lý A Téch, đến gái xinh xẻo Seo Say, Seo Mùa. Chỉ còn thiếu có Pao. Phải để Mo Chúng giục: “Soi xem có đạt cái tước hiệu làm người chưa?”, Pao mới tới. Pao tới sau cùng vì ngượng ngập, vì thấy mình to phốp, trời cho sức vóc thân thể hơn hẳn bạn bè mà lại ngồi cùng lớp với nhau. Chỉ thoáng qua một chút, Pao đã hiện lên tròn vẹn. Trên mặt gương nước, Pao tròn trĩnh, mặt sáng như cái mâm bạc, nét mặt, nét mày phân miêng như nét vẽ, không mảy may tư dục, tà niệm, lại ngác ngơ như ngọn măng mới chồi khỏi đất. Mo Chúng nói: “Bằng tuổi Pao, thằng Tủa đã biết đi cướp gái rồi đấy!” Tủa là anh trai Pao, có lớn có khôn, hai mươi hai tuổi đã là công an xã. Tủa đen cháy. Mặt soi trong nước vẫn thấy đỏ lừng bao ham muốn.

San Cha Chải chỉ có một người không tới giếng soi mặt. Đó là Cư A Cấu, người quê đâu đó, một buổi chợ huyện tan thấy bà góa Lý Thị Cài dẫn về cùng ăn cùng ở. Cấu lẻo khoẻo, da dẻ quánh chắc, mặt như ám khói. Mo Chúng nói: “Cấu đâu có phải đứt dây trên trời rơi xuống! Ông nó theo bọn Cờ trắng làm thổ phỉ cướp đường bị Tây bắt. Bố nó đón đường giết người buôn, lấy vàng bạc, bị chính phủ ta bỏ tù. Nó là đứa lêu lổng, chuyên trộm cắp vặt ở Pa Cheo Phìn. Buồn cho bà góa Cài quá. Xưa, có hồi ở đội văn nghệ hát bài *Mùa xuân hoa nở*, họa mi còn đòi hát theo. Giờ lại chịu nó. Người không bằng cái giếng rồi.”

“Nhà này có ai tên là Cấu thì ra cho tôi hỏi. Chả lẽ đất San Cha Chải là đất hoang. Còn tôi là thằng bù nhìn giữ dưa, hả?” Một buổi chiều sương sa, Trưởng công an Tủa, mặt đỏ hăm, kìm chẳng được đã đến trước cửa nhà bà góa Cài, quát vạy. Tủa vốn là người làm việc có trách nhiệm. Tủa tức lão Cấu lắm. Tủa nhất quyết bắt lão Cấu lên trụ sở viết kiểm điểm và sau đó trục xuất lão về quê cũ. Tiếc thay hôm đó, Tủa không gặp lão Cấu. Giáp mặt Tủa chỉ là bà Cài. Bà góa Cài ba mươi mà tươi mơn. Cổ trắng mịn, ngực bông bênh, đàn ông nhìn vào như bị say sồng. Bà lại có hai con mắt ươn ướt, bình thường thì lẩn tẩn, lúc cười thì xoáy tít, khiến nhiều anh bị nó hút hồn chóng mặt. Chả hiểu đôi bên nói năng, trao đổi những gì, chỉ thấy lát sau, Tủa “hứ” một tiếng rồi chỉ mặt bà góa ồm ồm: “Hừ, đại hạn lâu quá rồi hả? Nhưng chớ cậy mình đẹp mà đáo đẽ với đây nhé!”, rồi bỏ đi. Cái lý thua cái tình. Tình này lại là tình dục, giống cái bếp lò nuôi lửa thêu đêm. Nghe chuyện này từ miệng Tủa, mọi người cười lẩn lóc. Cài từ lúc thiếu nữ đã thuộc nòi đa tình, đa dục. Quyến quỵen nhau với Cấu trong sắc dục, ngập ngựa trong chăn gối mây mưa, người đàn bà háo tình này còn đâu biết gì khác! Thôi, thể tình hãy cho qua!

*

Chuyện qua đi.

Bốn năm, bốn lần cỏ ngải tàn rồi cỏ ngải lại xanh, Cấu như cây bén rễ, đã thành người San Cha Chải. Pao đã sang tuổi mười sáu học xong lớp bốn, môn gì cũng khá, đặc biệt toán hay, vẽ đẹp. Thầy giáo Tính nói: “Tôi hết chữ dạy em Pao rồi. Cơm chấm cơm, tôi cũng chỉ học hết lớp bốn trường làng dưới xuôi thôi mà.” Mo Chúng bảo: “Thế thì nếu thầy ưng, tôi sẽ dạy

thầy các bài cúng mo. Học các bài cúng mo mắt sáng ra nhiều điều. Chẳng hạn câu này thầy biết nghĩa lý nó làm sao không? “Ba buổi sáng cũng là một đời người.” Còn chuyện *Đo đất đo trời* buổi mới khai thiên, thầy biết chưa?” Thầy giáo Tính gật đầu: “Cụ lại cho tôi nhấp chén rượu đầu rồi. Thế thì còn gì bằng nữa!” Rồi quay sang Pao: “Còn em Pao, như nguồn nước dưới sâu vận chuyển lên mặt đất thành giọt nước có ích đi!”

Pao soi mặt mình trong mặt giếng. Mặt Pao vẫn sáng trưng vậy. Rõ hơn là hai con mắt một mí, cái cằm vuông và gò mũi thẳng, toát ra một thần thái vừa chất phác hồn hậu, vừa văn vẻ, không hôn ám. Pao đã lớn, lớn thật sự rồi. Buổi sớm, nghe con gà gáy, Pao phất dậy. Ngoài sân, con ngựa hồng một tuổi, bậm bạch chân, răng nhe dữ tợn, thách thức. Trong hiên, anh Tủa đứng chống sườn, môi bậm, mắt nheo nheo cạnh chị dâu đang đẩy cối xay ngô rì rầm. Pao xuống sân, bước tới, tay trái đặt lên cổ con ngựa. Con ngựa phì hơi qua hai lỗ mũi trắng xóa. Thành linh, chân Pao gập lại và tay phải Pao như kim ngoạm trúng chân trái con hồng, giật mạnh. Con ngựa ngã nghiêng, hai chân trên không đập loạn xạ, cổ chống cự, Pao nhanh như cắt vòng cả hai tay qua lưng bụng nó, cổ bành căng, hực một tiếng trong lồng ngực, xốc nó lên. Con ngựa như đứa trẻ quá khổ bị nhấc khỏi đất, kêu thất thanh sợ hãi. Anh Tủa cười gật đầu: “Sức trai vật ngựa được rồi thì mọi việc nương ruộng giao cho em nhé, Pao!”

Pao đã lớn. Pao đi cày nương đá. Pao phát rừng lau. Pao tham gia lực lượng công an của anh Tủa. Pao vác súng đi săn con lợn độc chuyên phá nương sắn. Một bận, ở giữa rừng già thuần phác gặp một thảm hoa sắc sỡ các cung màu, nhưng ẻo lả, ẻo uột, chập chờn, người bỗng thấy mê mê như hít phải hơi độc, sợ quá liền cầm cổ chạy về. Gặp thầy giáo Tính ở nhà Mo Chúng đúng lúc trời đổ mưa, sấm sét rung trời. Mo Chúng nói:

“Nó là cây thuốc phiện đấy, Pao à. Cái cây ra hoa kết quả gây hoảng loạn cả trời đất nên sấm chớp ầm ĩ lên đấy. Thằng Cấu đem cái xấu, cái ác về San Cha Chải rồi!”

*

Cấu đem cái xấu, cái ác về San Cha Chải rồi. San Cha Chải bình an, chó không lo giữ nhà, nhà không cần khóa đồng khóa sắt, chim dạn người, trâu không biết màu trắng, miền đất chưa vong thân như người nhảy một bước vượt rào, nẩy nòi ra thằng ăn trộm.

Kẻ trộm Cấu lẻo khoẻo, tiểu nhân lộ tướng, giờ đã có da có thịt. Đầu hói, mũi khoằm, mặt rỗ, mắt rần, bao nhiêu tình tướng ác nghiệt giờ hiện ra cả. Cấu thỏ vào không khí thanh sạch San Cha Chải mùi á phiện khai khai. Cấu ăn trộm quả bí, ổ trứng, con gà đang ấp. Cấu chen đường người đi chợ. Cấu đột nhập vườn cây tam thất nhà Mo Chúng. Cấu nhăm nhăm xấp tiền năm nghìn, mười nghìn buộc dây chuối Mo Chúng giấu trên gác bếp. Cấu thù ông vì ông biết quá nhiều về nó.

Cuối cùng cái phải đến đã đến. Buổi sáng ấy hiện ra trong tiếng người nhôn nhao và chó sủa hoang mang. Pao mở mắt đã thấy chị dâu dúi vào tay một túi lạnh đựng bột ngô đồ, giục: “Chú cầm đi ăn đường. Ra trụ sở ủy ban, anh Tủa đang cần gấp.”

Trụ sở ủy ban xã mái lợp cỏ ủ ề sương mây, sân đầy người, cửa ra vào nghẽn tắc. Trong nhà, Tủa, Trưởng công an xã, chễm chệ trên ghế. Dưới đất, Cấu áo rách xoa vai ngồi gục mặt trong hai cánh tay vòng qua gối. Cạnh Cấu, bà góa Cài váy lanh, áo hở cổ trắng nhều, má đỏ ửng, ngực nở phập phồng.

Tủa đập bàn, quát:

- A Cấu! Mày chưa chết đã thôi. Đã nghiệm hút lại không lo làm ăn làm mặc, chuyên đi trộm cắp của người. Mày như lông mọc trên da cũ. Mọi người cầm cày cuốc, kèn sáo, mày lại thủ trong tay con dao nhọn để đâm ông Mo Chúng. Ông Mo Chúng bị mày đâm hai nhát, may chỉ vào chân vào tay, nhưng tội mày vẫn đáng tội chết. Mày là ngọn gió độc đem dịch bệnh về đây, ta sẽ đưa mày ra huyện để mọi người biết cái tội của mày.

Bà góa Cài ngắt cái cổ nồn nà lên, nhể nhại:

- Giải nó ra huyện thì giải, nhưng đừng trói nó. Cái lý người Mèo nói: Đòi người Mèo bị sợi dây dính vào mình là hỏng hết rồi, anh Tủa à.

Tủa đứng dậy, bé choắt, đen sất, bước tới. Kéo Cấu đứng lên, quay ra cửa nhìn mọi người chứng kiến, Tủa đánh nhanh tia mắt vào khuôn ngực nở bông của người thiếu phụ đa tình, đoạn tùm tùm:

- Tình yêu biết vận cả lý lẽ để tự vệ, mọi người nên học tập. Còn bây giờ, chiều lòng cô Cài, tôi có lời giải độc cho nó đây.

Nói xong, đâm nhẹ một cái vào lưng tên tội phạm, anh Trưởng công an xã cao giọng, rành rọt như đọc thần chú:

- Từ nay mày không còn là người Mèo ta nữa nhé!

Đoạn chống tay lên sườn, hét to:

- Được chưa? Dân quân đâu, trói nó lại! Pao, dẫn nó lên huyện!

Đám đông ngoài sân, ngoài cửa rào lên một tiếng reo thán phục Tủa và dẫn ra cho Pao dẫn Cấu ra.

*

Đi sau Cấu là Pao chĩa khẩu CKC.

Trời mở bốn phương, tám hướng sáng choang như được một nguồn thần lực chiếu tỏa. Trần mây cao vút, vắt qua vắt lại những sợi mây trắng muốt, mảnh như lông đuôi ngựa. Vòm trời bát ngát như thửa ông Chày bà Chày mới làm ra đất ở chuyện *Đo đất đo trời* Mo Chúng kể. Đất rộng quá, nhờ nhái bén đo, nhái bén đo không nổi. Trời rộng quá, nhờ chim én đo, chim én đo không xong. Phải nhờ diều hâu. Đất trời rộng rãi quá, một mặt trời, một mặt trăng soi chiếu không đủ. Phải chẵn ba mươi cái mặt trời, phải đủ ba mươi cái mặt trăng. Đất trời bao la quá, Pao nhìn xuống chân mình, tự hỏi chẳng biết đi đôi giày nào mà lạc bước tới đây. Đất trời mênh mông quá, đòi người dài rộng quá, Pao ngỡ ngẩn tự hỏi, biết bao giờ mới hiểu hết mọi điều, mới trở nên khôn ngoan như anh Tủa của mình.

Pao thấy mình bé nhỏ và nhìn xuống chân núi xa mờ thấp thoáng cảnh tượng phố huyện, Pao có cảm giác như vừa từ xứ sở này bước sang xứ sở khác, lạ lẫm, khó hiểu vô cùng.

Cầu hoàn toàn không giống Pao.

Bị trói hai tay quặt ra sau mà Cầu phăm phăm bước. Gập dốc, chân toại, dít trệt đất. Cầu trượt từng đoạn dài. Sau mỗi khúc ngoặt, cái đầu mới gọt của Cầu lại nghênh ngáo nhìn trời. Có lúc lại dừng lại, hít hà thích thú vì chợt nhận ra một cảnh trí quen thuộc. Tới một vòng cua, nhìn thấy phố huyện nhấp nhô hình khối, lão quay lại hất hàm vào Pao, thân mật như bạn bè: “Pao, giá mà có một cái thang dây thả xuống thì có phải tiện không nhỉ!”

Lát sau, tới đỉnh một con dốc, Cầu bỗng dừng và quay lại nhìn Pao, nằn nì:

- Pao à! Bên trái ta là miếu Quan Âm thiêng lắm. Tay anh bị trói, nhờ cậu chặt một cây sậy khô đặt cạnh nơi thờ phụng hộ.

Bên trái đường là một hốc đá nhỏ, bên trong có một bát hương và ba cổ đá quàng vải đỏ tựa tựa hình người. Tục truyền, đó là miếu thờ Phật Bà Quan Âm. Ai qua đây, đặt cây sậy sẽ được Phật phù hộ leo dốc chân không mỏi, xuống dốc gối không chồn, đường xa gặp nhiều điều may mắn.

Pao nhặt hai cây sậy, một cho mình, một cho Cấu, đặt cạnh hốc đá thờ.

- Cám ơn cậu! Thôi anh em ta đi kẻo nắng. Con mắt đánh lừa thôi, chứ đường còn xa lắm.

Cấu nói và rảo bước đi trước, tự nhiên như kẻ dẫn đường. Pao theo sát lão. Lát sau, một già một trẻ chênh vênh bên bờ một vực sâu. Cấu ngoái lại:

- Cậu Pao này, cứ nghĩ một mình lại thấy buồn cười.

- Sao?

- Anh Tủa thì đen thui đen thui. Em Pao thì trắng hồng đẹp đẽ.

- Xì!

- Nói thật đấy. Cậu là giọt nước quý, là hạt bạc hạt vàng San Cha Chải. Tôi là con gái tôi mê cậu liền.

- Xì!

- Ô kìa, anh trai Pao ơi, anh trai không biết là các em Seo Say, Seo Mùa mê mẩn anh như thế nào à? Húi! Chẳng bù ông Tủa. Ông Tủa mấy cũng chưa đủ. Cả con mụ Cài của tôi nữa. Chà, nhất là cái Seo Say, uống chén rượu đầu của lão Mo Chúng say thế nào thì nó say anh như thế đó. Ồ, thế anh trai Pao là con gà trống thiên à? Nếu không, sao không thử một lần xem sao!

Mặt Pao nóng nóng. Cấu bịa chuyện. Lại chuyện trai gái tục tũ. Nhưng có chuyện nghe, đường xa cũng đỡ nản. Mặt trời đứng bóng, cái đói râm ran bụng, tới đoạn đường có cây mí

già rộp bóng, Pao dừng lại. “Nghỉ một tí.” Pao nói, đi cách Cấu hai bước chân, móc túi bột ngô, ngồi xuống.

- Này, ông Cấu, ngủ à? - Vốc mấy vốc ngô bột đút miệng, nhoai cổ nuốt, Pao quay lại, thấy lão già tựa lưng gốc mít, mắt gà gà, liền bước tới. - Há miệng ra, tôi bón cho.

Cấu mở choàng mắt. Cổ họng nhún một miếng nuốt. Rõ ràng là đói ngấu rồi. Đêm qua mò vào ăn trộm, rồi vật lộn với ông Mo Chúng, đã có gì vào bụng! Một, đói, lại đã nửa ngày đường, họa có sức ngựa dữ mới không lủ lả!

Cấu há mồm, thè lưỡi. Nhưng tay Pao vừa chạm môi lão, lão đã giật lùi, gục mặt xuống, rũ rượi:

- Tôi bằng đứa bé lên một rồi.

- Phải thế thôi. Cũng là tại ông thích làm kiếp già lừa ư năng, nhìn con mèo lại thành con hổ.

Ngẩng mặt lên, tắt ngay một ánh nhìn dò xét lướt qua mặt Pao, Cấu gượng gạo há mồm. Miếng bột ngô quện nước bọt đắng ngắt nghẹn ắng. Lão nhoai cổ nuốt:

- Thì tôi phải tự thô lấy tội thôi.

- Tôi không ngờ ông độc ác thế!

- Tôi xấu hổ lắm. Tôi biết tôi hư đồn từ lâu rồi, cậu Pao ạ.

- Hừ!

- Nhưng cậu cũng thông cảm cho tôi! Tôi bị con mụ góa nó quyến rũ. Tôi bị con ma nó sai con quỷ nó khiến. Tôi có muốn hại ông Mo Chúng đâu, thực tình là thế.

Nước ứa khỏi hốc mắt, Cấu đứng dậy, mặt giãn giật như là bị cơn tự thú giày vò. Hai tay bị trói, Cấu chỉ còn cách nhấc bả vai lên đập vào bên mặt mình. Mỗi lần đập là một lần rít qua hàm răng nghiền chặt tự rửa: “Cấu! Mày là người không tốt. Cấu! Mày là con chó thối!”

Pao vội chống súng đứng dậy, đưa tay xua xua, ngắc ngứ nghẹn hơi:

- Ông Cấu, không nên thế! Không nên thế, ông Cấu!

- Cậu cứ để tôi tự trừng phạt mình. Cứ để tôi khóc cho tôi nhẹ lòng. Tôi biết, cậu có thù oán gì tôi đâu. Còn ông Tủa, thực tình ông cũng chỉ ghen tôi với cô Cài thôi. Ồi!

Đang than vãn và tự xỉ vả, Cấu bỗng như giẫm phải gai, giật nảy người, thét to một tiếng. Vừa lúc, gáy Pao cũng bị một mũi kim nhọn hoắt xuyên thấu, nhói buốt tới tận đỉnh đầu. Nhìn sang, thấy Cấu há hốc mồm, mắt đảo thiên đảo địa, chân nhảy tành tạch, cuống cuống, Pao liền kêu to: “Ruồi vàng đấy! Chạy đi!”

Quanh Pao, quanh Cấu, đuổi theo hai người là những vòng bay vù vù. Lũ ruồi vàng làm tổ ở khu rừng vầu cạnh đường, vừa ngủ thấy hơi người đã bay ra, nhằm họ châm chích, hút máu, hút mồ hôi mặn.

Cấu trước, Pao sau, cả hai cùng tung tóe, hốt hoảng. Qua cánh rừng vầu, hết một bãi nương sè, tới một bờ suối lớn, hai người mới dừng lại và vừa thấy mặt nhau liền ôm bụng rụi xuống đất. Buồn cười lắm mà mệt quá không cất được tiếng. Cả kẻ tội phạm lẫn người áp giải đều như nhau. Cùng lem luốc, nhẽ nhại. Cùng lử lả như sắp đứt ruột mà chết. Cùng dị hình dị tướng vì sưng vếu, méo mó mặt mày. Nọc ruồi vàng ác hiểm quá. Pao bị nó chích một phát vào gáy, một phát vào cổ, ngứa ran, nóng bừng. Khốn nạn là Cấu. Hai tay bị trói, chạy đã khó, lại vô phương chống đỡ. Đâu có được như Pao còn có thể cởi áo, vừa chạy vừa văng áo đánh đuổi lũ ruồi ác. Đã thế cái đầu trọc giờ mới báo hại lão. Đầu lão, trước sau, trái phải nổi cục nổi hòn mừng tấy. Đau, buốt, nhức, ngứa, xót, lão

chỉ còn cách cọ lưng vào tảng đá bên đường và cắn răng nuốt nghẹn, để mặc nước rỉ rỉ chảy ở đuôi mắt.

- Ngứa lắm, hả ông Cấu?

- Ngứa!

Lọt qua giữa hai hàm răng nghiến chặt là một tiếng rít gió. Đau đốn, uất nghẹn, tủi nhục, đã có lúc Cấu nhảy dựng lên và hộc một tiếng kêu tắc nghẹn. Pao quay mặt đi. Pao chưa bao giờ gặp cảnh huống này. Chưa bao giờ Pao thấy một người già khóc tức tuổi uất hận như thế.

- Ông Cấu này, bây giờ tôi cho ông tắm một tí nhé!

Vừa nhướn hai mi mắt lên, Cấu vội cúi gập mặt, rầu rầu:

- Tôi sợ phiền cho cậu. Với lại, tôi bị trói thế này.

Pao nhìn dòng suối bên đường, nhìn quanh, ngần ngừ giây lát, rồi đi tới sau lưng Cấu, tay lần tìm nút dây trói:

- Ông Cấu! Ông đã ân hận. Tôi tin ông.

- Cám ơn cậu! Thân ong tự ngắt làm ba đoạn, tôi tự biết chứ!

Cấu nhảy ùm xuống suối. Lặn một hơi, Cấu ngoi lên, thấy Pao lăm lăm ngọn súng dõng theo, liền nhe hàm răng xin:

- Mát lắm, Pao ơi! Thật không đâu mát như nước suối quê ta. Tắm đi, cậu!

Pao lắc đầu. Cấu lại ngụp đầu, lại ngoi lên, kỳ cọ bả vai, xoa cổ, vò đầu, hít hà khoái trá. Rồi phớn, lão còn chúc đầu chống phộc người, trồng cây chuối, vẩy vẩy hai cẳng chân giờ ngược gọi Pao. Lát sau, thỏa mãn, Cấu bò lên bờ đá, ý tứ khum khum tay che hạ bộ, mặc lại quần áo, đi đến bên Pao:

- Cậu trói tôi lại đi! Rồi cậu tắm một cái đi cho mát mẻ. Xong, ta đi. Một thôi đường nữa là tới huyện rồi.

Thít vòng dây cuối cùng, thắt thật chặt nút trói hai tay Cấu, Pao chỉ tảng đá bên bờ cho lão ngồi, rồi ghéch khẩu súng

vào cạnh một bụi cây và cởi quần áo, tụt xuống nước. Nước mát lịm mời mọc. Pao vớt nước tấp lên mặt, lên tóc. Thích quá, Pao nhúi đầu xuống nước. Pao chìm hẳn xuống nước làm con rái cá. Hai lần như thế, ngoi lên Pao đều thấy Cấu giậm chân cười khàn khạch: “Lặn giỏi thế San Cha Chải chỉ có Pao thôi!”

Lần thứ ba, Pao nhô đầu khỏi mặt suối, đưa tay vuốt mặt, bỗng thấy hẫng con mắt. Chỗ Cấu ngồi giờ chỉ còn là tảng đá trống. “Ông Cấu!” Pao quát gọi, nhảy vọt lên bờ, nhấc khẩu súng và nổ một phát chỉ thiên. Núi vọng lại tiếng súng, tiếng Pao thét: “Cấu, lão đã lừa ta. Ta cho lão nợ một món to đấy!”

*

Lừ lừ hai con mắt im phắc như hai vết dao xẻ, Pao đến nhà bà Cài. Gọi bà góa ra, Pao nói thật chậm:

- Bà Cài! Ông Cấu hơi coi thường tôi. Nhưng tôi nói để bà bảo ông ấy: Nợ càng để lâu lãi càng lớn đấy!

Bà Cài vênh đôi gò má cao:

- Cấu với tôi thành người lạ rồi.

Pao lừ mắt:

- Bà cũng tưởng tôi còn là trẻ con, hử?

Pao lăm lì. Miệng ngậm. Mắt gườm, suốt ngày không mở. Soi trong giếng nước, có lúc giật thột, vội đưa tay lên rờ mặt: “Ai thế nhỉ?” Con người luôn xa lạ với chính mình. Con người luôn dao động giữa các cực căng thẳng. Chỉ có thể hiểu được nó bằng kinh nghiệm riêng, bí ẩn và sự từng trải cũng rất bí ẩn. Vì con người khó hiểu, khôn lường. Như anh Tủa đó. Anh Tủa được điều ra làm việc ở huyện, được đề bạt là phó công an huyện. Nghe nói anh sẽ xây nhà gạch ở ngoài đó. Rượu ngô của

Mo Chúng anh chê uống xống, giờ anh uống toàn rượu Tây. Anh lại tuyển cô Seo Mùa xinh nhất xã làm nhân viên văn phòng. Có người nói thấy hai người sống với nhau cùng buồn những ngày Chủ nhật. Anh Tủa chỉ mặt Pao quát: “Cái thằng ngu xuẩn, dái có to mà không có hột kia! Mày không bắt lại được lão Cấu thì mày thay nó mà vào tù.” Chị dâu bên Pao, bảo Pao không có lỗi, lỗi là ở lão Cấu, là do xã dung dưỡng lão quá lâu. Anh Tủa quát: “Bà là cái chỗ đồ xôi biết gì!”

Pao uất. Pao đến nhà thầy giáo Tính, gặp Mo Chúng ở đó. Mo Chúng đã chữa lành vết đâm của Cấu. Mo Chúng bảo: “Đừng lo! Cái gì sẽ đến nó khắc đến! Đừng sốt ruột.” Rồi ông thêm: “Cấu nó có lòng thành với Phật Bà Quan Âm nên nó được phù hộ đấy.” Pao ngắt ngang: “Sau lúc ấy, cháu như người bị mê.” Mo Chúng cười: “Thầy Tính và Pao biết câu hát này chưa: *“Mười tuổi tẩm không biết rét. Hai mươi tuổi yêu không biết mệt. Ba mươi tuổi bắt chim không cần nỏ. Bốn mươi tuổi giỏi buôn bán đường xa.”* Cháu muốn khôn trước tuổi à?”

Pao muốn khôn trước tuổi! Quên cả mối tình mới nở với cô Seo Say, ngày đêm Pao nung nấu ý chí thanh khoản món nợ với lão Cấu. Pao rình ở trước nhà bà Cài. Pao nấp ở nường nhà bà góa nợ. Lão Cấu không phải là con thú, không thể sống đơn độc một mình. Lặng lẽ Pao theo sau người đàn bà đa tình này đi chợ. Bà này địu trên lưng những cái ống điều, những cái gáo gỗ, những quả nhạc đuôi ngựa. Tay đàn bà không làm ra được những đồ vật này. Dõi theo bà này từ xa, thấy bà bán hết những vật dụng nợ, lại ra hàng may mặc mua hai bộ quần áo đàn ông. Pao chắc mẩm. Cấu chỉ quần quanh đầu đây, như kiến bò miệng chảo nóng thôi. Bạn bè Pao cười: “Pao à, cứ chui gầm giường bà góa Cài là bắt được lão Cấu đấy.” Lại có thằng thêm: “Nhỡ không phải lão Cấu thì sao?” Những đứa khác

nhao nhao: “Ai? Ai?” Pao biết, chúng ám chỉ ai rồi, mặt đỏ rần rần, Pao bỏ đi.

Một lần, có việc sang thôn bên, trở về đến đoạn miếu Quan Âm thì trời nhá nhem. Đang đi, bỗng vấp nhẹ, Pao ngẩng lên, liền thót người đứng ngay đơ, mặt đỏ dừ. Trời, ngay cạnh hốc đá thờ, một người đàn ông trọc đầu đang hấp hổi trên bụng một người đàn bà tóc xõa rối, váy áo tung tả, nằm trên thảm cỏ ngải. Sao lại làm tình với nhau giữa ban ngày, nơi đường đi lối lại? Sao Pao lại lỡ bước tới đây? Xấu hổ cho Pao quá! Quay ngược trở lại con đường vừa đi, Pao chạy trong mê. Qua cơn mê hoảng, Pao dừng lại, vì sức nhớ. Cái đầu trọc méo mó của người đàn ông sao giống đầu lão Cấu? Vội vàng, Pao quay trở lại. Tới hốc đá nọ, Pao sững người, lưng như sứt mất mấy đốt sống, mồ hôi toát đầm đìa. Người đàn ông đầu trọc đã biến mất. Cạnh hốc đá thờ chỉ còn lại bà góa Cài ngồi trên thảm cỏ ngải nhàu, cổ, mặt lấm tấm mồ hôi, vừa xốc lại váy áo vừa thông thả chải đầu. Cỏ ngải xanh bị chà nát bốc mùi tinh dầu thơm nồng nặng.

*

Khóm ngải tàn rồi khóm ngải lại xanh.

Câu hát hết rồi câu hát lại bắt đầu.

Thời gian đã đi qua bao lâu không nhớ, chỉ biết lại đến một hôm xóm thôn nhộn nhạo tỉnh giấc. Nhìn ra đường thôn, mình lại thấy: Cấu đi trước, hai tay bị trói quặt sau lưng, Pao đi sau, nách cấp khẩu súng kíp, má trái có vết xước rớm máu, mặt lì lì. Đang giờ vào lớp, học trò thầy giáo Tính chen đến cạnh Pao, líu tíu:

- Anh Pao ơi, anh bắt lão ấy ở đâu thế?

- Nó cào anh, anh có đau không, anh Pao?

Pao không đưa lão Cấu vào trụ sở ủy ban xã. Pao dẫn thẳng Cấu ra huyện. Coi như mấy năm qua vẫn là trên đường đi chưa đến đích.

Cấu đi trước, Pao đi sau. Cảnh lặp lại, nhưng không giống lần trước. Vì lần này qua miếu Quan Âm, Pao chỉ chống một cây sậy cho Pao. Hai người đi tắt không qua rừng vầu có ruồi vàng. Qua con suối lớn, Pao không dừng lại. Đường đi không có tiếng nói đi theo. Vì lần này Cấu còn có chuyện gì mà nói. Vì lần này môi Pao không một lần mấp máy. Pao đã lớn khôn. Pao nghiêm nghị ngẫm nghĩ. Pao cảm lạnh như núi đồi, như cảnh trí vô thanh.

Vô thanh cả trời đất, xóm làng San Cha Chải, vì từ sau hôm Pao áp điệu Cấu ra huyện, ba ngày qua, vẫn không một tin tức theo gió bay về. Một tuần sau, cũng vẫn vậy.

Thầy giáo Tính sang nhà Mo Chúng xoa xoa hai bàn tay, khấp khểnh:

- Hóa ra Pao nó rình ở nhà bà góa Cài, Mo Chúng ạ.

- Vậy à?

- Nó rình cả đêm như con mèo rình con chuột. Muỗi hút máu đỏ mọng cả hai bàn chân. Lão Cấu nửa đêm mò về, nó biết. Nó cứ để mặc. Gần sáng, lão này dậy mở cửa đi ra. Nó mới đưa tay ra tóm cổ lão, áp lão vào bờ tường: “Sao hôm ấy tắm xong ông đi đâu mà tôi gọi mãi không thấy về? Thôi, anh em ta đi kéo nặng.” Bà Cài chạy ra, tốc váy xong lại cào cấu Pao. Rồi kêu van: “Em đừng trói nó, tội nghiệp, Pao ơi!” Pao nói: “Tất cả là do trâu be muốn mang ách thôi, đừng trách oán gì tôi.”

- Pao là người có trí lự đấy! - Mo Chúng nói.

Thầy giáo Tính thêm:

- Hồi đi học, Pao là đứa hay xấu hổ, ít nói lắm. Một bận tôi cho cả lớp vẽ tự do. Pao nộp tôi bức vẽ một con chuột nhắt đứng run rẩy cạnh một khối hình tròn. Tôi hỏi: “Khối hình tròn là cái gì?” Nó đáp: “Thưa thầy, đó là phía sau lưng con mèo.” Con người ta nói thì không nhất thiết nhưng nghĩ ngợi thì nhất thiết phải có, Mo Chúng ạ.

Ngừng một lát, thầy giáo Tính cắn môi, gật gù:

- Sao đến giờ vẫn chưa thấy Pao nó về? Liệu có bị Cấu lừa lần nữa không? Sao tôi cứ lo. Cái xấu, cái ác, sao nó quỷ quái, nó khôn ngoan hơn cái tốt, cái đẹp.

- Không! Cái xấu, cái ác là cái ích kỷ nhằm hại người nên nó phải khôn ranh quỷ quái. Cái tốt, cái đẹp là cái hiền hậu. Nó là cái khởi thủy. Có điều nó phải chuyển động, để tự khôn lớn dần lên để trở nên có ích. Như thầy đấy. Mười năm thầy ở lại đây dạy học trẻ con Mèo rồi. Cái tốt, cái đẹp của thầy lớn lao, cái gì so nổi.

- Thế thì có khi huyện giữ Pao lại?

- Ừ, có thể là huyện giữ Pao lại!

Huyện giữ lại? Để làm báo cáo thật tỉ mỉ. Để Pao đi các nơi kể chuyện cho mọi người học tập, rút kinh nghiệm. Bọn cán bộ thường bỏ trốn, bắt lại chúng là một công việc rắc rối, phức tạp. Nhưng huyện giữ lại thì cũng có hạn thôi chứ. Hai tuần trôi qua rồi. Sốt ruột, chiều nào thầy giáo Tính cũng sang Mo Chúng nói chuyện và ngóng mong.

Thì trưa ấy, nghe tiếng nước rơi tành tạch ở giếng nước, thầy giáo Tính liền ngó ra. Cạnh giếng, một người trai trẻ, ngực trần, thân tròn trĩnh, dáng thẳng như cây thông nhựa, đang đứng trong màn nước trắng xóa từ chiếc gáo múc đổ ở trên đầu xuống. Lát sau, đặt chiếc gáo trên bờ giếng, người nọ đưa hai tay lên vuốt mái tóc rậm đen, ngửa mặt nhìn lên cao.

Trên anh, vòm trời xanh thăm thẳm cổ kính, như một linh hồn thanh tao ẩn mật lớn lao đang tỏa xuống xóm thôn San Cha Chải niềm ưu ái thật dịu dàng và nhân hậu thiết tha! Ôi! San Cha Chải, thế là sau một ngày leo dốc cật lực ta lại trở về với mình!

Thầy giáo Tính gọi tên người học trò cũ và chạy ra. Mừng quá, mồ hôi ướt đầm trán, thầy lấp bắp:

- Pao! Sao Pao đi lâu thế mới về? Sao lâu quá thế, Pao?

Pao khoác vội cái áo, chấp tay:

- Thưa thầy, em không biết tháng biết ngày, em tưởng không lâu.

- Lâu đấy, tôi có tính ngày. Pao đi từ ngày thứ Hai tuần trước.

Cảm động long lanh hai khóe mắt, Pao ngập ngừng, rưng rưng:

- Thưa thầy, em cảm ơn thầy vẫn dõi theo em. Em mong được thầy thông cảm. Vì suýt nữa em lại tủi hổ. Vì chả lẽ gạo ngon không có người nấu? Vì chả lẽ lại có chuyện người cầm cương, người cưỡi ngựa chống nhau hủ thầy? Em đưa ông Cấu ra huyện gặp anh Tủa em, anh Tủa em bảo: “Đề lâu quá năm năm, án thối rồi. Mà bắt nó làm gì! Lại mang tiếng là tao vì mê con mụ Cài mà ghen tức nó! Thiếu gì gái non mà tao phải dây vào con mụ nạ dòng. Vả lại, tao đang thiếu gì việc to lớn khác.” Thế là em phải đưa ông Cấu ra tỉnh. Ra tỉnh đi mất hai ngày đường. Hai ngày, không lâu, nhưng đường từ huyện ra tỉnh bằng phẳng nên mỗi chân quá, gần mà xa, xa mà gần là thế! Ô, thế là đã năm năm! Em qua tuổi hai mươi từ lúc nào, thầy ơi!

Nói hết câu cuối cùng, Pao liền bật khóc. Pao khóc tiếng khóc tủi hờn con trẻ. Người San Cha Chải mình nghe Pao khóc, nói: Đó là tiếng khóc lớn khôn của Pao!

DAO SẮC NHỜ CÁN

Nhắc cặp kính khỏi vòm mắt, bàn tay xương xẩu đập đánh chặt một cái xuống bàn, nhìn tôi, ông Thực bật reo khoái trá:

- Truyện này cậu viết được lắm. Một người con gái đẹp lấy chồng, đi khỏi chốn ấy thì đến cây cỏ cũng héo tàn chứ đâu chỉ có đàn ông ủ rũ. Chà, leo được lưng con hươu xanh rồi đấy, cây bút trẻ ạ. Văn chương là thế. Núi đâu có cần cao, nhưng cần có tiên đến ở. Nước đâu có cần sâu, nhưng phải có giao long vẫy vùng. Phàm vật loài gì cũng có linh thể bên trong. Như thế nghĩa là...

- Dạ.

- Truyện thì hay đấy, sắc sảo đấy, nhưng nói thật cây bút trẻ đừng tự ái nhé, mới chỉ là cái sắc, cái bén của lưỡi dao thôi. Của lưỡi dao thôi. Tôi nói thế, cậu có hiểu ý tôi không?

- Dạ...

- Thế tôi hỏi cậu nhé, dao sắc vì lưỡi hay sắc vì cán? Lưỡi sắc thì gọt được quả cam, rọc được tờ giấy, thái được miếng thịt. Nhưng như thế mới chỉ là bậc tiểu kỹ. Còn dao muốn đạt tới đại kỹ, tức phá được đá, chặt được đồng sắt thì dao phải dựa vào cán. Hiểu chưa?

- Dạ... dạ!

Tôi run rẩy thu nhận một hiểu biết siêu tâm. Nghề văn, chả ai dạy ai được. Nhưng phúc cho tôi, ngay từ mấy cái truyện ngắn đầu tay này, tôi đã được ông Thực hàng xóm để ý tới và nhận xét của ông vừa tạo nên phấn chấn vừa khơi dậy nỗi lo bời bời trong lòng tôi. Đường đi còn xa lắm đấy chú nhóc ơi! Và bây giờ đây tôi đang được ông dạy bài học nhập môn.

- Được chưa nào? Viết văn khó đấy. Bắt một con hổ sao nói là dễ được.

- Dạ.

- Nhưng đừng sợ, đừng nản chí, kể cả gặp kẻ ghét ghen, đổ ky. Nhà văn bị kẻ xấu bụng nó vùi dập thì cũng như hạt đậu bằng đồng, càng ninh nó càng kêu loong coong thôi.

- Dạ.

- Tài năng là uẩn súc, là không biết đâu là cùng. Tài năng như mặt trời tự phát sáng, như trái đất tự quay, tự kiểm chế theo quy tắc. Tài năng ở thể cheo leo mà không ngã, như trên lưng con tuấn mã. Còn con chó cắn càn. Tên lưu manh chửi bậy. Gã hàng xóm vay không trả. Kẻ đồng nghiệp phản trắc. Tất cả chỉ là những kẻ tiểu nhân, tức với nó thì tức cả ngày.

Những câu nói cuối cùng của đoạn thuyết giảng của chính ông lôi ông ra khỏi sách vở, và có lẽ vì vụn vào hiện thực đời ông nên ông linh hoạt hẳn lên và khi nói xong ông bật cười ha ha.

Ông Thực hàng xóm của tôi bật cười ha ha. Cười thật lớn. Thật sảng khoái. Lại có ý như tự nhạo. Và không thể ngờ bộ ngực lép kẹp như gián dơi của ông lại có sản phẩm là tiếng cười to như thế. Ông Thực có vóc người trung bình nhưng thân hình đạt tiêu chí nhà nho, nghĩa là gầy gù, mỏng mảnh lắm. Đúng ra ông chỉ là một khung xương bọc da. Mặt bộ ngựa. Mắt lơ đão. Tay chân xương xẩu rất máu là máu. Ruột non cắt nửa thuốc. Dạ dày cắt một phần tư từ hồi còn trai trẻ vì căn bệnh đau bao tử, giờ vẫn thi thoảng lại giở chứng hành hạ. Hành hạ mà chẳng làm gì nổi ông. Ông chẳng than vãn. Trái lại lắm lúc

làm ông nổi cơn ngạo nghễ âm thầm. Nhưng bây giờ, ông đứng dậy, như có ý bảo tôi về, rồi nói:

- Thôi, mặc như lôi chi, im lặng như trước khi nổi sấm sét, giữ tóc xuống mà viết đi.

*

Giữ tóc xuống mà viết đi! Giữ tóc xuống mà làm việc, mà trước tác, dịch thuật! Hình ảnh phác họa có phong vị cổ xưa nọ không ngờ lại hợp người hợp cảnh. Vào tuổi năm mươi tám, khuôn mặt bộ ngựa của ông Thực gân guốc, rắn rỏi thật hòa hợp với vầng trán cao và cái đầu to, tròn thu lu, thóp nhẵn bóng chỉ còn lơ phơ những sợi tóc dài, khi ông viết những sợi tóc ấy thường rủ xuống, chấm gần tới trang giấy.

Ông Thực dọn đến ngõ chúng tôi từ lúc nào thực tình tôi cũng không hay. Nhà ông là một túp nhỏ lọt ngôi, trát *toóc xi*, nằm kề bên con đường vành đai, giống như một con chạch, phân chia nội thành và ngoại thành. Nguyên xưa kia đất đó chỉ là nơi đổ rác của dân trong ngõ. Nhìn túp nhà sơ sài thấy nó giống một vật thể ngẫu nhiên ai đem đến vứt ở đó. Cũng có cảm tưởng nó là cái cây hoang mọc lên bất ngờ từ một cái hạt do một con chim bay qua để rơi xuống.

Đi không ai biết, về không ai hay, ông thui thủi một mình một bóng. Mãi sau mới biết ông là ông giáo vì thi thoảng lại thấy một đám học trò đạp xe qua lại, í ới hỏi đường. Đầu năm nay, bố tôi và mấy ông cán bộ hưu trí khác, tình cờ đọc được một bài báo nhỏ, mới biết thêm ông là nhà dịch thuật, biên khảo uyên thông đã có một quá trình dài lâu và công trình trước tác của ông thì thật đồ sộ, quý giá. Ông là tác giả của hàng chục cuốn sách khảo cứu về nền văn sử phương Đông, mà tiêu biểu là Trung Hoa. Người ta gọi ông là một nhịp cầu văn hóa. Đọc bài báo thấy tiếng tăm ông nổi như cồn. Nhưng

có cảm giác với ông đó chỉ là chút phù du nổi trên mặt nước, còn ông, ông vẫn là con cá kình nằm lặn dưới đáy nước sâu, phớt lờ mọi chuyện.

Từ đất miền Trung lắm sông nhiều núi, quê hương của gió Lào khắc nghiệt, ông ra Hà Nội học xong bậc đại học thì đi dạy. Hơn hai chục năm lăn lộn từ miền núi Lào Cai đến vùng biển Thái Bình, trong vai ông giáo, lúc dạy bổ túc văn hóa cho người lớn, khi bồi dưỡng năng khiếu cho lớp trẻ, ở đâu thì ông cũng một tấm lòng tận tụy và một kiểu sống: “Cư bất u, chí bất viễn, diện bất sâu, tư bất quảng”. Ở không nơi u tịch, chí khí sao cao xa, mặt không ỉu dột, nghĩ sao rộng lớn được! Giờ đây cũng lại một lối sống như vậy, ông về ở trong ngõ chúng tôi, trong túp nhà nhỏ sơ sài nghe nói là của mấy anh học trò cảm cảnh thầy góp công sức dựng cho. Cảm cảnh gì? Chả ai biết. Chỉ biết, đến đây ở, chỉ có một mình ông. Hộ khẩu cũng chẳng có nên ông vẫn bị coi là kẻ cư trú bất hợp pháp và thi thoảng, những người trông coi nền hành chính khu vực này lại đến hỏi han và làm rầy rà ông.

Không! Ông chẳng than vãn. Cũng chẳng giải bày. Ông cứ thông dong một mình một nết. Không hé lộ bản thân, ông như ngôi nhà đóng kín cửa. Ông là khối đá im lìm. Ôi, mấy chục năm trường đất nước trải qua bao biến động, như cha tôi vẫn thường than thở đó, mỗi người như hạt cát hạt bụi trong cơn gió lớn, số phận chìm nổi khó lường, gian truân uẩn khúc không ít, không nói thì thôi, chứ ai mà chẳng đầy bầu tâm sự vui ít, buồn nhiều, thậm chí oan khiên chồng chất. Thôi thì còn thiếu gì cảnh khổ sở hiểm nguy vì bom đạn chiến tranh, đói rét, khi bơ vơ không nhà không cửa, không nơi nương tựa, lúc ốm đau, mệt mỏi, trong túi không một đồng bạc lẻ. Cũng có lúc gặp phải kẻ trên mình đã ngu dốt lại hẹp hòi thiển cận, bị trù úm thở không ra hơi. Chẳng hiếm ngày phải sống với

thằng lừa thầy phản bạn giữa khung cảnh xu thời, cơ hội, gió chiều nào che chiều nấy phổ biến tới mức nghĩ thói tật ấy đã mang tính lịch sử và thời đại. Ấy là chưa kể thói đời đen bạc, những chuyện bội nghĩa bội tình đâu có ít. Cứ nghe lỏm những buổi cha tôi tâm sự cùng lớp bạn bè của ông: thì một gã trẻ ranh như tôi cũng thấy rằng, nếu không gào lên, tru lên như chó sói thì chí ít cũng phải cất tiếng kêu than, giải bày non nỉ cùng bè bạn tháng ngày.

Nhưng mà đã là con người thì làm sao có thể bưng kín mình được. Con chim cất tiếng kêu. Mùa thu bày tỏ bằng hoa cúc vàng. Trai gái yêu nhau biểu lộ bằng ánh mắt, nụ hôn, niềm tơ tưởng.

Trong nhà ông Thực, trên bức tường đằng sau cái bàn ông ngồi viết, dán một trang giấy dó lớn đặc kín các hàng chữ nhỏ viết kiểu chữ thảo, nét bút phóng khoáng, như phượng múa rồng bay. Đó là di bút của thân phụ ông viết bài thơ *Đề bích ca*, tức *Bài ca đề tường* tác giả là Hàn Tín, một danh sĩ đời Hán. Bài thơ có đại ý: Con người ta không gặp vận thì thôi. Chứ nếu đã gặp vận thì phải như chim loan, chim phượng, chim hoàng vũ cánh tung bay phỉ chí khắp bốn phương trời.

Bài thơ nói cái chí của ông? Hay nó còn vận được vào hoàn cảnh của ông? Ông đã vỗ cánh tung bay và khi không gặp vận, ông vẫn là kẻ giữ được sự thung dung an hòa?

*

Cha tôi tuổi kém ông Thực một giáp, cũng nho nhe dăm ba chữ và ham học hỏi nên hay sang ông hỏi han nghĩa lý sự việc và dốc bầu tâm sự. Một lần, buồn bực vì đang đảm nhiệm chức phó giám đốc ở một trung tâm văn hóa lại gặp phải kẻ

trên mình hống hách, giở trò yêu ma, gây chuyện lăng mạ, rấp tâm hãm hại nên rất khó chịu, bèn đến thổ lộ nỗi lòng và hỏi ông nên xử sự thế nào.

- Nhấn nhục phụ trọng! - Ông đáp. - Phụ là gánh vác. Trọng là gánh nặng. Anh hiểu chứ? Làm quan là để gánh vác việc nặng. Tư cách người làm quan là vậy. Vì mục tiêu là làm ích quốc lợi dân nên phải biết nâng cao mình hơn sự xúc phạm.

Nâng cao mình hơn sự xúc phạm? Hay chính ông là biểu tượng của tư tưởng cao quý này trong hình ảnh giữ tóc xuống mà viết của mình? Giữ tóc xuống mà làm việc, mà làm điều ích quốc lợi dân! Vì bọn ý thể cường quyền giẫm đạp lên phẩm giá người khác thời buổi nào chẳng sẵn như ruồi. Tức với nó thì cũng như tức với con chó cắn càn, tên côn đồ chửi bậy. Tức mà làm gì!

*

Làng quê ông có tên là An Hòa. Nó ở cách thành phố V hơn hai mươi cây số ngược lên phía tây. Từ làng ông nhìn ra phía trước, cách khoảng một cây số đường chim bay là làng Yên Lạc. Chếch một chút là những làng Đồng Thuận, Lạc Viên, Nhân Ái. Thuần những tên làng mà nghe ngân nga nguyện vọng một đời người. Nguyện vọng ấy được thể hiện ở các buổi lễ kỳ yên được tổ chức trong một ngày đẹp trời vào dịp đầu năm. Chẳng cầu kỳ, tốn kém mà sao vẫn thành kính, thiêng liêng thế! Người con gà đĩa xôi, người be rượu, người choẻn cau, góp lễ đặt trên bàn thờ, dưới bầu trời sao lung linh, ông nội ông trong vai chủ lễ, rung rinh trên tay tờ số viết đầy chữ nho, xuyết xoạt khăn vái, khấn cầu xin thần linh tiêu trừ tai họa, sâu rầy, dịch tễ, thủy hỏa đạo tặc, phù hộ cho mưa thuận

gió hòa, hòa cốc phong đăng. Thuở ấy đâu đâu cũng chữ Nho, chữ Nôm. Cổng làng, đình làng, miếu mạo, quán xá, từ đường, văn chỉ, mộ địa. Trong nhà thì từ hoành phi, câu đối, bình phong, đến cái bát, bộ ấm chén. Ngoài nhà thì thậm chí đến cả cái cầu ao cũng là lời cầu mong an cư lạc nghiệp, tiết sạch giá trong, tài cao đức lớn. Thuở đó, tóc để chỏm, ngày ngày bọ rạp trên chiếu, hết tập tô sao cho một đường bút mà kín hết nét son viết làm mẫu của thầy, lại lải nhải hết “Khổng Tử viết” lại “Sách *Kinh Thi* có câu”. Trong khi bên cạnh là ông nội, tay cầm roi mây, mắt thâm trầm và nghiêm nghị: “Cháu phải nhớ, trong *Luận ngữ* có năm mươi tám từ nói về điều nhân, còn Đức Khổng Tử nói tới điều nọ những một trăm linh năm lần. Học tập là nếp nhà. Vì “ấu bất học, lão hà vi”, trẻ không học, già làm nổi cái gì.” Ra rả suốt ngày, hết Hiếu Vấn, Dương Hóa, Tử Trương lại Tử Lộ, Nhan Uyên, Ung Dã, Tư Hãn... Từ chưa hiểu đến hiểu lơ mờ, rồi thấy hun hút như cái giếng sâu chứa đầy điều bí ẩn lý thú và thâm thúy đã trở thành người thầy lớn nhất, cho mỗi điều hay lẽ phải biến thành bản ngã của mình.

Tự học đã trở thành gia phong, trở nên nếp nhà. Ngẫm ra tự mình khai phá con đường học vấn chính là cách học đến nơi đến chốn của các bậc danh gia. Học hành là cơm ăn nước uống hằng ngày. Nên ngồi bên bàn trà lúc rỗi rãi là cha lập tức chấm ngón tay vào chén nước, viết ngay vài chữ lên mặt bàn. “Đây là chữ “hồi” có nghĩa là về. Còn đây là chữ “khuy”, có nghĩa là nhìn trộm, con hãy nhớ lấy.” Dắt con đi chơi, gặp con chim sẻ, cha chỉ cho con xem, giải thích cho con hiểu vì sao người đời lại ví nó như kẻ tiểu nhân. “Trong câu: Kinh Kha để “chủy thủ” dưới bản đồ mưu sát Tần Thủy Hoàng, khi dịch ra tiếng Việt phải để nguyên từ “chủy thủ” chứ không thể dịch là “dao găm” được, con à.” Cách dạy gọi là huấn hổ, cử tử, nôm na gọi là học thuộc lòng này giờ đây đang bị quan niệm giáo dục hiện đại

mới chê bai hết lời, có biết đâu chính từ cơ sở nọ mà một nền học vấn và nhân cách đã được tạo lập. Một nền học vấn được tạo lập trên nền tảng tôn sư trọng đạo, coi người dạy ta một chữ là thầy ta, người dạy ta nửa chữ cũng là thầy ta. Một nền học vấn có móng nền vững chắc xây cất trên đó cái mộng ước góp sức để có được một xã hội trong đó “lão giả an chi, thiếu giả hoài chi”, người già được yên vui, trẻ nhỏ được săn sóc; trong đó, bằng hữu tin cậy nhau, người học rộng biết nhiều phải dốc hết chí khí giúp đời, điều sâu sắc nhất là điều ở trong có chữ nhân, phép biện chứng cuộc sống là nhận ra “thực giả hư chi”, trong vật có linh thể, linh hồn, xa rời nó thì tầm thường, khô cạn ngay; và ước ao của con người ta là nước nhà yên ả, mọi người được thông dong, thư nhàn.

*

Suốt cả mùa đông năm ấy, đóng cửa lại, quán mình trong cái mền bông, tay trái ôm bụng nén cơn đau âm ỉ của cái bao tử muốn giở chúng, cảm lạnh như sấm sét chưa nổ, ông Thực ngồi viết sách.

Nghiêm cần và cao quý thay, công việc của người trước tác, dịch thuật. Bởi vì có những cuốn sách thiêng liêng như lời của một đấng tối cao, để biên khảo nó, hoặc chuyển nó từ ngôn ngữ nước ngoài sang tiếng mẹ đẻ, cần đến không chỉ là trình độ kiến thức uyên bác, ngôn từ xảo diệu mà còn cả đức tin. Công việc lao động hao tâm tổn sức ghê gớm! Vì ngay công việc dịch thuật cũng không thể coi là đơn giản. Vì ngoài công sức mang tính cơ học thuần túy là chuyển đổi ngữ nghĩa sang cách thể hiện khác, còn là tạo nên một giá trị, nên không thể chỉ dựa vào sự học tập đơn thuần ở sách vở, trường ốc. Công việc dịch

thuật chất chồng thường được bắt đầu bằng cảm hứng sáng tạo. Khác chẳng, so với nhà văn sáng tác là trong khi tạo ra cuốn sách đó ông phải tuân theo một số quy tắc và chịu một số hạn định, vì cuốn sách của ông sẽ phải tương đồng với một cuốn sách khác đã có và được viết bằng một ngôn ngữ khác. Tương đồng, nhưng cuốn sách của ông vẫn là một sáng tạo mang tính độc lập, có cuộc sống riêng và có quyền lực riêng!

Xuất thân, quên mình trong say mê sáng tạo, đã có lúc ông Thực không biết đến xung quanh. Tuy nhiên một mình một bóng cặm cụi mà ông không có cảm giác cô đơn. Trái lại, ông thấy ấm áp và như là được liên tục tiếp sức. Ấy là bởi vì trong nhà ông lúc này đã có thêm một người, một phụ nữ. Trạc bốn mươi, vai hẹp, hông nở, ngực lớn, sung mãn tốt tươi, người phụ nữ này có phong tư văn vẻ, lộng lẫy, đài dè khác thường. Gương mặt tròn mĩnh như chiếc lá khoai, chị ẩn hiện mình qua hai con mắt phượng lúng liếng, đôi mày cong lá liễu và đôi môi mọng chín đỏ. Chị là sự xáo trộn giữa chất liệu e lệ tươi vui của thiếu nữ măng tơ và tính nữ phồn thực dồi dào của đàn bà thuần thực đường phong tình.

*

Mới đến nhà ông Thực chưa đầy tuần lễ, người đàn bà đẹp vừa phong lưu đài các vừa phảng phất vẻ lẳng lơ tơ tình này đã cho cả ngõ xóm biết tên tuổi, tính nết, khẩu khí mình; nói cho đúng, chị tạo nên một cơn xung động ở cái ngõ phố bấy lâu hiền lành, yên ả và ngưng đọng, buồn tẻ này.

- A, tôi đang đi bán dưa lê, bê dưa bở, lê la trò chuyện với cô bạn tôi ở Nhà xuất bản Văn chương thì gặp ông ấy đến lấy tiền nhuận bút. Thế là ông ấy xoắn xuýt lấy tôi, rồi ông ấy mời

tôi về đây đấy chứ. Con bạn tôi nó bảo: “Thôi, tao *bờ ra xin* mày, vừa vừa thôi kéo lão ấy ra tốp đấy.” Nghe nó nói vậy, tôi đã định *e lờ* đi rồi. Nhưng ông ấy lại năn nỉ: “Loan à, anh đang cần một người đàn bà...” Đàn ông không cần đàn bà thì cần con chó cái à? Hí! Xem ra chữ nghĩa bề bề thì cũng vẫn vậy thôi.

Bằng thứ ngôn ngữ dung tục và những biệt ngữ chợ búa, chị tự giới thiệu xuất xứ của sự kiện. Và công việc đầu tiên của chị khi đến nhà ông Thực là gọi một con bé mua giấy cũ đến. Sách báo, giấy tờ thải loại của người làm sách lưu cữu cả chục năm nay chồng đống chất ngất đầy hiên nhà.

- Này, con lỗi kia! - Chị quát con bé mua giấy cũ. - Sơn ăn tùy mặt, ma bắt tùy người. Bắt nạt lão già thì được chứ đừng có qua mặt tao. Muốn sống muốn tốt thì cân đi, và nôn ra đây, đúng hai ngàn một cân. Đưa tao xem cân. Mày mà cân điều thì chết với tao!

Hai ngàn là giá kịch trần, đem bán lại cho các đầu nậu, con bé hóa ra làm không công cho chị, vậy mà nó cũng đành chịu ép. Tiếp đó, chị lục lọi, tìm từng bài viết trong sách báo của ông, gạn hỏi ông số tiền nhuận bút ông được lĩnh. Được lĩnh rồi thì chị hỏi: Nó đâu? Chưa được lĩnh thì chị đích thân đi truy hỏi.

Ôi! Những câu chuyện vặt vãnh, dung tục, cái sắc điệu đa tạp suông sã đời thường! Bấy lâu nay nó ở đâu, giờ mới trở về lay động bầu không khí học thuật trang nghiêm ở nơi này và tạo nên cơn náo hoạt sôi động vừa vui vẻ vừa phồn tạp ở mảnh đất này.

Chưa đầy tháng, người phụ nữ trẻ đẹp nọ đã quen biết suốt lượt đám dân cư ngụ ở ngõ phố này. Đầu tiên là các bà hàng quà và từ họ là những câu chuyện ngổ lê đôi mách. Ăn quà như mỏ khoét, nhưng khéo tay hay con mắt. Chị đến hàng nào

là hàng ấy gặp duyên may. Chả ông bà nào lọt qua mắt chị. Chị biết đến củ tĩ âm ti tính tình, gia cảnh, đặc biệt là quan hệ tình ái của đàn ông, đàn bà trong ngõ này. Ấy đấy, cái lão Chiền ở đầu ngõ lẻo khoẻo lẻo khoẻo cò hương vậy mà phải hơi vợ, đổ có xa vợ được một đêm. Còn cái gã võ sĩ tên Lục chiếm giải quán quân, thể hình to đẹp như tượng đồng lực sĩ Hy Lạp thời cổ đại kia ở cạnh nhà chị hóa ra là thằng cha vô tích sự; về đường tình ái lão hoàn toàn lực bất tòng tâm. Lão thâu khoán nợ ba vợ. Thằng cha tài xế xe tải chạy đường Tây Bắc kia ấy ba lần bóp cổ bố mà bố không chết vì anh con rể phát hiện kịp thời. Nhà nợ có cái dóp uống thuốc sâu tự tử. Mụ chủ của hàng kính nhôm ấy lớn bùi bé mềm, ngủ cả với bạn con, quái tởm khác gì thằng cha chủ đề ở giữa ngõ, ngủ với con vợ đã bỏ cách đây năm năm, như thế gọi là vợ bỏ còn mó l. theo đấy.

Chị vắn bẻ người thu tiền điện thoại cả tiếng đồng hồ, chỉ vì tháng ấy bỗng dưng tiền trả vọt lên gấp rưỡi. Có một anh cầu thủ bóng đá nhờ chị mối lái mua được một căn hộ trong ngõ, giá một trăm cây, cảm ơn chị, anh nợ biếu chị cân nhãn. Chị ném trả lại anh ta, nhất quyết đòi anh ta phải chi hoa hồng cho chị một phần trăm. “Thôi thôi, Loan ơi, một sự nhin chín sự lành em ạ.” Nghe ông Thực nhắc nhở khuyên can, chị trưng mắt, giã dụn. Ấy là vụ chị xung sát quyết liệt với nhà người hàng xóm. Nhà người này phá căn nhà cũ, xây căn nhà mới ba tầng. Chị nhất quyết bắt họ bịt cái cửa sổ ở bức tường giáp nhà ông Thực. Cãi chửi nhau suốt một tuần. Chị đi đâu lôi về cả một xấp luật lệ, gi vào mặt nhà nợ, rít róng: “Mở cửa sổ để đêm nhìn lão già nó đè tao, hở?” Chị chửi nhà hàng bún ở sau nhà ngày nào cũng cứ ba giờ sáng là bật đèn làm hàng khiến chị không ngủ được. Trước cửa nhà ông Thực nhiều hôm bốc mùi khản khản. Chị rình mò, bắt được quả tang một ông già đái bậy. Và cuộc đấu khẩu giữa đôi bên, bên cáo buộc gay

gắt, bên cù nhầy ba bữa, kéo dài suốt một buổi sáng, khiến ông Thực sáng ấy không viết nổi một trang sách nào.

Cái ngộ buồn tẻ hóa ra là một thế giới tạp vật, đa sắc và lắm chuyện quái kiệt. Những chuyện ấy ông Thực chưa hề biết và ông có cảm giác, từ ngày người phụ nữ trẻ nọ đến ở với ông, chúng mới phát sinh ra. Thậm chí có cảm giác chị là người tạo ra chúng. Ở đâu có chị thì tạo ra ở đó một trường lực, một khung cảnh tương hợp với tính tình, phong thái, sở thích mình.

Sau cái cau mày khó chịu về tất cả những gì đã xảy ra là nỗi ngờ ngợ và tiếp đó, người trước tác già buông bút, vuốt tóc ngẩn ngơ. Gia nhập vào cơ cấu gia đình, người phụ nữ tươi đẹp này lập tức bộc lộ nữ tính mạnh mẽ của mình, nhưng chả lẽ chị chỉ thuần túy là cái tạp nhạp, sàm sỡ, thô phàm, đối lập hoàn toàn với ông, hay trong sâu xa chị còn biểu thị cho tự nhiên, chân lý, dẫn dắt con người đến với nhân tình thông tục, cái nền tảng, căn cốt của đời sống con người? Thì chẳng phải từ ngày có người phụ nữ này ở bên, ông bỗng như gia thêm hưng phấn, dồi dào thêm năng lượng, sắc bén mạnh mẽ như lưỡi dao có được chỗ tựa là cán dao đó ư? Chẳng phải là cùng với cơn lốc của niềm say mê sáng tạo, ông còn bị cuốn vào dòng thác lũ ngập lụt của cơn mê đắm ái tình tạo nên từ chị? Người đàn bà trẻ này mang nữ tính nồng nàn hơn tất cả mọi người đàn bà. Ôi, cái đời sống tình ái muôn đời xanh tươi! Thân xác ông là cái mảnh ruộng cằn khô, kiệt lực đã gặp người đàn bà là trận mưa xuân tưới nhuần. Dòng ái lực của ông được chị khơi nguồn, dẫn dụ, bỗng dạt dào tuôn chảy như suối nguồn thời trai trẻ. Ông nhận ra sự sống ở dạng song trùng; ngọn lửa cháy trong ông là hợp thành từ hai ngọn nguồn hòa quyện vào nhau, kích thúc nhau để cùng bốc cao ngùn ngụt: lòng ham mê sáng tạo và niềm ái dục vô bờ. Và như vậy, cơn tức hứng đã tới vạch xuất phát, trở thành bột phát của ý chí siêu phàm, các ý tưởng

lập tức biến thành con chữ, đổ ào ạt xuống hết trang giấy này đến trang giấy khác.

Giữ tóc xuống mà viết, ông Thực như bị lôi cuốn vào cơn cảm hứng bất tận với bao bồi hồi và những dự cảm lớn lao!

Tuy nhiên, chiều hôm ấy bỗng dưng ông đã phải buông bút. Đã tháo sức nên đến lúc suy cạn? Hay đã là cơn thiêu thân khi lẫn lóc quá lâu trong nhịp sống đa dục? Hay lao lực tạo cơ hội cho bệnh tật ập ủ đâu đó trỗi dậy? Hay tác nhân chính là người phụ nữ nọ, thái quá bất cập, những xúc động đã quá ngưỡng chịu đựng do chị gây ra, đã khiến căn bệnh đau bao tử của ông tái phát? Đau quá! Đau như có dao cắt, có dùi đâm trong ổ bụng. Đau quặn thắt, đau vã mồ hôi, đau không thở được, đau đến bập rảng vào thành ghế mà cũng không đỡ, đau đến mức muốn chết đi cho rồi. Cơn đau đột ngột tới từ lúc người phụ nữ nhắc ống nghe bắt đầu đàm thoại với một người đàn ông ở đầu dây đằng kia và càng đau dội lên trong tiếng nói chen lẫn tiếng cười chót nhả, vui vẻ vô tư của chị.

- Còn lâu nhé! - Người phụ nữ thản nhiên tiếp tục câu chuyện đang dang dở trong điện thoại, sau khi đã ngừng lại giây lát, nhìn ra buồng ngoài thấy ông Thực vì cơn đau đột ngột vừa gục mặt trên bàn viết. - Đâu có! Lão hói chưa thành bã đâu! Vì lão không thuộc nhóm máu dê như anh. Bất quá như chuột ngoáy lọ mỡ thôi. Ham công tiếc việc lắm. Với lại, em chăm sóc lão như vỗ lợn giống. Tam thất mật ong ăn đều. Vừa trắng dương ích khí vừa phòng bị bệnh dạ dày tái phát. Anh hỏi gì? Em ấy à? Vẫn thế thôi. Cả tháng, cả năm không động chạm đến cũng được. Mà liên tục cả đêm cũng được. Ừ giờ! Chỉ nói phét! Chắc là “nộp thuế” cho con mụ lác rồi, hả? Nghe giọng nói thấy có vẻ lủ lủ lủ. Liệu có được thành “dùng sĩ ba mươi giây” không? Được! Được! Cứ thuê buồng đi! Cho thủ đấy! Đây, ở ngõ này có một lão già lẻo khoẻo lẻo khoẻo mà

phải hơi vợ, đúng là loại đêm bảy ngày ba vào ra không kể nhé. Có biết lão gạ em thế nào không?

- Thôi! - Quay cổ lại, đập tay xuống bàn, ông Thực quát trong giận dữ và đau đớn, rồi ngã lăn chiêng xuống đất.

*

Ông Thực nằm ở bệnh viện K nửa tháng thì về. Căn bệnh ung thư dạ dày kịch phát may được kịp thời phẫu thuật. Ông đã được cứu sống. Cái dạ dày chim sẻ của ông do đã cắt một phần từ hồi còn trẻ, nay gần như không còn. Bây giờ, miếng ăn phải tính từng phân, miếng uống phải tính từng lạng. Một ngày phải ăn tối sáu bữa nhỏ, nhưng kỳ lạ, trông ông vẫn không nhận ra sự hao sút nào.

Không có sự hao sút nào ở sức lực ông Thực!

Ông trở lại dần dần nếp sống thông dong, tự tại như trước ngày phát bạo bệnh. Ông lại ngồi vào bàn và giữ tóc xuống viết!

Mùa đông và mùa xuân ấy ông viết xong sáu cuốn sách, mỗi cuốn dày chín trăm trang. Tính ra, bình quân một tháng ông viết xong một cuốn. Một ngày ông viết ba mươi trang chữ. Một bút lực trai trẻ cũng chưa chắc đã làm được như thế. Sáu cuốn sách khảo cứu ấy theo đánh giá của giới chuyên môn đáng đứng ở vị trí đầu bảng cho những ai muốn hiểu biết về nền văn hóa phương Đông. Nhiều người nói, sáu cuốn sách ấy đủ để làm nên danh giá một sự nghiệp, một đời người.

Thật là một sức làm việc kinh dị, vượt trên lẽ thường!

Xuân qua, hạ tới. Ngồi vào bàn ông lại giữ tóc xuống tiếp tục viết! Và hình như chẳng có gì xảy ra cả, mặc dầu trong nhà lúc này không còn thấy bóng dáng người phụ nữ tươi đẹp lảng

lơ nọ. Người phụ nữ ấy đã ra đi đúng lúc ông vào nằm viện. Nghe nói chị đã lấy đi toàn bộ số tiền mặt và số vàng ông có, tổng cộng gần hai trăm triệu đồng. Nghe nói thôi. Vì chẳng thấy từ miệng ông thốt ra một lời ca thán nào, kể cả lúc ông sang nhà tôi, trò chuyện với cha tôi.

Mãi về sau tôi mới được biết, người phụ nữ nhan sắc lộng lẫy và phóng đãng ấy là người trong giới giang hồ, chị nguyên là học sinh cũ của ông. Ông yêu chị từ lúc chị mười sáu tuổi, học lớp mười, nổi tiếng là phong tình. Và cứ như thế đấy, đến ở với ông ít lâu gặp khi ông gặp trắc trở, chị lại bỏ ông đi. Ông chẳng giận chị. Cũng như bây giờ ông vẫn yêu chị. Với ông, đã là tình yêu thì không thể có bất hạnh! Tình yêu của đàn ông với đàn bà một khi là thật sự thì chính là dao có cán. Cũng như là núi có tiên, là nước có giao long, là cuộc sống có linh hồn, căn cốt. Phải thế chẳng mà ở bức tường sau chỗ ông ngồi, bây giờ cạnh bài thơ *Đề bích ca* di bút của thân phụ ông là hai câu thơ của Văn Thiên Tường, danh sĩ đời Tống, do chính tay ông viết, nét bút thật chân phương, ngay ngắn:

Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh.

Thủy bất tại thâm, phục long tắc linh.¹

1/10/2001

1. Có nghĩa là: Núi chắc cốt ở độ cao, có tiên ở là nổi tiếng. Nước đâu cốt ở độ sâu, có rồng ở thì ắt thiêng.

CUỘC ĐẤU CỦA GÀ CHOI

Tom, người Mỹ, ở bang Ohio, mười tám tuổi, sang Việt Nam học tiếng Việt, qua năm thứ hai, dần vốn ngôn ngữ nước này đã đủ giao du, thường hay la cà phố xóm Hà Nội. Bữa ấy, sau khi đi thăm Văn Miếu - Quốc Tử Giám, một trường đại học cổ xưa nhất của nước Việt, thấy kiến đã bò bụng, liền rẽ vào một quán bún chả. Hát hàm vào cô chủ quán, Tom búng tay điệu đà, chỉ vào lưng một người thấp mập ngồi bên cạnh đang cầm cúi xuyt xoạt:

- Cho một suất bún chả bốn nghìn đồng như anh này nhé!

Cô hàng bún chả mập mập gật đầu kêu: “OK!”

Người được Tom chỉ vào lưng nghe Tom nói, ngừng ăn, quay sang, lừ lừ hai con mắt, nhếch mép, giọng đầy vẻ khinh nhờn:

- Hừ! Thành người Mỹ! Mà biết tiếng Việt khá đấy. Nhưng cao to như mày phải ăn suất năm nghìn, chứ sao lại bốn nghìn?

- Đâu có! Bốn nghìn thôi!

Tom lắc đầu, giơ bốn ngón tay. Rồi đón đĩa bún, bát chả, rổ rau ghém, cầm đũa cúi xuống xì xụp. Loáng cái, một sợi bún, một lá rau, một tí cặn nước chấm cũng không còn. Cuối cùng, chùi mồm, rút túi áo lấy tờ bạc năm nghìn đưa cho cô chủ quán, miệng nói: “Cho hai miếng Vinataba”, lại còn khôn ngoan giơ hai ngón tay làm hiệu, như là sợ bị hố.

Thấy Tom cắm một điều thuốc vào miệng, người thấp mập ngồi bên cạnh từ nãy vẫn nheo mắt dõi theo Tom, vẫn là thái độ người bề trên chiếu cố kẻ dưới, rút chiếc quẹt ga bật lửa cho Tom mồi thuốc. Thở khói qua hai lỗ mũi, Tom gật đầu nói “cám ơn” và nhìn người nọ. Bấy giờ mới thấy người này mặt vuông vức, mắt một mí nhưng cái cười vẽ hai nét ngoặc bên miệng biểu hiện tuổi đã không còn trẻ, Tom liền rụt rè:

- Xin lỗi, cho tôi được gọi là chú. Vì sao chú cười tôi thế? Chú tên là gì, cho tôi biết để dễ nói chuyện được không?

- Tao cười vì thấy mày ngộ quá. Kể ra mày cũng là thằng rần mặt thật đấy nhỉ! Tên thường gọi của tao là Tít. Tao làm nghề gác chắn xe lửa ở gần ngay đây thôi.

Cô chủ hàng nhìn người tên Tít, rồi đánh tia mắt sang Tom, cười hích hích:

- Tiết kiệm hơi quá mức, không khéo thành ki bo đấy. Nhưng ăn thế có đủ no không? Sao bảo người Mỹ giàu nhất thế giới cơ mà?

Tom lắc đầu, lúng búng giải thích rằng, không phải là tiết kiệm, không phải là ki bo đâu. Không phải người Mỹ nào cũng giàu. Với lại ăn bún với chả thịt lợn nướng chỉ một suất thòm thòm như thế mới ngon miệng.

Người tên Tít đã quay hẳn lại, hất hàm:

- Thằng này khôn. Thế mày có thích ăn bún xáo chó không, hả Cá Bống?

- Ô, chú đặt tên cho tôi đấy à? Con chó là bạn của con người sao lại ăn thịt nó, chú Tít?

Đấm nhẹ vào vai Tom, chú Tít cười nửa miệng, bấu bấu cái môi dưới:

- Lý sự vớ vẩn! Hế, tao đặt tên cho mày là Cá Bống đấy! Thế tại sao chúng mày lại thích ăn bít tết ngựa, hả Cá Bống?

Tom ngẩn mặt:

- Tên tôi là Thomas Edison, nhưng mọi người thường gọi là Tom. Tại sao chú lại gọi tôi là Cá Bống?

- Thế thì cũng giống tao. Tít là ấu danh của tao. Còn tên trong khai sinh là Lê Hùng Cường kia. Mày chưa trông thấy con cá bống à? Đầu mày mum múp giống như đầu nó. Nó khôn lắm, bằng mày đấy, Tom ạ.

Ha! Cá Bống ngựa cổ cười khoái trá, nhưng khôn ngoan chẳng vừa, lập tức ngậm miệng, soi hai con mắt xanh vào hai cẳng tay chú Tít, trả miếng tức thì:

- Thế thì tôi phải gọi chú là Sẹo Tay.

- Sẹo Tay?

- Vâng.

Lần này thì chính chú Tít bị bất ngờ. Nhìn hai cẳng tay mình lằng nhằng vết sẹo, chú phải công nhận thằng Mỹ này tinh quái, đáo để. Chú giải thích, đó là do chú luyện gà chọi. Luyện gà chọi? Cá Bống trố mắt, có vẻ không tin. Luyện gà chọi mà đến nông nổi ấy, mà sẹo to sẹo nhỏ nhằng nhịt cả hai bắp tay dưới? Nhưng mà chú Tít đã nói rồi. Thì ra chú rất thích chơi gà chọi. Chú làm nghề gác chắn xe lửa. Trước năm phút tàu chạy, kéo cái rào chắn, đóng hết các lối đi. Tàu chạy qua, đẩy cái rào trở lại chỗ cũ. Công việc đơn giản. Làm mười hai tiếng xong, được nghỉ liền một mạch hai mươi tư giờ. Con người bách nhân bách tính. Rồi rãi, người chơi thể thao, kẻ đánh cờ, lại có ông viết văn làm thơ, bà vẽ tranh nặn tượng. Chú Tít chỉ thích chơi gà chọi. Trò chơi này, từ thời vua Hùng dựng nước đã thịnh lắm. Sử sách còn ghi, mười tám đời vua Hùng, đời nào nhà vua cũng dạy dân cách hồ gà, lập các sới

rèn gà, đề ra luật chơi, tổ chức đấu chơi, nâng con gà bới nhặt quần quanh lên tầm đấu sĩ có trình độ công thủ cao cường. Ôi, cái thú vui chơi cho lãng quên mệt nhọc vất vả vốn dĩ là thuộc tính của cuộc sống, lại cũng là cái cách con người bày tỏ ý chí và tài năng đương đầu đối nghịch của mình!

- À, nếu thế thì ở nước Mỹ tôi từ ngày xưa cũng có trò chơi gà chọi đấy, chú Tít à!

- Nước Mỹ mà lịch sử mới có mấy trăm năm mà cũng có trò chơi chọi gà? Vậy mà đã được xem trận đấu nào chưa?

- Chưa. Vì tôi mới chỉ thấy bọn gà chọi và những cuộc đấu đá của chúng ở trong cuốn tiểu thuyết *Cội rễ* của nhà văn Alex Haley thôi. Chú đã xem cuốn sách ấy chưa? Dày lắm!

- Hóa ra là vậy. Tao không được học nhiều, trong đầu có ít chữ thôi. Nay đã lớn tuổi, cầm quyển sách lên đọc được mấy trang là mắt díp lại rồi.

- Chú bao nhiêu tuổi? Đòi riêng thế nào?

- Mà phỏng vấn tao, hả? - Khấp hai con mắt, chú Tít nhìn Tom như nhìn đứa trẻ nhỏ, tiếp. - Năm nay tao tròn bốn mươi. Mười lăm tuổi thôi học, theo bố đi làm gác chắn xe hỏa. Mười sáu tuổi, xung phong đi bộ đội, vào Nam đánh Mỹ. Có lần quần nhau cả tháng trời với sư đoàn *Anh cả đỏ* của Mỹ ở Quảng Trị. Vợ vẫn có khi tao đã chọi nhau với bố mà rồi cũng nên, nếu bố mà ở đơn vị đó. Năm 1975, đánh thắng bọn Mỹ xâm lược rồi, tao lại về làm nghề gác chắn, lại tiếp tục chơi gà chọi.

Cá Bống giơ hai tay lên trời, phảng phất chút bàng hoàng:

- Ôi, chú đã từng ở trong quân ngũ? Tuổi chú đúng là bậc cha chú của tôi! Riêng hai điều ấy đã đáng để tôi kính trọng, yêu mến chú. Nhưng chú Sẹo Tay ơi, tôi tiếc là chú chưa được đọc cuốn *Cội rễ*. Chà, tôi đọc nó từ lâu rồi. Vậy mà bây giờ trong óc tôi hễ cứ nhắc đến cuốn đó là lại thấy nao hoạt cả lên

cái cảnh tượng lúc nhúc bấy gà cả trăm nghìn con đua nhau gáy ồm ồm rồi chí chóc mổ nhau và phình phịch đá nhau đây này. Chú Sẹo Tay à, khi nào có cuộc chọi gà của chú, chú cho tôi đi xem với, liệu có gì phiên hà không?

Đứng dậy, đập bộp vào vai Tom, chú Tít bật cười ha ha, lên giọng cha chú, tỏ vẻ rất coi thường Tom:

- Phiên hà cóc gì! Này! Loại như mày tao thấy vô thiên lủng trong đám lính Mỹ ở sư đoàn *Anh cả đỏ* quần nhau với sư đoàn của tao. Ha! Có thằng thấy chậu nước vo gạo tưởng là sữa, cứ thế bê lên uống. Lại có ông công tử bắt rắn về chơi, nó đập cho mới biết là ngu. Tom à, mày đúng là con mọt sách. Không gọi mày là Cá Bống nữa, tao gọi mày là Tom mọt sách đấy!

Ôi! Tom mọt sách! Chú Tít quả là con người từng trải, tinh tường, định tính cho Tom chính xác quá! Vì mới chỉ nghe chú Tít nói đến gà chọi là Tom nhớ liền ngay đến những trang văn viết về đám gà chọi và những cuộc đấu đá quyết liệt của đám sinh vật lông vũ hai cẳng này ở trong cuốn tiểu thuyết *Cội rễ* của Haley rồi. Hấn nhớ đến đàn gà được luyện rèn theo bài bản và kỷ luật vô cùng khắt khe, đến mức sau một thời gian ngắn, chúng chỉ còn thuần là bắp thịt và xương cốt, nghĩa là cả đám mấy trăm con ấy, nếu phải lóc thịt ra thì cũng dùng hòng tìm thấy một tẹo mỡ nào. Lũ gà hiển nhiên là hiện thân của huyết thống dũng cảm, hằng ngày được kích thích nên máu xung sát lúc nào cũng ở độ sôi cuồng, đến nỗi bất gặp cái gì cũng mổ, gặp chuột là mổ chết chuột, sẵn sàng tử chiến với cả những con cáo già đã thành tinh.

Ôi! Tom mọt sách! Tất nhiên, Tom bì thế nào được với chú Tít về tuổi đời và kinh nghiệm sống. Mười sáu tuổi chú đã xông pha nơi chiến trận. Nhìn hai cẳng tay chú sẵn sào cũng đủ biết chú là con người có gan chịu nhện. Nhưng Tom cũng không phải là loại lính công tử Mỹ uống nước vo gạo, bắt rắn

chơi. Tom là con một nông dân lao động. Vả lại, suy ra thì nhiều cái chả từ sách ra là gì? Cuộc sống là cái kính vạn hoa có trăm nghìn vạn dạng. Sách là một lối đi tắt của Tom để Tom đạt tới sự hiểu biết. Sách dạy khôn Tom. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Cuộc bao vây và cấm vận nước Cộng hòa Cuba trẻ tuổi. Cuộc chiến sắc mùi dầu lửa ở Trung Đông. Bọn 3K hạ sát người da đen. Những người theo đạo Quaker tự nguyện làm việc thiện không nhận thù lao. Lịch sử thổ dân Da Đỏ châu Mỹ. Giống đại bàng trọc đầu đặc chủng vùng Bắc Mỹ. Cuộc sát hại có tính diệt chủng giống cá mập hổ. Và trò chơi gà chọi ăn tiền quy mô lớn... Tất, tất cả đều có ở trong sách và may mắn thay Tom là kẻ mê sách. Tom có thể đọc sách liên tục ngày đêm và kỳ lạ, hẳn có trí nhớ phi thường. Đặc biệt là môn Văn học và Sinh vật học. Có bận đang gà gật ở trong lớp, thầy Sinh vật đột ngột bảo nhắc lại lời thầy mà hẳn thao thao nhắc lại trọn vẹn không thiếu một chữ, về cái cuộc vũ hóa của đàn bướm ở Nam Hoa Kỳ khi mặt trời mùa xuân trở lại, xem ra lại còn hay hơn cả thầy nữa kia. Ôi, những con bướm chúa nhờ gió biển vượt cả Đại Tây Dương, thực hành những chuyến bay sử thi, tới tận châu Âu! Tom là kẻ luôn chân thành, nồng nhiệt và mộng mơ. Bố Tom có một trang trại nhỏ. Ở đó nuôi những con gà, con vịt, con lợn, con bò. Tom đặc biệt yêu lũ gia súc này. Thành ra nghe chú Tít nói đến trò chơi gà là Tom nhớ ngay đến đám gà chọi và bác Mingo, nhân vật trong cuốn *Cội rễ*. Ôi, bác Mingo, thầy luyện gà. Nếu không có những người như bác thì làm sao có được đám gà chọi và những cuộc thi đấu tranh tài từng bừng như là một ngày hội thư hùng của đám gà chọi hàng ngàn con ở vùng Bắc Carolina, ăn giải mười ngàn đô la!

Tít, tức Lê Hùng Cường, tức Sẹo Tay không đọc tiểu thuyết *Cội rễ*, không biết ở bên Mỹ người ta cũng có trò chơi gà chọi và ăn giải tiền to đến thế. Thú chơi gà chọi của Tít do ông bố

truyền lại. Ông bố Tít lại nhận sự truyền lại từ ông nội Tít. Cứ thế. Bất thành văn bản nhưng nhớ như in trong óc.

Răng khâu đầu tiên chọn gà là công phu lắm. Gà chọi có dòng ưu tú của nó, cần biết lai lịch từ lúc nó mới nở. Đến khi thành con gà vẫn phải xem chân cẳng, màu lông, đuôi cánh, mình mẩy, không chỉ rắn chắc khỏe mạnh mà còn phải đẹp mã và oai phong về đường tướng mạo. Răng nuôi luyện nó còn vất vả hơn. Ăn uống là một chuyện. Lại còn phải ủ ấp, bóp nắn, vỗ về, vắn vò, tắm rửa, cắt tỉa lông đuôi lông cánh. Mặc màn cho nó ngủ qua đêm chống muỗi là việc thường tình, cũng như dưới chân nó phải có cát rải. Cát để chống ẩm, để nó dũi tắm trừ sâu bọ. Cát có sức mạnh truyền sinh. Cho tới khi nó bắt đầu cất tiếng gáy te te mới cho ra thử sức. Lúc nó thử sức, phải tinh ý, xem sức vóc, cách ra đòn, miếng cắn, cú đá của nó, có mạnh mẽ hiểm hóc không; được, mới cắt tai khâu lại vì chỗ này khi vào trận dễ bị thương nhất; lúc ấy con gà mới được coi là qua vòng tuyển chọn. Bằng không thì cắt tiết, xé phay, hoặc cho vào nồi nấu cháo cho gọn!

Ông cha truyền dạy một, Tít thực hiện hai, ba. Trong nhà Tít, có hẳn ba, bốn cái nồi cũ lúc nào cũng đầy nước tiểu nấu với nghệ và bã chè để om bóp cho gà. Om bóp một ngày nghỉ ba ngày, kỳ cho da nó săn đỏ cứng dày như tấm mo nang mới thôi. Thức ăn của nó không cần cầu kỳ. Nhưng với lương tháng gác chần bốn trăm nghìn đồng, Tít cũng phải bớt mồm bớt miệng, thỉnh thoảng cho nó lạng thịt, hoặc bồi bổ cho nó vài thang thuốc bắc. Lo nhất là khâu sức khỏe của bọn này. Con gà tiếng thế, khả năng miễn dịch kém lắm. Nó bị ho thì phải ghé miệng vào hút đờm cho nó. Hút cho đến khi tiếng nó gáy trong vắt mới thôi. Khó khăn vất vả hơn cả là rèn tập miếng đánh cho nó. Luyện gà như luyện võ sĩ ấy chứ. Võ tay, giờ tay lấy cữ từng

nắc cho nó tập nhảy, tập mổ, tay Tít sần sùi chi chít vết sẹo gà cắn là do vậy chứ còn gì!

*

Còn bây giờ, chú Tít cúi xuống, ôm con Mộc lên tay. Con chọi của chú vẫn nguyên trạng là một gã gà choai mới lớn. Cốt cách có vẻ còn như đang rất sơ khoáng. Chú đặt tên nó là Mộc. Mộc nghĩa là mộc mạc, không tô điểm, thêm bớt. Mộc còn là gỗ, thuộc ngũ hành trong giới tự nhiên. Đặt con Mộc vào cái bu nhỏ, sửa soạn đưa nó ra đấu trường quay lại chú Tít đã thấy Tom đi tới. Tết năm nay là Tết con gà nên cuộc đấu gà toàn quận xem ra náo nhiệt lắm.

- Chú Tít, vừa thấy tôi chú đã cười gì thế?

Ôm cái bu gà đi trước, chú Tít không đáp, chỉ mუმ mუმ và quay lại nhìn Tom một lần nữa. Tom đúng là thằng Cá Bống thật. Mà sao hôm nay nó giống con Mộc thế! Đôi chân cao kều. Cái cổ dài. Cái đầu nghênh nghênh. Cũng lại độc cái áo phong, cái quần soóc lửng, nghĩa là như con Mộc, trụi thui lụi lông cánh. Nghĩa là còn đang rất hoang sơ thô mộc.

- Chú Tít, tôi biết chú cười tôi vì cái gì rồi!

- Vì cái gì?

- Chú cũng thế thôi!

- Tao cũng thế nghĩa là thế nào? - Chú Tít đáp. Nhưng lập tức khoát tay. - Thôi sắp đến nơi rồi. Đây Tom một sách, xem gà chọi chó có nên bị kích động, nghe.

Đấu trường hôm nay đặt ở dưới cái gầm cầu cạn bắc qua sông Hồng. Ba thầy trò Tít đến nơi thì ánh nắng mùa xuân đã nhuộm vàng ửng vùng bãi cát bên sông và trong bóng râm của

gầm cầu, hàng trăm người lớn bé già trẻ đang vây quanh hơn chục cái sân chơi, mỗi cái rộng chỉ bằng bốn chiếc chiếu đôi rải liên nhau.

Việc đăng ký gà để ban tổ chức xếp sắp vào trình tự cuộc đấu có vẻ đơn giản, vì hình như với việc này chú Tít cũng đã quá quen. Nhưng Tom vẫn không thể hiểu được tâm trạng của chú lúc này là thế nào. Khuôn mặt tròn tròn có cặp mắt một mí của chú Tít lặng tờ.

Chú Tít cứ lì lì như một cái bóng thật là vô cảm. Kể cả lúc cân gà, kiểm tra xem cựa gà có bọc sắt hay không. Kể cả khi thỏa thuận với chủ gà của đối phương là không đánh theo “hồ”, nghĩa là cứ mười lăm phút một hiệp lại nghỉ năm phút rồi đánh tiếp mà là đánh liên tục cho đến khi một trong hai con tử chiến hoặc mồm la chân chạy quanh sỏi mới thôi. Chú cũng chẳng nói chẳng rằng khi đối phương hỏi đánh theo lối “hàng xáo”, nghĩa là bên thắng bên thua đều được chia thưởng hay là đánh theo lối “một chiều”, được ăn cả ngã về không. “Thế nào cũng được.” Người ta hỏi mãi, chú mới lí nhí đáp vậy. Chú chẳng biểu lộ một chút thái độ. Kể cả khi sau một tiếng cồng con Mộc được thả vào sân chơi. Trong khi đó thì kẻ lo sợ lại chính là Tom. Trời! Đúng là “ở nhà nhất mẹ nhì con”. Còn bây giờ thì mới thấy con Mộc kém mẽ quá so với đối thủ. Đối thủ của nó được quảng cáo là đệ nhất mãnh kê, tên là Điều, đã thắng chín mươi chín trận, đã đem về cho chủ nó không biết bao nhiêu là cờ thưởng và cả triệu triệu bạc. Ấy thế, cùng có trọng lượng là ba cân một mà sao con Điều cao to hơn hẳn con Mộc, trông cứ như anh với em vậy. Hơn nữa, con Điều thật sự là một bản năng rừng rú, vô cùng hung hăng, cựa thế dữ tợn. Vừa nhìn thấy con Mộc, nó đã rướn căng, nhâng người cao lên và mở toang đôi cánh, đập phành phạch liên hồi, lên mặt áp đảo dọa nạt. Trong khi đó, buồn thay con Mộc lại đứng ì ra như

con gà đất, không có ý thức gì về đối phương và trận đánh sắp diễn ra.

Và kìa, vừa rời tay chủ, con đệ nhất mãnh kê nọ đã tỏ rõ ngay là một gã gà chọi thiện chiến. Nó đâm bổ ngay vào con Mộc, như một luồng gió, nhanh như cắt tung chân xòe móng nhằm điều con Mộc, định thực hiện cú đá song phi, đánh đòn phủ đầu hạ gục ngay đối thủ.

- Con Điều ra đòn rồi, hoan hô!

- Con Mộc toi rồi, ông Tít ơi!

- Hoan hô! Hoan hô!

Những tiếng hò reo của đám người vây quanh sân chọi lập tức nổi lên như sóng cuộn. Kinh khủng quá! Tom vội vòng hai cánh tay ôm chặt khuôn ngực. Mắt Tom tóe sao. Con Mộc gay rồi! Tom lo quá. Nhưng may mắn Tom đã mở to mắt, thở thào thào. Con Mộc cứ tưởng ngu ngơ mà hóa ra đã bất thành linh kịp thời rạp đầu, né mình một bên, nhẹ nhàng và khôn khéo tránh được cú đá chết người của con Điều và bây giờ thì hình như nó mới nhận ra hoàn cảnh của mình. Nó xoay mình lại, nghển cổ lên sẵn sàng chờ đón cú đòn tiếp sau. Quả nhiên, con Điều sau cú đá hụt, đã lại lấy đà, hung hãn xông ngay lại thực hiện cú đánh thứ hai, chân đá mở mở nhằm ngực đối phương. Và lần này thì không còn là bất ngờ nữa, bằng một động tác giả, con Mộc khôn ngoan đã khéo léo chui qua háng con Điều khi con này vừa nhảy tới. Tuy nhiên một bên cánh của nó đã bị một vết xước nhỏ. Và bây giờ nó mới quay đầu lại bộc lộ rõ tinh thần nghênh chiến. Chà!

- Hoan hô con Mộc!

- Xông vào đi, Điều ơi!

Đấu trường ồn lên những tiếng hò la kích động. Trò chơi không còn là trò chơi thuần túy mà là nghệ thuật để giành

được chiến thắng, là hành động tự do trong lệ luật. Bởi vì cũng như trong văn chương, nghệ thuật chỉ tồn tại với tự do được nhận thức mà thôi. Con người không ai được quyền tự do với hoàn cảnh. Nó phải luôn luôn có hành động tương xứng với điều kiện xung quanh. Quay đầu lại nghênh chiến, con Mộc nhận ra điều đó và hình như lúc này thế trận đã lập lại cân bằng. Hai con vật cùng hạ thấp đầu nhào cổ, xù lông, giương cánh, tiến tiến lui lui, hai mắt quắc sáng như hai hạt thủy tinh, rình tìm sơ hở của nhau.

Tom nghe thấy tiếng tim mình đập thùm thụp. Nhưng không để Tom kịp phát một tiếng kêu, hai con chọi như được điều khiển bằng hai cỗ máy tự động, cùng lúc cùng dún chân, dồn hết sức mình, tâng người lên cao, dùng cánh đập tới tấp vào đối phương. Pha đánh nhau bằng cánh đã tương kế tựu kế, khiến cả hai cùng lộn tùng phèo, rơi xuống đất. Nhưng vừa chạm đất, chúng đã dựng ngay dậy, xông tới, tung chân đá túi bụi vào nhau.

Tiếng người reo hò la hét phấn khích có lẽ còn âm ỉ hơn cả ở trận đấu của giới gà miền Bắc Carolina tranh giải mười nghìn đô la trong cuốn tiểu thuyết mà Tom đã đọc. Hai con vật bị kích động dữ dội nổi dậy mãnh lực xung thiên, xáp tới nhau, ngoắc cổ vào nhau, như dính vào nhau, liên tục chân đá, mỏ mổ vào lưng, vào cánh nhau. Cùng dính đòn của nhau, hai đấu sĩ cùng bị bật ra xa nhau, nhưng cùng bản lĩnh kiên cường, lại chống chân đứng dậy được ngay trong một phản xạ còn nhanh hơn sức tưởng tượng của Tom. Và lần này, nhanh như chớp, hai gã chọi có cánh tận dụng ngay ưu thế loài của mình, cùng co cẳng phốc lên trên cao và cuộc không chiến vô cùng ngoạn mục kết thúc bằng cú rơi đánh bịch xuống đất của cả hai bên.

- Hoan hô! Con Diều ra đòn khá quá!

- Con Mộc có miếng mé được đấy chứ!

- Kìa, kìa, xem con nào là hùng kê đệ nhất nào!

Hai con chọi tách nhau ra rồi lại áp vào nhau. Hết thế công lại quay sang thế thủ. Bên tám lạng bên nửa cân, cả hai đều thuộc loại hảo hớn, gan lì dạn đòn. Đúng là kỳ phùng địch thủ, vì nếu con Diều như danh bất hư truyền, có miếng dứ, miếng đòn cựa hiểm ác và cú đòn cánh độc chiêu thì con Mọc là sức trẻ đang lên. Con Mọc vừa gan chí mề vừa biết nén khí, không hăng xằng phí sức, lại giỏi ở miếng đòn đá dọc, đòn túm hầu và miếng hầu kiên, tức là đá vào cổ họng và đá vào vai đối phương. Chà!

*

Hai mươi phút đã trôi qua, trong thế trận giằng co, Tom đa cảm và nồng nhiệt đã không thể giữ được bình tĩnh nữa. Tom cũng như rất nhiều người quanh bãi chọi, vật và người hồn vía quấy chặt nhau. Ôm hai vai chú Tít, run lên từng hồi, Tom kinh ngạc vì chú Tít cứ trơ trơ như cái cột đá, không lo sợ, chẳng vui mừng. Hay là chú đã bí mật đọc cuốn *Cội rễ*, đã thấm nhuần lời dạy của thầy luyện gà Mingo là: Tuyệt đối không được xúc động khi xem gà mình trong khi đấu? Chú nghiêm nghị như đang trong tư thế hành nghề: tay cầm lá cờ vàng, ra hiệu đường đã đóng chặn an toàn, cho con tàu đi qua. Chú cứ lì lì như những nốt sẹo gan góc trên tay chú. Những nốt sẹo im lìm ẩn giấu bao bí ẩn, phải chăng chỉ là thương tích của mỏ gà, cựa gà sắc? Chú vô cảm như một chiến binh dạn dày trận mạc, dăm đương đầu, chấp nhận đau đớn và biết cách giành thắng lợi.

Đáng khâm phục thật, nhưng lúc này mắt dõi theo con gà của mình đang ở hồi chung cuộc mà thấy chú cứ lãnh đạm và

câm lạng như một khách vắng lai vô tình thì ruột gan Tom thật sự bùng bùng như lửa cháy vậy. Giữa bãi chọi lúc này cả con Diều lẫn con MỘC sau mấy hiệp quyết tử đều đã dính đòn của nhau, cổ đầu mình mảy bê bết máu me, cánh sã toi tả, mỏ há lưỡi thè, chân run lẩy bẩy; ai dám nói, cục diện sẽ đảo lộn thế nào và chiến thắng cuối cùng sẽ thuộc về kẻ nào đây?

Vậy là Tom phải vào cuộc. Tom giậm chân thành thịnh. Tom hét toang toáng. Tom gào: “Come on! Charge! Go ahead!” Xông lên! Tiến lên! Trời! Không thể kìm giữ được! Hấn như bao nhiêu kẻ học tiếng nước ngoài, vào những giây phút cực điểm của cơn bùng hoang hay phấn khích, tiếng nói tiềm thức, tức tiếng nói mẹ đẻ bấy lâu bị ý thức nhấn chìm đã tự động bật phát cất lời, Tom cũng vậy. Tom muốn tiếp sức cho con MỘC, cho chính chú Tít vì Tom bằng dự cảm thấy rất yêu quý, kính trọng con người này. Nhưng hình như kẻ bị kích động lại chính là con Diều. Bị chủ nhân hối thúc ở phía sau, nó gắng gượng đạp chân, giương cánh, nhảy tới con MỘC. Nó ra một loạt đòn tổng lực gồm cả mỏ, chân và cánh. Trong khi đó, MỘC đã đứng vững, vẻ lăm lì như đá. Và về thực chất, có cảm tưởng lúc này con MỘC đã là vật phân thân của chú Tít. Điều này, nhờ kinh nghiệm giao tiếp với những cảm xúc tinh tế trên trang sách mà Tom đã nhận ra. Chú Tít, cả một khối tư tưởng quyết sinh âm ỉ, đang truyền qua không gian tới MỘC. Đang dẫn truyền tới MỘC! Và với một bước chân chuyển dứt khoát, dịch hẳn sang một bên, MỘC đã tránh được xấp đòn tổng hợp cuối cùng của Diều. Dễ thôi, vì đó là những miếng đòn quá non xóp. Rồi ngay sau đó, trong khi Diều lủ lủ vì những cú ra đòn đánh trượt, MỘC lập tức sử dụng bí kíp là cắn răng chịu đau và nén khí vào mình, để co hai chân lấy đà, búng mình lên cao, nhằm hòng Diều, với toàn bộ năng lượng dự trữ của nội lực, đánh miếng hầu kiên và miếng túm hầu gia truyền quyết

định. Trời! Họng rách toang, Diều chỉ kịp kêu “oóc” một tiếng thảm thiết rồi quay lơ ra đất!

*

- Hoan hô!

- Hoan hô!

Lách qua đám đông người chen lấn ở trước mặt, chú Tít chạy vội vào bãi chơi, nhanh như cắt, ôm choàng lấy con Mọc, lùi ra khỏi đám đông, giữa tiếng reo hò như sóng dậy của xung quanh. Tom vội chạy theo chú Tít.

- Chú Sẹo Tay ơi, giờ tôi hiểu chú rồi!

- Vớ vẩn gì thế, cái thằng này?

- Kìa chú Tít, tôi hiểu thật rồi mà!

Mặc Tom lải nhải, chú Tít cứ ôm gà chạy. Chạy như cái đầu tàu qua đoạn đường đã hạ gác chắn đảm bảo an toàn. Chạy vì cơn phấn khích, vì đã bộc lộ được ý chí năng lực của mình. Cho tới lúc dừng lại, chú vẫn thấy Tom ở phía sau mình và cả hai đang đứng trước quán bún chả hôm nào. “Đầu xuân được ngày lành tháng tốt mở cửa hàng, mời hai người vào ăn quà quán tôi nào!” Cô chủ quán béo chút chút ngoái ra mời. Con Mọc khát nước, há mỏ kêu cộc cộc.

Chú Tít quay lại Tom:

- Mà nói mà hiểu là hiểu cái gì, Tom một sách?

- Tôi hiểu những cái sẹo tay của chú là đúng. Tôi hiểu tên thường gọi của chú là Tít. Nhưng thật ra chú là Hùng Cường. Hùng Cường!

- Đúng là thằng một sách.

- Chú Tít à, có một câu chuyện cổ nước Việt chú được kể lại như thế này. Ở trong sách tôi đã được đọc ấy mà. Một ông vua nọ sai một quan đại thần nuôi gà chọi. Được mười hôm, vua hỏi: “Đã chọi được chưa?” Vị quan đáp: “Thưa, chưa được, vì còn hăng lắm, chưa trông thấy gà khác đã đòi chọi rồi.” Mười hôm sau nữa, được hỏi, vị quan nọ lại đáp: “Thưa, chưa được, vì mới thấy bóng gà kia đã muốn chọi.” Tiếp mười hôm nữa, vua lại hỏi và được đáp rằng: “Thưa, được rồi. Vì nghe thấy tiếng gà khác cũng lờ đi. Trông tựa như gà gỗ mà đủ món hay, bởi do rèn luyện công phu.” Chú Tít ơi, tay chú bao nhiêu sẹo thế nên chú thắng là phải.

- Thằng ôn con Mỹ này viện sách vở ra nói cái gì vậy?

- Tôi nói...

- Thôi, vào ăn bún chả. Hôm nay tao chiêu đãi mày suất năm ngàn.

- Ô, chú Tít!

Tom kêu to. Không phải vì suất bún chả năm ngàn. Chú Tít nhận ra điều đó vì bây giờ, sau hồi ôm con Mộc chạy từ bãi chọi về, nóng quá, chú đã vô tình phanh ngực áo và Tom đang chằng chằng nhìn vào đó với vẻ kinh ngạc không che giấu. Bí mật dường như đã được khai mở. Ôi! Ngực chú cũng giống như hai cẳng tay chú, nham nhở những sẹo to sẹo nhỏ, nốt nọ sạt nốt kia, nốt nọ chồng lên, chồm lên nốt kia.

- Mày lạ lắm hả, thằng một sách? Bọn chúng tao nếu còn sống từ chiến trường trở về thì ai cũng sẹo đầy người cả. Trông ngực tao thiên theọ meọ dậu chẳng ra cái hình thù gì nữa rồi, có phải không? Không sao đâu. Đã đánh nhau là đàn ông thì phải có sẹo. Riêng tao, mười bảy vết cả thảy, từ đầu đến gót chân. Mảnh mìn này. Mảnh pháo này. Còn ở bên hông phải tao, hiện giờ còn một viên AR15 chưa lấy ra được. Mày

xem, bọn xâm lược Mỹ cậy giàu có, nó vung vãi bom đạn xuống đất nước tao mà xem có khiếp không?

Đặt con Mọc xuống đất, chú Tít chìa hai cẳng tay ra trước mặt Tom; không một chút bi lụy và đớn đau, trái lại bỗng nhiên trở nên cõi mở và vui vẻ phi thường như bản tính, chú nhìn Tom âu yếm và dịu dàng:

- Mày gọi tao là Sẹo Tay, đúng đấy Tom ạ. Nhưng sẹo này không phải chỉ là do gà chọi mổ đâu. Nó là vết răng chó *béc giê*. Mày có biết răng chó *béc giê* là thế nào không? Bằng cái đinh thuyền ấy. Khi tập, phải chịu để cho nó cắn. Nó bập cả hàm răng vào thịt mình. Nó rút từng miếng thịt mình ra. Phải cắn răng lại, chịu đựng. Cắn răng lại. Buốt lắm. Cũng phải chịu, mày ạ. Có như thế, sau này bò vào trình sát đồn của bọn Mỹ xâm lược, ngộ nhỡ có bị con chó của chúng xô ra cắn, nhai, giăng, xé, rút cũng không sợ. Phải biết nghiền răng lại, phải có sức chịu đựng phi thường thì mới có thể đánh được thằng giặc hùng mạnh và hung tợn, mới có thể hoàn thành được những việc khó trên sức người, Tom à.

Mắt không rời bộ ngực đầy thương tích méo mó sần sùi và hai cẳng tay sần sẹo của chú Tít, khác hẳn với thái độ thanh thoi và vui vẻ của chú, lúc này Tom đã bứt ra khỏi dòng tình cảm thương khi, Tom khom người, quỳ xuống, khoanh hai tay, hai con mắt mừng mừng, cổ họng nghẹn tắc. Ôi, chú Tít! Chú Tít là xương là thịt vượt qua cái chết trở về đây mà không phải chỉ là thế, mà là cái gì đó đau thương nhưng vô cùng lớn lao và kỳ diệu, chưa được nói tới trong sách vở và Tom chưa từng được đọc, được thấy bao giờ. Cuộc sống sao lại có thể vừa bình dị lại vừa lạ lùng như thế? Tom rên khe khẽ. Và bừng lên trong trạng thái khải thị thần giao, lại như những lần tương tự, Tom không thể sử dụng bất cứ tiếng nói nào khác ngoài tiếng Anh

mẹ đẻ của mình. Tom nói cùng với hai hàng nước mắt ròn ròn chảy:

- Uncle Tit! The first time I cried when I read an episode in a novel *Roots* that George was sold to a new owner. And this is my second time. Uncle Tit! Don't think I am only a bookworm!...

Chú Tít, người gác chắn xe hỏa, hiển nhiên là chưa hề được học tiếng Anh. Nhưng nghe Tom nói, kỳ lạ thay, chú cũng hiểu, chú hiểu Tom nói rằng: “Chú Tít ơi! Lần thứ nhất tôi đã khóc khi đọc cuốn tiểu thuyết *Cội rễ* đến đoạn George - gà bị bán cho chủ mới. Giờ là lần khóc thứ hai của tôi đây. Chú Tít ơi! Chú đừng nghĩ tôi chỉ là một con mọt sách thôi, chú à... Chú đừng khinh bỉ tôi, tôi không phải bọn lính Mỹ uống nước vo gạo, bắt rắn chơi, ngu ngơ không biết gì đâu!”

Hà Nội, 12/2000 - 12/2004

CHIM DI TRÚ VỪA BAY VỪA NGỦ

Thồ lơ hai con mắt ốc nhồi, bà Oanh trưởng phòng In của Nhà xuất bản chò chò vào tôi cái nhìn vừa chảnh chọe vừa bức bối:

- Thế nào, cậu còn cà rậm cà rì đến bao giờ nữa?
- Thưa chị...
- Không thưa gửi gì cả. Tôi hẹn cho cậu hai giờ đồng hồ nữa.
- Thưa chị! - Dằn lòng, tôi vẫn giữ nguyên giọng thưa gửi lễ phép. - Chị đưa bản bông này cho em mới được hai hôm. Mà có ít đâu, những bốn trăm trang.
- Hai hôm! Bốn trăm trang! Thế là quá rồi. Cậu nên nhớ, ông giám đốc duyệt bản can một cuốn tiểu thuyết năm trăm trang chỉ mất có một giờ. Chính tôi thúc ông để kịp kế hoạch đưa nhà in. Ông ấy đọc theo lối nhất mục thập hàng, một cái nhìn qua luôn mười dòng.
- Không được chị ơi, nghề sửa *morasse* của em nhất mục thập hàng bỏ lối cả đồng, có ngày mất niêu cơm, vào tù đấy. Chị ơi, chị nhớ hộ em...
- Nhớ cái gì?
- Năm ngoái, ở quyển *Nhịp sống thế kỷ*, trang 130, nguyên bản là: "tinh thần quốc tế chủ nghĩa", nhà in xếp thế quái nào

lại là: “tinh thần đế quốc chủ nghĩa”, đọc lướt không phát hiện ra đến khi lên máy mới biết, may mà sửa chữa kịp thời chứ không thì mất mạng rồi. Sai một ly đi một ngàn dặm. Lấy nhanh làm đầu không được đâu, chị ơi!

- Mặc cậu! Tôi không biết. Tôi cho cậu thêm hai giờ đồng hồ nữa là quá rồi.

- Nhưng mà...

- Thế cậu có biết là máy in hiện đại một giờ nó in mấy chục vạn bản không? Quên cái thói lề mề, vừa làm vừa ngủ như ông Sùng đánh máy đi nhé!

Thường thì cái môi dưới mỏng quẹt, nhấm nhẳng nói xong mấy câu nọ, bà trưởng phòng đẹp, nổi tiếng cay nghiệt và hay xóc mồi của tôi quay ngoắt người đi thẳng. Cơ quan đang vào cỡ nhộn nhịp. Nắng cuối xuân sáng hừng một vệt chéo cánh sẻ vào giữa gian đại sảnh rộng rung rinh hình bát giác; ở đó, gần chục cán bộ biên tập đang châu đầu quanh một mặt bàn lớn tròn xoe như cái bàn ăn của người Tàu dưới một cây đèn chùm vẫn còn hoe hoe ánh điện, cắm cúi biên chép, sửa chữa bản thảo, phăng phắc trong hồi hả âm thầm và tự nguyện.

Công bằng mà nói, ở sự việc thúc giục tôi nhanh tay lên trong công đoạn sửa bản in, bà Oanh không thể hiện thói khắt khe, ép buộc. Nó là cái sự tất yếu, cái việc không thể dừng. Tôi và bà đều chỉ là một bộ phận li ti trong cỗ máy vận hành đang vào guồng. Chẳng qua là “dùi động đến đục thì đục chạm đến sáng” mà thôi. Thế đấy, bây giờ thì cái gì cũng lấy nhanh hơn nữa, lấy việc tranh cướp được nhiều thời gian hơn làm mục tiêu hàng đầu phải giành được rồi. Bây giờ thì tốc độ xuất thần là niềm tự hào trên mọi lĩnh vực và mặc dầu đã có chút e ngại vì thực tế là có một tỉ lệ thuận giữa sự lãng quên và tốc độ, người ta vẫn hối thúc nhau tăng tốc hơn nữa và coi đó là hậu

quả tất nhiên, một ân thưởng của các cuộc cách mạng kỹ thuật thời hiện đại. Xe máy, ô tô đã thay thế xe đạp. Cũng như thế, máy bay động cơ đã bị phản lực siêu âm truất ngôi. Lò vi sóng loại bỏ lò than nướng quạt tay. Thức ăn tăng trọng rút ngắn thời gian tích lũy thịt của con vật. Đánh máy vi tính thẳng tay xóa sổ lối xếp những con chữ in đúc chì kiểu “nhặt cút chuột” thủ công, khiến cuốn sách dày ba trăm trang từ khâu chế bản đến khi ra lò chỉ còn một tuần, thay vì trước đây kéo dài hàng nửa năm. Nhanh, nhanh nữa lên! Như bị ma đuổi, người người trong vòng xoáy tốc độ chóng mặt, đã nhiều lúc kinh hoàng kêu trời: “Sao tôi bận tới tấp mặt mũi thế này” và quên dần nếp sống thanh thoi thanh nhàn cùng thú thưởng hoa ngắm nguyệt. Đã lỗi thời rồi lối mài câu giữa chữ trong văn chương nghệ thuật. Tinh thần “mì ăn liền” quán triệt ở tất cả các lĩnh vực, từ tình yêu đến tiểu thuyết. Tiểu thuyết vốn là thể loại được phép dừng đỉnh la cà đang bị lên án. Yêu cầu nhà văn từ bỏ lối cà kê dê ngỗng. Xin chớ rườm rà. Khởi phải miêu tả tỉ mỉ. Cả câu văn cũng thế, hãy tỉnh lược, hãy làm cho nó như nắm đấm bàn tay, chỉ còn toàn là gân cốt!

Nhưng mà thôi, thiên hạ thế nào cứ mặc họ. Còn tôi, nhân viên *morasse*, tôi cứ mắt soi, tay dò, một mình một nét lẩn lẩn lẩn mò phát hiện cái khiếm khuyết của câu chữ, tôi cứ việc tôi tôi làm. Và tôi không cảm thấy cô độc. Vì tôi có người cùng chia sẻ là ông Sùng, nhân viên đánh máy của cơ quan, bạn vong niên của mình.

Đã sắp đến tuổi hưu trí, khổ người thấp, vai xuôi, mặt đầy, má chảy, hai con mắt đằm tĩnh húp húp hấp háy đỏ kè lúc nào cũng như đang ở trong cơn ngái ngủ, ông Sùng là một khối ù ì, chậm chạp, lè mề, cổ lổ. Ông rất ít nói. Và ngồi ở góc nhà âm âm tối, với chiếc máy chữ Optima cũ kỹ, kênh càng, ông

như một kẻ lạc lõng đứng ở bên lề đường, không ăn nhập gì với cảnh quan, môi trường. Cả tiếng con chữ tấp đều đều trên mặt giấy của ông cũng vậy. Chúng lạc nhịp giữa những tiếng động rào rào êm tai của các bàn phím dưới những ngón tay búp măng của các nữ nhân viên vi tính mắt xanh, môi đỏ, mặc *mini jupe*, đi giày cao.

Xưa, ông Sùng là nhân viên đánh máy bậc cao đẳng. Mười ngón tay ông Sùng sau bốn thập kỷ mổ các nút chữ đã tù tù và thành chai dày bóng như bọc sừng. Mười ngón ấy đã hóa thân bao nhiêu trang chữ viết tay thành những trang chữ đánh máy sạch sẽ, rõ ràng và đẹp đến mức nhìn chúng không khỏi dâng lên trong lòng niềm ân ưu, kính trọng. Ôi, đứa con hoài thai thì nhem nhếch mà lọt lòng sao lại có thể kháu khỉnh khô ngô thế! Ông đánh theo *Méthode dix doigts*, tân tiến. Đánh máy mà ông như một nghệ sĩ múa mười ngón tay theo điệu nhạc tinh tang phát ra từ chiếc máy. Ông đã truyền nghề cho ít nhất là một nửa nhân viên cơ quan, trong đó có cô Lũy tóc dài chấm gót, gái bốn mươi tuổi mà hơn hớn, mỡ màng, giò là thủ quỹ cơ quan, ngồi ở cạnh ông, với cái kết sắt lù lù nặng trĩch một khối bên mình. Đó là thời thịnh vượng của chiếc máy chữ. Từ chữ viết tay biến thành chữ đánh máy là cả một cuộc nhảy vọt của nền văn minh. Tiếc thay, thời mà chiếc máy chữ vốn chỉ là một vật dụng hoạt động mang tính thuần túy cơ học được coi là một cỗ máy tối tân, chứa đầy phép lạ chẳng bao lâu đã hết mùa trọng vọng. Bây giờ cầm một trang chữ đánh máy, dù nội dung là một đơn từ khiếu nại chứa đựng một câu chuyện éo le hay một bài thơ tuyệt tác của Tagore, Byron hay Apollinaire, Akhmatova, người ta cũng đã thấy thoáng chút ngại ngùng. Miệng đã quen ăn của ngon, mắt đã quen nhìn cái đẹp mất rồi!

Chẳng còn được trọng dụng như xưa, biết làm thế nào được, nhưng còn một năm nữa mới đến tuổi nghỉ hưu và cũng nên tận dụng, hơn nữa cần phải tỏ ra là người ăn ở có tình nghĩa, biết đến công lao của người đi trước; vì vậy cơ quan chủ động đặt vấn đề và ông Sùng vui vẻ tiếp nhận. Ông Sùng vẫn làm việc với cái máy Optima, chiến binh vẫn cưỡi con ngựa già ra trận, nhưng thay vì đánh máy những trang bản thảo văn thơ ra tấm ra món, nay ông chỉ còn đánh những công văn lặt vặt trong nội bộ cơ quan thôi.

Làm sao có thể cưỡng lại *logic* và lịch sử? Mà cưỡng lại làm gì! Con người có quyền mong muốn được hưởng lợi nhiều hơn. Nhưng con người cũng nên thường xuyên làm mới tài sản nội tâm của mình để hiểu rằng, công bằng mới thật sự là lẽ cao cả mà họ phải chấp thuận. Ông Sùng nghĩ vậy và ông bằng lòng với công việc được giao, một công việc nhỏ mọn, nay càng nhỏ mọn vì đã mất đi ý nghĩa thực dụng rồi.

Tạch tạch tạch... Cột cột cột... Thời gian không hiện diện. Thời gian đang hóa thân vào tiếng những con chữ va đập một hiệp âm nhỏ giọt đều đều từ tay ông Sùng sản ra. Tiếng máy chữ của ông Sùng đang chứng tỏ một điều quan trọng nữa, bên cạnh sự chuyển động gấp gáp, những tốc độ chóng mặt, cuộc sống còn một dạng tồn tại nữa là sự điều hòa, tuần tự nhi tiến, nhỏ giọt, giống như một sự tích tụ, thẩm thấu hằng ngày.

Tạch tạch tạch... Tiếng những con chữ đập vào mặt giấy đều đều là sản phẩm được tạo ra từ những ngón tay của ông Sùng. Những ngón tay thô tháp thuần thực, lành nghề đến mức có thể nghĩ chúng làm việc trong một cơ chế tự động hoàn toàn. Không còn là biểu hiện của lao động có ý thức, tiếng những con chữ đập vào mặt giấy đã thoát xác, chỉ còn là những âm thanh bay bổng, khai triển từ một nguồn thần lực trù

tượng nào đó mà thôi. Có cảm giác thật là như thế, vì đôi lúc ngoảnh lại nhìn ông Sùng, tôi thấy mặt ông lặng tờ, mắt ông nhắm tịt, ông đang ở trong trạng thái ngưng thần, mất ý thức, bị thôi miên; trong khi những ngón tay ông như tự thân vận động, như phản xạ vô điều kiện, vẫn mãi mê và nhịp nhàng nhấn, mổ từng nút chữ. “Công chức vốn là những kẻ dễ bị thôi miên nhất. Chỉ cần làm cho họ nghĩ tới công việc là họ có thể ngủ thiếp đi liền.” Tôi nhớ tới lời một nhà thôi miên, cùng lúc bên tai tôi vang vang lời cô Lữ thủ quỹ tóc dài, ngực nở, mắt lóng lánh, tay đang mở két sắt, ngoảnh mặt sang cất tiếng lạnh lót gọi ông Sùng:

- Này, “cuộc đời chỉ có gang tay, ai hay ngủ ngày chỉ có nửa gang”. Dậy đi chứ, ông Sùng!

Rồi vẫn thấy ông Sùng không hề động dậy thân mình, cô liền quay sang tôi, cam đoan với tôi rằng, ông Sùng vẫn đang trong cơn mê thiếp.

- Đấy, có nghe thấy tiếng lão ấy ngáy không? - Cô Lữ nói.

Cô bảo, ngồi cạnh ông cả hai chục năm nay, cô đã thấy ông như thế. Nghĩa là ông vừa đánh máy vừa ngủ, ngủ và làm việc, cả hai việc song hành một lúc.

- Lão ấy ngủ thật đấy! - Cô Lữ nhấn mạnh. - Mọi người nói gì lão cũng không biết đâu!

*

Ông Sùng vừa ngủ vừa đánh máy, ông ngủ trong khi thực thi bốn phận. Hay là trong ông có hai cơ chế cùng lúc hoạt động? Thì đã chẳng có chuyện bộ đội ta hồi đánh Pháp, một quá có lúc vừa hành quân vừa ngủ đó sao! Nghĩa là chân cú

bước và trí não cứ vào cơn mê thiếp. Nghĩa là việc này chẳng hề ảnh hưởng tới việc kia. Hay thật sự ông bị chìm ngập trong giấc miên trường, vì lý trí thắng hoa biến hóa thành cơn đam mê mang tính bản năng vô thức? Nhưng mà thôi, quan trọng là cái đích. Lợn con đến chợ thì củ chuối cũng đến chợ. Mỗi người một cách đi tới. Ông Sùng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Khác người chẳng là ở chỗ, ông vừa ngủ vừa làm việc và chẳng hay biết gì xung quanh thì cũng là một phong thái sống riêng của ông, nào có phương hại đến ai!

Ông Sùng không hay biết người ta đang bàn về nhân sự các chức vụ lớn của quốc gia, nhân cuộc họp thứ sáu của Quốc hội khóa X. Chuyện quốc gia đại sự ấy cũng như việc cá ba sa, cá tra của ta bị Hiệp hội Cá nheo Hoa Kỳ vu cáo là bán phá giá ở nước họ làm cho họ thiệt thòi, ông nào có hay biết.

Ông không hay biết mà hình như cũng chẳng có nhu cầu được biết lý do vì sao người Israel, con dân của Đức Chúa Jesus lại đánh nhau triền miên mấy chục năm như thế với người Palestine đạo Hồi. Bin Laden, trùm khủng bố quốc tế còn sống hay chết dưới màn mưa bom bão đạn của Mỹ ở Afghanistan. Công ty viễn thông khổng lồ WorldCom Hoa Kỳ làm ăn gian trá vừa đệ đơn xin phá sản rồi cuộc sẽ là thế nào, ông cũng chẳng bận tâm.

Sung sướng quá một người sống ở giữa đời mà chẳng cần biết đến những rắc rối, eo sèo, phiền toái ở ngoài đời. “Sung sướng quá được hái quả dại trong rừng.” Nhìn ông, ta có thể nghĩ đến câu thơ nọ của Szymborska, nữ thi sĩ Ba Lan, được giải thưởng Nobel. Con người sống khép kín với bản thể mình, xa cách và không chịu sự chi phối của ngoại vật, của số đông thì cũng là một cách sống ung dung tự tại chứ sao!



Ấy thế, ông Sùng là kẻ vô tư. Việc to đến việc nhỏ, việc ở xa cũng như việc ở gần, ông cũng chẳng bận tâm. Ở ngoài cuộc tất, ông chẳng hay biết những việc xảy ra ở cơ quan ảnh hưởng sát sườn đến mọi người và đang trở thành đầu đề bàn tán của đám công chức trẻ già hơn ba chục con người chúng tôi. Ông bỏ ngoài tai tất. To như chuyện ông giám đốc vừa tậu một biệt thự bốn tầng rất nguy nga ở giữa làng hoa Nghi Tàm ngoại ô, giá những ba tỉ đồng. Tiền đâu ra? Lấy từ nguồn nào ngoài công quỹ mà vừa rồi ông lại còn cho hai đứa con, một du học ở Mỹ, một đi Nga. Ông đang giàu sụ lên? Cả tay trưởng phòng Kế hoạch in. Cả tay phó giám đốc Kinh doanh nữa. Không hà lạm vào công quỹ thì là gì? Trong khi đó nhiều anh em sắp rơi vào diện xóa đói giảm nghèo vì ngoài lương cơ bản ra cả năm nay không có lấy được một đồng tiền thưởng gọi là có. Nhỏ như chuyện cô Thúy tạp vụ chồng bí mật lấy vợ hai vừa đẻ một thằng con trai có cặp mắt lé rất giống ông Liễn trưởng phòng, trong khi đó lại nhận một chiếc xe máy, hai cân tam thất của tay trưởng phòng Kế hoạch in. Ngoại tình bồ bịch đang là một thời thượng. Đời sống đang tiến lên hay đang thụt lùi, trong khi cơ quan mấy chục móng mà phát hiện ra gần mười cặp đã có cơm lại còn thích ăn quà!

*

Ông Sùng vừa đánh máy vừa ngủ. Ông ở ngoài dòng thời thế. Ông không đoái hoài tới cả thời gian, cả sự mong manh lẫn tính vĩnh cửu của nó. Ba tháng hè năm nay gần như đã mất hẳn tiếng ve sầu kêu ra rả vì mưa đổ âm âm gần như suốt tháng Sáu, tháng nóng nhất của mùa viêm nhiệt. Ông không biết đến cơn gió đi qua ngõ đòng đình đứng đỉnh là đặc trưng

của mùa thu đã tới với bao xao xuyến, e ấp ngổ ngàng. Đành là vậy. Nhưng không chỉ có vậy. Ông Sùng ngủ trong lúc làm việc và ông quên luôn bản thân mình, con người mình, tiểu sử đời mình.

Tập thể đồng nghĩa với một đám đông các cá thể phát huy cao độ thói đồ kỵ, hay ghen ghét dòm dỏ lẫn nhau. Ông Sùng không ở ngoại lệ, ông cũng là đối tượng để người ta soi mói, bàn bạc. “Lão già “xỏ nhâm giày”!” Chính là bà Oanh, một người phụ nữ đẹp, tai quái, nhân tình của ông giám đốc, trưởng phòng In của Nhà xuất bản, tặng biệt danh đó cho ông! Biệt danh có mùi vị xú danh nọ là để chỉ định một lầm lỗi nặng nề về chính trị của đời ông, đời cha ông. Bà Oanh, tệ hại thay, lại là người cùng làng với ông. Bà kể: “Thì chính mắt tôi đã thấy thằng cha Biên, bố ông ta, năm 1953 mặc bộ quân áo lính vàng khè, đeo lon trung úy ngụy về làng thăm gia đình trước khi bám đít quan thầy nó là bọn đế quốc Pháp tếch vào Sài Gòn.” Chà chà, thế hóa ra ông Sùng là con một kẻ theo địch, con một tên Việt gian. Ấy thế nên cũng đi bộ đội thời đánh Pháp, rồi cũng được đi đào tạo ở đại học rồi đấy, có bằng cử nhân Văn khoa hẳn hoi rồi đấy mà vẫn chỉ là kẻ “xỏ nhâm giày”, đi con đường trái nước ngược gió, quýt làm cam chịu, mang tội tổ tông nên cuối cùng danh phận cũng chỉ là anh nhân viên đánh máy quèn, xếp hạng bét trong giai tầng xã hội. Trong khi đó, ông giám đốc chưa qua lấy một ngày vác súng đánh giặc, xuất thân chỉ là anh thợ nề, từ lúc được bầu vào Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở là cứ lên như diều, sắp tới nghe đâu đang được dự định đưa đi đào tạo cục trưởng Cục In ấn, Xuất bản.

Mắc tật khiếm thính, bùng tai giả điếc hay buồn nản chán chường thây kệ sự đời mà ông Sùng không hay biết cả đến những lời đàm tiếu của các đồng nghiệp về mình? Từ cái dáng

vẻ già nua, xưa cũ, thói quen vừa đánh máy vừa ngủ đến cái thú riêng tư nói năng văn vẻ và thích làm thơ của ông. Những bài thơ ông làm và những câu nói của ông cũng là đề tài để người ta đem ra giễu cợt. “Đời tôi chỉ có thơ và L.” Đó là một tuyên ngôn có màu sắc bí ẩn của ông. Thơ thì rõ rồi. Ông có đến một trăm bài tứ tuyệt, toàn loại thơ tức cảnh sinh tình. Nhưng còn L.? L. là Loan, tên vợ ông, một bà bán hàng quà ở chợ Hàng Da, một người đàn bà vô sinh, sỗ sê như cái đụn rạ, động mở miệng là chê bai ông dở người, cảm hấp và bất lực nên mới đây đã chủ động viết đơn đòi ly dị ông. Hừ, nhưng nếu sự đòi đơn giản thế thì nói làm gì. Vì L. còn có thể là ai nữa chứ! Lũy chẳng hạn? Ôi Lũy, cô thủ quỹ trẻ tuổi, tóc dài như suối, mình mẩy mỡ màng, mặt tươi hơn hớn, cô học trò được ông truyền nghề đánh máy! Lũy đẹp phần thực thế mà phúc phận kém cỏi, hai đời chồng đều chẳng ra gì. Người thứ nhất, nghiện ma túy chết. Người thứ hai đang lĩnh án tù hai mươi năm vì dính dáng đến một vụ buôn bán phim ảnh đồi trụy. Lũy rất có thể là cái đẹp gặp rủi ro động lòng trắc ẩn của ông Sùng lắm chứ! Lũy có thể là mối tình thâm của ông. Lũy được xếp hạng ngang với thơ. Thì ra lão già “xỏ nhầm giày” này còn là một gã đa tình vẫn vợ. “Rõ ốch chẳng mang nỗi mình ốch lại còn làm cọc cho rêu! Rõ c. nát còn đời có chóp chưa!” Bà Oanh chế giễu ông Sùng cay độc vậy. Bà bảo: “L. là Lũy đứt đuôi con nòng nọc rồi, chứ chả lẽ nó là cái của nợ ấy của tổ à? Hé!” Chúng cứ là câu thơ lão làm đây: “Anh ôm em và ôm cả mái tóc dài của em.” Rồi bà cười khàn khạch: “Có phải lão ngủ khi gõ máy chữ đâu, lão mơ tưởng cái L. đấy. Nhưng cái L. nó có để ý đến lão làm thêm!”

Chẳng cần biết đến mọi chuyện của thiên hạ, kể cả những lời bàn tán về thân phận mình. Vì chán nản lắm rồi, vì tuyệt vọng hoàn toàn rồi? Là thế chẳng tâm sự của ông, tấn bi kịch nhân sinh được thể hiện trong một cá thể thông thường phổ biến? Hay đó là thái độ điềm tĩnh, chấp nhận của ông? Thì cũng có gì là lạ đâu. Xã hội không phải là một thực thể thống nhất, xã hội chỉ là một thực thể thống nhất xác suất thôi. Có nghĩa là con người còn bị chia tách, nhưng trong khi đó, sống chung với nhau lại là một tất yếu không thể tránh được. Nghĩa là phải sống với người khác trong cùng lúc sống với chính mình. Nghĩa là tự do của mình, thế đó, chỉ được sử dụng thật xứng đáng khi nó phát triển theo thiên hướng tự nhiên, tức hài hòa với mọi người thôi.

Hay ông Sùng là con người an nhiên với số phận của mình, vì từ bản tính tự nhiên, ông bằng lòng với mọi sự an bài? Tri túc, thường túc. Biết đủ là đủ. Nghĩa là trong khi phần lớn đời mọi người được đồ thị hóa bằng một đường cong vút lên cao, biểu hiện tham vọng, rồi từ từ hạ xuống do thỏa mãn hay thất vọng, thì đồ thị đời ông chỉ là một đường thẳng nằm ngang, bình lặng, đều hòa. Ôi, ông Sùng, bạn vong niên, đồng thanh tương khí của tôi! Ông Sùng dẫu thế nào cũng vẫn là điều ẩn mật chưa được giải tỏ. Và thú vị thay, tôi nhận ra người quyết tâm làm sáng tỏ điều ẩn mật này lại là cô Lữ học trò của ông.

“Anh có thấy lão Sùng giống loài chim không?” Một hôm, đột ngột Lữ bảo tôi. Và không để tôi kịp ngạc nhiên, cô đã ghé tai tôi, giải thích: “Những con chim di trú, bay về phương Nam tránh rét khi mùa đông về ấy. Anh có biết không? Chúng vừa bay vừa ngủ. Vì chỉ có thế chúng mới có thể bay ngày này qua

ngày khác để đến đích được. Chỉ có thể chúng mới có thể bay tới đích xa tít cả vạn cây số được!”

*

Ôi, những con chim di trú! Đó là những con chim từ phía Bắc nước Mỹ khi mùa đông băng giá về, họp lại thành từng đoàn, vỗ cánh bay qua các đô thị, các cánh đồng rừng cây miền Tây nước Mỹ rộng lớn, rồi vượt biển Mexico, đường trường có đến cả mấy vạn cây số, để đến đích là bờ biển Panama ở Nam bán cầu đầy ánh mặt trời ấm áp. Trong những loài chim bay tránh rét ấy có giống chim ong bé tí xiu, cánh như hình chiếc chong chóng của máy bay trực thăng, có thể vỗ liên tục tít mù hàng chục giờ đồng hồ liên, chẳng biết đến ngưng nghỉ, mệt mỏi là gì.

Những con sếu ở sa mạc Gobi cũng vậy. Mùa đông tới, nhiệt độ ở sa mạc lớn nhất hành tinh này tụt xuống âm sáu mươi độ. Còn có cách nào hơn là đàn sếu phải cất cánh bay về xứ sở nóng ấm mặt trời là đất nước Ấn Độ xa xôi kia! Nhưng đường bay của chúng đâu có ngắn ngủi! Nó dài những hai ngàn dặm! Vậy là đàn sếu phải họp đoàn, rồi hướng về phương Nam, cùng cất cánh. Và trong khi bọn chim ong tí hon trên kia phải vượt qua biển Mexico rộng bao la thì những con sếu cẳng dài cánh lớn ở đây phải vọt lên cao để bay qua sơn mạch Hymalaya trùng trùng thành lũy có độ cao bình quân bảy, tám ngàn mét, tiêu biểu là ngọn Everest tám ngàn bốn trăm bốn mươi tám mét chọc trời ngạo nghễ quanh năm tuyết đọng mây che. Núi tiếp núi giăng hàng hiểm trở suốt ba tuần liền dưới cánh bay của đàn sếu. Gian nan kể sao cho xiết những cuộc bay trường chinh vạn dặm của những cánh chim! Phải nương

theo chiều gió để đỡ tổn sức. Phải hợp thành đội hình để nương tựa lẫn nhau. Thực tiễn đã chứng tỏ lũ sinh vật có cánh này có thể nhịn ăn cả tuần, vì đã dự tính nên khôn ngoan tích tụ chất bổ dưỡng trước chuyến bay xa; nhưng còn nghỉ ngơi, dưỡng sức, ngủ nghỉ? Vậy là phải tìm cách tồn tại trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất. Nghĩa là, vẫn cứ được ngồi nghỉ thoải mái mà vẫn cứ chuyển động theo nhịp cánh bay, vẫn bay theo nhịp cánh vỗ khoan thai, từ tốn, thậm chí điều hòa dừng đứng, nhưng đó sẽ không phải là cuộc dẫn thân phiêu lưu mạo hiểm mà là cuộc bay theo phương châm “khắc đi khắc đến” quả cảm và tự tin! Vì cuối cùng hiện lên dưới cánh bay của đàn sếu sẽ là đất nước Ấn Độ nóng ẩm nhiều hoa thơm quả ngọt. Và những con chim ong cũng vậy, chúng cũng không bị rút xuống biển Mexico đâu; vừa bay vừa ngủ thiếp đi, nhưng như *Kinh Thánh* đã dạy: “Kẻ đi tìm sẽ thấy.” Chúng cũng sẽ đến bờ biển Panama, ở đó có loài hoa tím cánh to, nhụy đầy mật; ở đó, ngay trên bờ cát, trong những đám rong từ biển dạt vào, có vô số mồi ăn là bọ tôm tép.

Thế còn những con ngỗng trời đang giăng hàng bay qua mặt hồ lớn của thị trấn quê hương tôi đây, chúng bay đi đâu, chúng có đến được cái đích chúng đang kiếm tìm?

Chiều cuối thu nay, ngồi ở bãi tắm bên hồ, ngược lên cao, tôi hỏi ông Sùng. Ông Sùng bảo, chắc nó bay về đồng bằng sông Cửu Long thuộc Nam Bộ nước ta. Mùa hè đã qua, các nhà nghỉ đều đã lần lượt khép cửa trước các viên chức nhà nước. Số phận hẩm hiu lại thuộc về tôi và ông Sùng. Chúng tôi là những kẻ đến nhà nghỉ bên hồ này chậm nhất, như bản tính và thói quen lề mề của chính mình.

Nhưng như vậy thì có sao đâu! Con người luôn biết cách tạo ra niềm vui cho chính mình. Cởi bỏ bộ áo bà ba nâu thẫm và cái mũ len màu kiến vớng giống cụ từ giữ đền hay nhà sư, ông

Sùng đội mũ cát kết trắng, đi *xăng đan* da trắng, mặc áo phông và quần soóc trắng. Thêm chiếc máy ảnh Canon móc lưng lửng ở ngón tay, thoát cái đã thấp thoáng ở nơi ông bóng dáng người đàn ông sành điệu hào hoa. Ra khỏi cái góc nhà nhĩm không khí ngái ngủ, vẻ như đã thoát khỏi cái xác phàm ù ì chậm chạp, ông chan hòa với cảnh quan xanh tươi của vùng hồ.

Hai ngày liền, ông Sùng rủ tôi tắm hồ xong là thuê thuyền bơi ra hòn đảo ở giữa hồ. Ở hòn đảo ấy có một căn nhà sàn cho khách thuê phòng trọ qua đêm. Khách ở đây có thể thuê cần câu câu cá và nấu ăn lấy ở ngoài trời. Đã là cuối mùa nghỉ. Căn nhà sàn chỉ có hai chúng tôi là khách trọ và cô đơn trong trò chơi câu cá hồ. Đã tưởng là phải chấp nhận thiệt thòi trong cảnh sắc vắng vẻ, hóa ra chúng tôi lại may mắn được gặp mùa thu trọn vẹn, với hình hài nguyên thủy, thuần khiết nhất của nó.

Trống vắng chế ngự cả một mặt hồ rộng rung rinh, đẩy bốn bờ ra xa tít tắp, mùa thu hào phóng chất đầy tĩnh lặng quanh chúng tôi và nói rộng trời mây đến vô cùng. Im lặng, hoa cúc quỳ vàng hoe nở hết mình trong các bụi cây lực lưỡng bên hồ. Ôi, hoa cúc quỳ “vạm vỡ vàng tươi mà ta thì mảnh khảnh”; đó là câu thơ của thi sĩ Trần Quốc Thực tôi sức nhớ khi chợt nhìn thấy cúc quỳ bên những biệt thự mái đỏ chót màu hoa dong riềng ẩn hiện sau những cánh rừng thông lá nhọn mới gây trồng. Quanh hồ là con đường lát bê tông dài mười ba cây số êm ả như một đường chỉ thêu. Giống như những chiếc nấm sặc sỡ là những chiếc ô dù ở các quán giải khát ven hồ. Mỗi chi tiết cảnh vật ở đây đều tựa tựa một đồ vật đã qua chọn lọc trong một căn buồng được bày biện theo một ý niệm tiên thiên bí hiểm. Bí hiểm như ngọn gió thu từ một nơi nào đó trên trời cao đột ngột rót xuống, luồn qua làn áo lót, thoa vuốt hai bên sườn tôi, cho tôi một cảm giác đê mê, khiến tôi đưa mắt nhìn

ra bỗng thấy mặt hồ như chao nghiêng và ánh lên màu xanh óng ánh của thứ *xa tanh* cao cấp. Quên hẳn đang là buổi hoàng hôn một ngày thu ngắn ngủi, bốn phương trời trong chốc lát như bừng dậy làn ánh sáng bình minh non tươi của thuở mới khai thiên!

Nghe thấy tiếng không khí trên cao như đang vỗ nhè nhẹ từng vụn nhỏ, tôi ngẩng lên và nhận ra, trên thiên đình, một đàn ngỗng trời đang dang hàng thành hình chữ V mềm mại yên bình vỗ cánh bay qua. Đàn ngỗng trời bay về phương Nam tránh rét! In xuống mặt hồ trong suốt lúc này là hình ảnh âm bản của những dải cánh trắng lóa và huyền ảo, chúng đang lặn lẽ nhích dần qua lớp phong màn là vòm trời xanh mơ lộn ngược dưới đáy hồ. Những con ngỗng trời đã vào cuộc, đã hiểu rõ nỗi khó nhọc đường trường, đã biết tự lo liệu, đang bay theo phương cách, lựa theo chiều gió, vừa bay vừa dưỡng sức; im lặng, chúng giống như một mũi tên tự tin, bay thẳng tới đích xa!

- Đàn ngỗng này đúng là những thi sĩ có cánh tự do và lãng mạn vô cùng. Chúng đang bay về miền Tây châu thổ sông Cửu Long đó. Cha tôi hồi xưa chưa vào Nam hoạt động bảo tôi vậy. Miền Tây châu thổ sông Cửu Long là một vùng sông nước. Một năm chỉ có hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Ở đó, tôm cá nhiều vô kể. Có những đìa, người ta phải rẽ cá để lấy nước. Khách đến nhà, bắc nồi lên rồi mới ra sau nhà, lội xuống kênh bắt cá.

Trả lời câu hỏi đàn ngỗng trời nọ bay về đâu của tôi, ông Sùng đáp vậy. Rồi ông mỉm cười. Chắc là ông nhớ tới cái cách ví ông giống những con chim di trú của cô Lũy.

- Không phải bây giờ khi bố tôi đã trở về trong chức vị thiếu tướng tình báo Quân đội Nhân dân Việt Nam, sau gần ba mươi năm hoạt động trong lòng địch tôi mới nói, nên anh có thể bảo tôi là nói phách gập dẹo đâu.

Miệng tủm tủm cười, ông Sùng nói tiếp:

- Không bao giờ, chưa bao giờ, vâng, chưa bao giờ tôi nghĩ cha tôi là viên trung úy ngự quân từ phần xác đến phần hồn cả. Thơ cho tôi niềm tin tưởng, sự trong sạch cao thượng. “Anh ôm em và ôm cả mái tóc dài của em!” Tình yêu cho tôi lối tắt tới Thiên đường. Chính là cô ấy đấy. Khi cô ấy buồn vì đời bất hạnh, tôi nói: “Còn những người đàn ông im lặng như ngủ quên giữa cuộc đời, nhưng thật ra là rất tốt, cực kỳ tốt đang chờ em phát hiện đấy, L à.” Tôi nói thế có đúng không, có tự thị, có ái kỷ quá không, anh?

5/8/2002 - 10/10/2004

MỤC LỤC

MẤY LỜI THƯA CÙNG BẠN ĐỌC.....	5
KHI NHÀ VĂN ĐÀO SÂU VÀO BẢN THỂ TÂM HỒN (VỀ TRUYỆN NGẮN MA VĂN KHÁNG)	7
VỆ SĨ CỦA QUAN CHÂU	27
MÓNG VƯỢT THỜI GIAN	40
GIÀNG TẢ, KẼ LANG THANG	56
NGƯỜI THỢ BẠC Ở PHỐ CŨ	74
TRUNG DU, CHIỀU MƯA BUỒN	87
TRÁI CHÍN MÙA THU	100
NGÃU SỰ	116
HEO MAY, GIÓ LỘNG	131
BỒ NÔNG Ở BIỂN	150
TRĂNG SOI SÂN NHỎ	167
THANH MINH, TRỜI TRONG SÁNG	184
NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ	199
ANH THỢ CHỮA KHÓA	217

CHỌN CHỒNG	235
HOA GẠO ĐỎ	251
MIỀN AN LẠC VĨNH HẰNG.....	267
NHIÊN, NGHỆ SĨ MÚA.....	283
SEO LY, KẺ KHUẤY ĐỘNG TÌNH TRƯỜNG.....	298
NỢ ĐỒI.....	318
MỘT CHIỀU DÔNG GIÓ.....	332
SUỐI MƠ.....	348
THẦY KHIỂN	366
CÁI BỔNG.....	384
MỘT MỐI TÌNH SI.....	401
CON NHÀ LÀM BÚN.....	417
CÂY BỒ KẾP LÁ VÀNG.....	427
ĐẤT MÀU	443
SAN CHA CHẢI.....	460
DAO SẮC NHỜ CÁN	478
CUỘC ĐẤU CỦA GÀ CHỌI.....	493
CHIM DI TRÚ VỪA BAY VỪA NGỦ	510

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 024.38222135

Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

<http://nxbhoinhavan.net>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Tel & Fax: 028.38297915

Email: nxbhmv.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

277 Trần Hưng Đạo - Thành phố Đà Nẵng

Tel: 0236.3849516

Email: nxbhmv.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chi nhánh miền Tây Nam Bộ

314C Hoàng Lam - Thành phố Bến Tre

Tel: 075.3812736 - 016.998.083.86

Email: nxbhvmekong@gmail.com

Chi nhánh NXB Hội Nhà văn khu Đông Bắc

114 Phố Hải Phúc - Phường Hồng Hải -

TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Tel: 090.3409142 - 091.4660592

ĐƠN VỊ LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH



Trở lại thư viện
DINH TI BOOKS
SHARING KNOWLEDGE, RECEIVE BELIEF

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐÌNH TI

Trụ sở chính:

Số 14-A11, KĐT Đầm Trấu, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

ĐT: (+84)24. 39 334 889 Fax: (+84)24. 39 334 943

Website: www.dinh tibooks.com.vn

Email: contacts@dinh tibooks.com.vn / sales_hn@dinh tibooks.com.vn

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh:

Số 78 đường số 1, P. 4, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (+84)28. 35 886 686 Fax: (+84)28. 35 886 687

Email: sales_hcm@dinh tibooks.com.vn

MA VĂN KHÁNG

100 truyện ngắn ❶

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập : NGUYỄN THỊ ANH THU

Bìa : KIM DUẨN

Chế bản : DƯƠNG THÙY

Sửa bản in : THÙY DƯƠNG - PHẠM NHÀN

In 1500 cuốn khổ 16cm x 24cm - Công ty CP In và Thương mại Quốc Duyệt

Đ/C: Số 9 ngách 130/1 ngõ 130 Đốc Ngữ, Ba Đình, Hà Nội

Xưởng in: Trại cầu N25, đường Tân Xuân, P. Đông Ngạc,

Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Số ĐKXB: 1712-2017/CXBIPH/07-46/HNV ngày 31-5-2017

Quyết định xuất bản của NXB Hội Nhà văn số: 909/QĐ-NXBHNV ngày 17-7-2017

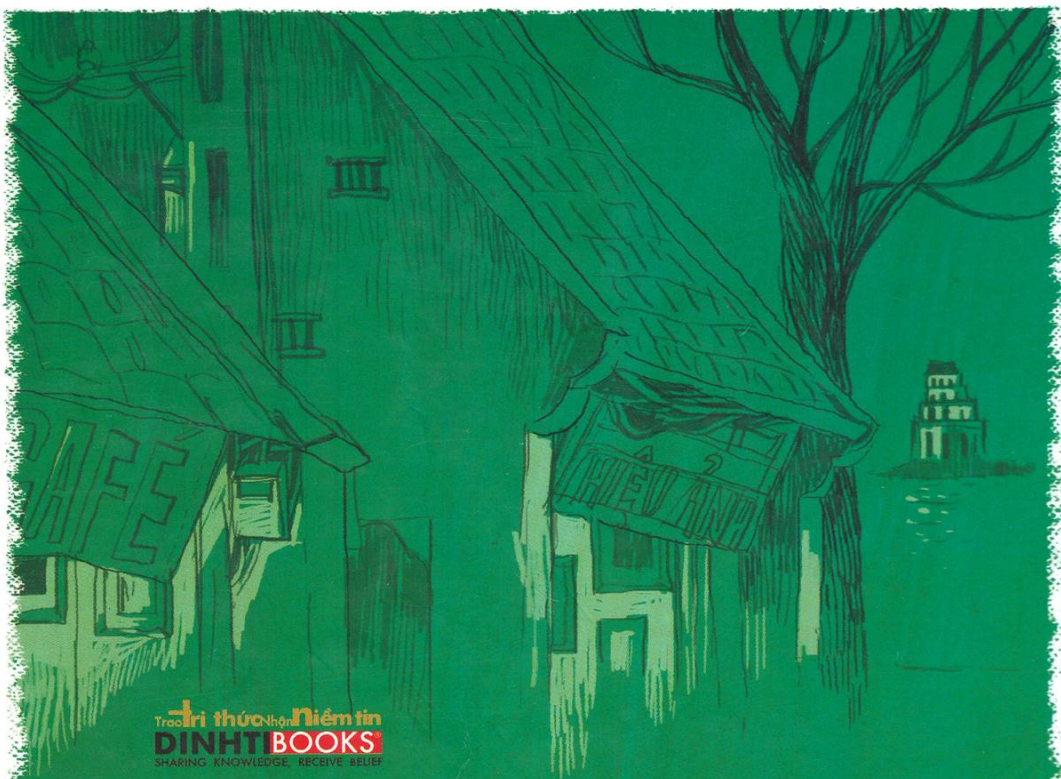
Mã số ISBN: 978-604-53-8922-5

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2017.



Các tác phẩm của nhà văn Ma Văn Kháng do DinhTiBooks ấn hành:

- *Mùa lá rụng trong vườn* (tiểu thuyết): Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 năm 2001
- *Đám cưới không có giấy giá thú* (tiểu thuyết)
- *Một mình một ngựa* (tiểu thuyết): Giải thưởng Tiểu thuyết Hội Nhà văn Hà Nội năm 2009
- *Đồng bạc trắng hoa xòe* (tiểu thuyết): Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 năm 2001.
- *Gặp gỡ ở La Pan Tản* (tiểu thuyết): Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt 4 năm 2012
- *100 truyện ngắn Ma Văn Kháng (tập 1, 2, 3)* (truyện ngắn): Tập 1 - Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt 4 năm 2012



Truyền Thừa Niềm Tin
DINH THỌ BOOKS
SHARING KNOWLEDGE, RECEIVING BELIEF

“Ma Văn Kháng là nhà văn của cái đẹp trong dòng đời sinh hóa bình dị, hồn nhiên, cái đẹp trong niềm hạnh phúc được làm người với ý nghĩa đích thực của nó chứ không phải là cái gì khác.”

PGS. TS. Lã Nguyên

“Nhà giáo - nhà văn Đinh Trọng Đoàn đã đem đến cho người đọc bao nỗi băn khoăn, day dứt, trăn trở về thế sự nhân sinh qua những tác phẩm in đậm phong cách của một cây bút văn xuôi này, xem nó là một trong những yếu tố cần thiết, quan trọng tạo nên sự hấp dẫn riêng trong truyện ngắn của ông.”

TS. Đỗ Phương Thảo



Giá: 145.000đ

Hãy cùng chúng tôi
bảo vệ quyền lợi của tác giả và bạn đọc
bằng cách nói **KHÔNG** với sách lậu.



ISBN: 978-604-53-8922-5